tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 11

15 tháng 5 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014

nguyệt san

VIỆT VĂN MỚI

văn học nghệ thuật

số 11

15 tháng 5 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký toà soạn : Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 11

15 tháng 5 năm 2014

với sự góp mặt của :

. hồ thủy . lê văn thiện . nguyễn tam phù sa . mang viên long . dung thị vân . đàm lan . qúy thể . nguyên thường . lý thị minh châu . hoàng yên linh . văn thành lê. bàng ái thơ . hoà văn . nguyễn mai . phan trang hy . đinh hương . tiến thảo . trần thanh chương . nguyễn lệ uyên . như hoài . phan chính . hoàng gia cương . từ kế tường . nguyễn văn thơ . trần hữu hội . lương văn hồng . lê phương châu . nguyễn thăng . bùi đức long . vũ thảo ngọc . dương phương toại . khải nguyên . hoàng bích nga . hạ giao . phong linh . vũ đảm . vũ kiêm ninh . lê thị thanh tuyền . phan thành minh . lê thu thùy . bùi thu thủy . lê vũ trường giang . lý viễn giao . lê xuân quang . phùng thành chủng . quân tấn . nguyễn hiệp . trần vấn lệ . bùi ngọc minh . bút xuân trần đình ngọc . mai thục . kiêm thêm . huyền viêm . kiều văn . từ vũ . nguyễn khôi . võ công liêm .

tủ sách việt văn mới 2014

ĐÔI MẮT TRONG VEO.....

truyện ngắn

HỒ THỦY

Anh lật qua lật lại xấp bài của học trò; nữa muốn chấm nữa không...sau đó thì anh chắc lưỡi tự nhủ: "cũng không gấp gì mấy vì đến ngày mốt mới có giờ của môn vân này"; rồi anh lại hẹn thầm trong lòng: "ngày mai chấm cũng chưa muộn; ngày mốt học trò của mình sẽ được biết điểm...gấp gì".

Chiều nay anh cảm thấy lòng mình buồn buồn làm sao ấy, nó cứ lênh đênh chơi vơi, nó cứ lững lơ rồi lơ lững; giống như cái bụng nữa đói muốn ăn, nhưng lại còn no nên làm biếng, vậy nên chi anh lại...ra ngẫn vào ngơ miết không thôi. Thật tình thì anh cũng muốn ra quán uống một ly cà phê cho tỉnh táo; nhưng lại lưỡng lự ngại phải thay đồ, phải ra khỏi phòng; phải khóa cửa rồi còn...có nhiều thứ "phải" làm anh chùn chân và cuối cùng...là đi loanh quanh trong phòng để suy nghỉ...lung tung. Đã một tháng nay; kể từ ngày anh về đây dạy học, tâm tư anh thường hay bối rối vì một đôi mắt trong veo của một cô học trò ngồi giữa lớp; đôi mắt có nét quen thuộc của một đôi mắt ngày "xa xưa ấy"; đã làm anh vương vấn mãi và bây giờ thì đâm ra...nhớ.

Nhớ quanh nhớ quẩn, anh lại nhớ ngày hôm kia là thứ bảy, buổi chiều đang ngồi uống cà phê một mình ở quán cóc bên đường, tình cờ gặp hai người Thầy già dạy cùng trường: đó là Thầy Minh và thầy Hoàn; tuy là bạn đồng nghiệp nhưng...vong niên của anh; cả hai thầy vừa mới "được" nghỉ hưu; lần lượt mỗi người cách nhau hai tháng. Thấy anh ngồi một mình; hai ông ghé vào và kéo ghế ngồi với anh. Cả hai người dù tuổi tác cách xa anh, nhưng vì là đồng nghiệp nên

5 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

bổng dưng cảm thấy gần gủi với nhau đến lạ kỳ. Cùng nhau huyên thuyên một hồi, cười vui xởi lỡi một hồi rồi đột nhiên cùng ngồi thinh lặng ngó mông ra đường và thấy buổi chiều đang sụp xuống rất nhanh, Thầy Hoàn tự nhiên thở dài một cái khá mạnh, nhíu đôi chân mày rồi than:

- Nghỉ chuyện đời bây giờ...lòng tôi sao mà buồn quá thầy trẻ à. Nhớ thủa "xưa" khi tôi mới ra trường rồi đi dạy...thích lắm khi được mọi người nhìn mình một cách trân trọng và chào mình rất kính phục: "Dạ...chào giáo sư", lúc đó tôi còn trẻ măng...

Thầy Minh cũng đăm chiêu nhớ về quá khứ; tiếp lời:

- Anh nhắc lại làm tôi cũng thấy buồn cho thời bây giờ... ôi; không làm sao bằng thời trước được. Danh xưng dành cho thầy cô giáo rất là quan trọng. Ngày xưa khi dạy trung học bắt đầu từ lớp sáu; các thầy cô được gọi là "Giáo Sư"; nghe thật là trang trọng, chứ không như bây giờ cứ là "giáo viên"...

Thầy Hoàn lắc đầu ngao ngán:

- Bây giờ ấy à...từ cấp tiểu học lên đến lớp mười hai vẫn gọi là giáo viên, nghe nó...còm cỏi thế nào ấy mặc dù anh đang dạy lớp mười hai, thời của chúng mình còn là học sinh thì được kêu là lớp đệ nhất, nghe to lớn và chững chạc lắm, không như bây giờ chỉ gọi đơn giản là lớp cuối của cấp ba. Thi cuối cấp ngày đó kêu là thi Tú Tài ...trời ơi chỉ với cái chử "bằng Tú Tài" thôi mà đã cảm thấy mình trưởng thành rồi, đâm ra phải sống cho thật tử tế để xứng đáng là một cậu Tú. còn bây giờ ấy à..."tốt nghiệp cấp ba" nghe yếu xìu như...tốt nghiệp cấp một...cấp hai...chỉ nhỉnh hơn đứa con nít một chút thì làm sao mà học trò chúng nó...thành người lớn cho được kia chứ.

Đến lượt thầy Minh than:

- Vậy mà chẳng có một ông nào làm trong ngành giáo dục chịu hiểu dùm cho một điều rất đơn giản nhưng cũng rất quan trọng rằng: cách dùng chữ ảnh hưởng rất nhiều đến sự trưởng thành của lớp trẻ, cũng giống như vai trò của một người thầy; người cô với danh xưng là Giáo Sư thì cũng cảm thấy mình có uy với học trò; làm cho học trò nể...; vậy nên mình cũng...dễ dạy các em. Còn từ Giáo Viên thì chỉ để dành cho các thấy cô dạy các em bậc tiểu học vì chúng nó còn bé xíu, sẽ tạo cảm giác gần gủi đối với những đứa học trò nhỏ...

Hai thầy nói nhiều lắm, kể chuyện "ngày xưa ấy" nhiều lắm, nhất là khi hai thầy bàn luận về sách học, về cuốn "Quốc văn giáo khoa thư" ngày ấy; sao mà hay thật là hay,...rồi những bộ sách của các lớp mà thằng anh học xong để dành cho con em, con em học xong để dành cho...đứa em nhỏ hơn...chỉ cần mỗi lớp mua một bộ sách mà thôi, là cứ đứa lớn chuyền cho đứa nhỏ...cha mẹ không phải tốn tiền mua "lung tung xà beng" các thứ sách như bây giờ...Ôi chao; năm nào cũng cải cách, mà càng cải cách thì càng rối tơi bời, càng rối tơi bời thì học trò càng...dốt. Càng nghe hai thấy giáo già nói chuyện anh càng thấm thía và cảm thấy trong lòng thật là chua cay đắng xót.

Trời chạng vạng tối thì ba người từ giả nhau ra về; sau khi anh khẫn khoản xin được trả tiền chầu cà phê "cóc" này. Tuy không đáng là bao nhưng cũng đủ làm cho hai ông thầy giáo già cảm thấy lòng ấm lại.

Anh vẫn chưa thể chấm nổi một bài văn nào trong xấp bài tập này. Lại suy nghỉ lung tung rồi cười buồn một mình...chuyện đang làm anh bận tâm mấy hôm nay thì anh lại lơ đãng gát qua một bên, còn cái chuyện ngồi uống cà phê với hai người Thầy và nghe những lời tâm sự bực bội của hai Thầy; kể từ hôm kia tới giờ nó cứ làm cho anh ấm ức và canh cánh bên lòng như một người đang mang cái mụt nhọt chữa mãi không lành; đã không muốn nghỉ tới mà sao nó cứ vương vấn mãi trong lòng?...bởi vì...đúng là "một cây làm chẳng nên non", nhưng dù có "triệu cây chụm lại" đi chăng nữa thì cũng không thể nào làm thành "hòn núi cao" được, khi mà sự ngu

dốt nó cứ chễm chệ ngồi trên một cái ghế bành đóng bằng một loại gổ cực kỳ tốt như là...gổ "Huê", và cái đế của chiếc ghế ấy thì lại có dạng hình kim tự tháp nên không thể nào...lay chuyển nổi.

Thôi thì phải gác qua một bên sự bực bội trong lòng để nghỉ đến mối bận tâm của mình.

**

Ngày anh ra trường và may mắn được bổ nhiệm về dạy học ngay quê nhà, anh dạy môn văn cho các lớp cấp ba. Thành phố biển này thật xinh đẹp và êm đềm. trái tim anh đã thổn thức, tâm hồn anh đã rung động vì đôi mắt trong veo của một cô hàng cà phê. Mỗi buổi sáng trước khi vào lớp anh tạt vô quán của cô uống một ly cà phê sữa đá, rồi buổi chiều anh lại ghé vào uống một ly trà đá chanh đường...vừa để nhìn cô loay hoay pha pha chế chế, vừa trả lời những câu hỏi không đầu không đuôi của cha mẹ cô.

Tình yêu của anh dành cô rất nhẹ nhàng nhưng thắm thiết, mà tình yêu của cô trao cho anh cũng thật là thanh thoát và đậm đà. Họ dạo chơi bên nhau mỗi ngày rồi họ hẹn hò thề hứa với nhau đủ chuyện; đủ lời. Đại dương mênh mông sóng và biển thì dạt dào đắm say.

Cuộc sống của gia đình anh ngày càng khó khăn khi mẹ anh nay đau mai yếu, thuốc thang chạy chữa lung tung nhưng bịnh cứ rề rề không khỏi hẳn, cuối cùng thì lâm vào cảnh túng thiếu, tự nhiên chuyện tình yêu của anh và cô ấy cũng bị ảnh hưởng nên không được suông sẽ cho lắm. Vào dịp đó chú của anh về thăm quê hương; thấy vậy thương tình nên đã lo được cho anh một suất đi "hợp tác lao động nước ngoài" với thời gian là năm năm bên xứ Ăng gô loa mà ông đang làm việc.

Năm năm đi lao động nước ngoài; thu nhập bằng suốt cả cuộc đời đi dạy học, nhưng bù lại anh phải đầu tắt mặt tối để làm việc. Sau khi tính toán hơn thiệt với cha mẹ, sau khi bàn bạc kỷ lưỡng với người yêu, anh quyết định xin nghỉ dạy tạm thời năm năm để đi theo kế hoạch "cứu" người thân.

Ngày ra đi anh đã gởi lại thành phố này một mối tình rất đẹp của anh với người con gái thật xinh; kèm theo nhiều nước mắt và những lời "thề non hẹn biển". Lao động bên xứ người cũng gian nan cực khổ lắm. Anh đã nhớ nhung đôi mắt trong veo của nàng đến buốt giá con tim. Ngoài số tiền hằng tháng gởi về cho cha mẹ, anh cật lực làm thêm ngoài giờ; và nhịn những khoản chi tiêu không cần thiết để dành dụm đợi ngày về...

Ai nào ngờ...câu "xa mặt cách lòng" lại quá đúng với cô ấy. Ngày anh hết hạn hợp tác lao động, với một tài khoản không nhỏ trong nhà băng; những tưởng rằng đây vừa là tiền để cưới vợ, lại vừa có thêm một số vốn để làm ăn...

Nhưng ngày anh xách va li xuống sân bay là ngày nàng lên xe hoa; lấy một anh việt kiều nhiều tiền tuy giàu có nhưng với cái đầu hói và cái lưng hơi gù một chút. Anh buồn đến chết đi được và đã khóc nức nỡ vì: Bên nhà hàng xóm đang mở nhạc; và lời bài hát nó mới não nùng làm sao: "Chưa chiều nào buồn bằng chiều nay...mình xa nhau đã mấy trăm ngày; anh tưởng về còn trông thấy em; cho chúng mình thôt không nên lời...Bây giờ là mùa mưa rơi; bây giờ là mùa nhung nhớ...em ơi...em còn nhớ anh không?..."

Anh đưa hết cho ba má số tiền dành dụm chắt chiu của năm năm hợp tác lao động; để khi cô em út lấy chồng thì đó sẽ là số vốn của ba má và vợ chồng em gái; bởi vì anh đã làm đơn xin được lên dạy ở một miền cao nguyên xa tít. Gởi lại ba má già cho đứa em gái duy nhất; bởi vì trái tim anh vẫn còn rất đau đớn...Ôi..."làm sao mà quên được; người em gái năm xưa..." Anh sợ biển.

7 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Kể ra thành phố nhỏ bé của miền núi trên cao nguyên này có nhiều cái thật dễ thương; học trò của anh vẫn còn rất ngây thơ chất phát. Môn văn anh dạy; đôi khi anh lại đi chệch ra ngoài giáo án chút xíu cho đở khô khan cứng ngắt; nếu không nói quá đi một chút là lắm khi nó còn đâm ra ngột ngạt chán ngán. Học trò thích anh vì lẻ đó; nhưng cũng không phải là không gặp những phiền phức; điều ra tiếng vào thật khó chịu. May là anh có hai vị thầy già có cùng chung "chí hướng" giải vây dùm...nhưng hai thầy đồng nghiệp già lại vừa nghỉ hưu, thế nên anh mới buồn nhiều hơn.

Học trò tuổi mới lớn của anh ưa hỏi thầy về chuyện...tình yêu trai gái; đôi khi tìm đến nhà trọ của anh để nhờ anh..."gở rối tơ lòng...thòng". Tâm trạng của thầy giáo là anh đây đôi khi cũng bị buồn vì còn vương vấn với những kỷ niệm và hình ảnh xưa, nên sự gở rối cho học trò...lại trở thành lời tỏ bày tâm sự của thầy cho học trò nghe...

Chiều nay, chỉ còn mười phút là hết giờ dạy, anh đang kể về...chuyện "ngày thầy về lại là ngày cô ấy lên xe hoa..." giọng của anh đâm ra nghẹn ngào, anh nhìn ra khoảng sân trường còn vương chút ít nắng mà bồi hồi...

- Thầy ơi...rồi sao nữa? thầy kể tiếp đi thầy.

Anh giật mình nhìn xuống lớp;...một đôi mắt trong veo đang nhìn anh chờ đợi câu trả lời. Ôi chao;...thật bồi hồi xao xuyến khi trong lớp mình lại có đôi mắt trong veo như đôi mắt của người xưa thế nhỉ? giống quá đi thôi.

Anh hơi bối rối chút xíu rồi trả lời:

- Thì...đành phải quên thôi.

Đôi ba cậu học trò nhao nhao hỏi:

- Thầy còn đau khổ không vậy? còn nhớ nhiều không? khi mình yêu thì sự...nhớ nhung nó ra làm sao hả thầy?...

Anh lại vô tình nhìn thoáng vào đôi mắt trong veo; và câu trả lời có vẻ nặng về phần...vô thức một cách có dụng ý:

- Thầy không còn đau khổ nữa, cũng không còn nhớ nhung chi; chỉ thỉnh thoảng nghỉ đến như một kỷ niệm vui buồn...Mình còn phải để cho trái tim mình có lối đi mới chứ.

Hình như đôi mắt trong veo "hiểu" dụng ý của anh thì phải; một thoáng lướt qua nhau để rồi...ai mà biết được câu trả lời ngoại trừ hai người trong cuộc...mai sau.

**

Không hiểu sao đối với anh bây giờ; việc gặp gở để hàn huyên tâm sự với hai ông thầy giáo già về hưu như là một nhu cầu cần thiết để giải tỏa nỗi bức xúc trong lòng anh, có thế anh mới cảm thấy nhẹ lòng. Việc học ngày xưa; việc thi cử ngày nay được hai thầy đem ra so sánh phân tích rất rõ nét làm anh cảm thấy xót xa cho học trỏ của anh nói riêng; và của tất cả những ai đang khoát lên người hai chữ "học trò" nói chung.

Sáng nay Chúa Nhật; anh đến thăm thầy Minh và mời Thầy ra quán nhâm nhi ly cà phê đắng, Thầy Minh "alo" cho thầy Toàn; vẫn là cái quán nhỏ quen thuộc ở bên đường. Một vài người khách vừa uống cà phê vừa đọc báo, một vài người đăm chiêu nhìn khói cà phê bay la đà. Anh và hai thầy giáo già lại nói đến chuyện thi cử vừa rồi; những em nào đậu rồi thì...mai kia một nọ lại còn phải thi...vô đại học. Thầy Minh thở dài:

8 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- "Người ta" làm toàn những chuyện phi lý; ruồi bu không hà...ai đời các cháu vừa thi đậu cuối cấp xong; đã học đại học một ngày nào đâu mà cũng bắt chúng nó thi...vô đại học. Ôi chào; vừa tốn tiền cha mẹ cho đi học luyện thi; vừa tốn tiền tổ chức thi...lỡ như mà thi vô đại học không đậu thì có phải là "oan ôi ông địa" không cơ chứ?.

Thầy Hoàn tiếp lời:

- Ngày xưa chuyện học hành thi cử thoải mái đơn giãn; ấy thế mà lớp lớp thanh niên trưởng thành nên người hơn rất nhiều; chứ đâu có nhí nhố như bây giờ. Hễ anh học giỏi, thi đậu Tú Tài xong là anh có quyền ghi danh vào học đại học; bất cứ trường nào; khoa nào anh muốn hoặc đúng với khả năng của anh; cha mẹ chẳng phải tốn đủ thứ tiền như bây giờ.

Anh phân vân hỏi hai thầy:

- Thầy ạ; con thấy hình như bây giờ người ta đang cố tạo mọi khó khăn cản trỡ trong việc học của các em học sinh thì phải? càng khó khăn bao nhiêu thì các em; nhất là con nhà nghèo...càng thất học bấy nhiêu; và như vậy là người ta có ý đồ làm chậm tiến ngành giáo dục để dễ bề...xỏ mũi? ngày xưa khi Tây đô hộ nước mình cũng gây nhiều khó khăn cản trở những ai hiếu học...Nếu thật là như thế thì đau lòng quá.

Thầy Minh thở dài:

- Đôi khi tôi cũng có ý nghỉ như vậy nhưng ngại nói ra...mà thôi; chuyện này càng nói càng buồn. Sao rồi? lúc này em dạy học có gì lạ không?

Anh cười cười, hai tay xoay xoay ly cà phê, ngập ngừng hỏi hai Thầy bạn vong niên:

- Ngày xưa...có bao giờ con tim Thầy "bị" choáng váng bởi một ánh mắt của ai đó trong số học trò "gái" của thầy không hở thầy?

Thầy Hoàn cười lớn:

- Chà chà...biết ngay mà; thầy đẹp trai; trẻ trung như thế này...chắc là không thoát khỏi..."vòng tay học trò" rồi chớ gì?

Anh cúi đầu ngượng ngùng nhưng vui:

- Dạ...con muốn tránh lắm nhưng...trái tim nó có những lý lẽ riêng của nó thầy à...con phải làm sao đây?

Thầy Minh cười vỗ vai anh:

- Đơn giản quá mà; nếu tiến tới được thì gài số tới; nếu thấy không được thì..."quay số de". Nói chung thì điều đó không là điều "phạm qui". Quan trọng là tình cảm giữa hai người với nhau; nhưng phải xây dựng nó trên một nền tãng tốt đẹp; đàng hoàng và có thiện chí. Tuyệt đối không xem chuyện tình cảm đó như là "gió thoãng mây bay".

Lòng anh nhẹ nhàng phơi phới sau khi từ giã hai người thầy bạn vong niên. Nhất định lần này anh phải hạ quyết tâm với đôi mắt trong veo...không để mất như đã từng để mất.

**

Dì của anh về thăm quê hương, khi biết đứa cháu trai đang đi dạy học lương "ba cọc ba đồng"

9 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

ở cái miền xa xôi trên núi thì thương lắm, dì nhắn anh về cho dì thăm; cũng vừa mới nghỉ hè; và thế là có buổi họp mặt gia đình. Anh tạm thời xa cô học trò "yêu dấu" có đôi mắt trong veo; mà dự tính của anh và gia đình cô ấy đang tiến triển rất tốt đẹp.

Trong bữa cơm thân mật của gia đình; dì anh sau khi hỏi thăm cháu đủ điều, liền nói với cả nhà:

- Ở cái xứ này biết chừng nào mới khá, thôi thì để em lo cho cháu nó qua Mỹ theo diện Kết hôn giả. Dễ lắm; trước tiên em kiếm một đứa con gái ở bên đó về đây làm đám cưới giả rồi làm hôn thú với cháu; sau đó bảo lãnh nó qua Mỹ, chừng mấy năm sau làm giấy li dị...tốn chừng hai chục ngàn đô la Mỹ. Em cho cháu mượn, chừng qua đó đi làm trả nợ cho em từ từ...

Anh cười:

- Dì cho con mượn số tiền đó; con ở đây cưới vợ làm ăn cũng ngon chán...

Dì anh trề môi:

- Xí...làm ăn ở đây...cụt vốn thì có. Qua bên đó đi làm có tiền giúp gia đình vẫn dễ chịu hơn. Nếu đồng ý thì chuyến sau dì đưa về một cô, tuy hơi già nhưng cũng...coi được.

Anh cười trả lời dứt khoát:

- Thôi dì à; con cám ơn dì nhưng...ba tháng nữa con sẽ cưới vợ...

Má anh trố mắt ngạc nhiện:

- Uả...sao xưa giờ ba má không nghe con nói tới chuyện này?

- Thì bây giờ con nói đây, tháng sau con đưa ba má...đi lên cao nguyên thăm nhà cô ấy ở trên đó.

Tất cả mọi người có mặt hỏi một loạt câu hỏi:

- Ai? làm nghề gì? bao nhiêu tuổi? quen bao lâu?...đẹp xấu ra sao?

Anh phồng má, trợn mắt thở một hơi dài để trả lòi:

- Cô ấy là...học trò của con...có đôi mắt trong veo. Con mà đi Mỹ là mất luôn cô ấy...Như ngày xưa đi hợp tác lao động; ai ngờ ngày con về cũng là ngày người yêu lên xe hoa. Bây giờ con không còn dại như xưa nữa đâu...

Ba anh cười:

- Thôi...ý con là ý trời.

Bỗng dưng anh nhớ tha thiết đôi mắt trong veo ở miền núi, anh sẽ không vì bất cứ lý do gì để bị mất...Ôi đôi mắt trong veo của anh...sẽ là của anh mãi mãi..

HỒ THỦY

10 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

CHIA TAY

truyện ngắn

LÊ VĂN THIỆN

Từ đồng ruộng về, tắm rửa xong Nam đến nằm nghỉ trên chiếc võng treo dưới gốc xoài. Nhưng Nam vừa nằm được mươi phút đã có khách tới, đó là hai người hàng xóm: chị Sớm và chị Nhành. Chắc nhị vị muốn nhờ viết đơn từ gì đây. Tuy chưa học trọn lớp mười, nhưng ở đây, một xóm quê bé con không có người học cao, Nam được xem là người có nhiều chữ nghĩa.

Chị Nhành nhờ viết giấy cớ mất chứng minh nhân dân, xin làm chứng minh mới. Chị nói: "Tháng trước em đã viết giùm đơn về vụ tranh chấp cái vườn dừa, nay lại nhờ nữa, phiền em quá".

"Không sao, giúp cô bác chút ít, có gì đâu". Nam nói để chị yên tâm.

"Nam tốt. Chừng nào em cưới vợ chị sẽ qua xách nước, rửa chén".

Chị Sớm hỏi về thủ tục vay tiền ngân hàng. Chị kể rề rà, nói dài dòng từ chuyện này leo sang chuyện kia, nhưng Nam hiểu, nắm được các ý chính của vấn đề. Nam hỏi đùa: "Có đúng nuôi bò không ? Nếu vay về đánh tứ sắc, đổ nợ thì lôi thôi đấy, tiền nhà nước chẳng dễ xơi đâu".

Chị Sớm cười. "Mình làm ăn thiệt thà, quanh đây ai cũng biết ... Em viết giùm cho kỹ cho khéo, để trên huyện người ta không nghi ngại".

Nam viết giấy cớ mất giấy tờ cho chị Nhành. Chuyện ngân hàng của chị Sớm, Nam nói: "Thủ tục vay tiền có nhiều mục đổi mới. Chị đến gặp ông Mộc (thôn trưởng), ông ấy sẽ hướng dẫn cách xin vay". Hai chị đàn bà cười vui chào về.

Ông Thất - cha Nam – bưng lên một mâm dưa hấu đỏ tươi, hấp dẫn.

"Dưa trông ngon quá !" Nam khen.

"Của Hiền cho đấy, nó đến lúc xế".

Hai cha con ra thềm ngồi ăn. Hiền là vợ sắp cưới của Nam, nhà ở làng Xuân Lạc, cách nhà Nam hơn mười cây số. Chỉ còn hai tháng nữa đến ngày cưới. Ông Thất quý trọng cô con dâu tương lai. Ông thường nói với Nam: "Nếu còn sống chắc má con mê con bé này". Hiền con nhà nghèo, đẹp gái, làm lụng giỏi.

"Hiền ở chơi khá lâu, nó nói vụ bé Còi có vẻ không ổn".

"Không ổn ?"

"Nhà nó ai cũng phản đối".

11 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Nam thở dài. “Mệt đây. Con cũng cảm thấy cha mẹ Hiền không thích”.

“Hiền nói, bé Còi năm tuổi, hơi lớn. Nuôi những đứa nhỏ, mới sinh vài tháng hoặc trên dưới một tuổi tốt hơn”.

“Tình cảnh Còi đáng thương. Đã làm ơn thì không so đo hơn thiệt”.

“Nó lớn, cô chú nó ở đầy xung quanh đây, mình nuôi đứ đừ, đến khi đủ lông đủ cánh nó sẽ bay về bên ấy, cha mẹ Hiền nói vậy”.

“Họ không thấy cảnh bi đát của gia đình chị Nhã, và chưa gặp bé Còi”.

Xưa nay chưa bao giờ Nam nghĩ sẽ xin một đứa bé về nuôi, như con. Làm sao một thanh niên trai trẻ bỗng dưng lại nghĩ ra chuyện lạ như thế. Nhưng tình cờ, hôm đi dự đám ma chị Nhã – mẹ Còi – thấy đứa bé nhỏ xíu mặc đồ tang thì thụp lạy theo sự chỉ bảo của người lớn, Nam thương xót. Chú bé tên Còi. Người ta nói, ít lâu nữa, sau khi cúng trăm ngày chị Nhã, Còi sẽ được đem gởi vào nhà trẻ mồ côi. Cô dì chú bác không ai lãnh nuôi nó, bởi kẻ có lòng thì khổ, còn người khá giả lại thiếu lòng. “Ta sẽ nuôi nó” ! Trong một khoảnh khắc bất ngờ, như tia chớp, ý đó hiện ra trong đầu Nam. Về nhà, suốt nửa tháng, hình ảnh đứa bé côi cút mặc tang phục choán kín tâm trí Nam. Nó hiển hiện khi Nam tắm giặt, lúc ngồi bên mâm cơm, khi cuốc đất ngoài đồng, và len cả vào giấc ngủ.

Ông Thất nói, sau mấy phút im lặng: “Chắc Hiền sợ, mới về nhà chồng hôm trước hôm sau đã bị gọi là “mẹ” .”

“Cũng gay. Vậy, con nên làm thế nào đây?”.

Ông Thất ngẫm nghĩ giây lát. “Hơi khó. Qua cách nói, ta thấy rõ là Hiền không muốn.”

Có tiếng xe máy chạy vào ngõ. Lại có khách, lại là khách quen. Anh Diêu đến, chở theo một thùng bia. Anh là học trò cũ của Nam... Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, mới bốn tuổi Diêu bị ông ngoại đem gán nợ cho một phú nông, đến bảy tuổi anh đã cầm roi chăn trâu cho chủ. Suốt quãng đời tuổi thơ cơ cực anh không biết một ngày nhàn rỗi, không được sờ đến sách vở. Mãi tới năm kia, ngoài ba mươi tuổi, anh mới cầm cây viết. Lý do khiến anh phải học là chiếc xe máy. Làm ăn phất, anh mua được xe, lái ngon lành, nhưng không có bằng, vì không biết chữ. Anh nhờ Nam dạy kèm, tại nhà Nam, ban đêm... Lớn tuổi học hành vất vả, và ngượng. Nhưng chẳng có cách nào khác. Anh học chậm, khó khổ như người phải gánh vác qúa sức. “Mệt hơn cày ! Cái đầu mình đã chai, tay chân cứng quèo, nói trước quên sau, chưa nghe đã quên !”. Diêu than. Nhưng Nam vui vẻ, kiên trì dạy anh. Muộn, trầy trật, nhưng rồi cũng đơm hoa kết trái. Hơn năm, Diêu đọc thông viết thạo, làm được bốn phép tính. Anh sung sướng như được vàng. Non hai năm,”tốt nghiệp”, Diêu đi thi lấy bằng lái xe. Xong thầy trò làm một chầu nhậu nổ trời ăn mừng ! Một chầu thôi, Nam chẳng tính công sá gì. Nhưng là người biết điều, có trước có sau, Diêu không quên ơn kẻ giúp mình thoát dốt. Anh trả ơn theo cách của anh, lúc bằng mấy con mực con cua, lúc thì chậu cây cảnh quý. Anh trả hoài, trả đều, làm Nam ngại.

Anh Diêu mở thùng giấy, lôi ra mười chai bia, một gói thịt, ba lon coca và một cục nước đá. Coca là phần của ông Thất. Diêu chín chắn, chu đáo, không quên thứ gì, chẳng bỏ sót ai. Nam phàn nàn: “Anh tặng nhiều quá,Nam...mất tự nhiên !”

Anh Diêu cười xòa. “ Có gì đâu, em chớ để ý. Hôm qua giỗ bà nội anh, anh giữ lại mấy chai bia, nay hai đứa mình nhâm nhi với nhau” Nhà anh giỗ hơi nhiều đấy! ... Nam trải chiếu giữa sân, hai người đối ẩm. Mặt trời lặn. Một chị ở nhà bên cạnh lớn tiếng gọi các con về ăn cơm ... Diêu nằm trong số người nuôi tôm sú có tiếng ở Cầu Sắt. Anh nói, yếu tố may rủi chen vào hơi nhiều trong việc nuôi tôm, cũng như nó can thiệp hơi sâu vào đời của mỗi người. Vụ trước anh

lỗ đậm, vụ này hòa vốn. Tính trừ năm 1999 đến nay, đây là năm thất bát nhất. Rồi anh thêm: " Dù ì ạch, nhưng chưa đến mức nguy, anh em mình vẫn có thể uống với nhau vài năm nữa!" Nam an ủi anh mấy câu.

Diêu cho biết, sáng nay anh gặp Hiền trong chợ thị trấn. " So với các cô gái vùng này, Hiền nổi trội nhiều mặt. Ở đây kiếm được người vợ như thế không dễ." Và anh bảo, nếu Nam đồng ý, ngày cưới anh sẽ bao thầu phần cái rạp và chén bát bàn ghế. Những vật dụng đó anh có sẵn, khỏi phải thuê mướn. Nam bật cười, nhớ lại lúc nãy chị Nhành vừa xung phong lãnh khâu xách nước, rửa chén !

Anh Diêu nói về anh Lợi, cha bé Còi. Đó là người đàng hoàng, hiền hậu, chịu khó, nhưng thường gặp xui xẻo. Trong những năm cuối đời, anh ấy phải hứng chịu rất nhiều rủi ro. Hễ anh kiếm được ít tiền là một chuyện vớ vẩn gì đó ập đến, để số tiền ấy bay ra khỏi nhà. Vào mùa mưa lụt, lối xóm bị hư hại phân nửa hoa màu, anh thì mất trắng. Đến lúc phong trào đi núi tìm trầm bùng nổ, người ta trúng nhỏ trúng to, mua máy sắm xe, còn anh ôm vào mình bệnh sốt rét ác tính, chết đột ngột. Gần đây, khi chị Nhã – vợ anh – gặp tai nạn chết dưới sông thì coi như gia đình anh hoàn tất việc gắn kết những hạt ác nghiệt trong xâu chuỗi bất hạnh của định mệnh.

Anh Diêu hỏi, Nam tính chuyện bé Còi thế nào.

"Em sẽ đem Còi về nuôi, dứt khoát. Chỉ còn một điểm phải cân nhắc, là bao giờ thực hiện".

Nam thuật lại những điều Hiền bày tỏ với ông Thất. "Ba má Hiền không muốn, Hiền cũng vậy".

"Ý định nuôi đứa bé của em hơi lạ, độc đáo. Bà xã anh khen: Nam có thể tu được !".

"Bà con hiểu, ủng hộ, em mừng. Anh biết không, các báo đăng, lắm người không giàu có gì vẫn nhận nuôi hai, ba chục trẻ mồ côi."

Anh Diêu cười, nâng ly: "Nào, cụng ly, mừng trên đời có nhiều người tốt bụng !".

**

Anh Diêu về. Trăng lên cao. Nam nằm tại chỗ, nằm ngửa, vòng tay gối đầu, ngước nhìn trời. Quanh Nam chai ly, chén đĩa la liệt. Một con chó nhỏ ung dung ngồi nhai xương rôm rốp. Ông Thất ra, tưởng Nam say, ông định dọn dẹp. Nam giữ tay ông lại. "Ba để đấy, con sẽ dọn. Đêm thanh vắng, mát mẻ thế này người ta có thể nghĩ ra thơ, nhạc và nhiều điều lý thú hay ho, ba ạ... Ba chớ lo cho con, con chẳng làm gì bậy bạ. Con vừa nghĩ được một ý mới: mai mốt chúng ta sẽ đón bé Còi về, trước ngày cưới, nếu anh em bà con chị Nhã đồng ý... Con không quan tâm Còi sẽ gọi con là cha hay chú ! Chắc Hiền sẽ nhất trí. Hiền yêu con... Có thể nay Hiền còn nghĩ thế này thế kia, nhưng cô ấy sẽ đổi ý. Còn gia đình Hiền nói như thế nào mặc họ. Lẽ nào chúng con lại không lấy nhau chỉ vì chuyện này. Hiền là người tốt, con biết. Con tin rằng ... - Nam cười lớn – Sao ba nhìn con chăm chăm thế, con giống đứa say à ? Mới uống năm chai, con chưa say đâu ! ... Con đặt Hiền đứng vào vị trí khó, cô ấy phải chọn lựa, "có" hoặc "không". Nếu Hiền về với con, không coi việc nuôi bé Còi là chuyện lớn, là "có". Ba nghĩ sao, Hiền sẽ chọn gì ? Hiền tốt, con cũng vậy, người tốt gặp người tốt !".

**

Một buổi chiều, một tháng trước ngày cưới, Nam nhận được lá thư khẩn của Hiền. Thư viết khá dài, chữ lớn, nghiêng ngả, không chấm phết, không xuống hàng ngắt câu, cho thấy nó ra đời dưới tác động của một quả tim đập loạn nhịp. "diệu hiền gởi văng nam tuy khổ tâm và đau buồn nhưng em vẫn phải viết thư này cho anh vì anh nhất quyết xin đứa bé về làm con cả gia đình em chẳng ai chấp nhận việc đó ba em nói anh thiệt dại dột đương không lại nhảy ra lãnh

chuyện khổ dòng họ thằng bé đông đúc chú bác cô dì mấy chục người sao không nuôi nó cơm đâu dư nuôi con thiên hạ đây là tào lao không phải từ thiện má em nói sao bỗng dưng thằng nam chạm điện đó là chuyện của xã hội của các chùa nhà thờ bà con ruột thịt của mình còn nhiều người nghèo khổ sao không giúp đỡ ngoại em nói con nghĩ lại đi con ơi cái thằng ấy không bình thường con mà trao đời con cho nó thì có ngày không cháo mà ăn không áo để bận nên rút lui càng sớm càng hay con ơi mấy đứa bạn em đứa nào cũng trề môi méo miệng tụi nó bảo rằng gã này lãng xẹt không phải thầy tu chẳng phải người phàm nay trẻ đã thế thì sau này già gã còn nghĩ ra những trò quái qủi nào nữa bởi vậy cho nên em phải suy nghĩ và đã nghĩ lại nay mai em sẽ mang đồ sính lễ trả lại cho bác anh ơi phải đi mua sắm các món đó em thực đau xót em đã bỏ ăn hai ngày anh cũng biết là em thương anh thế nào chúng mình đã gắn bó với nhau hơn bốn năm dài tình nghĩa đầy tràn như nước sông ngày lụt em cũng biết là anh thương yêu em anh đã trăm lần nói vào tai em là anh sẽ không sống được nếu vì lý do gì đó mà chúng mình xa nhau và em là bông hoa lạ làm điên đảo đời anh nhưng anh ơi chuyện này là do anh gây ra xưa giờ em chưa viết chưa gởi cho anh chữ nào nay viết là chia tay luôn em là đứa nhiều tình cảm mủi lòng em biết rồi đây em sẽ khóc nhiều đêm nhưng dù gì đi nữa em mong chúng ta sẽ không coi nhau như kẻ thù" ./.

LÊ VĂN THIỆN

thơ ·

NGUYỄN TAM PHÙ SA

CON MẮT PHÙ VÂN

Chong soi con mắt phù vân
Nghìn đêm bỗng hoá không gần không xa
Ngàn ngày như một ngày qua
Còn không thiếu đủ non già phía sau
Trong đá có ngọc của đau
Trong đen trắng có sắc màu vô ngôn
Bại thành, còn mất cỏn con
Ung dung tung cánh nước non phiêu bồng
Đi về trong cõi sắc không
Phù vân co đáng chút công dã tràng.

NGUYỄN TAM PHÙ SA

PHÚT CHÓT

truyện ngắn

MANG VIÊN LONG

Ông Chủ tịch xã An Thạch nói với ông Lưu: "Chúng tôi mời anh tham gia vào ban quản trị hợp tác xã mua bán là ý muốn của nhiều bà con trong xã! Có anh, bà con tin tưởng sẽ ủng hộ hết mình vì kinh nghiệm làm ăn của anh mấy mươi năm từ hồi trước 75-hợp tác xã ta sẽ phát triển, lớn mạnh anh à!".

Hớp một ngụm trà nhỏ, ông Lưu đặt tách trà xuống mặt bàn nhẹ nhàng-đưa mắt nhìn ông chủ tịch-giọng từ tốn:

-Anh nói vậy thì tôi cũng nghe vậy-nhưng tôi tự xét thấy bản thân không làm được gì đâu, nếu có bề gì thì tôi ăn nói làm sao với bà con?

-Anh khỏi lo-giọng ông Chủ tịch quả quyết-miễn anh đồng ý tham gia vào ban quản trị là tốt rồi!

Ông Lưu vẫn cảm thấy rất khó xử, quả thật bà con trong xã đang rất cần có một nơi cung cấp hàng hóa, nhu yếu phẩm, giá phải chăng, không giả mạo, ngay cạnh trong xã mình mà không tốn thời gian lên phố. Hợp Tác Xã cũng sẽ tạo công ăn việc làm cho một số gia đình nghèo, bà con tham gia hằng quý đều sẽ được chia lãi xuất theo số cổ phần đã đóng góp-nhưng ông Lưu vẫn cảm thấy trước mắt còn nhiều cái khó khăn không đơn giản..Ông thoáng nhớ đến cái kinh nghiệm ba năm học dở dang ở Đại học Đà Lạt ngành Quản trị kinh doanh năm 72- mấy năm trông coi cửa hàng điện máy của gia đình nhưng vẫn còn cảm thấy những vốn liếng ấy khó có thể áp dụng cho hoàn cảnh bây giờ.

Ông nhìn thẳng vào mắt ông Chủ tịch-gật gù:

-Tôi cũng muốn vì quyền lợi của bà con mà tham gia nhưng vốn liếng của tôi sau 75 cũng không còn, làm sao có thể huy động một số vốn tương đối để kinh doanh?-Ông cười, kinh doanh mà không có tiền, thì coi như dậm chân một chỗ chờ ngày chết thôi!

-Theo hướng dẫn của huyện, chúng ta sẽ được tự do huy động vốn trong nhân dân bằng việc mua cổ đông. Tùy theo số nhân khẩu trong hộ, mỗi hộ ít nhất là phải mua một cổ đông.mới được cấp sổ mua hàng...Giong ông Chủ tịch sang sảng như đang nói trước xã viên.Ông cười lớn, tiền đó chứ ở đâu mà anh lo?

Sau ngày ông Chủ tịch đến thăm nhà hai hôm-ông Lưu nhận dược giấy mời lên xã để dự cuộc họp chuẩn bị thành lập "Hợp Tác Xã Mua Bán An Thạch".Ông Lưu cầm tấm giấy mời , nỗi lo âu lại đến rõ ràng hơn bởi nếu ông ngại khó mà từ chối, thì liệu ông có thể được chấp nhận không? Họ sẽ nghĩ thế nào về ông-một người đã có hơn ba năm dính líu vào chuyện lính tráng của chế độ cũ, cho dù là lính " nghĩa quân ma" không được lãnh lương mà còn phải " chi lương" hằng quý cho đại đội trưởng,cho những kẻ thọc mạch biết chuyện mà tìm đến " thăm hỏi"! Ông bỗng cười -thì thầm: " Cứ háy " thử lửa" một phen!"rồi vội vã dắt chiếc xe đạp ra ngõ. Lên xã, ông Lưu gặp lại vài người trong giới mua bán cũ là bạn hàng của ông lúc còn ở thị xã-trong đó có Hai Tấn, em ruột ông bí thư xã, cậu Thắng-cháu gọi ông Chủ tịch bằng cậu. Cuộc họp được ông

15 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Chủ tịch làm chủ trì , lần lượt thực hiện các yêu cầu: " Bầu ban Quản Trị lâm thời HTX, phân công về các thôn phổ biến, hướng dẫn phương thức làm ăn mới " họp tác xã", và sau cùng là thành lập đoàn đi thu tiền cổ phần". Ông Lưu đã được ông Chủ tịch gợi ý, và tất cả biểu quyết đề cử ông làm Chủ Nhiệm lâm thời HTX, Hai Tấn làm Phó, ông Ban làm kế toán, và cậu Thắng làm thủ quỹ kiêm thủ kho, cùng ba ủy viên ban kiểm soát...

Suốt ba tháng cơm nhà, ông Lưu dong ruỗi trên chiếc xe đạp đòn dông Pacifice cùng những người trong ban Quản trị lâm thời đi hết 11 thôn trong xã để tham dự 11 đêm họp dân phổ biến chính sách" mua bán mới " của họp tác xã An Thạch trong tương lai . Ông Lưu-với tư cách là Chủ nhiệm lâm thời, đã giải đáp mọi thắc mắc của dân, kêu gọi mọi xã viên hãy nhiệt tình đóng góp, để xây dựng HTX An Thạch ngày một lớn mạnh, đem lại lợi ích thiết thực cho tất cả...

Cuộc vận động đã đem lại kết quả bất ngờ: Chỉ trong một tuấn lễ phát động đã có đến hơn một ngàn xã viên mua cổ đông, gần một nửa nhân khầu trong toàn xã! Chỉ còn mươi hôm nữa là xã sẽ phối hợp với Ban Quản Trị lâm thời tổ chức " Đại Hội Xã Viên"-bắt đầu khai trương gian hàng đầu tiên ở thôn Thạch Hải chính thức đi vào hoạt dộng kinh đoanh của HTX An Thạch.. Theo kế hoạch, mỗi tháng ông Lưu sẽ cho khai trương một gian hàng mua bán tại 10 thôn còn lại để tích cực phục vụ bà con trong những tháng cận Tết.

Giấy mời đã được gởi đi cho xã viên ở 11 thôn.

Ông Lưu được phân công soạn thảo và trình bày " phương hướng kinh doanh của HTX Mua Bán An Thạch nhiệm kỳ 3 năm đầu tiên 1980-1983". Ông Hai Tấn làm báo cáo tài chánh-nguồn vốn ban đầu trước đại hội. Ông Ban làm thư ký. Cậu Thắng điều khiển chương trình. Ba ủy viên ban kiểm soát điều hành bầu cử các chức vụ Chủ nhiệm. Phó chủ nhiệm, và các ủy viên chuyên môn gồm kế toán, thủ quỹ, ban kiểm tra...

Trước khai mạc Đại hội 2 ngày-Ông Chủ tịch xã An Thạch đã bất ngờ đến thăm ông Lưu vào buổi chiều tối. Gặp ông Lưu ở ngõ, ông ta có vẻ trầm ngâm- không nói, lặng lẽ bước theo ông Lưu vào nhà. Ông Lưu thoáng ngạc nhiên- rót trà ra tách, mời: " Anh uống nước!".

-Tôi được lệnh đồng chí bí thư vừa đi họp trên huyện về đến gặp anh để bàn lại với anh một việc...

Nhìn gương mặt ông Chủ tịch như khô cứng lại sau câu nói bỏ lửng-ông Lưu thoáng chút lo lắng-ông cười thân tình: " Việc gì xin anh cứ nói thẳng đi! Là chỗ anh em cả mà! " .

-Là chuyện nhân sự ấy mà!-Ông Chủ tịch thở dài.

-Nhân sự thế nào, anh?-Ông Lưu hỏi.

-Huyện không nhất trí đề nghị nhân sự của chúng ta trong cuộc họp phân công tuần trước anh à!-Giọng ông Chủ tịch trầm hẳn- Có nhiều cơ quan đến tham mưu cho huyện-trong đó có công an...

-Cụ thể là thế nào?

-Họ bố trí Hai Tấn làm Chủ nhiệm-anh làm Phó-dừng một chút, ông tiếp-lý do gì thì chắc anh cũng đã hiểu rồi?

-Ai làm " chủ" mà chẳng được?-Ông Lưu cười. Thật ra, làm việc chung ai mà còn nghĩ đến " chủ với phó" để làm gi? Anh đã biết , tôi đã nhiều dịp trình bày với các anh rồi- tôi tự nguyện làm chuyện này không phải vì cái chức ấy mà vì muốn bà con trong xã mình bớt khổ đi thôi!-Ông Luu nhìn gương mặt ông Chủ tịch đang nở dần tưởng như đã khô héo ngay từ lúc bước chân vào

nhà.

-Được anh " thông cảm" cho vậy là tôi phấn khởi rồi! –Ông Chủ tịch bưng tách trà lên uống vội rồi xin phép ra về...

Ngày Đại Hội xã viên HTX Mua Bán An Thạch đã đến. Về dự có Ông Phó chủ tịch huyên, bà Chủ tịch hội nông dân huyện, đại diện Mặt trân Tổ Quốc huyện và các ban ngành.chung quanh huyện An Dũ.

Sau phút giới thiệu đại biểu, chủ tọa đoàn-Ông Bí thư xã An Thạch ghé vào tai ông Lưu: " Anh ra phía sau khán đài tôi trao đổi một chút nhé? ".

Ông Bí thư xã An Thạch đứng dậy-bước ra khỏi hàng ghế , lầm lũi bước về phía sau khán đài. Ông Lưu nhón gót đi sau.

-Anh Lưu ạ! Tôi xin báo cáo lại với anh, trước giờ tôi đến dự Đại hội, đồng chí Bí thư huyện đã gọi điện cho tôi để "cơ cấu " lại nhân sự trong ban lãnh đạo HTX , chỉ gồm các đồng chí Hai Tấn Chủ nhiêm, đồng chí Mân làm Phó, đồng chí Thắng làm trưởng ban kiểm soát...

Ông Lưu cười:

-Vậy là tôi và ông Ban không có" chân cẳng" gì trong Ban quản tri?-Ông Lưu nhếch cười-Cám ơn anh đã thông báo!-Giọng ông bỗng vui hẳn lên-ông vỗ vào vai ông Bí thư xã An Thạch- Xem bóng đá hay xem đấu võ đài, bao giờ phút chót cũng quyết định anh ạ! Hà hà...

Tháng 10 năm 1985

MANG VIÊN LONG

thơ

HÌNH NHƯ SIM TÍM

Ngày mai thức giấc về đâu
Đồi hoa sim tím phủ màu biệt ly
Thôi thì uống cạn rồi đi
Rừng sim cũng mất mấy khi tìm về

Uống đi rồi gội câu thề
Trả sim cho mộng não nề phù du
Bàn tay rồi cũng thiên thu
Rượu tình không cạn sa mù thiên di

DUNG THỊ VÂN

17 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

LỠ THÌ

truyện ngắn

ĐÀM LAN

Trời âm âm, đôi ba chiếc lá cuối thu bay là là, gió hiu hiu ren rét xen lẫn những hạt mưa lắc rắc, không gian sâm sẫm lúc cuối ngày vì thế mà cũng trở nên ưu tư, hoài mặc. Tiếng tích tắc của chiếc kim giây lúc này lại là thứ âm thanh khó chịu nhất. Nó vừa rỉ rả trêu ngươi, vừa thôi thúc thắc thỏm, chiếc kim phút nhẫn nại nhích dần nhích dần. Ngoài trời mảng tôi tối, mảng nhờ nhờ, mưa vẫn răng rắc hạt nặng hạt nhẹ. Song Quỳnh vẫn đi ra đi vào, hết nhìn trời lại để mắt đến cái máy đo thời gian, gắng át bớt sức nóng cứ trỗi lên từ gan ruột bằng chiếc gương soi. Hết măm mắm hai vành môi xem son đã đều đã tươi màu chưa, lại xoa xoa vào hai bên má xem phấn đã mịn chưa, rồi lại khều khều vài sợi tóc trước trán, đong đưa từ mặt đến dáng người xem có chỗ nào cần sang sửa lại tí chút không. Song Nghi trêu chị :

- Gớm, ngắm vuốt mãi, mưa gió này ở nhà xem phim không sướng sao, vác nhau ra đường bằng qúa trời hành.

- Mày thôi đi, toàn nói vớ vẩn.

Đã sẵn sốt ruột, nghe Nghi nói xóc, Quỳnh cau mặt vặc em. Song Nghi mỉm cười không nói nữa, nhưng nghĩ thầm "Nếu lão ấy không đến thì từ giờ đến tối còn là khó chịu". Nhưng đã có tiếng xe máy vọng tới, tiếng xe phành phạch làm Quỳnh tươi ngay nét mặt. Nụ cười rạng rỡ khi chiếc xe ghé đến bên thềm có tác dụng làm cho làn da của người đàn bà ngoại tứ thập giãn ra đôi chút. Trên xe là người đàn ông có vóc to cao, khuôn mặt vuông và chiếc cằm bạnh, đôi lông mày rậm cùng hàm râu loắn xoắn bao quanh cặp môi dày, càng làm cho tia mắt và vẻ mặt ẩn chứa vẻ bí hiểm, gian hùng. Ngược lại với vẻ ngầu xục trên gương mặt, giọng nói lại vô cùng dịu dàng, trầm ấm, thể hiện rõ sự quan tâm, chìu chuộng :

- Ôi em, anh xin lỗi nhé. Chờ anh có lâu không ? Phải tìm cách mãi mới bức khỏi mấy thằng bạn. Ta đi chứ em.

Trong tay Quỳnh đã bung sẵn cái dù tự bao giờ, vừa dằn dỗi, vừa âu yếm, Quỳnh đưa tay khẽ vuốt những giọt nước mưa bám trên tóc Lâm Triệu:

- Anh để em chờ hết hơi hà.

- Thôi thôi, anh biết rồi, để anh đền, chịu chưa ?

Như một cô bé mới lớn, Song Quỳnh dẩu môi làm duyên, cả hai bật tiếng cười khúc khích, rồi Quỳnh nhón chân ngồi lên yên xe. Lâm Triệu hướng mặt vào nhà, khẽ gật đầu chào Song Nghi, Nghi cũng gật đầu đáp lại, chiếc xe rồ máy vù đi. Một chiếc xe khác ập kế vào vừa vặn gặp phải những giọt nước bắn toé từ sau xe kia. Song Yên càu nhàu :

- Đi gì mà như ăn cướp vậy không biết.

Bước vào nhà, lắc lắc mái tóc ướt, Yên hất hàm :

- Bà Quỳnh lại đi với hắn à ?

Nghi gật đầu, Yên bực bội :

- Ăn phải bùa mê thuốc lú rồi hay sao mà…

- Đó là thứ tình yêu sét đánh chứ bùa ngải gì. Nếu thành được thì cũng mừng cho chỉ.

- Thành cái gì mà thành. Sao tao nghi hắn quá. Nhìn cái mặt cứ thấy gian gian thế nào á. Không khéo lại mất cả chì lẫn chài.

18 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Bà Quỳnh có nhỏ nhít gì nữa đâu mà ngốc nghếch.

- Thôi đi mày ơi, đừng có nói chuyện khôn ngoan với tình yêu, nhất là cái kiêu yêu muộn vậy. Mày không nghe đầy rẫy những cú lừa tình à.

Song Nghi im lặng một chút rồi khẽ thở dài:

- Mong sao người nhà mình không rơi vào trường hợp đó. Chuyện tình cảm là chuyên không thể can thiệp được, may nhờ rủi chịu chứ biết làm sao.

- Nói gì mà nghe chán thế. Chẳng nhẽ những người đàn bà cứ phải chịu luẩn quẩn trong cái trò tung hứng của đàn ông à ? Mà tao không hiểu sao con người ta vô lý thế, dặt hết cuộc đời vào tay người khác, rồi mong chờ bao buồn vui may rủi từ người đó, mình không thể chủ động được cuộc sống cho chính mình sao ? Mà đàn ông thì có gì hay chứ ? Họ chỉ khác mình ở tướng mạo và một số chức năng, còn thì cũng cần thiết mọi nhu cầu như nhau cả. Vậy mà không biết tự bao giờ, xã hội mặc nhiên đặt người đàn ông lên vị trí quan trọng hơn, mặc nhiên xếp đàn bà vào hạng hai rồi xem thường. Vô lý bỏ xừ đi.

- Vậy theo chị, nên định nghĩa tình yêu như thế nào ?

- Tình yêu hả ? Nó như một cục than hồng, nhìn thì đẹp, nắm vào thì bỏng rẫy lên.

Song Nghi phì cười :

- Ôi trời. Cho bà đi làm sử giả của tình yêu thì chắc thế giới này ra tro hết.

- Ừa, vậy đó. Nếu trong tự điển cuộc sống không có hai chữ tình yêu, thì thế gian này sẽ bớt đi không biết bao nhiêu là khổ đau, thù hận. Yêu đương cho lắm chỉ tổ rước bi luỵ vào người. Trên đời này còn biết bao việc ao cả đẹp đẽ, đáng làm hơn là đâm đầu vào mớ bùng nhùng rắc rối ấy.

- Nói thế thì cực đoan quá. Ý nghĩa thực sự của tình yêu thì rất đẹp. Vì khi thật sự yêu nhau, người ta luôn lo lắng, quan tâm chăm sóc nhau, đem niềm vui và hạnh phúc đến cho nhau, chia sẻ cùng nhau những khó khăn, gian khổ trong cuộc sống. Chỉ tại một số kẻ lợi dụng tình yêu cho những mưu đồ cá nhân, nên mới làm méo mó ý nghĩa của nó đi, mới gây ra biết bao cảnh ngộ đáng buồn. Nếu vì những người như thế mà kết tội tình yêu thì phi lý quá.

- Mày nói cứ như đã dày dạn tình trường lắm vậy. Thôi, không nói chuyện này nữa, mất thời gian.

Song Yên nói xong, vụt đứng dậy, nguây nguẩy đi vào phòng, rồi từ đó phát ra một điệu nhạc vui nhộn. Song Nghi nhìn theo, mỉm cười tự hỏi “Liệu có chàng kỵ sĩ nào đủ cản đảm làm nài cho chú ngựa hoang ấy không nhỉ ? Chị ấy đã yêu bao giờ chưa ? Hay đã từng thất vọng về tình yêu, và vì si diện, vì tính cách mạnh mẽ mà không bộc lộ. Là chị em gái với nhau, nhưng chuyện riêng tư thường không dễ thổ lộ. Đây là một điều rất thường gặp, có thể dốc cạn ruột gan với môt bạn thân, nhưng lại hết sức e dè với người trong nhà. Có lẽ do hai yếu tố. Một là sự phân ranh của thứ bậc. Hai là cứ nghĩ, đã là người trong nhà tất đã hiểu nhau, nhưng gần như không phải vậy, mà phần nhiều hiểu nhau rất ít, đôi khi chẳng hiểu nhau một chút nào cả. Bởi sự thân cận gần gũi, đã làm người ta nhầm tưởng là không cần phải tìm hiểu về nhau. Mỗi người lại mỗi cá tính, mỗi quan điểm sống khác nhau, nên càng lớn chị em lại càng ít gần nhau. Nghi thấy Yên giao thiệp rộng rãi, thường hay tham gia các hoạt động xã hội. Rất cá tính, cứ là đùng đoàng, thẳng tuột, không khôn khéo, không mềm dẻo. Chưa thấy một bóng mày râu nào ra dáng hẹn hò với Yên cả, chắc họ cũng ngại bản tính khá mạnh mẽ của Yên. Tình yêu vốn là thứ tình cảm rất bản năng, người ta khôg bao giờ có thể giải thích được là mình yêu người ấy vì điểm gì, mà chỉ biết yêu là yêu thôi. Hay Song Yên chưa gặp phải tần sóng tương ứng của trái tim ? Hay có khi nhìn thấy nhiều mặt trái của tình yêu mà đâm ra ác cảm ? Chẳng hiểu được là tại sao nữa. Thật ra, sự cực đoan trong tình yêu của Yên không phải là không có lý, khi nhìn quanh một vòng là thấy khá nhiều cảnh ngộ dở khóc dở mếu dở sống dở chết cũng chỉ vì yêu. Quả là như thế thì không nên yêu một chút nào. Nhưng có ai biết trước được cuộc tình của mình rồi sẽ ra sao ? Mà cuộc sống thì luôn có trăm ngàn chi phối tác động. Khi yêu, ai chẳng muốn đời đời kiếp kiếp bên nhau. Nhưng rồi những đẩy đưa cuộc sống khiến người ta ra ngã năm ngã bảy. Bản thân Nghi cũng xem xem vài lần vấp váp. Có điều, là những mối tình chưa lấy gì làm sâu sắc nên cũng dễ nguôi quên. Còn với Song Quỳnh. Ngày trước, thuở tràn xuân sắc, Song Quỳnh cũng là một cô

gái dễ ưa, cũng trải qua năm bảy mối tình đậm nhạt. Duyên phận thế nào mà cứ người chứng nọ, kẻ tật kia, gạo thổi mãi không thành cơm. Lật bật ngày tháng rồi bước vào cái tuổi cuối mùa. Những tưởng thôi thì cứ thế cho yên thân, có buồn thì kiếm đứa con nuôi cho vui nhà. Bỗng nhiên gã đàn ông kia xuất hiện. Như hạn gặp mưa, như rồng gặp hội, chồi xuân bừng sức sống. Quỳnh ngập lụt ngay trong ánh mắt đầu tiên, họ nhanh chóng xoắn vào nhau như duyên nợ từ kiếp nào. Thực ra thì Nghi cũng nghi hoặc, ngần ngại như Yên. Bởi nhìn một dáng vẻ thật từng trải, dày dạn và có phần phóng túng, mà bảo chưa có vợ thì thật khó tin. Ly dị hay vợ chết nghe còn có lý. Cái chính là Quỳnh rất tin, tin như một cô bé mười sáu chưa biết đời là gì. Chủ quan hay cảm tính, mà hầu như Song Quỳnh không chút ngờ vực, dẫu đôi khi Yên và Nghi có bóng gió gần xa. Không thể cản ngăn được, Nghi chỉ biết cầu mong cho chị mình đừng rơi vào những chiếc bẫy tình như bao người.

Song Quỳnh đắm đuối trong vòng tay cuồng nhiệt của người đàn ông vạm vỡ. Thầm cảm ơn thiên mệnh còn nhớ đến chị mà ban cho chị niềm hạnh phúc tuyệt cùng này. Ngỡ rằng cuộc dời chị rồi trôi dần trong héo mòn tàn phai. Vậy mà run rủi làm sao, chị lại được gặp anh, nhủ lòng hãy ráng nắm giữ niềm hạnh phúc muộn mằn này, ráng mà giữ lấy niềm đắm say ngọt ngào. Chị sợ lắm rồi, những đêm dài trăn trở, những hoàng hôn hun hút gió đông, những dốc thở dài như muốn trút đến tận cùng sầu muộn. Đã bao lần quay lưng khẽ chùi ngấn lệ khi nhìn những đôi bạn tình ríu rít bên nhau. Có người bảo chị cao số, kén cá chọn canh. Oan cho chị quá, nào chị có cành kiêu cành bổng gì cho cam, lúc còn mơn mởn đào xuân, cứ rập rình qua cầu là gãy nhịp. Chị chỉ ước ao một thứ hạnh phúc bình dị như những người phụ nữ bình thường, ước ao một bến bờ yêu thương là giá đỡ cho những lúc con thuyền vượt qua con sông đời gió bão. Vậy mà…Giờ chị coi như mình được bù đắp dù có trễ muộn. Chị cảm thấy ấm lòng và thấy đời mình từ nay có chút gì hương sắc hơn. Bỏ mặc ngoài tai những lời hơn thiệt, cho dù chị thấy cũng có lý, nhưng chị tin, rất tin anh là người dành riêng cho chị. Chẳng thề mà anh cũng năm lần bảy lượt sông trôi đò nổi, để giờ gặp chị, anh đã nồng nàn bao lời cảm xúc, mà chị cảm nhận được rằng đó là những lời cất lên từ gan ruột. Chị sung sướng, chị hạnh phúc, mọi thứ trên đời bây giờ không còn quan trọng bằng vòng tay anh đang riết róng, riết róng đến thổn thức, riết róng đến mê man. Song Quỳnh nhắm mắt tháy mình bồng bềnh trôi trên dòng sông tình ái.

Song Yên mát mẻ khi nhìn thấy Song Quỳnh hơn hớn từ cửa đi vào, ngoài kia là tiếng máy vù đi.

- Bà chị tôi trông trẻ ra đến mấy chục tuổi đấy nhỉ.

- Mày cứ yêu thử đi thì biết.

Đang vui, Quỳnh cười nói. Song Yên lại :

- Yêu thì yêu thật chứ sao lại yêu thử, thế chị đang yêu thử đấy à ?

- Mày đừng có mà bẻ que bẻ ngọng, liệu cái thân đấy, chẳng còn mấy nữa đâu.

- Tôi thèm vào mà rước cái nợ đời, lao tâm nhọc xác,vui nó ở, buồn nó đi.

- Sao mà mày ác cảm với đàn ông thế ? Hay là bị thằng nào nó lừa rồi đâm hận ?

- Xin lỗi nhá. Không dễ mà lừa được tôi đâu. Nói thật nhé, đàn ông tử tế ngày nay hiếm lắm, toàn cái loại dài chân dài mồm thôi.

- Tao mà là đàn ông, tao cũng không chấp nhận nổi mày, đầu óc gì mà toàn thấy chuyện tối tăm cả.

- Ừ, tôi thì tối thế đấy, bà thì ráng mà sáng nhé.

- Tao không thèm nói chuyện với mày nữa.

Câu chuyện bị cắt đột ngột, khi Song Quỳnh quay vụt lên cầu thang. Nghi nói nhỏ :

- Thôi, nói cũng chẳng ăn thua gì đâu, kệ chỉ đi.

- Kệ, kệ rồi đến lúc trắng mắt ra à. Mày thấy có bao giờ hắn đến mà vào nhà ngồi nói chuyện đàng hoàng với tụi mình không ? Chỉ vè vè chờ ngoài cửa rồi vù đi.

20 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Thì biết vậy, nhưng bây giờ mình cũng có bằng chứng gì về người ta đâu mà nói. Chỉ tổ gây căng thẳng chị em trong nhà thôi.

- Đợi đến lúc rõ mười mươi thì xong phim rồi, đó mày xem.

Yên khua môt vòng tay quanh những cái giá đựng hàng. Nghi cũng nhìn rồi khẽ thở dài.

Đang gói chiếc đèn bàn cho khách, Song Quỳnh ngạc nhiên nhưng vui mừng khi thấy Lâm Triệu đến bất thường :

- Có chuyện gì mà anh đến giờ này ? Hôm nay anh không đi làm sao ?

- Có chớ, nhưng nhớ em quá, chạy ra thăm em cái đã.

Quỳnh đỏ mặt vì người khách mua hàng còn chưa đi. Khẽ lườm Triệu và ra ý kín đáo, nhưng Triệu lại còn quay hỏi người khách :

- Chị xem cô ấy xấu hổ có vô lý không ? Chồng nhớ vợ thì có gì phải xấu hổ, như chị, chắc anh nhà cũng thế. ?

Giờ thì đến lượt người khách ngại ngùng, vội chào rồi cầm gói hàng đi ra. Quỳnh nhăn mặt :

- Anh này, sao ăn nói kỳ thế ?

Lâm Triệu đến bên choàng tay ôm Quỳnh trêu :

- Trông kìa, mà đỏ hây hây như gái mười tám ấy.

Quỳnh cười phì, dúi mặt vào Triệu, Triệu ôm chặt lấy chị rồi nói :

- Nói chớ anh có chuyện muốn nói với em đây.

- Chuyện gì ?

- Em đưa anh thêm mười triệu nữa đi.

- Sao nhiều thế ? Mới hôm…

- Thì cần gấp nên anh mớ phải ra giờ này, nhanh đi kẻo mấy đứa nó lại thắc mắc.Yên tâm đi, xong vụ này anh đem về cho em cả vốn lẫn lãi.

Song Quỳnh có vẻ ngần ngừ, Triệu vờ dằn dỗi :

- Hay là em không tin anh ? Không tin thì thôi vậy ?

Quỳnh cuống quýt :

- Không, không phải vậy, vì anh hỏi đột xuất nên em sợ không có đủ. Em mới trả một lô tiền hàng hôm qua, giờ…

- Thì giờ có bao nhiêu anh lấy tạm rồi mai gom đủ cho anh, được không ? À, anh mới gọi cho mẹ sáng nay, mẹ mong gặp em lắm đó.

- Vậy hả anh ? Mẹ nói thế nào ?

Quỳnh vừa hỏi vừa đi vào ngăn tủ. Triệu liếc theo rồi tiếp :

- Thì thế nào nữa, mẹ bảo con dâu mẹ là nhất, bảo anh không được ăn hiếp em, bảo là mong đến ngày cưới của tụi mình quá, mà cũng gần tới rồi em ha.

Ánh mắt Quỳnh bỗng trở nên mơ màng, chị cầm gói tiền đưa cho Triệu mà hôi hổi một cảm xúc. Lâm Triệu cất nhanh gói tiền vào túi quần, rồi thầm thì :

- Em yên tâm, anh sẽ không làm em phải hối tiếc đâu. Tối nhé…

Rồi hôn đánh chụt vào má Quỳnh xong vội vàng đi ra. Quỳnh vẫn ngây ngây như đang trên chín tầng mây. Bỗng giật đánh thót khi :

- Hôm nay chị có đi đâu không ?

Nghi đã đứng sau lưng chị, Quỳnh lúng túng, hai má đỏ dừ, không biết Nghi đã thấy những gì.

- Đồ quỷ, làm người ta giật cả mình. Gì đó ?

- Em đâu có hù chị đâu mà giật mình, đầu óc chị đang đâu đâu vậy?

- Có chuyện gì thì nói lẹ đi, hỏi vớ vẩn.

Biết Quỳnh đang bối rối, và cũng biết có một điều gì khuất tất vừa xảy ra, Nghi biết điều Song Yên nghi vấn là có lý, cô nén tiếng thở dài.

- Em hỏi chị hôm nay có đi đâu không ? Em có việc đi chắc tối mới về, chị Yên về thì hai chị cứ ăn cơm đi, đừng đợi em.

- Đi đâu vậy ?

- Em đi phụ đám cưới cho nhỏ bạn.

- Ừ thì đi đi.

Muốn nhanh chóng thoát khỏi tình huống, nên Quỳnh giục Nghi. Nghi đi rồi, Quỳnh thở ra một hơi, ngồi phịch xuống cái ghế. Trở lại rạng thái mơ mơ màng màng. Câu hẹn "tối nhé" của Triệu làm chị miên man với những cảm xúc. Rồi bỗng hai từ "đám cưới" hiện ra. Ừ, cũng chẳng còn bao lâu nữa. Triệu nói anh đang thu xếp mọi chuyện để tiến hành đám cưới. Quỳnh mong ngóng cái ngày ấy đến thật mau, để khỏi phải úp mở chuyện liên quan. Và cũng là một câu trả lời cụ thể cho bao nghi vấn quanh chị. Rồi chị mỉm cười hình dung đến lúc mình làm cô dâu. "Có kỳ dị lắm không nhỉ ? Khi vào tuổi này rồi mới làm cô dâu. Ờ mà cũng có sao đâu, mình đàng hoàng lấy chồng chứ có vụng trộm ai đâu mà sợ. Họ nói gì mặc họ. Họ đâu phải là mình mà hiểu được chuyện của mình. Một đời con gái, hạnh phúc nhất là lúc mặc áo cô dâu, tuy có muộn mằn, nhưng mình vẫn xứng đáng được hưởng hạnh phúc ấy chứ. Phải mời những ai đây nhỉ ? À, lo lên danh sách trước đi thôi, kẻo đến lúc người nhớ người quên thì chết. Nợ miệng nhiều rồi, giờ trả sót họ lại nọ kia." Song Quỳnh hăm hở lấy ra cuốn sổ với cây bút ngồi ghi ghi chép chép.

Song Yên vẻ sốt ruột cứ ngóng ra phía ngoài sân của quán cà phê. Ly cà phê sữa đá chỉ còn một màu nhờ nhờ với những viên đá lổn nhổn. Bật chợt cô nhổm người lên. Đúng rồi. Phương Hải cho xe vào chỗ gửi vừa quay ra đã nhìn thấy cánh tay giơ cao của Song Yên. Hải rảo bước đi nhanh về phía ấy vì biết bạn chờ khá lâu rồi.

- Sao mà lâu thế hở bạn ? Đang định kêu thêm ly cà phê nữa đây.

- Thì bây giờ vẫn phải kêu thêm chứ, không lẽ tiếc mình một ly cà phê à.

- Còn đợi nhắc nữa á.

Yên vừa nói xong thì người phục vụ đã mang ra một ly cà phê đen đá. Đợi Hải nhấp xong một ngụm, Yên mới giục :

- Sao rồi ?

- Đừng nóng. Phải tăng gấp đôi tiền thù lao cho thám tử tư này đó nha.

Vừa nói, Hải vừa mở cái cặp lấy ra một xấp hình. Song Yên vội chộp lấy. Nét mặt cô chuyển động theo từng tấm hình, hiện rõ vẻ căm giận.

- Mình đoán đâu có sai. Cảm ơn Hải nhiều lắm nha.

- Nói thật, mình cũng rất bức xúc chuyện này. Loại người này làm mang tiếng cả cánh đàn ông chúng mình.

- Mình thì không vơ đũa cả, cũng biết phái nào thì cũng có người thế nọ người thế kia. Nhưng mà nói thật. Loại như thế này hơi bị nhiều.

- Thế nên bạn mới gần như mất hết niềm tin vào đàn ông chứ gì.

- May mà tôi không có ý đồ gì với bạn, nếu không thì…

- Không, mình vẫn tin đâu đó còn có những người đàn ông tốt, chỉ là mình có đủ duyên để gặp được không thôi. Mà thôi, lúc khác nói chuyện tiếp. Mình đang khó chịu chuyện này, về đã.

- Mà nè, bình tĩnh đã. Giờ Yên định làm gì với những bức ảnh này? Đừng có nóng vội mà không kết quả đó nghe.

- Hải yên tâm đi, mình có phương án rồi. Làm cho dứt điểm luôn, chứ không thì tốn bao công sức của tụi mình sao. Thôi mình về đã nha. Cảm ơn phóng viên ảnh đắc lực của tôi lần nữa nhé.

- Ơn huệ gì, một chầu nhậu hoành tráng là được rồi.

- Okê. Khi nào xong, mình sẽ alo nha. Bai.

Phương Hải nhìn theo dáng tất tả của cô bạn mà khẽ lắc đầu. Phụ nữ gì mà...còn hơn đàn ông nữa. Nhiều khi Hải có cảm giác Yên là người bạn cùng phái vậy. Có lẽ vì thế mà hai người khá thân với nhau.

- Chủ nhà ra lấy thư nhá.

Nghe tiếng gọi, Quỳnh vội đi ra, nhận chiếc phong bì dày cộp từ tay người đưa thư, chị ngạc nhiên "Ai gửi gì cho mình mà nhiều thế này?". Vừa đi vừa mở, Song Quỳnh bỗng choáng váng mặt mày, chị kịp túm lấy chiếc ghế, rồi đổ người xuống, trên tay chị, những tấm hình rơi lả tả xuống đất. Song Yên từ trên lầu xuống, nhìn thấy, vội kêu Nghi, cả hai dìu Quỳnh lên phòng nghỉ. Nghi trở xuống, nhặt những tấm hình lên, cô biết ngay là do Song Yên làm, nhưng đồng thời cô cũng dậy lên một nỗi uất ức. Rút cục thì chị cô cũng không thoát khỏi một hạng người. Nghi hỏi ngay khi thấy Yên :

- Vậy giờ chị định làm sao ?

Yên hạ giọng thì thầm với Nghi một lúc.

Song Quỳnh chống tay gượng ngồi dậy, đón ly nước và mấy viên thuốc từ tay Nghi. Dốc cổ uống cạn, rồi hỏi :

- Mấy giờ rồi ?

- Gần sáu giờ rồi. Chị định đi đâu ?

Quỳnh khẽ lắc đầu. Dáng vẻ mệt mỏi, bơ phờ, đầy phiền muộn. Yên bước vào hỏi :

- Khoẻ nhiều chưa ?

- Cũng đỡ đỡ rồi.

Song Yên khẽ thở dài, nhưng rồi cất giọng cứng cỏi :

- Bà phải ráng lên. Kế hoạch có thành hay không là ở bà hết đó. Biết là đau lắm, nhưng phải cho nó biết, cho nó phải trả giá, chứ không thể để nó được nó còn cười.

Song Quỳnh cố ngăn giọt lệ nóng hổi chực trào. Đêm qua với sự tâm tình của hai cô em. Chị biết chị phải làm gì. Nhưng biết có làm nổi một diễn viên, không làm nổi thì uất lắm. Muôn đời phụ nữ vẫn nhẹ dạ cả tin. Làm sao chị ngờ nổi những câu nói đầy nghĩa nặng tình, những cái ôm ghì cuồng nhiệt ấy lại là giả dối. Trời ơi ! Một chút hạnh phúc giản đơn thôi mà sao khó thế ? Nhưng hãy dẹp qua một bên đã, rồi sẽ còn lắm thời gian cho sự gặm nhấm đau thương này. Trước mắt, phải lấy lại được phần nào những gì đã mất. Ban đầu, chị định thôi, bỏ hết, đồng tiền có nghĩa gì đâu khi con người ta không thật lòng với nhau. Nhưng rồi Yên và Nghi phân tích mãi, chị nghe cũng xuôi. Ba mẹ đã mất sớm rồi, còn ba chị em nương tựa với nhau. Không thể để thua đến trắng tay được. Và nếu không vạch rõ chân tướng kẻ lừa đảo thì còn nhiều người khổ. Quỳnh gượng dậy, vào nhà tắm loay hoay một lúc, xong trở ra trang điểm. Chị trang điểm kỹ hơn mọi lần, nhằm che lấp nét hốc hác, muộn phiền của một đêm mất ngủ.

Lâm Triệu ngạc nhiên :

- Sao em lại muốn mua nhà riêng ?

- Không mua thi cưới xong mình ở đâu ? Nhà này còn để cho hai đứa nó nữa chứ.

- Anh tưởng nhà này là quyền của em, mấy cô ấy rồi cũng đi lấy chồng, em phải giữ cái nhà này chứ.

- Không được. Ai lại làm thế được. Với lại em cũng không muốn điều tiếng cho anh. Cứ ở riêng là tốt nhất anh ạ. Hơn nữa cái nhà em đi coi cũng tiện lắm, giá cũng khá rẻ, người ta cần bán gấp để đi nước ngoài, mình không mua ngay thì uổng lắm anh à.

Triệu nhăn trán. Quỳnh tiếp :

- Cứ nghĩ đến ngôi nhà đứng tên hai đứa mình, em vui lắm.

Hắn chợt giãn cặp chân mày, tỏ ra hồ hởi :

- Ừ mà em tính thế cũng phải. Chung chạ nhiều khi cũng bất tiện lắm. Bao giờ mình đi đặt cọc ?

- Anh lo tiền xong lúc nào thì mình đi lúc đó, nhưng mà đừng lâu

quá, người ta không đợi được, họ bảo nội trong tuần này thôi,cứ tạm đặt mấy chục triệu đi rồi mình xoay thêm sau. Anh ráng nhanh lên nha.

- Ừ. Cho anh ngó qua cái nhà đó cái.

Sau khi đưa Lâm Triệu đi xem ngôi nhà, lấy cớ nhức đầu, Quỳnh đòi về nghỉ. Không quên kèm câu thúc giục chuyện gom tiền. Nghi và Yên đón chị với vẻ mặt hồi hộp :

- Thế nào ? hắn cắn câu chứ ?

- Cắn gấp, cái nhà đẹp lại rẻ thế mà. Nhỏ Thuý cũng tỉnh ghê, nói cứ như thật ấy.

- Vậy là thành công được bước đầu rồi. Vái trời cho suôn sẻ trót lọt.

Nghi nói như reo. Song Yên định nói "của mình hốt lại mà mừng như trời cho", nhưng vội gìm, vì không muốn Quỳnh thêm nặng nề. Song Quỳnh cũng cảm nhận được điều đó, chị nói :

- Thôi, hai đứa ăn cơm đi, tao đi nghỉ đây.

- Em mua mì cho chị nhé.

- Lát nữa đi.

Nhìn theo bộ dạng của Quỳnh, hai cô em vừa thương vừa giận.

Lâm Triệu tỏ vẻ nôn nóng khi thấy Qỳnh cứ săm soi mãi :

- Thôi nhanh đi em, đi chồng tiền nhà chứ có phải đi chơi đâu mà em trang điểm kỹ thế.

- Đi đâu cũng vậy, phụ nữ ra đường là phải tươm tất. Anh không muốn em đẹp à ?

- Tất nhiên là muốn rồi, mà em thì lúc nào cũng đẹp.

- Thôi đi, đừng có khéo nịnh, em xong ngay đây, anh uống nước đi.

Triệu cầm ngay ly nước trên bàn uống một hơi. Một chút sau, cảm thấy hơi lâm râm trong bụng, Lâm Triệu phải vào nhà vệ sinh. Chỉ chờ có thế, Quỳnh nhấc điện thoại, buông một tiếng rồi và cúp máy. Triệu vừa ra đến thì Quỳnh nói :

- Thôi mình đi.

Nói rồi tiện tay cầm luôn cái túi, Triệu vội vàng :

- Đưa anh cầm cho, kẻo nặng.

- Có bây nhiêu mà sợ nặng thì thôi chứ làm ăn gì nữa. anh lái xe đi, để em cầm cho.

Không biết làm sao, Triệu đành đi theo Quỳnh. Hai người bước ra xe thì Yên cũng vừa kề xe đến.

- Đi đâu đó ?

- Đi chồng tiền nhà.

- Cho đi với.

- Ừ rảnh thì đi luôn cho vui.

Lâm Triệu có vẻ không vui, nhưng đưa đà :

- Có dì Yên đi nữa thì hay quá.

- Cái túi gì to thế, đưa treo xe đi, cầm chi cho nặng.

Yên vừa nói vừa đưa tay cầm cái túi trong tay Quỳnh, Triệu hốt hoảng định với lại thì Yên đã lên ga, chiếc xe vụt qua đầu xe Triệu, hắn vội đuổi theo. Loanh quành mấy con đường, không thấy bóng Yên đâu, Triệu kêu lên:

- Yên nó đi đâu mất rồi em.

- Nó đến trước đó thôi, nó biết chỗ đó mà, anh cứ đến thẳng đó đi là gặp, đừng lo.

Triệu tăng ga, Song Quỳnh phải bám chặt cho khỏi ngã. Đến nơi, chủ nhà đon đả mở cửa. Triệu không nhìn thấy xe Yên :

- Yên chưa đến, làm sao bây giờ ?

- Thì cứ vô nhà đi đã, chắc nó còn ghé đâu đó, nó phải đến đây chứ, không thì hỏng việc mình à. Không sao đâu anh.

Lâm Triệu đi theo chủ nhà, mặt nặng chịch. Pha trà, rót nước, lại dăm ba câu chuyện trên trời dưới đất. Vẫn chưa thấy bóng Yên, Triệu lo ra mặt :

- Em à, có khi nào…

- Thôi đi, anh đừng có nghi ngờ em gái em à nha.

Lâm Triệu định nói thì Thuý, chủ nhà khẽ khàng :

- Thưa anh chị, em có chuyện muốn nói một chút. Mong anh chị thông cảm. Cũng là chuyện bất đắc dĩ thôi. Em muốn nói là, em không bán cái nhà này nữa.

- Cái gì ?

Lâm Triệu nhảy dựng lên. Quỳnh cau mặt.

- Sao lại thế ? Cô mua bán cái kiểu gì thế hả ?

- Thì cũng là chuyện đột xuất của gia đình, em mới phải phiền anh chị thế này. Mong anh chị thứ lỗi cho.

- Cô nói thế thì chúng tôi cũng phải chịu chứ biết làm sao, nhà của cô mà, bán hay không là quyền của cô, chúng tôi làm sao ép được. Nhưng có gì thì cô cũng phải báo trước để chúng tôi còn liệu chứ. Ai lại…

- Dạ, em biết cũng phiền cho anh chị lắm. Nhưng chẳng có cách nào khác, chị ạ.

- Thế thôi, về.

Lâm Triệu nóng nảy đứng lên cắt ngang. Quỳnh cũng đứng lên theo. Cô chủ nhà tiễn khách ra về, không quên gửi một nụ cười ý nhị với Quỳnh. Ra đến xe, mặt Triệu như đã đeo. Hắn đạp máy, rồ ga ầm ầm. Quỳnh ráng chịu đựng, chị thầm nhủ " Chỉ một lúc nữa thôi là chẻ hoe cả rồi".

Song Nghi vừa xếp xong mấy cái ghế vòng quanh chiếc bàn tròn, thì chợt nghe :

- Cô ơi ! Cho hỏi thăm chút.

- Dạ mời chị vào ạ.

Người khách là một phụ nữa gần năm mươi, chưa kịp bước vào, thì lại một người khác cũng hỏi câu tương tự, người đến sau chỉ độ hơn bốn mươi. Nghi mời cả hai vào chỗ ngồi. Ngoài cửa lại thêm một phụ nữ nữa, ngó nghiêng số nhà. Nghi vội chạy ra :

- Dạ em mời chị vào nhà ạ.

Ba người phụ nữ vào nhà ngơ ngác nhìn nhau. Trong tay mỗi người là một tờ giấy mời có cùng một dòng chữ "Có một việc quan trọng, liên quan mật thiết đến chị. Mong chị có mặt tại số nhà, ngày giờ…Xin lưu ý là hết sức đúng giờ. Xn cảm ơn. Song Yên." Họ hỏi Nghi :

- Này em, em cho chị biết là có chuyện gì đi ? Sao lại tự nhiên mời các chị đến đây thế này ?

- Dạ, các chị cứ bình tĩnh, một chút nữa chị Yên em về sẽ nói cho các chị rõ ạ. Các chị uống nước đi.

Họ nhìn nhau. Yên gác nhanh cái chống xe, bước vội vào, đưa cho Nghi cái túi. Nghi đem cất ngay vào tủ. Yên ngồi ngay vào bàn, giọng gấp gáp :

- Chào các chị, các chị đã đến đủ và đúng giờ thế này là tốt lắm rồi. Bây giờ các chị hãy xem qua cái này đã.

Yên đưa ra những tấm hình, nhưng gương mặt tái đi rồi sần lên đỏ sựng. Yên tóm tắt nhanh câu chuyện và nói thêm:

- Các chị ạ, lúc đầu em chỉ định làm cho chị em tỉnh ra thôi nhưng nghĩ đến các chị cũng là nạn nhân của hắn, nên em mời luôn các chị đến, để chúng ta cùng trừng trị một tên lừa đảo. Xin các chị hãy nghĩ đến những thiệt hại của chính mình mà can đảm lên.

Những cái nhìn câm lặng, những đôi môi mím chặt, Song Yên dừng một chút cho những người đàn bà có chút thời gian định trí, rồi tiếp :

- Chúng ta không có nhiều thời gian cho lúc này, vì theo kế hoạch của chúng em thì hắn đã sắp về đến đây. Các chị cần có một quyết định nhanh chóng để nhập cuộc, và em cũng xin nói thêm, nếu chị nào cảm thấy có cách xử lý riêng thì em cũng không dám ép. Em chỉ nhắc nhở rằng, khi chúng ta có cùng một phương thức thì chúng ta có thế mạnh và hiệu quả sẽ cao hơn.

- Cô Yên nói đúng. Này các bạn, chúng ta không nên phí phạm thời gian cho một kẻ tồi bại như thế. Chúng ta đừng vì một chút tình cảm yếu mềm mà dung túng cho hắn. Mọi chuyện tính sau, trước mắt tôi thấy tất cả chúng ta nên tham gia vào kế hoạch để dạy cho hắn một bài học nhớ đời đã. Đừng khóc, đừng phí nước mắt vì một kẻ không đáng.

Một chị có gương mặt sạm và gân guốc nói xong thì một chị khác vừa đưa tay quệt khoé mắt vừa gằn giọng :

- Tôi không khóc vì hắn, tôi ức cho bản thân mình thôi. Được rồi, cô Yên nói tiếp đi, chúng tôi phải làm thế nào ?

Ba mươi giây cho một phổ biến. Tất cả vừa biến mất vào một gian phòng, thì từ xa vọng đến một thứ tiếng động cơ phành phạch. Chiếc xe trờ đến bên thềm, Quỳnh nhận được tín hiệu của Nghi, vờ mau mồm :

- Yên đâu ? Có về đây không ?

- Chỉ vừa về đó, bảo để quên cái gì về lấy.

- Đó, anh thấy chưa, cứ rối lên. Thôi vô nhà nghỉ tí đã. Thiệt mệt mà lại không được việc gì.

Lâm Triệu không nói gì, dựng xe tắt mấy. Hắn đã hơi yên tâm, chỉ còn mỗi chuyện cầm lại cái túi vào tay nữa là xong. Bước vào nhà, Lâm Triệu định ngồi xuống cái ghế thì Song Quỳnh đẩy mạnh phía sau lưng :

- Ra nhà sau rửa mặt cho mát đã anh.

Hơi lạ vì hành động của Quỳnh, nhưng quả là cũng đang nóng bức, nên hắn đi theo đà tay của Quỳnh. Khi từ phòng vệ sinh trở ra. Lâm Triệu tưởng mình hoa mắt. Trước mặt hắn, năm người đàn bà vòng tay trước ngực nhìn hắn với đôi mắt toé lửa. Hắn lập bập :

- Vầy là sao ?

- Còn sao nữa hả thằng lừa đảo khốn nạn.

Hắn chợt muốn bỏ chạy, nhưng những cánh tay đã chụp lấy hắn, và hắn cũng đã kịp nhìn thấy cánh cửa ngang đã đóng lại. Hắn như một con gà mắc tóc giữa một trận đòn trả hận. Bình thường, một người đàn ông vạm vỡ như hắn thì chẳng khó khăn gì để lẳng một người phụ nữ cho dù có sức khoẻ tốt nhất. Nhưng lúc này thì "mãnh hổ nan địch quần hồ". Đã thế, hắn lại còn phải im thin thít, cắn răng mà chịu đựng. Bởi hắn biết, tiếng kêu cứu của hắn, sẽ không cứu

được hắn mà trái lại còn làm khó cho hắn hơn. Để cho những người đàn bà đáng thương hả được phần nào cơn hận. Song Yên mới lên tiếng :

- Thôi, các chị hãy dừng tay đi. Còn mày, Ngô văn Túc, khôn hồn thì hãy làm theo những gì các chị đây bảo.

Hắn giật thót mình khi bị gọi đúng tên củ. Không còn cảnh ngộ nào nực cười hơn là một gã đàn ông ngồi rúm ró giữa nhưng người đàn bà. Rồi lần lượt từng mảnh giấy ghi nợ được trao và tay từng chủ nợ. Riêng Song Quỳnh, chị băm môi cố ngăn dòng nước mắt khi nói :

- Khỏi ghi, tôi lấy về đủ rồi.

Song Yên thoáng đưa mắt lướt qua những gương mặt, rồi nói với gã :

- Mày biết chúng tao làm được những gì rồi đấy, liệu mà trả nợ cho các chị, không thì đừng trách nhá. Bây giờ thì xéo đi.

Khi tiếng máy phành phạch lao đi, những người đàn bà mới rũ ra. Những giọt nước mắt không còn có thể cầm giữ được nữa. Ba chị em Song Quỳnh đỡ từng người vào trong phòng ngồi nghỉ. Họ cứ thế ngồi lặng cho nước mắt tuôn rơi. Quỳnh cũng đầm đìa trên má. Yên và Nghi tránh ra ngoài khi thấy những tình địch ngả dựa vào người nhau. Một cảnh tượng chắc cũng chưa ai nhìn thấy bao giờ. Nếu trong một tình huống khác thì...

Giây lâu, Song Quỳnh bước ra bình nước bỏ vào mấy cục đá, Song Nghi cầm trái dưa hấu và con dao đi theo vào. Song Yên mỉm cười. Cô tự thưởng cho mình một lời khen thầm cho một kế hoạch thành công.

- Mấy chị em mình đi hát karaoke đi.

Không ngờ lời đề nghị của Yên lại vô cùng đúng lúc. Nhưn cánh tay giơ vội lên quẹt nước mắt, những bước chân thả xuống đất quơ tìm giày,dép, những cái đầu gục gặc :

- Đi, đi xả cho hết ấm ức, vứt cho hết buồn đau đi.

- Các chị ăn dưa đã chứ. Làm em quê tay à nha.

Song Nghi đang bổ quả dưa nói. Những nụ cười hưởng ứng, những miếng dưa mát ngọt thoáng chốc đã tươi tắn lên một chút những làn da. Và rồi, bài ca nối tiếp bài ca, lời hát lời hát, hết nhạc trầm đến nhạc vui, hết nhạc người lớn dến nhạc trẻ con. Không gian chìm ngập trong âm thanh, mọi sự đã qua như không còn chút vướng bận gì nữa. Cho đến tận khuya mới tàn cuộc hát, mọi người lại kéo nhau đi ăn đêm. Một chị nói :

- Chà, hôm nay vui quá, tôi đề nghị chúng ta luân phiên hoặc hợp tác xã để mỗi tuần gặp nhau một lần vào chủ nhật, ăn và hát cho đã nhé.

- Quá hợp lý...rất đồng ý...bánh xèo, bún chả, mì quảng, bún ốc, thích gì chiều nấy.

- Tha hồ mà trổ tài bếp núc các mợ nha.

- Thi nhé. Phải có ban giám khảo nữa chứ.Mời ai...

- Khỏi. Vừa làm thí sinh vừa làm ban giám khảo luôn. Tội gì không sống cho sung sướng, chết tới nơi rồi, khổ mãi làm gì.

- Việc gì phải nói tới chuyện chết chóc, cứ việc sống cho ra sống, cóc cần đàn ông nữa.

- Đàn ông thì là cái đinh gì chứ. Có đàng hoàng thì cũng tốt, không thì biến.

Cứ thế mỗi người một câu, cứ như là một cuộc hội thảo tẩy chay đàn ông để đòi quyền vui sống ấy. Mà cũng phải, tình cảm thì cũng cần thật đấy, nhưng không phải cứ tự nhấn chìm mình trong khổ đau, muộn phiền. Lỡ thì mặc lỡ, chứ không lỡ thì phải luỵ. Cuộc đời này còn biết bao điều đáng sống, còn biết bao niềm vui đang ở chung quanh, tội gì...

ĐÀM LAN

27 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

CHỌI KIẾN

truyện ngắn

QÚY THỂ

(Kính tặng vong linh bạn Phụng,
một luật sư trẻ từng nếm mùi cải tạo
đã gợi ý để viết truyện này)

Thằng Hai ! Thằng Hai ! Mầy còn sống không?

Trong cơn sốt li bì tôi nghe tiếng lão Thạch gọi. Tôi rền rĩ:

- Con khát quá!

Ngăn bên kia có tiếng chiếc gáo dừa cọ trên nền đá và tiếng lão Thạch:
- Từ sáng đến giờ tao kêu gọi cháu hoài, không nghe động tĩnh, tao sợ cháu chết quá. Thôi bò ra lấy nước uống đi con.

Đầu tôi nhức như búa bổ, tay chân rã rời. Tôi cố gắng hết sức bò tới đưa tay ra lấy cái gáo dừa đựng thứ nước đục lờ lờ, mà cũng không nhiều, chỉ được một ít dưới đáy. Tay tôi vừa chạm vào gáo thì bị lão Thạch chộp lấy. Bây giờ tôi mới được nhìn thấy một phần da thịt của người tù bên kia. Một bàn tay nhăn nheo cháy sạm vì tuổi tác và cũng vì bao nhiêu cay đắng của cuộc đời tù tội. Ông lão cầm tay tôi, ve vuốt, nói:

- Ờ, đỡ rồi đó, da thịt đã mát. Tao lo quá thành hoảng chớ sức con trai như cháu làm gì chết dễ dàng được.

Uống nước xong tôi chẳng thấy khoẻ ra tí nào mà còn nôn nao khó chịu, chỉ chực nôn trào ra. Lão Thạch:

- Ba ngày nay mày đau, tao được no. Phần cơm mày tao đã xơi hết rồi. Mấy ngày liền không thấy mày bò ra lấy cơm, tao biết mày bệnh nặng lắm rồi. Cơm kiến nó bu đầy, tao tiếc lấy ăn. Bữa nào mầy mạnh, ăn trả lữa tao sẽ nhịn trả mầy. Bây giờ nghe đỡ chưa con?
Tôi thều thào:

- Bác Ba ăn đi, con nuốt không nổi.

**

Lão Thạch và tôi là hai người tù, một già và một thằng bé con. Lão ở căn hầm bên kia, tôi bên này. Mỗi bên chỉ rộng vừa đủ cho một con người nằm, không thể đứng hay ngồi. Ngăn rất nhỏ, với tôi thì còn đỡ vì nhỏ người, còn lão chắc khó khăn xoay trở lắm. Hai căn hầm khít nhau, nói thì nghe chớ chẳng thể nhìn thấy nhau. Mỗi bên có một cái lỗ nhỏ sát trên nền đá, chỗ bọn cai ngục đặt cơm nước và cũng là chỗ chúng lấy đi cái ống tre đựng chất phế thải của hai thằng tù. Hai cái lỗ này cũng là nơi chúng tôi giao tiếp với nhau. Chưa thấy mặt lão già này song cuộc đời của lão tôi đã thuộc nằm lòng. Mỗi ngày lão kể cho tôi nghe một đoạn đời của lão, giống như đọc truyện Tàu từng chương từng hồi. Đúng là một cuộc đời giang hồ ngang dọc. Lão là tuỳ tướng của Hoàng tướng công (Hoàng Hoa Thám, hùm thiêng Yên Thế). Cuối cùng, như lão nói, chỉ vì thấp trí thua mưu nên phải sa cơ. Lão đang mang cái án "Trảm giam hậu" mà theo kiểu nói

của lão thì chúng nhốt tạm vào đây để chờ mài dao ! Lão trú trong cái hang đá này gần năm năm thì tôi chui vào. Tôi chỉ là một thằng bé con , bị bắt khi đi làm liên lạc giao một bức thư. Bức thư ấy nói gì tôi chẳng biết. Thế nhưng với một đứa trẻ con như tôi chúng cũng đem nhốt vào hình lao cũng vì chúng biết cha tôi là địa chủ rất giàu có. Chúng moi tiền nhà tôi nhiều lần rồi song vẫn không chịu thả, giam tôi cũng chỉ để bòn rút thêm tiền. Cái đề lao hang đá này dễ vô khó ra. Hoàn cảnh đã kết hợp một già một trẻ. Không có lão Thạch chắc tôi không thể vượt qua nỗi những ngày, những đêm tù tội trong chốn địa ngục trần gian này. Cái tôi sợ nhất không phải là đòn tra tấn mà là thời gian. Làm sao vượt qua được, những ngày, những đêm, những tháng, những năm dài dằng dặc ? Tôi hỏi, lão trả lời:

- Có chớ, cháu có đi học, có chữ nghĩa, cứ nằm vắt tay trên trán ngẫm nghĩ sự đời. Nhất là nghĩ cách trả thù. Tao đã nghĩ ra 432 cách trả thù. Nằm đây nghĩ cách báo thù cái đứa nó làm cho mình đau khổ là thú vị nhất, và nhờ thế thời gian cũng qua đi nhanh.

Tôi hỏi:

- Còn có cách nào nữa không bác Ba?

Lão Thạch:

- Còn chớ.

Tôi hỏi:

- Cách gì?

Lão Thạch:

- CHỌI KIẾN !

Tôi kinh ngạc, tôi là đứa bé ở quê quen nghề chọi dế, chọi gà, chọi trâu. Tôi chưa nghe ai nói chọi kiến. Tôi hỏi lại:

- Chọi kiến?

Lão Thạch:

- Ừ, chọi kiến

Tôi hỏi:

- Chọi kiến là chọi làm sao?

Lão Thạch:

- Là cho hai con kiến cắn nhau đó mà. Đừng tưởng trò này không thú. Tao chơi trò này đã ba năm rưỡi rồi vẫn không chán, càng chơi càng ghiền. Trước đây kiến tao chọi kiến tao, ít thú. Bây giờ có mày vào đây, kiến tao kiến mầy chọi nhau, có ăn có thua, thú vị biết bao! Hôm đó lần đầu tiên trong đời tôi được coi một trận chọi kiến. Lão kêu tôi lết ra cái lỗ xem trận đấu mà lão nói đó là trận đấu rất đặc biệt mà lão chờ cho tôi khoẻ mạnh mới bắt đầu. Trước tiên là màn giới thiệu các đấu sĩ. Lão đẩy về phía tôi cái hộp gỗ cũ, loại hộp bọn lính đựng thuốc lào, lão nói:

- Đó thấy chưa? "Đại tướng quân" oai phong lẫm liệt không?

Tôi thấy" Đại tướng quân" là một con kiến to, đầu như hạt đậu xanh, mình vàng rực, bóng như thoa mỡ. Cặp râu dài sáu chân cao lớn vạm vỡ, cái càng sau rất khoẻ, nâng cái bụng to nhiều ngấn. Tôi hỏi gốc gác vị đại tướng này. Lão nói:

- Bữa đó trong cái gáo dừa còn sót lại vài hạt cơm. Lạ quá, như những bữa khác kiến đã bu đầy, lần này không một con. Tao cầm lên coi thì thấy dưới đáy có vị tướng công này ngự bên trong thành ra bọn kiến tiểu tốt chẳng dám xâm phạm. Chiều đó tao mở hội khai đao đại tướng quân với con Cáp Tô Văn (tên một nhân vật tướng Phiên trong hát bội) Cáp tô Văn là một con kiến đen to tướng, mình có vằn vện chẳng khác gì tên tướng phiên Cáp Tô Văn. Mới nhập trận, chưa đầy hiệp. Đại tướng quân huơ cặp râu chẳng khác gì " đệ nhất anh hùng Lữ Phụng Tiên" (Lã Bố), mới xáp vô, đại tướng quân đa huơ đao chém nhầu. Than ôi! Cáp tiên phuông hồn lìa khỏi xác!. Sau đó, trong khi mày bệnh tao bắt được anh chàng này, cũng thuộc hạng danh gia, anh hùng hào kiệt, con nhà võ tướng oanh liệt. Đây mày xem. Lão đẩy qua cho tôi coi con kiến khác. Một con kiến lớn màu nâu, bóng như gương, hai cái ngàm to chẳng khác gọng kềm, trông tướng mạo rất khoẻ chỉ có hơi chậm chạp.

Lão Thạch:

- Con này dị dạng, tao đặt cho tên Ô nguyên nhung. Bữa kia nó đã tỉ thí với con Dương Phàm (đều là nhân vật hát bội). Cũng chưa đầy hiệp Dương tướng quân không còn chỗ dội mão!

Chọi kiến khác với chọi trâu chọi gà, chọi dế, con thua bỏ chạy, con thắng không đuổi theo, chỉ đứng lại ca khúc khải hoàn. Chọi kiến ghê tợn hơn. Con thua không bao giờ bỏ chạy, không biết đầu hàng, con thua rất quật cường và không bao giờ chịu sống nhục. Con thắng cũng không khi nào chấp nhận tha tội chết cho kẻ thua cuộc. Lão Thạch nói lão rất thích cái khốc liệt tàn nhẫn của trận đấu. Lão nói thấy kiến mà buồn cho mình. Những kẻ thất trận như tao đáng lẽ phải da ngựa bọc thây, chứ sống thừa sống nhục trong cái ngục bằng đá này cũng là chỉ để chờ thời. Ở trong tù phải luyện cái chí bình sinh. Lão Thạch còn thuyết thêm một hồi nữa rồi mới cho khai cuộc. Tôi còn nhớ hôm đó là một buổi chiều mùa hè oi ả, khoảng năm giờ. Hàng cây keo ở toà khâm có mấy con ve ca khúc nhạc hè trong ánh chiều muộn. Xa xa có tiếng kèn đồng của bọn lính tây làm lễ hạ cờ. Còn sớm mà trong ngục đã đầy tiếng muỗi vo ve. Đại tướng quân và Ô nguyên nhung được bỏ chung vào một chiếc gáo dừa. Hai con kiến quờ râu tìm nhau. Chúng không mất nhiều thời gian để tìm thấy sát tinh của mình. Loài kiến chẳng cần diệu võ dương oai, chúng lao tới nhau ngay. Cả hai mở cặp hàm rộng nhất, ngoạm lấy nhau với tất cả sức lực. Giây phút căng thẳng là đây. Mấy ngón tay lão già gõ trên nền đá càng lúc càng nhanh. Lão hồi hợp thở khò khè rồi thét lên:

- Đó, đó, có sướng con mắt không?!

Hai con vật cắn chặt vào nhau, sáu đôi chân chống chống vào lòng chiếc gáo dừa. Tôi cũng bị rơi vào sự cảm khoái căng thẳng ghê gớm dữ dội. Hai chân sau của Ô nguyên nhung có hơi run, nó xuống tấn , nhưng hình như công lực đã bị tản mạn. Nó bị đẩy lùi thêm mấy bước nữa. Đại tướng quân thừa thắng xông lên, siết thêm hàm, đẩy mạnh, rấn tới. Ô nguyên nhung núng thế, thối lui thêm một bước. Đại tướng quân không đẩy tới nữa mà nâng bổng Ô nguyên Nhung lên chạy một vòng quanh đấu trường rồi đặt xuống nhanh chóng cắt lấy thủ cấp. Than ôi, phút chốc Ô nguyên nhung hồn lìa khỏi xác!

Lão Thạch như nghẹt thở sau trận đấu, giây phút sau lão ngậm ngùi:

- Thắng thua là lẽ thường tình. Miễn sao sống cho hùng mà chết cũng cho oai. Tao chơi trò chọi kiến cũng vì thích cái khí phách của những con vật nhỏ bé này.

Chúng tôi một già một bé con đã sống qua những ngày như thế. Nhờ trò chơi chọi kiến mà chúng tôi vượt qua được những ngày dài đầy khó khăn. Đúng như lão nói bây giờ trò chơi có

30 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

phần lí thú hơn. Kiến tôi chọi kiến lão, có ăn thua có khích bác nhau, thực là vui. Buổi đầu kiến của tôi thường đại bại, dần dần tôi cũng có kinh nghiệm, cũng có thắng được lão đôi trận. Trong hang có nhiều kẽ đá hở, kiến làm tổ bên trong. Tổ nào cũng có một con kiến to làm tướng và vô số kiến nhỏ. Kiến trong cùng một tổ không khi nào chọi nhau. Khác tổ thì chúng đánh nhau cho tới chết.

Một hôm tôi may mắn bắt được anh chàng kiến lửa rất lớn. Lão Thạch người đọc thuộc và rất nghiện truyện tàu, lão biết hết tên những nhân vật trứ danh, lão đặt tên cho con kiến lửa của tôi là Hoả hổ. Lão và tôi bàn nhau sẽ tổ chức trận đại tỉ thí giữa Hoả hổ và Đại tướng quân vào ngày rằm tháng mười. Lão nói : " Kiến lửa dữ như cọp, cắn lại rất đau, may ra thắng được Đại Tướng quân". Tôi hỏi vì sao lại chọn ngày rằm tháng mười. Lão nói đó đúng là ngày năm năm trước lão rơi vào cái ngục A tì có thực trên đời này. Hùm thiêng khi đã sa cơ nhục còn hơn con chó. Chúng tôi chưa kịp tổ chức tỉ thí thì mùa đông đã tới. Lũ kiến trốn thật kĩ vào hang sâu. Không khí trong ngục luôn luộn lạnh lẽo ẩm thấp. Lão Thạch ho nhiều lắm. Mỗi đêm lão già chỉ ngủ được vài giờ. Mỗi buổi sáng nhìn ra ngoài cái lỗ tôi thấy bàn tay lão. Hình như trong ngục tối quá nên lão phải đưa tay ra ngoài xem đã khạc ra cái gì. Lão mở bàn tay ra thấy có cục máu, đỏ và đã đông lại như tiết gà. Lão nói:

- À, bệnh lao phổi thổ huyết đây mà.

Tôi đau đớn quặn thắt trong lòng, cắn chặt hàm răng lại đẻ không thoát ra tiếng nấc. Lão lên tiếng:

- Thằng Hai, mầy khóc đó à? Trời ơi " đấng trượng phu" ai lại dụng nước mắt? Nước mắt là của bọn " quần thoa nhi nữ " Mầy biết rồi đó, tao có cái án trảm giam hậu, cái đầu nằm trên cổ là chỉ gởi tạm. Chết cách gì cũng là chết. Chỉ có điều chết già chết bệnh, chẳng khoái bằng chết vì yêu nước, dưới lưỡi đao của bọn đao phủ. Thôi nín đi con. Bên mày còn con nào không đem ra chọi hết đi. Mùa đông tới rồi, cuộc vui đã hết, chờ sang xuân.
Lão nói câu " chờ sang xuân" với cái giọng không tin tưởng gì cả. Tôi chắc lão biết có sống qua tới xuân mới hay không? Đêm ấy tôi nghe lão ho dữ dội. Hồi gần sáng nghe lão rên. Tôi biết đó là lúc lão chợp mắt, vì khi thức có đau đớn cách mấy lão cũng chẳng bao giờ rên rỉ. Lão thường nhắc tôi rằng "đấng trượng phu" không bao giờ rên la khóc lóc, yếu đuối. Vừa đúng lúc đó có tiếng nổ lẹt đẹt xa xa. Lão Thạch kêu: "Thằng Hai, mầy thức đó hả?"

- Dạ

- Mầy nghe tiếng súng chớ ?

- Dạ có nghe.

- Nghĩa binh về hốt đồn Mang Cá đó. Tiếng súng lạch tạch rời rạc là của ta, lốp bốp, nổ dồn là súng tây, bởi súng ta nạp tiền, súng nó nạp hậu.

- Nạp tiền nạp hậu là làm sao bác Ba?

- Nạp tiền là nạp thuốc đạn và hòn chì vào từ miệng súng. Súng Tây nạp hậu, hòn chì và thuốc đạn nó đúc sẵn một cục trong cái vỏ đồng, gọi là viên đạn, và nạp phía sau. Súng nó bắn nhanh và mạnh gấp mấy súng ta. Ta không mạnh hơn nó bởi súng ống đạn dược, ta chỉ cái mạnh hơn ở tinh thần yêu nước...

Lão Thạch nằm trong ngục, chỉ nghe tiếng súng nổ xa xa mà bình luận trận đánh rất thành thạo. Lúc đầu giọng lão phấn chấn vô cùng, về sau trở thành hoang mang, cuối cùng là thất vọng hoàn toàn. Lúc đó tiếng súng nghĩa binh tắt dần rồi chấm dứt hẳn. Đến sang, lão nói với tôi như trăn trối:

31 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Thằng Hai, tao dặn mày điều này, có khổ cách mấy cũng cô gắng mà sống. Sống được ngày nào hay ngày nấy, sống mà chờ nghĩa binh tới cứu. Lần này ta thua nhưng lần khác chắc thắng. Hồn thiêng sông núi đâu nỡ để con Lạc cháu Hồng mãi trongcảnh nô lệ.
Tôi hỏi:

- Tại sao bác nói thế?

Lão Thạch:

- Biết chớ. Bọn chúng giam tao lại là để chờ có dịp mà đem ra chém trả thù.
Tôi tan nát cả tâm can. Thật lão đoán không hề sai. Ba ngày sau, lúc trời còn tối có ánh đuốc bập bùng chiếu qua lỗ hổng. Bên phía ngoài hầm lão thách có tiếng nhiều người. Tiếng thanh gỗ va vào thành đá để đóng cái then gông. Tôi nghe tiếng lão Thạch quát lớn:
- Khoan đã, chờ tao trao cái này cho thằng Hai bạn tao ở bên kia.

Có ai nói:

- Trao cái gì? Đưa đây khám!

Có tiếng cười:

- Một miếng bao tải rách với hộp đựng con kiến?

Lão Thạch:

– Không phải bao tải rách mà long bào của vua nhà ngươi đó. Không phải con kiến tầm thường. Đại tướng quân bách chiến bách thắng đó.

Tên lính hỏi:

- Đưa cho thằng bé con hả?

Lão Thạch:

- Ừ!

Rồi lão gọi:

- Thằng Hai mày đưa tay ra cho tao nắm một cái.

Tôi đưa tay ra, một bàn tay khô khốc gầy gò nhăn nheo và giá buốt ôm ấp lấy bàn tay non nớt của tôi. Tôi nhận cái hộp, với mảnh bao tải rách, tài sản người tù.
Lão Thạch:
- Thằng Hai, ở lại mạnh giỏi nghe con. Tao gởi mày trông nom đại tướng quân. Mùa xuân tới chơi chọi kiến một mình, cố gắng nuôi cái chí bình sinh. Thôi tao đi đây…

Bên kia có tiếng cánh cửa đóng sập lại. Tiếng nhiều bước chân rầm rập xa dần. Tôi cố gắng cắn chặt răng, tự dặn: Đại trượng phu không được dụng nước mắt. Thế nhưng nước mắt nơi đâu như nước nguồn tràn về, nuốt không kịp phải trào cả ra ngoài. Nước mắt chảy theo hai con mương cạnh mũi, xuống miệng mặn chát.
Xế trưa bọn cai ngục về kháo với nhau: " Tao đã làm cái nghề này mười lăm năm rồi, chứng kiến bao nhiêu cái đầu rơi, chưa klần nào kinh khủng như lần này. Cả pháp trường, quan tây

quan ta dân chúng đi coi đều xiu hồn phách tán. Ai đời ra pháp trường mà lão đi như người ta đi ăn cỗ. Đến nơi, lão đứng sừng sững, không chịu quì. Tới khi đầu rơi rồi mà nụ cười vẫn còn phảng phất trên môi. Trời ơi lại còn chuyện vô cùng quái đản ! Cái thủ cấp lão rơi lên chính giữa tổ kiến lửa. Lũ kiến vội bu vào. Cho đến khi một con kiến chúa đỏ rực từ trong hang chui ra, bò một vòng quan sát, chỉ huy, không biết nó làm sao mà hàng vạn con kiến khác không dám bu nữa mà cùng xúm vào đùn đất lên. Mới đó đã thành nấm mộ, chỉ còn búi tóc đen ló ra ngoài. Trời đất đang sáng trưng bỗng, nổi lên trận gió quái rồi tối sầm lại, nói như mấy ông già là " thiên hôn địa ám",

Mấy ngày sau, mở hộp ra thấy đại tướng quân, tôi lại khóc. Lần này thì tha hồ khóc vì chẳng sợ lão la rầy. Tôi định thả vị đại tướng trở về chốn cũ. Tôi nhẹ nhàng đặt con kiến trước cửa hang. Đàn kiến nhỏ xúm lại. Đại tướng quân hiên ngang giữa đoàn quân. Tôi gọi thầm " Lão Thạch ơi ! Đại tướng quân đã trở về bản doanh của người rồi!"

Theo lời lão dặn, tôi cố sống. Mùa xuân mới tôi được nghĩa quân giải thoát. Năm đó tôi chưa đầy mười lăm tuổi ./.

QÚY THỂ

thơ

NGUYÊN THƯỜNG

CHIỀU BẾN ĐÒ ĐÁ BẠC

Sang kia lại lỡ chuyến này
Đưa người lượt cuối của ngày rời xa
Trời chiều mây quyện yên ba
Quê nhà cách trở còn ta với mình
Tam Giang một dải tự tình
Mây chiều vờn đỉnh xây hình núi cao
Xa xa ngút mắt bờ xao
Khói lên nhòa mắt còn đâu nhìn về
Bóng chiều mờ nẻo sơn khê
Chập chùng sóng lượn hồn quê ngập ngừng
Nước mây khói sóng điệp trùng
Vấn vương nào để nặng lòng người sang
Trời chiều bên vượt Tam Giang
Nôn nao khách lữ mơ màng đò đưa.

1987

NGUYÊN THƯỜNG

ÁM ẢNH

truyện ngắn

LÝ THỊ MINH CHÂU

Trừ những ngày mưa, chưa bao giờ người ta thấy vắng bà cụ ngồi trầm tư nơi cổng tam quan của ngôi chùa nọ. Ngày qua ngày. Tháng qua tháng. Góc tam quan và bà lão đã in hình vào tâm tưởng nhiều người qua đường. Khung cảnh chùa u tịch. Bà cụ đìu hiu, gầy gò. Cội bồ đề vươn tay qua khỏi bức tường đá của ngôi chùa thả những chiếc lá hình tim xuống con đường lát gạch xi măng đã lún phún rêu. Thả xuống chỗ bà cụ ngồi làm nên một tiểu mùa thu ảm đạm. Xa xa dưới chân đồi là dòng sông. Dòng sông như con rắn quái quỷ len lỏi qua những đám tre già, chui tỏm vào một khe núi. Núi chập chùng. Núi bao bọc cánh đồng lúa xanh mơn mởn. Bà cụ liên tưởng tới thúng rau của ông tạo hoá.

Trong lòng bà, khoảng trời xanh bao la đó đầy ắp khổ đau của cuộc đời. Dòng sông êm đềm kia là nước mắt, là bão táp phong ba. Nhìn đăm đăm về dải mây xa phía chân trời, bà không nghĩ là mình đang mơ màng về những điều vô vọng. Miệng vẫn nhai trầu bỏm bẻm. Rẻo khăn màu cháo lòng vẫn cầm trên tay thi thoảng đưa lên miệng lau sạch khoé trầu đỏ quạch. Hàm răng bà cụ thuộc mô típ xưa, đen nhanh nhánh, phát ra thứ ánh sáng cũ kỹ mà thật thà. Miếng vỏ cau tươi đã được đập giập cà qua, cà lại trên khối ánh sáng cũ kỹ mà thật thà ấy một cách thong thả, điệu nghệ. Khi nhắm đã ưng ý, bà cụ cất miếng vỏ cau vào cái túi vải cũng màu cháo lòng, cũng cũ kỹ. Một nhúm thuốc rê được vo tròn cỡ đầu ngón tay trỏ làm tiếp cái công việc của miếng vỏ cau kia. Khi nhúm thuốc đã ướt nhèm nước miếng, bà nhét nó chù u một bên khoé miệng. Cứ thế, thời gian trôi cứ trôi. Ngày lại qua ngày.

Thỉnh thoảng, người ta thấy có người đàn bà tuổi ngoài bốn mươi đến chuyện trò với bà cụ. Người đàn bà có dáng hình nhỏ thó, đôi mắt tinh anh. Họ thân mật với nhau lắm. Rồi một ngày, người đàn bà ấy mang đến cho bà cụ con mèo đen tuyền được nhốt trong chiếc lồng sắt chắc chắn. Con mèo chắc đã chết khiếp khi sa vào bẫy của ai đó nên chẳng thiết thét gào, hung hãn như bản tính của nó vốn có. Nó hiền từ một cách không bình thường.

- Đúng là con cái chứ, nhưng ốm quá. Bà cụ thăm dò.

- Bà ơi, kiếm khắp thế gian này chắc còn vài con như nó. Đích thị là cái. Để con giở đuôi nó lên cho bà xem nhé.

Nói rồi người đàn bà nhặt que gỗ bên vệ đường thúc thúc vào đít con mèo. Con mèo vòng vo né tránh. Riết, chắc xuôi lòng, nó cong đuôi lên.

- Đấy bà xem, nhất rồi nhé. Bây giờ mèo mun hiếm lắm, mà phải tuyền bà mới vừa lòng. Nghe người ta nói mật nó ông uống bà khen, thịt nó ông xơi bà quằn quại đó bà. Cỡ giàu nửa nạc, nửa mỡ theo kiểu áo quần bảnh bao, tiền để quên ở nhà thì chẳng tinh tướng nào dám bảo nhà hàng hầu món độc này đâu. Cả triệu chứ chẳng chơi đâu bà.

- Tôi có nghe, nhưng tôi làm sao có số tiền to đó. Vả lại còn phải nuôi nó, phải kiếm chồng cho nó nữa chứ.

- Bà nhờ con kiếm thì con kiếm, chứ con biết bà làm gì đâu. Bao người bà nhờ, mấy tháng trời nay biệt vô âm tín. Họ có phải thánh đâu bà.

- Thôi, chị tính đại đi, bao nhiêu ? Bà cụ chậm rãi.

- Bà cho con năm phân thôi ạ.

- Ối giời, năm phân, sáu trăm ngàn cơ à…

Bà cụ lại nhìn về phía chân trời xa. Nơi đó chắc có linh hồn cụ ông. Ông đi xa khi đã bước ra ngoài cuộc chiến tranh ác liệt, đã kịp cho bà đứa con gái. Đứa con duy nhất của mối tình đầu. Đứa con mà bà sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình vì nó. Oái ăm thay, nó lại bị bệnh hiểm nghèo. Chết không chết. Sống không ra sống. Nó bị hen suyễn mãn tính rất nặng. Người cứ thừ ra. Đờ đẫn. Nó cũng ngót nghét bốn mươi rồi chứ ít đâu. Mỗi khi trái nắng trở trời, thời tiết thay đổi là nó ngã đùng ra lúc nào không hay. Miệng sùi bọt mép. Tay chân co giật. Bà đã chết khiếp khi đối mặt với cơn động kinh của con lần đầu. Chẳng thuốc thang nào trị dứt được. Qua cơn nó lại khoẻ đùng đùng.

- Sao, bà tính nhanh đi cho, con còn phải về lo bọn trẻ nữa bà.

- Chị cho tôi trả dần trong đôi tháng được không ? Mỗi tháng tôi có vài trăm nghìn đấy.

- Thế, bà không ăn à.

- Ừ nhỉ.

- Hay là bà cấn cho con chiếc bông tai bà đang đeo vậy. Nó năm phân phải không bà. Mặt đá tính vào tiền công luôn đi.

- Chị đáo để quá. Bà cụ xót xa.

Mấy tháng sau thì cô mèo cũng đẻ. Bà cụ nhốt nó vào lồng để xin lấy núm nhau. Bà đem ngâm vào lọ mật ong vò vẽ. Ngâm ba tháng là dùng được. Mỗi lần bà cho con gái uống một thìa canh, ngày ba lần. Nghe người ta bảo, ngâm được ba năm thì tốt hơn. Hen nặng dùng hai, ba cái nhau như thế là khỏi hẳn. Bà cụ mừng thầm nhưng không thể chờ đến ba năm.

Bẵng đi một thời gian dài. Hình bóng bà cụ ngồi bậc tam quan ngày nào đã không còn trong mắt người qua đường. Có người nói bà đã về với đất. Người nói bà chuyển đi nơi khác. Người nói bà bệnh già nằm xo ro một mình. Bỗng dưng, một chiều. Người ta lại thấy bà ngồi buồn hiu chỗ cũ. Trông bà gầy gò hơn. Nhàu nhĩ hơn. Người bà kia lại đến, lại lân la, chuyện trò.

- Cháu đã mất, nhau mèo mun cũng không cứu được nó. Số trời. Mắt bà cụ âng ấng nước.

- Thì ra bà dùng nhau mèo trị hen cho con đúng không ? Thành thật chia buồn với bà. Còn con mèo đó đâu rồi.

- Nó vẫn ở nhà, bây giờ có đến chục con chứ chẳng ít, rằn ri thì nhiều còn đen tuyền thì không.

- Bà để lại cho con con mèo đen ấy nhé.

- Ừ, khi nào chị đến mà bắt.

Chiếc hoa tai lại về với bà cụ. Nó lại có đôi. Người đàn bà được cụ biếu thêm đôi mèo rằn ri mập mạp. Tính chi li thì người đàn bà chỉ có lợi mà chẳng mất gì. Số là, khi nghe bà cụ nhờ kiếm cho con mèo đen. Gặp lúc sui gia ở quê có con mèo cũng đen mà ăn gà con tợn quá. Đánh đập mãi mà nó chẳng chừa. Nghe chị sui này ngỏ ý xin, chị sui kia khoái quá, cho liền. Bây giờ thì người đàn bà biết giá trị của bọn tiểu hổ này rồi. Hai trăm ngàn một ký hơi chứ ít đâu. Người đàn bà nhốt chúng vào những chiếc lồng sắt chắc chắn, phía dưới có khay tro hứng của nổi, của chìm. Cơm ăn ngày ba bữa, chúng béo rõ ra. Bà trao số điện thoại cho nhà hàng đặc sản. Hai chú mèo rằn ri đã lần lượt ra đi. Tiền đã vào túi bà ta rủng rỉnh. Còn lại con mun vì chưa thoả giá nên nó còn nấn ná lại với gia đình bà. Mấy bữa nay trong người bà cứ đau râm ran, khi nóng, khi lạnh thất thường. Nếu khoẻ khoắn thì chắc bà ta chưa bán cục cưng quý giá này đâu. Bà đau, con mèo cũng lây vạ, đói kêu la suốt ngày. Bà vốn không quen với tiếng thét gào thê thiết của nó, nhưng không thể yên tâm khi để nó xa mình. Nhiều đêm thức giấc, bà nhìn thấy đôi mắt xanh rờn rợn của nó trân trân nhìn bà. Đôi mắt đưa qua, đưa lại như hai ánh lửa ma trơi. Mở mắt ra thấy đã đành, nhắm mắt lại vẫn thấy. Sợ quá, bà hét toáng lên. Người nhà phải mang nó ra ngoài. Thế mà giấc ngủ có chịu đến với bà đâu. Da bà xanh tái, hốc mắt hõm sâu, khuôn mặt từa tựa chiếc đầu lâu trên biển báo nguy hiểm, tay chân như bộ xương cách trí trong viện bảo tàng. Một bộ xương biết quậy quọ, la hét.

Rồi đến ngày người ta cũng nâng con mèo mun đó lên, trao tiền cho người đàn bà. Hôm người

ta mang nó đi, nó lồng lộn kêu gào thảm thiết. Ánh mắt nó sáng quắc nhìn bà căm thù. Ánh mắt nó bén như dao xắt chuối. Khi nó đi rồi, người đàn bà liên tưởng tới cảnh người ta mổ bụng cắt núm nhau của nó lôi ra. Toàn thân bà đau nhói, mồ hôi vã ra như tắm, khuỵu xuống. Hai, ba ngày vật vã như thế, bà ta không sao chịu nổi. Đi khám. Khối u tử cung đã tới giai đoạn cuối cùng. Bà suy sụp nhanh như tàu lá rũ. Chẳng biết có thuốc nào trị được khối u của bà không. Bà nhớ tới bà cụ ngồi bậc tam quan với vẻ mặt buồn hiu, đau khổ. Bà liên tưởng tới cái nhau mèo. Tới cảnh giãy giụa của con vật khi người ta mổ bụng nó. Tới ánh mắt nhọn hoắc như mũi dao Thái của nó nhìn đăm đăm vào bà, vào dạ con của bà. Bà ôm bụng lăn lộn rồi thiếp đi.

LÝ THỊ MINH CHÂU

thơ

HOÀNG YÊN LINH

CHỜ . . .

Sông cứ theo nhau ra biển cả
Bao giờ về lại với non cao
Ngược xuôi cũng đã mòn thiên hạ
Ước vọng thôi đành nỗi xót xa .

Mang theo một nửa vầng trăng cũ
Một nửa chia người giữ được không ?
Cớ sao đành đoạn vầng trăng lỡ
Để mãi tìm nhau , mãi đợi chờ ...

Trăng vẫn tròn trăng từ vạn kỷ
Nước có bao giờ lại cách sông
Ta mãi bên đời soi chiếc bóng
Một ánh trăng chờ ai biết không ?

HOÀNG YÊN LINH

NGƯỜI ĐI NHƯ NẮNG QUA ĐÈO

truyện ngắn

VĂN THÀNH LÊ

1. ***S****áng mai Phạm đi. Huy tiễn Phạm được chứ?!* Đấy là dòng chữ, thứ duy nhất liên quan tới Phạm mà tôi giữ được. Chưa bao giờ trong tôi có ý nghĩ cần phải giữ cái gì đó liên quan tới Phạm cho riêng mình. Bởi chẳng gì hiện hữu nhất, thật nhất, bằng chính Phạm. Mà điều ấy thì đã có câu trả lời. Nhà Phạm ngay cạnh nhà tôi, cách nhau mỗi bờ rào bằng hàng chè tàu. Trên lớp, Phạm ngồi cạnh tôi, cách nhau hai cái cặp bất đắc dĩ, vì gầm bàn hỏng. Tôi luôn nghĩ Phạm ở bên tôi, hay tôi ở bên Phạm là kết quả của một trường phái nghệ thuật sắp đặt tự nhiên, vô hình. Vĩnh viễn.

Nếu như không có cái ngày…

Bàn tay búp măng thon thon quen hứng mưa và nhặt nắng chiều trên thung lũng vẫy vẫy qua cửa kính ố vàng, tôi biết, Phạm đã xa. Xa thật. Xa như nắng qua đèo. Ngày mai nắng sẽ lại lên. Nhưng nắng ngày mai có giống nắng chiều nay không? Tôi quay đầu. Không phải đi tìm câu trả lời. Ngẩn ngơ. Xe đổ dốc. Nghe văng vẳng giọng Phạm, nhè nhẹ như gió chiều thở qua vách núi mà sao thảng thốt, mà sao nằng nặng "Huy chờ thư Phạm nhé!"

2. Mặt trời như cái mộc đóng mốc son đỏ au lên đỉnh núi phía cuối làng. Không cần chữ ký. Tôi vẫn tin. Vẫn biết. Chiều chuẩn bị tắt.

Tôi dắt xe lên lưng chừng dốc, định bụng về nhà ăn cơm, trùm chăn, cho mọi sự lăn vào ngăn ký ức, gói lại, và ngủ. Nhưng lẩn thẩn một hồi lại lạc ra bãi đá nơi bờ suối hồi nào không hay. Nhặt mấy viên sỏi ném lia thia. Những viên sỏi rời tay lao đi theo một đường căng, rồi nhảy lật đật trên mặt nước. Mặt nước chênh chao bởi nước bắn lên theo nhịp, thật đẹp. Và viên sỏi va vào bờ đá bên kia, chìm nghỉm.

Phạm đi. Phạm về phố. Phố có gì cơ chứ? Người ta đồn phố chỉ có nhà, xe máy, tắc đường và bụi. Không khí dưới ấy như cô lại, vón cục, phả vào người, ran rát. Nếu sống ở đấy lâu dài chắc phải cần đến ba hoặc bốn lá phổi mới có thể trụ được. Rồi ai cũng giống ai, khẩu trang, mắt kính, y như đội quân vào trận, hăm hở tranh nhau từng khúc đường, dù chỉ lọt nửa bánh xe. Sao ai cũng về phía ấy? Phạm cũng đang nhảy, chấp chới. Phạm nhảy về phía tương lai, như lời bố mẹ Phạm hôm tối qua nhà chào gia đình tôi, nói thế. Liệu thành phố có cứng và sừng sững như vách đá bên bờ suối kia? Liệu Phạm có va vào mà kêu "á" và rớt cái "bủm" như viên sỏi tôi vừa ném. Không biết nữa. Nhưng chắc là không. Tôi tin dù ở đâu thì không một ai, không cái gì nỡ làm tổn thương một người như Phạm. Bởi Phạm thánh thiện lắm, và cũng mong manh lắm.

Một viên sỏi tôi ném bị hẫng tay lao ngay vào bụi rậm kề sát mặt suối. Nhìn theo. Tóe lửa. Không phải. Mà là một chùm Bông Trang lấp ló cười e lệ nhú xuống vách đá. Vậy là đã tới mùa hoa Bông Trang. Phạm lỗi hẹn với mùa Bông Trang rồi. Cái ngày hái Bông Trang cho Phạm để dưới gầm bàn hay cắm trên bàn học, đã xa. Cái ngày kết hoa Bông Trang cho Phạm đóng giả làm cô dâu, lại càng xa. Định bơi qua ngắt một chùm. Nhưng nghĩ chẳng để làm gì. Bên kia hàng chè tàu giờ là bà dì Phạm qua trông nhà giúp, chứ không phải Phạm nữa. Đành vậy. Để hoa thế. Đỏ nữa đi Bông Trang!

37 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

3. Phạm viết thư về, nói xin lỗi đã để tôi chờ thư lâu. Phạm bảo bận quá. Phải học cả ngày. Hết chính khóa đến học phụ đạo, qua phụ đạo là học thêm, học ngoại khóa, thực tế picnic, tham quan. Ngoài Tiếng Anh là ngoại ngữ chính còn thêm tiếng Trung nữa. Phạm bận tập giao lưu với bạn bè qua internet để tìm thông tin và học ngoại ngữ. Phạm có cả thế giới trong nhà. Phạm bây giờ như một cái máy, thời khóa biểu như giây cót đã lên sẵn trước cả năm, cả tháng, thậm chí cả tương lai trước mặt, cứ vậy mà quay theo, không thể khác.

Đọc thư thấy mừng cho Phạm. Vậy là Phạm đã thích nghi được với môi trường mới. Phạm là vậy mà. Tôi tin chứ. Mong manh đấy mà cũng giàu nội lực lắm đấy. Nhưng sao thấy buồn buồn. Liệu cả thế giới mà Phạm có trong nhà còn những chiều hai đứa đi học về, thả dốc bụi mù mà vẫn cười ngắm hoa dại ven đường, hay gặp mưa ướt sũng mà thương cỏ may xao xác, dù người lạnh căm căm? Sao Phạm không nhắc tới mấy bài thơ tôi nhét vội vào ngăn ngoài ba lô khi đưa ba lô lên xe cho Phạm? Không lẽ bị rớt? Tôi nhớ là đã kéo khóa cẩn thận mà. Hay thơ tôi chẳng có gì đáng nói. Chỉ có vài vạt hoa dại, vài xâu nắng chiều hay trăng treo thung lũng buồn như tiếng chuông chùa cũ kỹ thẳm sâu u tịch. Vút lên và lặn vào thinh không. Tĩnh mịch.

4. Rồi những lá thư của Phạm cũng như nước ở con suối vào mùa hạn, ít dần. Bà dì Phạm kêu: "Phạm nó về phố học mà rộc người đi, thương quá. Giá như cứ ở đây rồi cũng thành người, cứ hồn nhiên như cây cỏ có phải hơn không. Ai lại bắt tội con bé thế?" Tôi bảo: "Phạm xuống phố mới có điều kiện để tiến xa chứ ạ. Rồi Phạm còn phải đi du học nữa". "Du học du hiếc gì chẳng biết. Nó cứ ở đây, học giỏi như anh rồi thì thi gì mà chẳng đậu". Tôi nói với bà vậy nhưng vẫn nghĩ giá như Phạm và ba mẹ Phạm đều làm như bà nói thì sẽ tuyệt biết bao. Dù vẫn biết Phạm về thành phố là lựa chọn không thể tốt hơn cho tương lai.

Bà đưa cho tôi xem những bức ảnh Phạm gởi về. Ảnh Phạm giữa bạn bè, nô đùa; ảnh Phạm giữa gia đình quây quần; ảnh Phạm ngồi bên bàn học; ảnh Phạm đang lướt nét... Phải! Trông Phạm gầy hơn. Và thay đổi nhiều quá. Duy ánh mắt là vẫn vậy. Sáng. Trong. Một chút buồn. Một chút thôi. Như mang cả vầng trăng của thung lũng, mà có lần tôi đã nói với Phạm thế.

5. Và tôi cũng vào đại học. Cái ngày tôi đi cả thung lũng tiễn xuống chân dốc. Bà dì Phạm giúi vào tay tôi địa chỉ gia đình Phạm, bảo xuống đấy, lớ ngớ có gì kêu cô chú và Phạm giúp đỡ. Bà thật như những người già miền sơn cước. Chiều ấy, nắng cũng đổ qua đèo tiễn bánh xe tôi đi.

Lần lữa mãi, tôi cũng tìm tới nhà Phạm. Cô chú vồ vập tôi như những người thân sau bao nhiêu năm gặp lại. Cô mắng yêu "Mới hai năm mà trông cháu ra dáng quá. Trông cái mặt ngang ngang như không biết sợ gì mà mắt lại thăm thẳm này, chỉ cần một hai tháng nữa bén hơi phố thì ối cô chết". Tôi cười ngượng nghịu. Thầm nghĩ, có quăng mình tới đâu rồi chắc cũng vậy. Phố thị ồn ào hay hải đảo xa xôi. Châu Phi nóng hổi hay Âu Châu lạnh lẽo, cũng vậy. Có chăng là bào mòn, xây xước lớp tế bào da. Còn thì mắt vẫn sẽ ánh mắt ấy. Tâm hồn vẫn tâm hồn ấy. Đặc quánh hơi thở phố núi. Rong rêu và bụi bặm. Khoáng đạt và trầm sâu. Tôi như giọt nước cốt được chưng cất, chắt lọc từ nắng, mưa, gió, bão, hạn hán, lũ quét... cả mười tám năm trời nơi thung lũng. Vì vậy tôi thuộc về phố núi. Mãi mãi. Không thể khác. Dù mai đây tôi có dạt tới chân trời góc bể nào!

6. Ý nghĩ của tôi bị cắt ngang bởi tiếng Phạm gọi tên tôi mừng rỡ. Phạm đi trên cầu thang xuống. Phạm mặc chiếc váy đầm trắng. Tôi mừng. Và thảng thốt. Phạm khác nhiều quá. Chiếc đầm trắng, nhưng sao tôi thấy không trắng như chiếc áo đồng phục hơi ngả màu vàng vì bụi đường phố núi năm nào. Duy có ánh mắt Phạm là vẫn vậy. Ánh mắt như mang cả vầng trăng của thung lũng.

Nhưng khi nghe Phạm nói Phạm đang gấp rút chuẩn bị hồ sơ để đi du học nên không đưa tôi đi thăm thú, làm quen phố phường được thì tôi giật mình thật. Tôi không nghĩ là lời tiên đoán đùa với bà dì Phạm năm nào giờ thành hiện thực. Tôi thấy như mất một cái gì đó đã ấp ủ suốt hai năm, trong mình. Sâu lắm. Xa lắm. Không gọi được thành tên.

Ngày Phạm đi, chiếc Boeing cất cánh dưới chiều tà nhạt nắng. Nắng khô không khốc. Nóng bức. Nhưng trên máy bay có máy lạnh. Phạm sẽ không nóng. Tôi nghĩ ngớ ngẩn thế, hay nói đúng hơn là không nghĩ được gì khả dĩ hơn. Đầu trống rỗng.

Chắc lại phải hai năm nữa. Hai năm nữa lớp cử nhân tài năng của tôi mới được đi du học. Người đi như nắng qua đèo!

Vũng Tàu, 1/2/2009

VĂN THÀNH LÊ

thơ

BÀNG ÁI THƠ

CẢM SÚC THƠ BÊN SÔNG HỒNG

Giòng mai vời vợi gió
Vương vương sương buông mờ
Đôi bờ sao lặng thế
Vắng bóng ai xuống đò
Thủy hồng băng băng xiết
Quặn trở những lô xơ
Chìm nổi thân cỏ rác
Dạt chốn nao bến bờ
Sương mỗi lúc dầy nặng
Mặt trời chẳng về trưa
ý thơ buồn bỏ ngỏ
Tình thơ buồn bơ vơ !

BÀNG ÁI THƠ

39 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

DỊ HỒN ...

truyện ngắn

HÒA VĂN

Mẫn Mẫn về tới nhà đã hơn hai mươi mốt giờ, rón rén đi ngang qua phòng ngủ của mẹ thấy ánh sáng đèn trong phòng lờ mờ... định bụng dòm vào khe cửa xem thử mẹ có ngủ yên giấc không nhưng lại thôi.

Cơn buồn ngủ cộng với có chút rượu mừng sinh nhật của người bạn nữ thân thiết dù chỉ là rượu vang thôi thế mà sao vẫn thấy hay hay thế nào ấy. Bảo say rượu thì chưa vì chừng năm ly ăn nhằm gì với cơ thể đẫy đà của cô con gái hai mươi bốn tuổi. Mẫn Mẫn vịn thanh cầu thang lên tầng hai.

Trong phòng Thương. Phòng của mẹ Mẫn Mẫn đèn phụt tắt.

Thương nằm sấp còn Chỉnh nửa nằm nửa ngồi dựa lưng vào vách tường phía đầu của divan.

Thương thút thít khóc. Không biết chuyện gì đã xảy ra Chỉnh lục mãi trong đầu cũng chẳng thấy có gì làm người vợ hờ của mình giận đến nỗi như vậy. “Hay là cô ta biết phong phanh vụ...”. Chỉnh thoáng nghĩ rồi vội vàng dập tắt ngay. “Làm gì mà biết!”. Chỉnh tự trả lời như thế trong bụng.

Thương gãy gánh giữa chừng năm bé Mẫn Mẫn vừa tròn mười bốn tuổi. Ba Mẫn Mẫn lúc đầu là người tốt, rất tốt, ngôi nhà ba tầng nầy của chồng công vợ đã đành nhưng phần chồng nhiều lắm. Những chuyến buôn hàng từ biên giới về thành phố không đi thi thôi đã đi trúng lớn đó là ở thời kỳ cuối những năm tám mươi, khi đất nước chuyển từ bao cấp sang kinh tế thị trường. Sự non nớt trong quản lý loại hình kinh tế mới ấy nơi thành phố đông dân là kẽ hở cho những ai biết làm giàu. Ông bà xưa nói trúng phàm làm điều gian dối sẽ không bền mà còn mang họa. Người chồng Thương coi đường sá quán xá là nơi tá túc rồi dẫn đến bỏ bê việc gia đình, kế đến lâm cờ bạc cá độ bóng đá. Giàu lên nhanh và lụn bại cũng chóng tiền mất tật mang và qua đời sau cơn bạo bệnh tính đến nay đã trên mươi năm. May mà Thương tích cóp còn số vốn nho nhỏ nếu không?. "Thôi số mạng đành chịu!". Thương hay nghĩ vậy và lấy việc buôn bán ở Shop hàng thời trang ngoài chợ Tân Bình làm niềm vui. Vậy mà...

**

Trời đổ mưa bất chợt. Ở thành phố nầy là vậy. Mới nắng hầm hập thế mà thoáng tiếng đồng hồ sau mưa... mưa xối xả. Ngồi ở Shop nhìn ra đường nước mưa rút không kịp dâng lên gần ống quyển. Toàn bộ xe cộ đang bị khựng lại. Nhiều người đi xe Honda dắt xe lên lề đường loay hoay nổ máy chạy tiếp.

Chỉnh hết đề lại đạp đến tua thứ mười mấy rồi mà con xe ga đời mới vẫn im như miệng ngậm tăm. “Chắc hỏng gì rồi?”. Thương nhẩm nhẩm như vậy khi thấy “anh gì ấy” áo quần sũng nước mưa trông tội nghiệp. Chỉnh ngước mặt lên đã thấy Thương cầm trên tay chiếc dù hoa và một tay cầm chiếc áo mưa cánh dơi.

“Cho anh mượn tạm!”.

40 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Thương nhìn rõ mặt "anh gì ấy" thoáng rùng mình. Đây là cảm giác hết sức bình thường trước cái nhìn sắc sảo và đa tình của đôi mắt Chỉnh. Đôi mắt một mí cộng với hai hàng lông mi đẹp như kẻ vẽ dù đang ướt đẫm nước mưa.

"Vâng! Cảm ơn em!".

Thương lại thêm một lần nữa bị hớp hồn bởi câu nói ngọt và lịch sự của "anh gì ấy".

"Dạ... em cho anh mượn tạm thôi!".

"Chưa chắc!".

Chỉnh đùa tinh nghịch.

"Hỗng dám!".

Đó là đoạn đối thoại ngắn ngủi và dẫn đến hai người xa lạ về sau quen thân với nhau. Và bây giờ đang ở chung trong căn phòng...

"Anh bật đèn lên!".

Thương dừng khóc nói với Chỉnh.

Chỉnh nói:

"Có gì vậy?".

"Anh cứ bật đèn sáng đi!".

Chỉnh chưa vội đã nhiều lần trước cũng vậy. Mọi việc giận dỗi gì đó do chưa hiểu hoặc hiểu nhầm sẽ chóng vánh qua đi khi Chỉnh mạnh dạn sấn tới. Và tất cả trở nên hiền hòa. Thương thả lỏng cả người để đón nhận bao sự nồng cháy của con tim đang háo hức tràn đầy nhựa sống giống cây bị hạn thiếu nước tưới giờ đang gặp bữa trời mưa nặng hạt.

"Ai có trách điều gì thì trách xin đừng có lời ong tiếng ve với em tội nghiệp. Bé Mẫn Mẫn giờ đã lớn khôn vừa xong Đại học nay mai đi làm và rồi nay mai sẽ có gia nương...".

Thương nằm trong tay Chỉnh mà nghĩ miên man như thế...

"Vậy nên chắc con mà biết nó cũng đồng ý thôi!".

Thương tiếp tục suy nghĩ...

Chỉnh có vợ con đoàng hoàng lại là một người ăn nên làm ra việc đi mây về gió có gì lạ. Thương cũng chẳng cần Chỉnh chu cấp tiền nong gì. Tự Thương xoay xở quá đầy đủ. Một Shop ở chợ, một nhà cho thuê làm văn phòng ở khu dân cư mới Bình Tân cả hai khoảng thu nhập mỗi tháng trên mười lăm triệu...

Cơn mưa đêm về sáng càng tăng thêm sự ham muốn... Thương lặng lẽ ngồi dậy mở cửa phòng ra phòng bếp vệ sinh cá nhân một cách vội vã xong quay trở lại ngay.

Chỉnh nói:

“Em hết gận chưa?”.

Đèn vẫn chưa bật.

Hôm ấy là Chủ Nhật.

**

Cũng là ngày Chủ Nhật...

Chỉnh đến nhà mà không điện thoại báo trước Thương như mọi khi. Xe đỗ trước cổng. Trời mùa Đông mới chạng vạng nom như đã tối rồi. Thấy có người dừng xe lâu trước nhà, Mẫn Mẫn dừng nghe nhạc ra đứng ngoài ban công nhìn xuống, biết chú Chỉnh, cô trở vào phòng mặc thêm chiếc áo lạnh màu cánh sen mode Đà Lạt, đi lại tấm kiếng soi soi... Mẫn Mẫn mỉm cười chính với bóng của mình tự khen "Ai bảo mày đẹp thế!". Mà đúng chính mẹ cũng nhiều lần khen lấy khen để cô con gái rượu, nào là như người mẫu, như hoa hậu... Con trai cùng trang lứa thì thậm thò thậm thụt mỗi khi gặp Mẫn Mẫn bởi sức sống của cô gái đương thì mơn mởn... như thế!. Chịu thôi!.

Mẫn Mẫn đi xuống mở cổng.

“Chào chú Chỉnh!. Mẹ cháu đi sang nhà cô bạn bên chợ Tân Bình.”.

Chỉnh giờ đã bước xuống xe tay vịn cửa cổng sắt nói:

“Chú đi chút việc sẽ quay lại!”.

“Dạ! Dạ... Mời chú vào nhà chút mẹ cháu về!. Mẹ có nói với cháu đang cần gặp chú để hỏi chú về việc gì liên quan đến Shop của mẹ.”.

Chỉnh:

“À!. Nhớ rồi!”.

Và cho xe vô sân.

Có chuyện cần nên quá hai mươi giờ Thương mới về nhà. Bước vào phòng riêng của Mẫn Mẫn, Thương hoảng hốt chứng kiến cảnh "dượng và cháu...". Mẫn Mẫn thất thần vừa khóc vừa kể tại chú... tiếng được tiếng mất quá thảm thương!.

Chuyện xảy ra quá bất ngờ khiến chính Thương cũng không có được giọt nước mắt nào chỉ có giận tím môi. Giận Chỉnh bao nhiêu Thương tự cấu xé lòng mình bấy nhiêu. Ngôi nhà vững chải như thế mà đang lung lay tận móng.

Chỉnh hối hận cũng đã rồi...

Thương láng máng điều gì trong đầu mấy tháng gần đây mà không dám dứt khoát nói không với trò cút bắt tình yêu của mình.

Thật dị hồn dị tướng!.

HOÀ VĂN

42 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

ĐỔI NGHỀ

truyện ngắn

VÕ CÔNG LIÊM

Nàng nghĩ Trứ sẽ không bao giờ trở về. Với bao kinh nghiệm đã qua trong cuộc đời thì lần nầy sẽ là điều tuyệt vọng lớn lao cho nàng.

Đêm cuối cùng trong chăn chiếu thì sáng hôm sau chia tay vợ để lên đường của kẻ chiến bại; dù có hứa chăng nhưng đây là lần hứa hẹn mong manh. Nàng ủ dột đưa tiển chồng như dứt một cuộc tình mà cả hai nuôi dưỡng từ mấy năm qua cho tới khi họ quyết định thành hôn. Sống với nhau chưa bao lâu thì tình đời và tình người thay đổi đột ngột, biến tốt thành xấu, biến hy vọng thành tuyệt vọng...tất cả trở nên tha hóa giữa một xã hội nhiễu nhương. Nàng ngậm nỗi đau.

Mười năm sau Trứ trở về. Én được 10 tuổi. Giữa cha con nhìn nhau trong nỗi nghẹn ngào. Trứ ôm con vào lòng như tự trách mình thiếu trách nhiệm yêu con và dạy con nên người. Én nhìn cha mà lòng xót xa vô hạn. Hai hàng lệ lăn âm thầm trên gò má một già, một trẻ.

Sáu tháng sau Nhạn mang thai đứa thứ hai với Trứ. Chấp nhận mọi thương đau, xóa lấp quá khứ đen, cả hai xăng tay áo đào, bới sỏi đá để đổi lấy ngô khoai. Đầm ấm trong cái bắt đầu trở lại cho tương lai. Dẫu rằng đời sống khó khăn, thời buổi kiếm hột gạo nuôi thân không phải dể, với Trứ hoàn toàn khó. Không bất lực cũng trở nên bất lực, ai nhận cho Trứ làm ăn ? Trứ tự cầm tù lấy mình trong căn nhà thừa kế của ngoại sáp nhỏ để lại. Rồi từ đó vợ chồng Trứ tứ cố vô thần, chả có ai đỡ đần. Bốn bề hàng xóm có hơn chi mình. Đành vậy!

Én bây giờ 15 tuổi, Tân 5 tuổi. Trứ trở thành gà trống nuôi con, Nhạn chạy gạo. Bửa đói, bửa no; bao nhiêu thứ coi được, bán tháo, bán đổ để lấy tiền nuôi bốn miệng ăn. Trứ nuốt những hạt nước mắt khô, bỗng dưng Trứ trói mình trong rọ như con heo chờ chết. Dù khổ cách mấy Nhạn vẫn yêu chồng con không một lời than oán. Nhạn càng ngày càng gầy vì uống nhiều thang thuốc đắng của đời để lại. Mấy ai hiểu cho!

Nhạn kiếm được việc làm ở một khách sạn lớn thành phố. Nhạn được giám đốc nhận ngay không phải vì năng khiếu mà nhờ một chút nhan sắc còn lại, với 36 tuổi "già non" mình mẩy dong dảy, 2 con nhưng nước da trắng ngần, mượt mà không ai nói Nhạn ở cái tuổi đó; dưới con mắt chuyên nghiệp của giám đốc khách sạn, ông ta có con mắt nhìn được sự vật huống là nhìn vào con người bình thường như Nhạn. Họ bố trí cho Nhạn vào phụ bếp. Lần đầu cầm đồng lương từ mồ hôi nước mắt Nhạn sung sướng và hảnh diện cho bản thân mình. Trứ và hai đứa con có chút thịt da. Nhạn nhìn chồng con mà cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Đời sống sinh hoạt dần dà thay đổi thấy rõ.

Nhạn làm ở đây đâu được 6 tháng mà mỗi ngày phong cách Nhạn mỗi khác. Ca kíp, giờ giấc bất thường có nhiều lúc về giữa khuya. Ba cha con ôm nhau ngủ ngoan. Nhạn nhìn chồng con mà ứa lệ. Hình như trong thâm tâm nàng có nỗi buồn riêng.

Trong tiếng thức giấc về sáng, tranh tối tranh tỏ, Trứ ú ớ trong họng :

- Sao về muộn thế em ? Cơm nước để trên bàn. Ăn đi rồi ngủ.

Nhạn ừ è lấy lệ. Ra sau dội nước vào đầu, tắm sạch những bụi bám trong ngày. Đời cứ thế trôi xuôi, trôi mãi ngàn năm ? Không! sẽ tới điểm dừng. Nhạn nghĩ trong đầu.

Trứ được bà Đệ kêu làm vườn và sau đó đổi qua làm mộc, làm hồ, sửa nhà cửa. Bà có của ăn

của để. Chồng bà dân có máu mặt, tham nhũng nổi tiếng, chết bệnh tim ở tuổi ngoài 50 cách đây 5 năm. Cảnh nhà trở nên hoang vắng, bà Đệ cảm thấy lẻ loi, cô độc. Bà thường nhìn Trứ từ khung cửa sổ xuyên qua vườn nhà mà như thầm nhủ điều gì. Trứ cảm thông cho hoàn cảnh vắng bóng của bà Đệ. Nhiều lần chàng dừng chân tâm sự đôi điều với bà cho vơi nỗi buồn chung.

Một hôm sau buổi làm về. Trứ ngạc nhiên thấy vợ ở nhà không đi làm như mọi khi. Nàng đứng bếp sửa soạn bửa ăn chiều. Trứ ân cần thăm hỏi vợ. Đến gần ôm vợ hôn lên tóc, Nhạn quay đầu nhìn lui với đôi mắt trìu mến. Mỉm cười cùng chồng.

- Em nghỉ hẳn ở khách sạn. Nhạn nói.

- Sao thế ? Trứ nói

- Em trúng số. Nhạn nói

-Thật không ? Em đùa.

- Đừng đùa như thế làm anh hoảng nghe em. Trứ nói.

- Không bao giờ em dối với chồng con đâu. Giỡn chơi thôi mà! Nhạn nói.

Họ dậy muộn sáng hôm sau; vẵng nghe xa xa những tiếng cười trong xóm. Nhạn cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ. Trứ liếc nhìn Nhạn mà cảm thương sự can đảm, chịu đựng của người vợ hiền, trước mọi hoàn cảnh gian truân nhưng một lòng hy sinh để giữ tương lai và hạnh phúc cho chồng con. Trứ không còn do dự, tự hỏi lòng mình đã làm gì có lợi cho gia đình và xã hội chưa ? Từ ngày trở về; nếu không có Nhạn lao đầu vào đời, liệu Trứ có thay đổi cuộc đời cho mẹ con Nhạn hạnh phúc hơn không. Trong lúc xã hội bỏ rơi Trứ ? Chàng đôi lần nghĩ phận mình mà cảm thấy đau lòng…

Nhạn ôm Trứ vào người và nói thì thầm bên tai chồng. Đôi mắt Trứ thay đổi hẳn ra ./.

(ca.ab. 8/2011)

VÕ CÔNG LIÊM

thơ

NGUYỄN MAI

HÌNH ẢNH MANG THEO

Xa là viễn ảnh với gần
Gần là có thể đi chân tới nhà
Và gần, ta nhớ khi xa
Ôi người đứng dưới giàn hoa bạc màu.

NGUYỄN MAI

HÁT GIỮA TRẦN GIAN

truyện ngắn

PHAN TRANG HY

Tôi thẫn thờ cầm chiếc điện thoại lên nghe. Vẫn điệu nhạc chờ mà tôi ưa thích. Điệu nhạc của một thời làm lay động bao trái tim. Điệu nhạc đã lôi cuốn tôi tập tành yêu ca hát. Biết bao điệu nhạc đã mang lại lợi nhuận cho kẻ đầu tư. Biết bao tiếng hát được cài làm nhạc chờ trên điện thoại. Có thể chỉ cần nghe điệu nhạc chờ ấy là bạn có thể đoán được tính của chủ nhân chiếc điện thoại, không biết điều đó có chính xác không thì tôi chưa rõ. Tôi bấm nút, và cất tiếng a lô. Vẫn giọng điệu buồn bực, tiếng thằng bạn tôi vang bên tai: "Tau chịu hết nỗi rồi. Nó đã lừa gạt tau, tau không ngờ nó như thế?". Tôi ừ ừ... Bạn tôi nói liên tu bất tận. Tôi chịu trận. Tính tôi vẫn thường cả nể, ít nói, nhưng chịu lắng nghe. Nên khi bạn tôi có điều gì muốn trút nỗi lòng thì thường tìm tôi tâm sự. Tôi biết rõ điểm yếu của mình, nhưng đã là tính nên cũng khó sửa. Thôi thì ráng chịu cho nó qua. Hắn nói như ra lệnh tôi: "Mi đi với tau gấp. Tau cần mi!...". Tôi vẫn ừ ừ.

Và rồi tôi đến với hắn. Tôi phải chiều hắn, uống cà phê cùng hắn để cho hắn hạ hỏa. Qua chuyện trò, tôi biết hắn bị một lãnh đạo cùng công ty đưa hắn vào chỗ mất tiền, mất của. Tôi chỉ biết thở dài. Chỉ an ủi hắn. Chớ biết nói gì cho phải.

*

Tôi đang ngồi đánh lại truyện ngắn. Tôi chăm chú nhìn từng chữ cái trên bàn phím nhằm tránh sơ sót, tránh lỗi, nếu được. Bỗng bên tai tôi vang lên tiếng hát bâng quơ. Và tiếp theo là tiếng hò hét của bọn trẻ trong xóm.

- Ê, tụi bay coi ông điên đi!

- Ồ, ông điên đến rồi tụi bay!

Bọn trẻ túa ra vây lấy y, chọc ghẹo y.

Trước mắt tôi là tên lãnh đạo của bạn tôi. Tôi không ngờ cuộc đời lên voi xuống chó nhanh đến vậy. Nhanh như trở bàn tay.

Trước đây, y cũng là người bình thường như bao người. Y mang cái tính "mỗi người vì mọi người, mọi người vì một người" khi y bắt được cái triết thuyết khoa học xã hội. Y đã sống trong cái thế giới đầy mơ ước. Quả là cái thói mơ mộng của kẻ không thoát khỏi cái ao làng. Như con ếch ngồi dưới giếng mơ về chuyện thần tiên, mơ về kiến thức của những con nòng nọc, mơ về sự tiến hóa của thế giới trong lý luận của Darwin, như chú Dế Mèn trong truyện của Tô Hoài, y nghĩ về cái thế giới đại đồng, cái thế giới chỉ có trong sự tưởng tượng kỳ thú của tôn giáo hay của cái chủ thuyết viễn vông từ những bộ óc siêu việt không tưởng. Y nhiệt thành nghĩ về cái thế giới chỉ có trên sách vở, trên những trang lý luận của các học thuyết vô bổ.

Cuộc đời dạy cho y nhiều bài học sinh tử, dạy cho y muốn thăng hoa, bên cạnh mơ ước, mộng đẹp, thì cần biết bao nhiêu thứ phải có.

Thế rồi, y đổi tư duy. Từ cái tư duy cũ kĩ, chỉ biết phục vụ mọi người, y phải quay 180 độ, để mọi người phải phục vụ y. Y biết và thực hiện cho kỳ được điều đó. Và y biết chắc, chỉ là kẻ có

tiền, có quyền thì mới được kẻ khác phục vụ. Dù không phải là người có tài, có đức, nhưng dẫu sao, y cũng muốn điều đó. Không có quyền, thì ít ra cũng phải có tiền. Dù thiên hạ không phục, dù thiên hạ không ưa, nhưng có tiền thì có thể có những thứ y ao ước.

Y đâu quên được cái ngày tập tành kinh doanh địa ốc. Trăm điều xảy ra với y. Những lý thuyết trong sách vở thánh hiền đã gây khó cho y. Những thứ dính líu đến lòng nhân ái, vì mọi người mà phục vụ, phục vụ bằng chữ tâm, chẳng đem lại cho y được một bữa no nào. Những đồng tiền vay ở ngân hàng ngày càng nhiều, những nợ nần mượn ở các nhân viên dưới quyền ngày càng chồng chất. Có khi, y phải nhịn ăn sáng, nhịn cả thư giản, vui chơi ngày chủ nhật mà làm bộ kiêng khem, mà làm bộ bận rộn. Y ngộ ra một điều những thứ giáo điều nhân đạo, có thời y đã coi như là máu thịt, chỉ đáng nằm trong thư viện, để rồi con cháu y muốn hiểu rõ cuộc đời y thì vào thư viện hoặc lên mạng tra cứu. Còn không thì để cho mối mọt gặm nhấm hoặc để thả lửng trên mạng.

Để tồn tại, y đổi mới tư duy theo định hướng kinh tế thị trường mang cái nhãn mác mới trong cách nghĩ, cách làm. Bằng mọi cách trong kinh doanh, y dùng nước bọt để làm giàu. Chỉ cần "cò" qua "cò" lại là y có thể kiếm ra khối tiền. Y không ngờ thời cuộc thay đổi nhanh đến vậy.

Và lại thay đổi thời cuộc. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã kéo theo khủng hoảng trong kinh doanh địa ốc. Y cũng không thể thoát khỏi sự khủng hoảng đó. Mọi người quanh y đã dè sẻn cách sống. Họ dịch biến để tồn tại. Y cũng muốn dịch biến để tồn tại. Nhưng, cái tư duy đổi mới quá nhanh, cái tư duy muốn hốt của của người khác cứ ám ảnh y trong khi ăn, khi ngủ.

Rồi ngân hàng đòi nợ. Các nhân viên đòi tiền. Rồi vợ li dị. Cả đứa con trai độc nhất cũng bị vợ y quyết không cho y gặp mặt. Y không còn gì cả!

Trằn trọc, nghĩ suy mấy đêm, y ngẫm khối thằng không ra gì mà vẫn sống phây phây. Biết bao thằng có tiền, có quyền, tham lam mà vẫn sống sướng. Bọn chúng ngày một giàu có thêm, ngày một được trọng vọng. Quả là chúng xứng đáng là những kẻ có tài! Nếu có vỡ lở chuyện tham nhũng, ăn cướp của công, bọn chúng trốn biệt như có phép tàng hình. Một sợi lông của chúng vẫn không bị rụng. Còn y có còn gì đâu? Y bứt tóc. Y đấm vào đầu. Y mệt mỏi, thẫn thờ. Từ đó, y không ngủ được. Y luôn thức. Thức 24 trên 24.

Thằng bạn tôi vẫn còn buồn bực mỗi khi có ai đó nhắc lại chuyện hắn bị lừa gạt. Tôi thường khuyên hắn thôi thì cứ sống vui đi. Biết hắn thích nhạc Trịnh Công Sơn, nên khi hắn có tâm trạng bực buồn, thì tôi lại chọc hắn qua điện thoại: *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui…*

Thằng bạn tôi lại gọi điện mời tôi uống cà phê. Tôi muốn biết thêm về tên lãnh đạo lừa phỉnh bạn tôi, nên tôi nhận lời. Qua trò chuyện, tôi được biết thêm cái tình tiết làm cho y phải chuốc lấy tai ương sống trong tâm thế dật dờ . Ôi, có phải đó là nhân quả?

Một hôm, lúc nửa đêm, đứng trên ban công khu chung cư cao tầng dành cho người thu nhập thấp – vì nhà y bị tịch thu trừ nợ xấu, y nhìn chung quanh. Trước mắt y đâu rồi thành phố đẹp về đêm? Đâu rồi hàng cây bên đường, nơi y hẹn hò cùng vợ thuở học trò? Đâu rồi những buổi tiệc tùng vui thâu đêm suốt sáng? Đâu rồi những lần y lên sân khấu nhận giấy khen trong tiếng vỗ tay chúc tụng của mọi người? Đâu rồi những cái bắt tay cùng quan chức? Đâu rồi? Đâu rồi?... Y ôm đầu, tức tưởi. Y cảm thấy cả thành phố như đảo lộn. Rồi y thét một tiếng rõ to. Y nhảy xuống đất tìm những cái đâu rồi ấy. Không may, y không chết được. Từ đó, y sống trong tâm thế dật dờ.

Chỉ thấy y hàng ngày nghêu ngao hát, nghêu ngao cười khóc. Gặp gì ăn nấy. Gặp gì mặc nấy. Y đeo một cái bao đựng đồ ăn thức uống. Còn quần áo, ai cho gì, y cũng mặc vào. Càng ngày áo quần dơ bẩn như bám lấy y. Y giắt áo quần đủ loại quanh người, kể cả xu chiêng, xi lip...

46 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Y trở thành một con người lạ lẫm ở cuộc đời. Y nghêu ngao hát giữa trần gian...

Y không còn biết những gì đang xảy ra. Dù ở đâu đó có chiến tranh vì khí dầu, vì biển đảo. Dù ở đâu đó có động đất, sóng thần. Dù ở đâu đó đức Cha đang làm thánh lễ. Dù ở đâu đó các Tỳ Kheo, Hòa Thượng đang cầu an bình đến với thế gian. Dù trên cả thế gian mọi người đang sợ ngày tận thế…

Y vẫn hát nghêu ngao ở giữa trần gian...

Trên cuộc đời này, y hát như chưa bao giờ được hát.

Y hát về cõi viễn vông giữa trần gian…

Và các bạn có biết không? Tôi cùng bạn tôi đang uống cà phê. Những âm thanh của những bản nhạc không lời đang cùng chúng tôi hiện hữu. Tôi nghe âm thanh yên bình *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui…*

Tháng 4-2012

PHAN TRANG HY

thơ

ĐINH HƯƠNG

ĐƯỜNG ĐỜI

Tôi đi đi mãi đi hoài
Chuyến xe định mệnh lăn dài nỗi đau
Tôi nhìn trước tôi nhìn sau
Nơi đâu cũng thấy lao xao nỗi buồn
Sớm tinh nơ tới hoàng hôn
Tôi như cái vụ quay vòng tỉnh mê
Ngày dài buồn bã lê thê
Đêm bao tâm sự trở về bủa vây
Xót mình như ngọn lá bay
Giữa cơn cuồng nộ đất quay trời cuồng
Đã qua sóng gió dập dồn
Giờ tôi tỉnh lại vẫn còn thấy đau.

ĐINH HƯƠNG

DẶM DÀI LAU LÁCH

truyện lịch sử

TIẾN THẢO

*T*hế là chàng thiếu niên họ Đặng đã không uổng công đèn sách trong mấy năm liền kể từ khi rời mảnh đất chôn rau cắt rốn của mình – xứ Bồng Sơn Bình Định xanh mát bóng dừa, về dùi mài kinh sử ở Đô thành Phú Xuân – thủ phủ của Xứ Đàng trong, xa xôi cách trở này. Đỗ cử nhân ở cái tuổi mười sáu thật đáng tự hào vì dễ có mấy người!

Bước ra khỏi cái cổng gạch đã nhuốm màu thời gian ở đầu xã Sước Dụ [(1)], nơi chàng trọ học, muốn đi nhưng chưa biết đi đâu. Chàng dừng lại và ngồi xuống chiếc giường tre của ai kê để ngồi hóng mát dưới gốc sung già. Trước mặt là khoảng trời mênh mông đầy nắng mai, dòng sông xanh in bóng núi đồi, nước lững lờ trôi. Trong cái tĩnh lặng của cỏ cây, mây nước chàng gẫm lại cái đời nho sinh thật lắm vất vả.

Bảng vàng bia đá là khát vọng của bao sĩ tử từ khi có trường thi. Không biết bao nhiêu lớp người chen chân qua cái cửa chật hẹp của chốn lều chõng. Người đỗ đạt thì như rồng mây gặp hội, lòng tràn đầy hy vọng. Kẻ hỏng thi mặt mày như bánh bao chiều. Chẳng khác gì người qua bên kia bờ thì thong dong rảo bước, người còn lại trên bến sông thì nôn nóng đợi đò!

Giữa dòng suy tưởng, chàng lại bỗng chợt nhớ về hai đấng sinh thành dưỡng dục, mấy đứa em nhỏ, cùng bạn bè trang lứa.

Cha là bậc túc nho, chân yếu tay mềm trói gà không chặt, may mà có nghề bắt mạch bốc thuốc nên cũng đỡ. Mẹ thì quanh năm vất vả, dãi nắng dầm mưa. Mấy em còn nhỏ quá! Bạn bè lối xóm đứa thì được cắp sách đến trường, đứa chăn trâu bứt cỏ.

Nhiều đêm, chàng mơ thấy cha mẹ thẫn thờ ra vào ngóng trông con mau thành đạt để trở về. Cả tháng nay lòng quay quắt muốn về ngay nhưng ngặt nỗi cái chức quan Hàn Lâm do vương triều mới bổ nhiệm đã như sợi dây trói chân khiến ông không thể bước đi được. Chắc phải còn lâu lắm mới thấy lại quê nhà.

Chàng đang nghĩ miên man thì người bạn đồng môn, trọ học cùng xóm, từ sau lưng bước tới, vỗ vai và nói:

- Chào ông Cử, chào quan Hàn Lâm. Lúc này tôi thấy chẳng mấy người sung sướng bằng ông. Vừa đỗ ông Cử, lại được bổ làm quan to, rồi đây tha hồ mà vẫy vùng giữa chốn quan trường!

Ôi! Bạn nói quá lời! Từ xưa đến nay biết bao người đỗ đại khoa, tôi chỉ là loại có chút may mắn thôi, đâu đáng kể. Còn công việc thì chưa đâu vào đâu cả. Mấy hôm nữa mới vào triều nhận việc, chỉ mong việc hợp với khả năng để có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

- Ông bao giờ cũng khiêm tốn quá! Cả khóa thi được mấy người cử nhân? Ông không chỉ làm rạng rỡ gia môn mà còn làm vinh quang cả dòng họ Đặng, ông có muốn giấu cũng không được.

Còn công việc à! Như mấy triều trước, viện Hàn Lâm giữ việc chế cáo, bản bạ kinh điển, đãi chiếu... thì thật là nhiều việc, đừng lo thất nghiệp. Riêng chức vị thì tha hồ mà lựa chọn. Chức vị cao như Chưởng viện học sĩ, Thị độc học sĩ... đều là Chánh tam phẩm, chánh từ phẩm cả, còn chức vị thấp nhất cũng là Tòng Cửu Phẩm rồi thăng tiến dần lên. Mỗi thời cách gọi có khác nhau nhưng cũng đều nội dung đó cả.

- Ôi! Sao bạn rành quá vậy? Thật lòng tôi xin bái phục. Tôi mà đạt được điều như bạn nói thì sướng quá! Nhưng nghĩ lại, sức yếu như tôi, nếu gánh việc nặng chắc không đến đích được.

- Tôi bật mí chuyện này nhé! Mấy bữa nay các cô tiểu thư làng trên xóm dưới cứ ngấp nghé, rình rập muốn dòm mặt quan tân khoa. Ối dà! Cái đám đó đã liếc mắt đưa tình thì ghê lắm, chẳng khác gì bão giông thổi giữa lòng người.

Đôi bạn trẻ sau một năm đèn sách không giấu được nỗi mệt mỏi, nay có chút thong thả đã hàn huyên hết chuyện này đến chuyện khác. Tàng lá sum suê của cây sung già đổ bóng xuống hai người, gió thổi qua mặt sông mát rượi. Dọc theo con đường đất nhỏ chạy ngoằn ngoèo từ phía dưới bãi bồi lên đến cuối dốc núi là đôi bờ tre xanh vươn cao, chim chóc chuyền cành, ríu rít giữa nắng ấm. Bên kia sông, ngôi chùa cổ vươn cao giữa núi non thiền vị khai mở cho con người biết bao điều trước cuộc phù trầm đầy cát bụi...

* *

*

Quan Hàn Lâm họ Đặng tuy chưa tới tuổi trưởng thành nhưng tỏ ra chững chạc, lịch thiệp, lại có nét bút như rồng bay phượng múa, được mọi người trong vùng quý mến, thường lui tới xin chữ vào các dịp lễ tết hoặc nhờ viết văn tự cầm cố, mua bán nhà cửa, ruộng đất.

Đã nhiều lần Nguyễn Thị đi cùng cha đến nhà quan Hàn Lâm xin chữ. Tết này cha cô bận nhiều việc nên cô đi một mình. Vì chỗ quen biết lâu ngày nên chẳng nề hà gì, chàng liền lấy giấy điều và bút mực ra viết. Nguyễn Thị e lệ, ngồi xuống bên cạnh theo dõi từng nét bút một cách hồi hộp.

Theo lời dặn của cha, cô sang xin một chữ Xuân để về treo tết. Chữ Xuân có lẽ là chữ khó

viết đạt theo yêu cầu của người thưởng ngoạn, vì ngoài sự mềm mại của nét chữ còn phải thể hiện được sự tươi trẻ, bừng sáng, quyến rũ của ngày xuân.

Trong thoáng chốc chàng đã viết xong. Màu mực Tàu trên nền giấy đỏ với một chữ Xuân bay bổng như đã thu hút hương sắc của trời đất vào trong. Cô chăm chú nhìn và lòng vô cùng cảm phục trước đấng tài hoa khi tuổi đời con rất trẻ.

Công việc xong xuôi, cô cảm ơn rồi cầm chữ ra về với bao nghĩ suy, xao xuyến.

Mấy hôm sau, Nguyễn Thị đem yếm ra giặt ở bến sông lại gặp chàng đang ngồi buông câu phía bên kia bờ lau. Dù đã quen biết nhưng cô cứ ngập ngừng, e thẹn may mà chàng mở lời trước.

- Chào cô Nguyễn! Không ngờ tôi lại được gặp cô ở đây. Tôi muốn sang nhà xin ông cụ ít hoa về chưng Tết nhưng nghĩ lui, nghĩ tới ngại quá lại thôi.

- Quan lớn cứ mạnh dạn sang. Bên vườn nhiều hoa lắm. Năm này chậu nào cũng nhiều búp, chắc là nở đúng tết. Còn cả mươi ngày nữa, khi nào quan rảnh thì nhớ sang.

- Cám ơn cô. À! Còn cái chữ hôm trước ông cụ thấy được không? Có ai chê bai gì?

- Thưa quan lớn! Ông cụ thích lắm, cứ trầm trò khen ngợi. Ông nói với chữ Xuân như thế thì gia đình năm này thế nào cũng có tài lộc.

- Thế mà tôi cứ sợ ông không ưa ý, mất vui.

Cô vừa nói chuyện, vừa đưa tay khoác nước lên bờ đá như thể để kéo dài câu chuyện, vì giặt xong rồi nhưng có lẽ cô chưa muốn về. Còn chàng thì chẳng quan tâm gì đến việc phao nổi hay phao chìm. Chàng tiếp lời:

- Cô ngồi giặt yếm ở đây, mặt hoa da phấn, chắc cá ngẩn ngơ hết, làm sao còn để ý đến mồi của tôi nữa.

- Dạ! Quan lớn quá khen.

- Tôi nói thật lòng đó. Tôi đây còn ngẩn ngơ huống gì cá.

- Dạ! Tôi đâu được diễm phúc đó. Xung quanh quan lớn còn lắm cô tiểu thư xinh đẹp!

- Cô đừng nghĩ quá xa. Tôi không thích chốn kín cổng cao tường.

- Tôi sợ!

- Cô sợ gì?

- Người ta nói con gái mười hai bến nước, đục trong khó lường.

- Nếu thế thì tôi xây bến trong để rước cô về chao chân nhé.

Nghe quan lớn nói, cô e thẹn, đôi má đỏ bừng, nghiêng nghiêng vành nón.

Mới đó mà đã qua rằm tháng giêng. Vầng trăng mười sáu tròn vành vạnh tỏa ánh sáng trên từng ngọn cây bụi cỏ làm tăng thêm vẻ huyền dịu của một làng quê yên bình.

Bây giờ là mùa thanh trà, chanh, bưởi ra hoa. Cây nào, cây nấy hoa nở trắng cành. Mùi hương dịu nhẹ lan tỏa thơm cả một vùng gò đồi, sông nước.

Những ngôi nhà cổ rêu phong lấp loáng ánh đèn dầu lạc nằm tĩnh lặng giữa những khu vườn rộng mang bóng dáng của những chủ nhân trầm mặc giữa cơ cầu của lịch sử, giữa nỗi thịnh suy của cuộc trần thế.

Cùng với trăng xanh, trẻ con vui dùa ở phía sân đình. Các cô, các cậu mới lớn cũng tụm năm, tụm ba hát hò, nói cười thỏa thích. Hình như ai cũng muốn kéo dài niềm vui của Tết Nguyên tiêu mới đước cả làng tổ chức để đón trăng rằm.

Dần dà, quan Hàn Lâm cũng thấy mảnh đất mà mình trọ học trở nên thân thương, gắn bó. Từ tối đến giờ chàng muốn viết thêm một bài thơ xuân để gởi cho bạn bè ở quê nhà nhưng tìm ý mãi không được, đành gác bút, mở cửa ra ngoài dạo quanh một vòng để tận hưởng trăng thanh gió mát. Khi đi qua cổng nhà của cô Nguyễn thì thấy cô từ sân nhà bước ra với dáng vẻ ngập ngừng, muốn đi nhưng có lẽ cũng chưa biết đi đâu. Quan Hàn Lâm cố lấy hết sức bình sinh tiến lại gần rồi bắt chuyện:

- Chào cô Nguyễn! Chắc cô đang định đi đâu?

- Đêm nay trăng sáng, lại thấy chị em trong xóm hát hò vui vẻ nên không ngủ được, mới ra đây.

- Thế thì chúng ta đi dạo một vòng cho vui!

- Không được đâu! Ông cụ nghiêm lắm! Ông đang đọc sách nếu gọi mà không thấy thì chỉ có ăn đòn. Quan cứ đứng đây nói chuyện chơi thì tiện hơn, đi lòng vòng bạn bè thấy sẽ đồn ầm lên, mắc cỡ lắm.

- Ừ, cũng được.

Trăng sáng rõ mồn một. Chàng thấy nàng dịu dàng và đẹp hẳn lên. Dáng người thon thả, khuôn mặt trái xoan, đôi mắt sáng với hai hàng mi cong, đôi mày lá liễu, nụ cười tươi tắn giữa làn môi đỏ. Lòng chàng rộn ràng khó tả. Chàng nói tiếp.

- Cô có biết Bồng Sơn, Bình Định không?

- Từ nhỏ đến giờ tôi chỉ quanh quẩn trong làng, chưa đi đâu xa làm sao mà biết được.

- Đất Phú Xuân đẹp đã đành, quê tôi xứ dừa cũng đẹp lắm! Những đêm trăng sáng như thế này, bóng dừa phơ phất như tóc ai bay bay trong gió.

- Ai đó là bạn của anh hay là Huyền Trân thuở trước? À! Tôi lỡ lời gọi quan là anh. Xin tha tội chết!

- Có gì mà ghê gớm thế? Tội chết cho một ai chỉ có vua chúa mới phán được, tôi chỉ là người chạy giấy của Viện Hàn Lâm.

Không dám ạ!

- Hình như quê quá của ông bà cụ cũng ở đâu ngoài kia?

- Dạ, quê quán cũ của tôi ở Châu Bố Trạch, trấn Quảng Bình, về sau mới vào đất Hương Trà này. Tôi cũng ước ao được về thăm lại quê quán của mình một lần nhưng chắc còn lâu lắm,

mảnh đất đó quân Trịnh cứ hay đánh lấn, dân tình khốn khổ trăm bề.

- Thế là cả hai ta đều là kẻ lưu lạc, gặp nhau ở đất này chắc là do ông tơ bà nguyệt mốn xe duyên thôi! Làm dâu Bồng Sơn đi. Làm dâu Bồng Sơn tha hồ ăn bánh tráng dừa!

Nghe quan nói đến đó, cô bật cười ngặt nghẽo vì nghĩ chàng chất phác quá.

Từ lâu rồi nàng vẫn nghe nhiều người hát:

Gió đưa mười tám vườn xoài

Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi

Đường đi cả lách với lau

Cả tràm với chủi bỏ nhau sao đành.

Đêm nay bỗng dưng quan Hàn Lâm lại nhắc câu hát đó như muốn nói đến lòng chung thủy của con người Bình Định hay ca ngợi lòng chung thủy của người con gái khi đã vượt qua dặm dài đầy lau lách để theo chồng thì dù gặp khó khăn giữa đường đời cũng sẽ vượt qua để đến bến bờ hạnh phúc.

Ngày qua tháng lại, cả hai người đã muốn trao duyên gởi phận, cha cửa nàng nghe chuyện tình ái của con hết sức bất bình vì thấy quê quán của quan Hàn Lâm xa xôi, cách trở. Hơn nữa trong làng cũng nhiều thanh niên, con nhà giàu có, ngấp nghé vào ra, cậy nhờ mai mối. Còn mẹ của nàng đã nhiều đêm khóc hết mước mắt, van vỉ con đừng vì một chút bồng bột của tuổi mới lớn để sau này chịu cảnh vắng vẻ nơi đất khách quê người, chim kêu vượn hú.

Nhiều lúc thấy mẹ như vậy, cô cũng không cầm được nước mắt. Nàng gục đầu vào cánh tay mẹ một cách nức nở. Bên hiếu, bên tình phải giải quyết thế nào đây khi còn quá bé bỏng, chẳng khác gì cánh chim non chưa một lần bay xa, giờ phải đối mặt với gió bão.

Bà con nội ngoại kẻ bằng lòng thì ít, người cản trở thì nhiều càng làm cho câu chuyện thêm rối rắm. Nhưng rồi sức mạnh của tình yêu đã vượt qua tất cả. Cuối cùng hai người đã được cha mẹ hai bên đồng ý tác hợp, ăn đời ở kiếp với nhau.

Quan Hàn Lâm đã quyết định dựng nhà ở ngay mảnh đất Sước Dụ để cha mẹ vợ được an lòng. Mỗi ngày lo việc triều chính xong lại trở về chăm bón luống rau, bụi cà, vui với vợ con, vui với xóm làng. Ai nhìn vào cũng cho là đôi trai tài, gái sắc lại biết ăn ở, nên quí mến vô cùng.

Cuộc sống của gia đình đang êm đềm như dòng nước chảy xuôi, bỗng nhiên dậy sóng. Vào tháng mười năm Giáp Ngọ (1774) theo lệnh của Chúa Trịnh, Hoàng Ngũ Phúc đem đại binh đánh lấy lũy Trấn Ninh rồi tiến vào Hồ Xá thuộc Quảng Trị, lại thừa thắng xông lên chiếm luôn đô thành Phú Xuân. Chúa Nguyễn và một số quan lại, lính tráng chạy vào Quảng Nam và rồi sau đó chạy thẳng vào đất Gia Định.

Trong trận thư hùng của Nam, Bắc triều, quan Hàn Lâm cũng phải xung trận để giữ thành nhưng thoát chết, phải lẩn trốn để tránh sự tàn sát của quân Trịnh.

Thời thế đổi thay, quan Hàn Lâm mất hết áo, mũ, ngựa xe, trơ trọi chỉ là một anh cháng

thất nghiệp về vườn đuổi gà cho vợ. Mấy luống rau cải dù có chăm bón tươi tốt đến đâu cũng không thể mang lại cơm áo hằng ngày. Thậm chí cái tên được cha mẹ đặt cho cũng muôn giấu đi vì chẳng muốn ai nhắc đến một quá khứ dễ bề tai vạ. Bởi vậy, bà con lối xóm đã quen gọi ông là chú Hai Cải vì hằng ngày cứ thấy tờ mờ sáng đã gánh rau cải ra chợ cho vợ bán.

Mỗi lần nghe khách hàng gọi ơi ới cái tên ấy trên suốt dọc đường đi qua, ông lại ngẫm nghĩ mà buồn cười cho số phận long đong của mình. Mười sáu tuổi đỗ cử nhân, mới làm quan mấy năm, chưa kịp về quê để bái tạ tổ tiên ông bà, hầu hạ cha mẹ, thăm viếng xóm làng, bạn bè cũ, thì đã cam chịu thân phận một con người thất sủng, gánh nước tưới vườn. Thế mới biết câu nói "Quan nhất thời, dân vạn đại" sâu sắc là dường nào!.

Rồi cuộc sống cứ gặp hết khó khăn này đến khó khăn khác. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa đã giương giương tự đắc trong triều đại mới, cầm quyền ở xã ấp đâu có chịu để yên cho những người có chút dính dáng với triều đại cũ như ông. Cái lý lịch của một quãng đời chưa dài đã bị lấm lem vì mưa gió cứ ám ảnh giữa đêm khuya khoắt, khiến ông nhiều đêm thức trắng. Dẫu rằng: gặp thời thế, thế thời phải thế nhưng có lúc ông vẫn cảm thấy buồn rầu, lo lắng.

Nhìn vợ chạy chợ đầu tắt mặt tối cả ngày, không dư được đồng tiền bát gạo để phòng khi đau ốm, sinh nở, ông càng xót xa trong lòng. Cưới nhau khi vợ mới tuổi mười lăm, độ tuổi như trăng mới lên, như hoa mới nở, đẹp biết dường nào! Sao giờ gầy gò, tiều tụy, mặt mày đen đủi vì nắng sơm mưa chiều, vai oằn dưới chiếc đón gành của số phận!

Một hôm, ông bàn với vợ:

- Chắc mình phải tìm cách khác để kiếm sống, như thế này vất vả quá mà vẫn thiếu thốn chẳng đủ ăn, đủ mặc!

- Khổ mấy cũng được, chỉ sợ khi đau ốm không biết làm thế nào, sinh nở chẳng biết vay mượn ai! Hoàn cảnh vợ chồng mình như gà mắc tóc, gỡ mãi chẳng được.

- Đất đai ở đây chật hẹp, sào ruộng thước vườn chẳng làm gì mà khá được, chúng ta phải đi chỗ khác thôi.

- Ở đây lâu quen rồi, đến chỗ xa lạ chắc còn khó khăn hơn.

- Cứ mạnh dạn ra đi, tùy hoàn cảnh mà xoay xở…

Mấy tháng sau, ông quyết định đưa vợ về làng Vân Hồ mở trường dạy học, trước là đỡ vất vả cái thân, sau đó có đám học trò nhỏ cũng đỡ buồn.

Ngôi trường ba gian hai chái lợp lá, mặt hướng ra cánh đồng lộng gió, hằng ngày vang tiếng ê, a: nhất một, nhị hai, tam ba, tứ bốn… gia nhà, quốc nước… cha mẹ đám học trò đều quê mùa, nghèo khổ; đưa con đến trường chỉ mong khi bọn chúng lớn lên biết đọc văn tự khi cầm cố ruộng đất để khỏi bị bọn địa chủ gian dối, bắt nạt. Đồng tiền bát gạo phụ huynh đóng góp nuôi thầy chẳng được bao nhiêu nhưng vì thương tình đám học trò chân đất, nghèo khổ của mình, ông đã tận tâm, tận lực, chẳng quản nhọc nhằn ra sức dạy dỗ. Hiểu ra tình cảm của thầy,

khi thì con cá mớ rau, rổ khoai, giỏ sắn hoặc ký nếp, bánh đường… phụ huynh lui tới thăm viếng thầy nhân ngày giỗ, tết, khiến cho giữa thầy và xóm làng càng lúc càng gắn bó.

Thấy học trò của trường càng ngày càng đông, các tay chức việc ở xã tưởng thầy khấm khá nên thường hậm hực, vòi vĩnh con gà, buồng chuối. Của cải không đáng gì nhưng dễ gây điều bực bội cho gia đình thầy.

Chỉ chưa được năm sáu năm, học trò của thầy có đứa thi đậu vào trường huyện, trường phủ. Chẳng ai còn nhớ thầy là quan Hàn Lâm của thời cũ mà chỉ ngợi khen là một ông thầy đồ hay chữ, tiếng tăm vang khắp một vùng. Thầy còn là người làm thơ, viết văn. Những bài "Thượng sơn tứ hạo", "Trương Lương tùy", "Tô Vũ Tiết" đều là những bài hay, ngay cả quan nhà Trịnh là Trần Nguyễn Nhưng cũng có lời khen ngợi. Đối với thầy việc lập chí là điều quan trọng, còn lập ngôn thì chẳng màng chi chút hư danh phù phiếm!

Một hôm. Trong lúc thầy đang say sưa giảng bài, nói về đoạn hai chị em Bà Trưng phất cờ nương tử thì có khách lạ bước vào. Thầy mời khách vào phòng bên, pha trà rồi tiếp chuyện. Mở đầu thầy hỏi:

- Bác đến xin cho con học à?

- Không, tôi là Trần Nguyễn Nhưng, quan của Phù Chúa, ở đất Phú Xuân này. Theo lệnh của Hoàng tướng công đến mời thầy ra làm việc triều chính. Tài "Kinh bang tế thế" của thầy trước đây có thể giúp cho Hoàng tướng công một tay trong việc an dân.

- Thưa đại quan, từ lâu, tôi lấy nghề dạy học làm vui nên giờ không nỡ bỏ học trò dọc đường, tội nghiệp.

- Thầy nên thức thời để được đổi đời. Võng lọng ngựa xe vẫn hơn kéo lê chân đất, gạo hẩm, cơm thiu làm sao sánh được cơm trắng, cá kho, nem công chả phụng.

- Cám ơn đại quan. Tôi đã ăn lỡ khoai nên môn dù ngon bao nhiêu cũng chịu.

Biết là không thể chinh phục được ý chí của thầy đồ, Trần Nguyễn Nhưng hậm hực bỏ ra về.

Khi từ chối hợp tác với các cận thần của chúa Trịnh, thầy lo nghĩ tai họa sẽ xảy đến với gia đình mình dù chưa biết mau hay lâu. Để vợ khỏi lo lắng, bề ngoài thầy luôn cố giữ vẻ thanh thản như không hề có việc gì xảy ra, hằng ngày vui với đàn học trò nhỏ.

Cũng may là thầy không ra làm việc với triều chính họ Trịnh vì chỉ mười hai năm sau kể từ khi quân Trịnh vào chiếm cả miền Thuận Hóa thì Nguyễn Huệ theo lời bàn của anh là Nguyễn Nhạc đem đại binh thủy bộ từ Qui Nhơn ra chiếm lại Đô thành Phú Xuân, phạm Ngô Cầu thất trận, bị bắt và chịu tội xử chém.

Và sau khi ổn định tình hình, một lần nữa Nguyễn Huệ lại cử người về Vân Hồ mời thầy ra cộng tác với triều Tây Sơn. Trong sự loạn lạc triền miên gần hai trăm năm qua nay lại khó hiểu thế cuộc diễn biến ra sao, thầy lấy cớ hoàn cảnh gia đình và bệnh tật bản thân để xin từ chối.

Ông Bốn Sậu có con đang học với thầy nên thường lui tới đàm đạo. Một hôm, ông Bốn thật lòng hỏi thầy:

- Trước đây người của Chúa Trịnh đến mời, thầy từ chối đã đành, nay Tây Sơn cậy nhờ, thầy cũng không nhận. Tôi nghĩ, có người trọng vọng đến mình mà để cho cơ hội qua đi thì thật là đáng tiếc! Hơn nữa, hoàn cảnh thầy cũng đang quá khó khăn, nếu ra làm việc có bổng lộc thì vợ con cũng đỡ.

- Đúng là cả hai triều đều có nghĩ đến tôi nhưng tôi nói thật với bác là không thể nhận lời được và cũng chẳng có gì đáng tiếc cả. Thời buổi bây giờ phức tạp lắm, chẳng hiểu đậu môn, đậu khoai để mà dấn bước, không khéo lửa của kinh thành lại cháy vạ lây đến cả vợ con. Chẳng nghĩ gì cho xa, cái mảnh đất Phú Xuân này chỉ mới hơn mười năm đã mấy lần đổi chủ.

Thầy nói chậm rãi rồi dừng lại với tay lấy thuốc mời ông Bốn Sậu hút. Ngọn đèn trước gió đồng cứ tắt lên tắt xuống. Mỗi lần đèn tắt phải xuống bếp thổi rơm mồi lửa. Khi điếu thuốc của ông Bốn cháy đỏ, ông hít một hơi dài rồi ngửa mặt nhả khói lên nóc nhà trông thật thoải mái. Ông nói tiếp:

- Thầy đã có lúc làm việc ở triều rồi. Người ta nói trăm hay không bằng tay quen. Giờ có đi làm việc lại thì chắc cũng không phải nhọc nhằn gì! Sao thầy lại để cho cơ hội trôi qua. Còn cái nghề gõ đầu trẻ biết đến bao giờ mới dư dả tiền bạc để có thể sửa chữa lại nhà cửa.

Nghe ông Bốn nói, thầy nực cười rồi cố phân giải:

- Lúc còn rất trẻ tôi đã vào làm việc ở Viện Hàn Lâm dưới thời các chúa Nguyễn. Lương bổng thì nhiều nhưng gặp cũng không biết bao nhiêu chuyện chướng tai gai mắt. Việc Trương Phúc Loan lợi dụng tình cậu cháu với Võ Vương để làm điều xằng bậy, đến thời Định Vương thì rõ mặt chuyên quyền, tham ô những lạm. Thời quân Trịnh mới chiếm được đất này cũng nhân danh này nọ, đời sống dân chúng chẳng được khác hơn. Từ Hoàng Ngũ Phúc đến Phạm Ngô Cầu chẳng ai giữ nghiêm được phép nước để cho quan lại địa phương tha hồ bòn rút của công, ăn của đút lót.

Nghe thầy nói chuyện cũ, Bốn Sậu hỏi tiếp:

- Còn thời Tây Sơn, họ mới đến thì có gì đáng nói?

- Thời Tây Sơn à! Lúc Tây Sơn mới khởi nghiệp, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo nên được dân nghèo hưởng ứng. Hơn nữa, ai cũng chán ngán cái chuyện Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước bị chia cắt. Người ta hy vọng với sự lớn mạnh của phong trào Tây Sơn như vũ bão có thể đánh nam dẹp bắc, thống nhất lại đất nước. Khi Nguyễn Huệ vào Phú Xuân lòng người Thuận Hóa cũng hân hoan khôn xiết, điều đó ai cũng thấy được, nhưng dù sao cũng phải đợi một thời gian nữa, rồi có ra giúp Tây Sơn hay không, chưa phải là muộn.

Hai người hàn huyên tâm sự đã lâu, hết chuyện nước lại chuyện nhà. Thấy đã khuya, Bốn Sậu xin phép ra về. Đường làng tối om như mực, bước cao bước thấp, ông vừa đi vừa suy nghĩ

đến những điều mà thầy đồ đã nói với ông từ chập tối đến giờ.

Ngôi trường nhỏ bé của thầy nép sau lũy tre làng càng ngày càng có tiếng vang nhờ sự tận lực của thầy và chăm chỉ của trò, khiến nhiều bậc thức giả trong nước biết đến tên tuổi của vị cử nhân xưa, quan Hàn Lâm cũ. Ai cũng đem lòng quí mến.

Mùa đông trở về, gió bấc thổi lạnh thấu xương. Bên chiếc lồng ấp, ngọn đèn dầu không đủ sáng, thầy vẫn miệt mài đọc sách và suy ngẫm về chuyện đời, chuyện nước. Vua Lê, Chúa Trịnh lúc này thật không có gì đáng nói nữa kể từ khi Nguyễn Huệ nhân danh Phù Lê, diệt Trịnh. Còn việc Nguyễn Huệ đánh tan quân xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút, dẹp luôn cả cái đám giặc Thanh xâm lược ở ngoài Bắc thì thật đáng bái phục, tiếc gì tấm thân này mà không ra phò vua, giúp nước.

Thầy đang nuôi dưỡng ý chí góp một tay với Tây Sơn thì Nguyễn Huệ mang quân vậy thành của Nguyễn Nhạc khiến Nguyễn Nhạc phải lên thành rơi lệ vì sợ nồi da xáo thịt.

Khi Nguyễn Huệ bị đột tử ở Phú Xuân, Nguyễn Quảng Toản lên thay, vì nhà vua quá nhỏ tuổi nên đã bị thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, nhiều người oán giận, như lời Trần Văn Kỷ bàn với Vũ Văn Dũng: "Thái sư ngôi trùm cả nhân thần, cho ai sống được sống, cho ai chết phải chết, nếu không về Phú Xuân sai võ sĩ bắt chém đi...". Về sau thiếu phó Nguyễn Văn Huấn cũng bị giết, Lê Chất với công trận của mình được Tây Sơn phong đến chức Đại đô đốc, thấy nhà vua hay nghi kỵ bèn bỏ trốn về với Nguyễn Vương rồi Đại tư đồ Ngô Văn Sở cũng bị giết.

Nội bộ Tây Sơn đã thực sự phân tán, tranh chấp lẫn nhau, làm mất hết ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa lúc ban đầu khiến nhân dân thất vọng và nhiều danh sĩ ngã theo nhà Nguyễn. Thầy đồ sau khi bắt được liên lạc cũng đã lên đường tìm về với Nguyễn Vương đang đóng quân ở đất Gia Định, thanh thế càng ngày càng lớn mạnh.

Thầy đã thực sự dấn thân vào cuộc chiến, biết là nằm gai nếm mật, dặm trường gió sương. Vợ con ở nhà tay bồng tay bế, sào ruộng thước vườn làm sao có thể sống được giữa một xã hội loạn ly. Đứa con đầu là Thiệm còn nhỏ, chưa giúp được gì cho mẹ, đứa gái sau mới biết đi.

Sau mấy tháng trời ròng rã dong thuyền vượt biển, thầy đã đến được đất Gia Định. Được Nguyễn Văn Nhân tiến cử, thầy ra mắt Nguyễn Vương để dâng mưu kế bình Tây (Sơn).

Mở đầu Nguyễn Vương tỏ lòng mong ước từ lâu đối với một người đỗ cử nhân lúc tuổi còn niên thiếu, sau có lời khen về kế sách hay, có thể dùng được. Nguyễn Vương ngẫm nghĩ rồi nói tiếp:

- Nhà người đã vào đây giúp ta, nay ta giao cho chức giám quân, Người có bằng lòng không?

- Hạ thần chỉ xin giữ việc Hàn Lâm như cũ vì đã quen việc thời Chúa Định Vương.

- Ta xét người có khả năng mà Hàn Lâm trật thấp lắm, ta giao cho chức tham mưu ở trung

doanh để ngày đêm cùng ta bàn việc quân…

Trước sự tiếp kiến ân cần, niềm nỡ, thầy tự nghĩ chắc là duyên may đã đến, gặp được vua sáng, tôi hiền…

Năm Kỷ Mùi, Nguyễn Vương lấy được Qui Nhơn, tuyển quân đặt thêm năm đồn Ngự Lâm để giữ đất mới chiếm được. Một hôm bàn về thu thuế nuôi quân, quan tham mưu trung doanh nói:

- Theo binh pháp: "Việc mọi người cùng thích thì không việc gì không làm được, nếu mọi người cùng ghét thì tất phải hỏng". Qui Nhơn là vùng đất giao tranh, từ lâu dân tình khốn khổ, chờ mong ta đến, ta không nên theo thói cũ đặt ra sưu cao thuế nặng. Đại Vương cần bỏ thuế thân để thu phục lòng người. Nguyễn Vương nghe theo bãi bỏ thuế, lòng người hớn hở, thanh niên trai tráng đầu quân rất đông.

Về sau quan tham mưu trung doanh cũng đưa ra nhiều kế sách như trận hỏa công ở Đầm Thị Nại, việc thâu tóm đất Bắc để thống nhất đất nước, cũng như khi bình trị rồi việc đặt lễ nhạc mới đều do công của quan tham mưu cả, ví như trong lễ cáo miếu khi việc võ thành công ông đã soạn bài hát "Hồi loan cửu khúc", ai cũng khen là hay, có giá trị lâu dài.

Nhờ vào tài năng và sự tận tụy của mình, mặc dầu trải qua con đường dài gian khổ trong mấy mươi năm, từ bước khởi đầu là quan Hàn Lâm dưới thời các Chúa công, dần dần đã đảm trách các chức vụ tham mưu trung doanh, kiêm quản khâm thiên giám và cuối cùng là Thượng thư Bô lễ.

Kể từ năm thứ tư sau khi lên ngôi, Hoàng đế lại giao cho ông kiêm việc dạy dỗ hoàng tử Đảm. Ông lại sống bình dị như một người thầy giáo thuở bị thất sủng về quê mở trường dạy học. Sau những giờ dạy, ông tranh thủ về thăm vợ con, làng xóm. Mặc dầu là một vị quan trong triều nhưng đối với bạn bè ông vẫn chí tình, chí cốt.

Ông Bốn Sậu nay đã lớn tuổi, râu tóc bạc phơ, vẫn thường chống gậy qua nhà quan Thượng thư uống trà, đàm đạo việc đời. Một hôm, ông Bốn hỏi quan Thượng thư:

- Cái việc Nguyễn Vương cầu viện quân Xiêm, rồi đến cầu viện quân Pháp, nhiều người cho là "Cõng rắn cắn gà nhà" sao lúc bấy giờ Ngài lại băng rừng lội suối, vượt biển trèo non đến đất Gia Định xa xôi để đầu quân?

Tôi nghĩ cầu viện là việc nhất thời, chẳng đặng đừng lúc còn yếu; khi có binh hùng tướng mạnh, biên thuỳ một cõi, kế sách giữ nước sẽ khác. Bác không thấy sau khi thống nhất bờ cõi rồi, Hoàng đế đã lạnh nhạt với các cố vấn người Tây, dù đã từng tận tụy phục vụ mình trong thời chinh chiến. Đó là một biểu hiện của ý thức độc lập dân tộc trong con người của Ngài.

- Quan Thượng Thư đúng là tốt số. Lúc trẻ đã là quan, lúc già chức vị đứng đứng đầu một Bộ. Thật không ai sướng bằng.

- Bác nói thế chứ chẳng ai vất vả bằng tôi. Từ khi tôi rời Bồng Sơn ra đây học, rồi từ đây lại

lặn lội vào đất Gia Định, trải qua trăm trận, thật là dặm dài lau lách…

Ngày quan Thượng thư Bộ lễ mất trong lúc còn tại vị, cả kinh đô Phú Xuân bàn tán xôn xao. Người chịu ơn của Tây Sơn thì chê bai, người phò nhà Nguyễn thì khen ngợi. Dân chúng thắc mắc không biết vị quan này ở làng nào, huyện nào. Chính những người ở xã Sước Dụ cũ cũng chưa hiểu hết lai lịch của ông. Người thì nói lúc nhỏ ông tên Chiêu, sau đổi là Siêu, vợ là Nguyễn Thị Ngữ, người lại chẳng tin vào lời nói ấy. Có điều không ai phủ nhận đức độ tài năng và sự gian truân của ông.

TIẾN THẢO

thơ

TRẦN THANH CHƯƠNG

LY HƯƠNG

hồn ly hương xác vật vờ
tháng năm lưu lạc bơ vơ cõi trần
kiếp người tựa áng phù vân
đảo điên nhân thế lỡ lầm bởi ai
đường đời đi mãi còn dài
giòng sông cuồng lũ biển ngoài sóng xô
thuyền trôi xa khuất bến bờ
thương chờ nhớ đợi quê xưa quay về
thời gian một thoáng trầm mê
tới khi chợt tỉnh ơn kìa huyễn mơ
chìm say ngập đắng đâu ngờ
mộng du vào chốn hư vô mất rồi !

TRẦN THANH CHƯƠNG

NGƯỜI ĐÀN BÀ BAY TRÊN MAY

truyện ngắn

NGUYỄN LỆ UYÊN

Thông tin về việc bà Sáu Linh bị ngã từ thềm nhà xuống sân lan nhanh như vệt dầu trên mặt nước. Đầu trên, xóm dưới ai cũng hay. Mọi người hớt hãi, ùn ùn kéo tới đông nghìn nghịt. Người sau vin vai người trước hỏi: Bị làm sao không? Nghe nói té cái đùng. Té từ hiên xuống sân. Té kiểu đó thì còn gì thân!... Tiếng ai đó trong bọn rên lên: Thiệt vô phúc.

Vòng trong vòng ngoài lèn cứng. Họ ngồi trên bờ sân, níu hàng rào bông bụt, đứng lố nhố ngoài truông nhóng vào, cố sao cho cặp mắt mình được chạm tới thân thể bà Sáu Linh, nhìn thật rõ ràng sự thể bà ngã bổ nhào. Nhưng chỉ chừng đó, không ai biết được gì thêm, bèn quay ra bàn tán:

- Thằng Quảng mới lạ. Làm lớn thế, lắm tiền nhiều của, quyền lực cùng mình không nuôi nổi mẹ mà lại đổ lên vai thằng què.

- Đâu mình thằng Quảng, cả con mụ vợ "trời đánh" của nó nữa?

- Con với cái!

- Tội thằng què.

Thằng què mà họ nói tới là đứa con trai út, bị dị tật bẩm sinh từ nhỏ. Hai ống chân không khác ống thổi lửa, khuỳnh ra tưởng chừng không đủ sức đỡ lấy tấm thân. Hai cánh tay bỏ thõng chưa đụng tới hông với những ngón cong vẹo và chiếc đầu khác người khiến nó được tiếp đón với một thứ tình cảm vừa thương hại vừa kinh hãi. Chiếc đầu càng lạ hơn: dài và lớn, gắn hai mắt như hai viên bi quá cỡ, mỗi khi nhìn ai thì hút lấy như thôi miên. Tia nhìn của thằng què sượt lên mắt người đối diện gây sự lạnh giá, dờn dợn trên những phần thịt da không thể che khuất cùng với cảm giác buồn buồn tiếp liền sau đó; số khác, ít hơn, không nghĩ vậy, mà thấy đó là tia nhìn hiền dịu như cặp mắt Phật!

Thân hình kỳ dị ấy không thể là anh trai cày như bao thanh niên khác trong làng. Còn đầu óc thì không mụ mị, nhưng không thể nghĩ được chuyện gì lớn hơn ngoài việc nấu cơm, tắm giặt, thắp nhang trên bàn thờ tổ tiên bất kỳ lúc nào nó thích. Rất nhiều lần Quảng bàn với với mẹ "gửi nó vào trung tâm xã hội để mẹ bớt cực", nhưng bà Sáu nhất mực từ chối, nói: "Nó là núm ruột của tao, không thể dứt bỏ như liệng vật thừa ra bãi rác" Và bà đã nuôi nó cho tới khi mắt mờ, tai nghễnh ngãng, lưng còng xuống.

Giờ thì thằng què nuôi bà mẹ già chín mươi com cóp như ngày xưa bà nuôi nó, yêu thương nó. Nó đỡ mẹ ra thềm giếng thọc chiếc gáo sút cán vào khạp nước xối lên người, kỳ cọ; gội đầu mẹ bằng nước lá chanh, lá sả... lau chùi sạch sẽ; mùa lạnh nó biết vùi những cục than hồng trong chậu tro đặt dưới chõng tre, kéo tấm mền đắp ngang ngực... Bà đôi lúc cũng hứng chí giúp nó lặt mớ rau tập tàng, đẩy que củi vào bếp lửa, ngồi canh nồi cá kho... Hai người cứ thế vịn nhau qua ngày tháng. Và có lẽ cũng không ai buồn nhớ đến Quảng, ngay cả ngày giỗ cha.

- Không xong rồi – Ông Chín Cư từ trong nhà vẹt đám đông đi thẳng ra sân, vuốt mồ hôi trán thông báo - Bị nặng lắm, thầy Ba nói thế.

59 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Là sao?

- Tai biến chớ còn sao nữa!

- Sao không chở đi cấp cứu?

- Đợi mấy ông mấy bà nhắc. Kêu xe rồi chớ sao không.

Nói và Chín Cư bỏ đi thẳng trước sự ngơ ngác của mọi người vì sự thể đến với bà Sáu quá đột ngột. Họ chậc lưỡi, hít hà tỏ rõ lòng thương với bà Sáu và cảm thấy gần như bất lực trước sự không may của người hàng xóm tốt bụng. Những tiếng thầm thì cứ trôi đi cho đến lúc từ phía đầu xóm có tiếng nổ phèn phẹt như tiếng khạc nhổ của người ho lao.

Chiếc xe lam ba bánh xịt khói trờ tới. Mọi người nép sát bờ rào tránh chỗ. Tiếng khóc sụt sịt với dài theo sau bà Sáu được hai người đàn ông khiêng trên đôi chân không ra chạy. Thằng què bước lủn củn sau mẹ đang nằm ngang trên đôi tay vững chắc của người hàng xóm, mắt ráo hoảnh, vô hồn nhìn mọi người.

Người lái xe tháo hai băng ghế ném lên mui để lấy chỗ trải chiếc chiếu, đặt bà Sáu. Bà nằm thẳng đơ. Mắt nhắm nghiền, bọt mép sùi ra chùi chưa thật sạch.

Thầy Ba la lớn:

- Vào nhà lấy chiếc nệm trải lên, sao lại đặt bà cụ nằm trơ trọi trên sàn xe nhớp nháp thế này? Cả chiếc mền nữa.

Tiếng than não nuột cất lên:

- Khổ thân bà già. Ai đời có con làm lớn mà gần xuống lỗ không được hưởng lộc.

Giọng già, rất già, phều phào cất lên:

- Con cái gì ba cái đồ đó.

Xe lại nổ phèn phẹt. Khói xịt đen một góc truông kín cây dại và rác rưởi. Chiếc xe khọt khẹt rướn tới với nỗi nhọc nhằn đang rung lên trong lòng xe theo từng cái xóc nẩy.

Tiếng máy nổ sừng sực nhỏ dần, xa hút đâu tận ngoài bìa xóm. Thằng què chắp hai cánh tay ngắn cũn cỡn trước ngực, giọng vô cảm:

- Không sao đâu. Má tui đang bay trên mây mà.

Sáu Linh ra đi trên chiếc xe lam rách nát và trở về cũng trên loại xe ấy, không khá hơn. Hồi bà nằm trên xe ra đi thế nào thì về vẫn vậy. Mắt nhắm nghiền, thoi thóp thở không nói ra tiếng. Miệng méo xệch một bên như có người lấy cây sắt móc quai hàm bà kéo ngược lên vậy. Năm On và bà Hai Cọt, hai người đi theo bà Sáu ra bệnh viện, kêu "bác sĩ lắc đầu chê". Mọi người trong xóm lại ùn ùn kéo tới thăm đứng chật một góc sân. Họ lật tung đầu óc, cố moi trong hóc nhớ những kinh nghiệm, bài thuốc dân gian cốt để giúp bà Sáu trở lại như xưa. Khốn nỗi có cả chục, cả trăm bài thuốc như vậy, nên cuối cùng không biết phải nghe theo sự bày vẽ của ai.

Bà nằm bất động trên chiếc chõng tre, ỉa đái một chỗ. Thằng què vừa bưng bô nước tiểu ra chưa tới đầu hồi đã ngửi thấy mùi hinh hỉnh, tanh lợm, vội vã quay lại, lóng ngóng thế nào cả bô nước và nó cùng ngã sóng soài trên nền đất. Hai cánh tay quạt ngang chưa qua khỏi đầu, giống

như đang quạt nước trong đáy ao cạn. Nó ngạc nhiên nhìn bô nước màu xám cùng với thứ chất lỏng sền sệt, vương vãi lăn lóc bên cạnh, nhìn mẹ nhưng không khóc, chỉ ngạc nhiên tự hỏi, cớ sao mình lại có thể ngã một cách dễ dàng như vậy?

Suốt ngày nó quanh quẩn bên mẹ. Ai bày gì nó cũng nghe theo. Những bọc cây lá hàng xóm mang đến chưa nấu xong gói này, tiếp liền bọc khác. Cứ thế chất đầy bàn như kho thuốc nam ở trạm xá hợp tác xã. Và, nếu như những món thuốc ấy có hiệu nghiệm theo như sự đoan chắc của những người có tấm lòng, thì chỉ bằng ngần ấy, nội hơi của nó xông lên cũng đủ làm bà Sáu tỉnh lại đôi chút. Đằng này, hơi thuốc, nước tiểu, phân rơi vãi bám sâu dưới nền đất ẩm thành thứ mùi như mùi cháo cóc để lâu ngày! Được cái hàng xóm không ai phàn nàn, bịt mũi quay đi. Trái lại họ thay phiên nhau (lúc rỗi rảnh) lau rửa, mớm cháo cho bà. Những đêm trời trong, trăng sáng họ kéo tới ngồi chật sân, bàn về bệnh tình, về hậu sự cho bà.

Thầy Ba là người am hiểu y học trong xóm, người đầu tiên đưa ra nhận định, chắc như xỏ dây mũi trâu:

- Thím Sáu không thể nào bình phục được đâu. Bị nhũn não. Chỉ là sống ngày sống bữa, như cây già cỗi vậy, không hút nước nổi nữa thì nghẻo. Không lâu nữa đâu.

Tiếng Chín Cư lạp quạp do đôi môi thâm đen đang kẹp cứng điếu thuốc vấn to bằng ngón tay cái:

- Thằng Quảng không hay biết gì sao? Không ai cho nó hay sao?

- Chắc có chớ sao không. Nhưng do bận việc tỉnh tà gì đó nên không về được.

- Ô hay, nó từ đất nẻ chun lên, từ trời rơi xuống chắc? Một mình thằng què, cái thân nó lo không xong huống hồ cõng bà mẹ già nằm ngay đơ cán cuốc!

Xem chừng câu chuyện bàn tán có chiều hướng xấu đi, thầy Ba lái sang phía khác:

- Bữa tôi đọc tài liệu nói về tác dụng của nấm linh chi. Nó có thể chữa được chứng tai biến. Tất nhiên là từ từ. Ngặt cái: nấm ở đâu, tiền ở đâu?

- Tui cũng có nghe. Nó chữa bách bịnh - Một người nào đó từ phía sau gióng tới.

- Nghe đâu mắc gấp mấy chục lần sâm Cao Ly.

Giọng bà Hai Bánh tráng the thé cất lên:

- Dưới Tân Đông có bà già bị như chị Sáu, trượt chân té xuống thềm giếng, tay chân miệng mồm cứng ngắt, vậy mà thuốc thang gì cũng không khỏi, chở tuốt vô Tây An có bà thầy xông nhang xoa bóp, sờ mó đâu hơn tuần là khỏi liền.

Chín Cư nhổ nước miếng đánh phẹt xuống sân, ngay chỗ ông ngồi, nói như quát:

- Bá láp! Thời buổi này mà còn sờ với mó. Khéo tin, nhảm nhí.

Bà Bánh tráng cố cãi, giọng càng nhọn như chiếc kim may ghim vào màng nhĩ:

- Thì rành rành ra đó. Tui bày đặt ăn cái giống gì? Có ông mới bá xàm bá láp.

Lời qua tiếng lại kéo trăng lên tới đỉnh đầu. Cái lạnh giữa đêm bổ xuống khiến không còn ai đủ

sức để tranh thiệt hơn. Mọi người lại đứng lên, lục tục kẻ trước người sau quay về với tổ ấm của họ. Căn nhà và góc sân trở lại vắng lặng. Thằng què kê ngay chiếc giường bố cạnh chõng mẹ, thỉnh thoảng đập muỗi bem bép. Tiếng đập nghe thật yếu trong đêm sâu.

Bệnh tình bà Sáu Linh ngày càng xấu đi. Tấm thân của bà giờ như con cá lép phơi khô. Hai hốc mắt sâu hoắm, tóc rụng gần hết. Chân tay như que củi mục. Chòm xóm đã gắng đến mức cuối cùng, nhưng thuốc đổ không vào, cháo không trôi qua khỏi cổ họng làm mọi người nghĩ ngay đến khu đất cạnh bầu nước Cò Ma. Duy nhất có một người không tin bà Sáu sắp sửa ra đi là thằng què. Nó vẫn tin mẹ sẽ sống đời với nó, sẽ phụ nó lặt rau, chụm lửa... Ánh mắt nó vẫn dờn dợn lạnh và vô cảm; vẫn nghĩ rằng bà đang bay trên tầng mây xanh. Và một người khác là thằng Quảng vẫn không hề về thăm mẹ lấy một lần. Nó đang bận túi bụi công việc tỉnh tà như cách nói của chòm xóm.

Nhưng thằng Quảng trong ánh mắt, suy nghĩ của mọi người chưa phải là thằng vô ơn, bội nghĩa và bất hiếu. Thế nào Quảng cũng về làng, dẫu hơi muộn, còn kịp nhìn thấy mẹ thoi thóp thở.

Và Quảng về thật. Ông về thăm mẹ trên chiếc xe bóng lộn.

Từ đầu xóm, người ta có thể nhìn thấy chiếc xe chạy chậm trên đường đất gập ghềnh. Bụi bốc mù phía sau cùng đám trẻ con chạy bám theo. Tiếng máy nổ xè xè nghe còn nhỏ và êm hơn tiếng cối xay quay lúa trên con ngỗng gỗ rào rào, cọt kẹt. Nhốn nháo, ầm ĩ cả một góc làng mùa tháng Ba là lũ trẻ con, vì lần đầu tiên chúng mới được tận mắt nhìn thấy chiếc xe đen trùi trũi. Chúng căng mắt tìm phía bên trong, nhưng chỉ thấy khung kính màu đen, bốn bánh xe và đám bụi mù bốc lên cao. Chúng vừa chạy bám theo vừa reo hò, vui như đám rước hội. Xe tới cây da Xà, không thể chạy được nữa vì đường hẹp, hang hố lồi lõm, mặt đường băm nát bởi những súc gỗ lậu kéo lia qua trong mùa bão lũ, găm xuống. Anh tài xế còn trẻ bước xuống, đi vòng ra sau lom khom người mở cửa bên trái, lại chạy vòng sau đít xe mở cửa bên phải. Hai người một nam một nữ, kẻ trước người sau lần lượt nhoài người ra khỏi khung cửa thấp hẹp. Họ đều là trung niên. Ăn mặc sang trọng, khác với đám dân làng chỉ có bộ bà ba và pyjama để dành ăn cưới, ăn giỗ. Người đàn ông mập nung núc. Người đàn bà mặc robe hoa màu xanh, mang kính đen, tay trái xách chiếc bóp đầm, môi và móng tay màu đỏ chói. Bà vịn vai chồng, gần như ngã cả nửa thân người lên tấm vai rộng, khó nhọc bước trên đôi giày cao gót. Họ đi thật chậm như đi dạo. Thỉnh thoảng bà vợ níu tay chồng dừng lại, thở: "Em nói rồi, anh về một mình cũng được mà. Vào được tới trỏng, có khi cẳng em bị trẹo chớ chẳng chơi". Ông chồng suỳ suỳ: "Còn mấy bước nữa thôi". Bà vợ ngó chồng như kiểu gái già đưa mắt ngó anh trai tơ: "Em mệt thấy mồ".

Cuối cùng thì vợ chồng Quảng cũng lọt qua chiếc cổng tre xiêu vẹo, đứng lọt thỏm trong chiếc sân gạch cũ nát, đất trồi lên nhiều chỗ, cỏ dại mọc tràn. Cả hai đứng ngó quanh quất hồi lâu mới bước lên thềm. Hàng xóm nghe nói Quảng về, lại vội vã kéo nhau chạy đến, không phải để cầu cạnh, xum xoe mà thực bụng muốn nhìn tận mắt ông quan đầu tỉnh, vốn là con dân làng này ra thể nào. Quảng gật đầu chào mọi người theo cung cách lãnh đạo, không thân không sơ; chẳng mặn nồng vồn vã mà cũng không ra lạnh nhạt. Dân làng không hề để ý bởi họ không còn đầu óc đủ tỉnh táo để nhận xét. Ông ta có chào bằng những cái gật đầu mà không hề mở miệng cũng đã quí lắm rồi. Vả lại, thực lòng, bụng dạ họ cũng mừng. Mừng vì Quảng về sẽ có cách gì đó tựa phép màu để giúp bà Sáu thoát cơn hiểm nghèo; chí ít, bà cũng mở được mắt, nhìn mọi người chung quanh với nụ cười hiền cố hữu. Dẫu sao sự có mặt Quảng vẫn còn hơn thằng què với ánh mắt dờn dợn vô cảm luôn quấn quanh mẹ.

Hai vợ chồng vừa bước lên thềm đất, thì ngay sau đó bà vợ như bị điện giật, người rung lên rồi quay ngoắt lại, bụm miệng, bịt mũi chạy như ma đuổi ra phía vườn cây xơ xác. Bà ta nôn oẹ liên hồi, giống mấy bà đang ốm nghén.

Quảng chạy theo, đỡ hai vai vợ:

- Em làm sao vậy? Có sao không để nói chú Chánh đưa em về.

Người vợ hất tay Quảng ra khỏi vai trước khi oẹ lần nữa, rõ dài:

- Em đã bảo rồi. Anh về một mình có làm sao đâu. Sao lại đèo bòng cả em. Em đến chết mất.

- Thôi mà, phận dâu con dẫu có khó chút vẫn phải có mặt, không khéo xóm làng chê trách. Với lại lọt tới tai người khác thì sống thế nào?

- Mặc xác, em không biết. Em không thể nào chịu nổi cái mùi hôi thúi như xác chết để rữa lâu ngày thế kia.

- Em nói gì vậy? Thôi nào, đi vào kẻo...- Vừa nói giọng dỗ dành vừa đỡ vợ nhưng nhất định bà ta không chịu bước lấy nửa bước.

Quảng đành quay vào nhà một mình. Cái mùi hôi đến lợm giọng khiến ông có cảm giác trạo trực khó chịu, nhưng cố dằn lại và ngồi xuống chiếc ghế gỗ thừ người ra nhìn về phía thân người nằm tù hụ trong tấm mền ngã màu vàng ố. Quảng không nghĩ rằng đó là mẹ mình, một người phụ nữ cứng cáp, đã từng một mình gánh gần tạ gạo thay chồng đi dân công; một mình đội mưa mang thuốc men ra khu cho anh em, luồn lách qua các đồn bót...Nỗi thương xót ào tới bất chợt như cơn trốt đẩy ông đứng bật dậy, chạy lại cầm tay mẹ. Bàn tay lạnh ngắt, chỉ có lớp da bao quanh khúc xương lỏng. Quảng lật chiếc mền ra, tấm thân dán sát xuống tấm nệm mỏng. Tất cả đều lạnh lẽo, bốc mùi. Quảng nắm vai thằng què:

- Mẹ nằm như thế này bao lâu rồi?

Thằng què mở nụ cười vô cảm và ánh mắt dờn dợn lắp bắp:

- Mẹ đang bay trên mây đấy.

Ông thở hắt ra. Hơi thở đó nửa giống như biểu lộ sự bất lực, lòng hiếu thảo nửa như xua đuổi cái mùi khó chịu xa khỏi người ông. Quảng ngó lên bàn thờ trống trơ; tấm ảnh cha hoen ố không nhận ra mặt mũi và bát hương đầy chân nhang đỏ màu máu, nguội lạnh.

Một tia chớp vụt loé sáng trong đầu Quảng khiến ông rụt tay khỏi lớp da bọc lạnh lẽo, quay ra chiếc bàn long chân ngoài hiên, nơi một số đông người đang đứng ngồi nhóng vào, dõi theo từng cử chỉ của Quảng. Ông khẽ khàng ngồi xuống, lấy giọng thật nhỏ nhẹ:

- Thưa cô bác, trước, vợ chồng tôi cảm ơn cô bác đã giúp đỡ, chăm sóc mẹ tôi. Tôi có lỗi là không về sớm hơn. Mong cô bác thứ lỗi. Công việc dày kín, không thể tách ra mà đi được. Nay mẹ cũng gần đất xa trời, nhưng còn nước còn tát; xin cô bác để vợ chồng tôi đưa mẹ về dưới, được ngày nào hay ngày ấy.

Những người hàng xóm thở phào, thầm nghĩ: "Có thế chớ. Dẫu gì cũng mẹ". Mọi người lại xúm nhau bàn. Kẻ xuôi người ngược, nhưng thảy đều với cả tấm lòng dành hết cho bà Sáu. Họ không mong gì bà bình phục như xưa. Nhưng nếu có ra đi thì cũng ra đi một cách thanh thản, bên con cháu, bên dâu một cách ấm áp. Không ai nói ra miệng, nhưng người nào cũng thầm khen phải, xử sự như vậy là hợp lẽ trời, hợp đạo lý làm người. Thầy Ba và Chín Cư là hai người luôn sốt sắn bởi tình nghĩa và tấm lòng bà Sáu dành cho họ trong những lúc khó khăn. Một trong hai người nói:

- Chú nói chí phải. Dưới tỉnh dẫu sao cũng sẵn thuốc, sẵn thầy. Biết đâu phước đức tổ tông để lại, thím mau lành bịnh.

Giọng Quảng nhỏ nhẹ:

- Dạ, cảm ơn mấy chú.

Bỗng dưng Chín Cư như chợt nhớ ra điều gì, vỗ trán:

- Ưở, hồi nãy thấy thím…

Quảng hơi bối rối, nhưng cũng trấn tỉnh lại ngay:

- Dạ, cô ấy bị cảm cúm mấy ngày nay. Hồi sáng tôi kêu ở nhà nhưng cô ấy không nghe, nhất định đòi về thăm mẹ.

Sắc mặt Chín Cư bỗng trở lạnh, nói hờ hững:

- Ờ hén, hèn chi…

Thầy Ba nháy Chín Cư, Quảng không nhìn thấy, tiếp tục giọng thảm não:

- Năm trước kìa, cô ấy kêu để đưa cụ xuống chăm sóc, có mẹ có con; để trên này một mình thằng Sanh không kham nổi, nhưng nó không chịu, cả cụ cũng không bằng lòng. Nói thế nào cũng không nghe. Đành để vậy.

Chín Cư lơ đãng ngó lên mái rui ễnh cong như muốn rụng, miệng lại kêu "ờ hén" khiến thầy Ba dùng chân mang dép nhựa tái chế đạp mạnh lên mu bàn chân trần Chín Cư đau điếng. Ông thở đánh phào, đứng lên:

- Chú nói cũng phải. Làm con… - và bỏ đi thẳng. Thầy Ba xớ rớ một lát cũng về theo. Bóng những con người chòm xóm "tắt lửa tối đèn có nhau" lần lượt khuất sau truông rậm. Quảng như người tỉnh ngủ, đứng vụt dậy bươn ra vườn. Vợ ông vẫn ngồi gục mặt, hai tay bụm kín miệng mũi mà nếu có ai đó vô tình nhìn thấy thể nào cũng nghĩ vợ Quảng đang ngồi khóc vì thương mẹ chồng. Quảng bước tới, ngồi xuống cạnh vợ.

- Mình đưa bà cụ về dưới đó.

Vợ Quảng trừng mắt:

- Đưa xuống làm cái giống gì? Trước sau bà cụ cũng mất. Cứ để trên này có tiện hơn không, xuống dưới ai lo, bộ anh tưởng tôi là con hầu phỏng?

Quảng cúi thấp, nói nhỏ gì đó vào tai vợ. Mặt mũi bà ta dãn ra:

- Vậy mà em không nghĩ ra. Anh thì có khác – Nói và bà ta níu tay chồng đứng lên như thể trước đó chưa hề có điều gì ghê gớm xảy ra.

Thẩm là đứa cháu họ phía bà sáu. Nhà nghèo, đông con nên chỉ học đến lớp Năm phải nghỉ. Bà Sáu thương tình, đưa về nuôi, cho ăn học tiếp nhưng chưa qua hết lớp Chín, không học nổi nữa, ở nhà phụ bà chuyện vườn tược bếp núc. Nó là đứa thật thà, giỏi giang. Trong nhà, ngoài sân, dưới bếp…đâu đâu cũng đều gọn gàng, ngăn nắp. Một lần về thăm mẹ, vợ chồng Quảng thấy vậy, nằn nì bà Sáu cho nó về ở với mình. Bà nghĩ bụng, dẫu sao ở với Quảng, miếng ăn, giấc ngủ ngon hơn, quần áo lành lặn hơn, nên bằng lòng, dù trong bụng không muốn xa nó.

Vợ Quảng đúng là loại phụ nữ tinh đời. Đánh giá về con người, sự việc hiếm khi sai. Thẩm

không có biệt lệ dưới con mắt người phụ nữ lõi đời này, nên trở thành nhân vật phụ tin cẩn của hai vợ chồng. Công việc của Thẩm chỉ lau dọn phòng ngủ hai ông bà và phòng khách, nhận thư, quà cáp, trả lời khách đột ngột tới thăm khi cả hai vắng nhà. Tất cả mọi chuyện khác đã có hai người phụ nữ khác, đều là bà con gần bên vợ. Cuối mỗi tháng hoặc hơn thế, Thẩm được giao chở những thùng mì tôm, thùng sữa cũ mèm mà nặng như vác bao lúa trên quê, đến tiệm Tân Cẩm Hưng rồi quay về, chỉ có vậy. Nhiều khi nó cũng thắc mắc tự hỏi "gì mà lắm mà nặng thế" nhưng chưa lần nào tự ý hé ra coi trong đó là những gì, bởi bà Quảng luôn miệng dặn: "Ở nhà này chỉ biết làm, chớ tọc mạch hỏi han hay làm bất kỳ điều gì mà không được phép".

Chính vì cái tính thật thà ấy mà bà Sáu nằm bệnh viện hơn tháng nay, Thẩm không hề hay biết. Cho đến buổi sáng nọ, hai ông khách đi trên xe con sang trọng gọi chuông. Thẩm mở cửa. Ông khách khẽ chào, lịch sự:

- Xin lỗi, chúng tôi đến thăm bác gái.

- Thưa, bà đi vắng từ sáng sớm ạ!

Cả hai người khách đều ngạc nhiên, vẻ mặt nửa mừng rỡ, nửa thất vọng:

- Bác đã bình phục rồi à, xin chúc mừng!

- Sao ạ? Bà tôi có làm sao đâu ạ?

- Cô nói... - Người khách chưa hết ngạc nhiên, và như nhớ ra, vỗ trán – Là chúng tôi hỏi thăm mẹ của anh Quảng kìa.

- Là bà Sáu? Có làm sao đâu. Ở tận trên quê chớ có bao giờ xuống đây đâu.

Bây giờ thì sự ngạc nhiên không phải hai ông khách lạ mà đang chuyển dần qua Thẩm. Hai người khách ngơ ngác nhìn vào mặt nhau, người nọ muốn hỏi người kia, nhưng câu hỏi đột ngột biến mất khỏi đầu họ. Một trong hai người lấy từ túi áo ra mẫu giấy nhỏ màu xanh, chìa ra cho Thẩm:

- Cô làm ơn đưa cho anh chị Quảng. Chúng tôi sẽ gọi điện thoại sau – Nói và hai người chào Thẩm lần nữa trước khi đóng sập cửa xe.

Tấm danh thiếp in bằng tiếng nước ngoài. Tiếng Anh. Vì học dốt nên nó cũng chỉ đọc, hiểu được mỗi chữ *the* và chữ *and* cùng tên họ không dấu của người đưa thiếp. Chắc có sự nhầm lẫn. Nó tự nhủ vậy và thôi không buồn tra vấn nữa.

Sau "sự cố" hai người khách lạ Thẩm mới để ý đến vẻ mặt của ông bà Quảng. Ông thì hốc hác hơn xưa. Bà ngược lại, bộ mặt khó đăm đăm với lũ kẻ ăn người ở đã rụng mất đâu đó ngoài đường. Càng bất ngờ hơn khi Thẩm nghe lỏm câu chuyện của hai vợ chồng trên sân thượng, lúc Thẩm đứng bên trong những tấm lưới đen phun thuốc định kỳ cho những giò phong lan treo kín nửa góc sau.

- Sao em không thấy thằng Thành...?

- Em đi mà hỏi nó.

- Anh mới lạ. Chính lúc này mới biết được đứa nào tình nghĩa, trung thành. Cái hồi nó chạy chức giám đốc, sao em thấy hình như ngày nào nó cũng xum xoe bên anh? Còn nữa, con mụ Ngàn từ hóc núi đưa về giữ chức quản lý dự án ngon ơ cũng không thấy đâu?

- Anh mệt mỏi quá lắm rồi. Em mà cứ chắc lép, vỡ lở ra thì đẹp mặt lắm đấy! Em cũng biết cả rồi. Có thuốc thần mẹ cũng không khỏi. Người ta tới thăm hỏi đã là quí. Em còn bày vẽ, gợi ý linh tinh - Miệng nói vậy nhưng bụng nghĩ khác. Những Thành, những Ngàn kéo lướt qua đầu ông như đèn kéo quân, những hình nhân chạy vòng vòng, không tách khỏi nan tre.

- Em chỉ muốn giúp anh thôi. Đây là dịp để anh biết ra ai là ai.

Họ còn nói gì nữa nhưng thấp giọng, không nghe ra. Vả lại điều Thẩm muốn biết là bà Sáu. Bà ngã bệnh, nhưng ở đâu thì không thể lần ra. Còn những mẫu đối thoại qua lại giữa hai người, Thẩm nghĩ chắc là công việc cơ quan, không liên quan đến tình hình bà Sáu. Nó muốn bước ra khỏi mành lưới đen, hỏi rõ ràng cớ sự. Nhưng muộn mất rồi. Họ đã đứng lên, bước xuống cầu thang.

Lúc hai ông bà dùng xong bữa cơm chiều (hiếm khi họ ăn cơm nhà), đang ngồi uống nước ở phòng khách sáng choang, lộng lẫy, nó định hỏi chuyện bà Sáu thì có chuông điện thoại reo. Bà Quảng thong thả với lấy chiếc điện thoại đưa cho chồng. Quảng một tay xỉa răng bằng que tăm nhọn tay kia áp chiếc điện thoại một cách hờ hững vào mang tai. Những âm thanh lít nhít trong máy, đến bà vợ ngồi bên cũng không thể nghe ra điều gì. Kịp khi ông Quảng quăng bừa cây tăm lên mặt bàn, giọng hớt hãi:

- Sao? Anh bảo sao? Được... được rồi... Tôi đến ngay.

Bà vợ níu cánh tay chồng:

- Gì vậy anh.

- Hình như mẹ mất rồi...!

- Bà ấy làm sao mà chết được? Rõ khéo... Công chuyện chưa xong...

Chính miệng ông Quảng nói ra và lỗ tai Thẩm thì không thể nghe lầm. Phích nước đang cầm trên tay suýt rơi xuống sàn. Trần nhà như xoay vòng vòng, kéo theo bà Sáu bay quanh nóc. Bà chết thật rồi. Nước mắt nó ứa ra. Bao nhiêu ý định với bà, nó không thực hiện được và vĩnh viễn không thể thực hiện. Tấm lụa màu mỡ gà bà Quảng cho nó cất kỹ dưới đáy túi xách, ống ngoáy trầu bằng bạc, chai dầu gió xanh và củ sâm thừa ông Quảng vất trong giỏ rác nó lượm lên, phủi sạch, cất kỹ... tất cả sẽ được gói lại, sẽ được mang về biếu bà khi có dịp. Vậy mà... Thẩm có cảm giác như ngón tay mình đang bị dần nát nhũn cho đến khi đứt ra, máu không chảy nhưng đau nhức.

Đám tang bà Sáu Linh đông. Rất đông. Lễ viếng phải kéo dài hơn thời gian lão hoà thượng chùa Diên Pháp ghi trong mảnh giấy trắng gấp làm tư. Phòng khách biến thành phòng tang lễ. Ảnh bà Sáu phóng to trong khung viền đen. Nhìn bà Sáu thấy lạ, trẻ hơn đến vài chục tuổi, không thể nhận ra, duy nhất có đôi mắt là hiền hậu nhìn khách viếng tang với tấm lòng rộng mở. Họ lâm râm trước bàn thờ. Bà từ bên trong khung kính nhìn ra. Khói nhang nghi ngút. Những vòng hoa viếng đặt kín gian phòng. Trên bàn thờ, chiếc khay xưa cẩn ốc xa cừ đặt bên giỏ trái cây, chất chồng những phong bì phúng điếu dày cộp. Sau những cái vái lạy trả lễ, bà Quảng, đứng xế bên hông chồng lại thò tay lên khay, đỡ lấy những chiếc phong bì và cho vào chiếc túi xách đặt ngay dưới chân mình. Thằng con trai từ nước ngoài về, mặc bộ vét đen, đầu bịt khăn tang luôn lúc lắc thân người. Bên cạnh là cô bạn gái trông bộ dạng không phải là con gái Việt. Thỉnh thoảng nó rút khăn tay lau mắt. Không hiểu nó thương bà nội hay vì khói nhang cay xè và khách viếng đông đảo trong không khí oi nồng mùa Hạ?

Lễ viếng kéo dài khá lâu khiến bà Quảng có vẻ mỏi người khi cứ phải đưa tay tới lui liên tục. Cuối cùng thì một người đàn ông tóc hoa râm đứng ra đọc điếu văn. Ông Quảng từ trong bàn

thờ bước ra nói mấy lời cảm ơn trước khi ông thầy lễ nhảy nhót loi choi, miệng ê a làm lễ di quan.

Chiếc quan tài phủ kín hoa dịch ra từ từ. Nhưng đôi chân như chân rết đưa lên thả xuống đều đặn hai bên hông quan tài, nhịp nhàng bò ra tới chiếc xe tang đang chờ sẵn ngoài đường. Một rừng người và rừng vòng hoa sáng rực đoạn đường dài. Những chiếc xe con nối đuôi nhau như một cuộc diễu hành, thật chậm...

Những người hiếu kỳ đứng hai bên đường kiễng chân nhìn theo đoàn xe tang có một không hai trong thị xã nhỏ này. Lấp trong đám đông lố nhố kia, có người đàn ông mặc bộ bà bà trắng, chân đất, môi thâm sì ngậm chặt điếu thuốc vấn đã tắt ngúm tự lúc nào. Níu một bên hông vạt áo trắng là một thằng người dị kỳ. Đầu to và dài. Hai mắt tròn to hơn viên bi quá khổ, tay chân khuỳnh, ngắn cũn cỡn. Nó ngơ ngác nhìn theo đoàn xe khuất tít tận trên ngả Bảy, rung rung vạt áo người đàn ông có đôi môi thâm: "Coi kìa, má đang bay trên mây kìa".

Tuy Hoà, tháng 3.2008 - Tháng 5/2010

NGUYỄN LỆ UYÊN

thơ

NHƯ HOÀI

KHÚC CHIỀU

Vẫn là
màu nắng hanh hao
Vẫn là
lời gió lao xao khúc chiều
Gợi lòng nghe giọng hắt hiu
Nghe chênh vênh
ngọn bút liêu xiêu dòng
Nghe chiều nghiêng nặng vào trong
Nghe tim quặn thắt
nỗi lòng quê xa
Nghe ra
đã mấy bận qua
Nghe lời thơ rớt
sầu ta
khúc chiều.

NHƯ HOÀI

bút ký

CẢNH THIỀN CỔ THẠCH TỰ

Theo đường quốc lộ 1A cách Phan Thiết khoảng 100 km, đến gần thị trấn Liên Hương (huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) có một con đường mới mở, rẽ về hướng biển 10 km là đến làng biển Bình Thạnh, nơi có một ngôi chùa được xếp hạng thắng tích cấp quốc gia, còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa của nhiều niên đại khác nhau. Đó là Chùa Hang- Cổ Thạch Tự.

Chùa nằm trên ngọn đồi không cao nhưng có nhiều hang động ngóc ngách đầy bí ẩn nằm xen lẫn trong lùm bụi cây rừng. Dải đá tảng của ngọn đồi với dáng thế chim phượng hoàng đang vươn mình chồm ra biển sóng lao xao. Buổi ban đầu chỉ là một thảo am của thiền sư Bảo Tạng, thời Minh Mạng thứ 16 (1835) từ quê Phú Yên vào đây ẩn mình tịnh độ dưới một hang sâu trong lòng đá âm u, giữa cảnh biển trời hoang sơ để tu tập. Trong quảng thời gian trên 175 năm đó các thế hệ hậu tổ kế tục xây dựng ngôi chùa bằng công của gom góp của những người theo đạo Phật ở làng Bình Thạnh, Tuy Phong và khách thập phương. Trong chiến tranh Chùa Hang nằm trong vùng ảnh hưởng bom đạn nhưng vẫn được người dân địa phương coi đây là nơi nương tựa tâm linh cho khát vọng hòa bình.

Mãi đến sau này cơ ngơi ngôi chùa được xây mới bề thế, hoành tráng hơn. Nhiều cụm cốc thờ, tượng Phật được khách thập phương cúng dường tạo dựng đã dựa vào lợi thế địa hình của ngọn đồi, kết bằng những khối đá tảng để Chùa Hang có được một không gian lắng đọng tĩnh lặng, an nhiên. Hang thờ tổ Bảo Tạng và các nhà sư hậu tổ đã viên tịch đều được xây tượng ở các vị trí hang động, mỏm đá cao tạo nên một không gian tôn nghiêm hài hòa với biển trời thoáng đảng. Hang Tam Bảo thờ 23 pho tượng Phật là một pho sự tích để khách thập phương chiêm bái với sự cảm nhận tâm linh về cội nguồn nguyên sơ thiền định. Ở góc đồi cao, khuất dưới những tảng đá lô nhô là hang thờ Phật Chuẩn Đề có pho tượng 8 tay và nhiều tượng cổ. Khu chánh điện nằm cuối bậc thang thứ 36 được xây bằng phiến thạch, có đôi rồng uốn lượn và tượng hổ, voi phủ phục như đón chào khách lên lễ phật. Mái chùa là một kỳ công mỹ thuật với "tứ linh" nghinh bái, tạo nên nét hài hòa lồng lộng nền trời thiên thanh. Ngọc đồi cao trên 60 mét với nhiều mỏm đá nhô ra sát biển đã tạo nên cảnh hoang sơ. Mang giá trị di sản hiếm hoi là chiếc đại hồng chung đúc năm Đinh Mùi 1847 và chiếc Trống sấm năm Mậu Thân 1848 càng thấy vùng đất Bình Thạnh ngày xưa tiềm ẩn những dấu vết của cuộc thiên di như huyền thoại.

Đối diện cổng tam quan là một công viên đá như có bàn tay ngẫu hứng của tự nhiên. Mỗi tảng đá có một tư thế độc đáo như có bàn tay siêu hình dựng lên một cách kỳ bí. Có phiến đá hình dáng con cá kình, con cóc, thuyền bát nhã...như hiện thân từ truyền tích trong kinh Phật. Từ tổ đình, nhà thiền, điện thờ, từ đường, lầu chuông trống...dựa vào địa hình đồi dốc để tạo nên nét kiến trúc đa dạng, sinh động. Dù quá trình kiến tạo, trùng tu trải dài qua nhiều năm nhưng vẫn giữ được sự hài hòa trong phong cách chạm trổ cổ xưa kết hợp với nét chấm phá kỳ diệu của thiên nhiên.

Bên cạnh Chùa Hang là bãi biển dài nối với mũi La Gàn bày ra thảm đá cuội bảy màu hàng hàng lớp lớp do thiên nhiên xếp đặt cho vùng biển thơ mộng này. Thật hiếm thấy ở một nơi nào có được bãi biển êm ả, không phải là bãi cát phẳng lặng mà ở đây trùng điệp những viên đá tròn trịa, nhẵn bóng với đủ sắc màu. Mỗi khi con sóng cuộn mình, thì bãi đá tiếp tục phơi mình dưới ánh nắng lấp lánh màu kỳ ảo lạ thường làm nên tấm lụa nhiệm màu trong cổ tích. Đây đó, dọc bờ biển là những mỏm đá đứng chơ vơ, lặng lẽ đủ hình dáng để du khách có thể thắng hoa về một cõi thiền kỳ diệu.

PHAN CHÍNH

68 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

DƯ VỊ ĐÁNG CAY

truyện ngắn

HOÀNG GIA CƯƠNG

Vào thành phố Hồ Chí Minh, đến thăm nhà một người quen, tôi bỗng gặp lại Trinh, một người mà có thời đã là một hoa khôi nổi trội ở vùng quê tôi - một huyện miền trung du Bắc Bộ, nơi chị về sơ tán. Trinh bây giờ trông khác xưa rất nhiều, khắc khổ và tiều tuỵ. Khi Trinh đã đi rồi, người bạn - chủ nhà, mới kể cho tôi nghe về Trinh...

...Tôi và Trinh quen nhau từ bé, khi chúng tôi cùng học một trường, rồi đi sơ tán lại học chung một lớp. Thuở ấy, bọn con gái Hà Nội chúng tôi về học ở vùng "nhà quê" hẻo lánh ấy không nhiều nên rất chóng trở thành bạn thân. Trinh càng lớn càng xinh đẹp, đôi mắt to, hơi nâu, ai nhìn một lần cũng khó mà quên được. Căn nhà chúng tôi trọ tuy ở mé làng nhưng luôn tấp nập bạn bè lui tới. Bọn con trai cùng lớp cùng trường đã đành, bọn trai làng cũng luôn tìm cớ tới lui. Ngay cả các thầy giáo trẻ cũng nhiệt tình thái quá, luôn kiếm cớ đến "phụ đạo" cho cả hai đứa chúng tôi, mặc dầu chúng tôi không học yếu chút nào. Chúng tôi trở thành một tâm điểm chú ý của cả trường và cả xã. Thật tình thì cả hai đứa chúng tôi đều có những nét duyên riêng biệt, như của hiếm ở vùng này. Tiếng xì xào và ánh mắt luôn luôn hướng tới cả hai. Tất nhiên là chúng tôi luôn ý thức được vị thế của mình nên càng giữ gìn từng nét đi, dáng đứng. Tuy vậy, Trinh là một cô gái quá ngây thơ, dễ tin người và rất thiếu ý thức cảnh giác, điều mà mọi cô gái trẻ cần có. Có lẽ bản tính chân thành, thẳng thắn của cô làm cho cô luôn nghĩ ai cũng đều chân thật đáng tin như vậy. Lâu lâu chúng tôi lại về thăm nhà để nhận đồ tiếp tế. Đó là những "khoảng trống" mà chúng tôi không biết về nhau. Cuối năm lớp 10 tôi bỗng phát hiện ra một chuyện là vào những "khoảng trống" ấy, Trinh đã quen và yêu một chàng kỹ sư mới ra trường. Anh chàng này có lần đã lân la làm quen với tôi nhưng vì thấy anh ta là một kẻ bẻm mép nên tôi tránh xa ngay từ đầu. Trinh không dám kể cho tôi vì hồi ấy chuyện yêu đương đối với học sinh là điều cấm kỵ, bị kiểm điểm và đuổi học như chơi. Tôi lựa lời khuyên can Trinh, nhưng tình yêu có những lý lẽ và những bước đi riêng mà không ai có thể can thiệp được. Dần dần tôi thấy Trinh yêu anh ta như ngây dại, khuyên can thế nào cũng không xong. Có lần Trinh dám trốn học về Hà Nội đi chơi với anh ta hai ngày liền, nói dối tôi là nhà có việc. Tôi cứ lo lỡ Trinh sa đà thì thật tai hại. Mà đúng thế thật, cuối năm ấy, suýt nữa thì Trinh thi trượt chỉ vì yêu. Tuy vậy, Trinh vẫn còn đủ tỉnh táo để không đi quá xa vào ngõ cụt lỗi lầm mà nó như một cái bẫy sập luôn luôn chực chờ cơ hội ụp xuống đầu những người nhẹ dạ cả tin. Vào đại học, mỗi đứa một trường, sơ tán mỗi nơi, thỉnh thoảng mới gặp nhau nên tôi biết về Trinh không nhiều lắm. Sau khi tốt nghiệp đại học ít lâu tôi lấy chồng, còn Trinh vẫn chưa có gì dứt khoát. Hôm cưới, tôi nhờ Trinh làm phù dâu. Trinh dẫn theo một người bạn khá điển trai và luôn tỏ ra là một kẻ ga lăng. Về sau tôi được biết anh ta là một thợ điện làm việc cho một đoàn nghệ thuật nên ít nhiều mang "tính nghệ sĩ" hay đúng hơn là cố bắt chước tính nghệ sĩ. Anh chàng kỹ sư bẻm mép đã chạy theo cô gái khác từ lâu, anh thợ điện hình như đã là "mối tình đầu"... thứ sáu, thứ bảy gì đó cũa Trinh. Anh chàng thợ điện rất giỏi tán tỉnh, biết cách chiều chuộng, nên mặc dù biết là chênh lệch về trình độ học thức Trinh vẫn cứ yêu. Khác với những mối tình trước, lần này Trinh đã yêu đến chết mê chết mệt, yêu đến mức hoàn toàn sa ngã, trao tất cả cho anh ta! Trinh như người đi trên mây, ai can

ngăn cũng mặc. Được một thời gian, Trinh có bầu, mới ngỏ ý với anh ta sớm tổ chức lễ cưới thì bỗng nhiên anh ta "lặn" mất tăm! Trinh hốt hoảng, bất lực, đành phải tự mình đi "giải quyết" hậu quả! Trinh ốm một trận thập tử nhất sinh! Dù kín đáo đến đâu thì tiếng xấu vẫn cứ như mùi xú uế tự thoát ra ngoài. Tôi biết là Trinh rất chân thành trong tình yêu, nhưng sự chân thành quá thật thà đến mức dại dột ấy đã biến Trinh từ một nạn nhân thành một cô gái mang tiếng là lăng nhăng, thay người yêu như... thay áo! Ai có thể thanh minh cho Trinh điều oan ấy được? Dần dần những chàng trai trẻ được người, được nết cứ xa lánh dần nên sau khi chia tay chàng thợ điện-nghệ sĩ nọ thì Trinh rơi vào một cuộc khủng hoảng thật sự. Gần một năm trời Trinh hoàn toàn "bơ vơ" không tìm ra "vệ sĩ". Đến thăm vợ chồng tôi, nhiều lúc Trinh cứ ngồi thừ ra, trông rất tội nghiệp. Là bạn gái khá thân thiết nhưng tôi rất khó an ủi hoặc trách cứ Trinh vì đó là một chuyện rất riêng tư, tế nhị mà mỗi người trong cuộc thường tự mình giải quyết, người ngoài rất khó tác động. "Cách mạng là tự thân vận động" mà! Tuy thế tôi cũng lựa lời xa xôi bóng gió để nói với Trinh về quan điểm của mình, mong Trinh rút ra được điều gì bổ ích. Thế rồi có một lần Trinh phát cáu:

-Ấy" chẳng hiểu gì cả! "Ấy" gặp may, "ấy" cứ tưởng ai cũng có thể may mắn như "ấy" à? Trên đời này chẳng có được mấy thằng đàn ông tử tế như lão Thanh nhà "ấy" đâu! Bây giờ "người ta" chẳng còn thèm tin vào cái gọi là tình yêu ấy nữa, bọn đàn ông chỉ toàn là một bầy giả dối!

Trinh nói vậy thì tôi còn biết nói sao nữa! Mọi chuyện rồi cũng nguôi ngoai. Có lẽ vì cay đắng với tình yêu và vì tin vào số phận như thế nên Trinh theo người ta đi tận đầu tận đâu xem bói. Một hôm Trinh đến nhà nói với tôi:

-Năm nay dứt khoát "người ta" sẻ lấy chồng.

-"Ấy" nói đùa đấy à, "ấy" đã có ai đâu mà?

-"Người ta" nói thật đấy, tuy chưa có ai nhưng cái số "người ta" như vậy mà!

Thế rồi chừng hơn tháng sau Trinh đến bảo tôi là chủ nhật tới Trinh cưới! Tôi thật sự không tin vào tai mình nữa. Thì ra cách đấy 2 tuần có một người quen nào đó đã giới thiệu cho Trinh một người đàn ông suýt soát tuổi bốn mươi, mãi theo đuổi sự nghiệp nên chưa kịp lấy vợ. Anh ta là cán bộ nghiệp vụ ở một cơ quan trung ương, có nhà riêng ở ngay Hà Nội. Trinh chỉ mới gặp anh ta một hai lần nên cũng chưa biết gì về thân thế, gia đình, càng không biết tính tình nhân cách ra sao. Tôi khuyên Trinh hảy từ từ, xem xét cẩn thận đã, vội vã làm gì, Trinh đâu đã già mà lo... Nhưng Trinh nói là mọi việc đã được quyết định rồi, thiếp mời cũng đã in xong. Thấy tôi cứ tỏ ý nghi ngờ và lo lắng, Trinh trấn an:

-"Ấy" đừng lo, ông thầy bói bảo là "người ta" thuộc chòm sao gì gì ấy, nếu lấy chồng vào tháng này thì rất hợp tuổi, không phải lo ngại gì cả. "Lão" Tỵ có vẻ hiền lành, ít nói, chỉ phải cái tội là... xấu trai! Nhưng bây giờ "người ta" cũng chán cái bọn bảnh trai lắm rồi. Thôi, mặc kệ!

Tôi thật không thể ngờ Trinh đã biến đổi nhiều như vậy. Là một trí thức mà Trinh lại trở nên mê tín một cách mù quáng và hơn thế lại phó mặc đời mình cho sự may rủi một cách bất cần đời như thế! Hôm dự đám cưới tôi mới biết mặt cái "lão" Tỵ của Trinh. Khó mà đoán tuổi anh ta. Tỵ thấp bé, có nét mặt choắt, cặp mắt hay liếc nhanh và hầu như luôn tránh nhìn vào người tiếp chuyện. Anh ta rất ít khi mở miệng, có vẻ lầm lì miễn cưỡng khi phải tiếp bạn bè vợ. Nhưng khi gặp mấy ông lãnh đạo cơ quan thì anh ta lại có vẻ liến loắng xun xoe. Tôi linh cảm thấy con người này đầy bí ẩn, hoặc là một người có cá tính, hoặc là một kẻ giảo quyệt đầy thủ đoạn. Tính tình Trinh hoàn toàn đối nghịch, khó mà hoà hợp được với anh ta. Liệu hạnh phúc Trinh rồi sẽ ra sao?

Chiến tranh kết thúc đã lâu nhưng trường của Trinh vẫn còn ở lại một nơi cách xa thành phố. Một người bạn tình cờ đến trường, gặp Trinh về kể cho tôi nghe là không ai có thể tưởng tượng được Trinh lại thay đổi nhiều đến vậy. Một mình Trinh vừa trông con nhỏ, vừa xắn quần móng lợn gánh nước, trồng rau, chăn lợn, nuôi gà. Nghe đâu anh chồng được đi nước ngoài thực tập từ gần một năm nay. Trinh có vẻ an phận thủ thường, ngoài công việc và đứa con không còn quan tâm gì khác, kể cả nhan sắc của mình mà một thời Trinh luôn tự hào, chăm chút. Với Trinh, bây giờ tất cả chỉ còn là nghĩa vụ, nghĩa vụ làm dâu, làm vợ, làm mẹ. Tình yêu đã là dĩ vãng xa xôi, chết hẳn trong lòng!

Bẵng đi một thời gian khá lâu, bỗng một hôm Trinh đạp xe đến tôi. Trên xe là một bé gái bụ bẩm. Chúng tôi chuyện trò huyên thuyên suốt buổi chiều. Trinh vừa được chuyển về Hà Nội.

- Nghe nói ông Tỵ nhà "ấy" đi thực tập, "ấy" có nhận được thư đều không?

- Cũng có, nhưng thưa lắm. Tao đang bực đây. Nghe đâu lão ấy đang cặp bồ với một con bé đi lao động, chẳng biết có đúng không. Có lẽ đúng mày ạ. Hắn ít gửi thư, quà cáp cho con cũng hầu như không có. Tao chẳng thèm ghen, nhưng ít nhất thì hắn cũng phải nghĩ đến con hắn. Muốn con khoẻ con ngoan thì cũng phải có cái gì để mà nuôi đã chứ? Chẳng nhẽ con bé sống bằng nước lã?

Tôi chẳng biết nên khuyên Trinh thế nào vì mọi việc về Tỵ đã có gì rõ ràng đâu. Rất có thể hai người lấy nhau quá vội vàng nên không có tình cảm. Mà biết đâu anh ta vì mải mê học tập nên không chú ý gì tới chuyện thư từ quà cáp? Vả lại chuyện đi Tây mà bồ bịch thì có gì đáng ngạc nhiên? Nói vậy thôi chứ tôi thực sự lo cho tương lai của Trinh, điều mà tôi từng linh cảm thấy ngay từ hôm dự cưới. Trinh gầy đi nhiều nên dung nhan có nhiều phần sa sút. Người ta bảo "gái một con trông mòn con mắt", thế mà Trinh trông như đã mấy con, má tóp, mắt thâm quầng, lôi thôi, nhếch nhác. Lo cho con, Trinh đã không còn chú ý gì tới bản thân mình. Đó là một người đàn bà khác hẳn cô bạn gái tôi quen thuở nào! Trước đây, tình yêu đã làm cho Trinh càng trở nên xinh đẹp bao nhiêu, thì bây giờ có lẽ cũng vì nó mà Trinh càng tàn tạ bấy nhiêu!

Cuối năm, tôi nhận được điện thoại Trinh nhắn đến có việc cần. Trinh ốm! Con gái đã gửi về nhà ngoại, chỉ mỗi mình Trinh nằm co quắp trên giường. Nhìn Trinh đến là tội. Tôi hốt hoảng hỏi han rồi thu dọn và định đi nhóm lửa bắc nồi cháo. Trong nhà dường như không còn thứ gì để nấu. Đành phải chạy ù ra chợ mua thịt và các thứ linh tinh. Khi trở về thì Trinh đã ngồi dậy, mắt xa xăm, vô hồn. Tự nhiên tôi cảm thấy có một điều gì mơ hồ khiến tôi lo lắng, không yên. Tôi vờ như không thấy gì, bắt tay vào nấu cháo. Khi cháo đã sôi, hạ bớt lửa rồi tôi mới đến ngồi cạnh Trinh, bắt chuyện. Trinh lặng lẽ lấy từ dưới chiếu ra một bức thư đưa tôi xem. Tự nhiên trống ngực tôi đập loạn xạ. Điều tôi lo lắng bấy lâu có phải là đây?

Cô Trinh,

Lần lữa mãi rồi tôi cũng đành quyết định viết thư này cho cô. Tôi định cuối năm về phép, nói chuyện một lần là xong, khỏi mất thì giờ. Nhưng sợ để lâu lại ảnh hưởng đến công việc và đời sống của tôi bên này. Tôi đã bỏ thực tập khoa học, đã kiếm được một chỗ làm tương đối ổn định nên sẽ định cư ở đây, không về nước nữa. Tôi muốn để cô được tự do. Sống với cô ngay từ đêm đầu tiên tôi đã không thấy hạnh phúc. Mà chắc cô cũng vậy. Tôi muốn tin cô, đã cố quên đi những lời đồn đại về quá khứ của cô, chỉ mong cô vun đắp hạnh phúc cùng tôi. Nhưng tôi làm sao có thể chịu được cảnh hằng đêm nằm cạnh tôi là một người chỉ luôn nghĩ về kẻ khác, thậm chí nói mê cũng kêu tên hắn ta. Ngay từ hôm ra sân bay tôi đã nghĩ là mình thoát nạn, không bao giờ còn phải đối mặt với cô. Vậy thì xin cô hảy ký vào lá đơn này hộ tôi, càng sớm càng tốt. Tôi hứa với cô là khi nào thật ổn định tôi sẻ đón con tôi sang để cô đỡ vất vả và hoàn toàn tự do lo cho tương lai của mình. Cô không ngại, tôi hứa sẻ thanh toán đủ số tiền mà toà án phán quyết. Còn về căn nhà thì tôi cần lấy lại vì đó là của cơ quan tôi phân cho riêng tôi.

Vĩnh biệt!

Tôi ngồi lặng hồi lâu không biết nói gì với Trinh. Thế là rõ rồi. Đó là kết cục của một sự vội vàng và mê muội mà Trinh đã tự gây ra cho bản thân mình. Đó cũng chính là chút dư vị đắng cay của một thời dại dột mà chắc rằng Trinh còn phải nhấm nháp suốt đời! Cái giá phải trả là quá lớn, liệu Trinh còn gượng dậy và đứng vững được bằng đôi chân của chính mình sau khi đã phẫu thuật xong cái khối u tiềm ẩn bấy lâu nay?...

Sáu năm rồi, Trinh đã cố vứt bỏ mọi chuyện vào quá khứ, kể cả việc "chuyển vùng", nhưng để làm lại từ đầu thì đâu có dễ, phải không anh?

HOÀNG GIA CƯƠNG

71 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

TỪ KẾ TƯỜNG

MỘT THỜI ĐỂ NHỚ, MỘT THỜI ĐỂ QUÊN

Em vẫn là em đóa cúc vàng ngày ấy
Thủa mùa thu phai nắng nhạt vai gầy
Mắt môi cười tươi non lòng xanh biếc
Đường đi về hoa trái chín đầy tay

Một thời để nhớ thương trái tim hồng tuổi dại
Với tình sầu như bụi nắng qua sông
Bỏ lại sau lưng chút hoàng hôn đã khép
Còn tiếng chim kêu giục giã trong lòng

Mộng của phù vân đã bay nhòa sương núi
Em trả về hư ảo mối tình xa
Vướng trên tóc chiếc lá vàng rụng vội
Cứ để tro than nhòa nhạt mảnh trăng tà

Em vẫn là em đóa cúc vàng lối cũ
Mưa nắng về vẫn mở cánh tinh khôi
Lặng lẽ với thời gian để dài thêm sợi tóc
Ngày tháng thênh thang cao rộng một màu trời

Một thời để quên cánh buồm không trở lại
Con sông dài chia nước ngược dòng đi
Bìp bịm kêu hai bờ xa khản giọng
Bến bỉ sóng xô ghềnh đá thầm thì

Em tự dỗ lòng để trái tim không nứt vỡ
Nước mắt trào ra không ướt môi mình
Đường xưa vẫn đi về bóng trăng nghiêng xuống
Thương em cười mà khóc lúc lặng thinh.

TỪ KẾ TƯỜNG

MỐI TÌNH ĐẦU

truyện ngắn

NGUYỄN VĂN THƠ

Nguyên khá điển trai! Ấy là mọi người bảo thế chứ thực tình thì có bao giờ Nguyên chịu ngắm kĩ mình trong gương đâu. Vốn thông minh lại đa cảm xong Nguyên vẫn không khỏi mặc cảm về hoàn cảnh gia đình mình.Ngày ấy nhà Nguyên nghèo lắm, ông nội Nguyên là một đại địa chủ nên toàn bộ tài sản bị tịch thu hết trong cải cách ruộng đất. Bố Nguyên vốn từ bé quen được nuông chiều, ăn chơi nên chẳng biết làm gì cả. Trong hoàn cảnh khó khăn ông chỉ biết lấy rượu giải khuây và đôi lúc lại trút giận vô cớ lên vợ con.Mẹ Nguyên là một phụ nữ xinh đẹp, hiền dịu và nhẫn nhịn, được gả bán cho bố Nguyên từ năm lên bẩy. (Ngày ấy các nhà giầu thường hay cưới vợ sớm cho con cái để lấy người làm. Hôm mẹ Nguyên khệ nệ bê con ngỗng theo đoàn đi hỏi vợ cho anh trai mẹ, Ông nội Nguyên trông thấy nhận và cưới luôn cho bố Nguyên). Một mình mẹ tần tảo chạy chợ nuôi gần chục miệng ăn, miệng học. Anh chị em Nguyên thương mẹ lắm nhưng ngoài những việc như chăn trâu, cắt cỏ, mùa cua, bắt ốc , xay lúa giã gạo ra cũng chẳng còn biết làm gì hơn cho mẹ.Thời ấy muốn kiếm đồng tiền thật chả dễ dàng gì. Nguyên rất ham đọc sách, với cậu bé ở tuổi thiếu niên này, cuộc sống nghèo đói hình như càng làm cho cậu ham đọc hơn. Tất cả các loại truyện, thơ từ cổ chí kim, từ tây đến ta cậu đều đọc ngấu nghiến cứ như là cho đỡ đói ấy. Có lần cưỡi trên lưng trâu mải đọc để trâu ăn no lúa, hoảng hồn quất trâu lồng chạy. Bác trông đồng ở xa sinh nghi đến kiểm tra bắt được. Hôm ấy Nguyên bị bố cho một trận đòn nhừ tử. Bởi lúc nào cũng mê mải đọc nên bạn bè cùng lứa không thích Nguyên lắm. Họ nhìn Nguyên như nhìn người ở trên cung trăng xuống vậy. Nhưng có một cô bé lại không nghĩ thế…

Nhà Hoài Thi ở ngay gần nhà Nguyên. Thi kém Nguyên một tuổi học lớp dưới. Khác với Nguyên, Thi xinh xắn, tươi vui. Khuôn mặt trái xoan, đôi mắt bồ câu trong sáng. Đặc biệt là đôi núm đồng tiền mỗi khi Thi cười. Không biết với người khác thế nào mà với Nguyên nó cứ như hai mũi dao xoáy vào trong tim. Mỗi khi gặp nhau Nguyên như kẻ hụt hơi chẳng bao giờ dám nhìn thẳng vào gương mặt ấy. Thi là con gái một cán bộ đang công tác ở mãi trên tỉnh, lại xinh đẹp, học giỏi, hát hay nên được bạn bè và thày cô coi như báu vật. Biết phận mình nên ngay cả việc kết làm bạn thôi Nguyên cũng chả dám nghĩ tới nói gì là yêu. Hai người, hai cảnh khác nhau như thế yêu nhau có mà… trời sập… Nghĩ như vậy nên khi các bạn luôn tìm cách gần Thi thì Nguyên lại lảng xa, phớt tỉnh ăng lê chả thèm để ý gì đến Thi cả…

Một hôm Nguyên cho trâu đẫm ở con sông mới. Một nhánh sông thuộc hệ thống sông đào Đại thủy nông Bắc Hưng Hải. Cạnh bờ sông có một ngôi mộ cổ dân làng vẫn gọi là miếu Cô Tiên. Trưa mùa hạ, bầu trời đang xanh thăm thẳm bất chợt nổi cơn dông. Mưa rào ập đến thật nhanh, Nguyên vội cột trâu rồi chạy ào vào trong miếu tránh mưa. Ngồi một mình trong ngôi mộ cổ giữa đồng không mông quạnh. Trời thì tối sầm lại, gió mưa sầm sập, sấm sét đinh tai nhức óc Nguyên thấy ớn lạnh trong người. Đúng lúc ấy Hoài Thi lao vào miếu như một cơn lốc, toàn than ướt sũng. Thấy Nguyên, Thi hơi sững lại rồi nhoẻn miệng cười buông một câu trống không:

- Ôi sợ quá!

Vừa nhích ra nhường chỗ cho Thi, Nguyên cũng bâng quơ:

- Sao không chạy sớm, ướt hết rồi.

- Cứ nghĩ không mưa ngay, vơ vội them mấy nắm cỏ ai ngờ… nhanh thế…

Rồi cả hai cùng im lăng, ngượng ngập.Nguyên ít nói đã đành, Thi hàng ngày vẫn vui tươi hoạt bát là thế mà không hiểu sao cũng lung túng như gà mắc tóc. Bỗng một cơn gió to đột ngột hắt mưa vào trong miếu đẩy hai người bất chợt xích vào bên nhau.Hai cơ thể đang hừng hực một thoáng chạm vào nhau. Cả hai cùng giật bắn mình thảng thốt nhích ra. Kì diệu thay từ lúc ấy họ không còn cảm giác lạnh rét nữa.Toàn thân nóng rực, họ ngồi bên nhau lặng lẽ nghe tiếng mưa rơi trên mái cổ mộ ngân nga như một bản tình ca trong sáng. Trời mà biết được sẽ xảy ra chuyện gì nếu lúc ấy có một phép màu nhiệm tiết lộ thiên cơ giúp cho họ nhìn được vào tương

lai. Cho họ biết được đây là lần duy nhất họ được ngồi bên nhau như thế. Để rồi mãi mãi phải xa nhau, bặt tin nhau trong nỗi nhớ nhung vô vọng. Để rồi suốt đời phải nuối tiếc, phải day dứt, ân hận. Đêm đêm thức giấc nghĩ về tình cảm ban đầu trong sáng ấy như có trăm ngàn mũi kim chích vào trong tim...

Mà thôi, nói làm gì cái chuyện nếu như ấy. Ta thừa biết rằng ông trời xưa nay chẳng bao giờ chịu cho không ai điều gì cả. N hất là sự huyền bí mà ông ta giăng ra ở chốn thế gian lại càng cần phải được bảo vệ, giữ kín cho đến tận lúc xảy ra. Nó bắt con người ta phải chấp nhận như một sự đã rồi và coi đó như là số phận mà Trời định sẵn...

Năm 1966 gia đình Nguyên xin đi khai hoang đâu đó thuộc vòng cung Đông Triều. Ăn tết xong cả nhà chuyển đi chỉ còn Nguyên là ở lại học nốt năm lớp 6. Đúng ra là các em của Nguyên cũng đang học dở. Nhưng Nguyên vốn là đứa con cưng trong gia đình. Là hi vọng mà mọi người gửi gắm nên bố mẹ Nguyên sợ đang học dở mà chuyển đi sẽ ảnh hưởng đến lực học của Nguyên. Chính mấy tháng ở lại học này đã xảy ra những điều mà trước đó Nguyên chẳng bao giờ dám nghĩ tới.

Từ khi biết gia đình Nguyên đi khai hoang ở xa Hoài Thi thay đổi hẳn. Mới hôm qua còn là cô bé hồn nhiên, vô tư thì hôm nay Thi bỗng sâu xa và chín chắn hẳn lên. Cô luôn luôn tìm được những lí do để đến nhà Nguyên chơi. Tuy họ vẫn còn vụng về, ngượng ngập khi gần nhau nhưng trong cử chỉ, ánh mắt của nàng Nguyên cảm nhận được sự thân thương gần gũi. Có lần nàng rủ Nguyên đi cắt cỏ. Không kịp nghĩ ngợi gì Nguyên vội cầm liềm, cắp rổ đi luôn. Họ ngây ngất đi bên nhau nửa tỉnh, nửa mơ. Cánh đồng lúa đang thì con gái xanh mướt ngan ngát hương thơm. Những bờ cỏ xanh non mơn mởn vẫy mời đôi trẻ. Thiên nhiên thì đẹp như thế nhưng lúc này Nguyên chẳng còn tâm trí đâu mà ngắm trời, ngắm đất. Trước mắt cậu chỉ còn người con gái thân thương đang chập chờn lúc hư lúc ảo. Nguyên bước theo nàng mà không thể xác định được mình đang đi dưới đất hay trên mây nữa... Vốn từ bé chỉ biết chăn trâu, chưa phải cắt cỏ bao giờ nên Nguyên cứ lúng ta lúng túng không biết cắt thế nào cho gọn. Thấy vậy Thi phá lên cười. Hai núm đồng tiền lại được dịp xoáy vào tim Nguyên. Rồi Thi dạy cho Nguyên cách cắt cỏ làm sao cho gọn ghẽ. Nhìn nàng thoăn thoắt cắt, mái tóc búi cao, gương mặt lúc nào cũng phảng phất nụ cười. Thân hình của người con gái mới lớn, từng đường nét nổi căng lên dưới làn áo mỏng. Cho đến tận bây giờ Nguyên vẫn không thể hiểu nổi là tại sao lúc ấy mình vẫn chưa hóa đá. Cuối cùng Nguyên cũng vơ được lưng rổ cỏ. Tất nhiên là lại cho nàng cả thôi vì nhà Nguyên lúc ấy có mỗi một con chó con mà chó thì chả bao giờ chịu ăn cỏ cả...

Trước kia mỗi khi sinh hoạt Đội, Hoài Thi thường rất hay hát. Nàng hát rất hay những bài hát hồn nhiên, trong sáng của tuổi thiếu niên. Nhưng từ hôm biết gia đình Nguyên đi khai hoang nàng chỉ hát duy nhất một bài. Bài hát ấy cho đến giờ Nguyên vẫn chưa biết tên nhưng lời bài hát thì Nguyên gần như đã thuộc. Từng câu, từng lời cứ quẩn quanh trong đầu Nguyên đã mấy chục năm rồi mà Nguyên cảm thấy như mới ngày hôm qua thôi:

" Anh đi khai phá miền tây
Rừng núi bao la bừng giấc say
Anh khai đất hoang thành luống cày
Mai kia mừng ngô lúa nặng tay..."

Giọng hát Thi dạo này trở nên buồn da diết. Trước kia hát xong Thi thường mỉm cười rồi lò cò nhảy chân sáo về chỗ. Giờ mỗi lần hát xong Thi lại đứng lặng giây lát, cúi đầu buồn bã. Lúc ấy còn đang tuổi mải chơi Nguyên chưa cảm nhận hoặc chưa dám cảm nhận được tình cảm của nàng. Mãi sau này khi mà xoáy lũ cuộc đời đã dìm anh xuống đáy tận cùng địa ngục. Không còn cơ hội gặp lại nàng anh mới cay đắng nhận ra điều đó. Anh khát khao được nghe lại bài hát ấy dù chỉ một lần. Đã mấy lần anh viết thư yêu cầu nhưng có lẽ bài hát ấy đã quá cổ xưa không còn tồn tại nên không được đài chấp nhận...

Hết năm học bố Nguyên về đón Nguyên lên quê mới. Hôm ấy Nguyên vui lắm, tâm chí cậu hướng cả về miền quê xa xôi đầy ắp ước mơ và khát vọng. Cậu hình dung ra những dải núi rừng đẹp như huyền thoại. Trăm hoa đua sắc và rộn rang tiếng chim ca. Nghĩ đến việc phải xa Thi Nguyên cũng bùi ngùi nhưng lại tự nhủ rồi mình sẽ viết thư về. Sau này khi công thành, danh toại xứng đáng với Thi nhất định Nguyên sẽ về tìm Thi...

Ôi tuổi thiếu niên người ta thường nhìn đời bằng ánh mắt màu hồng.

Nguyên đâu biết rằng tình yêu xưa nay không dung những sự lần nữa. Và cái vòng cùng mà Nguyên khao khát ấy lại chính là địa ngục trần gian đang đợi sẵn anh. Chẳng bao lâu vận hạn

lên tục giáng xuống gia đình anh và rồi chính anh phải rời ghế nhà trường để lao vào rừng kiếm sống, giúp gia đình anh vượt qua khốn khó…

Sáng hôm Nguyên lên đường, không hiểu sao mẹ Thi và Thi sang nhà Nguyên rất sớm. Hiện tượng này xưa nay chưa bao giờ xảy ra. Mẹ Thi ngồi nói chuyện với bố Nguyên. Thi đứng tựa cột hiên lặng nhìn Nguyên đang tíu tít soạn đồ. Của đáng tội, con nhà nghèo có vẻn vẹn hai bộ quần áo cũ, một bộ mặc trên người, một bộ trong túi xách có gì mà soạn sửa. Nhưng tài sản của Nguyên lại là một hộp sách nặng. Nguyên định tặng Thi một cuốn truyện mà mình thích nhất xong lại thôi vì không đủ can đảm để làm việc ấy. Lúc bê hộp sách ra xe, qua chỗ Thi đứng Nguyên mấp máy chào Thi rồi lướt qua. Một thoáng nhìn Thi, Nguyên thấy nàng như chết lặng. Mặt Thi tái mét, môi run run và đôi mắt nhìn Nguyên thì suốt đời Nguyên không thể nào quên được. Như thất thần, như vô vọng, như gửi gắm. Nửa như cháy rực lên, nửa lại như đang tàn lụi… Thật ra lúc ấy Nguyên không thể cảm nhận hết được ngay. Nguyên chỉ biết rằng suốt cuộc đời về sau chẳng có ánh mắt nào nhìn Nguyên như thế nữa… Một thoáng lưỡng lự Nguyên không đủ dũng cảm để quay trở lại. Nguyên bước đi với ý nghĩ mình sẽ sớm quay về…

*

Chiếc xe bốn bánh kiểu dáng sang trọng dừng lại dưới tán si ở ngã ba làng. Một người đàn ông khoảng gần 50 tuổi bước ra khỏi xe bần thần nhìn xung quanh. Người ấy chính là cậu bé Nguyên năm xưa. Sau hơn 30 năm trở về quê hương ông thấy tất cả đều đã đổi thay. Xóm làng xưa yên ả là thế mà giờ đây nhịp sống mới cứ sôi lên sung sục.Đường làng đã được trải nhựa. Ngã ba ngày ấy phong quang là thế mà giờ đây một cây si đại thụ sum suê chùm kín một vùng. Ai trồng nhỉ, có phải em không em ơi…?

Bước vào quán nước ngay ngã ba gọi một chén trà cho hợp lệ. Quanh co một lúc cuối cùng ông cũng hỏi được tin của nàng. Bà bán nước tốt bụng và nhanh nhảu cứ nghĩ ông là người cùng cơ quan cũ với bố nàng nên sốt sắng kể: " Cái con bé ấy đang vui tươi dí dỏm là thế mà tự dưng trầm cảm cứ như là người mất hồn ấy, sao nhãng cả việc học hành. Mấy năm sau giải phóng gia đình họ chuyển vào trong Nam nghe đâu nó lấy chồng cũng khá giả lắm."

Như một mũi dao vô hình đang lách vào ngực khiến ông đau thắt. Ông muốn khóc thật to, muốn gọi tên nàng thật to. Ông hi vọng ở nơi phương nam xa xôi ấy nàng sẽ nghe được những điều ông nói.Thấy được những ăn năn day dứt của ông nỗi đau của nàng sẽ vợi được đi : " Anh nợ em nhiều quá em ơi. Khi mà cuộc sống đẩy anh xuống đáy xã hội anh nghĩ là anh không xứng với em. Việc anh bặt tin anh nghĩ như vậy là sự giải thoát cho em, cho hai ta. Bao nhiêu năm anh vẫn nghĩ hành động của mình là đúng đắn, là dũng cảm. Một lần tình cờ đọc bài thơ có mấy dòng sau:

" Vở học trò dòng lưu bút anh đi
Rồi trôi mãi như con thuyền lạc bến
Anh không về sông mãi là điểm hẹn
Để sóng dồi xao xác cuối bờ mong…."

Anh đã khóc! Trước đây anh chỉ nghĩ đến cảm nhận của anh thôi. Anh hi sinh, anh chịu đựng. Anh nghĩ anh chịu đựng được nhưng anh chưa bao giờ nghĩ cho em. Người phải chờ đợi vô vọng sẽ khổ hơn người ra đi rất nhiều có phải không em. Người con gái trong thơ còn có dòng lưu bút để mà mong đợi. Còn em chẳng có gì là kỉ vật mà vẫn phải nhớ thương một hình bóng như thực, như không. Giờ này em đang ở đâu, đã quên được anh chưa em ơi…?

Ông lặng lẽ ra khỏi quán nước, lê bước về phía ấy, nơi có ngõ vào nhà nàng. Ngõ xưa còn đó nhưng hình bóng người xưa đâu rồi…?

Đông Triều 02/3/2013

NGUYỄN VĂN THƠ

75 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

BỨC TRANH

truyện ngắn

TRẦN HỮU HỘI

- Hình như cậu thích tranh ?

Luận nhìn quanh xem câu hỏi ấy phát ra từ đâu, khi biết chắc là từ ông già bất động trên chiếc xe lăn, Luận cúi đầu chào kính rồi nói:

-Vâng, cháu có thích thật, nhưng …chỉ ngắm thôi chứ chưa hề mua một bức nào !

-Tại sao?

-Tranh giống như phụ nữ đẹp nhưng kiêu kỳ, muốn đến với họ thì phải có tiền, mà cháu thì nghèo!

Một tràng cười phát ra từ chiếc xe lăn. Âm thanh dòn dội váo các ngóc ngách của quán vắng, làm Luận thấy rờn rợn.

-Sao hả Bác?

-Hai mươi hai năm trước tôi cũng nói câu này, nhưng là nói với một người phụ nữ.

Luận rụt rè:

-Dạ…

Lại im lặng, im lặng như mọi khi. Chỉ còn tiếng nhạc nhè nhẹ.

Hơn sáu tháng nay, Kể từ ngày ra tòa chia tay với người vợ gần mười lăm năm chung sống không lấy gì làm hòa thuận, đều đau nhất của anh trong cuộc ly hôn này là không dành được quyền nuôi đứa con ! Anh trở thành một kẻ độc thân ở tuổi bốn mươi ba ! Luận chọn quán cà phê này trú thân, ngoài căn nhà trọ chật hẹp, cũng ấm cúng vì nó thích hợp với mẫu người cô độc như anh. Quán này cũng thế, sâu, hẹp nhưng ấm áp, vắng và nhiều tranh…Chủ quán, một thiếu phụ, chỉ xuất hiện khi có khách vào, pha cà phê xong là biến mất, còn lại ông già bất động trên chiếc xe lăn, ngồi trầm tư như thế suốt ngày, hiếm khi nghe ông nói gì, ông ở đó như một pho tượng, khách vào, ra không hề nghỉ đến sự hiện hữu của ông !

Luận cũng quen dần và cảm thấy những bức tranh trên tường ý nghĩa hơn cả sự tồn tại im lìm đó !

Hôm nay, pho tượng ấy đột ngột mở lời khi anh đang lơ đãng ngắm bức tranh chép lại của Levitan, " Ngày nắng".Treo gần cửa ra vào.

-Cậu biết gì về hội họa?

-Dạ hầu như không biết chút gì !

Lại một tràng cười….

Luận bối rồi không vì kiến thức ít ỏi của minh mà vì câu hỏi đến từ một người mà anh vừa mới

đây thôi, cảm thấy thú vị, tò mò…

-Tôi cũng đã nói như cậu !

-Với ai ạ?

-Bà ấy! Chủ nhật này cậu có đến đây không ?

-Thưa.. ngày mai ?

-Ngày mai là chủ nhật rồi à? Tôi quên mất ngày tháng ! Ừ, ngày mai cậu đến chứ?

-Dạ vâng, cháu đến, buổi chiều được không Bác?

-Được.

Lại im lặng, một khoảng lặng mênh mông….

oOo

Người đàn bà rời mắt khỏi giá vẽ, ngước mắt nhìn người khách vừa vào phòng :

-Ông muốn mua tranh ?

Người khách trung niên bối rối :

-Tôi muốn một bức sơn dầu, khoảng 0m70- 0m90.

-Vậy là ông cần kích cỡ hơn tác giả và trường phái?!

Người đàn ông bối rối chưa biết nói gì thì một câu hỏi tiếp, lạnh lùng:

-Ông không thích hội họa?

-Thời trẻ tôi có thích, nhưng chưa bao giờ có đủ tiên để mua một bức tranh nào!

Một nụ cười thoảng nhẹ trên đôi môi người phụ nữ:

-Thế sao?!

-Bà hỏi gì ạ?

-Như vậy rồi ông không tìm hiểu gì về tranh, về hội họa nữa ư?

-Vâng, hoàn toàn không biết gì!

-Tôi không nghỉ thế, ít ra thì ông biết thích tranh sơn dầu…

Câu nói như khuyến khích người đàn ông mạnh dạn thêm một chút:

-Tôi thích tranh sơn dầu về tỉnh vật hoặc chân dung . Với tôi, màu sắc vẫn là chính .

Người phụ nữ cười thành tiếng:

-Khó cho ông rồi, những phòng chép tranh chỉ chép toàn tranh phong cảnh để dễ bán. Ông có muốn đặt một bức theo ý mình không? Khá lâu mới lấy và giá tiền cũng cao hơn .

-Vâng thế cũng được, tôi không vội, miễn là đẹp.

Người phụ nữ nhìn vào mắt ông. Đôi mắt buồn của người đàn ông góa vợ mười sáu năm nay bổng xuyến xao pha chút trìu mến, khiến người đàn bà bối rối, lãng tránh bằng cách lật những bức tranh mẫu trong cuốn album dày cộm…

oOo

-Bức tranh đầu tiên tôi đặt là một giỏ hoa, chép theo mẫu của Rachel Ruysch. Treo đối diện cửa sổ thứ nhất đó.

Luận nhìn theo hướng ông già vừa nói. Bức tranh vẽ giỏ hoa với màu nền tối, nhưng những đóa hoa thì rực rỡ …trắng nhạt và hồng. Mặc dù treo đối diện, ngang với cửa sổ, vẫn không sáng lên được bao nhiêu!

-Rồi những bức kế tiếp…Tôi đến phòng tranh thường hơn.

77 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

-Những bức tranh trong quán này đều do bà ấy vẽ, thưa bác?

-Ừ, trong hơn một năm, bà ấy chỉ vẽ cho tôi. Bà ấy tự chọn mẫu, còn tôi , tôi thì chỉ cần được đến đó, ngồi xem bà ấy vẽ.

-Bác đã trở thành…người giàu ?

-Tiền bán căn nhà của tôi ở Đà Nẵng, Mua lại căn nhà này, mở cái quán cho con gái, tôi vẫn còn tiền để sống. Những bức tranh chép bây giờ không còn là một cài gì quá cao để tôi không thể mua nổi ! Nhưng cái chính là do… bà ấy vẽ. Ông già khoa tay quanh tường…Được mười một bức thì bà ấy không vẽ nữa !

Luận nhìn ông già định hỏi, nhưng gương mặt của ông già đã chìm trong một nỗi buồn vừa ập đến sau câu nói. Quán như trống trải hơn, tối hơn và im lặng hơn…

Bên ngoài cửa sổ, chiều xuống trên dàn hoa pháo, nơi cánh cổng nhà bên cạnh.

Im lặng , Luận nhìn vu vơ những bức tranh…

-Tôi có chuyện phải về Đà Nẵng, mười hai ngày sau trở lại thì bà ấy đã chết, bà ấy bị Ung thư đại tràng giai đoạn cuối trước khi tôi đến đó. Một căn nhà nhỏ trong hẻm sâu, nơi đứa con trai đã có gia đình ở cùng bà ấy. Cậu ta trao cho tôi một bức tranh :

-Mẹ tôi bảo trao lại cho ông và dặn ông thay khung cho bức tranh.

Luận bật hỏi và lập tức đưa mắt nhìn bức "Người đàn bà xa lạ " của Kramskoi treo đối diện:

-Bức tranh nào ạ?

-Không có ở đây, "Bà ấy" ở trong phòng của tôi. Khi thay khung, tôi thấy bức thư của bà ấy.

Im lặng lại bao trùm căn phòng, Luận nhìn những bức tranh giờ như những mảng màu loang lỗ quanh tường, mắt anh không tập trung được vào một chổ nào. Khi quay lại nhìn ông già, anh có cảm giác như ông đã ngủ, đầu gục xuống lọt vào đôi vai gầy…Luận rụt rè đến bên tấm thân bất động:

-Bác có …khỏe …không ạ ?

Ông già ngẩng đầu nhìn Luận, gương mặt ông như nhão ra với những giọt nước mắt. Tiếng nói của ông bất ngờ vang lên, rõ ràng, tương phản với vẻ yếu ớt của cơ thể:

-Nếu tôi trao toàn bộ tranh cho cậu, cậu có đồng ý không?

-Sao, Bác không thích nữa à?

-Tôi vẫn quý chúng như những đứa con, nhưng tôi phải vào Viện Dưỡng Lão !

-Ở đâu ạ?

-Ở Long Thành, Tôi có cô em tu ở một ngôi chùa dưới ấy. "Viện mồ côi" thì đúng hơn

-Thế con gái bác, chị ấy?

-Tôi làm khổ nó đủ rồi. Từ ngày bị tai biến, mười sáu năm nó phải chăm sóc tôi, không nghỉ chi đến chuyện chồng con, nó trở thành gài già khi nào không hay! Giờ nó gặp một Việt kiều góa vợ, tôi muốn nó xuất cảnh theo chồng.

oOo

Cuối cùng thì chiếc xe chở hàng thuê cũng vào được con hẻm chật chội nơi căn phòng trọ. Hai ngày bận rộn với việc tháo gở, đóng gói cẩn thận những bức tranh, Luận ở trong tâm trạng ray rứt, mâu thuẫn. Phần thì xót xa với hoàn cảnh của ông già, đàng khác, anh mừng vì bổng dung lại có được những bức tranh….Nghỉ đến chuyện phải treo những bức tranh này lên bức tường nham nhở của phòng trọ mà não lòng.

Không nôn nóng với những bức đã thấy hàng ngày trong quán, anh hồi hộp dặt bức tranh "Người phụ nữ đợi chết" lên bàn. Báu vật của ông già là bức chân dung một người phụ nữ trạc ngoại tứ tuần, chính là người đã chép lại những bức tranh. Bức tranh thật đẹp, trong không gian

dịu dịu của buổi xế chiêu, một gương mặt phụ nữ trong chiếc mủ len màu nâu trùm kín đầu, bên khung cửa sổ, đôi tay khoanh hờ hững, ánh sáng chếch tôn lên chiếc mũi thanh tú." Bà ấy đây sao !" Luận buột miệng không hoàn toàn là bởi nét đẹp của người thiếu phụ mà do đôi mắt buồn , đăm chiêu của người phụ nữ vẫn hài hòa được với đôi môi mỏng, mĩm cười như khinh bạc thách thức.

Một linh cảm nơ hồ đều gì đó thật buồn, thật xót xa ập đến trong tâm hồn Luân làm anh xao xuyến lo âu khi chợt nhớ lại lời ông già:

-Tôi đã "sống" với bà ấy hơn hai mươi năm. Giờ thì tôi không cần gì nữa, Tôi vào viện mồ côi nhưng rồi cũng sẻ không phiền ai... Bức thư vẫn ở đằng sau bức tranh. Cậu cứ giữ lấy tất cả, tôi không nở đốt nó !

Luận run run lật úp bức tranh, mở lưng tìm lá thư.Một tờ giấy gấp tư, như được dán vào khung vải:

oOo

Ngày ... tháng ... năm 1993.

Này, người đàn ông vô duyên !

Tôi đã nghĩ như thế từ khi gặp ông, cho đến lúc này, hơn một năm và trong những ngày cuối cùng của đời mình, khi những tế bào ung thư đã di căn và hủy hoại hầu hết các bộ phận trong cơ thể, gây nên những cơn đau thật khủng khiếp! Tôi vẫn gọi ông như thế."người đàn ông vô duyên".

Trước hết, tôi cảm ơn ông đã đi xa đúng lúc để tôi không ray rứt vì sao không có ông bên cạnh, không ngóng đợi trông mong như những ngày ông thỉnh thoảng bận việc, không đến phòng vẽ .

Tôi gọi ông là người đàn ông vô duyên bởi: Ông đến và làm tôi xao lòng khi vừa phát hiên ra căn bệnh chết người một tuần lễ. Tôi quyết định không phẫu thuật hay đều trị vì nó đã ở giai đoạn cuối. có nghĩa là tôi không còn sống được bao lâu! Trong đôi mắt ông từ lần gặp đầu tiên ấy, tôi đọc được một đều là Tôi sẽ yêu ông, và ngược lại.

Nhưng ông có thấy vô duyên không khi không hề có đoạn kết trọn vẹn cho cuộc tình này. Ông vẫn không biết gì, nhưng tôi, tôi biết sẽ phải xa ông khi tình yêu vừa đến! lẽ ra lúc này chính tôi phải nhận lấy hai chữ "vô duyên" nhưng tôi vẫn gọi như vậy, bởi nó mang nghĩa định mệnh cho cả hai chúng ta. Vâng, đó là một định mệnh! Bức tranh náy tôi vẽ cho người đàn ông vô duyên của tôi, một bức tranh duy nhất tôi vẽ chứ không chép. Hai tháng sau khi đã trải qua lo âu, sợ hải tột cùng...Thật lạ, tôi lại trở nên bình thản, chấp nhận ngày nó đến. Tôi đặt tên cho bức tranh là"Người thiếu phụ đợi chết". Hãy nhìn màu xám nhạt của bầu trời, ông sẻ thấy...Ông cũng cứ gọi như thế nhé. Thông thường, người bị ung thư, đều trị bằng phương pháp Hóa trị đều rung hết tóc, tôi không hóa trị, nhưng tôi muốn ở trong tâm trạng thường trực đối mặt với căn bệnh khi vẽ chiếc mủ len trùm kín đầu có làm ông hình dung được đều đó không?!

Không biết lúc nào thì cái chết đến để giãi thoát cho tôi khỏi những cơn đau! Ôi. tôi tiếc biết mấy những phút giây gần gũi bên ông, êm đềm quá, yên bình quá... sẽ không bao giờ có được nữa!

Đau quá! Tôi... tôi... vĩnh biệt ông thôi...!Người đàn ông vô duyên.

Luận vẫn cầm là thư trong tay, với lòng dạ bần thần. Anh muốn nhanh chóng tìm đến ngôi chùa nào đó ở Long Thành, nói với ông già rằng anh sẽ thay con gái ông chăm sóc ông, cùng ông sống với những tháng ngày còn lại với các bức tranh...Nhưng anh vẫn ngồi bất động hình ảnh ông già ở nơi nào đó gục đầu thì thào :'*Tôi...tôi đến với bà đây, chờ nhé."*như rõ mồn một trong dầu anh!

Sài Gòn , ngày 20 tháng 3 năm 2014 .

TRẦN HỮU HỘI

HỘI TIỄN MÙA ĐÔNG MASLENISHA

Ở XỨ SỞ BẠCH DƯƠNG

LƯƠNG VĂN HỒNG

Mùa đông ở nước Nga luôn gắn liền với thời khắc chuyển giao năm cũ năm mới. Dịp đón năm mới mà tuyết không rơi thì người Nga coi như niềm vui vơi đi một nửa, những người nông dân thì coi đó là điềm dữ bởi không có tuyết đồng nghĩa với vụ mùa thiếu nước, không bội thu. Người Nga luôn tự hào về mùa đông của đất nước mình. một nhà báo nước ngoài viết: "Mùa đông của nước Nga – đó chính là di sản thiên nhiên mang tầm quốc gia. "không phải lúc nào "di sản thiên nhiên" nói trên cũng mang lại niềm vui cho tất cả mọi người. Với nhiều người Việt thì mùa đông Nga với cái lạnh thấu xương - cái lạnh xuyên vào da thịt mà chỉ những người trong cuộc mới thấu hiểu. Nước Nga thường được ví như chiếc tủ đá khổng lồ mà ở đó rất nhiều bà con người Việt đã bươn chải:" Khi đi trời vẫn còn sương. Khi về phố đã đỏ đèn từ lâu" Những bông hoa tuyết lóng lánh, những cây thông xanh mướt ngay cả trong tiết trời đông đã đi vào thơ ca như những biểu tượng thơ mộng của mùa đông nước Nga. Nếu đứng ngoài trời chỉ một tiếng đồng hồ trong thời tiết âm 20 độ, bất cứ ai cũng có thể sẽ trở thành nạn nhân của giá lạnh và biết được thế nào là "bỏng lạnh".

Maslenisha là kỳ Hội tiễn mùa Đông và đón mùa Xuân. Đây là một trong những hội dân gian rất đặc trưng Nga. Hội Maslenisha (có gốc nghĩa là "bơ") không cố định hàng năm vì phụ thuộc vào thời điểm bắt đầu kỳ lễ ăn chay trong Chính thống giáo Nga. nhưng thông thường là cuối tháng 2 đầu tháng 3. Tuy nhiên, theo truyền thống kỳ lễ luôn bắt đầu vào thứ Hai và kết thúc vào ngày Chủ nhật. Tuần lễ Maslenitsa được chia thành hai phần. Nửa đầu là tiểu lễ Maslenitsa kéo dài từ thứ hai đến thứ tư. Nửa sau là đại lễ Maslenitsa kéo dài từ thứ năm cho tới chủ nhật. Mỗi ngày lễ trong tuần lễ Maslenitsa này đều có tên gọi gắn với ý nghĩa riêng.

Ngày thứ Hai được gọi là ngày "gặp gỡ", hình nộm nữ thần mùa Đông Maslenisha được rước quanh làng và người thân đi thăm viếng lẫn nhau.

Ngày thứ hai có tên là "Chào mừng". Theo truyền thống, vào ngày này, người dân ở các làng quê sẽ dựng lên một hình nộm tượng trưng cho mùa đông, làm bằng rơm và mặc cho chúng quần áo của các cụ già. Sau đó, đưa chúng lên những ngọn đồi cao. Tuy nhiên ngày nay, những hình nộm này không nhất thiết phải làm bằng rơm.

Phong tục này còn kèm theo những hoạt động tập thể rất vui nhộn như chơi các trò truyền thống hay nhau hát những điệu hát của nam thanh nữ tú trong làng... Đây không chỉ là các hoạt động nhằm tạo ra không khí vui vẻ mà còn là một phong tục từ xa xưa với hy vọng may mắn sẽ đến sau một mùa đông giá lạnh.

Ngày thứ ba là ngày "Vui chơi". Từ ngày hôm đó, cả làng sẽ bắt đầu tham gia các hoạt động

như cưỡi xe trượt tuyết, tham gia thi hát dân ca và múa rối. Mọi nẻo đường sẽ chật kín người dân trong các trang phục lễ hội nhiều sắc màu và đeo mặt nạ. Họ sẽ tới thăm nhà những người hàng xóm, bắt đầu từ nhà những người lớn tuổi nhất. Đây cũng là cơ hội cho các chàng trai được xem mặt các cô gái trong làng để tán tỉnh hoặc lấy làm vợ.

Ngày thứ tư là ngày dành cho ăn uống. Các gia đình sẽ mở tiệc với các món ăn ngon như bánh bliny, bánh nướng và bia ủ. Các gian hàng bày bán đồ ăn cũng xuất hiện ở khắp mọi nơi. Đặc biệt, họ có bán sbiten nóng (làm từ mật ong, nước và một số gia vị) các loạt hạt, bánh gừng và trà.

Trong ngày này, chàng rể sẽ đến nhà mẹ vợ ăn bánh bliny cùng bạn bè bên nhà vợ. Và có phần nào tương đồng với tập quán "mùng một tết cha, mùng hai tết mẹ" ở Việt Nam, vào thứ sáu với tên gọi "Buổi tối của mẹ", mẹ vợ sẽ đến thăm lại nhà con rể và ăn bánh bliny do con gái tự tay làm.

Ngày thứ năm là ngày bắt đầu đại lễ Maslenitsa. Trước đó, người dân vẫn làm một số công việc hàng ngày thì từ ngày thứ năm, họ chỉ còn vui chơi. Những trò chơi thu hút được đông đảo người tham gia như cưỡi ngựa, đấu vật, ném tuyết. Những trò chơi này mang ý nghĩa rũ bỏ mọi phần u ám trong năm trước, cũng như gỡ bỏ mọi mâu thuẫn giữa mọi người.

Ngày thứ sáu, các chàng sẽ tới lượt tiếp đón mẹ vợ ngay tại nhà mình với các món ăn do con gái tự tay sửa soạn. Vào ngày trước, mẹ vợ phải gửi cho con rể mọi thứ cần thiết để làm bánh bliny như chảo, muối... còn bố vợ sẽ gửi kiều mạch và bơ.

Ngày thứ bảy - tụ họp của các chị em chồng.

Ngày Chủ nhật - ngày "Tiễn mùa đông": Ngày chủ nhật được gọi là ngày tha thứ. Mọi người sẽ tha thứ hết tất cả những lỗi lầm và khúc mắc đã có trong năm qua. Những đôi bạn trẻ sẽ tới thăm họ hàng và mang theo những món quà nhỏ xinh xắn. Mở đầu buổi lễ, những chú bé ngộ nghĩnh, mặc quần áo dân tộc truyền thống, màu sắc sặc sỡ cầm đuốc đốt những hình nộm bằng rơm, đó là hình ảnh tượng trưng của băng tuyết trong mùa đông lạnh giá. Trẻ em và người lớn reo hò ầm ĩ, ca hát, nhảy múa xung quanh hình nộm đang bốc lửa. Họ mừng vui tiễn tượng trưng mùa đông, hân hoan chào đón mùa xuân tươi đẹp, chuẩn bị khí thế bước vào một mùa gieo trồng mới. Tro của hình nộm bà già mùa đông sẽ được chôn dưới tuyết. Sau khi đã hoàn thành các thủ tục thì lễ hội ăn chay của người cơ đốc giáo bắt đầu.

Ngày nay, Hội Tiễn mùa đông thường được tổ chức ở những nơi đông người qua lại, có quảng trường, ngã tư đường phố, một cánh rừng đầu làng vào những đêm đẹp trời. Tất cả già, trẻ, nam, nữ đều tham dự lễ hội. Họ nắm tay nhau nhảy điệu múa vòng tròn. Những động tác giậm chân, không chỉ là một tiết mục nghệ thuật, mà còn là một cách sưởi ấm nhanh chóng trong giá rét.

Maslenisha có nguồn gốc từ đạo Chính thống giáo Nga. Lễ Maslenisha đã trở thành ngày hội của người dân Nga, là kỳ lễ vui vẻ nhất trong năm và là biểu tượng của sự hòa hợp và hòa giải của người Nga. Sau kỳ lễ này các tín đồ sẽ bắn đầu Mùa chay lớn "Veliky Post" kéo dài tới 7 tuần lễ. Lễ tiễn mùa đông bắt nguồn từ nền nông nghiệp, từ công việc đồng áng của những người nông dân Nga. Mùa đông nước Nga tuyết rơi phủ kín mặt đất, ruộng đồng, khiến cho cây cối nảy mầm nhưng không trồi lên khỏi mặt đất được, nếu mùa đông kéo dài mãi dễ sinh nạn đói. Bởi vậy, người nông dân mong mùa đông mau qua, mong mùa xuân mau đến.

Có biết bao câu chuyện cổ tích nổi tiếng của Nga, những bài thơ của các nhà thơ Nga với những câu chuyện về Bà chúa tuyết, về Băng giá, về ông già Tuyết và cô bé Tuyết ... mà bất cứ đứa trẻ Nga nào cũng sẵn sàng đọc với niềm thích thú. Đó là những vần thơ "Con đường mùa đông", "Vị thần mùa đông đang tới..." của Puskin, là "Bông tuyết nhỏ" của N.Nekrasov", là "Mùa đông" của Esenin, là "Những vần thơ trắng" của S.Mikhalkov... bài hát nổi tiếng với đề tài tình yêu và mùa đông "Bông quyết quay tròn" (Снег кружится). Đó là những cảm xúc tuyệt vời mà mùa đông nước Nga mang lại cho những ai từng trải nghiệm thời tiết lạnh giá nơi đây. Mùa đông ở nước Nga luôn gắn liền với thời khắc chuyển giao năm cũ năm mới. Dịp đón năm mới mà tuyết không rơi thì người Nga coi như niềm vui vơi đi một nửa, những người nông dân thì coi đó

là điểm dữ bởi không có tuyết đồng nghĩa với vụ mùa thiếu nước, không bội thu. Người Nga luôn tự hào về mùa đông của đất nước mình. một nhà báo nước ngoài viết: "Mùa đông của nước Nga – đó chính là di sản thiên nhiên mang tầm quốc gia. "không phải lúc nào "di sản thiên nhiên" nói trên cũng mang lại niềm vui cho tất cả mọi người. Với nhiều người Việt thì mùa đông Nga với cái lạnh thấu xương - cái lạnh xuyên vào da thịt mà chỉ những người trong cuộc mới thấu hiểu. Nước Nga thường được ví như chiếc tủ đá khổng lồ mà ở đó rất nhiều bà con người Việt đã bươn chải:" Khi đi trời vẫn còn sương. Khi về phố đã đỏ đèn từ lâu" Những bông hoa tuyết lóng lánh, những cây thông xanh mướt ngay cả trong tiết trời đông đã đi vào thơ ca như những biểu tượng thơ mộng của mùa đông nước Nga.

LƯƠNG VĂN HỒNG

thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

NẮNG THÁNG BA

tháng ba thắp lại mùa xuân
trên vạt áo nhung mềm
ánh sáng tuổi thơ treo cao đèn lồng chín đỏ
vẫn còn đó những cành hoa nở muộn
dáng dấp vầng trán hằn sâu dấu vết thời gian
bước qua ngưỡng cửa
và chẻ từng sợi tóc đong đưa
gió thổi tung bụi mù hoả tốc
dừng lại cơn mơ đêm nay qua cầu tre ngoạn mục
nghiêng vai đón gió hoàng hôn
ta uống nắng tháng ba Sài Gòn
ửng hồng soi mặt
đông loả cơn mê ghìm chặt không lời .

Sài Gòn tháng 3.2014

LÊ PHƯƠNG CHÂU

ĐÒN GIÓ

truyện ngắn

NGUYỄN THĂNG

Nhà ông Mẫn xây tường gạch cắm mảnh chai lởm chởm lại có cánh cổng sắt luôn đóng im ỉm. Ấy thế mà vẫn mất trộm. Lúc thì bị vặt buồng chuối, khi thì bị mất trái bưởi, con gà. Kẻ trộm xóm này ranh lắm. Chúng vẫn vượt tường đột nhập như đặc công.

Trước tình cảnh như thế ông Mẫn tìm kế. Có lẽ phải nuôi chó. Con chó như lính gác. Nó canh cho mình ngủ. Có người lạ nó sủa lên là mình biết ngay. Nhất là chó béc giê, loài chó mà ngành công an nuôi để truy tìm kẻ địch. Thế là ông mua một con bécgiê của trại chó Thanh Xuân. Giống cảnh khuyển này tuy bị thải loại nhưng còn khôn gấp mấy chó ta. Ông xích con becgiê ở cột hiên, cho ăn cơm với thịt bò. Chó tây nhà mình ăn ngon hơn cả người. Con cái ông kêu, ông giải thích: "Nó phải được ăn đặc biệt. Một mình nó ăn ngon vì nó có sức mạnh hơn cả tiểu đội đấy!".

Thế là các con ông nghe ra. Ai cũng chăm chút con chó tây. Chả thế mà con chó tây nhà ông mới có 8 tháng tuổi mà nặng ngót một tạ, cao gần nửa mét. Hai cái tai nó cứ dỏng lên. Nó ngồi uy nghi, hai chân trước chống thẳng, hai chân sau khuỵu xuống, cái đuôi đốm đen ve vẩy như sẵn sàng vồ mồi. Khách đến chơi cứ nhìn mà chết khiếp. Những khi ấy ông phải nói: "Xin phép bác để tôi xích con chó lại. đưa nó ra đầu trái nhà đã".

Ban đêm mắt con chó tinh lắm. Thoáng thấy có người lạ vào là nó sủa ồm ồm.

Nhà ông Mẫn thuộc loại giầu có. Ông rất khoái câu: "chó tây cây cảnh". Có một thời dân thành thị đua nhau nuôi chó Nhật kinh doanh nhưng ông chỉ thích chó tây. Nó vừa giữ nhà vừa có tiền cho chủ. Mỗi năm nhà nuôi bécgiê đực vớ hàng chục triệu đồng. Ông cũng chơi cây cảnh loại lộc vừng, vạn tuế, si, đa, non bộ, trúc Nhật... Bố mẹ ông để lại 5 gian nhà ngói cổ, cửa bức bàn. Nay ông lại mua thêm chó tây, cây cảnh làm cho nhà cửa thêm đẹp, uy nghi. Ông có một cơ ngơi thật giầu có gần như nhất làng Đoài này. Nhưng ông trời lại bất công không ban cho ông được vóc dáng đàn ông trai tráng mà nặn ra ông một gã vừa đen vừa xấu trai. Người to ngang lại thấp, mặt lại rỗ. Da đã đen như củ tam thất, đầu lại bẹt, tóc đỏ quạch như râu ngô. Nhưng vì ông là con nhà giầu nên vẫn có nhiều cô xinh gái đáo để sẵn sàng xin chết. Ở đời con nhà giầu dễ lấy vợ? Ông kén mãi cô nào ông cũng chê. Phải tới khi 30 tuổi Mẫn mới đứng đầu, đứng số. Người vợ mà ông chọn là cô Thơ đẹp nhất làng Đoài. Hai người cọc cạch quá. Cô nàng thì cao dong dỏng da trắng ngần, mắt đen long lanh, môi đỏ tươi như hoa còn chàng thì rõ chán, cao có một mẩu lại rỗ. Trong làng có anh hỏi cô Thơ không được đã bực tức làm vè:

Cô Thơ như thể tiên trần
Mà lấy anh Mẫn cù lần đen thui.

Ấy thế mà hai người đã chung sống mấy chục năm rồi, vợ chồng ông đã có ba đứa con. Thằng con trai đầu giống bố lùn tè đen nhẻm. Hai đứa con gái thì giống mẹ nên cao ráo xinh xinh. Ông là kỹ sư cơ khí sắp về hưu. Cuộc đời nhanh như tên bay. Bây giờ ông nghĩ: Của nả nếu không giữ thì già lấy đâu mà sinh nhai? Thời mở cửa, trộm cắp phát triển ghê quá. Ông mua con chó tây là phải lắm. Mỗi khi cho chó ăn ông lị gọi Luých luých! Con chó vẫy đuôi mừng chứ không như loài chó sẻ có ai vào cứ nhanh nhách sủa ầm ĩ chủ nhà không quát nổi.

Từ ngày ông Mẫn mua chó bécgiê nhà ông không mất một cái gì. An toàn đến 2 năm. Con chó lại rất ngoan. Ông huấn luyện cẩn thận. Khi cho chó ăn ông đều đổ vào chậu nhôm đánh sáng choang. Con chó tây nhà ông khôn như thế đố có thằng nào đánh bả được. Ông thường tự hào hợm hĩnh như thế. Nhưng rồi không hiểu sao tối nay con Luých bỗng dưng biến mất. Kẻ nào bắt

nó nhỉ? Ông cau trán bực tức. Nó khôn thật nhưng con chó vẫn thua trí con người. Ông nhẩm xem có kẻ nào dám mó dái ngựa? Cái Thu con gái đầu của ông nói: "con vừa thả nó đi đái, đi ỉa là mất ngay". Ông bất bình nhưng bình tĩnh lại.

Thằng nào ở xóm này cả gan bắt con Luých? Khi tức tối mắt ông trợn ngược lông mày dựng lên nhìn thật gớm ghiếc. Ông nhẩm tính, loại dần các đối tượng. Cuối cùng chỉ còn ba thằng. Có thể ba thằng này đánh cò ke bắt con luých ở đây? Ông bặm môi nắm tay thành quả đấm. Ông sẽ cho thằng nào bắt chó của ông ra bã!.

Trời tối xẩm ông cầm đèn pin và thủ sẵn cái thước gỗ nghiến. Loại gỗ nghiến này mà phang vào đầu chỉ có chết mất ngáp. Ông yên trí đi ra ngõ. Đầu tiên ông đến nhà thằng Tứ, một kẻ đầu trộm đuôi cướp. Nhà nó ba đời ăn trộm. Ông nội nó chuyên ăn trộm theo kiểu gà què ăn quẩn cối xay. Nó vơ từ con gà, con vịt đến trái bưởi, nải chuối, cấm có từ của ai. Bố thằng Tứ chuyên bắt trộm lợn. Một lần vào làng Gốm lão ta vừa cho lợn vào tải tro thì bị chủ nhà phát hiện. Gã ù té chạy bỏ cả lợn hoàng thoát thân. Nhưng vừa ra khỏi cổng làng thì bị dân ùa ra. Họ cứ gạch, gộc mà tương, đòn gánh mà nện, gã chết tươi. Bố thằng Tứ chết vì đòn chợ thế là vô tang chứng nhưng tiếng dơ duốc đến cả mấy đời. Nay thằng con lại nối nghiệp bố đi ăn trộm nhanh như chảo chớp. Có lẽ thằng này bắt trộm con Luých nhà ông? Thằng Tứ mới ngoài 20 tuổi mà xăm con rồng ở ngực để tóc bù xù trùm gáy. Mới học đến lớp 5 Tứ đã bỏ học ở nhà không chịu làm gì, ngày ngủ đêm đi đào khoét tường gạch mình thử đến nhà nó xem sao. Cổng nhà Tứ rấp một ngọn tre. Ông Mẫn gạt ngọn tre sang bên rồi đi thẳng vào trong sân.

Nhà im ắng quá ông lên tiếng gọi:

- Anh Tứ ơi có nhà không?

- Ai gọi đấy? Tiếp theo tiếng đáp vọng ra là ánh đèn điện bật sáng. Cửa mở tung. Một thằng choai choai lì lợm bước ra. Đó là Tứ, hắn dụi mắt nhìn, khi đã nhìn rõ ông Mẫn hắn cười gượng gạo. Ông nói cởi mở:

- Đi ngủ sớm thé? Bác đi tìm con chó tây nhà bác. Cháu có thấy con chó nào chạy qua đây không?

- Cháu không nhìn thấy – Tứ vừa đáp, vừa ngáp, giọng khê nồng. Cứ nhìn cử chỉ thằng Tứ ông đoán không phải thằng này trộm chó nhà ông. Thế là ông loại đi một đối tượng. Ông chào thằng Tứ rồi đi ra. Ông vòng sang xóm Giếng nhà thằng Hoán. Nó là thằng trộm khét tiếng. Răng nó trắng nhởn, người cao gầy nhẳng, mặt tái mét, môi thâm xì như thằng nghiện. Hoán có tiền án vừa đi tù về năm ngoái. Từ khi nó về nhà, nó vẫn chứng nào tật nấy. Bố nó cũng là ma men, say bét nhè, đánh vợ chửi con điếc tai hàng xóm. Ông Mẫn vừa đến nơi thì chiếc xe kích nhà Hoán phóng vù ra ngõ. Thằng Hoán cầm lái. Người ngồi sau là em nó ôm mẹ nó đi cấp cứu. Bố nó từ trong nhà đi ra nói với ông:

- Nhà cháu bị cảm phải đi viện. Bà ấy cứ ăn vào là miệng nôn trôn tháo – Lão nói phả ra hơi rượu chua lòm.

Ông Mẫn lại quay ra ngõ. Như vậy đã loại được hai đối tượng. Chỉ còn một thằng nữa? Ông đi vòng sang xóm Tây. Cái ngõ tre rậm rì sâu hun hút lập lòe đom đóm như ma trơi. Nhà thằng Mãnh kia kìa. Cái nhà thấp bé lè tè lợp ngói móc như cái chuồng vịt đứng trơ trọi giữa vườn hoang. Thằng Mãnh 30 tuổi, bà nội nó trước đây bị tây Ma rốc hiếp đẻ ra bố nó. Vốn là con lai dòng Châu Phi nên bố nó mạnh lắm. Bố nó đẻ ra nó loại " ép phẩy" nhưng vẫn dòng Ma Rốc. Thằng Mãnh râu xồm xoàm, ngực lông lá nhìn dữ dằn. Nó trộm cắp chuyên nghiệp. Mãnh ăn trộm từ con bò đến con mèo, nó vơ bèo vặt tép không từ thứ gì. Dạo này nghe đâu nó chuyển sang bắt trộm chó mang sang Nhật Tân tiêu thụ. Con chó dữ đến mấy nó cũng bắt được. Nhà nó đang đun nấu cái gì kia? Lửa cháy bùng bùng. Ông Mẫn nhìn thấy thằng Mãnh đang mải mê cời bếp. Cạnh đấy vợ nó đang thu thu quét quét cái gì? Chắc nó đang đun nước để thịt chó? Cánh cổng tre đã đóng thật chặt. Làm thế nào vào được. Ông cau trán suy tính. Rồi ông ngồi xuống cầm cái tay thước gỗ nghiến đập vào cánh cổng nhà thằng Mạnh – Cạch !cạch!.

Thằng Mãnh từ trong nhà quát:

- Ai đập cái đ. gì mà ầm lên thế hả?

- Tôi, tôi đây, tôi đang đi thấy con rắn hổ mang lao ra phải đập. Cho tôi xin tí lửa – Ông Mẫn đứng lên nói vọng vào.

Thằng Mãnh vội đi ra. Nó nhìn thấy ông Mẫn mặt nó bỗng biến sắc nhưng vội trấn tĩnh lại, nó hỏi:

- Bác kỹ sư đi đâu thế?

Ông nhìn thẳng vào Mãnh nói thản nhiên:

- Cho tôi châm điếu thuốc? Thằng Mãnh đưa cho ông bao diêm. Ông quẹt lửa châm thuốc hít một hơi thật sâu. Đầu điếu thuốc lóe sáng như một con đom đóm. Ông Mẫn nói:

- Nhà tôi bị thằng nào đánh cò ke mất con chó bécgiê rồi. Đứa nào lấy con chó của tôi thì coi chừng. Tôi sẽ làm cho trâu lợn nhà nó chết không kịp ngáp và cũng cho nó tiêu luôn!

Nói xong ông trả cho Mãnh bao diêm rồi thủng thẳng đi.

Thằng Mãnh đứng nhìn theo ông Mẫn đi khuất mới quay về. Nghe ông nói thế thì rõ là ông nghi mình rồi. Phải làm sao bây giờ? Thằng Mãnh đánh giá ông Mẫn không phải tay vừa. Nhất lé, nhì lùn, ông ấy được cả hai, mà võ cũng không phải hạng xoàng. Một tay Karate cừ khôi. Mình ông ấy đã đánh ngã ba tay cướp ở Lạng Sơn, ai cũng biết. Nhà mình có con trâu đang vụ nhỡ lão ấy ra tay thì nguy, mà lão ấy cũng cho mình no đòn. Thôi đừng có mó dái ngựa làm gì. Mãnh đi vào sân nghĩ lộn xộn trong đầu. Hắn thì thào với vợ rồi đi vào bếp đổ nồi nước sôi ra sân...

Về đến nhà ông Mẫn lên giường nằm. Ông nghĩ cứ để yên xem sao? Đầu óc ông thật căng thẳng. Không gian tĩnh lặng. Ông nghe thấy cả tiếng giọt sương rơi tí tách. Ông nằm trong tâm trí vừa thức vừa ngủ. Một lúc sau ông nghe có tiếng sột soạt, ông nhổm dậy bật điện rồi mở cửa. Con bécgiê đã về. Con Luých nhảy lên mừng rối rít. Ông gọi to:

- Thu ơi, bà nó ơi! Con Luých nhà mình đã về!

Con gái ông bật dậy. Vợ ông mắt nhắm mắt mở mừng quýnh lên. Bà vỗ vỗ vào đầu con chó tây:

- Mày chết trượt, tý nữa thì lên đĩa rồi, ngu ơi là ngu, con Luých ngu quá.

Chó tây mà cũng bị cò ke à?

Cái Thu phục lăn, bố không cần đánh, chỉ dọa thôi mà nó đã phải thả chó rồi.

- Bố giỏi thật, con phục bố đấy – Cái Thu cứ nắc nỏm khen. Vợ ông cũng tấm tắc nhìn chồng:

- Ông giỏi thật, đúng là người ta dùng trí còn hơn dùng lực.

Ông Mẫn sung sướng bảo con gái:

- Con đem cơm cho con Luých ăn đi. Chắc nó đói lắm rồi.

Trại sáng tác Đại Lải 2002

NGUYỄN THĂNG

thơ

BÙI ĐỨC LONG

SẦU RIÊNG

Mình tôi gần sóng mơ bờ
Đời con nước cạn mãi chờ viễn khơi
Tình phai áo mộng thiếu lời
Yêu người tôi có một đời sầu riêng.

BÙI ĐỨC LONG

85 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

NHẬT KÝ ĐÀN BÀ

truyện ngắn

VŨ THẢO NGỌC

Tôi về cơ quan mới sau sáu lần chuyển. Nhìn căn phòng toàn đàn bà. Ngại và ngán cái cảnh này. Trời, đi đâu cũng gặp đàn bà. Hai chị và một chú vịt thành cái chợ, đằng này lại tới năm chị.

Người đầu tiên ngẩng mặt lên chào tôi là mặt mộc già câng hất hàm:

- Này, tuổi gì?

- Dạ..

- Dịu quá, cứ thả phanh đi, nhiều xưng chị, ít xưng em.

Tôi ấp úng, nghe cứ như câu chuyện ở trại tù nào đó. Giang hồ tự phân ngôi. Một cô tóc tém, mặt vuông bảo:

- Hừm, lại thêm đàn bà.

Cô tóc dài mượt, có đôi mày xếch đen nháy, đá vào:

- Thêm một câu chuyện hay

Cô gầy xương như lá lúa khô, có đôi kính cận che hết khuôn mặt nhiều khiếm khuyết, giọng thủng thẳng:

- Thường thôi, nhan sắc trung bình, học vấn trung bình.

Cô cuối cùng tròn ủng như củ khoai tây, da trắng bóc, mắt to như ốc nhồi cất giọng lớn:

- Hahaha, lục cô một phòng chắc sẽ có nhiều kỳ cục đây, hahaha

Tôi được chào đón bằng những ngôn ngữ chỉ có giời mới hiểu. Nếu sinh viên mới ra trường chắc vác ba lô về vội. May mình được rèn luyện từ năm cơ quan cũ.

Ngày hôm sau, tôi được cô mặt già câng có tên Lâm An gọi vào giao việc:

- Này, Tố Loan, cậu được giao chăm sóc trang kinh tế nhé. Đi vơí Mẫn béo nó hướng dẫn cho.

- Vâng ạ, cảm ơn chị.

- Vâng dạ gì, bám nhau mà làm cho tốt, đừng để lỗ hổng là được. Làm báo lại là báo đàn bà,

cậu cố mà làm cho ngon. Đừng có chạy việc nhiều nữa. Đàn bà thì cố mà giữ giá, giữ danh.

Tôi chột dạ. Chị ta biết về mình nhiều thế nhỉ.

Mẫn béo cười phơ phớ bảo tôi:

- Cậu tớ cho mải thóai nhé, mình không thích xưng chị, em làm gì, việc đó nghe cứ quê quê thế nào. Hơn nhau vài tuổi cậu tớ cho nó …lành!

- Ừ, cảm ơn cậu đã giúp tôi.

- Vớ vẩn, giúp giập gì, công việc, ở đâu chẳng vậy. làm đi rồi khắc biết.

Tôi nhẹ lòng. Ngại nhất cơ quan tòan đàn bà, cái ngại nhất lại xảy đến đúng như mình nghĩ. Mà không hiểu sao bây giờ tòan đàn bà làm báo. Đủ các mặt báo, đâu đâu cũng thấy đám đàn bà mặt khô, chân gân, dạng như Mẫn béo thì ít. Nhìn cô nào, cô nấy đều có ba vòng loại thấp. Phòng có sáu thì bốn cô đã có chồng, chỉ có tôi và Mẫn béo là chưa. Mẫn cười tưng tưng:

- Mẹ kiếp, đàn ông là cái chất gì mà đàn bà phải bám vào cậu nhỉ, tớ là tớ không thích, thế thôi, đơn giản là tớ chỉ thích…tớ thôi.

- Khiếp,cậu nói thế thật à? Tớ đang bị mọi người nói là…bà cô già rồi đây này.

- Mặc kệ họ. Cậu đúng là khắc tinh của tớ rồi.

- Nhưng, các cụ bảo, gái lớn phải lấy chồng, giai lớn…

- Ui dào ơi, mẹ trẻ ơi, sao lại đi răn dạy con như thế?

- Thế …thế thì thôi, tớ không nói nữa, nếu cậu không thích.

- Yes. I don know…

- Ơ?

- Ô, nón gì, tớ đã đi làm thuê cho tây mấy năm, quen mồm thôi, chẳng có sao đâu. Có thằng tây nói thích tớ lắm, tớ bảo, mày thích là việc của mày, tao nâu nâu mày. Hahaha…

Tôi thấy mến cô Mẫn béo, có cái gì đó, chân thành và dễ gần gũi, tuy nhiên cái tính bỗ bã của cô làm người ta hay sợ. Thế là trong năm cô, ngòai trưởng phòng và Mẫn béo tôi yên tâm qua màn giao dãi ban đầu. Còn ba nàng kia thì cứ ra vào nguýt tôi. Nhất là mụ tóc dài.

Nàng tóc dài tên đầy đủ là Nguyễn Thị Khuyên, nhưng không hiểu từ khi nào nàng đổi thành tên là Mai Khuyên rồi thành ra là Mai Uyên, nghe như một cái tên của một ngôi sao màn bạc nào đó. Nàng hễ mở miệng là anh Xuân nhà tớ thế này, anh Xuân nhà tớ thế kia...ai không biết, nghĩ nàng yêu chồng lắm lắm... Ít ai biết tên cúng cơm của nàng, nếu ai đọc đúng tên cúng cơm là nàng cau mặt lại ngay. Chồng nàng là một vị quan cấp phó sở gì đó. Nghe nói sở đó cũng óach lắm nên lắm bổng lộc…Nàng đi đâu cũng chỉ muốn mình làm nữ hoàng. Khổ nỗi, thân hình nàng ngày một phì ra. Nghe nói thời còn đói, còn nghèo, chưa phong lưu như bây giờ, nàng gầy nhẳng như cây nêu ở quê. Chỉ nhõn bộ tóc cứ dài xanh mượt, người làng bảo nàng gầy vì ăn bao nhiêu chỉ để nuôi tóc. Cùng trang lứa ở quê đứa thì lấy chồng ngay sau khi họ cấp ba trường trường huyện, thậm chí có đứa chỉ học hết bậc trung học cơ sở, nghỉ ở nhà làm lụng vài năm cũng lấy chồng. Đám thông minh thì đi học trường này, trường kia. Nàng học dốt. Vì thế, bố nàng nhờ cái chân viên chức cơ quan cấp huyện nên đã xin cho nàng vào trực trạm bơm nước của huyện. Chính ở cái trạm bơm đó nàng đã chộp được chồng nàng bây giờ. Có người bảo duyên số, có người nói con Khuyên lừa đảo thì có. Thằng kỹ sư thủy lợi vừa giỏi giang vừa đẹp giai sao lại bị cái con cá ngão ấy mua chuộc nhanh thế. Rồi nàng rời quê theo chồng lên tỉnh, nhờ sự láu cá, nàng nhanh chóng đi học lớp tại chức đại học. Gặp thời buổi bằng cấp. Cái bằng học nửa buổi, nửa buổi về cho con bú rồi cũng xong và lại được việc. Khi nàng có bằng đại học tại chức cũng là lúc chồng nàng được cất nhắc từ phó phòng lên trưởng phòng. Đương nhiên nàng được đưa vào biên chế chân kế tóan cơ quan văn phòng thị xã. Tóc nàng vẫn dài, Nàng luôn tự hào về điều đó. Có mấy nàng trẻ xoắt xuýt hỏi bí kíp lấy chồng của nàng ra sao. Những lúc như thế, bao giờ nàng cũng hất mớn tóc dài về đằng trước đôi mắt biết nói ý rằng, cái bím tóc đôi sam của tôi đã quấn chặt đời anh ý với tôi đó. Nàng tự tin và hả hê lắm. Ban đầu ai cũng khen nàng khéo chiều chồng, khéo giữ chồng, lại biết chăm con. Nàng cũng vô cùng hãnh diện. Nàng coi như đó niềm tự hào hiếm có ai đạt được như nàng. Rồi đến khi chồng nàng về cơ quan cấp ngang bộ. Nàng khăn gói lên kinh thành như muôn người khác. Nhưng thị xã bé nhỏ vẫn còn sinh hoạt kiểu nàng xã, lên thành phố hàng ngày phải gặp biết bao những con người to lớn mà ở dưới tỉnh nàng chỉ xem qua...tivi.. Nàng thấy hốt. Thấy nhớ cái chốn thị xã bé nhỏ thân thương. Nhưng rồi vẫn phải quen. Nàng được bố trí chân văn thư của văn phòng bộ. Nàng từ tỉnh lên, già nhất bọn, so ra dung nhan nàng kém, học hành kém, đến nỗi nghe bọn trẻ kháo

nhau đi Pari mà chiêm ngưỡng Tháp Ep-phen, nàng sợ mình lạc hậu bèn bảo, ừ được đấy, cái tháp đó ngày xưa Trung Quốc xây đẹp đáo để nhé. Nàng nói xong lướt ánh mắt xem bọ trẻ có thán phục mình không. Nhưng tịnh không một tiếng động. Những cặp môi như chúm lại, con ranh có tên Lan Anh láu cá bật cười tay thì che miệng, rồi hố hố như gào lên:

- Ui ui, lạy mẹ nào hôm nay ăn gì mà thượng tiện nặng mùi quá.

Thế là ba đứa còn lại rũ rượi ra cười. Nàng ngớ người. Một lát nàng bèn cười theo. Cũng ha hả. Cũng lắc lư. Đám trẻ không hiểu nàng có biết chúng cười nàng không nhỉ? Rồi, cho đến một hôm, nàng được đi dã ngoại nhân ngày mồng 8 tháng 3, tất nhiên trong cơ quan không phải ai cũng là phu nhân. Trong đoàn cũng có một vài phu nhân như nàng. Nhưng do họ có điều kiện ăn học hơn, hoặc do họ đã thạo chốn đông người hơn họ đã làm đẹp mặt chồng họ bằng nhiều cách. Người nhờ bạn bên cạnh bật cái điện thoại nói rằng ông chồng chị Vụ trưởng Vụ Đông Nam Á đang ở nước ngoài, gửi lời chúc tới các chị luôn đẹp như những đóa hồng Đà Lạt. người thì tự giới thiệu, chồng tôi, Vụ trưởng X gửi tới các chị Lẵng hoa nhân 8 tháng ba, vì anh đi công tác sáng nay không thể có mặt cùng các chị được. Nàng thấy chả lẽ mình kém, bèn bật dậy, níu micro và cất giọng ồm ồm ồm nhà quê: tôi là vợ anh Xuân, chồng tôi gửi tới các chị lời chúc và một lẵng hoa nhân ngày đẹp hôm nay của chị em ta. Tất nhiên vỗ tay, nhưng cả bàn tiệc đều lắc đầu, sao lại tôi là vợ anh Xuân... Dù ai cũng biết anh ấy là Vụ trưởng Vụ Châu Á, buồn cười ghê. Nhưng nàng thì xem ra hỉ hả. Nàng ngồi xuống, nét mặt còn hừng lên bao nhiêu là hãnh diện.

Tháng năm cứ qua đi như lẽ tự nhiên. Nàng về làm kế tóan ở cơ quan tạp chí bộ nên tôi mới có dịp gặp nàng. Cuộc đời thật cứ khéo sắp đặt. Mà cái nghề kế tóan ở đâu cũng bóp hầu bóp cổ người ta được. Ở đâu cũng cậy quyền uy ra được. Khổ nỗi có mấy đồng nhuận bút vượt định mức, nàng Mai Uyên luôn hành tỏi mấy đứa. Nếu không "thò" cái gì ra, số này còn lâu mới có nhuận bút nhé. Thế là bỗng dưng cái quyền uy vô lý đó cứ dựng lên trước mặt đám phóng viên "thợ cày". Mai Uyên luôn thắng, dù con Mẫn béo có bổ ngang, bổ dọc với cái giọng bất cần ai thì cuối cùng cũng phải dịu giọng: em xin chị, lần sau chị lại tạo điều kiện cho bọn em nhờ. Chị càng ngày càng xinh ra, ông anh em càng ngày càng vượng. Chị ạ, ông anh em nhờ hồng phúc số quý nhân của chị mà nên đấy. Chị biết không. Mày chỉ giỏi lý số. Mai Uyên lườm mát con Mẫn béo, rồi cuối cùng con Mẫn béo cũng...lừa được Mai Uyên cái phỏm lý số giời ơi kia. Sau việc đó, Mai Uyên trở nên dễ tính và xởi lởi với cánh tôi ra phết.

Mai Uyên có bồ. Tin giật gân nhất trong ngày. Tiếng to, tiếng nhỏ, thì thầm, nghe đâu thằng lái xe cơ quan đang tán tỉnh nàng. Tay này đẹp trai hơn tay Rét-bất-lơ trong phim Cuốn theo chiều gió. Hắn có duyên tán gái, mà không tán ai lại tán chính nàng Mai Uyên, mà nàng lại gật mới là hay. Mấy đứa thì thầm, dạo này Mai Uyên lột xác hẳn, hai bắp chân to như cái ống mạ nhà quê, luôn được hở dưới những bộ váy ngắn cũn cỡn mà ở tuổi nàng chẳng ai người ta còn mặc nữa, hoặc có hôm nàng làm dáng bằng một bộ đồ thật teen sơ vin ống lửng, hoặc sặc sỡ như cánh trẻ đi chơi biển. Bọn cơ quan được phen tha hồ bình phẩm. Nhưng hồi kết của món cặp bồ thì chưa đưa nào biết. Cả bọn chỉ nhờ con Mẫn béo mới xem việc này ra sao. Xem ra ông chồng có chức vụ trưởng hoành tráng lại không bằng chàng lái xe ư? Một tuần, rồi một tháng trôi qua. Mẫn béo vẫn im như thóc. Nàng Mai Khuyên vẫn tươi tắn như trước. Ngày xưa nàng không đi cà phê sáng bao giờ, nhưng bây giờ thì thường xuyên ở quán cóc đó, đương nhiên có chàng lái xe. Cho đến khi Mẫn béo mang thông tin về, nàng giở giói tái xuân, nàng bảo, hoa lá bướm ong một tẹo cho vui, chứ ông xã thì vẫn là ...ông xã. Mẫn béo hỏi, chị không sợ anh phát hiện ra à. Không, anh chẳng có thời gian để ý một ngày làm việc mình đến cơ quan làm gì, ăn với ai và... ngủ với ai! Với lại, bây giờ mình cũng phải có bạn bè nữa chứ, ai mà cứ ôm một ông chồng cả đời thế. Hương hoa ý mà, hihihi. Kinh chưa, chị Mai Uyên nhà ta đổi mới tư duy tợn.

Câu chuyện chưa ngã ngũ thì chủ nhật trước, trong chuyến công tác kiểm tra giám sát gì đó ở mạn biển, khi thuyền lật, ông xã Mai Uyên và cô thư ký trẻ - hai người còn bám chặt nhau dập dềnh cùng sóng biển, may được cứu kịp thời. Thứ hai đi làm Mai Uyên cố giữ sự bình thản. Nhưng cả phòng đều biết, chắc nàng muốn độn thổ mà không được.

Chớm đông, 2011

VŨ THẢO NGỌC

88 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

TẠ TỘI CÁNH ĐỒNG

truyện ngắn

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Công ty xây dựng Hải Lan đến đảo Quang Châu. Gió biển thổi lật lên những âm thanh xôn xao trên những bãi cát trắng như pha lê nằm im lìm dài dặc bấy lâu. Tiếng xe, máy ồn ào, sôi động. Tiếng nói cười râm ran các ngả đường. Vùng đảo chuyển rung như quả tim đập rộn nhịp. Những ngôi nhà cao tầng đầu tiên đã khoe mình trong ánh nắng trong suốt. Học trò đi qua cứ ngửa mặt ngắm nhìn, ngỡ lạc vào không gian những toà lâu đài trong truyện cổ. Chúng tấm tắc hết lời về bà giám đốc đã luống tuổi trông lộng lẫy như một bà tiên. Lúc nào gặp bọn trẻ bà cũng cười rất tươi. Bà có một anh con trai đi cùng giúp việc. Anh ta cũng xởi lởi, thân thiện, khiến người làng đảo ai cũng quí.

Một hôm, mẹ con bà giám đốc đến liên hệ công tác với trường trung học cơ sở Quang Châu. Sau khi làm việc với Ban giám hiệu, hai người vào văn phòng ngồi chờ lát nữa tan giờ học cô hiệu trưởng sẽ dẫn đi tham quan toàn cảnh ngôi trường, thì gặp chị em tổ xã hội của cô giáo Trầm đang trao đổi tình hình giảng dạy. Mọi người vồn vã chào hỏi nhau. Lúc bắt tay Trầm, bà giám đốc bỗng sững sờ nhìn đăm đăm, khiến cô bối rối như chạm phải một luồng điện kỳ lạ. ánh mắt bà như mạch nước ngầm bất ngờ xâm thực vào tâm cảm Trầm.

- Cô giáo quê ở đâu? Bao nhiêu tuổi rồi? Bà dịu dàng hỏi thăm.

- Dạ! Cháu hai tám. Quê ở đây ạ! Người làng lại về dạy trẻ làng đấy ạ!

- Tốt quá! Cháu trẻ và xinh thật! Nhưng bá trông cháu như không phải người xứ đảo này... Lập gia đình chưa?

Huệ, bạn Trầm nhanh nhảu đỡ lời:

- Thưa bá! Quả là bá tinh đời! Trầm người làng này, nhưng thật ra gốc Yên Hưng bên sông Bạch Đằng đấy ạ! Huệ cười liếc xéo sang chàng trai đang giở xem tờ báo *Giáo dục & Thời đại*: -Nhiều chàng say lắm mà chưa chịu ai!

- Ô... Vậy à? Quí hoá quá? Cô giáo gốc xã nào? Bà hỏi Trầm.

- Dạ! Cháu gốc làng Cẩm ạ!

- Ôi! Làng Cẩm à?

- Vâng! Sao bá cũng biết nơi ấy?

- Biết chứ! Nơi ấy là quê tôi mà! Tôi dân làng Đông, cách làng Cẩm bởi làng Cốc ở giữa... Mắt bà giám đốc chợt sáng long lanh.

- Thế thì bá cháu mình đồng hương với nhau rồi! Mời bá và anh đến nhà cháu chơi. Bố mẹ cháu rất hiếu khách...

- Bá ơi! Chuyện cô Trầm dài lắm! Lúc nào rảnh mời bá... Huệ lại láu táu: -Bá có ưng thì chọn nàng đi... Trầm đấm nhẹ vào vai Huệ. Cô dè dặt tiếp lời:

- Dạ... Cháu xin phép được biết quí danh bá...

- Các cô cứ gọi tôi là Lan. Vũ Thị Lan, giám đốc Công ty xây dựng Hải Lan. Còn em đây là Cảng. Dương Nguyên Cảng, đại học Kiến trúc, kỹ sư mới về của Công ty... Hiện công ty chúng tôi ở thành phố Hải Phòng.

Từ nãy, anh con trai đã ngây ngất như bị hút hồn trước khuôn mặt tròn đẹp, trẻ măng, đôi mắt lấp lánh vẻ thông minh của cô giáo Trầm. Gấp tờ báo lại, suốt buổi hầu như anh chỉ cười bằng mắt. Tan cuộc giao lưu, anh cầm tay Trầm bóp nhẹ và nói nhỏ: -Anh sẽ đến nhà em nhé!

Dọc đường về, phấn chấn như cánh chim bay trên những đụn cát, chàng trai thổ lộ: -Trầm đáng yêu quá mẹ nhỉ! Mẹ thấy thế nào? Liệu kết thân được không? Bà giám đốc chột dạ, chợt dừng bước, nhìn cậu:

- Sao con vội vàng vậy? Đã ngậm phải bùa ngải rồi cơ à? Làm gì cũng phải dò tận ngọn nguồn lạch sông chứ. Trông nét non tơ thế mà cô ta hơn con những ba, bốn tuổi... Bà lẩm bẩm: Sao lại người làng Cẩm nhỉ? Lại hai tám tuổi? Hai tám năm trời... Chẳng lẽ?...

- Mẹ đã bị bệnh nghề nghiệp kinh doanh chế ngự! Cậu con trai cắt ngang dòng suy nghĩ của bà.

- Không! Hình như linh tính mách bảo mẹ, cô giáo này không bình thường. Gái đảo không có nước da trắng đẹp như vậy!... -Mẹ ơi! Cát trắng thế này con gái nào chẳng trắng đẹp! Theo con, Trầm mà vào công ty mình, mẹ sẽ có... một thư ký tuyệt vời!

Về căn phòng sáng choang cửa kính và những tiện nghi, bà Lan mở một băng nhạc từ chiếc catxet chạy bằng pin để thư giãn. Sóng nhạc ngân lên da diết. Lòng bà như những mảng cát bị sóng vỗ cồn cào, xói lở. Con bé giống hắn ta quá, từ khuôn mặt đến từng chi tiết môi, gò má, cánh mũi. Chỉ riêng đôi mắt là ngây thơ, dễ tin như đôi mắt mình một thuở. Rồi nước da trắng đến mê mẩn. Chả lẽ quả đất hẹp ngay trong số phận mình ư?... Cái đêm ngoài cánh đồng lại hiện về trong tâm trí bà rõ mồn một. Bà -cái Làn đã trốn chạy như sợ một đấng thần linh nào đó tóm được, quật xuống như quật một con nhái bén: Mụ đàn bà man dại! Mi hèn đớn đến vậy sao?

Đấy là một đêm trăng non mờ ảo. Góc trời xa phương bắc chốc chốc lại loé lên những ánh chớp như kẻ vỗ tay hù doạ. Bước cao bước thấp, thỉnh thoảng Làn lại ngoái lại xem có ai theo đằng sau không. Bụng to vượt mặt, người Làn nóng bừng, ướt đẫm mồ hôi. Lúa chiêm đã quay quả. Râu lúa quệt vào má, vào cánh tay rát ràn rạt. Lắm lúc hẫng chân, ngã chúi xuống bờ cỏ, cô lại túm chặt cụm lúa, chống tay, loạng choạng đứng dậy...

Anh ta đã phản bội. Người gì mà xoen xoét thề thốt trên trời dưới bể: Thương Làn nhất đời, chỉ có Làn thôi! Anh sẽ cưới Làn làm vợ... Vậy mà cá trê chui ống! Mình đã cả tin, đã dâng trọn. Sau cái đêm chiếm đoạt được Làn trên vạ cỏ bờ mương, hễ nhớ là hắn lại kéo Làn ra đó, lăn lộn, xoắn xuýt và hứa hẹn. Lần nào hắn cũng hau háu vục mặt vào ngực Làn như vục vào lòng quả dưa bở để thoả cơn thèm khát. Làn đã mang nặng giọt máu của hắn! Biết Làn có chửa, hắn lẳng lặng tránh mặt. Hắn còn bắn tin chê nhà Làn nghèo: lấy Làn về, lo hai đống xương già cũng đủ ốm! Nghĩ chỉ muốn băm vằm cái mặt hắn ra! Đồ hám ăn, cả thèm chóng chán! Nhà Làn nghèo mà Làn cũng học hết cấp ba! Còn nhà hắn giàu? Giàu gì ngữ ấy, lớp năm không thành! Kể cũng lạ, nịnh bợ thế nào hắn lại leo được chức chủ tịch xã! Sợ nhận cái bụng Làn sẽ ảnh hưởng đến đường thăng tiến, nên hắn lủi như trạch. Lại còn bảo: Một là tiêu. Hai là cứ đẻ. Đằng nào sinh ra, sau này quẳng đâu, đứa con cũng tìm nhận bố!...

Không! Làn ê chề đủ rồi! Làn đã một mình thắt cái bụng cho chặt. Nhưng cái kim còn khó giấu chứ là... Làn đã lao đao, vật vã ôm nỗi khổ chín tháng mười ngày trong bao con mắt ngờ vực, khinh miệt, thương hại... để bây giờ cái bụng đang động đậy, xóc xáo muốn bung ra... Nhưng Làn không thể đèo bòng. Lấy gì nuôi con giữa vùng chiêm khê mùa thối, mất vụ liên miên? Nhà chỉ có Làn là con gái. Buồn rầu vì mụn con dại dột, cha Làn đau nặng, đã qua đời, để lại căn nhà tranh thui thủi cho hai mẹ con... Một ý nghĩ liều lĩnh chợt đến. Giấu mẹ già, Làn lẻn ra cánh đồng Đượng Gai bên làng Cẩm để đẻ. Ngoài ấy tuy xa nhưng sẽ có người trông đồng đêm nghe tiếng trẻ khóc, đến nhặt về. Làn sẽ không cho hắn biết đứa bé ra đời, không thể để đứa bé lớn lên lọt vào tay hắn! Mẹ Làn từng kể chuyện lão Xã Vang ngày trước ngủ với người đàn bà ăn mày đến xin bữa ăn. Bà ấy có chửa, đẻ một thằng con trai. Lão không nhận. Bà phải lang thang trong thiên hạ để nuôi con. Khi thằng bé mười tuổi, thấy nó khôi ngô, sáng dạ, lão cho người đến đòi, rồi tìm cách đuổi bà khỏi làng... Đời đàn bà là kiếp dã tràng ư? Mình quyết không chịu!..

Lòng căm tức kẻ phản bội đã cho Làn sức mạnh. Lối ra cánh đồng Đượng Gai người ta đồn rất lắm ma, ma tóc dài, ma đen, ma cụt đầu... Nhưng với Làn, chẳng có con ma nào cả. Chỉ có những cây bù nhìn rơm đứng giữa ruộng lúa. Kia là bóng đen cây duối già, ngày còn cắt cỏ chăn trâu Làn và đám bạn mục đồng tinh nghịch thường cột trâu dưới gốc, rồi bỏ đi bóc trộm đòng đòng... Bỗng mỏi rời rụng cả lưng nách. Làn bò lê bò càng như con nhện què nhảy trên bờ cỏ. Qua thảm lúa, đột ngột hiện ra một khoảng đồng trống trồng toàn khoai lang. Không nhớ đây là đâu nữa, cô lần đến một luống khoai, ngọn lá loà xoà khắp rãnh ruộng. Cơn đau ập đến dữ dội. Cô vặt mấy nắm lá nhai nghiến ngấu, hổn hển nuốt. Làn chống hai tay về phía sau tựa xuống luống khoai, hít một hơi rõ dài vào ngực, lấy sức chịu đựng. Chỉ một hơi rặn ngắn, tiếng "oa oa" bỗng bật lên vỡ trong đêm trăng loãng, giữa chốn đồng không mông quạnh. Làn sờ soạng khắp cơ thể hòn sinh linh vừa ra đời. Mặt nó úp xuống lá rau dính bệt đất. Cái bướm! Làn kêu khẽ, vói tay xục vào chiếc bị cói mang theo, lôi ra đám áo quần cũ và lấy con dao nhỏ vội vàng cắt rốn cho đứa con. Rồi dùng hết đám áo quần ấy lau khô, bọc lót đâu đấy, cô đặt nó nằm xuống, bậu mấy vầng đất cày chèn đạy hai bên chặt chẽ: Nằm đây nhé! Mẹ không đủ sức nuôi con! Hãy tha tội cho mẹ!... Nhanh như một bóng ma, Làn biến vào thảm lúa xao động gió.

Sau đêm đó, biết sự, mẹ Làn rất lo sợ. Đứa con gái duy nhất của bà đã phạm một tội tày đình! Kể ra nó phải hỏi bà, bà sẽ che chở cho hai mẹ con nó! Bà đau đớn đay nghiến: Phúc đức tại mẫu con ơi! Người ta hao tiền tốn của cầu cạnh không được, mà con nỡ trút đi!... Ban ngày bà lập cập ra cánh đồng dò dẫm xem còn dấu vết gì không, hoặc con bé chết, người ta chôn nó chỗ nào. Nhưng bặt vô âm tín... Làn ốm liệt giường. Bà đã chạy chữa, cứu sống con gái bằng tất cả sinh lực còn lại. Bà phải cứu nó, để nó có cơ hội chuộc lại lỗi lầm. Bà sẽ đi các nơi tìm đứa cháu ngoại vô tội của bà. Nhưng khi Làn hồi phục, thì cũng là lúc bà gục xuống như ngọn đuốc cháy hết bấc, bén luôn cả đốt tre cuối cùng.

Đưa mẹ ra đồng xong, Làn dứt áo trốn đi, lưu lạc ngoài thành phố kiếm sống. Ngày ngày cô đẩy xe hàng tạp phẩm bán rong khắp các ngõ ngách. Dân phố gọi cô là "Lan trắng", bởi Làn có nước da trắng mịn, chiều hôm trước dẫu bắt nắng, rám sẫm đi, sáng hôm sau đã trắng lại như thường. Cô như hạt mưa đọng vào những cơn mưa dông phố phường. Thế rồi một cơn mưa dông ấy đã tấp hạt mưa xuống một vườn hoa. Lan lấy chồng là đội trưởng một đội thợ nề chuyên xây dựng và sửa chữa nhà ở dân dụng. Chồng Lan hiền lành, đôn hậu, rất yêu quí vợ. Anh làm ăn thật thà, lúc nào cũng nở nụ cười mủm mỉm như chàng nhà quê, nhưng tính toán lại cực kỳ nhạy bén. Công trình của anh luôn được khách hàng đánh giá đạt thẩm mỹ và chất lượng cao, nên uy tín của đội ngày càng bay xa và phát đạt. Nhiều lúc ái ân, Lan hỏi chồng: -Sao anh lại yêu và lấy em? –Bởi anh thích chất quê. Em bán hàng rất sòng phẳng, đâu ra đấy. Đằng sau nét thuỳ mị dịu dàng là một tính cách mạnh mẽ. Anh quí con người và tính cách em! Đoán em sẽ là người quản lý tốt gia đình. Vậy thôi!... Trong thâm tâm, Lan rất tự hào về chồng. Lan sẽ sống tốt hơn để lấp đi khoảng trống thời bồng bột. Hai ngươi đã có một cậu con trai.

Ngày cậu con trai chuẩn bị vào đại học thì một tin sét đánh giáng xuống tổ ấm: Chồng Lan bị chết đuối vì chuột rút khi tắm biển! Phải hai ngày sau người ta mới tìm được thi thể anh. Lan tưởng không sống nổi. Trời vừa cho Lan niềm hạnh phúc, chưa được tày gang, trời lại cướp đi! Đúng là Lan bị trừng phạt rồi!... Nhưng sự nghiệp ăn học của đứa con trai và chính nó là niềm an ủi đã vực Lan đứng dậy. Lan quyết chí nuôi con thành đạt. Lan từ chối mọi ánh mắt thương hại, mọi lời tán tỉnh của những người đàn ông. Cũng phải mất nhiều năm nghiêng ngả trước cơ chế mới, chị mới khôi phục trở lại được vị thế của đội thợ nề. Chị quyết định thành lập Công ty xây dựng Hải Lan. Chị sẽ làm công ty nổi danh với cái nghề để lại của anh. Chị sẽ chuộc lại lỗi lầm đoạn đầu đời vấp ngã. Linh hồn cha mẹ, linh hồn anh và cả đứa con gái đêm ấy vì chị mà nó có thể đã xấu số... sẽ thanh thản nơi chín suối!

Bà giám đốc đến thăm nhà cô giáo Trầm. Trong lúc vui chuyện, ông bà Hảo đã kể lại những ngày xin Trầm từ tận làng Cẩm về nuôi cho bà nghe:

- Thưa bà! Trầm là con nuôi! Nhưng với chúng tôi, nó là con đẻ! Năm ấy, đoàn thuyền buồm của HTX ngư nghiệp Quang Châu trẩy sá sùng về Yên Hưng, ghé bến mạn Hà Nam. Lúc gánh sá sùng vào chợ Cốc bán, vợ chồng tôi gặp một đám tang mé đường. Nghe dân chúng xôn xao: nhà này chồng đi khai thác đá ngoài Hoàng Tân bị tai nạn đá đè gẫy chân, vợ lại chết do một căn bệnh hiểm nghèo. Đứa con gái lên ba nhặt được ngoài đồng về nuôi chưa kịp nên người đã gặp đoạn khốn cùng, không biết sẽ sống ra sao?... Bán hàng xong, chúng tôi ghé vào hỏi thăm, chia buồn với gia đình và mới biết cảnh ngộ éo le của họ:

Đêm ấy, tiếng sấm đầu mùa ì ùng rất xa. Nằm bên vợ, Trào quay mặt ra vì cái đói nôn nao dằn vặt. Trời này đi bới trộm khoai của hợp tác xã thì hết ý! Chứ không mai lấy gì ăn để đi làm? Chờ vợ ngủ say, anh cầm chiếc đèn pin, lẻn ra ngoài, nhằm thẳng cánh đồng Đượng Gai...

Đang mê mải đào bới được những củ khoai to bằng nắm tay, Trào chợt nghe đằng cuối ruộng có tiếng lúa dạt rào rạo, tiếng bước chân ngã huỳnh huỵch chuyển cả mặt đất. Tệ thật! Mới được vài củ... Anh vội kéo giỏ, xách thuổng lủi vào ruộng lúa ẩn nấp. Lũi qua được một bờ cỏ, Trào bỗng thấy tiếng trẻ con khóc, trong đêm rất vang. Bỏ cha rồi! Ma trẻ con? Nhưng làm gì có ma! Hay lũ mèo hoang động đực động cái, chúng cũng kêu thét y thế này? Không phải! Anh nghển cổ lên khỏi ngọn lúa, nín thở lắng nghe. Lại mấy tiếng "oa oa" nữa bật lên. Chân anh muốn khuỵu. Trẻ mới đẻ? Rõ ràng tiếng trẻ mới đẻ! Sao ai lại đẻ ngoài đồng giờ này? Lạ thật! Thì ta cứ giả đò người đi soi ếch xem sao! Trào trút khoai giấu góc ruộng, buộc chiếc giỏ vào thắt lưng, rồi hướng về chỗ có tiếng trẻ khóc. Trống ngực đập thình thịch. Chẳng thấy ai. Trào xộc xuống ruộng, lom khom một đoạn nữa. Anh trượt phải một đám rau khoai bị xéo nát và hình như có mùi máu. Một cú vấp ngã dúi, tay anh chạm ngay vào một bọc giẻ. Bọc giẻ chợt phát ra tiếng khóc oe oe yếu ớt. Chết rồi! Đứa nào ra đây đẻ hoang! Giời ơi là giời! Làm sao bây giờ?

91 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Trào lóng ngóng, ngơ ngác nhìn sâu vào đêm tối xem có ai và kẻ đẻ hoang kia còn lẩn quất ở đây không. Nhờ ánh trăng mờ và ánh chớp vỗ tay, anh nhận rõ mặt một đứa trẻ nhăn nhau, ướt nhượt, ọ ẹ trong bọc giẻ. Môi nó động đậy, chóp chép. Anh vội ôm quàng lấy cả bọc, bế lên ngang mặt, nựng nhẹ: Chao ôi! Con cái nhà ai thế này? Thôi cứ về nhà ta đã!...

Trào chạy vào sân, lập cập cạy cửa, gọi vợ: -Liên ơi! Dậy nào! Anh mang được cục vàng về cho em đây này! -Vàng... vàng nào? Thấy ở đâu? Đêm hôm khuya khoắt! Cứ hay đùa! -Không, thật mà!

Liên vột ra mở cửa. Cô trố mắt nhìn chồng bê một cục khư khư lao vào nhà. Trào thở hổn hển: -Mau! Vặn to đèn lên! Vàng đây! Đứa bé này anh bế nó từ ngoài đồng... -Trời! Trẻ con! Một đứa trẻ sơ sinh? Anh thấy nó ở đâu? -Ngoài cánh đồng Đượng Gai... Không biết con mẹ nào đẻ xong lại nhẫn tâm bỏ nó ở luống khoai! Suýt nữa thì xéo phải. -Xa thế cơ à? Anh đi đâu từ nãy mà lại tới đó? -Nhỏ cái miệng thôi! Đi bới trộm khoai! Trời dun dủi cho mình đấy! Xem nó giống ai ở cái làng này? Hai người chụm đầu, soi kỹ. -Có mà giời biết nó giống ai. Ngộ người nơi khác đến đẩy đẻ thì sao? Liên mừng rỡ reo lên: Con gái! Thật tuyệt vời! Chao ôi thương cái miệng nó quá anh ơi! Thế là em có đứa đầu giận cái chấy rồi!

- Ư. Không chửa mà có là được phúc! Mai anh ra xã làm khai sinh luôn!...

Lặng đi một lát, bà Hảo lau khoé mắt, sụt sịt: Bà ơi! Lúc chúng tôi ngồi nghe chuyện, con bé đi lẫm chẫm cứ sà vào lòng tôi đòi bế. Đôi chân nó yếu ớt, lẩy bẩy, trông mới sái sẩm làm sao. Một bà cụ bảo: -Kể cháu cứng cáp đấy, nhưng có sữa mẹ đâu! Chị ấy vắt nhão cả hai bầu vú mà không sao có được nguồn sinh dưỡng của giời. Nuôi được nó qua những đận hu hi sài đẹn, đúng là vợ chồng hết da hết thịt. Lấy nhau bốn năm trời, chưa có một mặt con. Đang buồn tủi, lo nghĩ nhiều, đâm héo hắt. Tự dưng vàng dúi vào tay. Thật không gì bằng. Nhưng ai ngờ lại nước chảy chỗ thấp!

Vợ chồng tôi ngỏ lời xin đứa bé về nuôi. Phải mấy ngày ở lại nhờ mọi người thuyết phục. Bà cụ hàng xóm dỗ dành: "Cứu được cháu về làm người là một chuyện, nhưng còn đường lớn lên, ăn học của nó? Thoạt trông tôi cũng biết anh chị ấy đây là chỗ tử tế. Thôi, anh cố nén lòng, cho con bé vào nhà người ta!"... Lâu lắm, người bố mới gật đầu vì biết thân mình tàn phế không thể nuôi được con. Cầm ít tiền tôi đưa gọi là thuốc thang, người đàn ông tàn tật bưng mặt khóc không ra tiếng. Bao nhiêu nước mắt, anh đã dốc cạn cho người vợ hiền xấu số: "Thôi, đến nước này, tôi cũng đành. Nhưng thỉnh thoảng anh chị nhớ dẫn cháu về thăm cho đỡ tủi..." Anh ôm chặt con vào lòng: "Trời không cho con ở với mẹ, với bố. Về nhà bố mẹ Hảo, con ngoan nhé! Khi nào lớn... nhớ.... Con ơi!..." Mọi người chứng kiến không ai cầm được nước mắt. Buộc tấm khăn kín cằm cho con bé kẻo lạnh, tôi an ủi: "Đây với Quang Châu, chẳng bao xa. Sẽ nuôi cháu nên người!..."

Ông Hảo đã mấy lần dẫn Trầm về thăm quê. Nhưng lần thứ hai thì bố Trào không còn nữa. Năm ấy Trầm vừa 9 tuổi. Thời nhọc nhằn của gia đình đã qua. Ông bà Hảo đã xây được ngôi nhà nhỏ và Trầm đã ăn học thành tài. Giờ đây, con bé Trầm ốm nhóc đã là một thiếu nữ tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, giữ đúng lời hứa thành cô giáo sẽ về với đảo. Chị Vân trên Trầm do ông bà sinh ra đã là một cán bộ phụ nữ, lấy chồng trong phố huyện. Hai chị em, nhìn kỹ, ông bà lại thấy chúng giống nhau từ dáng đi, nét đứng, từ đường ăn lẽ ở. Không chỉ hiếu thuận với ông bà, Trầm còn là người có nghĩa có tình với quê hương. Bà Hảo giãi lòng: -Cứ nghĩ đến chuyện ông Trào nhặt được nó ngoài cánh đồng là chúng tôi không nỡ mắng mỏ. Đời cũng lắm kẻ dã man. Ai lại đẻ con rồi, nỡ vùi đất bỏ đó. Một tẹm nữa thì con bé hoá cát bụi! Ông Hảo đặt tiếp chén nước vào tay bà Lan:

- Nhân gian chẳng khác gì thửa ruộng của đấng Tạo hoá. Bà nhỉ? Để gieo cấy được mùa màng Tạo hoá phải san chỗ nọ vào chỗ kia. Nếu không, vạn vật sẽ tuyệt giống! Có lẽ trời sắp đặt cho chúng tôi được gặp nhau trên đường nhân thế bà ạ! Ông Trào đã trao cho vợ chồng tôi một cục vàng! Ngày giỗ ông bà ấy, năm nào chúng tôi cũng cúng khấn chu đáo...

Những lời chân thật của ông bà Hảo đã vô tình như lưỡi dao sắc cứa từng khúc ruột bà Lan. Trái tim bà se lại, ngỡ cục vôi sắp rơi xuống nước, muốn tan biến. Con bé ấy, đúng nó đây rồi! Hòn sinh linh vô tội ấy đang hiện thân một cô giáo trước mặt bà! Gương mặt nó tươi sáng, đằm thắm lạ lùng. Một đoá hoa. Một thiên thần! Nếu không có những tấm lòng nhân ái thì đoá hoa ấy, thiên thần ấy sẽ là gì trên cõi trần gian? Vậy mà vì cơn khát trả thù ích kỷ, bà đã trốn chạy nó!... Tự vấn mình, bà Lan thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn trộm sang Trầm. Bà cố trấn tĩnh, nhưng vẫn thấy mình nhỏ bé hẳn đi. Trầm cũng linh cảm có gì đó rất lạ trong ánh nhìn của bà. Đằng sau

ánh nhìn ấy là những suy tư, những nỗi niềm khó thổ lộ? Giọng bà Lan hơi lạc đi: -Kể ra tôi cũng có một đứa con gái... như con Trầm! Nhưng số kiếp đã hành tôi. Trông thế này, mà tôi rất vô duyên...

- Ấy bà đừng nói vậy! Thì bà đã có cậu kỹ sư trẻ? Thời buổi bây giờ sinh đẻ có hạn, chứ không đường con, đường của, bà chẳng kém ai!

- Vâng! Nhưng tôi vẫn thèm một mụn con gái! Dạ thưa... tôi muốn tuyển cháu Trầm vào công ty, cho cháu tiếp tục học cao học và công tác trong thành phố, liệu ông bà có vui lòng không? Tự dưng bà giám đốc buột miệng đặt vấn đề với ông bà Hảo và nhìn Trầm thăm dò: -Cháu nên thoát ly để đổi mới cuộc sống. Đời người, cơ hội chỉ đến có một lần. Chứ ở ngoài đảo... Xin ông bà và cháu hiểu cho ý tôi muốn nói ngoài đảo không có điều kiện để phát huy khả năng lâu dài...

- Việc này thì... Ông Hảo ngập ngừng nhìn Trầm: Do cháu...

- Cảm ơn bà. Cháu dạy học ở đây thế này là tốt, là hạnh phúc lắm rồi!... Tuy thiếu tình bố mẹ đẻ, nhưng cháu có tình bố mẹ nuôi cưu mang, dưỡng dục bấy nay... Đôi mắt Trầm nhoè ướt. Mới ngày nào theo đám trẻ trong xóm đi bắt ốc, đào sá sùng trên bãi biển... Mới ngày nào vừa học vừa chăn bò, đan lưới... Hết trường làng, lại vào thị trấn lưu trú theo tiếp cấp ba, rồi vào Cao đẳng Sư phạm... Nhiều bạn bè chạy chọt xin ở lại thị trấn hoặc vào thành phố từng rủ Trầm: Mày đỗ điểm cao, có tài, có sắc, cứ "chạy"! Đi cửa nào, nhìn, họ cũng ưng! Chứ về đảo, mỗi lần vào phòng Giáo dục họp tập, xa hàng dặm sóng, mệt lắm! Người ta đang tìm cách chuồn khỏi vùng cát cô liêu không được. Còn mày chả hiểu nghĩ thế nào? Bám đảo để chết già ư?... Nhưng Trầm lại nghĩ khác: -Đảo xa còn nhiều khó khăn, mình càng phải về! Nơi ấy có bố mẹ, có người yêu, có đàn em nhỏ đang đợi. Những năm trước, mùa khai giảng nào Trầm và các bạn cũng đỏ hoe mắt ra bến ngóng chờ những chuyến tàu ra đảo, cả những chiếc thuyền nan, xem có các thầy, các cô cùng đi không. Và cũng bao lần khép năm học, thầy trò lại bịn rịn chia tay trên bến. Đợi con tàu khuất khỏi ghềnh đảo, Trầm và các bạn mới lặng lẽ quay về... Bây giờ, dọc con đường bê tông trải từ bến tàu đến cuối làng tận rừng trâm nguyên sinh đã mọc lên những ngôi nhà cao tầng khoe sắc màu tươi rói. Đấy là những ngôi nhà của dân có được nhờ những con tàu đánh cá tuyến khơi; nhờ bán đất đổi công trình do mấy năm nay các công ty, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân ra đảo thăm dò, đầu tư các dự án. Khu đất trung tâm làng tự nhiên có giá. Rồi đây, ngôi trường Quang Châu sẽ thay dáng vóc. Viên ngọc Quang Châu nạm chắc vào trái tim cô sẽ sáng trên biển xa... Trầm nhìn thẳng vào mắt bà Lan:

- Bà thông cảm! Dẫu cuộc sống vất vả đến đâu cháu cũng không bao giờ bỏ bố mẹ cháu một mình!... Bà Lan đỏ mặt, một thoáng cúi xuống, nghĩ bụng: Con bé có ánh nhìn thật thẳng thắn và cũng chính kiến ghê quá! Bà muốn ôm chầm lấy nó, mà đôi chân cứ bủn rủn, không cất lên được. Bà lại càng bất ngờ, choáng váng khi Trầm nói tiếp, nghẹn ngào:

- Bà ơi! Ngày một ngày hai, cháu sẽ về quê tìm bố mẹ đẻ...

Những ngày sau đó, hình ảnh cô giáo Trầm cứ ám ảnh mãi trong bà. Niềm u uẩn như dòng nước muốn tràn. Bà đã kể, nhưng chệch đi, cho cậu con trai câu chuyện về một người mẹ trong làng cùng trang tuổi với bà. Người mẹ đó đẻ con ngoài cánh đồng và bỏ chạy. Đứa con gái cũng nằm dưới vầng cày...

- Đấy là một người mẹ hèn đớn và khốn nạn! Ra đây, gặp cô giáo này, tự dưng mẹ bàng hoàng sao nó lại giống cái người đàn ông mà mẹ biết đã để nỗi đa mang cho bạn gái mẹ đến thế? Giống lắm con ạ!

- Hay là thật hở mẹ? Sao mẹ lại khóc? Người mẹ ấy còn sống không?

- Vì mẹ quá xúc động! Người ấy vẫn còn. Gã đàn ông thì... nghe đâu làm tới chức gì đó cũng to trên huyện. Nhưng lại dính vào mấy vụ tham nhũng đất đai, bị ra toà. Bẵng đã lâu mẹ chưa về quê ngoại. Nghĩ thương con bé, lại oán giận kẻ bạc tình!

- Hay mẹ cứ nói cho cô ấy biết người bạn của mẹ, để mình giúp cô ấy tìm về nhận xem sao?

- Khoan đã! Cô ấy chả thèm nhận người mẹ đốn mạt đó đâu! Vả lại, người mẹ ấy có gặp cũng chẳng còn mặt mũi nào dám nhìn đứa con. Sợ nói ra, bẽ bàng thì lại lôi thôi! Kể về "người khác" mà bà như kẻ tự thú trước con trai. Cảng khẳng định:

- Con thấy cô giáo đầy thân thiện! Ban đầu con đã thích ngay. Thế mới lạ! Chỉ tiếc là... cô ấy hơn tuổi con! Kể cũng chẳng sao! Đã yêu thì đắn đo gì tuổi tác. Phải không mBà giật mình, nghiêm nét mặ

- Không được hỗn! Con phải gọi cô giáo ấy bằng chị hẳn hoi! Là người có học, con không được phép nghĩ vớ vẩn! Đây là một cô giáo có bản lĩnh và lòng tự trọng. Mẹ con mình sẽ tìm hiểu và kết thân lấy chỗ đi lại làm ăn lâu dài...

Mùa biển nữa trôi qua. Những ngôi biệt thự như những bông hoa nở rộ trên vùng đảo cát trắng. Thêm lứa học trò lên lớp. Tình cảm giữa gia đình, giữa cô giáo Trầm với mẹ con bà giám đốc ngày càng gắn bó. Nhạy cảm và lo sợ bọn trẻ dễ bất ngờ vượt quá giới hạn, "xảy một ly đi một dặm", mình sẽ vô tình mắc tội lần nữa, bà Lan gợi ý với Cảng: Con nên nhận Trầm làm chị. Mẹ sẽ là mẹ nhận của Trầm. Có một mình con, mẹ rất cần tình cảm! Sau một chút ngần ngừ, may mắn Cảng thuận ý và lập tức đi tìm Trầm. Trầm rất vui. Trong thâm tâm, cô cũng rất quí Cảng, coi như một cậu em trai. Nhớ hồi bé, chị em Trầm thường nũng nịu vòi mẹ Hảo: Bố mẹ sinh cho chúng con một đứa em giai!...

Bà Lan xin ông bà Hảo được soạn một mâm cơm thắp nén hương kết nghĩa. Từ đó, hai chị em, hai nhà càng thêm thắm thiết. Có lần dãi dề, Cảng khoe: -Mẹ bảo chị rất giống một người ở làng mẹ em... Trâm ngạc nhiên: -Thật vậy ư? Tháng ba tới mùa Thanh minh, cậu về tạ mộ bô Trào, mẹ Liên với chị nhé! Chị em mình sẽ nhờ mẹ Lan đến nhà người ấy hỏi thăm xem... Biết đâu...

Trầm lấy chồng. Đêm đêm, bà Lan lại không chợp mắt. Trong nỗi mừng, là một nỗi buồn từ nay cuộc đời Trầm sẽ sang hướng khác. Cô sẽ xa khỏi tầm tay bà! Bấy lâu bà vẫn dằn vặt cõi lòng: Sao mình vẫn hèn nhát, không dám nhận con gái đẻ? Nhưng đôi mắt của nó? Hiền hậu đấy mà sao mình vẫn sợ?... Bà đã mưu mẹo dùng kế kết nghĩa chị em hòng chặn tình cảm dễ bột phát thành tình yêu nam nữ giữa hai đứa. Nhưng cố chặn bao nhiêu bà càng hụt hẫng bấy nhiêu. Bà sẽ không bao giờ thực hiện được ý đồ đưa Trầm về thành phố để mai ngày già lão, nơi đô thị phồn hoa bà vẫn được cảnh nhà có mẹ có con. Trớ trêu thay! Đứa con gái ngay trước mặt, mà bà chẳng thể với tới được !

Sau khi tặng trường làng đảo một số suất trợ cấp học sinh nghèo và học sinh giỏi, bà Lan quyết định tặng vợ chồng cô giáo Trầm một biệt thự xinh xắn cạnh rừng trâm ven bãi tắm. Sửng sốt, không tin nổi bỗng dưng lại có sự lạ kỳ này, vợ chồng Trầm và ông bà Hảo nhất mực từ chối. Bà Lan cười tươi tắn, cố giấu đi nỗi niềm:

- Tình cảm mới là vô biên, ông bà và các con ạ! Đời người ngắn ngủi, chết có mang được tiền của đi đâu. Đây gọi là tấm lòng thành của chúng tôi cho con gái nhận. Tôi hiếm hoi, con nhận cũng là con đẻ!... Bà run run trao cho Trầm một chiếc phong bì to gấp bằng tấm bìa màu hồng dán kín. Trong đó, bà đã giấu một bức thư riêng: Đây là giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu nhà đất của các con, mẹ đã vào huyện làm xong! Con hãy giữ lấy. Nhưng mẹ yêu cầu chỉ khi nào về tới đất liền, mẹ điện lại, các con mới được mở ra! Nào, hãy hứa đi!

Trầm càng ngỡ ngàng như người trong mộng. Trên đời sao lại có một người đàn bà, một người mẹ nhận tốt bụng đến vậy? Đằng sau lòng tốt là gì đây? Đọc được ý nghĩ của Trầm, bà Lan đắm đuối cầm chặt tay cả hai vợ chồng, tưởng nghẹt thở: -Các con tin mẹ đi. Đó là niềm hạnh phúc của mẹ mà!

Sáng nay mẹ con bà Lan cùng các cán bộ công ty xuống tàu về đất liền tiếp tục công trình mới. Con tàu lướt nhanh trên vịnh biếc. Dân xứ đảo nói chuyện ồn ào như sóng. Mọi ngày bà rất thích nghe những câu chuyện không đầu không cuối của họ. Nhưng lúc này, bà thèm một không gian yên lặng quá, vì bao ý nghĩ đang ngổn ngang, vò xé trong lòng. Bà vừa mừng xong một công việc, đúng ra một sự đền đắp, nhưng lại vừa sầu muộn vì một nỗi dở dang. Sau đây bà sẽ về quê cúi lạy trước linh hồn ông bà Trào. Bà sẽ tìm lối cỏ xưa, đến cái nơi bà đã bỏ hòn sinh linh, đã vứt nhúm rau, để tạ tội cánh đồng... Kéo con trai lại gần, giọng bà não nùng, đẫm lệ, nhưng rất rõ: - Cảng ơi! Bây giờ, mẹ mới nói với con một điều hệ trọng...

- Vâng! Con xin nghe. Mẹ lại bảo con lấy vợ chứ gì? Liệu ở thành phố có người như chị Trầm không ?

- Đâu cũng có người tốt con ạ! Rồi con sẽ gặp người như chị con... Nhưng mẹ muốn nói cho con hiểu một điều... Con ơi! Trầm chính là con đẻ của mẹ, là chị ruột của con!

- Trời ơi! Sao cơ này mẹ mới nói với con?

Tháng 2-2009

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

KHÔNG ĐỀ

truyện ngắn

KHẢI NGUYÊN

Vừa cầm tờ ***Văn Chương*** liếc qua , tim chàng đã đập rộn lên. Thi sĩ thấy tên mình ngay trang nhất.

-Có thế chứ! Bài "Không đề" gửi đi có dễ đến nửa năm giờ mới chịu đăng cho đây ... Ơ! Mình có viết như thế này đâu.

Đọc hết bài thơ, chàng thất vọng. Một bài thơ không thuộc tạng chàng. Đọc khó vào làm sao!
Có tiếng mở cổng, rồi tiếng dép quen thuộc.

-Anh đã nấu cơm chưa đấy? –Nàng vừa ló nửa người nơi cửa đã lên tiếng.
Nàng quán xuyến chuyện kinh tế gia đình nên chàng xắn tay đỡ nàng những việc vặt. Việc cơ quan, chàng rất linh động ; chàng có thể tạo cớ để lỉnh về sớm. Vô phúc cho khách công tác nào, dù là từ xa đến, nếu chẳng phải là khách sộp, có việc với chàng sau mười giờ, nhất là vào những hôm nàng đã có "dặn lời".

-Anh đi nấu ngay đây. Anh đi nấu ngay đây.

Nói vậy nhưng chàng vẫn bần thần đứng nhìn trang báo. Nàng đang thay áo, không đoái đến bộ dạng chồng.

-Anh còn làm gì đấy?

Thi sĩ đưa tờ báo đến trước mặt vợ: - Em xem đây này.

Nàng hững hờ nhón tờ báo: -Thôi, ông cứ đi làm việc của ông đi!
Nàng đọc lướt mấy dòng thơ đầu, nhưng rồi bị hút ngay vào. Một cái gì rất thoảng như hơi sương lướt qua tâm hồn nàng. Những tưởng ở tuổi nàng đâu còn những bâng khuâng, xao xuyến hay đợi chờ. Vậy mà có chút gì đó vừa lay nhẹ tâm can nàng, nàng chưa rõ ngay chuyện gì đã xảy ra, đã chợt đến. Bài thơ dường như viết cho riêng nàng, cho nỗi niềm trong tâm thức nàng. Có bóng dáng những mộng tưởng của nàng thuở nào. Nỗi khát khao một thời dường như vẫn náu mình đâu đó. Mà những thôi thúc của nhịp sống bung ra hiện tại hướng những giằng xé nội tâm ra nẻo khác. Đã xa rồi cái thời cô nữ sinh Kiều Diễm ngây thơ và cuồng nhiệt dệt mộng đời qua những bài thơ chép đầy sổ tay, trong đó có những bài thơ đăng báo tỉnh lẻ của chàng thuở chàng tập tọng bước vào chiếu thơ. Nàng đã tự nguyện đến với chàng, phẩy tay trước những nghi kị, dèm pha, cấm đoán. Nàng đã tự hẹn sẽ không để chàng bận lòng với những chuyện "cơm áo không đùa với khách thơ". Nhưng chính thơ lại đùa với chàng. Cái bóng của thơ, nó như rỡn, như vờn. Con người nhiều lúc nhẹ dạ, còn Nàng Thơ thì không. Ôi! Giá như nhân loại chỉ yêu nhau theo lối "ái nhi viễn chi"! Về sống chung, sau ba tháng, con người chàng đã nhợt hào quang; sau nửa năm, thơ chàng tuồng như chỉ là cái bẫy ngôn từ. Lỗi của cái eo sèo đời thường hay của sự vỡ mộng? Trong lĩnh vực tình cảm, phái đẹp dễ cực đoan hơn

95 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

phái mạnh, đã yêu là thường mê đắm, mà đã chán thì có thể đẩy tới mức ghét khinh. Cũng may, những ràng buộc đời thường giúp cho người ta dễ chấp nhận thực tại hơn. Đến khi nàng phải đứng ra gánh việc nhà để cho chàng "ung dung khòm lưng mà ngồi gãi giấy", như nàng nói, thì cơ hồ thơ chàng không còn ngả đi vào tâm hồn nàng. Chàng vẫn thường tự hào thơ mình đa dạng: trữ tình có, hùng ca có, triết luận có. Nàng tóm gọn ba "có" ấy vào một lời phán:

"Đã câu rởm trữ tình tang, / (lại) *lời lời huyếch hoác, hàng hàng dở hơi".*

Song có lẽ hình ảnh nhà thơ của cô Kiều Diễm chỉ thực chết trong lòng nàng sau lần chàng đưa khoe một bài thơ vừa được đăng báo,-bài thơ tán tụng một chiến sĩ thi đua đang ngấp nghé danh hiệu anh hùng lao động. Ánh mắt nhìn của nàng hun rát má chàng: "Anh đã quên cái cảnh hắn ta ôm đôi gà trống thiến leo lên căn gác của lão phụ trách thi đua của sở rồi à?". Căn gác ấy nằm ngay trước nhà, bên kia đường. Dẫu lúc ấy đã là hoàng hôn. (Của đáng tội, bài viết ấy như một thứ hàng đặt). Cái hèn phỉ báng thơ; cái khinh khép mắt tình yêu. Tuy nhiên, chắc hẳn "cái thuở ban đầu lưu luyến" và đứa con đã giữ nàng lại với chàng cùng... những cơn bộc phát dữ dằn. Chàng quen dần với những lời mắng mỏ thô lậu cũng như đã từng quen với những lời tán dương âu yếm thuở yêu đương.. Những cơn hung dữ đàn bà, -chàng âm thầm nhủ lòng- âu mụ cũng là một phụ nữ có bản sắc. Chàng vẫn giữ được cái đức riêng của mình: vẫn chỉn chu với vợ con, vẫn tỏ ra cần mẫn công tác và... vẫn làm thơ. Song, sự nín nhịn ở nhà thường phì ra nơi khác, cả trong thơ. Người ta cảm thông với lối nói băm bổ của chàng những lúc nào đó. Một chút lên gân bù trừ cũng chẳng sao. Lúc này trong bếp, mắt cắm vào chảo cá rán nhưng óc chàng vẫn vương vít với bài thơ nọ. Thằng cha nào đội tên mình nhỉ? Hừm! Thiên hạ chỉ mới có người ăn cắp văn, nay lại thòi ra một kẻ ăn cắp bút hiệu. Cái tên Vọng Khê chẳng phải là cái cọng rác trên văn đàn. Bút danh này khá "độc", chẳng thể có sự trùng. Ông sẽ chẳng để yên đâu. Chàng muốn xả nỗi tức bực với ai đó, hiềm vì đang dở tay. Chàng lé mắt ngó nàng đang đứng trong phòng qua cửa bếp, chợt sững ra. Nàng đứng đó tựa vào tủ gương, đắm trong một nỗi khắc khoải mông lung. Chợt nàng ngửng lên bắt gặp cái nhìn của chàng. Chàng giật mình bối rối. Nhưng nàng đã mỉm cười với chàng, nhẹn bước đi vào bếp. "Anh để em nấu cho". Tim chàng phồng lên biết ơn, mà miệng lại cười lỏn lẻn. Cũng đã lâu... vẻ mặt ấy, giọng nói ấy! Chàng hơi ngỡ ngàng.

Chàng sắp ngỏ nỗi tức bực kia thì nàng đã bảo, giọng rất êm:

-Sao chẳng thấy anh khoe bài thơ ấy trước với em? –Và với cái điệu đùa đùa trước nay nàng chưa hề có, như là nàng mới nhiễm được ở đâu đó- Anh "đổi mới" ghê quá! –Và cái giọng dọa yêu- Mà lại có thêm cái tật dấu vợ nhá.

Cứ để cô nàng nghĩ vậy.-Chàng tự nhủ- Chẳng nên vội làm cụt hứng. Khi người ta vỡ mộng thì cũng khó lường trước...

Sự hồi xuân tình cảm chàng được hưởng đúng hai tuần. Trên tờ **Văn chương** xuất hiện bài phê bình *"Không đề", một bài thơ có không ít vấn đề* của Võ Trí với lời phi lộ của toà soạn: "để rộng đường dư luận", "đẩy mạnh phê bình văn học", "tôn trọng mọi tiếng nói", v.v... Người viết tỏ ra có tay nghề, dùng lối nói bạo, pha chút châm biếm, phê phán nặng nề bài thơ về nghệ thuật và ý tưởng: "cưỡng ép ngôn từ", "bông lông hoá thơ ca", "chạy theo mốt tâm linh", "đằng sau lớp hỏa mù ngôn từ và cấu trúc là những ý tưởng đáng ngờ", vân vân...

-Em xem! Thằng cha nào làm xấu mặt anh. –Chàng chìa bài báo.

Nàng lạnh mặt ngó chàng (chàng rất ớn điệu này). Nàng đọc rồi. Đọc kĩ. Võ Trí, người lâu lâu mới có một bài ở mục văn học trên một tờ báo nào đó, chàng coi dưới tầm, còn nàng thì...

Con người ấy nàng đã gặp trong một buổi dạ hội tại nhà một cô bạn thân nơi thủ đô. Chẳng phải do bài thơ y đọc đã khơi dậy những khúc mắc tâm linh. Chẳng phải do phong thái vừa phóng khoáng vừa khinh bạc rất đàn ông của y. Chẳng phải do những lời y thủ thỉ với nàng bên bàn tiệc. Song, dường như do tất cả những cái ấy. Ai đó nói rằng tiếng sét ái tình không đến với những người đàn bà từng trải. Nàng cũng đã từng cho là vậy. Thật ra thì chưa hẳn đã là tiếng sét. Đơn giản là nàng đã tin cậy y ngay. –Nàng đã bao giờ tin cậy chồng chưa nhỉ? Có chứ! Không tin cậy sao yêu say mê lẫn tôn sùng? Nhưng chàng đã không nuôi dưỡng được sự tin cậy ấy. Chàng đã không biết hoặc không có khả năng khích lệ nàng. Y thì khác. Một lần, trong

vòng tay y, nàng nói: “Trong tình yêu sự phản bội là một thứ vũ khí”. Y nghển người chăm chắm nhìn nàng, thốt lên: “Trời! Em vừa xuất thần một tứ thơ thật ‘siêu’. Sao em không làm thơ nhỉ?”. Nàng không làm thơ ư? Khi e ấp mối tình đầu, nàng đã từng đưa khoe chàng bài thơ về biển mà nàng mới ngẫu hứng với hai câu mở đầu: *Mặt trời mọc gieo neo / Chim hải âu rồng rắn.* Chàng đã khoan dung góp ý với nàng đến độ chẳng bao giờ chàng còn nghe nàng nói đến thơ nàng nữa. Dường như nàng cảm thấy bé bỏng trước lòng tự tin của chàng. Còn sau này thì... “tạng lão chẳng hiểu nổi”. Với Võ Trí, nàng đã mau mắn trao y cuốn sổ của nàng, cuốn sổ ghi riêng những bài thơ nàng làm từ thời còn miết quần trên ghế học trò. Y đã đọc một cách thích thú, khi tặc lưỡi, khi vỗ đùi. Cơn yêu của y như chắp cánh hồn thơ nàng. Có bài thơ nàng phóng bút làm một mạch. Y góp ý sửa chữa đôi chút rồi gửi tới một tờ báo quen của y. Nàng dùng một bút hiệu vừa khiêm nhường vừa thách đố. Chẳng bao giờ nàng phô với chàng chuyện này. Rồi chàng cũng biết, khi đó đã có bài viết tán tụng những câu thơ “lên cơn” của nàng. Đã quen nhẫn nhục với cái nết thất thường của vợ, chàng vẫn nhận ra nàng có khang khác. Nàng vốn có dáng dấp uyển chuyển. Xưa kia -ờ, xưa kia!- chàng hay vuốt má nàng thủ thỉ: “mèo con của anh”. (Võ Trí cũng thích gọi nàng: “Miu ơi!”). Sau này chàng thường cay đắng và hài hước nghĩ: “Thật nhu mì như con mèo! Con hổ cái lúc lim dim mắt cũng nhu mì đấy chứ”. Dẫu vậy, chàng vẫn ước ao nàng trở lại là con mèo với chàng, điều có lẽ chẳng bao giờ được nữa. Nhưng đúng là nàng có vẻ dễ tính hơn và nhẹ lời hơn. Chàng hầu như đã có thể thở ra nhẹ nhõm, những “cơn điên đời thường” đã trở nên hiếm hoi. Như là cái nanh nọc đàn bà náu mình cho hồn thơ tiềm ẩn nhắp cánh. Chàng khó mà biết vậy. Dẫu sao cũng đáng cảm tạ Phật, Trời. Song, tai vạ hình như lại muốn chọn hướng khác. Một lần, nàng vừa khịt mũi vừa đọc bài thơ chàng được đăng báo còn thơm mùi mực, vớ ngay lấy bút sổ toẹt mấy câu mà chàng tâm đắc: *Anh dắt em / Mệt nhoài ra / Cuộc đời ngang trái, và viết vào bên cạnh: Sống và viết / Anh mệt nhoài / Sấp ngửa tình đời*. Nàng bảo: “Viết thế còn có cái cho người ta đọc, và mới là anh” . Chàng gượng gạo cười: “Xem ra em còn máu hơn cả anh”. Nhưng thâm tâm, chàng coi đó là những “cơn điên nghệ thuật”. Nếu cơn điên nghệ thuật lại cũng thành thường lệ như những cơn điên đời thường trước đây thì, lạy Chúa tôi, đó còn hơn một mối lo, đó thật sự là một siêu bất hạnh.

Lần ấy, nàng cũng ngó chàng tựa lần này. Đang giơ bài báo của Võ Trí cho nàng, cái ngó của nàng suýt khiến chàng lùi lại. Lạy trời! Đừng là cơn điên nghệ thuật! Sự thật thì nàng đang quan tâm tới chuyện khác. Sao anh ấy lại viết như vậy? Nếu quả là thực lòng phê bình thì trình độ thẩm thơ xoàng, nếu mượn cớ để hạ tác giả thì nhân cách xoàng. Nàng thấy tức mình. Vì cái gì? Và với ai? Chính nàng cũng khó nói rõ.

-Hử! -Nàng chỉ hơi đảo mắt phớt qua trang báo .

-Anh sẽ viết gửi toà soạn làm cho ra nhẽ. Phải cho tên Vọng Khê dỏm lòi mặt ra. Nó bôi xấu cái bút hiệu của người ta.

-Không phải thơ anh à? –Nàng những tưởng chàng phản ứng người viết bài phê bình.

-Anh đâu có làm thơ dớ dẩn thế.

-Thôi đi! Thế mà tôi cứ tưởng... Tôi đã mừng cho anh.

-Em chưa đọc bài chê bai của Võ Trí phải không?

Nàng nín thinh. Y làm khó cho nàng, cái anh Võ Trí này!

Hôm sau, nàng tức tốc đi thủ đô.

“Tất nhiên là anh biết chẳng phải thơ chồng em làm. Thơ anh ta thì hơi đâu mà choảng”.

“Anh làm như thế để làm gì? Người ta bảo một tờ báo thiếu tự trọng mới đăng một bài như vậy. Khó xử cho cả em”

“Em yên tâm đi! Choảng chẳng phải bao giờ cũng gây hại. Có cái “choảng” để vùi xuống đất

đen cho bõ tức chẳng hạn , nhưng cũng có cái lại "phong thánh" cơ đấy. Em cứ chờ xem!"

Tuần sau, báo **Văn Chương** đăng một bài có hơi hướng luận chiến: *"Không đề" của Vọng Khê -một bài thơ đáng gọi là một tác phẩm"*. Tên người viết lạ hoắc, nhưng bài viết thì gây sự chú ý lớn. Bài báo gián tiếp bác bỏ những lời chê bai của Võ Trí một cách điềm đạm mà có sức thuyết phục. Và chắc không ít nhà thơ cảm thông với câu kết này: "Trong tình hình lạm phát thơ hiện nay, 'Không đề' của Vọng Khê nhen lại uy tín cho thơ".

Bài báo khiến cả nàng, cả chàng phân vân. Song, mỗi người phân vân theo hướng riêng. Có điều chàng không còn nghĩ đến chuyện kiện kẻ dám đội tên mình.

Bài báo này và nhất là bài của Võ Trí làm dấy lên một cao trào phê bình văn học. Xoay quanh bài thơ *Không đề* rồi mở rộng ra những vấn đề thơ bức xúc: chất lượng thơ đương đại, đổi mới thơ,... Không chỉ trên các tờ báo chuyên văn chương, mà choán trang văn nghệ của hầu hết các báo lớn, nhỏ. Những cây bút lí luận sắp mốc ra được dịp múa lên. Những cây bút chuyên "ăn theo" được dịp tán dương hoặc chê bai "tháo khoán". Cái ao lặng được phen khuấy động.

Tờ **Văn chương** có lệ trao giải hằng năm cho tác phẩm xuất sắc nhất thuộc từng thể loại đăng tải trên báo đó. Toà soạn phát hai nghìn phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và các nhà sáng tác, phê bình có uy tín. Và *Không đề* của Vọng Khê đã được chọn cho thể loại thơ.

Bạn bè chúc mừng chàng, chàng cười mủm mỉm, lúc lắc đầu, không ra gật, chẳng ra lắc, có cái dạng rất ư khiêm tốn, khá xa lạ với phong thái chàng. Ai vòi khao, chàng cười dễ dãi: "Khao thì... có gì đáng khao đâu. Nhưng chầu bia để chống sầu thì xong ngay".

Cuộc họp mặt đầu xuân để trao giải tại toà soạn báo Văn Chương lần ấy vắng mặt tác giả bài thơ được thưởng.

Hà Nội đang vào những ngày đẹp nhất trong năm. Nàng xuống xe xăm xăm lần đến cái ngõ nhỏ khá thân thuộc gần hồ Tây. Trước khi gọi cửa ngôi nhà xinh xinh ấy, nàng linh cảm một cái gì không bình thường. Một người đàn bà trẻ lạ mặt mở cửa.

"Ông Trí không còn ở đây nữa. / Vâng, ông ấy đã bán nhà cho chúng tôi. / Ông ấy đi đâu thì tôi không được biết. / Chị là... ? / Chị ở... ? / Thế thì chị có thư đây. Ông Trí dặn trao tận tay chị. Ông ấy bảo nhất định chị sẽ đến".

Nàng cầm bì thư liếc qua, cảm ơn rồi đi ngay. Bước chân nàng vội vã và không đều, như là bất định. Hụt hẫng? Không hẳn! Bâng khuâng? Có lẽ. Đứng đây có thể bóc thư được rồi.

Mỉu thương,

Anh đi đây. Có những trường hợp mà sự chia tay chẳng bao giờ là quá sớm.

Thơ và tình yêu đều lắm ảo vọng như ý hướng cuộc đời. Tìm - Lỗi duyên – Buông xuôi, hoặc tìm nữa. Anh chẳng đem lại gì cho em .Cái chính là em tìm ở chính mình.

Người ta có thể sống rất "đời", nghĩ suy thường ngày rất "trần" mà văn chương lại muốn "siêu". Siêu đời thường và siêu tâm linh. Từng có lúc anh muốn tụng "siêu em". Quả là lố, khi đã đón nhận em rất thực.

Anh ít làm thơ, em hẳn đã biết, càng ít làm thơ đăng báo. "Không đề", một lời gửi gắm? Một thứ suy ngẫm? Một lối phản tỉnh? Sao cũng được. Hãy coi đó là món quà tặng em, -và tặng V.K.

Vĩnh biệt. -

Không đề thì cũng không đề.

KHẢI NGUYÊN

NHẶT MỘT CHÚT ĐẤT RƠI VƯƠNG TRÊN NỀN GẠCH

HOÀNG BÍCH NGA

Tôi có thói quen thích quan sát hành vi và cử chỉ của những người bạn mới quen,vì thế phát hiện được nhiều nét đáng yêu, đáng trọng của họ qua cách sống và các hành vi ứng xử . Cuộc sống thường nhật thật đa dạng. Gặp gỡ, giao lưu bạn bè là một nhu cầu không thể thiếu được của mỗi người. Các lần giao tiếp luôn luôn mới, để lại cho ta nhiều cảm xúc, buồn, vui, nể trọng , đáng phục hoặc coi thường. Thường là khi giao tiếp người ta biết được ai là người văn minh, thanh lịch, ai là người còn vụng về hoặc chưa có chiều sâu văn hoá. Có lúc người ta ít chú ý đến các hành vi của nhau nhưng có khi chỉ một hành vi nhỏ mà làm ta nhớ mãi.

Có một lần đi nghỉ mát tại Đồ Sơn, tôi và những người bạn chọn một quán hàng giải khát để ngồi nói chuyện và tán gẫu. Tìm được quán có khá nhiều cây cảnh đẹp, chúng tôi vừa ngồi uống nước vừa ngắm cây, hoa, lá, vừa ngắm biển cho tâm hồn thanh thản. Tôi không sành về cây cảnh , chỉ biết nhìn, ngắm, chiêm ngưỡng các hình dáng- thế của cây rồi màu sắc của các loại hoa và không có lời bình luận. Chúng tôi kể cho nhau nghe nhiều chuyện, công việc ở cơ quan, gia đình, rồi bàn đến tiêu chuẩn thế nào là người đẹp, thế nào là người thanh lịch, hiện đại, văn minh…Mỗi người một ý, có khi tranh luận thật sự, song gộp các nội dung tiêu chuẩn lại chúng tôi đã tìm thấy bóng, thấy mẫu hình của người đẹp thực sự. Tuy nhiên các ý kiến vẫn cứ dài mãi ra vì cứ chọn được tiêu chuẩn này thì vẫn cứ thấy thiếu tiêu chuẩn kia…Rồi lại chuyển chủ đề sang hoa và cây cảnh. Bỗng một cô bạn reo lên : "Ông chủ ơi, ông có cái cây này đẹp quá, mà có những hai cây, ông để cho tôi một cây nhé". Cô cứ xuýt xoa khen ngợi và nói đi nói lại nhiều lần khiến cho ông chủ quán phải mủi lòng, ông đồng ý để lại cho cô. Hồi ấy chậu đựng cây cảnh không nhiều như bây giờ nên ông chủ quán phải giữ lại chậu cảnh còn cô bạn tôi thì phải lấy giấy xi măng để bọc cây. Sau khi nhận được cây cô bạn tôi lại ngồi vào bàn uống nước và nói cười vui vẻ. Cả hội vẫn tiếp tục những câu chuyện phiếm. Bỗng tôi thấy anh M. bước lại nơi ông chủ vừa lấy cây cảnh cho cô gái, rất nhẹ nhàng anh thu hết những hạt đất còn sót lại trên nền gạch hoa để vào một chiếc phong bì mà anh đang có sẵn trong tay rồi đổ chút ít đất vương lại vào chậu cây cảnh gần đó một cách gọn gàng như khi anh nhặt những hạt đất vương. Mọi người cũng không quan tâm lắm đến hành vi này. Nhưng ông chủ quán lúc này đang ngồi cạnh

tôi thì lại tâm đắc gật gù. Ông hỏi tôi: " Có phải anh bạn kia là người Hà Nội không". Tôi gật đầu và nói: " Anh ta là người Hà Nội gốc đấy".

Ông chủ quán tỏ ý đồng tình với hành vi rất nhỏ đó của anh bạn tôi. Ông còn thủ thỉ nói với tôi về những hành vi tưởng là nhỏ nhặt nhưng để lại cho ông ấn tượng không bao giờ quên đối với người Hà Nội xưa. Nhiều lần đến chơi nhà bà con ở Hà Nội, khi được mời ăn cơm ông chú ý thấy mâm, bát, đũa rất sạch, những bát ăn cơm thường cùng một loại, bát múc canh, đĩa đựng thức ăn, rồi đũa, thìa… bao giờ cũng đồng bộ. Bữa cơm giản dị có một đĩa tôm rang vàng rộm, một đĩa đậu rán tẩm hành hoa, một đĩa thịt lợn rang cháy cạnh thơm phúc và một đĩa rau muống luộc rất xanh, nước chấm rất ngon, cơm sốt dẻo, trên mâm cơm bao giờ cũng có một cái bát để xương hoặc những thứ có thể vương vãi trong khi ăn vào đó.

Ăn cơm xong, ngồi uống nước, xỉa răng, ông thấy những người trong gia đình thường che miệng để xỉa rồi để tăm bẩn vào vào một giỏ rác nhỏ cạnh bàn, sau đó được người nhà đem đổ vào thùng rác lớn trong nhà.

Ông nói: " Khi họ uống nước tôi thấy bao giờ họ cũng gạt đáy chén qua đĩa đựng chén để nước khỏi vương lên bàn, và họ uống từng hớp một , không để phát ra tiếng động, tách chén của họ rất sạch. Có một chút nước vương ra là họ lau ngay, khăn lau cũng sạch sẽ.

Có hôm tôi đi cùng người nhà ra phố chơi, vừa ra khỏi nhà, thấy trước cửa có một nhúm giấy vụn ai đó vứt ra ông bèn nhặt lên và quay về nhà cho vào sọt rác nhà mình rồi lại tiếp tục đưa tôi đi. Tôi nghĩ chắc ông thường xuyên làm việc này nên ông chẳng ngại khi quay lại nhà vứt nhúm giấy vụn đó đi. Cho nên nhìn ông bạn của anh nhặt hết chút đất vương rơi rớt lại là tôi biết anh ta là người Hà Nội ngay".

Ông chủ quán còn kể cho tôi nghe nhiều chi tiết mà ông thấy được ở những người Hà Nội trước đây, như khi ra đường sau khi ăn không có ai ngậm tăm cả. Phụ nữ tóc dài khi gội đầu chưa khô nếu có việc cần ra đường cũng không ai để tóc xoã xượi, họ phải búi tóc lên hoặc cặp lại cho gọn gàng. Ra đường bao giờ họ cũng mặc rất chỉnh tề, lịch sự, đi đứng khoan thai, dù có việc vội phải đi họ cũng không xấp ngửa, vội vàng. Các bà khi ra khỏi nhà bao giờ cũng trang điểm nhẹ, trông tươi mà không phô. Đi đến nơi nào, gặp khách loại nào họ đều mặc trang phục tương xứng. Khi ngồi với ai đó, hoặc đi trên đường, có một mình thôi, khi ngáp vặt bao giờ họ cũng lấy tay che miệng. Họ không khạc nhổ bừa bãi vì nhà nào cũng có ít nhất một cái ống nhổ, họ không cũng vứt rác bừa bãi nhất là những nơi công cộng. Có lẽ do trước đây vào thời Pháp thuộc ai vứt rác sẽ bị phạt nặng nên dần đần đã tạo nên cho họ những thói quen đẹp và có ý thức.

Ai cũng biết muốn có nét đẹp trong nếp sống thường nhật là phải tự học hỏi, qua trường, lớp, sách vở , qua bạn bè để rồi tạo thành ý thức và nếp sống bền vững. Học làm người lịch sự cũng khó lắm, vì người ta rất hay quên hoặc chưa hiểu hết các hành vi đáng phải làm mà làm một cách tự giác. Hiện tại có những động tác đơn giản như khi ngáp phải che miệng, ăn uống không nên phát ra tiếng động thì có người lại phản đối coi đó là không thoải mái, quá gò bó, hoặc ăn uống xong vẫn cứ ngậm tăm đi ra đường, thậm chí khi nói chuyện với người khác tăm vẫn còn cắm trên miệng. Khi nói thì văng tục tứ tung, đi đứng khệnh khạng, làm phiền người khác không biết xin lỗi, được giúp đỡ không biết cám ơn… Những chuẩn mực lịch sự trong lễ nghi, giao tiếp, ứng xử chắc chẳng thay đổi nhiều qua các thời đại, nó chỉ phong phú và linh hoạt hơn thôi. Vì thế muốn có nếp sống thanh lịch là phải học và có ý thức thực hiện, dần dần tạo thành nếp nghĩ, nếp hành động. Nếp sống văn minh, hiện đại mà người Hà Nội có được là nhờ học hỏi và phát huy nếp sống thanh lịch xưa của đất kinh kỳ, đất ngàn năm văn hiến

HOÀNG BÍCH NGA

100 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

KHI CON TIM CÔ ĐƠN

truyện ngắn

HẠ GIAO

Nhi như con sóng vô tư, nhí nhảnh xô bờ rồi lại tung tăng đổ ngược ra khơi. Nghĩa hoá thân núi đá thâm trầm, cô đơn từng ngày, từng ngày chờ đợi. Chút yêu thương còn đây, nụ hôn sâu ngọt ngào đã vỡ thành sóng vẫn còn dư hương để đêm đêm Nghĩa bâng khuâng mơ mộng. Bàn tay nhỏ nhắn của Nhi chạm vào đời Nghĩa chẳng khác chi hơi thở mát lành mà sóng nước đã nhân từ ban cho núi đá kia. Trong tim ấm áp, nhịp sống tràn xuân và ước gì mãi thế. Nhi đến rồi bất chợt ra đi, để vườn hoa mộng và cây trái sum xuê đầy nắng gió thuở xưa biến thành sa mạc. Nghĩa mệt nhoài đi trên bãi cát tình ái nóng rang.

Nhi tình cờ gặp Nghĩa hôm nay, nụ cười nàng vẫn đầy sức quyến rũ như ngày nào. Cũng màu son môi thâm thẫm, một nét mày cong đen nhánh, đôi mắt to sáng và hàng mi rậm. Vẫn bờ vai gầy trắng nõn và bộ ngực căng tròn đầy đặn. Nhi hấp dẫn thế nên có hằng bao trái tim si dại, cũng chẳng trách sao Nhi chóng quên Nghĩa vậy. Và vì là con gái Nhi có quyền lựa chọn trước khi gật đầu nhận lời cầu hôn của một ai trong số những chàng trai yêu mình. Nên khi Nhi xa Nghĩa mà không lời giã biệt, Nghĩa cũng chẳng dám oán than vì anh sợ chạm vào bất hạnh của nàng. Còn Nghĩa, cũng đắn đo kỹ lắm mới gởi trọn tình mình đến với Nhi.

Nhi nói chuyện hồn nhiên như trẻ con, tự nhiên và bộc trực đến nỗi khiến nhiều người chưa hiểu tính Nhi sẽ dễ giận. Nhưng bản tính nàng là thế, ai buồn ai giận mặc ai, nàng nghĩ gì thì nói ra nấy. Có những lúc Nghĩa cũng không vừa lòng Nhi, nhưng Nghĩa sợ nói ra sẽ làm Nhi dỗi, đành lặng im. Và cứ thế luôn trân trọng, cưng yêu nàng.

Những đêm không trăng, ngọn hải đăng xa tít thắp sáng cả vùng biển tối. Những ánh đèn phả ra từ các khách sạn, từ những gánh hàng rong quanh bờ, nàng và anh thường tản bộ trong những đêm như thế…

"Con là dân của thành phố này, nhờ ăn hải sản mà lớn lên" - ba má Nhi cứ trêu con gái vậy, mà Nhi cũng ngán tôm, cua, sò, ốc thật, nên mỗi lần hẹn hò đi dạo cùng Nghĩa, Nhi luôn dặn: "Nhớ mua trái cây cho em nhé!" Và Nghĩa cũng quen rồi, nếu Nhi quên dặn Nghĩa cũng mang theo, không trái cây thì bánh kẹo hoặc khoai củ.

Hai người lang thang dọc bờ, mỏi chân lắm thì ngồi một lát. Cứ vậy, suốt mấy tiếng đồng hồ họ bên nhau chỉ nói chuyện trên trời dưới đất, chuyện người chuyện ai nhưng chẳng hề nói chuyện của mình. Nhi lại là người tranh Nghĩa nói, Nghĩa nghe cũng nhàm chán thật, nhưng sức hút của sắc đẹp quá mạnh, Nghĩa không thể giận, không thể phê bình, càng không thể cách xa. Nghĩa gợi ý cho Nhi nói chuyện "chúng mình", Nhi tảng lờ và nói lãng sang chuyện khác. Rồi cũng có lúc Nhi hỏi Nghĩa:

- Có trách sự vô tình của em không?

Nghĩa lắc đầu:

- Có lẽ suốt cuộc đời anh không bao giờ trách em bất cứ điều gì.
- Cả khi em bỏ anh đi?
- Ừ, cả khi ấy.

101 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Sao anh ngốc thế?
- Anh cũng không biết nữa.
- Anh có biết nhiều người yêu thích nhan sắc của em không?
- Có.
- Vậy anh có buồn không?
- Có.
- Vì thế nên anh khuyên em đừng làm ở khách sạn đó nữa chứ gì?
- Em thật thông minh và rất hiểu anh Nhi ạ!
- Suy đoán trúng cũng đâu có nghĩa là em sẽ nghe lời anh.
- Anh xin em đấy!
- Em làm gì không tốt?
- Anh sợ mất em.

Nhi bật cười trước câu nói chân thật của Nghĩa.

- Việc gì anh phải bận tâm, không có em thì yêu người khác. Chỉ riêng cái thành phố này còn cả khối con gái chưa chồng đấy.
- Nhưng anh yêu mỗi một em thôi.
- Nhưng em đẹp vậy thì môi trường nào cũng có điều kiện để dễ phai lòng.
- Sai rồi, là em không chung thủy đó thôi.
- Có lẽ anh đúng, nhưng em đã phụ anh chưa nào?
- Ừ, thì anh chỉ nói để mà nghe.
- Em muốn nổi cáu vì câu nói đó của anh đây này.
- Thôi vuốt giận nghe Nhi, lỗi là tại anh, lẽ ra ta không nên nói chuyện của chúng mình.

Thời gian trôi và Nhi quen người khác. Có ai như Nghĩa không, đến đón người yêu thấy nàng vui cười bên người khác, lòng vỡ làm trăm mảnh, Nghĩa chạy ra biển gào to: "Em thật sự bỏ quên anh rồi sao Nhi?" Bốn bề không tiếng người vọng lại, chỉ có âm thanh của gió và sóng đang nhí nhảnh xô bờ. Và hình như Nhi quên Nghĩa thật. Trải qua mấy cuộc tình nữa, nay thì Nhi đã đẩy họ vào quá khứ và khoá chặt những ngăn của trái tim.

Nàng bước ngang qua Nghĩa.

- Nhi này! - Nghĩa gọi và Nhi dừng lại - Trong tim em còn có chỗ đứng của anh không?
- Chính em là kẻ phụ tình, em không xứng đáng.
- Chỉ cần em còn một chút tình cảm dành cho anh, hoặc không còn đi chăng nữa chúng ta vẫn có thể làm lại từ đầu.
- Gắn bó với em, anh không sợ sẽ khổ sao?
- Không sao, miễn có em bên anh khổ thế nào anh cũng cam chịu.
- Chàng ngốc ạ, thế thì để em suy nghĩ lại nhé!

Nàng đi qua, Nghĩa nói vọng theo - Khi con tim cô đơn, em nhất định sẽ quay về với anh. Ngày mai anh mua sẵn trái cây cho em nhé!

...Nhi nghe và nụ cười ngọt ngào đầy sức quyến rũ của nàng lại nở trên môi.

Tình yêu đôi lứa là một thứ tình cảm rất mong manh vì không có lý do để ràng buộc.

Cũng chính tình cảm này làm cho con người ta trở nên dại dột, ích kỷ và rất dễ đau khổ. Thế nhưng, nhân loại tự cột mình vào múi gút rối ren đó và ai cũng tưởng thế là hạnh phúc.

HẠ GIÁO

CHUYỆN ĐÊM MƯA

truyện ngắn

PHONG LINH

Thằng con nít cười lấm lem mồ hôi. Tôi không tin nó mới mười bảy tuổi. Thật quá trẻ để có một thân hình vạm vỡ thế này.

Tôi lân la hỏi chuyện nó. Dù sao đêm nay mưa rũ rượi thế này chúng tôi cũng không thể làm việc. Tôi lại càng không thể ngủ được. Mưa khốn nạn thật, đã khiến nỗi buồn, nỗi tủi, nỗi nhớ đua nhau chen lấn ùa về. Thật may thằng Lực vẫn thức. Nó không có cái kiểu ngồi hít hà điếu thuốc lấy khói cho bớt lạnh như tôi. Cái dáng ngồi của nó trông khổ sở quá. Nhìn nó như con chó ướt hết lông, ngồi lẳng lặng bên hiên nhà ngắm cả sân mưa đầm đìa.

Thằng Lực mới dạt đến cái xứ này chừng hai ba tuần. Tôi chả kịp để ý cũng chẳng nhớ được nó giữa một đống khuôn mặt đàn ông nhăn nhúm, khắc khổ ở cái bãi hàng này.

Đêm nay tôi mới tình cờ phát hiện thằng lực cũng ngồi bó gối như tôi.

Cháu mười bảy tuổi rồi. Cháu có bằng tốt nghiệp cấp hai, xong cấp hai với cháu đã là một may mắn. Cháu không định học tiếp cấp ba nhưng bố cháu dùng gậy đánh rồi lôi cả con Trang, thằng Cử ra mà làm gương cho cháu soi. Tại vậy mà cháu đi học. Cháu cũng chăm chỉ lắm. Nhưng mà những còn chữ, những công thức nhất định cả đời này không chịu làm quen với cháu. Cháu cầu xin, đuổi theo thế nào chúng cũng không chịu. Bố mẹ cháu cuối cùng cũng lực bất tòng tâm và chịu thua cuộc thôi. Giấc mộng giàu có nhờ vả vào còn cái như mấy ông hàng xóm của họ cũng tan tành luôn. Chắc vì thế mà bố mẹ chán cháu.

Thằng Lực cười mím môi. Cái điệu cười cam chịu vớ vẩn.

"mưa thê này chắc hết đêm" – Tôi vừa châm điếu thuốc vừa lâm bâm.

"Cháu ghét mưa. Mưa lại phải ngồi không thế này. Những con chữ lại nhảy múa lộn xộn trong đầu cháu. Chúng khiến cháu nhột nhột, khó chịu như kiểu bị kiến bò lên khắp người vậy"

"Có nhớ nhà không"? – Tôi hỏi bất chợt, rồi bỗng thấy câu hỏi thật quá ngu đối với những đứa tha hương như tôi và thằng Lực.

Thằng Lực mím môi mãi mới nói:

"Cha mẹ cháu chẳng biết có đi tìm cháu không? Cháu chẳng làm gì được cho cha mẹ vui đâu"

Nó nói rồi im bặt, cúi đầu nhìn xuống đất. Tôi cũng im lặng theo. Tôi biết nó cũng không muốn nghe tôi nói điều gì.

Im đi một lúc nó mới nói với tôi như vu vơ.

"Ở Lào không có biển thì nước sẽ chảy đi đâu chú nhỉ?"

103 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Tôi bật cười vì câu hỏi ngô nghê của Lực nhưng tôi vẫn trả lời. Câu trả lời cũng vẩn vơ, chẳng giống tôi thường ngày. Mặc kệ. Trời đang mưa mà.

"Nước tháo ra sông rồi ngấm lại xuống đất"

"Lào là nước không có biển, nước Lào vì thế mà khô cằn và ít phát triển. Đó là câu trả lời duy nhất mà cháu còn nhớ. Hôm ấy học về nước Lào, cô Uyên nói cháu có khuôn mặt trông giống người Lào, hiền hiền ngô nghê. Rồi cô bắt cháu đứng lên trả lời bài. Nước nào là nước duy nhất không có biển. Cô cười và nói, "nào chàng trai người Lào hãy cho cô biết"

Từ trước đến giờ không có thầy cô nào để ý đến cháu hết. Cháu đã là một đứa được mặc định là mít đặc trong lớp, không thể đào tạo được, nên không ai muốn mạo hiểm. Thế mà cô gọi cháu. Cô thật biết cách để mạo hiểm mà.

Tất nhiên cháu chẳng biết cái nước quái quỷ nào mà lại không có biển hết. Cháu đứng im. Cô vẫn kiên nhẫn đợi cháu, và kiên nhẫn mỉm cười.

Thằng bạn ngồi bên cạnh cháu lẩm bẩm Lào Lào. Cô đến gần bên cạnh cháu và chờ đợi. Cháu căng thẳng quá đến nỗi phải khổ sở lắm mới phát âm được từ Lào ra thành tiếng.

Cũng lạ lùng thật. Nơi duy nhất ngày ấy, cháu nhớ được trong sách địa lý thì giờ cháu lại đang ở đó.

Gần sáng thằng Lực vẫn không có vẻ gì mệt mỏi. Tôi đã đốt hết gần bao thuốc mà trời vẫn chưa tạnh. Hàng vẫn còn đang chất đống trên xe, ướt át trơ trụi thế kia.

Cháu nghỉ học cũng là khi cô Uyên đi lấy chồng. Hôm đó cháu muốn chạy đến đám cưới của cô chỉ để xem cô có cười dễ thương như khi kiên nhẫn chờ đợi cháu trả lời không?

Khi nhìn thấy cháu, cô vẫy tay hớn hở "Chào chàng trai người Lào"

Cháu chưa gặp người có nụ cười đẹp đến như vậy. Cháu đã vì câu nói "Hãy cố gắng lên" của cô mà cố gắng thật sự, nhưng cháu cố gắng ở đây thôi. Ở nơi đây này chú.

Tôi vừa nghe thằng Lực nói, vừa nghe tiếng mưa ầm ì ngoài kia, vừa tưởng tượng ra vẻ mặt của cô Uyên mà thằng Lực đang nhắc đến. Tôi cũng đã từng có những ngày được nhìn thấy nụ cười hiền dịu đó.

Vợ mày sinh rồi.

Tôi vội vàng ôm quần áo về nhà sau câu nói đó của mẹ.

Vậy là sau mấy năm mong ngóng, chạy thầy chạy thuốc, tôi và vợ đã có một mụn con. Là con trai mới sướng chứ. Cái sướng của thằng đàn ông ba mấy tuổi như tôi lúc ấy cũng chẳng khác nào mấy thằng nhãi nhanh lấy được vợ. Suốt gần một ngày dài ngồi trên chiếc xe ô tô nhồi nhét đầy người, tôi vẫn không thể hết khấp khởi vui mừng, đến nỗi chẳng thể chợp mắt được chút nào.

Từ ngoài ngõ đã nghe thấy tiếng trẻ con khóc rát tai. Tiếng ru khàn khàn "ầu ơ..." ngang phè của mẹ tôi. Tôi chạy vội vào nhà, vứt ngay chiếc túi nhăn nhúm ở cửa nhảy vào nhìn đứa trẻ con trên tay mẹ tôi mà nôn nao.

Tôi đã có con. Tôi đã có con.

Niềm vui thúc giục trong tôi. Vợ tôi chừng như vẫn còn mệt sau những ngày sinh nở. Tôi phải cảm tạ vợ tôi đã cố gắng cùng tôi trong suốt thời gian qua, đã kiên nhẫn đợi tôi, kiên nhẫn cầu thầy khấn phật cùng tôi để có một mụn con.

Trong sự việc vợ tôi đẻ con giai, mẹ tôi là người hớn hở nhất. Mẹ đã có cháu bế. Mẹ đã có thể yên ổn hàng ngày mà nhìn vào bàn thờ của tổ tiên mà không phải hổ thẹn ăn năn nữa.

Cậu con trai tôi kháu lắm. Càng nhìn tôi càng thấy nó giống tôi. Từ mắt mũi miệng, giống sao mà giống thế.

Vợ tôi ngủ li bì, chỉ tỉnh dậy khi phải cho con bú hay phải ăn uống gì đó. Chúng tôi hầu như không nói chuyện với nhau. Tôi cảm thấy cô ấy mệt mỏi. Nhưng những ngày sau tôi bắt đầu lờ mờ nhận ra có điều gì đó bất thường. Vợ tôi dường như không hề muốn nói chuyện với tôi.

Đêm về, thằng bé bắt đầu khóc. Nó khóc suốt đêm khiến vợ tôi phải thức và dỗ dành nó bằng hai bầu vú căng đầy sữa. Tôi cũng thức theo vợ. Tôi im lặng nhìn nàng cho con trai tôi bú. Nàng cúi mặt, mái tóc dài đã búi cao, nhưng vẫn lòa xòa che kín cả mắt.

Khi thằng con bắt đầu thiu thiu ngủ. Tôi hỏi vợ tôi bằng giọng thúc giục.

"Em vẫn còn mệt à?"

Nàng gật đầu.

"Em không vui khi anh ở nhà sao?"

Nàng lắc đầu.

Tôi im lặng. Và nàng nằm xuống cạnh đứa trẻ, mắt lim dim ngủ.

Vài ngày sau, có một người đàn ông lạ mặt đến nhà tôi. Vợ tôi hốt hoảng khi nhìn thấy gã. Gã mặc một bộ đồ lao động đầy vết sờn xung quanh. Khuôn mặt hiện lên những nét dữ dằn đáng sợ, có lẽ do đôi mắt sâu hoẵm và bộ râu rậm rạp lâu ngày không cạo.

Gã chào tôi bằng một giọng nói xấc xược.

"Đứa trẻ này là con tôi"

Gã sồng sộc vào phòng vợ tôi, lại gần chiếc giường nơi con trai tôi đang nằm và nói những từ ấy một cách chậm chạp, rõ ràng.

Tôi nghe rõ từng lời gã nói nhưng đầu tôi ong ong. Khắp người tôi như có một luồng lửa nóng chạy trong người. Tôi túm lấy cổ áo gã vào kéo ra ngoài.

Gã mạnh hơn tôi, nên hắn đã ngay lập tức hất tay tôi ra, và đạp tôi ngã xuống sàn. Tôi nhìn gã, rồi nhìn sang vợ. Mặt nàng đang tái mép đi. Nàng chắp tai lại, hướng về phía gã đàn ông lạ mặt mà vái.

"Tôi xin anh. Tôi xin anh"

Tiếng nàng gào lên thảm thiết. Thằng con trai tôi cũng bắt đầu kêu khóc. Gã túm lấy cổ áo tôi, kéo tôi đứng dậy.

"Lúc nó ngủ với tao nó cũng van xin tao như lúc này đấy. Nhưng không phải nó van tao bỏ nó ra, mà nó van tao hay để nó được sung sướng, để nó được có con. Mày có nghe không"

Gã đàn ông nhìn thẳng vào mắt tôi, nói vào mặt tôi những điều đó như đang phỉ nhổ những bãi nước bọt vào một cái bô đầy rác mà gã khinh bỉ.

Gã bỏ tay ra khỏi áo tôi. Tôi vẫn đứng sững. Tôi đáng lẽ phải tát vào mặt gã, phải thẳng tay đạp gã ra khỏi nhà tôi, nhưng tôi nhìn sang vợ tôi. Ánh mắt khốn khổ của nàng khiến tôi tỉnh ra. Tôi chẳng thể làm được điều đó.

Vợ tôi ôm lấy đứa con, nàng vẫn khóc thảm thiết.

"Tao sẽ bế con tao đi"

"Không được" – Giọng vợ tôi đã lạc hẳn đi.

"Các người cút hết đi. Tao bảo bọn mày cút hết đi"

Tôi không đủ bình tĩnh để nói bất kì điều gì ngoài những từ ngữ bạc bẽo đó.

Vợ tôi quỳ sụp xuống ôm lấy chân tôi.

"Xin anh hãy nghe em giải thích. Em..."

Tôi gỡ tay nàng khỏi chân tôi và lùi lại phía sau khiến toàn thân đang cúi gập người của nàng ngã đổ về phía trước. Gã đàn ông túm nàng đứng lên.

"Cô đi theo tôi, hoặc tôi sẽ mang đứa con này đi một mình"

"Xin anh, xin anh ... tôi xin anh hãy cho tôi thời gian"

Gã nhìn tôi. Gã nhìn nàng. Gã đặt đứa trẻ xuống giường.

"Nó là con của tao, nên tôi phải có quyền làm bố nó. Mày nên về ở với tao. Mày sẽ có chồng, có con. Chứ không phải lấy một thằng chồng bất lực, vô sinh rồi biền biệt đi như vậy"

Gã vừa nói, vừa cười, vừa bước đi. Gã ra đến cổng, tôi vẫn còn nghe thấy giọng gã cười sang sang man dại ngay bên cạnh.

"Em có lỗi với anh"

"Cô nên cuốn xéo theo thằng đấy ngay lúc nãy"

Nàng nhìn tôi rưng rưng. Tiếng khóc của đứa trẻ con ngay bên cạnh lúc này lại khiến tôi thấy ghê tởm. Một sự sỉ nhục vô cùng. Tôi chán tất thảy mọi điều. Tôi là thằng đàn ông bất lực, cái câu nói của gã đàn ông kia vang lên mạch lạc trong đầu tôi. Tôi là thằng đàn ông bất lực.

"Tôi phải giải thoát cho cô lâu rồi mới đúng"

"Không, anh đừng nói thế. Em thực sự muốn có con với anh, nhưng không thể... Em, ..chỉ muốn có một đứa con. Em không phải có ham muốn gì khác mà tội cho em... Em chỉ muốn có một đứa con". từng lời nói của nàng bị đứt gãy vì tiếng nấc càng lúc càng to.

Tôi nhìn nàng bằng ánh mắt căm giận. Tôi không thể nào tha thứ cho nàng về sự phản bội quá nhục nhã này. Một vài người hàng xóm đã lên tiếng xì xào. Mẹ tôi như người đã chết khi biết tin này.

"Cô hãy đi theo gã đi, đó mới là cha của con cô"

Tôi nói thế rồi lạnh lùng bước đi.

Nàng đi thật. Nàng đi luôn trong đêm hôm ấy. Nàng đã đi theo gã.

Mẹ tôi than ngắn thở dài, nói vài câu với những người hàng xóm đến an ủi "Đàn bà thời này

chúng nó thế cả. Chồng cứ đi làm xa là thế nào cũng có chuyện"

Tôi nghe mà cay đắng trong lòng. "Đà bà là giống gì. Đà bà là giống gì". Tôi đã không còn gì. Bỗng chốc niềm vui ấy lại hóa thành sự bất hạnh trắng tay. Trước kia tôi không có con nhưng vẫn có vợ. Tôi vẫn có nơi để mà mơ về. Giờ đây, tôi trắng tay rồi.

Ngay sau ngày vợ tôi bỏ đi, tôi cũng đi ngay. Tôi phải đi. Tôi không muốn ngày ngày nghe tiếng than thở, trách móc, giận dỗi của mẹ tôi. Tôi cũng không chịu được những xót thương ai oán sẻ chia của hàng xóm dành cho mình.

Mẹ tôi than thở, trách móc khi tôi vác túi xách ra đi. Tôi để mẹ về với chị cả rồi khóa cửa mà đi. Căn nhà im lìm. Tôi vẫn nghe văng vẳng tiếng khóc nức nở của con nít đâu đây khi bước ra đi.

Tôi vẫn ngày ngày làm bốc xếp ở bến cảng, bến xe. Thỉnh thoảng để giải quyết những sầu muộn, uất ức trong lòng, tôi vẫn theo những người đàn ông ở đây đi tìm vài cô em. Cứ thế, tôi quên phắt những chuyện trước đây như nhổ đi một ngụm rượu đắng trong miệng.

Tôi hỉ hả trong nỗi cô đơn của mình. Hàng tháng tôi chẳng cần phải lo gửi tiền về cho vợ để lo bữa sớm bữa trưa nữa. Làm được bao nhiêu, tôi tiêu sạch.

Vài năm tôi đi biền biền, mặc cho mẹ già khóc lóc. Bỗng một ngày chị tôi gọi điện lên thút thít nói:

"Vợ mày..."

Mới nghe chị nói hai từ đó, tôi đã gắt "Tôi có vợ nào"

"Nó không về với thằng đàn ông kia. Mày đi được mấy hôm thì thằng đấy đến đòi con nữa. Nó chửi bới hết xóm làng khi biết vợ mày đã bỏ đi"

Tôi có ngỡ ngàng nhưng vẫn nói ngay:

"Đã hai năm rồi, chắc cô ta đã quay về với gã"

"Không, chị đã định giấu mày. Suốt hai năm chị cũng quên mất chuyện gã đến đây, nhưng mới cách đây mấy ngày, gã tìm đến nói muốn gặp con lần cuối. Gã bị bệnh không sống nổi nữa. Gã đã đi tìm những không tìm được. Gã nói,..."

"Nói gì?"

"Nhờ mày đi tìm"

"Nhờ tôi. Tôi..."

Tôi không nói được thêm gì nữa, buông ống nghe ngay lúc đó. Câu chuyện của ngày ấy ùa về nôn nao. Vợ tôi, đứa con trai của tôi trong mấy ngày. Tôi giật mình như nghe tiếng khóc xung quanh nó.

Tôi như kẻ mất hồn. Tôi về những vùng lân cận quê tôi để tìm nàng. Tôi nghĩ ngày đó nàng chỉ có một thân một mình thì biết đi đâu được xa. Tôi cứ thế đi qua hết làng này đến làng khác một cách vô vọng. Có nhiều khi dừng lại trên đường, tôi cũng không hiểu tại sao tôi phải tìm nàng và đứa trẻ. Nàng đã phản bội tôi, còn đứa bé, nó không phải là con tôi. Nhưng cứ mỗi khi nghĩ đến điều đó, tôi lại không thể thoát khỏi sự đau đớn dày vò trong lòng. Nàng đã làm vợ tôi hơn mười năm, nàng đã đối với tôi thủy chung bền bỉ thể nào suốt mười năm ấy. Nàng đã là vợ tôi.

Trong cơn tuyệt vọng và chán chường, tôi về lại vùng giáp biên giới nghèo xơ xác của nàng. Tôi nhớ loáng thoáng trong đầu có lần nàng kể với tôi về nơi ấy. Nơi cha mẹ nàng đã chết vì bị lũ cuốn trôi, còn nàng trở thành đứa trẻ biết bươn chải nơi thành thị từ những năm mười hai mười ba tuổi. Nàng có về nơi ấy không. Rồi nếu tôi có cơ hội tìm được nàng, tôi sẽ biết phải nói với nàng những điều gì đây. Tôi có thể tha thứ cho nàng hay không.

Gần về sáng trời chỉ còn chút mưa lác đác.

Thằng Lực lấy tay vò vò điếu thuốc dở. Mắt nó lim dim nhìn ra bên ngoài.

"Hết mưa rồi" – Thằng Lực đứng dậy, bước vào bên trong lều.

"Cháu đi đánh thức họ dậy"

Tôi vẫn ngồi lại bên ngoài mà không dứt nổi những suy nghĩ miên man. Năm này qua năm kia, mưa ở cái đất này vẫn chẳng khác đi. Tôi đã ở yên chỗ này bao lâu, nhưng nàng tưởng như mãi sẽ không bao giờ về mà đáp lại sự mỏi mòn của tôi.

Con trai tôi, tiếng nó khóc vẫn còn vang xung quanh tôi. Giờ này nó có đang yên giấc ngủ, hay cũng tha phương ở một nơi nào đó như thằng Lực.

Có khi nào nó lẽo đẽo theo mẹ và hỏi về cha....

Tiếng người lục đục kéo nhau dậy. Từng xe hàng còn đang nối đuôi nhau đợi ngoài kia.

PHONG LINH

106 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

KIÊM THÊM

CHÚT TRẦM HƯƠNG XƯA

nhà ai buổi cơm chiều
khói bay màu hổ phách
lòng tôi chợt tiêu điều
đường nào về cố lý

nhà ai vui sum vầy
tôi nỗi niềm ly khách
chân bước đã xiêu xiêu
tìm khói bay trừ tịch

đây chút của men say
uống đi ngày đã hết
quê nhà ngoài tầm tay
khói hương ai nhen nhúm

ruộng đồng em có cấy
hạt mạ vẫn đơm bông
con trâu già khập khiễng
em mục đồng sáo bay

gởi cho anh hạt lúa
gieo thử xuống quê người
chiêu hồn đời đã mất
tuy niệm thuở thanh xuân

hạt lúa không nẩy mầm
bởi quá nhiều cay đắng
nuốt ngậm ngùi trong tim
ôi một đời lưu lạc

107 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

có thấy áo ai bay
cô láng giếng e ấp
tiếc không nói cùng nhau
khi tuổi xuân còn có

con đường thơm bóng cây
ngọn ngô đồng đầu ngỏ
đường làng khúc khuỷu đi
tuổi thơ cùng anh chị

em gái ngoan anh thương
tưới dùm anh ngọn cỏ
hoa dại ở ven đường
thăm dùm anh chú nghé

hương cỏ may còn thơm
bò vàng còn ngậm lúa
hiên tây cây hoàng lan
còn thơm mùi dĩ vãng

có thấy áo ai bay
cô láng giếng e ấp
tiếc không nói cùng nhau
khi tuổi xuân còn có

đường mòn thơm dấu chân
của người em đầu ngõ
hàng tre có còn xanh
như khi ngày ly biệt

quê nhà xa mù tắp
ai nhan chút trần hương
để cuộc đời lữ thứ
lòng yên đời quạnh hiu

tôi là kẻ ly khách
rượu tiễn còn nồng say
chút giao mùa cảm tác
khói chiều rưng rưng bay

KIÊM THÊM

108 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

AO LÀNG TRONG VẮT

truyện ngắn

VŨ ĐẢM

Ao làng nằm ở đầu làng, cạnh con đường chính của làng. Ao rộng và sâu, chỗ nông nhất người lớn lội cũng ngập đến bụng. Nước ao trong vắt, là nguồn nước ăn của dân làng, là môi trường sống bình yên của lũ tôm, cua, cá. Ao còn là nơi thoát nước về mùa mưa, là lá phổi khổng lồ điều hoà khí hậu về mùa hè để cho làng thêm trong lành, mát mẻ. Vào ngày hội làng, chín cô thiếu nữ được tuyển chọn với những tiêu chuẩn hết sức khắt khe, xinh nhất làng và đặc biệt phải còn trong trắng, đội chín bình nước lấy ở ao làng vừa đi vừa múa đến đền Thành hoàng để các cụ tắm rửa cho Thành hoàng. Thành hoàng là một viên tiểu tướng, trong một trận đánh giặc Minh, đạo quân của ông bị quân giặc đánh bại, không để rơi vào tay giặc, ông đã trầm mình xuống ao làng. Quá căm thù ông vì đã chỉ huy quân lính anh dũng đánh trả làm cho quân giặc chết rất nhiều nên tên tướng giặc đã xua quân lính xuống ao mò xác ông, hòng vớt lên băm nát để trả thù nhưng mò tìm mãi chẳng thấy. Tên tướng giặc tức giận nhảy ùm xuống ao, tiếp tục hò hét bọn lính mò tìm bằng được xác ông; đang lặn ngụp, bỗng tên tướng bơi nhanh vào bờ, ôm cổ kêu rống lên, thì ra một con cua càng to tướng đã cắp đúng vào yết hầu của tên tướng. Bọn giặc cho rằng ao làng có ma nên sợ hãi bơi hết vào bờ. Khi bọn giặc vừa đi khỏi làng, xác ông nổi lên, gió đưa bồng bềnh như thể một người đang bơi ngửa. Dân làng vớt xác ông lên, khâm liệm, làm đám ma linh đình và chôn ông ngay trên mảnh đất hình thang ở cạnh ao làng. Cũng từ đấy, ao làng có một đặc điểm kỳ lạ pha chút huyền bí là rất nhiều cua. Đi trên đường, người ta có thể nhìn thấy những con cua càng to, mình đen bóng bò lổm ngổm trên các đám bèo, cành sen hay bụi cỏ mọc quanh bờ ao. Vào những trưa hè nóng nực, người ta còn thấy vô số con cua bò lên mặt đường làng, giương đôi mắt đen bóng nhìn đất, ngắm trời.

Ngày tôi còn là trẻ trâu thì chị Xuyến đã là một thiếu nữ xinh đẹp. Chị, mặt trái xoan, dáng thắt đáy lưng ong, da trắng, đặc biệt chị có mái tóc đen dài chấm gót. Mỗi lần gội đầu, chị đều phải

nhờ thêm một người nữa phụ giúp. Chị là niềm tự hào, kiêu hãnh của làng. ở làng, từ người già đến lũ trẻ trâu chúng tôi không ai là không yêu mến chị; chị không chỉ đẹp người mà còn đẹp nết. Riêng tôi, tôi ngưỡng mộ chị đến độ thầm nhủ lớn lên nhất định sẽ bảo mẹ đến hỏi chị làm vợ! Tất nhiên tôi chẳng bao giờ thực hiện được ý định ngu ngốc của mình cho dù chị có trẻ mãi không già, đơn giản là vì chị không quan tâm đến chuyện chồng con.

Chị Xuyến bán bún riêu cua ở chợ làng, mỗi lần theo mẹ đi chợ, tôi đều bắt mẹ dẫn lại hàng chị ăn bún. Bún riêu của chị ngon, rẻ nên rất đông khách. Tôi vừa ăn vừa ngắm chị. Một lần mải mê ngắm chị, tôi đánh rơi bát bún xuống chân, bị bỏng mất mười hai ngày mới khỏi. Mẹ tôi sợ quá không cho tôi ăn bún nữa nhưng khi có ai cho tiền, tôi đều lén mẹ ra hàng chị ăn bún. Sau này, khi đã sống ở thành phố, mỗi lần về quê, tôi đều không quên ra hàng chị làm một tô bún riêu. Một dạo tôi đưa cô vợ mới cưới người Hà Nội về quê và hùng hồn bảo sẽ chiêu đãi nàng một món ăn đặc sản cả nước này, cả thế giới này chỉ làng tôi mới có! Tôi đưa vợ ra chợ làng, vào hàng bún riêu của chị Xuyến gọi hai tô. Nhìn thấy vợ chồng tôi, chị Xuyến mỉm cười bảo tôi dẫn vợ về trình làng đấy à? Tôi đáp vâng, kèm theo một câu nói đùa, không phải dẫn về trình làng mà dẫn về để thưởng thức món bún đặc sản của chị! Chị khen vợ tôi trông xinh và phúc hậu. Lời khen của chị làm mũi tôi phồng lên, nhưng nếu làm phép so sánh với chị, cùng lắm vợ tôi chỉ bằng bốn phần mười thời con gái của chị. Bây giờ chị đã đứng tuổi, mặt có nếp nhăn, duy chỉ có mái tóc của chị vẫn đen và dài. Tôi thấy chị vẫn đẹp, đẹp như ngày nào tôi muốn cưới chị làm vợ! Trong lúc ăn, một ý nghĩ vớ vẩn, hết sức thô tục đến với tôi. Tôi nghĩ, chị đã hơn bốn mươi tuổi, chị vẫn chưa chồng, không biết chị có còn trinh không? Mặt tôi đỏ rực lên, tôi đưa mắt nhìn chị, bắt gặp ở chị một ánh mắt dịu dàng, ấm áp. Chị không biết được ý nghĩ của tôi. Song tôi cảm thấy mình mắc tội lớn với chị. Tôi xuất thân từ một người nông dân, tôi sinh ra ở làng, lẽ nào tôi lại không tin những người dân quê!

Ăn bún xong, tôi móc túi, lấy tiền trả chị, chị gạt tay tôi không nhận, chị bảo chị chiêu đãi người thành phố. Tôi hiểu tấm lòng chân thành của chị nên cất tiền đi. Một điều có thể chị không nghĩ đến nhưng tôi rất lấy làm hãnh diện, hành động của chị đã làm đẹp mặt tôi trước cô vợ mới cưới, như ngầm bảo với nàng rằng tôi là kẻ được người làng trọng nể! Khi chúng tôi ra về, chị dặn nếu rảnh rỗi đưa vợ đến nhà chị chơi. Tôi cám ơn chị rồi đưa vợ về nhà. Trên đường đi, vợ tôi bảo có phải món bún riêu vừa ăn đó là đặc sản cả nước, cả thế giới chỉ ở làng mới có đó phải không? Tôi đáp, phải. Vợ tôi cười phá lên, bảo tưởng gì chứ bún riêu ở thành phố có mà đầy rẫy. Ngực tôi nhói đau, tôi suýt cho nàng một một lời mỉa mai, nhưng chợt nghĩ, nàng là người thành phố, nàng không sinh ra ở làng quê, nên không thể hiểu được những người dân quê. Trong mỗi bát bún riêu, ngoài công sức của chị, còn chứa đựng những giá trị không thể quy ra bằng tiền bạc.

Năm chị hai mươi tuổi, mẹ chị bị liệt nửa người, hàng ngày chị phải ra ao làng mò cua đem ra chợ bán, lấy tiền nuôi gia đình, thuốc thang cho mẹ. Cua quá rẻ vì nhiều người bán. Chị nghĩ cách lên thị xã học làm bún riêu rồi mở hàng bán bún riêu ở chợ làng. Những ngày đầu mở hàng, chị gặp khá nhiều phiền toái. Bấy giờ huyện là lá cờ đầu của toàn tỉnh trong việc tập thể hoá, mọi cái đều là tập thể, hợp tác xã nên chính quyền không muốn cho chị mở quán bán bún riêu nhưng cảnh ngộ gia đình túng bấn, cha ở mặt trận, hai em đang đi học. Xã họp bàn, xin ý kiến huyện mãi, chị mới được mở hàng. Tuy vậy thỉnh thoảng xã vẫn cho người đến kiểm tra xem có đúng là chị dùng tiền lãi vào việc đong gạo, mua thuốc cho mẹ không! Họ sợ chị tích luỹ, làm giàu để trở thành Tư bản! Những ngày còn được mẹ cho đến hàng chị ăn bún riêu, tôi đều thấy anh Thương giúp chị gánh bún, rửa bát. Anh Thương ở cuối làng, không có họ hàng thân thích gì với nhà chị, lại đến giúp chị, tôi thấy lạ quá liền hỏi mẹ. Mẹ tôi bảo anh Thương mồ côi cả cha lẫn mẹ, anh sống với bà nội, năm ngoái bà anh chết, thương anh bơ vơ, chị đưa anh về nhà ở. Anh Thương người cao to, đẹp trai, nước da màu đồng thau đỏ au, đôi mắt lúc nào cũng u buồn như chực khóc. Gánh bún, rửa bát cho chị được ba năm, anh Thương được một người chú họ đưa lên thành phố làm nghề bốc vác. Con gái ông giám đốc phải lòng anh. Năm sau anh cưới vợ, chuyển ngành. Không hiểu do bận mải công tác hay do mặc cảm về thân phận hồi nhỏ mà không thấy anh về làng cũng chẳng thấy thư từ gì. Anh Thương đi, hai người em thay nhau giúp chị làm công việc của anh Thương. Được bốn năm họ cũng lần lượt ra đi, cô em gái lấy chồng còn cậu út ra trận. Ngày tiễn con trai lên đường, mẹ bảo chị:

- Bệnh tình của mẹ đã khỏi, các em đều trưởng thành, chữ hiếu như vậy con đã làm trọn, giờ con hãy nghĩ đến chuyện chồng con đi!

- Đàn ông nhà ta đều ra trận, con phải thay cha, thay các em phụng dưỡng mẹ. Ngày cha ra đi, mẹ hứa với con, mẹ sẽ cho con ở nhà với mẹ suốt đời, lẽ nào mẹ đã quên!

Nói xong, chị muốn ôm chầm lấy mẹ, van mẹ đừng bao giờ nhắc đến chuyện chồng con của chị nữa. Mẹ chị rơm rớm nước mắt, bà đâu ngờ lời hứa vu vơ của mình với đứa con gái đầu lòng năm chị mười bốn tuổi, bây giờ bà phải buộc lòng thực hiện. Lời hứa, bà nói với chị vào ngày bà tiễn chồng ra trận. Khi chồng bà vừa ra khỏi nhà, chị lao vào ôm chặt lấy cha, kêu khóc không cho cha đi. Bà đã phải dỗ dành chị mãi, lúc sau chị mới buông chân cha. Nắm chặt tay mẹ, chị bắt bà phải hứa, nếu chị cho cha đi, bà sẽ cho chị ở nhà nuôi mẹ, chị không phải đi lấy chồng. Bà biết tính chị, mỗi lần bà nói mua cho chị cái gì hay cho chị đi chơi, chị đều bắt bà hứa và thực hiện bằng được nên khi nghe chị nói, bà đã hứa, một lời hứa cốt để cho chị bằng lòng để chồng đi đỡ khỏi vương vấn. Lời hứa ấy bà quên ngay sau đó nhưng chị đã không quên. Từ năm mười bảy tuổi đến nay, chị đã nhắc lại nó hàng trăm lần mỗi khi mẹ giục chị đi lấy chồng.

Những người đàn bà có chồng con ra trận đều chung một niềm mong ước, chiến tranh sớm kết thúc để họ được sống xum vầy với chồng con. Mẹ chị cũng là người đàn bà trong số ấy nhưng nỗi mong ước của mẹ chị còn thêm một phần nữa, ngoài việc đoàn tụ, còn chuyện chồng con của chị. Khi những người đàn ông trong nhà đã khoác balô trở về, chị sẽ không còn lý do để từ chối chuyện chồng con. Chị tuy đã nhiều tuổi nhưng chị vẫn đẹp, vẫn có nhiều người khao khát được làm chồng chị. Tối nào mẹ chị cũng chống gậy lần mò sang nhà ông Trưởng để nghe đài bán dẫn. Đến nhà, vừa thấy ông, mẹ chị đã hỏi ngay: "Chiến tranh đã sắp xong chưa hả ông?". Ông Trưởng vặn to chiếc đài, gân cổ trả lời mẹ chị bằng cái giọng thuốc lào khàn khàn: "Sắp xong rồi, ta đang thắng nhớn". Mẹ chị tựa chiếc gậy vào tường, ngồi xuống giường, nghiêng đầu về phía chiếc đài đặt trên bàn, lắng nghe chương trình thời sự. Hơn tám giờ mẹ chị mới về. Thấy chị đang làm cua ở dưới bếp, bà không nói gì, chỉ đứng nhìn chị một lúc rồi lộc cộc lê đôi guốc lên nhà. Buông chiếc màn thô nhuộm nâu, mẹ chị lên giường nằm, nghĩ về những người đàn ông ra trận và những người đàn bà ở làng quê. Những người đàn ông ra trận, phải đối mặt với bom đạn, trực diện với cái chết. Còn những người đàn bà ở quê, phải đối mặt với cái chết vô hình, ấy là sức lực tràn trề của tuổi thanh xuân luôn khát khao được ái ân với chồng nhưng đêm đêm phải chết mòn trong tiếng thở dài mong đợi. "Chiến tranh thật là khủng khiếp!". Vào cái đêm cuối cùng của chiến tranh, mẹ chị đã thốt lên như vậy sau khi nghĩ về những người đàn ông ra trận và những người đàn bà ở làng quê, rồi mẹ chịu lặng lẽ ra đi. Sau cái chết của mẹ, tóc chị bạc và rụng đi rất nhiều. Chị tìm mọi cách để cứu vớt mái tóc dài bấm gót của mình mà chẳng thể cứu được. Mỗi lần chị chải đầu, từng nắm tóc tuột ra cuốn chặt lấy lược. Một tháng mười chín ngày, đúng bốn mươi chín ngày mẹ, tóc chị thôi rụng. Mái tóc dài mượt mà ngày nào của chị bây giờ chỉ còn lưng lửng ngang lưng. Người làng quá quen thuộc hình ảnh chị ngồi hong tóc trên chiếc sào dưới bóng cây mít, nay không còn thấy nữa, ai cũng thấy ngẩn ngơ như vừa mất đi một vật gì quý giá. Con bé Hằng cạnh nhà mà chị thường nhờ phụ giúp gội đầu, đã khóc sưng mắt khi thấy mái tóc ngắn ngủn của chị. Chị đã phải động viên, an ủi nó, rằng mái tóc của chị thương xót mẹ nên rụng đi ít hôm, chỉ vài ba bữa nữa nó lại đen, lại dài ra. Khóc nhiều, tóc thương nhớ mẹ sẽ không dài ra nữa. Con bé tưởng thật, thôi không khóc nữa, bắt chị cho nó mớ tóc rụng, hàng ngày trải ra giường, buộc chặt một đầu, ngồi tết tóc đuôi sam. Ngay cả tôi, khi ra hàng chị ăn bún riêu, nhìn tóc chị, nước mắt tôi cũng đã nhỏ xuống cả bát bún. Mái tóc chị đã một lần cứu sống tôi và thằng Tý khi chúng tôi còn là những đứa trẻ trâu. Đó là những ngày hè lộng gió, chúng tôi ngồi vắt vẻo trên lưng trâu từ cánh đồng về nhà, bắt gặp chị đi ngang qua ao làng thì thôi rồi, cho dù cả lũ chúng tôi có đang chí choé cãi nhau về vấn đề gì cũng đều im bặt, phóng mắt nhìn vào sau lưng chị. Từ đấy, một làn tóc đang chấp chới bay trong gió, lúc lên cao, lúc sà xuống, khi tụm thành một dải dài, khi xoè ra như một chiếc quạt giấy khổng lồ. Cũng một chiều hè, khi lũ chúng tôi đang "ngự" trên lưng trâu ngắm làn tóc chị bay trong gió thì đột nhiên thằng Tý cưỡi con trâu đi đầu, người cao kều như cái sào chị hay hong tóc, bị con ve trâu đốt ở sau lưng, giơ tay vỗ trượt, mất đà lăn tõm xuống ao làng. Tôi bị mái tóc của chị làm mê mẩn nên không kịp nghĩ đoạn ao này rất sâu. Từ lưng trâu, tôi nhảy xuống ao, định thực hiện một hành động nghĩa hiệp, cứu thằng Tý. Nhưng hỡi ôi lúc xuống ao rồi, tôi chẳng biết Tý với Tẹo gì nữa mà chỉ thấy toàn nước là nước ồng ộc chảy vào mồm mình. Khi chúng tôi sắp bị Hà

bá nhấn chìm thì tay chúng tôi quờ quặng được một đám dây rợ lùng nhùng. Đám dây rợ cứu sống chúng tôi chính là mái tóc của chị Xuyến. Chị đã nhảy xuống ao, nước sâu ngập đầu, chị bám vào một rễ cây, nhúng ướt mái tóc của chị, quăng về phía chúng tôi. Chẳng biết có phải do ngưỡng mộ mái tóc dài của chị hay để trả ơn mái tóc chị đã cứu sống mình mà thằng Tý đã thề sống chết với chúng tôi, nhất khoát sau này lấy vợ, nó sẽ chọn một cô có tóc dài. Lời thề sống chết này, thằng Tý thực hiện một cách triệt để. Ngày nó rục rịch chuẩn bị ra trận, mẹ nó muốn nó cưới cấp tốc một cô vợ nhưng dẫn đi xem mặt mấy đám, thằng Tý đều lắc đầu chỉ vì mấy cô tuy xinh xinh đấy nhưng tóc lại ngắn ngủn ngang lưng! Thằng Tý ra đi, người mẹ ở nhà đi khắp các làng lân cận tìm một người con gái tóc dài dâm trước cho nó. Tìm mãi mới được một người con gái tóc dài, tất nhiên chẳng thể sánh được với tóc của chị Xuyến, dù sao chỉ dài đến đầu gối chân cũng là lý tưởng lắm rồi. Người mẹ sung sướng biên thư báo tin mừng cho con, thư gửi hôm trước, hôm sau nhận được giấy báo tử của thằng Tý.

Chiến tranh kết thúc, hai người đàn ông nhà chị ra trận chỉ có một người trở về, người ấy là cha chị. Ông đeo huân chương, ông là thương binh, là anh hùng. Mất hai ngày chống nạng đi thăm hỏi bà con trong làng, ngày thứ ba ông mới có thời gian trò chuyện với chị. Ông bảo:

- Ở chiến trường, cha đã biết tất cả, mẹ viết thư nói hết với cha. Bây giờ cha đã về, con tính sao?

Nhìn cha với ánh mắt cầu khẩn, chị đáp:

- Mẹ đã mất, em đã hy sinh, con chỉ xin cha cho con ở nhà để phụng dưỡng cha.

Cha chị không nói gì, ông thấu hiểu được tấm lòng của con gái, người mà ông không những yêu mến mà còn cảm phục. Chị đã thay ông làm trụ cột gia đình. Chị là điểm tựa tinh thần to lớn của ông. Ông thường nói với đồng đội, sở dĩ ông lập được nhiều chiến công, trở thành anh hùng là do ông có một hậu phương vững chắc. Hậu phương ấy chính là "thằng con trai" đầu lòng của ông! ước nguyện của chị là vậy, vợ ông và cả ông đều không muốn, nhưng ông làm sao có thể ngăn cấm được khi mà vào tuổi mười bốn, cái tuổi còn non trẻ, chị đã quyết chí suốt một đời tôn thờ chữ hiếu. Từ đôi mắt nâu của ông, hai giọt nước mắt lặng lẽ rơi xuống. Chị chạy ra sân lấy khăn mặt lau nước mắt cho cha.

- Cha là anh hùng, sao cha lại khóc? – Chị nói, mắt chớp mấy cái, cố kìm nén không cho nước mắt của mình trào ra. Nắm chặt bàn tay chị, cha chị bảo:

- Cha sinh ra con, con sinh ra sự anh hùng của cha, con cũng là anh hùng!

Chị đưa mắt nhìn cha, cảm thấy mình vẫn nhỏ bé như ngày nào sà vào lòng cha bắt ông kể lại câu chuyện dìm chết tên quan ba Pháp ở ao làng. Chuyện này xảy ra vào hồi quân Pháp còn đóng quân ở bốt Cầu Kè cạnh ao làng. Tên quan ba khét tiếng tàn ác, thường bắt cóc những cô gái đẹp trong làng đưa về bốt để hãm hiếp. Đội du kích giao nhiệm vụ cho cha chị tìm cách trừ khử hắn. Biết được tên quan ba có thói quen tắm truồng ở cầu ao làng vào những buổi tối mùa hè, đêm đêm cha chị ra con sông ở ngoài đồng tập dượt. Một đêm, gần sáng trời nổi cơn dông tối đen mù mịt, cha chị lần ra ao làng, núp mình dưới một đám bèo tây, ăn cơm nắm gói trong túi bóng, uống nước ao, đợi đến chập tối tên quan ba ra tắm, ông lặn lại cầu ao cầm chân lôi tuột hắn ra giữa ao. Bọn lính gác trên bờ không dám bắn vì sợ trúng tên quan ba, chúng chạy về bốt lấy thuyền con ra cứu, ra được đến nơi thì tên quan chỉ còn là cái xác không hồn. Còn cha chị đã bơi qua bên kia trốn thoát.

Cởi bỏ bộ quần áo anh hùng, cha chị lại trở về với cuộc sống của một người nông dân. Tối tối, ông ngồi bên ngọn đèn kêu gạch cua giúp chị. Công việc này, ông làm một cách viên mãn. Những con cua ở ao làng chẳng những đã cứu giúp gia đình ông mà còn cứu thoát cả làng khỏi nạn đói năm ất Dậu. Cảnh tượng hàng trăm người, hình hài chỉ là bộ xương bọc da, quần áo tơi tả, lặn ngụp xuống ao làng mò cua, bắt được con nào cho vào mồm nhai ngấu nghiến, mãi mãi còn ghi dấu ấn trong tâm trí ông. Ông thấy đất nước này thật kỳ lạ, ngay cả đến những cái ao làng khiêm nhường cũng tạo nên sự vĩ đại của dân tộc và trong ông đã xuất hiện một ý tưởng, đề nghị Sở Văn hoá- thông tin cấp bằng di tích Lịch sử- văn hoá cho ao làng ông. Một ý tưởng đầy nhân văn, hướng về quá khứ của ông suýt nữa thì bị phá sản bởi sự trở về của Thương. Cuộc tìm về cuội nguồn đột ngột của Thương theo mệnh lệnh của vợ sau khi thị đi xem bói về

mồ mả gia đình chồng, đã gây xáo động to lớn cho làng bằng việc lấp ao làng. Chả là trong chuyến về cố hương này, Thương có đến thăm ủy ban xã, thấy trụ sở làm việc chỉ là nhà mái ngói cũ kỹ, Thương bảo:

- Uỷ ban xã là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của làng mà ọp ẹp thế này thì làm sao thể hiện được quyền lực với dân!

Chủ tịch xã Kiện kính cẩn nói với Thương không có kinh phí. Thương phẩy tay:

- Làm tờ trình đi, tôi sẽ ký duyệt. Quê hương thì phải ưu đãi chứ!

Và cái phẩy tay của Thương đã biến ngôi nhà ngói cấp bốn thành ngôi nhà ba tầng uy nghi lộng lẫy. Trước ngày khánh thành, đích thân chủ tịch xã mang một tạ gạo tám thơm, một tạ gạo nếp, nửa tạ gà lên thành phố, gọi là có chút quà quê hương tạ lễ và mời Thương về cắt băng khánh thành, tiện thể dự hội làng luôn cho tăng phần long trọng. Vợ Thương nhất định không cho chồng về. Gạn hỏi mãi, vợ Thương mới tiết lộ, gần đây có nằm mơ thấy xe ô tô của Thương bị lao xuống ao làng, cả hai vợ chồng đều chết đuối. Nghe vừa dứt lời, Kiện hồ hởi bảo.

- Chị yên tâm, em sẽ cho dân làng ra đứng dọc bên đường tiếp giáp với ao làng làm cột mốc.

Vợ Thương vẫn không bằng lòng với biện pháp có một không hai này của Kiện, bảo lần này còn lần khác, chả nhẽ sau này, mỗi lần về thăm quê, hương khói cho các cụ lại bắt dân ra đường làm cột mốc!

Kiện lấy làm buồn lắm, Thương không về nữa có nghĩa là các khoản ưu đãi không còn, sẽ chẳng còn cái để chấm mút. Nguyên nhân chỉ là cái ao làng, thật vớ vẩn, tại sao lại không lấp quách nó đi biến thành đất mặt đường đem bán cho dân. Đất đang lên cơn sốt, đấy cũng là khoản kiếm ăn, làm giàu được. Còn nước tắm cho Thành hoàng, chỉ cần xây một cái giếng là thừa thãi. Vui mừng vì tìm ra được giải pháp tốt đẹp, Kiện thấy người mát mẻ, khoan khoái như ngày còn là trẻ trâu ra tắm truồng ở cầu ao làng được xây dựng bằng những phiếm đá phẳng lì. Kiện tức tốc trở về quê để thực thi ngay cái sáng kiến đã được vợ chồng Thương nhiệt liệt tán thành. Nó không những xoá bỏ hoàn toàn nỗi lo chết đuối của vợ Thương mà còn giúp Thương xoá bỏ được tận gốc hình ảnh ngày nào Thương gánh bún, rửa bát cho chị Xuyến. Ngày thương về làng, những người nông dân chuyện trò với nhau, họ bảo: " ồ, có ai ngờ cái thằng Thương ngày xưa vẫn đi chân đất, gánh bún, rửa bát cho con Xuyến bây giờ lại làm to đến thế !". Đó là lời khen chất phát của dân làng, muốn ca ngợi chí tiến thủ của Thương nhưng Thương lại cho đó là một sự xúc phạm! Vì thế khi nghe sáng kiến tuyệt vời của Kiện sẽ lấp ao làng để cho tư nhân thuê mặt bằng, xây quán bán hàng, Thương lại phẩy tay: "Cứ làm tờ trình đi, tôi sẽ ký!".

Ngày khởi công lấp ao làng, xảy ra một hiện tượng lạ chưa từng thấy, hàng đàn cua chen chúc nhau leo lên bờ. Người làng đổ ra xem rất đông. Đám thanh niên bảo chúng chạy trốn cái chết còn người già bảo hình như chúng muốn gửi đến con người một thông điệp gì đó thì phải? Gần một trăm nhân công được huy động để chở đất lấp ao nhìn thấy cảnh tượng này đều sợ hãi ,không ai dám là người hất xẻng đất đầu tiên xuống ao. Hò hét mãi chẳng được, chủ tịch Kiện tức giận, cởi phăng quần áo dài; trong bộ trang phục quần đùi, áo may ô, Kiện phăm phăm đi đến bên đống đất, giằng lấy xẻng từ tay một thanh niên, xúc đất hất một cái thật mạnh xuống ao. Chả hiểu sao cái xẻng tuột khỏi cán làm Kiện mất đà ngã chúi xuống ao. Sau khi uống no một bụng nước, Kiện được mọi người cứu đưa lên bờ. Bỗng Kiện ôm bộ hạ kêu rống lên. Người ta vội vã cởi quần đùi cho Kiện, than ôi cái của quí của Kiện đã gần như sắp lìa ra bởi đôi càng to, khoẻ của một con cua càng đen bóng. Không ai bảo ai, tất cả cán bộ xã và đám nhân công được xã thuê để lấp ao làng đều lủi sạch.

Chủ tịch Kiện đã lên tận Hà Nội để khâu lại cái của quí của mình, chẳng biết nó có lành lặn lại được không nhưng sau này người làng hay nhìn thấy cô vợ trẻ đẹp của Kiện lén lút đến nhà của một gã hoạn lợn; gã khoẻ đến độ một mình bê được cả con lợn nặng gần một tạ đi phăng phăng như mấy bà cắp cái thúng không đi chợ làng.

VŨ ĐẢM

113 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

ĐẾN VỚI MAI CHÂU

VŨ KIÊM NINH

Mai Châu là đâu nhỉ. Những người miền Xuôi chỉ biết có một Mai Châu trong thơ Quang Dũng nồng nàn, no đủ khi đoàn quân Tây Tiến đi qua :

Nhớ ơi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Mai Châu là điểm đầu nơi đoàn quân Tây Tiến đi về phía Tây viết nên một tráng ca còn mãi đến ngày nay đời đời nhắc nhở con em các dân tộc về chiến tích của Trung đoàn 52 Tây Tiến và Đoàn võ trang công tác miền Tây. Bây giờ Mai Châu là một huyện lỵ của tỉnh Hòa Bình, là điểm du lịch văn hóa đang hấp dẫn những tour lữ hành quốc tế và khách nội địa

Qua khỏi thị xã Hòa Bình, xe cần cù bò theo đường số 6 vượt lên rồi lại xuống nào Dốc Má, Cao Phong, Mường Khến, Tân Lạc, lúc thì gập một thị trấn với đủ kiểu kiến trúc nhà đồng bằng, các hàng quán chen nhau phô vẻ đẹp. Lúc thì qua đèo vượt dốc Thung Nhuôi dài 12 km quanh co cao lên, dốc xuống trong xanh thẳm lá rừng, Đã tới đất Mường mà lạ quá sao không trông thấy những cảnh nhà sàn nghèo nát ngày xưa, vùng này thay đổi nhiều lắm

Thị trấn Tòng Đậu cách Hà Nội 135 có nhiều ngôi nhà của các co quan xây cao, xen lẫn trong đó có một tấm biển quảng cáo lớn " Mai Châu điểm hẹn của những người du lịch" Nhưng đó chưa phải là Mai Châu, xe rẽ theo đường đi Hồi Xuân qua 5 km mới tới nơi

Thị trấn Mai Châu là một phố huyện buôn bán tấp nập nằ dọc theo quốc lộ 15, phía tay trái là những dãy núi xanh trùng điệp, trên đỉnh núi mịt mù mây phủ. Phía tay phải là đồng lúa Mai Châu vào vụ chín trải vàng bát ngát,

Qua khỏi thị trấn huyện, ta gập một khu nhà sàn nép dưới những tán cây, có đôi ba ngọn dừa cao vút, êm ả như một xóm làng Nam Bộ. Nhưng đó là Bản Lác, một bản mang đậm nét văn hóa Thái , điểm đến của khách du lịch

Với 22 ngôi nhà xây cất theo quy hoạch, nhà nào cũng to, cũng đẹp, mang đậm nét Thái từ vẻ trang trí bên ngoài đến truyền thống kiến trúc cổ. Nhà xây nhiều, nhưng đón khách có quy củ : Khách đến nhà nào, nhà nấy có người ra tiếp, không tranh giành,

Đoàn chúng tôi đến ngôi nhà số 18, ông chủ nhà dân theo người thân đến chân cầu thang đón khách, Đến đây tôi để ý thấy người Thái dù làm nhà to nhỏ khác nhau nhưng cầu thang đều đủ 9 bậc, không thể thiếu bậc nào

Bản Lác theo tiếng Thái có nghĩa là Bản Lạ, có lẽ khi xưa khi người Thái theo dòng Sốp ngòi tìm đến đất này lập nghiệp, dân địa phương thấy họ lạ nên gọi là Bản Lác chăng.

Ông chủ nhà tên là Hà Văn Sương, người Thái đen ngồi xếp bằng trên mặt sàn kể câu chuyện cổ xưa đã thành quen miệng với khách xa đến bản :

Hồi thế kỷ thứ XIII người Thái từ Vân Nam theo đường sông đi tìm đất lập nghiệp. Có ba

anh em chia đường mà đi nay thành tổ của ba nơi. Nay vùng Chiềng Mai bên Thái Lan cũng có người Thái đen ta đến, ...những câu chuyện kể về sự phát triển dân tộc đã thành huyền thoại. Nghe ông chủ nói chuyện, tôi nghĩ tới trên đất Việt Nam có 64 dân tộc cùng cư trú và giữ gìn đất đai nước Việt Nam thế là đã cùng chung một gốc rồi, đâu cần phải hỏi thêm ông nữa.

Từ năm 1984 tỉnh Hòa Bình đã có công trình chú ý nhiều tới dân tộc Thái Đen. Người ta đặc biệt chú ý khơi gợi cái bản sắc dân tộc Thái, coi Bản Lác như một nơi trình diễn những nét riêng về văn hóa Thái với du khách, Từ đó tới nay đã gần 20 năm có hàng trăm đoàn khách Âu, Á từ thường dân đến công chúa Vương quốc Thái Lan cũng đã đến đây thăm địa phương và hướng dẫn kinh doanh du lịch vào nề nếp.

Đến Bản Lác bây giờ bạn cảm nhận được gì ? Đó là cái không khí mát mẻ nơi thung lũng, cái thoáng dãng no nê khi ta nhìn cánh đồng lúa chín vàng trải rộng xa xa là Sơn La, Lai Châu mờ trong mây.

Nhìn khu nhà sàn của Bản Lác ta có cảm giác là những ngôi nhà nghỉ này thống nhất làm theo kiểu dân tộc. Ở đây những người chủ nhà là dân tộc Thái đen nhưng vì yêu cầu kinh tế tiếp khách, làm thị trường nên họ đều nói tiếng phổ thông và trang phục phổ thông. Ông Hà Văn Sương cho biết một điều lạ đó là con gái, con dâu lại là người giao dịch với khách, Thành ra trong buổi ban đầu, tôi thấy cô gái Thái chững chạc nói chuyện với khách, giao việc cho người trong nhà thực hiện. Nếu không nghe họ nói chuyện với nhau có lẽ chưa ai biết đây là vùng của người Thái đen. (mà chế độ phụ hệ thay chế độ mẫu hệ đã lâu rồi)

Tuy chương trình lên đây có đề ra "thời gian tự do đi vào các bản để tìm hiểu về văn hóa Thái" nhưng chúng tôi làm gì có thời gian, chúng tôi chỉ có thể vào bản Pom Hóp gần với Bản Lác để ngắm nhìn cảnh thanh bình của bản : nơi có những bà cụ già người Thái ngồi tĩnh lặng ngắm nhìn đàn cháu đùa vui trong vườn cây. Ở bên cái cầu vào bản là một dòng nước chảy, hàng tre trên bờ xanh mướt, soi bóng nước, bóng mây trên trời, trông như một bức tranh thủy mặc

Tại ngôi nhà đầu bản, không bầy hàng thổ cẩm bán dưới gầm sàn, mà chỉ thấy trâu bò đang buộc giữ . Lên trên nhà sàn của gia đình, tôi gập cô gái Thái đang chăm chỉ ngồi dệt thổ cẩm bên khung. Đây là công việc làm tỷ mỷ suốt đời con gái cho đến lúc cô gái đi lấy chồng. phải có đủ chăn đệm để biếu tặng nhà chồng. Có nhà thơ đã viết " Nét hoa văn hiện trên mặt khung dệt" nhưng viết như thế chỉ là võ đoán. Trên mặt khung dệt thổ cẩm của cô gái Thái không có nét hoa văn, muốn xem rõ hoa văn thổ cẩm mà cô em đang dệt, tôi phải cúi xuống, nhìn ngược lên mới thấy hết cái đẹp của thổ cẩm mà em đang dệt.

Tôi cùng anh Ngọc Căn rủ nhau ra xem thị trấn , Nơi đây có nhiều ngôi nhà mang nét kiến trúc dưới xuôi, nhiều ngôi nhà lập thành dãy phố dài từ bến xe Mai Châu về tới Cầu Vãng. Chủ nhân các ngôi nhà trong phố là người Kinh hay người dân tộc khác thì nào ai đã biết.

Chiều về, sương sớm đã buông tại nhiều nơi trong bản và trên cánh đồng. Trong bản đã vang lên những tiếng trông , tôi hỏi nhà chủ, được cô chủ giải thích : Đó là tiếng trống gọi các cô gái trong đội "múa xòe" của bản tập hợp đội ngũ cho tối nay trình bày văn nghệ đón khách.

Xã Chiềng Châu có một đội xòe gồm nhưng cô gái xinh đẹp, có trình độ trên PTCS, các cô được học hát, học múa xòe và học ngoại ngữ để tiếp khách đến bản. Đội Văn Nghệ ấy luôn có một chương trình 15 tiết mục , bao giờ cũng kết thúc là múa sạp và mời khách uống rượu cần, Đó là đêm mà du khách tận mắt nhìn các cô trong trang phục dân tộc Thái, được nghe tiếng đàn, tiếng trống, tiếng sáo, tiếng chiêng làm nhịp cho các vũ điệu. Khi tiếng trống, tiếng chiêng dồn dập, các cô dàn nứa trên mặt sàn để nhảy sào, chủ nhà mời khách tay cầm tay cùng nhảy sạp. thế là khách vui cùng các diễn viên

Đêm Mai Châu với người đẹp múa bên mình, say với mình nên cũng vui lắm Trong tiếng nứa vỗ vào nhau dồn dập, mà nhịp nhảy sạp không lỗi, Qua mỗi bước nhảy, chiếc khăn trên tay em tung lên, cánh tay khách cũng tung lên. Khi đang lúc múa say sưa với nhau, chủ nhà bưng ra bình rượu cần. Các cô xòe bản vít cần mời khách thưởng thức rượu của quê em . Ta đón lấy tay em, thấy đôi vòng bạc lấp lánh trên cổ tay trắng ngà, men rượu cần nung chín đôi má khiến cho lòng khách bay bổng. Cô gái Thái với trang phục khăn chit ngang đầu, áo ngắn ba gang mầu thanh thiên, vấy thâm chùng kín gót, mỗi cô lại quấn quanh ngực một tấm thổ cẩm là "Cặp váy" ép chặt vào bộ ngực tạo nên vẻ dịu dàng kín đáo.

Mai Châu đó, trong đêm xòe đón khách không có nét khiêu gợi mà rất giữ gìn e lệ khiến cho

khách nhớ mãi

Lúc này ở Hà Nội đang có dịch HIV, đã có tờ báo nói đến trên vùng xa xôi cũng có người bị HIV

Mang chuyện hỏi ông Hà Văn Sương, ông đáp " Cái bệnh của người con gái ấy chúng tôi cũng nghe nói đến, nhưng nó chưa có ở nơi này. Mai Châu có nhiều thôn bản người Thái nhưng vẫn giữ nghiêm nét Thái để gìn giữ tục lệ chúng ta. Nó chưa có ở Mai Châu đâu"

Lên đến Mai Châu mới có vài ngày, dự vài buổi liên hoan nhưng tôi chưa được rơi vào trong tầm của văn hóa Thái. Vì trong lúc vui chơi, người ta dùng accoordeon đệm nhạc, hát bài Tình Ca bên suối thì bế nhau quay vòng. "Làm thế cho Tây nó vui, các ông ạ" Mai Châu đó, đã thực sự là bản có văn hóaThái hay chỉ là bản Thái đang bị văn minh hóa, Tây hóa mà quên đi nét dân tộc

Tháng 5 năm 2002

GỬI LẠI MAI CHÂU

Đêm nay Mai Châu mờ trăng soi
Tiếng cồng chiêng trầm bổng nơi nơi
Chín bậc cầu thang đón bàn chân lạ
Tôi là người lữ khách xa xôi

Em gái Thái ngày bên khung cửi
Chăm dệt nên thổ cẩm nhiều mầu
Bước chân nhẹ váy chùng kín gót
Giỡn trăng ngàn gió núi xôn xao

Những điệu múa rộn ràng nối nhịp
Em đón người về, khăn đỏ trao tay
Tay trắng ơi, Đôi vòng bạc lóa
"Cặp váy" hoa che ngực vờn bay

Men rượu cần say tôi bay bổng
Nung má em nên chin mân hồng
Đừng trao nhau bâng khuâng nỗi nhớ
Trăng muộn rồi, chớ lặn nghe trăng.

Ngày mai về, Mai Châu ơi xa
Bản Lác trong mây, cảnh nhạt nhòa
Muốn để tìm nhau : đường nao nhỉ?
Tôi tìm em, Mai Châu ơi đâu xa

Đêm Bản Lác – Mai Châu
23/5/ 2002
15/8/2012

VŨ KIÊM NINH

116 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

CHIẾC XUỒNG

truyện ngắn

LÊ THỊ THANH TUYỀN

Trăng vằng vặc,chiếc xuồng vẫn máy móc trôi theo đôi tay máy móc bơi của người đàn bà. Không gian trong lặng, tĩnh mịch. Xa xa, tiếng côn trùng buồn ai oán. Trong xuồng là một cậu bé khoảng tám, chín tuổi đang ôm khư khư trong tay một vật gì đó, ánh trăng xuyên qua những lùm cây hai bên đường, rọi xuống mờ tỏ. gương mặt thằng bé chèm nhem nước, có lẽ đã khóc nhiều nên bây giờ nó không còn khóc nữa, nhưng lâu lâu nó lại nấc lên một tiếng.

- Con oán cha lắm ư, Hận? – giọng người đàn bà cất lên. Nhưng rồi như sợ nó đồng ý với câu hỏi vừa rồi, chị hấp tấp: đừng, đừng nghe con, dù gì đó vẫn là cha đẻ của con.

Im lặng.

Và rồi, vẫn là giọng chị: Hồi cha mẹ gặp nhau, cha con không như bây giờ. Ông ấy hiền lành và chăm chỉ lắm. có lẽ cha con trở tính từ khi…

Trong trí óc non nớt của thằng bé bỗng hiện về cảnh tượng buổi chiều nay. Khủng khiếp quá. Ghê gớm quá. Nó nhắm ghiền mắt lại, cố xua đi tất cả…nhưng, tiếng hét lúc chiều lại cứ vang lên, cảnh tượng hãi hùng lại cứ hiện lên…rõ mồn một.

…Có lẽ đói bụng lắm nên nó mới mò về nhà vào giờ này, chứ thường ngày đã ngâm mình dưới nước là nó mê, hết cua thì cá rồi ốc…mẹ nó phải gọi đến rát hơi mới thấy được bóng dáng nó thấp thoáng phía sau bụi trâm bầu…nắp vung được mở lên, dưới đáy nồi còn sót lại vài hạt cơm khô đét, chão cá kho với mấy con lòng tong, ba con tép trấu cũng cong queo. Từ sáng đến giờ mẹ nó đi đâu? Thằng Hoài lúc trưa nheo nhẻo khóc hoài, cha nó thét muốn banh nhà bảo nó dỗ em, nó cứ thế ê a vô mông thằng bé, vậy mà rồi thằng bé cũng thiếp đi, chắc đã khóc chán.

Nhà gì lạnh ngắt, chẳng phải do gió thổi tốc vào các lỗ hổng vách lá, mà vì không có một bóng người. cha với mẹ nó đi đâu? Nó lầu bầu…bỗng nó giật nẩy người…ma, trời ơi! Ma trong nhà nó, từ phòng mẹ nó thoát ra một âm thanh quái dị, tiếng hổn hển, cựa quậy…nói là phòng, chứ thực chất đó chỉ là tấm vách chắn để phân chia vị trí mà thôi, nó lấy hết sức lực, mon men lại gần…can đảm lên, nó hé mí tấm màn, và rồi nó chết trân, không nhúc nhích, mồm nó há ra. ..một người đàn bà- không phải mẹ nó- quay đi, cha nó chững lại một giây, rồi gầm lên: cút. Nó vẫn chôn chân. Cha nó rít qua kẽ răng: mày có nghe tao nói gì không hả thằng khốn nạn? đồ ranh con mất dạy. liệu hồn mà im cái mồm.

Vẫn không nhúc nhích.

Cha nó điên tiết chụp lấy cái ghế phang mạnh vào đầu nó, và trong một giây chớp nhoáng đó, phản xạ rất tự nhiên, nó né người sang bên, kịp nhận ra cái mát lạnh của hơi gió sát mang tai, và cũng vừa kịp nghe tiếng thét lên rồi im hẳn của đứa em chưa tròn ba tháng tuổi. nó bật thẳng người lại và thản thốt, không còn là cái chết trân của lúc nãy, mà giờ là hóa đá, nó điếng người, câm lặng, dán đôi mắt vào tấm thân bầy nhầy máu, cái vùng ngực nát bét của đứa em…

117 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Con lạnh hả Hận?

Người đàn bà kéo nó về thực tại. Nó ôm riết thằng Hoài vào lòng, nó ôm riết lấy tội lỗi của cha nó. Chiếc xuồng vẫn trôi, người đàn bà vẫn máy móc đưa dầm khỏa nước, trăng chếch nghiêng soi bóng, thật buồn.

Nhìn hai bên đường tối om, nhưng nó vẫn cảm giác...chẳng lẽ mẹ quên nhà ngoại rồi sao? Nó ngước mắt và bỗng giật thót cả người. đôi mắt của mẹ nó...không! Đúng hơn là hai cục máu đang di động...bà chồm tới, chiếc xuồng chao đảo. bà ôm nó, ôm cả gói thịt bầy nhầy...chiếc xuồng lắc lư...không! Chiếc xuồng lật ngang.Trăng xuyên qua bóng cây, rọi xuống cánh lục bình đơn độc, tim tím một màu buồn...nước vẫn trôi.

LÊ THI THANH TUYỀN

thơ

PHAN THÀNH MINH

CHẠM VÀO XUÂN

Đã nghe trời đất giao mùa
Đã nghe mười bảy se sua yếm đào
Vườn thiêm thiếp đóa ca dao
Nắng hồn nhiên đã bước vào xuân nguyên

Đã nghe thao thức trăm miền
Nụ đông hóm hỉnh cười duyên chồi mầm
Hoa hồng giương vuốt tri âm
Đã yêu..
Có chết cũng cầm trong tay

Vừa nghe mùa gọi sáng nay
Áo ai xinh đến ngất ngây lụa hồng
Cảm ơn ánh mắt chưa chồng
Cho xuân rạo rực từ trong lẫn ngoài

PHAN THÀNH MINH

NGÔI NHÀ TRONG MƠ

truyện ngắn

LÊ THU THÙY

Tôi được giới thiệu họ là hai thầy trò, cô gái sống dưới ngôi chùa Bảo An nhiều năm và có ý định xuất gia. Sau này cô bảo thật ra đó là ý định vô cùng rồ dại, Cô không có vẻ gì là một ni cô cả, theo một số bạn bè cho biết, cô thường mộng du đi trên bờ rào mắt lưới vào những đêm khuya trăng sáng. Cô thường đi chơi đêm về muộn với một đám thanh niên, họ xem cô như người cùng phái, cô cũng xử sự như một đấng nam nhi. Cô sống với những dự năng kỳ lạ và bảo cần phải tỏ ra "*cóc cần đời*" để có thể tồn tại mà không phát điên. Cô thường mơ thấy mình là một nữ hoàng ngự trị một quốc gia hùng cường, vì thế thường trực trong cô là trạng thái thẫn thờ tiếc nuối vương quốc bị đánh mất của mình và cô cứ thao thức với khát vọng tìm kiếm, một lần cô kể cô đã tìm lại được ngôi nhà cũ không phải trong mơ mà chính trong trạng thái trầm tư. Nó hiện ra trong khoảnh khắc nhưng dường như vĩnh cữu. Tôi nghĩ đấy là một linh ảnh.

Nhà sư lo lắng cho trạng thái tinh thần cô gái. Trụ trì chùa Bảo An đã mấy mươi năm, ông học nhiều biết rộng và là con người vô cùng khả kính, ai có niềm lo lắng, ưu tư tìm đến gặp ông khi ra về đều cảm thấy tâm hồn vô cùng thư thái, mọi ưu tư đều được giải toả.

Cách đây mấy mươi năm, một người đàn bà mang đến trao cho ông một đứa bé gái, ông đặt tên cho nó là Phượng Ly. Cô không có kỷ niệm nào trước lúc vào sống trong chùa, nhưng cô tự biết mình là trẻ mồ côi, dù cô cũng biết mẹ mình đang sống với người đàn ông cùng những đứa em khác cha với cô. Bà lem luốt tất bật mưu sinh.

Nhà sư dành cho cô một tình yêu thương nhiều khi làm cô khó chịu. Vốn nhạy cảm cô cho rằng ông bệnh hoạn, từ lúc cô bắt đầu lớn, cô làm cho nhà sư đau khổ nhiều hơn, cô lẩn tránh sự chăm sóc của ông, và hay nói những lời cay nghiệt để dày vò ông.

Xin kể thêm từ nhỏ cô đã bộc lộ nhiều biệt tài của một thần đồng, cô làu thông kinh sách và thường hào hứng tranh luận, đối chất với nhà sư. Cô ngỡ nhà sư kỳ vọng nhiều ở mình, nhưng thật ra ông bị ám ảnh bởi lời tiên tri cũa một chiêm tinh gia: cô gái này về sau sẽ tổn đức.

Tôi quen biết cô trong một dịp lễ hội. Khi tôi mang đến tặng cô mấy bông hoa, cô lơ đãng bóp nát và ném vào tôi tiếng cười khó hiểu:

- Đàn bà yêu hoa có thể ví như đàn ông yêu gái. Anh có yêu hoa?

Tôi ngạc nhiên:

- Không. Nhưng anh tưởng em yêu hoa như mọi cô gái khác, được ai tặng hoa thì các nàng vô

cùng thích thú. Yêu hoa là yêu cuộc sống mà.

- Em không yêu cuộc sống, nhiều khi em có cảm giác mình chưa từng sống nữa.

Tôi quan tâm cô từ đấy, cô như bóng dáng tôi thời trẻ: Cô đơn, khắc khoải lại kiêu bạc.

Phượng Ly đến học trường này do một thôi thúc định mệnh nào đó, cô không lý giải nổi hành động của mình khi đột ngột bỏ ngang Học Viện Phật Giáo và thi vào trường đại học khác mà cô thừa biết nó không hứa hẹn một điều gì tốt đẹp. Có lần cô đùa rằng, cô sống không chủ đích, mặc cho số phận ném mình đi đâu mà nó muốn.

*

Thầy Hạnh Quang ngồi đối diện với Phượng Ly, nhìn sâu vào mắt cô, nói giọng trầm đục:

- Tại sao lại đến nông nỗi ấy? Con định bỏ dở khoá học này hẳn sao? Chắc không phải do anh chàng trẻ tuổi nào đó chứ?

- Bạch thầy không ạ! Cô cúi đầu che dấu ánh mắt của mình - Dường như tất cả đều chống lại ý muốn của con. Con muốn tu hành nhưng mọi cái ở thầy quá xa xôi. Con biết ý nghĩ của con là phạm thượng. Con đã đọc thông nhiều bản kinh, ngay như bản kinh Kim Cang được xem là *gươm báu chặt đứt phiền não* cũng không giúp con dứt được ưu phiền.

Phượng Ly thừa biết thầy mình cũng thế. Phía trên bờ môi phảng phất nụ cười từ tốn điềm nhiên là vầng trán váng vất đám mây muộn phiền vô hạn bởi nhiều lý do chỉ cô biết mà cũng chỉ cảm thấy mơ hồ thôi. Mấy năm nay cô rời chùa tuy vẫn duy trì chuỗi ngày trường chay. Nhà sư khá buồn song vẫn chờ đợi cô quay về. Đã bao thiện nam tín nữ từng sống dưới sự chăm sóc tinh thần của ông, rồi một ngày họ từ biệt ông để vào đời. Thế rồi những lạc thú thế tục giữ họ lại vĩnh viễn.

Thầy Hạnh Quang ngạc nhiên thấy Phượng Ly về thăm mình. Khi cô thi lễ theo nghị thức của một tiều điệu, thầy ôn tồn bảo:

- Ta biết con đã phá giới. Con không cần phải quỳ lạy ta như thế. Con đã là người hoàn tục.

Phượng Ly cung kính:

- Bạch thầy, con muốn xuất gia. Ba năm qua cuộc sống với con là cả địa ngục.

- Con nghĩ vào chùa con sẽ tìm thấy Niết Bàn ư? - nhà sư cười chua chát.

- Tất cả những hy vọng về một chân trời khác lạ, một thế giới tốt đẹp trong con đều sụp đổ. Ngay nơi Phật đường, mọi lễ nghĩa đều được tính toán sòng phẳng, nó nguỵ trang dưới mọi hình thức.

- Con thôi phải kể. Thầy biết. Không phải ai cũng hiểu được như con. Ngay như trong con tốt - xấu - thiện - ác đều không rạch ròi.

- Thầy không biết hết đâu. Con là một đạo hạnh nhưng mọi tạp niệm thế tục bên ngoài thổi vào chùa này làm con thay đổi. Đúng vậy, giá thầy đừng cho con tiếp xúc với đời sống thế tục, thầy cách ly con. Từ lâu con đã nổi loạn, con ngấm ngầm chống lại thầy. Con không tin vào sức tác động lớn lao ở những điều thầy thuyết giảng. Con không thích lễ lạt hay vô số nghi thức khác mà nhà chùa đặt ra. Tuy nhiên, bây giờ con đã về. Con sẽ khiêm tốn làm người xuất gia, nguyện giữ

đúng giới luật nhà chùa. Con xin thầy dung nạp con, thử thách con. Ở ngoài kia một khi con ngã không có ai nâng con dậy mà sức con thì có hạn. Thầy biết rồi đấy, con dễ tự sát lắm.

Nhà sư tư lự:

- Ngã và đứng dậy, đòn ấy ta quen hơn con, còn con là phận gái. Ta sợ con không chịu nổi lâu dài nỗi khổ hạnh của đời tu hành. Con chạy trốn nơi nào cũng không dứt được khổ đau đâu.

- Thế thầy khuyên con thế nào?

- Con đi đi, học tiếp những gì cần học. Bao giờ gặp bất trắc, hãy báo ta.

- Tại sao thầy không thu nhận con lúc này?- Phượng Ly thắc thỏm hỏi.

- Vì con không có đức tin! - Thầy Hạnh Quang lúng túng.

- Thế thầy có đức tin không? - Phượng Ly mai mỉa.

- Ta thì có đấy! - Nhà sư lẩm bẩm quay đi.

*

Phượng Ly sống không xa nhà sư bao nhiêu. Cô vẫn trao đổi sách bài với thầy. Càng ngày cô càng thấy ra những mâu thuẩn và nguỵ biện trong những bài thuyết giảng của thầy. Trong khi đó ông theo dõi từng hành vi tâm lý của cô và ông hốt hoảng thật sự khi thấy cô tàn nhẫn với bản thân. Ông tuyệt vọng nhìn cô bước đi trên một đống đổ nát: luân lý, giáo điều,. tri thức, đạo đức, dục vọng, niềm tin,... Cô đập phá tan hoang tất cả nền tảng tạo nên đời sống tinh thần cô mấy mươi năm qua. Ông kinh hãi khi chợt nghĩ rằng một ngày nào đó cô phóng hoả đốt chùa. Cô nói với ông dịu dàng nhưng ông có cảm giác cô cứa dao vào lòng ông:

- Bạch thầy! Con mong chiếm mọi đỉnh cao với bất kỳ giá nào. kẻ làm cha con chắc có dòng máu chinh phục. Thầy có biết ôngt a là ai?

- Không. Nhưng trên đời này còn ai đó hiểu con thì kẻ đó là ta đấy, con thương yêu ạ!

- Là thầy? ồ, không đâu. Con nghĩ thầy đã chai lì. đối diện với con nhiều khi thầy làm như kẻ vị tha. Tuy vậy, thầy biết về con tường tận quá. Con chán lắm. Một chàng trai thích con. Con biết con không thể dịu dàng như mọi cô gái khác. Những áp lực xung quanh càng khiến con phải xù gai lên để đối phó. Anh ta bảo con là bệnh nhân tâm thần đa nhân cách. Anh ta tin tình yêu sẽ hoá giải cơn cớ này. Chưa hẳn. Hồi ở chùa con luôn nổi loạn, song con chủ trị được con mãnh hổ trong mình. những lúc đó con thèm chọc phá thầy dễ sợ. Con ghét vẻ bình tĩnh của thầy: vừa lạnh lùng, vừa giả dối ích kỷ. Thầy tưởng con tin vào tấm lòng của thầy sao. Con ước được nhìn thấy thầy ngã gục, tận mắt thấy thầy lãnh đủ đòn thù định mệnh, lúc đó con cười khẩy vào mớ thuyết lý suông của thầy.

Nhà sư cau mày:

- Những gì con phản ứng về ta, ta chịu được. Thực tình ta không muốn con gặm nhấm hận thù như thế. Những sức ép bên ngoài đối với con không liên can gì với ta. Con đừng vì thế mà làm tổn thương ta. Trong sâu xa tình cảm ta dành cho con đều xuất phát từ tấm lòng chứ không phải do mối liên hệ tầm thường bèo bọt nào.

Một con quỷ cựa quậy trong Phượng Ly. Cô từng nghe thầy đã dùng những lời lẽ như thế trấn

tĩnh bao nhiêu người và họ thoã mãn. Cô biết thầy bao dung. Thầy không ve vuốt bản thân và cô cũng biết mình chờ đợi ở thầy điều vượt quá khả năng thầy. Bản thân thầy cũng chỉ là sinh linh đầy bất trắc. Nghĩ thế, cô bỗng thấy thương xót thầy. Hẳn thầy không cứu vớt được linh hồn thầy.

Song nỗi hằn học thâm căn đối với thầy khiến cô nghĩ ra mọi cách hành hạ thầy thích đáng. Cô nói với thầy:

- Con sẽ tìm đến tình yêu ở những phường gian ác hạ tiện nhất. trong sự liều lĩnh ấy chắc con sẽ tìm thấy nhiều khoái trá và chút gì đó như phúc lạc. Con có vong thân, đoạ lạc cũng thây kệ. Chắc thầy cũng chẳng vui hay buồn. Thầy đừng dằn vặt gì hết, đừng bao dung, độ lượng quá, con không xứng đáng với tình thương của thầy. Con vĩnh biệt thầy để tự đi con đường của con.

- Con ta, ôi, Con ta! Sao con không thương ta? - Thầy Hạnh Quang đau đớn.

- Đợi luân hồi kiếp sau tôi thương ông. - Cô cáu giận

*

Phượng Ly lúc nào cũng muốn chối bỏ chính mình. Cô căm ghét sự tồn tại của mình. Cô trút nỗi niềm ấy vào thầy Hạnh Quang. Có lẽ cô cũng yêu thương thầy theo cách của cô, nhưng cô không biết bày tỏ tình cảm của mình và mỗi khi có ý định ấy thì cô cảm thấy sợ hãi, hình tướng thầy tu của ông là một thành luỹ ngăn cách mọi liên đới cảm xúc. Thế rồi cô đâm ra cáu kỉnh, hung hăng. Cuối cùng cô đã giáng ông một đòn nặng nề và ông ngã gục. Cô ân hận thật sự, song đã quá muộn.

Thầy Hạnh Quang luôn tin Phượng Ly có một tâm hồn thánh thiện, cao quý. Cô không đẹp nhưng trí tuệ, bản lĩnh cô làm ông tự hào. Ông tin cô là hiện thân của đấng cao đẳng, siêu phàm. Thế rồi cô làm ông cay đắng nhận ra rằng: cô là một con người vô liêm sĩ.

Cô không hay biết gì về nỗi tuyệt vọng của ông về cô, ngay cả cái chết của ông; hơn một năm sau cô mới nhận được tin.

Cô nói với tôi:

- Thế mà em là con thầy đấy. Ngày ấy mẹ em là một ni sư. Thầy yêu mẹ. Khi biết mẹ có thai, thầy muốn cùng mẹ trốn đi xa. Mẹ thương thầy, sợ thầy liên luỵ mới trốn đi một mình. Mẹ sinh em và một mình nuôi em suốt mấy năm trời cho đến khi gặp cha dượng em bây giờ mẹ mới mang em đến trả thầy. Mẹ muốn bằng con đường tu hành em sẽ chuộc lại những lỗi lầm của mẹ, hay có thể vì nguyên nhân khác em không biết. Mẹ em mới ấu trĩ làm sao, cả nhà sư nữa. Em thờ ơ với tội lỗi của họ, kiếp số của họ. Khi biết cha đẻ mình là ai, em dửng dưng hoàn toàn.

Phượng Ly đưa tôi xem bức di thư của thầy hạnh Quang. Tôi lấy làm lạ, cô coi tờ di thư như một tờ giấy lộn vô giá trị, cô cũng không hề mặc cảm mình là đứa con rơi.

Cho đến bây giờ tâm trí cô vẫn mãi lang thang tìm lại ngôi nhà trong mơ. Cô dè dặt với tôi hơn khi thấy tôi lao theo cuộc kiếm tiền, tiện nghi và những người đàn bà. Tôi không biết cô hạnh phúc hay bất hạnh trong cuộc tìm kiếm bí ẩn.... Tôi cũng từng có một xuất phát điểm giống cô. Tôi vẫn thường mơ thấy một vị nữ hoàng toàn mỹ, nhưng không giống cô, người ấy là mẹ tôi. Thế nhưng tôi biết mình đã thất lạc người. Tôi còn phải lo kiếm nhặt bao nhiêu thứ trên mặt đất này và tôi kiệt sức lắm rồi....

LÊ THU THÙY

NƠI ẤY CÓ HAI NGƯỜI

truyện ngắn

BÙI THU THỦY

Hằng ngày hắn vẫn lùi lũi vác dao lên rừng. Rừng với hắn là bạn là tri âm. Hắn có cách cư xử riêng với bọn phá rừng. Không giấy tờ, không luật lệ, chỉ đơn giản là hắn sẽ vác dao đi. Con dao sáng lóa. Hôm nào cũng thế cứ độ 5 giờ chiều là hắn ngồi chồm hỗm đầu hè mài dao. Cách mài dao của hắn cũng lạ. Lạ trong từng động tác. Thường thì người ta để cho lưỡi dao truồi dần xuống dưới theo độ chênh của đá mài nhưng với hắn thì ngược lại. Người yếu bóng vía nhìn vào sẽ tăng nồng độ cholesterol trong máu. Người bình thường thì thấy run tay. Còn những thành phần khác hắn chưa có dịp để ý. Vả lại cũng chẳng có ai vượt ngưỡng người bình thường mà dám bén màng đến gần hắn xem mài dao.

Hắn xót xa mỗi khi biết một vùng, miền nào đó bị ngập lụt. Những lúc đó mặt hắn nóng bừng, hai thái dương tê buốt, lưỡi cứng đờ chẳng phát nổi một âm dù chỉ một chữ cái. Hắn sinh vào một ngày mưa nhão nhoét cuống rốn, lá cây săng lẻ hoác hơ. Không thấy mặt trời cũng chẳng thấy mặt cha hắn. Khi hắn cất tiếng khóc *"oee..oee"* đầu tiên mẹ hắn phát đét một cái vào mông bảo *"Làm thế lớn lên cứng rắn"* . Chẳng biết cứng rắn tay cứng chân hay cứng ý chí. Chỉ biết rằng giờ đây, ám dấu của vết phát đau điếng đó để lại một vết chàm. Mẹ hắn cười *"Đánh dấu"*. Hắn cũng không mấy bận tâm về chuyện đó lắm cũng như nhiều lần hắn hỏi mẹ về cha. Chỉ duy nhất một phản ứng lại từ bà là nụ cười hềnh hệch. Chỉ lúc đó trông bà giống một đứa trẻ, ngồi thu lu bên cửa, mắt hau háu ngóng lên trời. Còn những lúc khác, hắn chưa thấy người đàn bà nào như mẹ hắn. Bà ăn mặc, đi đứng hùng hục chẳng khác gì đàn ông. Có thể hai lăm năm, trong nhà không bóng hình cha nên mọi việc của đàn ông bà đều làm tất. Không hùng hục, ồm oàm thì làm sao hai mẹ con hắn tồn tại được đến tận bây giờ.

Một buổi chiều. Nhá nhem tối. Từ rẫy, thất tha thất thểu hắn trở về. Một ngày cực nhọc với hắn. Hết nai lưng ra cuốc mấy vạt đất ở bìa rừng lại liền tay phát cỏ ở rẫy mé Đông. Hai bàn tay hắn nham nhở vết trầy xước. Máu rỉ rả từ kẽ ngón trỏ. Hắn không thấy đau chỉ cảm giác háo nước. Càng về chiều lại càng khô ran, cuống họng lợm đắng. Hắn lao thẳng về nhà. Cửa khép hờ. Sững sờ. Một người đàn ông lưng đen sạm đang ràn rựa trên thân hình mẹ hắn. Lần đầu tiên hắn thấy một người đàn ông và một người đàn bà tình tự với nhau. Và cũng lần đầu tiên trong đời hắn cảm thấy nhói buốt chỗ kín. Phần bản năng trong hắn được đánh thức nhưng hắn đau. Một nỗi đau tê dại. Bất động một lúc, hắn lẳng lẳng quay đi. Hắn cũng chẳng biết đi đâu nữa. Lẻ loi, đơn độc, giận hờn. Người ta luôn so sánh khi bị tách ra khỏi một mối quan hệ nào đó. Việc giao tiếp với thế giới bên ngoài của hắn rất hạn chế trừ những lúc trao đổi thực phẩm còn không chỉ có mẹ hắn và hắn trong căn nhà hoang hoải chốn thâm u. Với hắn mẹ là tất cả. Hắn tôn thờ bà như tôn thờ thần núi. Hằng ngày đi làm hắn cũng chỉ mong đến tối để trở về ngồi ăn cơm bên bếp cùng mẹ dù ít khi họ trò chuyện với nhau. Hắn nhớ mái tóc đượm mùi lá rừng. Ánh mắt

thẳm sâu, khắc khoải. Bàn tay sần sùi nhưng ấm áp của mẹ mỗi khi chiều xuống…Nhưng tất cả đã trở nên xa lạ khi hắn bắt gặp mẹ hắn và người đàn ông lạ trên nền nhà. Đêm mù mịt, gió thổi mạnh từng đợt dài. Hắn vẫn đi…

Hôm sau hắn trở về. Căn nhà huơ hoác. Không bóng hình mẹ. Người đàn ông có tấm lưng đen sạm cũng chẳng thấy đâu.. Hắn sợ. Hắn cất tiếng gào to *"Mẹ! Mẹ ơi". "Ớ! Sao thế Mành? Con ơi!"* – mẹ hắn nghe tiếng kêu thất thanh bèn chạy sang chỗ hắn và lay hắn. Hắn tỉnh giấc, thì ra chỉ là một giấc mơ. Hắn không dám kể lại cho mẹ nghe những gì đã gặp trong giấc mơ. Nhưng giấc mơ ấy ám ảnh hắn. Không thể tiếp tục ngủ được nữa, hắn trở dậy, nhóm lại bếp lửa, lấy dao ra mài. Lần này hắn lại mài xuôi. Mài như cách mẹ hắn và những người khác vẫn mài. Hắn chợt cảm giác lạnh nơi đầu ngón trỏ. Một vệt máu dài tuôn ra. Hắn dự cảm một điều chẳng lành.

*

Năm nay, mưa lũ kéo về sớm. Hắn bảo *"Trời hành!"* . Còn hắn, hắn sẽ hành lại những thằng nào đã hành trời, làm trời nổi giận bằng ánh dao sáng lóa. Cũng chẳng phải hắn sẽ đâm hay chém gì mà chỉ đơn giản mới thấy ánh lóa của con dao, mấy tên chuyên chặt trộm, chặt thuê đã *"ba hồn bảy vía"* co cẳng chạy. Chạy không dám ngoi đầu trở lại. Loài người có tật lạ. Cứ chạy được một quãng xa, e chừng không có động tĩnh gì phía sau thì ngoái đầu lại. Thậm chí còn hể hả *"Làm gì được nhau!"* . Và một ngày, một tháng, một năm sau lại chứng nào tật nấy vì đủ lí do đến nỗi ông Đùng, bà Đà cũng đành chịu. Thiên nhiên có những quy luật riêng và khắc nghiệt. Mọi cuộc chiến đều thua sức mạnh từ thiên nhiên. Người ta rỉ rả nhau rằng *"Nhân định không bằng trời định"* nhưng hiện thực thì người ta luôn ép trời định cho nhân. Đường cùng, trời nổi giận. Nhưng với bản tính yêu quý con cái trần gian, cha trời cũng chẳng giận được lâu. Có lẽ con người nên soi lại bản thể của mình. Hắn không có quyền định đoạt cánh rừng này là của riêng mẹ con hắn. Hắn đẻ ra trong rừng. Lớn lên trong rừng. Làm ăn sinh sống cùng rừng. Rừng là một phần trong hắn. Sáng sáng mẹ hắn vẫn lên rẫy mé Tây tra hạt bắp, củ sắn. Chiều tối mịt mới về. Dạo này hắn thấy bà khang khác. Có hôm bà vội vội vàng vàng về thổi cơm, chờ hắn ăn xong bảo *"Lên lều ngủ trông rẫy, dạo này chuột nhiều"* rồi tất tả đi. Hắn cũng chẳng đi theo.

Càng ngày hắn thấy bà càng lạ. Cái bụng cứ lùm lũm đội áo mà ngoi lên. Nó to theo ngày theo tháng. Đến chín tháng mười ngày hắn mới hay điều dự cảm trong giấc mơ của hắn đã đúng. Một đứa bé gái lòi ra đỏ hỏn. Người đàn ông ấy là ai? Ông ta có lưng đen sạm không? Hắn và đứa bé này có cùng giọt máu không? Lần đầu tiên hắn cố tư duy để tìm ra vấn đề nhưng càng rối rắm. Và hắn lại mặc kệ. Điều đáng buồn hơn là mẹ hắn luôn vồ vập đứa bé mỗi khi hắn đến gần. Chẳng lẽ bà sợ hắn sao? Hắn có làm gì đâu chứ. Hắn sắt đá, lầm lì nhưng nóng hổi trái tim. Sự hiện diện của đứa bé là món quà bất ngờ đối với hắn. Hắn chỉ mon men đến gần để được ngắm và được hít hà hương vị núi rừng tỏa ra từ đứa bé nhưng trước phản xạ như thế của mẹ nên đành thôi.

Hắn vẫn đều đặn lên rẫy từ sáng sớm rồi tối mịt mới về. Hôm nọ không hiểu sao hắn thấy trong lòng như lửa đốt. Hắn lao thẳng về nhà. Bên góc bếp, mẹ hắn đờ đẫn, ngồi thu lu, nước mắt giàn giụa. Hắn đến bên, nắm bàn tay mẹ, lay hỏi liên hồi *"Em đâu? Em đâu?"*. Im lặng một lúc, bà nghẹn ngào *"Họ đã đến lấy đi rồi!". "Ai? Họ là ai? Mẹ sinh ra cơ mà?"* hắn gào rít lên, mặt giãn ra trông dữ tợn. *"Xin lỗi con, mẹ không có quyền, mẹ chỉ là người đẻ thuê"*. Hắn mơ hồ hiểu rằng cái siêu mới, cái bàn mới và cả cái tủ bích- phê mẹ tha về sau những ngày ra ngủ ngoài lều là thế ư? Là phải đẻ thuê ư? Những thứ ấy hắn đâu cần chứ. Hắn có thể ăn ngủ, làm mọi việc trên đất. Đơn giản chỉ vì hắn không quen. Đứa bé ra đời là niềm vui vô tận đối với hắn. Chưa một lần hắn dám sờ vào làn da mỏng tang, đôi môi bé xíu ấy. Hắn ấp ủ một điều *"Rồi một ngày hắn sẽ được chạm nhẹ vào"* nhưng giờ đây tất cả vỡ toang, nhàu nhĩ…Hắn không trách mẹ. Hắn càng thấy thương bà gấp bội. Mất đứa bé bà như con chim rũ cánh, không cất nổi bước đi. Ánh mắt hao khuyết nỗi buồn sâu thẳm. Từ đây, chỗ dựa duy nhất của bà là hắn. Chỉ có hai người, hai trái tim đơn lẻ giữa chốn bạt ngàn hoang vu…

BÙI THỊ THỦY

NGỦ GIỮA TRÙNG SƠN

truyện ngắn

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

Tháng 5 năm Canh Thìn (1820)
Hầm mộ Thiên Thọ lăng

Võ Phục ngồi bó gối, mặt nhìn xuống nền đất không rõ hình thù. Bên tai chàng, những bóng đen đủ tư thế đang rên rỉ, khóc lóc, dằn vặt, lo sợ… Khi cận kề cái chết, con người trở nên bủn rủn trong cái tâm thức lay động hoạt bát dòng hoài niệm. Viên tướng công thần của Nguyễn triều thao thao xướng loạn:

- Bậc trượng phu ở đời, thời nhiễu loạn mới theo nghiệp binh nhung, chỉ có thể lấy máu mà tế xã tắc, theo minh quân mà thống nhất thiên hạ, hưởng lấy thái bình, công lao ấy sánh ngang trời bể!

Hôm nay, máu thấm Bảo Thành.

*

Tháng Giêng năm Nhâm Tuất (1802)
Chiến trường Trấn Ninh

Chiến tuyến phía trước kia, cờ trận Tây Sơn te tua như bợn khói. Võ Phục theo phò vua Nguyễn, nhận làm quân tiên phong xung trận đầu. Bấy giờ khi mũi giáo đâm vào những tàn quân Tây Sơn, chàng mới thấy xót cái nồi da đang xáo thịt, để trả thù triều đại Tây Sơn. Chàng muốn vứt ngọn giáo xuống, nhưng sau kia lớp lớp quân tràn lên tiếp chiến, đẩy chàng vào dòng xoáy giết chóc. Chân chàng không thể chạy tiếp được khi phải giẫm lên những vũng bầy nhầy máu thịt, mùi tanh tưởi bốc lên làm chàng chững lại, buồn nôn.

Quân Quang Toản thua chạy qua sông, lập chiến tuyến bên sông sông Gianh, thế đã suy nhưng khí không nhược. Quân Nguyễn đứng lại lập trại, lấy lũy Trấn Ninh, Đâu Mâu làm nơi phòng thủ, đợi thời cơ thuận lợi là phát lệnh tiến công.

Võ Phục bị thương nhẹ nên được bố trí phía sau hậu quân. Chàng xin đi cắt cỏ ngựa để có việc mà làm, cốt tránh đao gươm, đợi ngày phục viên.

Canh hai hôm nọ, Võ Phục đang ngủ say bỗng nghe có tiếng người gọi mình.

"Họ Võ kia mau giúp ta qua sông! Mau giúp ta!"

Chàng choàng dậy, chạy ra khỏi lều quân quên cả mang giày cỏ. Chàng đi đến bờ sông, chẳng thấy gì ngoài những hàng rào phòng ngự, các điếm canh lẻ tẻ bên sông. Lửa thì lập lòe đây đó nhưng không hiểu sao đoạn sông chàng đang đứng thì âm u, sương mù phủ dày đặc, chẳng thấy mặt nước đâu. Phục nghe tiếng bõm bõm như ai ném vật gì xuống nước. Rồi lại có tiếng kêu, giọng sang sảng y như hồi nãy:

"Mau giúp ta, ta ướt hết mất!"

Ở giữa sông xuất hiện một ánh vàng đang dập dờ trên mặt nước. Tia sáng lóe lên rồi vụt tắt, cứ như thể nó bị ai đó cố dìm xuống dòng nước. Võ Phục lẹ làng cởi áo quần rồi trầm mình xuống sông, bơi ra phía đốm sáng. Nước lạnh làm tê cóng người chàng nhưng chàng vẫn cố gồng mình, vận dụng hết sức lực của một lực điền để kéo đốm sáng kia vào bờ. Phục cảm giác nó nặng kinh khủng, ví như một con voi chiến bị chết trôi, dù nó nhỏ tầm con mèo. Vào bờ, chàng nằm chết giấc.

- Chàng trai dậy đi! Cảm ơn ngươi đã cứu ta thoát khỏi họa diệt thân!
- Ông là ai, từ đâu đến, sao mặc áo quần như thiên quan vậy kia!
- Ta là thành hoàng đất Phú Xuân, cai quản đất đai, phù trợ kẻ giữ đất ấy. Vốn trước đây ta được thờ phụng trong thành, được chăm lo dưỡng phụng. Quân Tây Sơn khi thua chạy mang

cả ta đi để cầu ơn cứu độ, nhưng sau này suy yếu nên đành bỏ lại ta nơi đáy sông lạnh lẽo này. Ngươi có tấm lòng nhân đức, vía hợp ta nên mới nghe được lời ta truyền thần. Ta chỉ khuyên ngươi làm tròn bổn phận, mười tám năm nữa ta sẽ lại gặp ngươi để báo ân cứu nạn.

Nói xong thì biến mất. Võ Phục gói vị thành hoàng vào một tấm vải, đoạn gồng mình vác về trại quân.

Vận nước đến ngày chung mối, thế cờ lộ rõ, quân Tây Sơn bị vây khốn, xẻ nhỏ. Quang Toản cùng bại quân bị đẩy ra Bắc. Hai tướng tài Trần - Vũ bị vây khốn ở Quy Nhơn. Quân Nguyễn tấn công dồn dập, Tây Sơn bại trận, phòng tuyến Nhật Lệ bị chọc thủng, Quang Toản cùng tàn quân tìm đường chạy ra Bắc Hà. Quân Nguyễn truy đuổi rất gấp. Cuối cùng, Quang Toản cùng anh em, vợ con, các tướng trung kiên như vợ chồng Bùi Thị Xuân - Trần Quang Diệu đều bị bắt, tất cả bị giải về thành Phú Xuân chịu hình.

Võ Phục theo đoàn quân khải hoàn trở lại Phú Xuân. Chàng đem linh vị liệt thần dâng cho bộ Lễ để trả lại miếu thành hoàng, lập tức được thưởng công. Tin ấy đến tai Gia Long hoàng đế, lại biết rằng Võ Phục là cháu của Võ Tánh - một trong Gia Đinh Tam Gia, danh tướng của nhà vua đã tử tiết ở thành Quy Nhơn, nhà vua liền ban cho áo gấm, hai nén vàng, mười phương gạo, tuyển thẳng vào đội Cẩm Y quân. Từ đó, Võ Phục được thăng chức cai đội, quản cấm binh ở lại kinh thành.

*

Võ Phục đứng trên vọng gác cửa Quảng Đức. Gió đêm thổi từ dòng Hương lạnh tê tái, phả cả vào người khiến chàng dù cố chịu đựng vẫn cảm thấy run run. Mới đó mà đã hơn mười lăm năm giã biệt gia đình theo gót chân chinh chiến của Thế Tổ, đánh Nam dẹp Bắc, non sông thu về một mối. Làng An Nông chỉ cách kinh thành độ nửa ngày đường về hướng Nam, thế mà Võ Phục mỗi năm về thăm nhà không quá một lần. Thế Tổ xây thành quách cung điện, bắt lính, bắt phu đi phục dịch suốt mấy năm trời mới có diện mạo của kinh thành hợp phong thủy, phòng thủ vững chắc, nguy nga, tráng lệ. Chàng mấy lần xin hồi hương nhưng vì quân tình biến động nên cứ dùng dằng mãi đến độ tóc điểm hoa râm. Nay nghe tin, nhà địa lý Lê Duy Thanh đã nhắm đất cho vua xây lăng ở núi Thiên Thọ, ba quân ở kinh thành phải ở lại phục dịch chờ ngày hoàn thành. Năm Giáp Tuất (1814), bộ Công bắt đầu làm lễ đặt đá xây lăng vua. Từ đó, việc quân dồn dập, Võ Phục biền biệt tháng năm không về nhà.

*

Ngày 19 tháng Chạp năm Kỷ Mão (3-2-1820)
Kinh thành Phú Xuân

Vua Gia Long băng hà. Triều đình phát tang. Tin ấy loan ra khắp nước. Cả nước phải để tang nội trong mười ngày, cấm việc hoan hỉ, cấm mặc áo quần sặc sỡ. Kinh thành chỉ toàn màu trắng.

Võ Phục được lệnh vào gặp Thượng thư Phạm Đăng Hưng.

Họ Phạm chỉ nói:

- Tướng quân là người trung lương. Chuyện hồi trước tướng quân lập công chuộc lại bài vị của thành hoàng Phú Xuân không phải ai cũng có duyên làm được. Hoàng tử Đảm đã chọn tướng quân làm người chỉ huy công việc xây riêng hầm mộ thánh thượng. Bởi chỉ có tướng quân mới hội đủ thiên mệnh để làm việc cơ mật đó. Ta chỉ báo trước để tướng quân biết, nên nhớ là họa để trên đầu.

- Chuyện lớn thế tại hạ sợ không đảm đương nổi. Xin đại nhân hãy nói lại với hoàng tử.

- Dụ lệnh đây, tướng quân đọc đi.

"Tối mai, yết kiến Đông Cung tại thủy đình điện Quang Minh!".

Võ Phục đứng một mình bên thủy đình đợi lệnh. Ở đây, quân lính cứ ba trượng lại có một người. Bốn mặt đều có các đội binh tuần tiễu. Võ Phục ngồi một chỗ, đến nỗi không dám ngó nghiêng. Gà gáy lần đầu, chiếu lệnh được ban xuống, viên thái giám nói như dọa dẫm bằng cái giọng eo éo:

- Đông Cung muốn ngươi kín tiếng, không thì… - Viên thái giám đưa tay gạch một đường trên cổ.

Võ Phục xin lui, trong đầu rối ren tơ vò.

*

Ngày 24 tháng 5 năm Canh thìn
Hương giang

Lễ di quan ra khỏi hoàng thành bắt đầu trong một buổi sáng mờ sương. Kinh thành rung lên những hồi chuông tiễn biệt. Vàng mã bay khắp mọi nẻo đường nơi linh cữu vua đi qua. Võ Phục chỉ huy một đội ngự lâm quân hai chục người bảo vệ quan tài. Chàng quấn khăn tang trên quan mão, võ phục, đến bảo kiếm cũng rịt một miếng vải trắng.

Đám tang cha mẹ vì việc quân chàng không về được, chẳng quấn cho cha mẹ một tấm khăn tang, huống gì ở bên mộ cha mẹ ba năm như các bậc thánh hiền từng làm. Võ Phục cảm thấy xấu hổ. Lòng chàng xốn xang một nỗi buồn khó tả.

Đoàn rước đi rất chậm. Phía trước đội cờ quạt, nghi trượng đi đầu. Màu cờ tang nổi lên giữa hàng bó đuốc thắp sáng hai bên đường, duy có ngọn đế kỳ vẫn phần phật bay, hình mặt trời ở giữa đế kỳ cháy sáng lên, lan tỏa trên nền vàng hưng nghiệp. Tiếng ò e não ruột của đội lễ nhạc hoàng gia theo sau, vang vọng cả đô thành. Mỗi lần tiếng nhạc theo tràn ai oán, dồn dập cất lên là quyến thuộc nhà vua rộ lên những tiếng khóc lóc thảm thiết, nghe đủ giọng già trẻ, gái trai. Thê lương nhất là đám cung phi theo hầu hơn trăm người, nước mắt đám giai nhân này có lẽ thấm từ lầu Ngũ Phụng ra đến tận bờ sông.

Hoàng tử Đảm (bấy giờ đã lên ngôi lấy niên hiệu Minh Mạng) đi trước linh cữu, đầu đội mũ rơm, thân mặc áo tang rộng, tay cầm một chiếc gậy tre khô. Mặt nhà vua trẻ nghiêm trang, buồn nhưng không u uất. Vẻ uy nghi của đấng quân vương triều Nguyễn hiển hiện giữa đoàn người đưa tang tựa hồ đầu một ngọn sóng bạc nhảy xổ vào dòng sử xô bồ sắp sửa diễn ra trong nền cai trị của ngài sau ký ức nhuốm buồn này. Tả hữu yên lặng, trật tự thi lễ của kẻ bề tôi. Tuyệt nhiên không có một tiếng xì xào, ho hay ngáp, mặc dù cả kinh thành đêm qua thao thức. Chỉ cần một cử chỉ vụng về thôi thì có là quan chánh nhất phẩm cũng sẽ bị phạt tội như một anh lính hầu vì dám kinh động đến giấc ngủ sớm mai của Thế Tổ. Thi thoảng tân vương dõi mắt nhìn về bến thuyền xem phía trước đã sẵn sàng tế lễ chưa, rồi lại ngó lui sau xem gia tộc, tả hữu thế nào. Ngài cũng để mắt tới đám lính khiêng quan tài và đội tùy tùng bảo vệ. Quan tài có vẻ nặng nên một số lính hơi nghiêng vai. Quan hướng kiệu của bộ Lễ có vẻ không để ý. Võ Phục thấy rõ sự tình liền ra hiệu bổ sung lính chêm vào các vị trí yếu. Đức vua có ý hài lòng, đoạn ngài lại cúi mặt xuống tiếp tục lê bước bằng tâm trạng của một đứa con vừa mất cha.

Mặt trời lên bằng ngọn sào thì linh cữu mới xuống tới bến thuyền, bắt đầu một chuyến hành trình di quan ba ngày đêm trên sông Hương để đến lăng vua dưới chân núi Thiên Thọ. Tại bờ sông, Võ Phục choáng ngợp trước vô vàn thuyền bè đưa tang đậu dọc một đoạn sông dài, lớn nhỏ đủ loại. Tất cả đều treo cờ tang. Hai bên bờ sông, dân và lính đứng dày đặc, hương án bày biện khắp nơi. Bờ sông trước Kỳ Đài dựng một đàn tế lễ khổng lồ tiễn đưa linh cữu nhà vua.

Đó là hệ thống bàn thờ, lễ vật đủ loại bày ra trước mắt. Phải mấy chục trâu, bò, lợn... được làm vật tế. Tất cả đều được làm sạch sẽ, nguyên con. Đám lính đứng cạnh lễ vật áo quần tươm tất nhưng bụng thì đói meo liếc nhìn đờ đẫn. Võ Phục nghĩ đến đám lính lệ nhịn đói mấy ngày canh tuần bên linh cữu mà thương. Cũng tại đám quân lương không chu đáo.

Trong lúc đó, các nhà sư tụng kinh rầm rì, các pháp sư ra phép xua đuổi tà ma. Quyến thuộc, quan quân thay nhau bái lạy linh cữu trước khi nó được an vị trên một con thuyền lớn được trang hoàng cực kỳ lộng lẫy, trang nghiêm. Đèn hương, nhang khói nghi ngút đến nỗi không nhận ra đâu là chút sương còn sót lại của dòng sông, đâu là khói mù do người ta đốt trầm, đốt giấy.

Hết lễ tế, linh cữu nhà vua được đưa lên thuyền. Tùy tùng, gia tộc nhà vua lần lượt bước lên những chiếc thuyền đã chuẩn bị sẵn. Lúc này, tiếng khóc vẫn không ngớt. Âm thanh não ruột cùng tiếng kèn, tiếng mái chèo khua khuấy động cả khúc sông Hương buổi sớm vốn quanh năm chỉ biết lững lờ.

Dòng sông giật thót mình sau một loạt đại bác nổ hiệu trên Kỳ đài, pháo hiệu tiễn đưa đấng quân vương quá cố rời xa chốn thành đô cung tía về an giấc nghìn thu nơi nước non hùng vĩ. Đoàn thuyền rước tang được phát lệnh di chuyển, mặt nước lăn tăn những đợt sóng nhẹ. Thuyền đi ngược dòng về hướng Tây Nam, chậm như những chiếc lá trôi trên dòng Hương mùa hạ.

127 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Võ Phục chỉ huy chiếc thuyền chở linh cữu. Đây là con thuyền thứ năm của đoàn rước. Vị vua con cũng lên thuyền này cùng với những bà phi được vua sủng ái. Ngài và bà mẹ của ngài cùng quỳ gối bên linh cữu, một chút cũng không rời xa. Mấy bà phi cứ gào khóc một hồi. Hết nước mắt thì họ thi nhau sụt sịt. Riêng tân vương không khóc, không nói. Ngài đăm đăm nhìn vô định, chỉ đưa hiệu bằng ánh mắt. Quân lính trên thuyền được ban lệnh chỉ ở một tư thế đứng nghiêm, mọi tư thế sai khác đều bị xử trảm. Ngoại trừ những lính lo việc rải vàng mã và hoa xuống sông, lo đốt trầm, đốt chổi thì tư thế tự do nhưng phải hạn chế đi lại. Võ Phục đứng né bên mũi thuyền, tay nắm thanh bảo kiếm, vô hồn như một pho tượng.

Bốn chiếc thuyền đi trước đi chậm hết sức. Đi đầu là thuyền mở đường của các nhà sư. Họ liên tục tụng kinh gõ mõ vang trời, cốt để xin đường thủy thần, ma quái. Thuyền thứ hai chở duy nhất một tấm gấm vẽ những hình thù mang vong vía nhà vua. Con thuyền chở linh hồn của Thế Tổ trôi nhẹ nhàng như lướt khói. Tiếp đến là con thuyền chở đầy vật phẩm hoa quả, bánh trái, hương thơ, ngào ngạt. Lâu lâu, những vật phẩm này lại được ném xuống sông để tế thủy thần. Con thuyền thứ tư là nơi các pháp sư nhảy múa để xua đuổi tà ma, bảo vệ linh hồn nhà vua khỏi bị xâm hại. Sau năm chiếc thuyền này là một đoàn thuyền dài dằng dặc nối đuôi nhau phủ màu tang trên dòng sông trắng. Vô khối vàng mã được đốt, được thả xuống sông. Nàng Hương được khoác một tấm áo mới sực mùi ly biệt, khiến nàng có vẻ buồn hơn. Vì thế mà nắng tháng năm dường như chẳng muốn phả cơn nóng khi rọi xuống mặt sông thăm thẳm đáy xanh.

Đoàn thuyền cứ thế đi từ từ về Thiên Thọ lăng trong ba ngày. Ban ngày thuyền đi, ban đêm tế lễ. Nhiều trâu bò, gà vịt lại được hiến tế. Mỗi lần tế lễ còn có cả phần cúng cơm cho nhà vua. Đó là những đồ ăn, thức uống, thức hút mà ngài hay dùng. Đội Ngự Thiện phải làm việc vất vả để dâng chúng lên đúng bữa cho ngài.

Đồ tế quá nhiều. Điều Võ Phục mong cũng đã đến, binh lính được tha hồ ăn những vật phẩm đã cúng tế, trừ đồ cúng cho nhà vua. Đám lính bụng dạ háo hức thi nhau đánh chén trong yên lặng, bụng thì no nhưng dạ không dám say. Có mấy kẻ mê rượu lỡ nhắp vài ngụm bị bắt được, lập tức bị ngài Tả quân Lê Văn Duyệt cho đem ra trước quân, truyền đánh vào mặt đến khi nào rụng hết răng thì thôi. Binh lính nghe chuyện sợ tím mặt, chỉ biết răm rắp phụng sự.

Võ Phục mỗi ngày chỉ ngủ độ chừng nửa canh, mặt mày líu rịu nhưng vẫn tỉnh táo để quản thúc binh lính bảo vệ linh cữu. Trong những ngày lênh đênh trên dòng Hương ấy, Võ Phục chỉ nghe nhà vua trẻ nói với mình độc một câu khi đám quần thần không ai còn bên cạnh.

"Khanh kiếm cho ta một cái ghế nhỏ để ta dựa mình lên đó."

Võ Phục vâng mệnh, đem đến cho nhà vua một cái ghế đủ để ngài gục đầu xuống trong khi vẫn quỳ bên linh cữu vua cha.

Chàng thán phục, nhà vua cũng muốn ngủ nhưng vẫn trọn chữ hiếu khi ngài an giấc.

*

Ngày 26 tháng 5 năm Canh Thìn
Thiên Thọ Sơn

Sáng sớm, trời mù sương, đoàn thuyền đưa linh cữu vua Gia Long cập bến Lăng. Từ dưới thuyền, Võ Phục nhìn thấy từ xa dưới những bóng thông, ngọn đế kỳ và vô số lá cờ tang cắm chót vót trên mái điện thờ. Bên bờ sông, dân làng Định Môn đã lập hương án, quỳ lạy một hàng dài trước bến. Đội tế lễ cũng đã chuẩn bị các nghi thức để di quan vào trong khu vực lăng. Thánh thượng đã dậy từ hồi sớm, mắt ngài sáng rạng. Ngài bước lên mũi thuyền, thả một nắm vàng mã từ chiếc giỏ của viên thái giám đưa lại.

Linh cữu được đưa lên bờ, cũng chậm y như lúc đưa xuống từ Hoàng thành. Nhưng lần này thay vì đưa xuống thuyền thì linh cữu được quàn tại điện Minh Thành nơi đã thờ bà vợ thứ nhất của Gia Long là bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu. Nơi đây ít ngày nữa cũng sẽ là chỗ trú ngụ của linh hồn tiên vương họ Nguyễn.

Nhà vua trẻ cùng hoàng tộc và triều thần ngày ngày lễ lạy, cúng bái trước linh cữu nhà vua. Các nhà sư vẫn cầu kinh cứu độ vong hồn, các thầy pháp vẫn nhảy múa xua đuổi tà ma không làm hại người đã khuất, báo oán người đang sống. Trong khi đó, Cẩm Y Hiệu úy Võ Phục đang dõi tâm hồn mình về nơi xa, xa lắm trong suy nghĩ của chàng bây giờ, mái nhà và tinh thần của một võ tướng. Lòng chàng quặn thắt khi chạm nhẹ vào chuôi kiếm.

*

Ngày 28 tháng 5 năm Canh Thìn
Thiên Thọ sơn

Buổi chiều, có tối lệnh, toàn bộ vật dụng nhà vua trước đây dùng như giường, tủ, đèn, nhạc cụ, điếu tẩu... và cả hai chiếc thuyền, một tiên vương hay đi, một để rước linh cữu của ngài, đều được đem ra đốt. Lửa cháy từ trưa cho đến chạng vạng. Các bà phi tần lúc ấy chợt khóc to hơn bao giờ hết. Bây giờ các bà vĩnh viễn ở lại Thiên Thọ để chăm sóc tiên vương, tạm biệt cung son lầu tía, võng kiệu ngựa xe, chôn tuổi xuân bên lăng phủ rêu xanh.

Cùng lúc ấy, toàn bộ đội hình đưa đám lập tức xuống thuyền trở lại kinh thành, chỉ để lại một cơ lính, các nhà sư, thầy pháp và một số người cần thiết để làm lễ mai táng.

Võ Phục đi lại Bảo Thành bên trong đã có phần mộ của bà Thừa Thiên và sinh phần của nhà vua. Tả quân Lê Văn Duyệt đi sau, đoạn chỉ vào hầm ngầm đằng sau Bảo Thành và nói:

- Tiên vương sẽ được an táng ở trong đó, ngươi nhớ làm cho sạch và kỹ!

Võ Phục y lệnh cúi đầu.

Trời bắt đầu tối. Mười lính được chọn để đưa quan tài vào Bảo Thành. Phía ngoài từ điện Minh Thành sang Bảo Thành, màn trướng được giăng kín không lộ một kẽ hở. Mọi thứ ánh sáng đều bị dập tắt. Các nhà sư tụng kinh ở ngoài, chỉ có năm thầy pháp được đi vào bên trong nhảy múa, xua tà đuổi quỷ.

Những tiếng hú man dại, những điệu nhảy ma quái. Cái không khí âm âm, tà tà lan lan trên gáy đội lính khiêng quan tài.

Họ vén lối vào hầm ngầm ở sau Bảo Thành. Bốn người được chọn để khiêng quan tài vào trong hầm cùng với Võ Phục, bảy thái giám và chín cung nữ.

Võ Phục đi sau cùng. Chàng đứng lại canh cửa hầm, vừa canh, vừa nhìn đám người nhảy múa, mấy anh lính còn lại vừa đứng canh vừa run run. Ngoài Bảo Thành dường như chẳng còn ai. Chỉ còn vang vọng đâu đây tiếng khóc hờ.

Võ Phục đắn đo giây lát rồi phất tay ra hiệu, đầu chàng ngó sang một bên. Năm tên lính rút kiếm xông vào hạ những nhát chí mạng vào năm thầy pháp đang nhảy múa. Không còn tiếng hú hú man dại, tiếng lục lạc leng keng, tiếng người nhảy thình thịch. Thay vào đó là một không khí yên lặng đáng sợ.

Họ Võ tiếp tục ra hiệu cho đám lính đứng canh cửa hầm. Đám người này lập tức thu kiếm bước lại vị trí. Lập tức một đường kiếm lạnh nhanh như ánh chớp xoẹt ngang. Năm cái xác đổ xuống.

Võ Phục bước vào trong đóng cửa hầm. Trước khi chàng đóng kín lại, ngoài kia có tiếng người thét lên kinh hoàng, nhiều âm thanh chết chóc xộc lại rợn tai. Tên từ đâu bắn tới xối xả. Chàng đóng mạnh cửa, tức thì đất đá từ đâu đổ ập xuống. Mọi thứ tối bưng.

Chàng ra hiệu cho bốn anh lính còn lại khiêng quan tài về đúng vị trí của nó ở sâu trong hầm ngầm nhiều ngõ ngách. Đám người ngồi lại một chỗ, thắp nến lên. Cỗ quan tài nhà vua nằm chễm chệ trên một bệ đá, xung quanh vô số vàng bạc châu báu và mọi thứ vật dụng cần thiết cho một đấng quân vương tạ thế. Nhưng, tuyệt nhiên... không lương ăn, không nước uống. Tất cả họ đang chờ cái chết trong nay mai, cái chết quyên sinh cùng với vị vua mà họ tôn thờ.

Võ Phục bó gối ngồi một chỗ, chàng muốn ngủ. Không ai nói chuyện, không ai cử động. Chỉ có đám cung nữ là thút thít khóc. Thời gian trong hầm mộ nặng như kéo chì. Không khí đậm đặc mùi xạ hương trộn lẫn mùi tử thi. Những ánh nến cuối cùng vụt tắt. Tiếng khóc từ từ lắng xuống theo thời gian cho đến khi chỉ còn những hơi thở hấp hối. Một anh lính chịu không nổi sự ngột ngạt đã tuốt gươm tự vẫn. Chàng cảm thấy môi mình khô lại, mắt mũi nhòe đi. Mẹ già và cả gia đình từ đâu quây lại chung quanh, người cho chàng nước uống, người quạt mát cho chàng. Võ Phục chới với ôm lấy từng người. Nhưng một tiếng cười sắc lém cất lên xóa sạch mọi dấu vết của cuộc đoàn viên:

- Dậy, dậy đi, chàng trai. Ta đến cứu ngươi đây!

Võ Phục ngó lên, một khuôn mặt hiền từ, phúc hậu của một ông già râu tóc bạc phơ. Chàng à lên một tiếng.

- Ta đến để thực hiện lời hứa với ngươi năm xưa. Nào, theo ta!

Một thứ ánh sáng lạ kỳ chớp lên giữa hầm mộ u tối. Đám người kia giật thót, bàng

hoàng.

*

Thời gian vô định
Bạch Mã sơn

Một ngôi mộ được lập nên giữa trùng trùng núi non. Bia chí ghi:

Cẩm Y Hiệu úy Võ Phục Chi mộ
Công thần khai quốc Nguyễn triều
Phụng lập: Minh Mạng Nguyên niên

Ngôi mộ ấy duy chỉ có gia tộc họ Võ biết rằng nó cũng rỗng ruột y như ngôi mộ của tiên vương họ Nguyễn trong Bảo Thành trên ngọn Đại Thiên Thọ.

Cảm tác từ Đình Môn, 2010.

(6-2013)

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

thơ

LÝ VIỄN GIAO

LÊN CHÙA

Em lên chùa với gió xuân
Hương xa nín lắng sắc gần phôi phai
Chuông sương thổn thức ngân dài
Phù vân lạc lối nắng mai bần thần

Em lên chùa với gió xuân
Đường Thiền thăm thẳm bước chân vụng về
Vương lòng bọt hận bèo mê
Chưa trong bụi tục sao về biển tu ?

LÝ VIỄN GIAO

NẠN NHÂN

truyện ngắn

LÊ XUÂN QUANG

Quầy bán quần áo của chị Hoa hôm nay đông nghịt. Chi thoăn thoắt gói hàng, thu tiền. Hầu hết là khách quen nên việc mua bán diễn ra nhanh, suôn sẻ. Đột nhiên chiếc Mobil Funk trong túi rung chuông, cào cào vào ngực. Một bà già cứ lúng túng với chiếc khoa dây khi móc tiền trả. Chi Hoa không tỏ ra sốt ruột mà kiên nhân chờ... nhưng thấy điện thoại như thúc dục... không kìm được đành moc túi lấy máy nghe. Đầu kia tiếng của một người đàn ông, dõng dạc: Chị là Hoa phải không?

Hoa vụt linh cảm thấy có chuyện gì đó, hối hả đáp: Vâng, tôi là Hoa, có chuyện gì vậy?
- Mẹ ới... mẹ ơi - tiếng bé Lê chỉ đến đây đột ngột tắt lịm. Hoa thét lên - Lê... Lê... sao thế con? Đâu rồi, con tôi...

- Chị yên trí! Chắu đang ở chỗ chúng tôi - giọng đàn ông choi chói cắt ngang. Âm thanh đập vào màng nhĩ ong ong. Người kia ngừng một chút đoạn tiếp - Chắu không sao miễn là chị không được nói với ai. Yêu cầu mang 100 nghìn tiền chuộc thì chắu an toàn... Chuân bị sẵn, chờ thông báo qua Funk.

- Bao giờ - Chị chưa kịp tiếp, đầu kia đã cúp máy.

Hoa gọi người làm thuê ra bán thay rồi vơ vội chiếc túi xăc lao tới chiếc BMW đậu trước cửa bên lề đường. Khi đã vào trong xe Hoa tự hỏi: " Đi đâu trước?... Không... Trở về nhà đã - rồi bật máy gọi chồng. Kiên nhận điện thoại cho biết đang chờ lấy hàng. Hoa gạt phắt nói như ra lệnh: Bỏ, về ngay. Có việc quan trọng - rồi cup máy cho xe lao đi. 10 phút sau chiếc BMW táp vào trước cửa nhà, Hoa hối hả lao vào phòng khách, Kiên cũng vừa về tơi, đứng xững trước khung cửa, hỏi dật giọng: Có chuyện gì thế? Sắp hàng đến nơi...
Hoa mếu máo: Bé Lê bị bắt cóc. Bọn chúng đòi tiền chuộc 100 nghìn.

- Trời! Tại sao? Em nói rõ xem nào - Kiên nóng nảy dục vợ. Giọng Hoa đầy nước mắt: Em cũng chẳng hiểu đầu đuôi ra sao? Chúng chỉ cho em nghe thấy tiếng con kêu cứu, không cho nó nói thêm rồi ra lệnh không được báo cảnh sát và chuẩn bị tiền chuộc.

- 100 nghìn? Lấy đâu ra bây giờ? Mà bao giờ phải trao tiền? Trao ở đâu? - Kiên hoang mang, bồn chồn lo lắng. vừa lúc đó chuông từ chiếc máy Funk lại reo, mắt Hoa sáng lên, nín bặt, dơ tay ra hiệu cho chồng im lặng đoạn bật nút nghe. Kiên xich lại gần - Tôi, Hoa đây. Đầu kia im lặng vài ba chục giây rồi có tiếng đàn ông, giọng trầm, ấm: Chị đang ở đâu?

- Tôi đang ở nhà cùng chồng bàn cách huy động tiền, vì số tiền mặt qúa lớn nên không thể có nhanh...

- Xin nhắc lại: Không được báo cảnh sát. Chắu hiện vẫn được chăm soc cẩn thận, nhưng chúng tôi không thể giữ cháu lâu... Chị hãy lo tiền nhanh lên, khi có lệnh, đích thân đi trao và đón chắu.
Điện thoại cắt ngay khi tiếng kẻ kia vừa dứt. Hoa không kịp tiêp lời. Chị thẫn thờ buông máy. Kiên nhắc lại - Tìm đâu ra đủ số tiền mặt bây giờ?

- Tủ bảo hiểm của chúng ta tổng trị gía khoảng bao nhiêu?

131 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Hơn trăm nghìn, chừng 30 nghìn tiền mặt.

- Anh có thể lấy số hiện vật làm vật thế chập và vay cho em số tiền này không? Nếu họ chưa tin, ta có thể đem thêm chiêc sổ đỏ của 300 met đất ở bên nhà. Ngừng một chút - Thực tình lúc này em hết sưc lung túng, chỉ anh mới có thể giúp được em, giúp con thôi - Hoa thốt lên vẻ mệt mỏi.

- Vay hàng mấy chục nghìn trong thời gian vài ba tiếng qủa thật không dễ. Cũng như mình, ai giữ khối tiền mặt lơn ở trong nhà. Chỉ...hay... ta thử hỏi Thi xem sao. Anh nghĩ chắc Thi có. Cậu ấy vừa bán cửa hàng được hơn trăm nghìn, luôn có tiền dư trữ - Kiên dè dặt đề nghị

- Anh! Anh điên hả? Chúng ta củng phải giữ chút thể diện chứ? Quên rồi sao?...

- Anh tỉnh hơn bao giờ hết! Lúc này không thể né tránh. Vả lại... vả lại - nói đến đây Kiên ngập ngừng không tiếp. Hoa nhìn vào mắt Kiên chờ đợi đoạn như vụt nhớ ra điều gì, cao giọng hỏi nhanh: Vả lại làm sao?

- Bé Lê... Kiên ngập ngừng khó tiếp mãi sau mới bật nhanh- Thôi được! Anh nói: Bé Lê chính là mẫu mủ ruột rà của Thi! Em dấu, ngộ nhỡ có mệnh hệ gì... Thi... nhất định... c ậu ta cần phải biêt.

- Anh! - Hoa bật dậy như đột nhiên ngồi phải đống kim găm dứơi ghế, đôi mắt long lanh, bắn ra thành tia sáng mồm lắp bắp - Thế ra... thế ra...

- Đúng! Anh đã lén đi xét nghiệm ADN của con. Anh cũng đã làm bố nên hiểu tâm trạng của Thi. Anh định sẽ bàn với em chuyện này vào luc thích hợp. Nhưng bây giờ không thể chần chừ! Cần phải làm như vậy, làm nhanh! - Không! Nhất định không... Hoa ngần ngừ... lát sau tiếp: Thực ra anh ngần ngại lấy số hiện vật kia là vì bé Lê không mang giòng mẫu của anh, anh bắt Thi phải gánh trách nhiệm chứ gì? - Mắt Hoa rực sáng, long lanh. Kiên cúi mặt không dám nhìn Hoa... nhưng rồi cũng ngẩng lên, giọng lạc đi - Em hiểu lầm anh rồi. Lúc này không phải giữ ý, giữ mặt. Bọn chúng đòi tiền ngay. Chúng ta cứ lúng túng... ngộ nhỡ... Vả lại thực tình không thể huy động sô tiền gấp trong khi Thi có sẵn...

- Anh im đi - Hoa gào lên. Chợt nhận ra thái độ của mình, Hoa cố bình tĩnh, dịu giọng - Thôi được. Em sẽ tự làm việc này. Dù có phải làm gì - làm gì cũng được - để có 100 nghìn - em cũng cam. Còn vay Thi - Không bao giờ. Không bao giờ! Tiếng - không bao giờ nhắc lại kia - như tiếng gào!

Dứt lời, Hoa vơ vội chiếc máy Funk lao ra khỏi cửa.

Biết tính vợ, Kiên không lên tiếng, tư lự, đi tơi gọi điện thoại... Đầu kia chừng phút sau mới có người nhâc máy. Sau vài câu trao đổi... Kiên tớp máy cũng ra xe lao đi.

**

Cửa hàng Mode - Thời trang HÒANG LAN - nằm trên một phố sầm uất. Khac với mọi lần, hôm nay Kiên đậu xe ngay ở chỗ cấm, bật đèn báo hiệu nhâp nháy rôi xăm xăm đi vào . Một người đàn ông ăn mặc có vẻ "Bôi nhếch" đang lúi húi bên chiếc may vi tính. Lan - vợ anh ta - đang sắp xếp lại đám quần áo trên gía bi khách hàng làm lộn xộn. Thấy hai người có khoảng cách hơi xa, Kiên áp sát tai người kia nói nhanh- Thi! Cậu theo tôi ra ngoài, có chuyện gay go cần thông báo gấp. Nhanh... nhanh lên!

- Làm gì mà như cháy nhà, chết ngươì vậy?

- Còn hơn thế là đằng khác. Mau lên! Đừng để cho cô Lan biết! Chưa hiểu chuyện gì nhưng thấy thái độ của bạn, Thi đủng đỉnh - Để tơ thu xếp, tắt máy. Cậu cứ ra xe chờ tớ ít phút.
- Nhanh lên! Không còn thời gian nữa!

Thi trố mắt nhìn bạn nhưng thây thái độ của Kiên hôm nay có vẻ đặc biệt, anh ta cúi xuống phím bấm nhanh tay... Kiên đi ra, mớ cửa xe trườn vào ngồi chờ, lấy điếu thuốc châm lửa rít - thuốc làm anh tỉnh táo. Lúc này anh mới tiếp giòng suy nghĩ đứt đoạn từ lúc Hoa bỏ đi...
...
Tuy Kiên và Thi hiện đang là "tình địch" của nhau, nhưng trươc khi xẩy ra tình trạng "Râu ông nọ - cằm bà kia" - họ đã từng là bạn"Nói khố". Từ bên nhà, hai người rủ nhau đến Đức sinh cơ lập nghiệp. Mãy mắn lại về sống cùng một thành phố. Sau 4 năm bươn chải, hai người lấy hai cô gái - cũng là bạn buôn của nhau. Cuộc sống của 2 gia đình ổn định rồi giầu lên, có con trai, con gái. Tưởng chừng cứ thê đi lên cùng sự thay đổi của thời gian. Thế mà ai ngờ... Chuyện bắt đầu xẩy ra vào một ngày đầu thu cách đây 6 năm.

Hôm đó...

Các đối tác Trung Quốc mời Thi sang Ba Lan thanh quyết toán mã hàng cũ và nhận hàng mới. Đã làm ăn với nhau nhiều đợt, có uy tín, Thi bàn giao việc cho vợ rồi đi ngay. Công việc suôn sẻ, dự tính nhận hàng mới rồi chuyển về cho Hoa, ai ngờ các bạn hàng Trung Quốc nhiệt tình mời nhóm đối tác của họ đi Bắc Kinh xem mẫu hàng mùa đông tơi, tham gia chọn mẫu để họ hoàn thiện lô hàng mới. Ở nhà dự kiến sang Ba lan chỉ đi 3 ngày, nhưng nếu đi Trung Quốc thì phải kéo dài thêm thời gian. Đây là công việc làm ăn lớn đầy triển vọng không thể bỏ lỡ. Vả lại, các bạn buôn Trung Quốc qúa hiếu khách, Thi lại đang là khach"Sộp", giúp họ tiêu thụ sản phẩm may mặc ở thị trường Đức khá đông khách. Mặt khac họ cũng muôn đáp lại tấm thịnh tình khi đến Ba lan giao hàng được Thi và ê kíp làm ăn "Tâm lí"..."Chiều"... Anh quyết định nhận lời, nhờ cơ sở Ba Lan chuyển cho vợ số hàng mới, báo cho Hoa việc đột xuất, đoạn hối hả lên đường. Đến Bắc Kinh anh bắt tay làm việc ngay. Sau 2 ngày mọi việc xong suôi, các bạn mời đi thăm Bảo tàng Binh Mã Rỗng cùng Vạn lý trường thành. "Đã đến Trung Quốc mà không đi thăm mộ Tần Thủy Hoàng coi như chưa đến". Nghĩ vậy, Thi lại gọi điện về cho Hoa với ly do "Không thể về ngay vì công việc chưa xong"' - và đi tiếp.

Chính cái thời điểm kéo dài đó, cửa hàng của Hoa gặp sự cố: Sở Thuế vụ - Tài chính Quận kiểm tra đột xuất. Họ đến tận cửa hàng khuân cà máy tính cùng toàn bộ sổ sách, chứng từ xuất nhập hàng - về thẩm định. Hoa cầu cứu bạn gái. Lan không rời được cửa hàng, tiếng Đức lại kém, đành bảo Kiên - chồng cô - đến giúp bạn đối phó với tình thê"Ngàn cân treo sợi toc"- như cánh bạn buôn thường ví hoàn cảnh của giới thương gia Việt Nam trong làm ăn có chỗ khuất tất, khi sở tài chính thuế vụ "sờ tới"...

Mấy ngày liền, Kiên thường phải làm việc tời tận đêm khuya. Về nhà mệt rã rời. Lan - tuy cũng phải cáng đáng cả phần việc của chồng - cô vẫn vui vẻ động viên Kiên giúp bạn trong lúc Thi không có nhà. Để chủ động đi lại, làm việc, Hoa đưa cho Kiên chìa khóa căn hộ của mình. Đã sang ngày thư 3 đi giúp Hoa.

Hôm nay Kiên không làm việc ở cửa hàng để tập hợp số liệu mà sử dụng máy vi tính ở nhà Hoa cho an toàn. 9 giờ sáng, Kiên và Lan cùng ra khỏi nhà. Lan ra cửa hàng, Kiên đến nhà Lan. Mở cửa, vào nhà bếp đã thây trên bàn sắp sẵn những thứ cần thiết cho người đàn ông điểm tâm: Phin cà phê Việt Nam vẫn đang chậm rãi nhỏ giọt, hộp sữa ông Thọ, bao Mallboro, gạt tàn chặn trên mảnh giấy hướng dẫn chan nước phở vào bát và vị trí đặt thịt bò đã ướp, chỗ để gia vị... (có lẽ Hoa vừa đi khỏi nhà - Kiên thoáng nghĩ). Anh thực hiện"lệnh" ngay. Cjỉ một loáng đã ăn xong bát phở nóng sốt, nhâm nhi tách cà phê sực nức hương thơm... 30 phút sau bắt tay làm việc. Kiên thực sự lo cho bạn mình khi đọc những tờ hóa đơn còn đang lưu giữ... tất cả toát lên: Lượm thuộm, chủ quan, lỏng lẻo quản ly, lộn xộn trong lưu trữ chưng từ. Đặc biệt qua ghi chep, vợ chồng Thi tỏ ra coi thường cơ quan Thuế vụ - Tài chính! Kiên đang nhưc đầu với tập hoa đơn thì cửa bật mở, Hoa loạng choạng đi vào. Chỉ lọt qua khung cửa Hoa đã không thể đi tiếp mà

phải dựa lưng vào tường nhà rồi khụy xuống.

Kiên bật dậy khỏi ghế lao tới dìu. Hoa từ từ đứng lên, gục vào vai Kiên. Kiên dìu Hoa vào phòng ngủ, Hoa như không còn sức, đổ vật xuông giương trong khi Kiên chưa kịp buông tay - khiến Hoa kéo Kiên đổ theo. Khi hai người định thần lại thì Kiên đã nằm đè lên Hoa. Trong khoảnh khắc ấy hai cặp môi đã gần... rất gần... và chúng tự nhiên hút lây nhau... Khi cả hai ý thưc được sự việc thì mọi chuyện đã rồi...
Không hiểu sao luc này Hoa tỉnh táo hẳn. Cô không rời Kiên mà vẫn ôm chặt. Trong cô đã có sự thay đổi lơn. Một sự so sánh từ mơ hồ rồi rồn rập ập tới... không thể tiếp giòng suy nghĩ, Hoa ôm ghì lấy Kiên như sợ Kiên rời xa. Cô đã bước qua ranh giới mà những người đàn bà đang vắng chồng - dám vượt...

Sau thời khắc hoàn toàn bị động theo bản năng, Kiên đã kịp tĩnh trí lại. Cũng như Hoa, tự dưng trong đầu Kiên xuát hiện ỳ nghĩ so sánh, bật ra câu hỏi: Tại sao mình lại hành động như vậy?
Như đoán được suy nghĩ của Kiên, Hoa thì thào - Chúng ta không có lỗi với ai. Đây là cuộc đời. Đây mới là hạnh phúc. Anh có cảm nhận được hạnh phúc không?

- Đúng! Em nói đúng! Bất kể hậu qủa ra sao, anh không hề hối tiếc!

Sau câu trả lời kiên quyết, dứt khoát của Kiên, Hoa lại ôm ghì lấy Kiên như sợ có người nào đó giật Kiên khỏi vòng tay cô. Sau thời gian vừa đủ cho cả hai người cảm nhận về nhau... họ trở dậy cùng vào nhà tắm xả nước, kì cọ cho nhau. Họ như đã gột rửa bụi băm của đường đời, dắt ta nhau ra bếp bật điện hâm lại thức ăn, đồ uống cùng nhâm nhi rồi thảo luận kế hoạch tiếp theo "sau khi Thi về, Kiên – Hoa sẽ đối diện với họ ra sao ?".

Tội nghiệp cho Lan!

Cô lấy Kiên mà trong lòng vẫn gờn gợn vì quan hệ của chồng với người bạn gái trươc đây. Nhưng rồi vui với hạnh phúc khi biết tin Hoa đã lấy Thi. Cô đặt hết niềm tin vào Kiên, không mảy may tính toán, nghi ngờ mặc dù cô đã biết chuyện qúa khứ của họ. "Khi đã có em, anh đã dứt Hoa ra khỏi tâm hồn, chỉ còn có em trong tim này"- ngay trong đêm chính thưc thành vợ chồng, Kiên đã khẳng định với Lan rồi thề thốt! Cô tin Kiên nên chỉ chúi vào làm ăn. Lan tâm niệm: Gia đình chỉ hạnh phúc khi hai vợ chồng cùng kiếm ra tiền, kiếm được nhiều tiền. Có tiền để dễ dàng mua vài mảnh đất ở bên nhà, đầu tư cho xây dựng thực hiện "một vốn bốn lời". Tiền - để mua cửa hàng quy mô lớn mở rộng kinh doanh ở Đức. Tiền để tiêu pha không tính đếm. Hạnh phuc phải là như thế. Một mái nhà tranh hai trái tim vàng chỉ có trong tiểu thuyết! Lan đã khẳng định chân lý đó là chân lý cuộc đời cô, không một chut dè dặt, nghi ngờ...
Thế mà khi cô đang bận bịu kiếm tiền thì Kiên đã không cưỡng lại được tình cũ, cùng Hoa ''xé rào'', trong khi Lan không hề nghi ngờ ngay từ lúc cho chồng đến giúp bạn...
2 tuần sau, Thi từ Trung Quốc về, mang theo bản hợp đồng kinh tế có giá trị lớn khiến anh vô tư hể hả tuyên bố với Hoa - sẽ "múc tiền như múc nước"! Hoa theo lời Kiên - Để cho "Họ" yên - sau một thời gian để chồng em - vợ anh có một tuần tràn đầy "niềm vui và hạnh phúc" - rồi sau đó hẵng hay!

Một tuần bình lặng trôi đi qúa nhanh, rồi bão tố ập đến: Cả hai cặp thực sự bị cuốn hút vào cơn lốc "chia ly" do ''chồng em - vợ anh'' chủ động đề xuất. Hai gia đình đã đi đến kết cục thê thảm : Mỗi gia đình có một người từ ngạc nhiên, lạ lùng, bàng hoàng đến Sốc! Thi tỏ ra suy sụp nhất. Anh vừa như từ trên đỉnh núi rớt xuống vực sâu. Đang hi vọng tràn trề đã bị sự đổ vỡ của gia đình tiêu hủy, làm mất hết ý chí. Thi không thể lý giải được nguyên nhân vợ đòi chia tay trong lúc anh cần có cô bên cạnh. Nhất là lại chia tay vì thằng bạn "nôi khố" - Tại sao?
Tuy Lan cũng Sốc sau khi nghe chồng lòng vòng "ấp a ấp úng như chó ăn vụng bột" – đòi li dị. Cô hiểu rõ nguyên nhân dẫn tới sự đổ vỡ này rồi tự an ủi mình rằng, khó có thể dùng lý trí để giải thích việc yêu hay không yêu nhau. Rằng, sự đổ vỡ này còn có nguồn gốc sâu xa... Bât giac Lan nhờ tới câu tổng kết của người đời "Tình cũ không rủ cũng tới"- cô thở dài bật ra thành lời -

Huống hồ mình lại tạo điều kiện cho chúng nó "rủ" nhau! Âu đây chính là số mệnh. Trước sau, sơm muộn cũng sẽ phải xẩy ra. Đành vậy! Bát nước đã đổ, làm sao hót lên được. Phải chấp nhận, đối diện với sự thật phũ phàng, dù đắng cay, đau khổ.

- Thôi được! Em không thể níu giữ anh khi anh đã quyết! Nhưng bốn chúng ta đã, dang là bạn thân. Em và Hoa còn hơn cả bạn thân. Chúng em thực sự như chị em ruột thịt - Nhưng trước khi "kiềng" mặt nhau, Em muốn chúng ta cùng đối mặt để nói những lời cuối cùng rồi ai đi đường ấy cho thanh thản! Anh hãy bảo với Hoa rằng đây là mong muốn của em!
Không thể tưởng tượng được ngày thường Lan chân chất, hiền lành, chăm chỉ như con bông bống, thế mà trước vấn đề hệ trọng này, cô lại nói năng dịu dàng, rành rọt, bình tĩnh đến kỳ lạ. Kiên thấy lo lắng rồi tự hỏi "liệu đây có phải khí trời lắng dịu trươc lúc có giông bão không"?
Như đóan biết được ý nghĩ Kiên, Lan trấn an - Anh yên tâm! Em không rồ dại, đanh ghen kiểu mấy cô gái buôn ở chợ. Em cũng ghen nhưng theo kiểu Hoạn Thư cơ. Đó là suy nghĩ hành động của người đàn bà cổ, cách đây mấy thế kỉ nhung tiếc thay thời nay sẽ không có hoàn cảnh, điều kiện đó.... Vả lại đây là nước Đưc! Em cần gì phải làm như vậy. Còn nhiều việc quan trọng đang ở phía trươc. Cho nên anh bảo Hoa hãy yên tâm. Cuộc gặp mặt Hoa lúc này, chỉ thuần túy nghe nó nói, xem nó có thực sự yêu anh như em đã yêu không? Thế thôi. Anh đi gặp nó rồi báo cho em biết ngày giờ, địa điểm. Dưt lời Lan liếc nhìn đồng hồ, đứng dậy ra xe - vì đã sắp đến giờ mở cửa hàng!

...Nghe Kiên nói, Hoa thấy trong lòng gai gai. Không phải cô sợ bạn đánh ghen kiểu thông thường mà thấy mình có lỗi, thoáng xuất hiện sự ân hận... Từ sau khi hai vợ chồng nói chuyện chia tay, Thi giận, đến nhà người bạn ở nhờ. Sau khi cân nhắc, Hoa gọi điện cho Thi thông báo nội dung cuộc gặp mặt do Lan đề xuất. Thi còn chần chừ chưa quyết. Cùng lúc, Lan cũng nghĩ ngay đến Thi, muốn Thi cùng có măt nên gọi điện cho anh. Sợ Thi không đến, Lan khuyến khích: Nên đến ! Đến để nói vài lời cho hết tình hết nghĩa. Thi trả lời cả hai ngươi đàn bà rằng anh đồng ý.
Công việc chuẩn bị cho cuộc gặp mặt được tiến hành khẩn trương. Phải đối diện với Lan là chuyện cực kì gay go. "Đã đến nước này còn e dè gì nữa - Hoa tặc lưỡi - Thì hãy đến một lần này thôi" - Nhưng không biết "nó" định giở trò gì đây? Cô vẫn thắc mắc về lời yêu cầu của "tình địch".
Cuối cùng Hoa quyết định cuộc gặp mặt sẽ diễn ra vào trưa ngày chủ nhật tại nhà. Đúng giờ hẹn, 3 khách đên cùng lúc. Đã tự xác định cho mình vai trò chủ nhân, Hoa mời mọi người vào bàn, bình tĩnh nói vắn tăt: Đây có thể là lần cuối cùng chúng mình ngồi cùng nhau. Bởi vậy mình cần nói lời xin lỗi Lan và anh Thi. Toàn bộ sự việc xẩy ra là do mình chủ động, anh Kiên hoàn toàn bị động. Lan có thể trách mình. Mình chấp nhận mà nói rằng - đây mới là hạnh phúc, là cuộc đời! Không ai có lỗi. Có chăng là do số mệnh an bài, chúng ta chỉ an phận làm theo. Mong hai người thông cảm!

Bàn tiệc im lặng.

Càng như kích thích trí tưởng - đột ngột tiếng Lan vang lên: Mấy hôm trước mình chưa hẳn đồng ý là chẳng ai có lỗi trong việc 2 gia đình chúng ta đổ vỡ. Nhưng nghĩ kĩ... bây giờ đúng là do số mệnh. Chúng ta không thể cưỡng được số mệnh. Chính vì suy nghĩ như thế nên mình đã đề nghị có cuộc gặp mặt này. Mình đến là để nói lời cuối cùng cho việc kết thúc một mối tình đau khổ, để sau này khi con cái chúng ta trưởng thành, mình sẽ giải thích với các con về nguyên nhân sự bất hạnh chúng phải gánh chịu. Chắc anh Thi cũng nghĩ thế.
Lan trầm ngâm giây lát.

Mọi người thì vẫn im lặng...

Bỗng như bừng tỉnh giọng Lan căng lên, khiên người nghe bị kích thích - Mình phải gánh chịu hậu qủa là đáng đời. Mình đã yêu Kiên mù qúang. đã thả lỏng, thả rông, khiến Kiên như con chó hoang. Chó hoang này gặp con cái động cỡn và thế là chúng xoắn lấy nhau. Đôi "Cẩu Nam- Nữ" đã làm cái việc mà con đực, con cái bệnh hoạn, bất chấp tất cả - thỏa mãn dục tính.

Lan ngừng một chút để lấy hơi.

Mặt Hoa biến sắc: Đỏ bừng rồi tái sạm...

Lan vẫn phóng cặp mắt rực sáng nhìn Hoa, gằn giọng: Mình và Lan thân nhau - thân nhau đến độ như người đời thường nói - Chị em con chấy cắn đôi. Thế mà... ai ngờ... con chấy Hoa không cắn, lại... cắn - Lan đột ngột ngừng lại như chiếc loa nén bị mất điện! Từ lúc ngồi vào bàn đến giờ Thi tỏ ra buồn bã, im lặng. Khi Lan ngừng, anh nối tiếp, giọng nghe thê thảm, tuyệt vọng: Mình thật không ngờ Kiên và Hoa lại đi làm cái việc đồi bại này. Không ai có lỗi ư? Thật không? Lúc này mà còn nói như thế thì thật qúa đáng. Mà còn gì để nói, để bào chửa cho hành động "thú vật" nữa nhỉ?

Đến đây Thi nghẹn ngào không tiêp.

Trong khi Kiên, Hoa chưa ai đáp lời thì Lan lại hương vào Thi, giọng vẫn chưa hết kích động: Anh Thi! Việc gì mà bi lụy thế? Không chừng đây là bươc ngoặt lớn của đời anh đấy! Nếu thấy không còn chỗ nào để đi, hãy đến chỗ em mà tá túc, nhà em vẫn còn 1 phòng trống. Kẻ khác thì còn lâu mới bước được vào cửa này. Còn anh thì khác. Dù sao thì anh em mình cũng đã từng là bạn - bạn trong sáng (Lan gằn giọng) - gần chục năm nay. Giờ cùng hoàn cảnh. Và lại... vả lại... em muốn cùng anh mở to mắt nhìn họ, xem họ sống và "hạnh phúc" ra sao? Đời còn dai! Mọi chuyện mới chỉ bắt đầu! Dưt lời Lan đứng dậy dõng dạc: Thôi đủ rồi, Thi! Em không thể ngồi tiếp. Nếu anh còn là anh thì hãy đứng lên, về để cho họ "hạnh phúc"! Dứt lời Lan săm săm bước đi.

Thi như bừng tỉnh lặng lẽ đứng lên theo Lan.

Kiên - Hoa chỉ kịp trố mắt nhìn.

Tình bạn, tình yêu đã tan như bọt nươc xà phòng - kết thúc trong vài ba mươi phút! Cuộc đổ vỡ của hai gia đình đối với 2 người đàn bà qúa sâu nặng. Đúng như dự kiến và lời đề nghị của La, Thi dọn đến ở nhờ Lan rồi tự dưng ''hai kẻ thất bại'' gắn với nhau trong sự đau khổ mà lúc đầu chỉ là sự trả thù'' kẻ bạc tình''. Hai người đàn bà từ mặt nhau suôt 6 năm qua. Nhưng chồng của họ thì khác hẳn. Kiên ngượng với Thi chứ không phản ứng trước sự nổi giận của bạn trong trạng thái "bị cắm sừng". Đến khi cả hai cần nhau trong công việc làm ăn thì Kiên đã hầu như không ngại ngần, e dè mà chủ động làm lành với Thi. Anh đã nhiều ngày ân hận, dằn vặt về hành động của mình.

Thi vốn yếu đuối, bao dung, vả lại Kiên chủ động và cái chính - Kiên là khách hàng lớn nhất, đầu mối tiêu thụ nhanh các Contene quần áo của Thi do các đối tac Trung Quốc gửi sang. Thi chỉ giận bạn vài năm rồi sợi giây tình cảm có sẵn từ bên nhà, mối lợi kinh tế hiện tại đã xóa nhòa mối hận mà mấy năm trước đã có lúc Thi nghĩ quẩn, định mang súng "thanh toán" tình địch. Và quan hệ thân thiện được nối lại, đối với Thi, còn một nguyên nhân sâu xa khác: Sau khi Thi đến với Lan, anh như thực sự được đổi đời. Cuộc sống gia đình bình lặng. Cả hai chăm chỉ làm ăn, tiền cư vào ào ào như nước chảy... Lời "tiên đoán" của Lan 6 năm trươc đã trở thành sự thật. Tái ông thất mã... Số mệnh đã đưa Thi - Lan đến với nhau. Lan đã hoàn toàn thực hiện được ước mơ! ...

- Sao? Có chuyện gì mà hoảng lên thế? - Thi vừa nói vừa mở cửa xe trườn người vào đệm ghế. Kiên bừng tỉnh, không kịp trach phải chờ lâu, anh noi hổn hển, gâm gấp: Bé Lê đã bị bắt coc! Bọn chúng đòi tiền chuộc một trăm nghìn.

- Ủa? Bọn nào mà táo tợn vậỳ? Cháu hiện có sao không?

- Bọn mình đang ra sức huy động. Hoa đang tất tả chạy ngược chạy xuôi - Kiên thăm dò.

Thi tỏ vẻ thông cảm - Tai họa thật! Chỉ trách các cậu gặp vận áo xám. Nhưng đành vậy chứ sao. Không có phải đi vay, kể cả" vay nóng". Chả lẽ bó tay à? Bé Lê là con các cậu mà.

- Nếu bé Ngọc Anh của cậu rơi vào trường hợp này thì các cậu sẽ giải quyết thế nào?- Kiên buông câu thăm dò.

- Chả thế nào cả. Vay, cầm cố, bán tất cả miễn là có đủ tiền để chuộc con!

- Bọn mình hiện đang gay go. Cậu có thể cho vay được không? Chỉ là đáp ứng kịp thời cứu bé Lê, sau đó sẽ trả. Sẽ có vật thế chấp!

- Vay à?- Thi ngừng lại suy nghĩ ít giây đoạn tiếp - Đối với các cậu mình chả có gì không tin tưởng. Nhưng... nhưng... vừa bán cửa hàng, có hơn trăm nghìn tiêu cả vào việc khác rồi. Cậu thử hỏi bọn thằng Phát, thằng Du, con Mai xem sao? Nhất định chúng nó có tiền đấy. Nếu cậu vay "nóng" chúng nó gật ngay - Thi trả lời thật bình thản. Bình thản theo kiểu cháy nhà hàng xóm bình chân như vại rồi cúi mặt tuồng như đang lo lắng thay cho bạn. Kiên biết Thi luôn có số dự trữ tiền mặt, hàng trăm nghìn để nhập hàng và thanh toán, chi trả cho chủ hàng - "Đây là cách từ chối khéo". Kiên đã thấy nóng mắt, nhưng vẫn cố kìm giữ, giọng vẫn nhẹ nhàng - Cậu cố gắng giúp mình. Tất nhiên chuyện cũ mình và Hoa có lỗi với cậu. Cậu có thể giận mình...

- Im đi! - Thi ngẩng phắt lên nhìn thẳng vào mắt Kiên, giọng gay gắt - Tốt nhất cậu đừng bao giờ nhắc lại chuyện kia nữa. Tôi không còn nhớ... hay nói cho câu rõ: Nhờ có cậu mà tôi thực sự đổi đời. Tôi hạnh phúc khi được sống với Lan. Còn chuyện vay tiền thì tôi đã nói rồi, thực tình hiện tại không có!

Gía Thi đừng nhắc đến...

Gía Thi... Mắu bốc lên, Kiên không còn làm chủ được mình - gằn giọng: Cậu cạn tầu ráo máng thế ư? Thôi được. Đã vậy thì cậu nghe đây: Bé Lê chính là giọt mắu của cậu chứ không phải của tôi! Nếu cậu vô tình đến như vậy thì con cậu có mệnh hệ gì, đừng có trach là tôi không nói trước! Câu xuống xe - Kiên mở máy.

- Khoan! Cậu nói sao? Nhắc lại xem? Đừng hòng lừa được tôi – Thi hỏi lại.

"Đã đến nước này thì" - Kiên tắt máy dịu giọng- Bé Lê vừa ra đời, tôi đã ngờ ngợ... đặt vấn đề với bệnh việc thử ADN... tôi đã làm cái việc tồi tệ của người đàn ông hẹp hòi...
- Tôi không tin - Thi gào lên - Cậu lại lừa tôi. Cậu lừa tôi hết lần này đến lần khac - kể cả lừa rồi cướp vợ tôi. Bây giờ lại dựng truyện, lợi dụng cả đứa trẻ để tiếp tục lừa tôi tiền. Cậu là thằng bạn đồi bại, khốn nạn nhất trên đời này!

- Nêu trươc đây cậu ghán cho tôi như vậy, đành chịu. Nhưng lúc này, tuyệt đối không đúng. Đây hoàn toàn là sự thật! Tôi thề là không bao giờ lợi dụng con. Chính vì vậy tôi phải thông báo cho cậu. Bây giờ không phải lúc tranh cãi. Không còn thời gian nữa. Nếu không gom đủ tiền cho bọn tống tiền, tính mạng con sẽ nguy hiểm.

Trước thái độ chân tình của Kiên, Thi bỗng thấy chột dạ. Nhưng ấn tượng xấu về Kiên trong qúa khư qúa sậu đậm nên anh ta vẫn tỏ ra cảnh giac. Sau một lúc suy nghĩ, cân nhắc, Thi quyết định: Thôi được! Chúng ta tạm dùng giải pháp này - Tôi ứng trước 100 nghìn, coi như cho cậu vay. Nêu sau này xét nghiệm, bé Lê đúng là con tôi thì số tiền đó tôi không đòi lại. Còn nếu không, cậu phải hoàn trả.

- Cũng được - Thấy Thi nói vậy, Kiên buột miệng ngay - "Lúc này cần có đủ tiền chuộc đã, bất kể đó là điều kiện gì"- Kiên dục - Đưa nhanh lên đừng làm bọn tống tiền nổi xung....

- Nhưng...

- Còn nhưng nhị gì nữa?

- Cậu phải chờ tôi vào lấy tiền đã chứ - Thi lao vọt đi ngay...

... Khi hai ông bố đang "giằng co" nhau thì ở sào huyệt của nhóm tống tiền - trên tầng áp mái của ngôi nhà cổ, nằm bên đường, ẩn dưới tán những cây sồi cổ thụ - cũng đang diễn ra cuộc trao đổi của 3 người đàn ông. Họ quây xung quanh chiếc bàn gỗ ọp ẹp. Người cứng tuổi chỉ chừng trên dưới bốn chục biệt danh là "Chu Du" vẫn trầm ngâm nghe hai thuộc hạ - một trẻ một trung niên - tranh luận gay gắt xung quanh vấn đề: Chỉ lấy tất cả tiền chuộc bằng tiền mặt hay cứ lấy cả tiền mặt lẫn đồ trang sức quy đổi ra. Khi cuộc giằng co tới hồi gay gắt, Chu Du mới lên tiếng: Con Hoa, thằng Kiên đâu đến nỗi thiếu tiền, mà sao chúng rề rà vậy? Hay thằng bé kia không phải của bọn nó? Tình hình này kéo dài là không ổn. Thằng nhỏ lại đang sốt...

- Theo em biết, chúng nó vừa gửi tiền về mua đất- người trẻ hơn giải thích.

- Em nghĩ chúng ta cứ lấy 30 nghìn cùng số trang sức kia. Chần chừ là bất lợi. Đã hơn một ngày rồi. Cứ tiếp tục thế này ngộ... nhỡ... Già néo đứt giây. Vàng ngọc cũng là tiền cơ mà. Chúng nó thực sự không còn tiền mặt chư có phải cố tình chần chừ đâu - Người lên tiếng sau cùng chỉ chừng 20, nhưng phong cách, nói năng tỏ ra già dặn, từng trải.

- Thôi được - Chu Du gật đầu - Gọi điện cho con Hoa, bảo nó là chúng ta đồng ý. Hảy chờ lệnh để đi giao tiền! Như chợt nhớ ra, Y hướng vào tên trẻ nhất, dặn- Cậu và thằng nhỏ chỉ được ở 2 phòng này. Vì ở dưới gia đình thằng Liêm đang về Việt Nam, trên này có động nhẹ cũng không bị phát hiện. Đừng để nó kêu la. Đút cho nó ăn vì đã cả ngày nó không chịu ăn uống. Tôi và cậu - gã hướng vào tên còn lại - cùng đi. Tôi từ xa chỉ đạo qua Funk, cậu cứ thế làm theo. Lãy được tiền giông ngay về địa điểm dự bị chờ. Về đến"Ổ" hãng gọi điện cho thằng Kiên đến đón con. Đừng để nó nhận ra tiêng của cậu...

Hai tên dạ vâng rồi ai vào việc nấy.

...

Lần này thì đúng là "mấy phút" thật. Thi từ trong cửa hàng hớt hải lao ra, đưa cho Kiên xấp tiền toàn tờ 500. Chợt nhớ ra, rụt tay lại bảo- Cậu hãy cứ viết cho tôi giây vay nợ. Nghe xong, Thi lại băt đầu nóng mặt - "Con sắp nguy mà nó vẫn rềnh rang - đồ khốn - Kiên chửi thầm nhưng biết tính bạn, lẳng lặng vơ vội tờ giấy lộn trong hộp viết nhanh vào mặt sau... xong, uể oải đề máy...

- Nhưng !

- Lại còn gì nữa- Kiên bực mình nói lớn.

- Làm thế nào để thuyết phục Hoa cho bé Lê đi xét nghiệm. Tôi biết tinh cô ấy. Nhật định cô ấy phản đối!

- Cậu thật ngu. Cần gì phải cho cô ấy biết. Trong tay tôi đã có toàn bộ hồ sơ sức khoẻ của bé Lê. Nhanh lên! Đừng con cà con kê nữa.

- Được- Mắt Thi sáng rực. Anh ta trườn khỏi xe. Kiên từ từ nhà chân Ga, Thi đứng lại rồi đột ngột chạy theo, bám cửa xe nài nỉ - Cho tôi đi cùng.

- Điên à? Cậu mà xuất hiện lúc này là hỏng mọi việc. Hoa biết tiền này của cậu cô ấy không lây

đâu. Cứ ở nhà chờ. Sau khi xong mọi việc tôi sẽ thu xếp, thuyết phục và cậu sẽ gặp con trai. Thi ngẩn người, gật đâu, đứng tần ngần nhìn chiếc xe của Kiên rẽ ngoặt ở ngã tư đầu phô rồi mới thẫn thờ quay trở lại cửa hàng.

**

Tuy đã cầm tiền trong tay, không hiểu sao Kiên thấy lòng da nôn nao. Xe đến trước cửa nhà nhưng không còn chỗ đậu, đi tìm chỗ thì lâu, xa. Thi quyết định đậu xe ngay ở chõ có biển cấm - chấp nhận bị phạt - Kiên tặc lưỡi rồi hối hả chạy về nhà, rút chìa khóa mở cửa - chột dạ nhưng rồi yên tâm ngay - khi nhìn thấy Hoa đang ngồi bất động trên sa lông chăm chắm hướng vào chiếc hộp đồ trang sức mà hai vợ chồng đã gửi trong tủ bảo hiểm của nhà Bank từ mấy năm nay. Hoa ngẩng mặt nhìn Kiên như thôi miên nhưng vẫn không lên tiếng. Kiên thở phào tiến đến, dơ gói tiền - khẽ khàng: Anh biết em nóng lòng vì không liên lạc được. Anh bận xoay dở tiền và đây là 70 nghìn (anh ta đã tranh thủ rút ra 30 nghìn từ lúc trên xe), em cầm lây rồi đi đón con. Hoa dịu lại, đột nhiên òa khóc. Kiên kéo Hoa vào lòng an nủi- Thôi nin đi! Lúc này chúng mình phải thật bình tĩnh. Nói cho anh biêt tình hình thế nào, bọn chúng đã gọi điện đến chưa?

- Chúng nó gọi điện 2 lần. Không có anh, lại chưa đủ tiền, em nói sẽ đưa cả đồ trang sức, lúc đầu chúng không nghe, doạ... nhưng vừa giờ chúng báo đã đồng ý và yêu cầu em chuẩn bị sẵn, khi có điện thì nghe theo lời chỉ dẫn giao tiền và đón con. Em lo lắng bôi rối qúa!

- Như thế là được rồi. Bọn tống tiền người Việt thực chất chỉ muốn lấy tiền chứ chúng không giết con tin, nhất là trẻ con. Cứ để xong việc rồi anh sẽ cho chúng biết tay. Anh đang suy nghĩ về lũ này... anh nghi ngờ... Hoa nín khóc, ngẩng mặt nhìn chồng. Kiên dừng không nói tiếp, xoay người ôm vợ, vuốt tóc, lau nươc mắt đầm đìa trên má Hoa. Chiếc đồng hồ điện tử treo tường phát ra tiếng chuyển động của kim nghe rất rõ...

Thời gian chậm chạp trôi đi... Đột nhiên chiếc Nokia vừa rung chuông vừa kêu xịch xịch xoay tròn trên bàn. Hoa vô lây nghe... vài phút sau tắt máy đứng phắt dậy, Kiên định đi theo, Hoa ngăn lại - Chúng chỉ cho mình em mang tiền đến. Từ lúc này em phải làm theo chỉ dẫn qua Funk. Anh ở nhà chờ chúng gọi điện cho địa chỉ thì đi đón con. Kiên đành đứng nhìn vợ tất bật đi ra cửa.
... Cùng luc Hoa đang trên đường tới nơi giao tiền thì ở ngôi nhà bọn cướp đang ở xẩy ra biến cố: Sau khi chính quyền mới của Berlin trả lại ngôi nhà của tổ tiên, ông chủ nhà quyết định cho sửa chữa lớn. Theo luật của nước Đức mới: Nhà cũ nằm trên những phố chính, khi sửa chữa, sẽ được ngân sách tài trợ cho một phần để làm đẹp mặt tiền ngôi nhà, đảm bảo giữ nguyên nét cổ kinh của kiến trúc khu phô cổ. Chờ đã 3 tháng. Đúng hôm nay đại diện phòng quy hoạch của Quận đòi đi kiểm tra trươc khi rót vôn. Ông phải đưa họ tới tận nơi quan sát thực địa...
Từ trong cửa sổ trên tầng áp mái, ngôi nhà, Xuân nhìn xuống thây đoàn người từ cổng tiến vào. Gã chợt nổi da gà. Tầng áp mái vì không có ai thuê, chủ nhà khóa từ lâu nên bị hư hỏng nặng. Do kế hoạch bắt cóc ập đến nhanh, 3 tên quyết định cậy khóa đưa bé Lê vào trú tạm, dự kiến một ngày. Thế mà... -"dường như họ lên đây" Xuân nghĩ nhanh. Tiếp sau đó là tiêng bước chân nện rồn rập trên cầu thang câu tạo bằng gô - đi lên . Không kịp suy tính gã vội gọi điện cho Chu Du thông báo tình hình... Chu Du hốt hoảng chỉ kịp nói trong máy Funk bảo tên đàn em - Bỏ, giông nhanh, rồi bấm máy gọi cho người bạn ở bên kia biên giới... hai bên trao đổi ngắn gọn... gã tớp máy nhanh, lẩn vào giòng người tâp nập ra vào cửa chính của siêu thị Kaufland Center, thoát ra đằng cửa hông sang một phố khác. Rất may có chiếc Taxi đi tới, Chu Du vẫy, lên xe ra ga Ostbhanhof hòng kịp chuyến tầu nhanh đi Hungary qua Praha. Hắn lo sợ sự việc vỡ lở, cảnh sát bắt được thì ít, mà sợ bố đưa trẻ biết sẽ trả thù - thì nhiều...
Xuân gọi điện xong cũng đúng lúc nghe thấy bên ngoài lạch cạch mở khóa rồi tiêng đẩy cửa. Không còn kịp suy tinh, gã trèo lên bậu cửa sổ quan sát: Từ tầng 3 xuống đất khá cao, tuy vậy bên dưới mép bậu cửa sổ, cách chừng 3 mét có mái giật tạo ra khoảng mái rộng. Nêu nhẩy đúng điểm này có thể từ đây xuống đất dễ dàng.
Bên ngoài, một vật nặng tông vào cánh cửa khiến căn phòng rung động... gã mở mắt nhìn vào

điểm rơi rồi buông tay. Mái nhà hơi dốc, có lẽ lo sợ, vội vàng nên dự tính và hành động không chuẩn, gã chỉ chạm chân vào điểm kia rồi bật lên, tiếp tục rơi xuống đất.. Trọng lượng cơ thể gần 70 Kg lại bị lệch hướng khiến gã rơi ngiêng. Nếu trên nền đất bằng phẳng chắc gã có thể thoát hiểm. Đằng này rơi ngiêng lại đúng vào hòn đá to cỡ nắm tay khiến ổng đồng ép vào hòn đá. Xuân nghe tiếng Rắc rồi không thể kìm được - thét lên... Tuy vậy vẫn cố bò dây định giông ra cổng, biến nhanh. Thế nhưng... gã lại nghe thấy xương ống đồng lạo xạo, lần này gã rú lên rồi đổ vật, ngất đi. Ở trên căn hộ áp mái, Ông chủ nhà cùng 2 nhân viên đi cùng tông được cánh cửa bật ra, 3 người ùa vào thấy đưa trẻ đã mê man, nhịp tim đập rất chậm... Họ gọi xe cấp cưu. Các nạn nhân được cập tốc đưa đi. Bé Lê bị sốt cao - điều quan trọng - hôn mê lâu mà không được chữa tri ngay nên bệnh đã biến chứng... Mặc dù các bác sĩ danh tiếng của bệnh viện Unfalls Krankenhaus đã hết lòng cứu chữa mà cũng đành bó tay. Từ nay bé Lê sẽ trở thành Người thực vật!

... Đoàn tầu liên vận quốc tế dừng lại ở Ga biên giơi để cảnh sát biên phòng của hai nước kiểm tra. bàn giao trước khi tiếp tục hành trình. Chu Du xuống tầu, lẻn vào ẩn mình trong bụi rậm của khu vườn nằm sát đường biên (1). Đặc điểm của biên giới Đức - Tshech, đoạn này hầu như không có ranh giới cột mốc rõ ràng. Dân cư hai nước sống sát cạnh nhau: Hàng rào, khu vườn chính là biên giới hai quốc gia. Gã tưởng cũng như mọi lần - cũng bằng cách này - sẽ đạt được mục đích: Chỉ cần mươi phút cảnh sát biên phòng giao ca, gã sẽ nhanh như vận động viên điền kinh lao vút ra, nhẩy qua chiếu dậu gỗ chỉ cao chừng 70 phân vượt sang bên kia là "vẫy tay... vẫy tay chào nhau... lần cuối và trọn cuộc đời" – Chu Du thoáng trong óc bật ra câu hát giọng khê đặc của Chế Linh mà thế hệ gã ở ngoài này hầu như ai cũng thuộc. Gã chào nước Đức, nơi đã ngang dọc một thời, nơi đã có qúa nhiều kỉ niêm buồn vui... "hãy kiên nhẫn trong 15 phút nữa"- gã tự an ủi - chờ và chuẩn bị - Phắn!

Vì qúa căng thẳng trên dường trốn chạy, mệt, đói - gã ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào gốc bụi cây thân mảnh, nhắm mắt mường tượng ra chặng đường mới - chặng đường của kẻ thất thế. Chỉ còn không bao lâu nữa gã sẽ lại tới nơi mấy năm trước đã từng tá túc, giờ trở lại, không biết lũ bạn còn ai ở đây?

- Rồi sau đó ta sẽ đi đâu?

- Kệ đời! Cứ cốt thoát thân lúc này đã. Mọi chuyện sẽ tính tiếp...

Giữa lúc đó một vật lao vào người... Cú va rất mạnh, hai vai tê nhức. Gã choàng mở mắt: Cái đầu của con Berger lai sói, to như con bê chỉ cách mặt chừng gang tay. Hai chân trước của nó bá trên hai vai. Móng vuốt của hai chiếc chân kia xuyên qua lượt áo cắm vào da thịt nhức buốt. Hai hàm răng nhọn hoắt với hai chiếc răng nanh to, dài - đang nhe ra. Đôi mắt nó phóng hai tia sáng làm mắt gã hơi chói. Mùi hôi thối từ trong mồm con Berger phả ra khiến gã muốn lộn mửa. Vẫn nhớ đặc tính của những con chó hình cảnh: Chỉ cần cụ cựa, nó tưởng chống cự - là sẽ ngoạm lấy yết hầu. Gã biết thân biết phận ngồi bất động.

Một mũi súng chạm vào thái dương. Con chó buông vai gã, lùi lại. Tiếp sau là tiếng hô: Đưa tay ra phía sau. Gã ngoan ngoãn làm theo. Chỉ loáng cái, hai cổ tay đã bị khóa, một người khác xốc nách gã đứng dậy - dẫn đi...

Tên đàn em còn lại của Chu Du cũng bị tóm trong khi loay hoay tìm cach vượt sông Oder - đoạn sông làm biên giới ngăn hai nước Đức - Ba Lan.

Tháng 5 năm 2009

(1) - Dạo đó hai nước Đức - Tiệp chưa kí hiệp định thông biên giới.

LÊ XUÂN QUANG

140 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

BÁN KHOÁN

truyện ngắn

PHÙNG THÀNH CHỦNG

Vợ chồng anh sinh con gái đầu lòng. Ca đẻ khó. Đứa trẻ ra ngược! Tuy phải phẫu thuật nhưng rất may là cuối cùng vẫn mẹ tròn con vuông. Theo giấy chứng sinh, con anh cân nặng ba cân hai, tình trạng sức khoẻ tốt. Vậy mà không hiểu sao sau khi đón con từ bệnh viện về, ban ngày thì bé rất ngoan, đói thì bú, trụt vú mẹ là ngủ; nhưng cứ đêm đến, quãng từ lúc gà lên chuồng cho đến nửa đêm là nó cứ khóc ngằn ngặt và oằn người lên như đau đớn ở đâu đó mà không nói ra được! Vợ chồng anh phần vì phải thay nhau thức để dỗ bé, phần vì nghe con khóc mà xót cả ruột, có muốn ngủ cũng không ngủ được, nên cả hai đều rộc hẳn đi! Đưa bé đi viện, bác sĩ cũng chịu không phát hiện ra đó là bệnh gì! Tình cờ có người mách những trường hợp như vậy ở trẻ sơ sinh gọi là khóc *dạ đề* và khuyên vợ chồng anh thay vì đưa con đi viện nên tìm đến một pháp sư. Có bệnh thì vái tứ phương, sau khi nghe anh trình bày, vị pháp sư lấy ra năm đạo bùa để vào một chiếc đĩa rồi miệng thì lầm rầm phù chú trong khi hai tay lúc thì bắt quyết lúc thì huơ huơ ba nén hương thành những hình loằng ngoằng trên đó như đang viết vào không khí. Rồi đưa cho anh mấy đạo bùa, ông ta khẳng định: *Cháu sẽ đỡ dần và sẽ dứt khóc muộn nhất là sau chín ngày nếu là cháu gái và bảy ngày nếu là cháu trai* sau khi đã dặn dò anh những việc cần làm. Theo đó, trong năm đạo bùa, một đạo được mang trong người cho bé, một đạo treo nơi đầu giường nằm, một đạo để dưới đít hòn đầu rau bà (chân giữa nếu là kiềng, bếp dầu hoặc bếp gaz); tiếp đến anh phải sang nhà hàng xóm và phải là người khác họ, lấy trộm (chứ không được hỏi xin) lấy một chiếc đũa; sau đó mang về dùng dao tách đôi phần trên, kẹp vào đó một đạo (trong số hai đạo bùa còn lại) rồi cài lên chái nhà. Đến đây, ông ta lưu ý anh một điều là trong suốt quá trình thực hiện những công đoạn trên nếu có gặp ai và dù có ai hỏi han, kể cả đó là những người thân trong gia đình, anh cũng phải làm ngơ như không nghe tiếng và không được trả lời; rằng anh chỉ được phép giao tiếp với mọi người xung quanh khi những công đoạn nói trên đã hoàn tất và dặn anh phải nhớ kỹ điều đó. Cuối cùng, chờ khi bé khóc dữ, lấy nốt đạo bùa còn lại để vào một chiếc đĩa và đổ vào đó một ít cồn hoặc rượu có nồng độ cao rồi đốt lên và dỗ

141 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

cho bé nhìn vào ngọn lửa. Sau đó, chờ khi đạo bùa đã cháy hết, dùng ba đầu ngón tay dập dập vào phần muội tro trong lòng đĩa rồi xoa vào hai bên bả vai cho bé…

Anh đã thực hiện tất cả những điều đó như một kẻ bị ám thị và kỳ lạ thay - đúng như lời vị pháp sư nói – con anh đỡ dần và đến ngày thứ chín thì dứt khóc hẳn. Hôm trả lễ, anh được vị pháp sư đọc cho nghe bài thơ nói về phép tính giờ trẻ con:

Chính thất sơ sinh Tị Hợi thì
Nhị bát Thìn Tuất diệc kham nghi
Tam cửu Mão Dậu chính thời sát
Tứ thập Dần Thân dĩ định kỳ
Ngũ thập nhất Sửu Mùi chính thị
Lục thập nhị Tý Ngọ tiên tri
Nhược ngộ Sửu Mùi do khả cứu
Thảng lâm Thìn Tuất bất thăng bi.

Theo đó, con anh sinh tháng mười một, giờ mùi là nhằm đúng giờ *quan sát*, do đó việc nuôi nấng sẽ rất vất vả; rằng số con anh là số phải *mày* Người và phải qua được cái tuổi mười hai mới có thể yên tâm và khuyên anh nên lên chùa làm lễ *bán khoán* cho bé. Và thế là trong tờ khoán ước màu vàng, khổ lớn, được viết bằng loại chữ tượng hình, trông như một đạo sắc phong dán nơi đầu giường nằm, ngoài cái tên khai sinh Nguyễn Thị Phương Thảo, con anh còn mang một cái tên khác của một dòng họ khác là Chu Thị Hạnh. Chả là con anh phải *bán* cho Đức Ông, là con mày của Đức Ông mà Đức Ông là họ Chu nên con anh phải mang họ Chu và tên thì từ Thảo đổi sang Hạnh. Không hiểu ở cõi siêu nhiên có thực có một ông họ Chu chuyên lo những việc cứu nhân độ thế, do đó được người đời tôn xưng là Đức Ông hay không, chỉ biết từ đó con anh một ăn một lớn, ngoại trừ mấy lần hắt hơi xổ mũi, còn thì chưa biết đến cổng bệnh viện là gì…

**

Đến tìm anh là một người đàn ông quãng ngoài sáu mươi tuổi trông khắc khổ nhưng khoẻ mạnh:

- Xin lỗi! Anh là nhà văn Nguyễn Thiêm?

Nhìn người khách lạ, anh buông một câu không mấy thiện cảm:

- Vâng, tôi là Nguyễn Thiêm…

Có vẻ như không nhận ra thái độ lạnh lùng của anh, ông ta vô tư tự giới thiệu mình và về mục đích của chuyến viếng thăm. Theo đó, ông ta đã được đọc những bài phóng sự điều tra chống tiêu cực mà anh là tác giả, biết anh là một nhà văn luôn đứng về phía lẽ phải, sẵn sàng bênh vực kẻ yếu, nên ông ta tìm đến anh với hy vọng là sẽ được anh giúp đỡ. Chuyện thì dài nhưng đại để là ông ta nhập ngũ năm 1968. Sau ba tháng huấn luyện cấp tốc, đơn vị ông được lệnh đi B, rồi bảy năm trong quân ngũ thì bảy năm ông gắn bó với chiến trường Tây Nguyên. Rằng ông bị thiệt thòi chỉ vì trình độ văn hoá có hạn (mới qua xoá mù chương trình Bình dân học vụ) còn trong chiến đấu ông là người rất dũng cảm và có nhiều thành tích; rằng ông đã từng được công nhận là *dũng sĩ diệt Mỹ* nhưng rốt cục vẫn chỉ là anh sĩ quan *một vạch* . Rồi năm 1975, sau ngày thống nhất đất nước, ông được ra quân; song vì ở quê không còn ai là người thân thích nên ông đã xung phong ở lại Tây Nguyên và coi đây như quê hương thứ hai của mình. Vậy mà không hiểu do một sự nhầm lẫn nào đó, năm 1986, sau mười tám năm xa cách, có điều kiện về thăm quê ông mới hay tin ở quê mọi người đều yên trí là ông đã chết vì đơn vị ông đã đánh giấy báo tử về địa phương là ông đã hy sinh từ năm 1972 và ở địa phương người ta đã tổ chức làm lễ truy điệu cho ông! Câu chuyện chỉ có thế chẳng có gì đáng phải để tâm bởi ông nghĩ trong chiến

tranh việc báo tử nhầm là chuyện bình thường và sau khi trở lại Tây Nguyên ông vẫn coi đó như một chuyện vui mỗi khi có dịp nhắc đến. Song sự đời lại không đơn giản như ông tưởng! Bây giờ khi đã ở cái tuổi 65, ông có nguyện vọng muốn chuyển vợ con về quê để sống nốt những năm cuối đời, phòng nếu có mất còn được gửi nắm xương tàn ở chính nơi mình đã sinh ra và để các con ông sau này khỏi mất gốc, nhưng đến khi chuyển ra rồi ông mới ngớ người khi được biết mình vẫn là… liệt sĩ! Những giấy tờ cần thiết như: Quyết định phục viên, sổ hộ khẩu kèm theo giấy giới thiệu và xác nhận của chính quyền địa phương quê vợ mà ông đưa ra đều được trả lời là không hợp lệ với lý do về mặt thời gian những giấy tờ đó đều có sau giấy báo tử! Ông đã phải nuốt nghẹn để hỏi lại: *Hẳn các anh cũng biết đó là một sự nhầm lẫn? – Nhầm hay không là việc của ông chứ không phải việc của chúng tôi!.* Họ đã trả lời ông như vậy và một lần nữa ông đành phải nuốt nghẹn: *Chẳng lẽ việc tôi còn sống sờ sờ và đang đứng trước mặt các anh ngay lúc này đây lại không có giá trị bằng mảnh giấy báo tử? –Việc nhà nước không phải đơn giản như ông nói với chúng tôi! Tất cả đều phải có nguyên tắc và phải có cơ sở pháp lý. Chúng tôi làm việc theo pháp luật…* Cực chẳng đã, ông đành phải hạ một câu: *Vậy theo các anh, trường hợp của tôi phải như thế nào mới là hợp lệ? – Ông phải có giấy xác nhận của đơn vị cũ là trước đây đã báo tử nhầm!* Đòi hỏi đó với ông không gì khác hơn là một sự đánh đố bởi biết đơn vị ông bây giờ ở đâu; với lại ngần ấy năm đã trôi qua, nếu có tìm ra, thì những người cùng đơn vị với ông ngày ấy, bây giờ liệu có còn ai để mà xác nhận! Ông đã bỏ về và nhen nhóm trong đầu ý nghĩ: *Chỉ còn cách trở thành tội phạm.* Trước cơ quan công quyền ông khai nhận là đã can tội giết người – một bé trai mới lên ba tuổi rồi cho vào bao tải và vứt xuống giếng. Họ đã cho người đến hiện trường vớt chiếc bao tải lên, nhưng đến khi mở ra thì bên trong chỉ là một… con chó! Với tội danh gây rối trật tự trị an, ông bị xử ba năm tù nhưng cho hưởng án treo và có thời gian mười lăm ngày để chống án…

- Ông làm như vậy để làm gì? – Anh hỏi.

- Để được thấy là mình còn sống!

- Và… bây giờ thì ông… chống án?

- Tôi sẽ chống án!

- Với lý do một người đã chết cách đây hơn ba mươi năm không thể sống lại để phạm tội?

- Đúng thế!

- Nghĩa là… (?)

– Nghĩa là nghĩa vụ và quyền lợi phải đi đôi với nhau và bây giờ thì tôi lại muốn được là … liệt sĩ!

*

… Chuyện cách đây đã mười hai năm. Tất nhiên là với vị thế của mình và do tính chất của những tình tiết của vụ án đã không còn dừng lại như là những tình tiết ở một vụ án thông thường nên anh đã chẳng làm được gì hơn cho thân chủ của mình ngoài sự đồng cảm và lời tự thú rằng mình bất lực! Tuy nhiên sau đó ý tưởng cho một cái truyện ngắn cứ ám ảnh, cứ bám riết lấy anh và đúng vào cái buổi sáng mà vợ anh trở dạ, trong khi mẹ anh đưa vợ anh đến nhà hộ sinh thì cũng là lúc đứa con tinh thần của anh đòi được ra đời và hối thúc anh phải ngồi vào bàn viết…

Để tránh sa đà vào những tình tiết, những sự kiện cụ thể nhưng mang tính cá biệt, anh đã không cho câu chuyện một không gian cũng như một thời gian xác định. Ngay cả cái tên nhân vật anh cũng không muốn nó có một quốc tịch rõ ràng khi sự cần thiết tối thiểu là cái danh xưng cũng chỉ được anh cho một ký tự là chữ cái P! Nghĩa là, cái truyện ngắn của anh không còn thuần tuý là một truyện ngắn viết về vụ án, bởi chẳng còn tìm đâu ra dấu tích của cái vụ án mà anh đã nghe và câu chuyện mà người đàn ông đã kể.

Anh viết như là bị ma ám, như là ai đó viết chứ không phải là anh viết và - cũng thật trùng hợp – khi sau đó anh biết rằng đúng vào cái thời khắc ở bệnh viện vợ anh sổ bé Thảo thì cũng là lúc

anh hạ dấu chấm hết cho cái truyện ngắn của mình.

Song có cái gì đó như là định mệnh, bởi suốt mười hai năm qua, cái truyện ngắn ấy đã được anh gửi cho rất nhiều nơi nhưng vẫn chẳng một nơi nào nhận in...

Ngày Phật đản anh lên chùa lễ cho bé Thảo. Vị sư già hỏi thăm:

- Dạo này con bé có được khoẻ không?

- Cảm ơn thầy! Nhờ Trời Phật phù hộ, cháu vẫn khoẻ.

- Sao không cho nó đi cùng?

- Sắp này cháu phải bận học.

- Năm nay nó đã học lớp mấy rồi?

- Dạ, lớp 6.

- Nam vô a di đà Phật! Vậy là hôm nào *chuộc khoán* cho nó được rồi đấy!

Chuộc khoán! Điều đó cũng đồng nghĩa với việc năm nay con anh đã mười hai tuổi và đã qua cái hạn sinh nhằm phải giờ quan sát! Nếu như vị sư già không nhắc thì anh đã chẳng còn nhớ là nó đã đến tuổi chuộc khoán! Trong cái khoảnh khắc của một sát na ấy, anh bỗng ngộ ra về cái gọi là số phận của đứa con tinh thần của mình:

Cái truyện ngắn của anh cũng đã sinh nhằm phải giờ quan sát!

*

Sự xuất hiện của cái truyện ngắn Vụ án của nhà văn Trung Quốc: Chu Tác Lâm (do nhà văn Nguyễn Thiêm dịch) trên tờ *Cảo Thơm* – một tờ báo có uy tín, chuyên về sáng tác, lý luận, phê bình và những thông tin văn học nghệ thuật của Hội nhà văn ngay lập tức đã gây xôn xao dư luận! Nếu như trước đây người ta thường quan niệm *chiếc roi phê bình giúp cho con ngựa sáng tác lồng lên* thì bây giờ tình hình đã hoàn toàn ngược lại! Con ngựa phê bình đã lồng lên trước ngọn roi của sáng tác hay đúng hơn là trước ngọn roi của một truyện ngắn... dịch! Vốn vẫn bị giới sáng tác coi là ăn theo, là nặng tính kinh viện, là phê bình cánh hẩu, hoặc chỉ là những *chuyên gia điểm sách* mà vẫn phải *ngậm bồ hòn làm ngọt* theo như phép *thắng lợi tinh thần* của A. Q, lần này các nhà phê bình đã nhận thấy ở cái truyện ngắn một chỗ dựa để nhất loạt phản pháo! Sau khi phân tích nội dung tư tưởng cũng như giá trị nghệ thuật của tác phẩm, bằng vào những lập luận sắc sảo, đầy tính thuyết phục, các nhà phê bình đã không ngần ngại khi cho rằng: *Vụ án* là đỉnh Chô Mô Lung Ma không chỉ của văn học Trung Quốc mà của cả thế giới; rằng từ *Vụ án* đến *Vụ án* Chu Tác Lâm còn thân phận và phi lý hơn cả KAFKA; và xa hơn là lời đoan chắc tác phẩm này nhất định sẽ đoạt giải... Nobel! Cuối cùng, nhằm chĩa mũi nhọn vào giới sáng tác mà cụ thể ở đây là các nhà văn, các nhà phê bình cũng đã không ngần ngại khi đưa ra nhận xét là nền văn học của chúng ta mấy chục năm qua mới chỉ có nền chứ chưa có đỉnh; rằng *trông người lại nghĩ đến ta* chúng ta còn bảo hoàng hơn cả nhà vua! Nhân đó khuyến cáo các nhà văn sở dĩ trong thời gian qua, giới phê bình đành phải im hơi lặng tiếng là vì còn thiếu vắng những tác phẩm đỉnh cao và không dấu giếm sự mỉa mai khi hy vọng những năm 50 của thế kỷ 21 chúng ta có thể có được những tác phẩm ngang tầm *Vụ án!*

Vậy Chu Tác Lâm là ai? Không phải khó khăn gì lắm, sau đó các nhà phê bình cũng đã phát hiện được chẳng có một nhà văn Trung Quốc nào có cái tên là Chu Tác Lâm cả! Thắc mắc này được chuyển đến cho nhà văn kiêm *dịch giả* Nguyễn Thiêm thì anh chỉ cười:

- Đó là tên *bán khoán* đứa con *mày* của Đức Ông...

PHÙNG THÀNH CHỦNG

144 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

MẪU TỬ AM

truyện ngắn

QUÂN TẤN

Em ngồi đó, trên chiếc ghế xích đu cha làm riêng cho em, với dáng dấp một cô gái tuổi mười lăm, cái tuổi giữa trẻ con và người lớn. Bảo em là người lớn cũng đúng vì em có thể xác một thiếu nữ dậy thì, hứa hẹn những nét thướt tha, yêu kiều thừa hưởng của mẹ, người đàn bà một thời là hoa khôi của làng. Gọi em là trẻ con cũng không sai vì đã mười lăm mùa xuân hưởng cái hạnh phúc tồn tại trên cõi nhân gian này như một con người mà trí óc em vẫn là một đứa bé lên năm. Bởi thế, mọi người gọi em là "Nhỏ mát" hay "Nhỏ tâm thần kinh" thay cho cái tên hơi khó gọi của em đối với những người dân ở chốn quê mùa này: Hoài Vũ! Em không biết giận hờn về chuyện đó nhưng cũng chỉ trả lời khi người ta gọi đúng tên em. Đây là điều duy nhất em có thể làm cho mẹ vui nên dù trí óc trẻ thơ em cũng biết giữ gìn niềm hạnh phúc hiếm hoi này. Dù mẹ - đối với em - là tất cả những gì ghê gớm và đáng sợ. Em nhận biết điều đó qua ánh mắt hận thù, căm ghét và những lần roi đau tái tê người. Tại sao mẹ ghét em như thế? Em không hiểu được. Mà em cũng không cần hiểu. Cha thương em - như thế đã đủ rồi. Có lần người ta bảo em giống mẹ đẹp quá! Em về hỏi mẹ. Mẹ nạt đùa: "Giống thằng cha mày ấy, đồ nợ đời báo oán". Nhưng cha đen lắm, không trắng như em. Chân mày cha rậm rì, xếch ngược còn chân mày của em mảnh mai, uốn tròn như ngọn cỏ. Bàn tay cha to bè như nải chuối, bàn tay em trắng nuột, thon gầy. Còn nữa, hàm râu cha rậm rì và đôi môi thô dày như tượng ông ác trong chùa nhìn dễ sợ. Mà cha dễ sợ thật. Người trong làng ai cũng sợ cha. Một lần có người chòng ghẹo em vô phước để cha bắt gặp đã bị một trận đòn tơi tả. Đến khi em sợ quá la lên: "Cha ... cha đừng đánh nữa, tội nghiệp mà!" thì cha mới dừng tay. Thế nhưng cha lại sợ mẹ vô cùng. Bao nhiêu yêu thương cha dành cho em thường là những khi không có mẹ. Em còn nhớ lần xẩy tay để rơi búp bê xuống ao, mẹ lấy dây trói em vào cột nhà rồi bỏ đi. Cha đi làm về cũng không dám cởi trói cho em nhưng em biết cha thương em nhiều lắm. Không món đồ chơi nào trẻ con hàng xóm có mà em không có. Không điều gì em thích mà cha không chìu chỉ cần em vòi vĩnh khi không có mẹ. Có một lần cha uống rượu say làm em sợ, sợ lắm nhưng sau đó cha lại chìu chuộng, vỗ về em hơn. Hôm nay cha không có nhà. Nhiều người lắm đến bắt cha đi rồi, mới hồi sáng này thôi. Em lao ra ôm chầm lấy cha giành lại nhưng mẹ quát lên: "Mày ngồi yên đó, ngồi yên đó cho tao. Nghe chưa hả. Trời ơi!". Thế là em ngồi đây, từ khi ông mặt trời còn treo trên đỉnh đầu và bây giờ bóng em nghiêng dài xuống thềm nhà. Em nghe đói lắm nhưng không dám gọi mẹ cho ăn. Mọi ngày cha vẫn làm cơm cho em. Bây giờ cha đi rồi. Con đói lắm, con sợ lắm. Về với con cha ơi!

*

145 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Trời đã chuyển sang chiều, ánh nắng nhạt dần theo từng cơn gió nhẹ, những đám mây bỗng từ đâu kéo đến như bị chi phối bởi một quy luật vô hình nào đó. Và mưa! Những hạt mưa đầu mùa gợi nhớ. Người đàn bà ngồi trong nhà nhìn ra, cặp mắt đỏ mọng không làm giảm được nét yêu kiều phong vận. Ánh mắt người đàn bà nhòa đi vì những giọt mưa hay vì dòng lệ đã bị kìm nén theo thời gian giờ đây có dịp tuôn trào. Mình phải làm gì bây giờ? Cái tâm hồn trẻ nít trong hình hài mười sáu tuổi kia giờ đây không còn là món nợ đời báo oán nữa mà trở thành một câu hỏi nặng nề. Con mình đấy! đứa con ngây ngô dở dại của mình, đứa con rứt ruột của mình, đứa con khốn khổ của mình. Nó nào có tội gì đâu mà trời cao lại hành hạ tai ác thế. Không! Không phải tại trời, tại mình thôi, tại mình tất cả. Ngày xưa chính vì mình căm hận người đàn ông đó mà không muốn sinh con cho hắn. Mình không muốn đứa con này ra đời nên đã đến tìm bà mụ Tư lạy lục xin một thang thuốc trục thai. Hậu quả là nó sinh ra dở điên dở dại. Chẳng lẽ bây giờ mình lại... Trời ơi! Phải chi...? Phải chi mình đừng sinh ra trên cõi đời này, phải chi trời chỉ nắng đừng mưa. Cơn mưa đầu mùa ngọt ngào năm nào gieo vào lòng cô nữ sinh lớp mười nỗi thương nỗi nhớ. Lúc ấy nàng cũng chỉ là cô bé mười sáu tuổi vừa mới chớm yêu, tình yêu đầu đời thiết tha si mê cuồng nhiệt. Vũ ơi! Em đã yêu anh biết chừng nào, em đã nuôi biết bao là ước mơ, hi vọng. Cả trong giấc mộng em cũng thấy mình được sánh vai anh trong áo cưới thiệp hồng. Vậy mà trời ơi! Em đã phụ anh để về với người mười sáu năm qua em gọi là chồng. Vũ ơi, cơn mưa của đời em. Anh khổ đau, anh tuyệt vọng em đều biết nhưng anh đã ra đi rồi sao còn trở lại. Anh tha thứ cho em để làm gì, anh rộng lượng bao dung để làm gì cho đời em chất chồng thêm oan nghiệt. Bây giờ em không biết phải làm sao... Còn anh, anh ở đâu, sao anh đi đâu mất biệt mà không ở bên em trong giờ phút khó khăn này. Vũ ơi!

Người đàn bà quay đầu nhìn vào trong nhà, tiếng khóc thút thít của đứa con gái làm cắt ngang dòng hồi tưởng. Mình phải làm gì đây? Không. Không thể để thứ nghiệt chủng đó sinh ra đời. Người đàn bà cắn răng đến bật máu, hai bàn tay nắm chặt lại như để tăng thêm sức mạnh, tăng thêm quyết tâm mà quyết định một điều khủng khiếp. Chị bước vào trong nhà nắm tay đứa con, lôi đi.

*

Nhà bảo sanh Mẫu Tử hôm nay vắng khách đóng cửa sớm. Bà mụ Tư ngồi buồn nhìn những hạt mưa đầu mùa rơi tí tách, khẽ rùng mình. Cảm giác lành lạnh, sờ sợ làm bà rởn ốc. Những người độc mồm độc miệng bảo nhà bà âm khí nặng nề. Rằng bà giết người nhiều quá nên nhà bà toàn oan hồn uổng tử. Rằng bà thất đức nên không có con, ông chồng khuyên bỏ nghề mà bà không nghe nên đã đi tìm người đàn bà khác. Nhưng bà đều bỏ ngoài tai. Trong cõi đời này mấy người có can đảm bước qua miệng lưỡi thế gian, mấy người có can đảm dám làm dám chịu? Mấy người coi trọng tình máu thịt hơn tiền tài, danh dự? Vì vậy đừng nói ở vùng quê xa đường xa chợ này mà còn có cả những người từ phố thị phồn hoa phải tìm đến bà, coi bà là hiện thân đức phật quan âm cứu độ. Rất nhiều cặp vợ chồng muốn mẹ tròn con vuông phải nhờ đến tay bà. Và cũng không ít cô con gái dậy thì mới chớm yêu, những thiếu phụ nhẹ dạ lỡ làng khi chồng đi vắng xa nhà, và cả những bậc cha mẹ vì một lý do nào đó không muốn đứa con của mình chào đời đều tìm đến bà nhờ giải quyết hậu quả. Căn bản bà Tư không xem những bào thai chưa thành hình kia là một con người. Bà nghĩ rằng việc bà làm chính là giúp đỡ cho người ta khi hoạn nạn. Không phải sao, nếu không có bà, Cô Út Hồng, tiểu thư con ông Cả Thinh đã phải uống thuốc rầy tự vẫn vậy mà sau khi tìm đến bà một tháng đã lên xe hoa về làm vợ cậu Lâm con chủ tiệm vàng Hưng Thạnh, bây giờ nghiễm nhiên thành mệnh phụ phu nhân. Không có bà mợ Tư Hải sẽ ra sao khi cậu Tư đi làm ăn xa hai năm trời về nhà thấy vợ mình mang ba lô ngược. Còn bao nhiêu người nữa. Mấy chục năm làm mụ, bà đã đỡ cho bao nhiêu đứa trẻ ra đời và giết đi bao nhiêu đứa bà cũng không còn nhớ. Mấy chục năm bà chưa bao giờ có cảm giác lạ lùng như ngày hôm nay. Bỗng bà nghĩ đến lúc đóng cửa nhà bảo sanh Mẫu Tử. Ài! cái ngày đó chắc không còn lâu nữa. Cũng phải thôi, bà đã già rồi, mắt mờ tay yếu đâu còn thời bắt mạch là biết cái bầu bao nhiêu tháng. Khám sơ qua là biết đứa trẻ nằm ngược hay nằm xuôi. Nói hai ngày sanh là thằng nhỏ không dám ở trong bụng hai ngày rưỡi. Mình già thật rồi, bà Tư bỗng cảm thấy cô đơn đến lạ lùng. Gió ngoài trời đột nhiên thổi mạnh, những tia sét đâu từ tận trời cao xé nát màn đêm thành vô vàn đường cong ngoằn ngoèo kỳ dị. Ầm... ầm... hàng loạt

tiếng sấm vang rền muốn nổ tung màn đêm. Từ trong những âm thanh hỗn loạn đó bà mụ Tư mơ hồ nghe tiếng ai réo gọi, âm thanh ai oán, khổ đau, giận dữ, mê trầm, quái dị như từ cõi chết vọng về...

*

Người đàn ông dựa vào song sắt nhìn ra màn mưa ngoài trời. Đôi mắt dưới hàng chân mày rậm rì trông đỏ au, dài dại, như chứa đựng một nỗi đau khổ cùng cực. Bỗng từ hai hốc mắt khô khốc ấy đôi giọt lệ chầm chậm lăn ra từ từ trượt trên đôi gò má sần sùi. Khi hai giọt lệ chảy đến cái cằm râu ria lởm chởm đột nhiên người đàn ông rống to lên một tiếng kinh hoàng rồi ngã xuống sàn xi măng lạnh ngắt. Tiếng rống hóa thành tiếng khóc tồ tồ. Nước mắt không còn từ giọt mà trào ra thành dòng xối xả như mưa ở ngoài trời. Đôi cánh tay vạm vỡ liên tục đấm vào ngực bình bình như một bậc khổ tu trong giờ hành xác. Trong tiếng mưa gió, tiếng côn trùng rỉ rả, âm thanh của tiếng khóc nghe ghê rợn làm sao. Không biết qua bao nhiêu thời gian chỉ biết khi dòng nước mắt cạn đi, quánh đặc lại lợn cợn và ánh lên màu hồng của máu thì tiếng khóc trở thành tiếng khàn khàn khản đặc, nhỏ dần rồi tắt hẳn. Người đàn ông mê đi. Trong cơn mê ông ta thấy trăm ngàn loài quỷ dữ đang cào cấu thân xác ông, từng đợt lửa hỏa ngục thiêu đốt tâm can ông. Ông kinh hoàng la hét, van xin nhưng lũ quỷ kia càng thích thú, càng cào cấu ông dữ dội hơn. Đúng vào lúc ông không còn chịu đựng được nữa bỗng một đứa bé gái xinh đẹp như thiên thần xuất hiện lao vào bọn quỷ dã man kia. Bọn quỷ buông ông ra và xúm vào ngấu nghiến, hành hạ đứa bé. Bỗng ông chợt thấy mình hóa thành một con quỷ dữ trong số đó. Ông kinh hoàng la lên: “Không... đừng... con của tôi... trời ơi!”. Người đàn ông từ từ tỉnh lại. Ông vẫn nằm trên sàn xi măng lạnh ngắt, thân thể rã rời không còn chút sức lực. Một ngón tay nhút nhích cũng không nổi nhưng ông thấy mình tỉnh táo lạ kỳ. Tại sao? ông tự hỏi. Sai lầm bắt đầu từ đâu? Ai mới là tội nhân của tấn thảm kịch này. Có phải chính là vợ ông như ông vẫn nghĩ. Từ lâu ông chìm đắm trong kết luận này và chưa bao giờ nghiêm túc suy nghĩ về mọi chuyện. Có phải ông đã sai khi biết nàng không yêu ông nhưng ông đã bằng mọi thủ đoạn để cưới được nàng. Biết nàng yêu người khác nhưng ông cứ nghĩ mọi chuyện sẽ dần quên lãng theo thời gian và bằng sự chăm sóc chìu chuộng của mình ông sẽ cảm hóa được nàng. Nhưng mọi chuyện đều không diễn ra như ông nghĩ. Trong đêm tân hôn ông chỉ chiếm được một thân xác hoàn toàn trơ lạnh, hơn nữa là một thân xác không còn trong trắng. Ông đau buồn, uất ức, nghi ngờ, ghanh tỵ, ghen tuông. Rồi đứa con gái ra đời đem lại cho ông niềm an ủi nhưng khốn khổ thay con bé xinh đẹp như thiên thần lại dở ngây, dở dại. Dù sao thì nàng cũng sinh cho ta một đứa con! Điều này làm cho ông càng yêu nàng hơn. Biết nàng lấy tên người yêu cũ để đặt cho con ông cũng bằng lòng. Sự nhịn nhục lâu ngày làm cho ông trở nên bé nhỏ và sợ hãi trước nàng. Thôi thì ông đem hết tình yêu thương đổ trút vào con bé, chuyện ghen tuông, nghi ngờ mười mấy năm ngỡ đã qua đi. Nhưng không. Cách đây vài tháng người tình của nàng xuất hiện và nàng bỏ đi theo hắn suốt một tuần. Khi trở về nàng đặt thẳng vấn đề với ông là nàng muốn ly dị và dắt bé Hoài Vũ ra đi. Ông hết quát nạt rồi dịu ngọt, hết năn nỉ rồi hăm dọa nhưng nàng vẫn không lay chuyển. Ông như chết cả cõi lòng, bảo nàng: “Cô muốn đi đâu thì đi nhưng con Vũ để lại cho tôi. Cô có yêu thương gì nó đâu mà đòi bắt nó!”. Nàng bật cười khinh khỉnh: “Ông tự soi gương nhìn lại mình đi. Ông từ hình dáng đến tâm hồn xấu xa như ác quỷ lại có thể có đứa con xinh đẹp như vậy sao! Hắc hắc. Đừng có mà nằm mơ!”. Ông nghe đầu mình kêu một tiếng “Bùng” như sét đánh. Mọi thứ xung quanh ông như nổ tung hết thảy. Cổ họng ông chỉ gừ gừ lên mấy tiếng: Được... được... Rồi chạy ra khỏi nhà như ma đuổi.

Đêm đó ông không biết mình về đến nhà vào lúc nào. Chỉ biết là ông rất say. Trong cơn say ông nhìn thấy người đàn bà đang ngồi trên giường giương mắt nhìn ông như thách thức. “Hà... Hà... Được. Nàng muốn rời khỏi ta ư. Trước khi nàng rời khỏi ta, ta cũng phải chiếm hữu nàng lần cuối cùng. Ha... Ha... nàng hét lớn lên nữa đi, hét nữa đi. Cho đến lúc này ta vẫn còn là chồng nàng, không phải sao, không phải sao...”. Người đàn ông chồm lên như thú dữ ngấu nghiến đôi môi từng cất lên giọng hò ngọt lịm trong đêm hội làng làm ông mê mẫn. Tay ông vung lên. Soạt... soạt... chiếc áo bị xé rách làm lộ ra gò ngực thanh tân biết bao lần ông rình trộm khi nàng tắm dưới bến nước bên cạnh gốc đa cổ thụ. Dưới sức mạnh phũ phàng, người phụ nữ nhắm nghiền đôi mắt không còn dãy dụa la hét nữa. Bàn tay cuồng bạo của người đàn ông tiếp

tục lần xuống... lần xuống... Khi mảnh vải cuối cùng rơi ra người phụ nữ vùng mở mắt. Đôi mắt xinh đẹp ngây thơ đang nhìn ông đầy hốt hoảng. Người đàn ông thoáng sững sờ: "Thì ra là mày! Tại sao là mày? Không... Không... Mày không phải là con tao... Tao không có đứa con nào hết. Mẹ mày không sinh con cho tao thì mày... Thì mày... Thì mày...". Đôi mắt ngây thơ nhắm lại và hai giọt nước mắt trào ra. Đôi môi run run khẽ rên lên một tiếng: "Cha".

*

Đứa trẻ đã nằm yên trên giường ngủ thiếp đi. Gương mặt bầu bĩnh hơi nhợt nhạt, những cọng gân xanh dưới cần cổ đập liên hồi, ngực nặng nhọc phập phồng hơi thở, cái bụng hơi lùm lùm vạt áo nhô lên. Bà mụ Tư kéo cái mền đắp cho nó rồi quay sang người đàn bà:

- Bây giờ thì ổn rồi. Con bé đã ngủ yên. Tại cái thai nó hành thôi. Trời ơi! hồi nãy cô kêu cửa làm tôi sợ hết hồn... tưởng là...

- Dạ thưa bà... Con muốn nhờ bà một chuyện...

- Chuyện con nhỏ hả. Không sao đâu. Cái thai khỏe lắm. Chỉ là mẹ nó còn nhỏ tuổi quá. Để tôi cho vài thang thuốc dưỡng thai là êm thôi.

- Dạ... dạ không... thưa bà. Con muốn nhờ bà... bỏ cái thai đó đi.

- Hả...? Cô nói cái gì. Cái thai lớn vậy... Không, tôi không làm đâu.

- Dạ... Xin bà làm phước...

- Không, dứt khoát không.

- Chuyện đến nước này con cũng không còn sợ xấu hổ gì nữa đành nói thật cho bà biết. Cái thai đó là do... ba ruột của nó...

- Trời ơi! Cô nói cái gì hả? Các người... Các người... Loạn luân... Loạn luân hết rồi!

Ngoài trời mưa đang dần tạnh nhưng cơn bão trong nhà thì mới bắt đầu nổi lên theo tiếng kể rì rầm, ngắt quãng bởi từng cơn sụt sùi, nức nở của người đàn bà. Đã lâu lắm rồi chị chôn chặt lòng mình. Bây giờ bao nỗi niềm, bao đau khổ như cơn lũ tràn ra khỏi con đê bị vỡ. Phải. Từ ngày cha chị làm ăn thất bại nợ nần chồng chất phải thắt cổ tự vẫn, mẹ chị đau buồn lâm bệnh nặng, người yêu đi du học ở phương xa thì chị hoàn toàn trở thành người chịu ơn, kẻ phụ thuộc rồi sau khi mẹ qua đời thì chị trở thành vợ của người đàn ông ấy. Trước đêm tân hôn chị mới vô tình phát giác ra chuyện làm ăn thua lỗ của cha chị là do bàn tay hắn thao túng thì mọi ơn nghĩa biến tan đi chỉ còn lại sự hận thù. Chị đã tìm cách phá cái thai đi để khỏi phải sinh con cho hắn nhưng không ngờ cái thai không phá được. Con chị sinh ra đời dở ngây dở dại làm chị hối hận vô cùng. Nhưng niềm hối hận không bằng lòng căm thù. Thấy hắn yêu thương đứa con hết mực chị trả thù hắn bằng cách ngày ngày giày vò con bé cho hắn đau khổ dù lòng chị càng khổ đau hơn. Có người mẹ nào không thương con, nhất là đứa con ấy lại bất hạnh tật nguyền bệnh hoạn. Mỗi lần cầm roi đánh nó chị cảm thấy như cầm dao đâm ngược trái tim mình. Nhưng thấy hắn vì chuyện ấy mà đau khổ thì chị lại hả hê. Chị sống trong tâm trạng mâu thuẫn ấy suốt mười mấy năm ròng. Cho đến ngày gặp lại người yêu cũ, anh ấy vẫn chưa lập gia đình, vẫn chờ đợi và giang rộng vòng tay đón chị. Anh sẵn sàng đưa chị và bé Hoài Vũ ra đi, bằng lòng xem nó như con ruột. Chị còn cần gì hơn, chị cảm thấy đời mình như có mùa xuân trở lại. Thế nhưng hắn vẫn không buông tha cho chị. Hắn nhất quyết không cho chị đưa bé Hoài Vũ ra đi. Trong niềm uất ức vì sự bất lực của bản thân lòng chị lại nảy ra một kế. Hắn rất ghen tuông. Thế là chị giả vờ cho hắn biết bé Hoài Vũ không phải là con của hắn. Chị đoán không sai. Gã đàn ông trước sự thật phũ phàng đó đã lao ra khỏi nhà như một kẻ điên. Lòng chị lóe lên một tia hy vọng. Chị vội vàng chạy đi tìm anh để báo tin mừng. Chị định gặp anh một chút thôi rồi trở về nhà đưa bé Hoài Vũ ra đi. Nhưng cơn mưa ập đến và niềm vui sắp được giải thoát cộng với vòng tay ấm áp nồng nàn của anh đã níu chân chị lại.

- Bà ơi. Con hối hận quá! Phải chi hôm đó con trở về nhà thì đâu đến nỗi. Mà hắn... hắn thực không ngờ còn hơn loài cầm thú... Trời ơi! khốn nạn thân con tôi. Bà ơi, con đã nói hết, nói hết rồi. Bà phải giúp con bà ơi...

Bà mụ Tư đờ người ra như bị trúng phong. Tất cả những gì người đàn bà này kể thật quá sức tưởng tượng của bà. Mấy chục năm làm người và hơn phân nửa thời gian đó làm nghề đỡ đẻ bà từng chứng kiến biết bao điều ngang trái, éo le nhưng chưa bao giờ bà gặp một trường hợp như thế này. Mẹ thì hành hạ con để trả thù chồng. Cha thì cưỡng dâm con gái để trả thù vợ. Tất cả mọi khổ đau họ đổ lên đầu cái sinh linh khờ khạo bé bỏng tội nghiệp kia. Tội lỗi của họ dẫu phật bà lượng cả bao dung cũng không tha thứ được. Bỗng bà mụ Tư giật mình. Tấm thảm kịch này cũng có một phần tội lỗi của bà. Đứa trẻ kia bị tâm thần không phải là do thang thuốc trục thai của bà gây ra hay sao? Bà mụ Tư rùng mình ớn lạnh. Thì ra không phải lúc nào bà làm chuyện đó cũng đều là cứu giúp người ta. Thì ra cái gì gọi là hiện thân của phật bà cứu độ mọi người chỉ là dối người gạt mình mà thôi. Thì ra cái đám người độc mồm độc miệng kia cũng có phần nói đúng. Bây giờ bà muốn chuộc tội cũng muộn rồi và bà cũng không có cách. Đối mặt với người mẹ này bà không biết nên căm ghét hay thương hại. Chấp nhận lời yêu cầu của cô ta ư? Phá một cái thai lớn thế mà thai phụ lại là một đứa trẻ con bị tâm thần, một chút xíu hy vọng thành công cũng không có. Còn bằng ngược lại để cho đứa trẻ kia sinh ra đời nó sẽ như thế nào? Cho dù là nó vẹn nguyên lành lặn không tật nguyền gì cũng không tâm thần như mẹ nó thì đời nó sẽ ra sao? Nó sẽ gọi cha nó bằng gì? Người đời sẽ nhìn nó bằng cặp mắt như thế nào? Với một cái quá khứ như thế nó làm sao ngẩng mặt lên để sống. Miệng đời. Hừ! Miệng đời giết người ta thì dễ, giết người ta thì nhiều chứ cứu người ta thì khó, thì ít lắm. Chẳng lẽ bà sống chưa đủ để hiểu điều đó hay sao? Trong lúc bà mụ Tư quay cuồng với bao suy nghĩ thì người đàn bà chợt nín khóc. Chị ta ngước lên nhìn bà Tư sòng sọc rồi bất chợt không một tín hiệu nào báo trước, nhào tới bên đứa trẻ đang ngủ say trên giường giơ tay cật lực bóp cổ nó, miệng gào lên: "Là các người hại con tôi. Hắn... hắn hại đời của nó! Còn bà... bà làm cho nó thành dở điên dở dại. Còn tên kia, lúc yêu thương thì hứa hẹn đủ điều, khi xảy ra chuyện thì trốn đi mất biệt. Các người chết đi... Chết đi... Chết hết đi..."

Bà mụ Tư hoảng hồn lao tới bằng tất cả sức lực già nua kéo người đàn bà ra khỏi đứa bé. Chị ta gào lại lên: "Là tôi... là tôi hại con tôi rồi. Trời phạt tôi đi... đánh tôi đi...!". Rồi như để ông trời dễ trừng phạt mình, chị điên loạn xô tung cửa lao ra ngoài trời mưa gió.

*

Nhân thả người nằm trên thảm cỏ đưa mắt nhìn tấm bảng đề Mẫu Tử Am, chờ đợi. Đây là tấm bảng thứ mấy rồi Nhân không nhớ nữa. Thiên hạ bao la không ngờ Mẫu Tử Am lại nhiều như vậy. Không biết lần này có gặp nàng không? Ông trời cắc cớ chi làm vậy. Tại sao cho Nhân gặp nàng một lần rồi không thể nào quên. Mình nhớ nàng bởi điều gì nhỉ? Là ánh mắt bảy phần ngây thơ ba phần ngây dại hay chất giọng thanh tao đong đầy nỗi sợ hãi từ muôn ngàn kiếp trước. Ngày đó, Nhân là một sinh viên y khoa năm thứ tư rất thích khoa tâm thần học. Trong một lần nghỉ hè về quê dã ngoại đã gặp nàng. Nàng thực sự đẹp quá chừng nhưng cái làm Nhân chú ý chính là vẻ ngây dại của nàng. Sắc đẹp của nàng lẫn nỗi hiếu kỳ nghề nghiệp đã thúc đẩy Nhân tiếp cận nàng. Trong lúc đang say sưa nói chuyện với nàng để tìm hiểu bệnh tình thì cha nàng xuất hiện và một trận đòn phũ phàng đổ ập xuống người Nhân. "Cha ... cha đừng đánh nữa, tội nghiệp mà!" Giọng nói của nàng, ánh mắt của nàng ghi sâu vào tâm khảm của Nhân. Nhân tự nhủ với mình sau khi ra trường sẽ trở lại tìm nàng để chữa bệnh cho nàng. Nhưng hỡi ơi! Vật đổi sao dời, ngày Nhân trở lại ngôi nhà nàng đã trở thành một bãi cỏ hoang vu. Chiếc ghế xích đu nàng thường ngồi đã mục gãy xiêu vẹo bao phủ đầy những loại dây leo. Nhân hỏi thăm những người xung quanh thì được nghe một câu chuyện đau lòng kinh khiếp. Sau tấn thảm kịch đó xảy ra cha nàng đã cắn lưỡi tự sát trong tù. Mẹ nàng trở nên điên loạn đi đâu mất tích. Còn nàng, có người bảo nàng lang thang xin ăn đầu đường xó chợ và sinh con trong một đêm mưa gió rồi hai mẹ con đều chết. Người khác lại kể rằng nàng sinh con trong một cánh đồng hoang, đang lúc đứa bé chào đời thì bị sét đánh nhưng hai mẹ con không chết mà điều kỳ diệu xảy ra. Tiếng sét cộng với tiếng khóc trẻ thơ làm bừng dậy linh thức của người mẹ và nàng hết bị tâm thần sau đó bồng con đi tu. "Tu ở đâu?". Nhân hỏi. "Thì Mẫu Tử Am chớ đâu". "Mẫu Tử Am ở địa phương nào?". "Ai biết. Chỉ biết ở đó trẻ con rất được thương yêu và sung sướng".

QUÂN TẤN

149 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

TRẦN VẤN LỆ

BUỒN TAY VẼ MỘT BÀI THƠ

Khi em hiện đến cõi đời này, em biết gì không? - Em không biết bay! Anh có cánh mà anh phải bỏ…để từ bữa đó có hai tay!

Khi em hiện đến em là đất, đất sẵn đây và anh hốt lên, lấy một khúc xương anh trộn đất – người anh yêu quý phải là em!

Hồi đó trần gian chưa có biển, nơi mình nương náu là vườn hoa, mình ăn trái chín trên cành hái, mình uống nước nguồn suối chảy ra…

Kìa cây xanh tốt, ba mùa héo! Em chỉ cây và sợ chúng mình, vui vẻ ba năm rồi sẽ hết, em buồn duyên số quá mong manh…

Anh cười, anh dỗ em đừng sợ, mỗi một ngày ta đủ một ngày; chuyện của hôm qua không nhắc nữa, chuyện gì chưa tới để ngày mai…

Em cười, từ đó, anh không đói. Em cũng no lòng bởi mến yêu: Một chữ Yêu thôi tình bát ngát, không bao giờ có chữ Buồn Hiu!

Vậy mà…không biết sao em mất! Anh phủi bàn tay anh, bụi bay…Anh phủi người anh, anh cũng bụi. Và rồi hai đứa mất trong mây…

Em ơi, anh gọi ai đây nhỉ? Tiếng gió vừa rung tấm cửa gương? Tiếng trái tim anh lần cuối đập? Tiếng rơi tí tách một chùm sương?

Thưa em, không có chi đây cả, em chỉ là người trong giấc mơ! Em đẹp vô cùng trang giấy trắng, buồn tay anh vẽ một bài thơ!

TRẦN VẤN LỆ

150 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

T & P

truyện ngắn

NGUYỄN HIỆP

Bước đi của ông nghiêng bên này, ngả bên kia, bóng nhảy qua nhảy lại thành hai chiếc bóng của một người.

Lâu ngày chày tháng, hai chiếc bóng được gọi tên, có cuộc sống riêng, thậm chí rất cá tính nữa là đằng khác. Ông nói: T — chiếc bóng bên trái như con ó đen hãnh tiến, kiêu ngạo, rình rập ăn nhoè bóng kia, nó biết cách gây ấn tượng lên trí tưởng tượng... P — chiếc bóng bên phải như con mèo mun ngái ngủ. Khi P co cuộn mình lại, vô cảm như vậy, ông biết nó đã sập bẫy T, loại bẫy ý thức này giăng ra không phải để cho con mồi mắc vào mà là để cho con mồi tự mắc bẫy chính mình.

Ông đã thấy, đã nhận ra điều đó theo từng bước chân khập khiễng giữa nắng chang chang, giữa chiều chói gắt, giữa mưa lá rơi, giữa mù bụi đỏ... Chợt ông nhìn quanh, tim loạn nhịp thình thịch trong lồng ngực, ông sợ người khác phát giác ra bí mật riêng tư ấy. Có người đã gọi ông là "lão già chấm phẩy", nhưng tiệt không ai thấy bí mật hai chiếc bóng của ông, nó sờ sờ ra đó nhưng không ai thấy.

Giờ thì tiếng rao "Cô Bấc Chưng Bơ" của ông đã thành cái tên quen thuộc, ai ai trong làng biển này cũng gọi ông như thế, họ không dòm ngó tới bước chân ông nữa, không soi mói đến T và P của ông nữa. Ông đã tạm yên tâm về mặt dư luận, (đôi khi ông nghĩ cất tiếng rao thật ấn tượng để người ta chú ý tập trung cái này mà quên cái kia cũng là một cách làm hay). Cứ tưởng T, cái bóng thứ hai bên trái mới có vấn đề, hoá ra cả hai đều làm ông bắt đầu thấy lo. T và P như hai phụ chú của cuộc đời ông, chúng có bề nào ông cũng chẳng được yên.

♣

Tôi cũng chẳng được yên. Câu chuyện về hai chiếc bóng của ba tôi luôn là nỗi ám ảnh trong từng giấc ngủ của tôi. Sở dĩ tôi biết bí mật ấy của ông vì có lần tôi đã vô tình chứng kiến cuộc nói chuyện của ông với hai chiếc bóng trên suốt đường đi bán bánh chưng của ông. Tôi lặng lẽ đi theo như chiếc bóng thứ ba, ngoài T và P của ông. Tôi nghe nhưng ông nào có hay.

Tôi nghe nhưng ông không hay. Như một đoạn băng hư, cứ giáp vòng thì nó lại áp vào cái mép đọc của trống từ, tiếng rao thật to, giọng kéo dài "Cô bấc chưng bơ..." Xong, "đoạn băng" lại thả trôi rì rì, thì thào, thì thào. Chân lại liêu xiêu, nghiêng ngả, đầu lại cúi gầm, miệng thì thầm với T và P. Không biết T và P có nói gì với ông không, nhưng thường thì ông hay mắng nhiếc P rồi lại mắng nhiếc cả cái chân gỗ là đồ hèn hạ, tê liệt, trơ lì, vô cảm. Có khi ông khen ngợi T là đồ khôn lỏi, biết phô trương quyền lực, biết cách đi đêm, biết cách tự tôn vinh mình.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời ông, ông vẫn âm thầm hy sinh vì tôi mà ông chẳng hề hay biết, đôi khi tôi thấm buồn vì sự im lặng đến hờ hững của ông với tôi. Tôi biết trái tim ba tôi là nơi trú

151 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

ngụ nhiều nỗi đam mê và nhiệt huyết. Ông bị đày ra Côn Đảo vì tham gia phong trào biểu tình của sinh viên miền Nam, chống chiến tranh, chống độc diễn, chống giả danh giả nghiã. Tưởng mục xương trong tù nhưng chưa đầy năm, nhân có phái đoàn thanh tra quốc tế đến Côn Đảo, ông dùng mảnh chén vỡ mổ bụng để phản đối những hình thức tra tấn dã man của nhà tù. Ông ôm đống ruột phòi ra, lết đến gần song sắt và hô lớn: "Đả đảo!" Họ đã thấy. Với sự can thiệp của phái đoàn, ông được thả về, chịu quản thúc một thời gian. Để tránh cuộc tổng động viên, tổng động lùa của quân cộng hoà, ông đã tự huỷ bàn chân trái của mình, bị nhiễm trùng, phải tháo khớp lên tận gối. Buổi sáng, từ bệnh viện chỉnh hình, ông hay tin chiến tranh chấm dứt. Ngồi nhìn chằm chằm vào một bên chân cụt của mình, người ông bàng hoàng, đau đớn, mắt cứ dại đi...

Giờ, mắt ông loạn rất nặng nhưng đêm nào ông cũng chong cây đèn hột vịt, rà cái kính lúp to như bàn tay qua qua lại lại trên từng trang sách; trưa nào ông cũng rà cái kính lúp qua qua lại lại trên từng trang báo. Trước đây, tôi thường nghe ông tức tối bình phẩm rồi thở ra đánh thượt mỗi khi đọc những bài báo nói về các vấn nạn của đất nước. Sau, ông không biểu hiện thái độ như vậy nữa... Ba tôi là người rất quý thời gian, ông tặng tôi cái đồng hồ dây da cũ với lời dặn: "Nhớ là phải lương thiện trong từng khoảnh khắc của đời mình." Tôi cũng từng nghe ông nhắc nhở T và P nhiều lần nội dung đó, dù ông không tặng đồng hồ cho chúng.

Đang ngồi suy nghĩ về ba chợt tôi bần thần khi nghe tiếng rao bán bánh chưng của ba tôi đến gần sát quán cà phê. Tôi khẽ xoay lưng, đầu làm như có ai rịt kéo xuống. Tôi biết mình không đủ tư cách ngồi quán cà phê trong khi ba tôi dầm sương dãi nắng bán từng cặp bánh chưng hai ngàn đồng như vậy, dù đối với những thanh niên khác chuyện sáng sáng hẹn hò quán xá là thường, không to tát gì. Nghỉ hè. Tôi nhảy xe đò sớm về nhà nhưng ba tôi đã khép cửa đi bán từ lâu. Trên sân nhà, lá xoài non bị sâu ăn rơi rụng nhiều quá, những chiếc lá xanh non, mỏng tang, yếu ớt bệt đầy mặt đất. Gió heo hút, không đâu có cơn gió buồn đến quặn lòng như cơn gió qua sân nhà tôi. Khung cảnh làm héo hắt lòng người. Tôi nghĩ đến T và P, hai chiếc bóng, hai người bạn của ba tôi mà thở ra ngao ngán. Thả cái túi dết đựng mấy bộ đồ vào khung cửa sổ, tôi bước từng sải chân dài ra quán cà phê... Tôi đưa tay nhìn đồng hồ: tám rưỡi sáng. Chắc ba đã bán gần xong. Hình dung cái cảnh ông lọc cà lọc cạch dắt chiếc xe đạp đi bán bánh chưng về, trong cái giỏ đựng bánh giờ lại thay bằng mấy tờ báo, điều đó làm tôi mỉm cười. Ông già thật lãng mạn.

"Cô bấc chưng... bơ... ơơơ..." Tiếng rao bám bên tai tôi, nhức nhối. Tự dưng xương sống dợn lạnh, tôi đặt ly cà phê chưa kịp chạm môi xuống mặt bàn. Sao hôm nay tiếng rao của ba tôi lại trôi về phía ấy? Bất cứ con đường nào cũng dẫn đến một nơi chốn, một địa chỉ, nhưng con đường ấy thì không, nó bị cắt ngang bởi cái hố thẳm do người ta phóng con đường tức ngang đường nước chảy. Rồi cơn lũ quét đi ngang, xoáy cuốn thành vũng sâu, mép đường thòi ra nham nhở, tảng sỏi đỏ bám thẻo mẻo bên trên không chân sẵn sàng rơi xuống bất cứ lúc nào. Tôi nhớ như in cái bẫy này. Trước, người ta đổ đống cát cao ngất sáng trưng áng ngữ, nhưng rồi cát bay, cát chuyển động, cát rã dần trong gió, vực lộ ra lần hồi, nó trở nên đáng sợ đối với người dân làng biển này. Vậy mà tiếng rao của ba tôi đang trôi về phía ấy.

Con đường không có địa chỉ đến. Tiếng rao văng vẳng... Tôi bắt đầu lo lo trong bụng. Tôi cảm thấy sợ khi nhớ lại lời ba nói cách đây không lâu: "Mọt sinh ra từ T. P sập bẫy, cho mọt bùng nổ giống nòi. Chắc chắn đến một ngày mọt sẽ tràn ngập từng bầy, từng đàn trong da thịt ba. Cả T và P đều nhung nhúc mọt. Được thôi, ba sẽ cho chúng leo núi, rồi đến gần đỉnh, ba sẽ bước một bước đưa tất cả bọn chúng vào khoảng không."

Từ ngày xảy ra biến cố do cơn lốc, ba tôi luôn có những hành vi bất thường... Xứ này, ra ngõ gặp lốc, loại tai hoạ quen thuộc. Lốc dở nóc nhà báo hại bao kẻ lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Lốc phủ đầy rác rến vào cả rạp đám cưới khi tiệc vừa dọn ra làm cô dâu chú rể méo mặt, thực khách ngậm tăm ra về. Lốc hốt hết khoai sắn bà con đang phơi đem đổ ra biển... Nhưng chưa có một biến cố do lốc nào giống trường hợp ba tôi. Năm ấy, ba tôi đang ngồi lau lá chuối nơi chân đống rơm thì bị một cơn lốc bất ngờ bốc mang cả rơm cả ông bay về phía biển. Cơn lốc xoáy

tròn, dựng đứng lừ lừ cuộn qua trước mắt tôi. Tôi thấy ba tôi đang vùng vẫy trên trời nhưng chỉ biết há hốc miệng đứng nhìn chết trân. Một lúc sau tôi mới hoàn hồn la hét kêu cứu. Trai làng ở gần đó nhào lên hai chiếc ghe nổ máy rượt theo cơn lốc, ụn rơm vàng xoáy tròn trên trời, hai chiếc ghe như hai chiếc lá trôi trên những con sóng lớn. Chợt cơn mưa ập đến xối xả, ụn rơm và ba tôi biến mất. Hai chiếc ghe ba lốc đang tăng tốc hết cỡ bỗng sựng lại. Ngơ ngác. Bất lực. Mọi người quần ghe thành những đường tròn rộng dần, nước sủi bọt trắng hếu. "Biển cả biết đâu mà lần." "Chỉ còn hy vọng xác tấp vào bờ." "Đợi thôi!" Ai đó có ý kiến. Có người còn hoang mang buột miệng: "Hay ông già đã... bay lên trời?" Tôi không chịu, nhảy xuống biển lặn hụp trong nước mắt ràn rụa. Tôi là đứa con lớn lên chỉ biết ăn học, nhưng tôi sinh ra ở làng biển, từ nhỏ tôi đã lặn hụp trong những con sóng, tôi bơi như cá nên có người còn phong cho tôi biệt danh "con trai của sóng." Tôi rà người sát xuống đáy cát, tôi lượn người lên, quật người xuống, mắt mở trừng trừng nhìn dáo dác khắp một vùng lớn trong lớp nước xanh lờ mờ ấy. Cuối cùng, mọi người cũng xốc nách đưa tôi lên ghe, tất cả tiu nghỉu tập trung về nhà tôi. Những khuôn mặt thất thần, những tiếng thở ra ngao ngán, đau đớn trước cuộc sống như con ve cái kiến quá đỗi mong manh. Mọi người đã bắt đầu bàn tính chuyện tang chế. Tôi khi ấy lúc tỉnh lúc mê, tôi cứ tưởng tượng ra hai bàn tay tuyệt vọng của ba nhấp nhô trên sóng. Cảnh "dội đèn" của ba ngay trước mắt tôi. Tôi la hét, đập ngực tự trách chính mình là đứa con vô cảm. Tôi choàng dậy, thoát ra khỏi cơn mê và đối diện với thực tại là ba đã mất tích. Mắt tôi chợt ráo hoảnh, người tê điếng. Tôi bó gối ngồi nhìn chằm chằm vào bóng đêm.

Khuya, mọi người đã ngủ say, số người nhà gần đã ra về, tôi chợt nghe tiếng đẩy cánh cửa liếp tre. Một bóng người run run bước vào nhà. "Ba!" Tôi rú lên. Mọi người dồn nhanh vào góc nhà, ai cũng đưa tay bịt mắt lại. Họ tưởng đó là hồn ma của ba tôi. Ba tôi lặng lẽ bước đến cái sạp tre, nhấc bình trà ủ ấm trong trái dừa khô cắt miệng, không cần ly, cứ thế ông tu ừng ực. Tôi biết không phải là ma nên nhào tới ôm ba khóc rưng rức như một đứa bé. Khi sắp mất cha, ta mới biết người cha cần thiết với ta như thế nào.

Ba kể: "Thật ra cơn lốc đã làm rơi ba lúc còn ở gần bờ. Ba ngất xỉu ngay từ đầu, chẳng biết trời mây gì nữa. Khi tỉnh lại thấy mình nằm nơi mép sóng, dòm qua dòm lại thì chỗ ấy là bãi biển lạ hoắc. T và P bị mất tích, ba vòng vèo tìm mãi mà không thấy. Đành một mình về làng, phải mất một chút để định hướng, khát nước cháy cổ." Vậy ra lúc chúng tôi cố rượt cơn lốc thì cơn lốc chỉ còn mang ụn rơm mà thôi. Ai nấy nghe chuyện đều cười ra nước mắt. Người làng không hiểu hai nhân vật mất tích T và P là ai nhưng họ tự lý giải với nhau: "Ông già mê sảng."

♣♣

Sau đó, tôi đi học mà trong lòng cứ lo lắng không yên. Hơn hai năm tôi mới dám lòng nhủ lòng: "Không sao." Cũng nhờ câu nói như vầy của ba mà bụng tôi mới yên được. Hè năm ngoái, tôi dầm mưa sửa lại mấy chỗ dột trên mái nhà. Mưa lạnh quá, tay chân tôi cứ run lập cập không thể rút được đầu nụt lạt mà vặn. Ba đứng dưới thấy vậy nói vói lên: "Đừng nghĩ đến hơi ấm trong khi lạnh! Kệ nó, cứ 'lạnh là lạnh' thì nó sẽ tự qua." Tôi thực hiện theo, quả thật là như vậy. Tôi thầm nghĩ: "Ông già bán bánh chưng mà cũng minh triết ghê." Vậy là tôi tin ba, tôi nghĩ ba tôi có ít nhất hai nhân cách: Một nhân cách "Cô bấc chưng... bơ... ơơơ..." là tấm lòng hy sinh không bờ bến vì con trai. Ở làng này, người ta gọi ba là ông già "Cô bấc chưng... bơ... ơơơ..." mà ít ai hiểu được từng tiếng ấy có nghĩa chính xác là gì. Chỉ cần nghe "cô bấc... chưng... bơ..." là vẫy tay: "một cặp", "hai cặp"... Ngữ nghĩa ngôn từ đối với họ chẳng là cái thá gì. Cũng có người suy được rõ ràng: "Cô bác mua bánh chưng bơ..." thì hay cười tủm tỉm vì giọng rao lơ lớ của ông già. Nhân cách thứ hai của ba chỉ một mình tôi biết. Ngoài tôi ra, không ai biết T và P là ai. Cũng có thể đó chỉ là một ý tưởng bệnh hoạn bất thần đè nặng lên ba làm cho ba không thể kiểm soát được, cũng có thể tôi chưa có được cái nhìn "xuyên-thấu-rõ-ràng" như ông.

Một lần cha con tôi đi rọc lá chuối ngang qua căn chòi cũ trong vườn. tôi hỏi ba:

"Ba à, bánh chưng hình khối vuông mang ý nghĩa gì vậy ba?"

153 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

"Không hiểu thật à? Hình vuông tượng trưng cho đất, là biểu tượng đó mà. Số bốn cũng là tượng đất. Vậy chớ nhìn cái bánh chưng bốn góc con không thấy được cảm giác rắn chắc à? Trời! Văn hoá Việt mà còn chưa biết thì biết gì bây giờ?"

"Ruộng đất và đàn bà có đồng nhất không ba?"

"Đã tìm thấy T và P. Sẽ mưa liên tiếp, nước dâng lên trừng phạt lũ mọt đang ngập ngụa trong tội lỗi..."

"Ủa, ba nói gì vậy?"

"Ư ừ..."

Tự dưng câu trả lời của ba lại chẳng nhập gì với câu hỏi của tôi. Ba tôi bối rối rồi bảo tôi đi nhanh ra khỏi chỗ này. Tôi cứ ngỡ có một kí ức thời thơ trẻ nào đó làm cho ba chợt nhớ lại và xúc động. Những người già thường hay vậy mà. Nhưng không phải, tôi thấy rõ ràng khuôn mặt ông đang biến sắc. "Ba khó chịu trong người." Ba chỉ giải thích như thế rồi bươn đi. Tôi chỉ còn biết lúp xúp chạy theo. Mãi sau này tôi mới biết là do ông đi ngang mấy cây cột mục của căn chòi, những cây cột bị mọt ăn, cứt mọt tràn ra đầy quanh chân cột.

Sau đó, tôi thấy ông soạn mấy tấm áo mưa cũ chằng đụp tứ tung trong buồng ngủ. Ngạc nhiên tôi hỏi:

"Mưa đâu có dột mà ba che tứ tung vậy?"

"Con nghe gì không?"

"Có gì đâu." Tôi lắng tai một hồi rồi trả lời.

"Đó, suỵt suỵt! Mọt quá nhiều! T và P đều có mọt."

"Con có nghe gì đâu."

"Có. Chỗ nào cũng có... Cả cái bóng bên trái cũng có..." Ông bất thần chạy bung khỏi cửa buồng, lao thẳng ra sân, đứng sựng nhìn bóng mình, ông chắc chắc lưỡi, rồi lại ngay lập tức chạy ngược vào nhà. "Mọt... mọt..." Ông rúm người lại ngồi thụp xuống một góc tối. Tôi ôm chầm lấy ba. Hai cha con cùng khóc.

"Hổng có đâu ba, mà mọt chỉ ăn cây thì có gì đâu mà ba sợ dữ vậy."

Ba ôm tôi khóc thành tiếng như một đứa trẻ: "Ba biết nó ăn cây chớ, nhưng ác cái nó lại nghĩ mình là cây. Mọt mà con! Nó chẳng từ thứ gì đâu."

Suốt đêm đó, tôi dỗ ông đủ cách ông mới chịu thiếp đi. Thật khổ cho ba! Trước đây, ba cứ chắc chắn mình bị ung thư máu chỉ vì một lần ông chảy máu nướu răng. Tôi bán cả cái tủ thờ khảm xà cừ của ông nội để lại (cái vật duy nhất mà ba tôi cho rằng mọt chưa đụng tới được) để đưa ba vào bệnh viện ung bướu. Xét nghiệm, thử máu, chụp hình các kiểu, cuối cùng bác sĩ nói: "Không có gì." Bây giờ lại chuyện ám ảnh mọt. Khổ thân cho ba tôi!

Tưởng đâu ba chỉ dừng ở đó, không ngờ chứng hoang tưởng ở ông ngày càng cường điệu, ngày càng trầm trọng.

Hồi còn học phổ thông, tôi thường giúp ba mấy việc vặt như ngâm muối bẹ chuối làm dây buộc, khều than ra khỏi bếp, đặt ấm nước cho ba luôn có nước nóng mà châm, lật giở lớp bánh trên cho khỏi bị lại gạo... Sau khi chất bánh vào xoong, khiêng lên bếp, nhóm lửa xong, ba tôi thường tháo cái chân giả ra rồi cứ thế ngồi lặng bên bình trà, một tay chống cằm. Trước đây, ông hay hứng chí kể tôi nghe chuyện người con trai thứ mười tám của vua Hùng là Tiết Liêu đã nhờ một vị thần hiện ra trong giấc mộng chỉ cho cách làm bánh dày bánh chưng. Bánh chưng vuông tượng đất, nhân bánh tượng ơn cha mẹ sinh thành. Chính vì ý nghĩa đạo lý ấy mà hoàng tử được vua cha truyền ngôi... Kể hết sự tích xa xưa, ba lại kể chuyện gần hơn, lúc vua Quang Trung tiến quân ra Bắc Hà đại phá quân Thanh trong dịp Tết nguyên đán, toàn dân ngâm bánh chưng xuống ao để dành ăn Tết muộn. Nhờ nhựa bánh, nước đâu có thấm vào được. Trong những dịp Tết nhứt, ba làm hai cái bánh vuông lớn đặt lên bàn thờ tổ tiên và luôn miệng ngâm nga:

"Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh"

Ba tôi làm gì nói gì cũng gắn với bánh chưng, đôi lúc tôi nghĩ cái biểu tượng về nền văn hoá lúa nước ấy đã thành máu thịt của ông...

Thời gian có tên gọi ấy đã thành dĩ vãng. Giờ, mỗi lần về nhà phụ giúp ba, ba toàn kể cho nghe những cơn ác mộng. Ông nói nhiều lần về chuyện lũ mọt đang hoành hành. Một ngày, tôi thấy ông đang lui cui chất mấy khúc cây đè lên ép cho bánh rền, bỗng ông cắt dây, lột lá một cái bánh, đứng săm soi mãi. Bất thần ông quơ tay hất tung, ném hết bánh xuống đất. Ông đưa chân đạp túi bụi. "Này, mọt này! Mọt này!"

Tôi chạy lại hỏi tại sao, thì ông lắc đầu: "Thật hết chỗ nói, bọn mọt khốn nạn chui cả vào trong bánh chưng, chỗ thiêng liêng vậy mà cũng không được yên. Chúng sinh sôi nảy nở quá chừng, chỗ nào cũng có mọt, từ trên tới dưới, từ trong ra ngoài." Tôi lượm lại một cặp bánh văng ra còn nguyên vẹn, lột lá chuối ra ngắm nghía nhưng có thấy gì đâu. Tôi vừa thắc mắc liền bị ba phẩy tay: "Con thì thấy cái gì." Nói xong, ông còn truy tìm mọt trong bàn chân giả của ông và trong mấy cái ghế, ông dùng con rựa chẻ củi chặt tan nát bàn chân giả làm bằng nhựa, rồi chẻ vụn từ chân ghế cho tới mặt ghế. Tôi cảm thấy "những con mọt" của ba bắt đầu khó hiểu, có lẽ ba bị ám ảnh mọt quá nặng rồi. Tôi luôn tìm cách hiểu ba, đồng cảm với ba, chia sẻ với ba trong từng ý nghĩ. Tôi hiểu sự cô đơn trong lòng ông, trong cảnh lùi lũi sống một mình từ khi tôi đi học xa. Nhưng rõ ràng nỗi ám ảnh những con mọt của ba đã đi quá xa. Vì sao mà bị ám như vậy? Câu trả lời của tôi không chắc lắm. Không biết có phải do mấy tờ báo trong cái giỏ treo toòng teng trước xe đạp mỗi khi ba đi bán bánh về không.

Thấy tay chân ông ngày càng có nhiều vết vải buộc đáng ngờ, tôi quyết tâm theo dõi. Khuya, ba tôi ngồi bên ngọn đèn dầu, tay cầm kính lúp soi soi mãi vào cái dĩa, bàn chân giả mới làm lại đang dựng bên cạnh. Trong dĩa đựng gì thì tôi không thấy được. Cái kính lúp ông dùng để đọc sách thì tôi không lạ. Tôi đẩy cửa bước vào và sựng lại. Tôi đứng như trời trồng, ngây dại nhìn những miếng thịt cắt nhỏ như hột lựu trong dĩa. Tôi vạch tay áo đầy máu me của ông ra thấy rõ ràng vết cắt mới tinh. Mẫu dao lam dính máu ướt rượt vẫn còn đó.

"Ba! Sao ba làm vậy?"

"Suỵt suỵt! Không sao, ba đốt dao lam rồi, không nhiễm trùng đâu."

Ba tôi đứng dậy ấn cái kính lúp vào tay tôi, nhấn người tôi ngồi xuống ghế rồi ra lệnh: "Nhìn đi!

155 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Bên phải ấy, mấy con mọt già đang ngoe nguẩy, mấy con mọt trẻ dương dương tự đắc. Ghê quá!"

"Ba bị nặng rồi. Mình đi nhà thương nghen ba!" Tôi vỗ về.

"Bệnh gì mà nhà với thương. Con nhìn đi, đó, những con mọt tinh vi lắm núp kín trong thịt, nhung nhúc. Trước sau gì nó cũng ăn thịt mình, cho nó ăn trước có phải hơn không, mình lại được ngắm nhìn nghiên cứu chúng nó... Khi nào chúng đầy ra không sót chỗ nào trên cơ thể nữa, ba sẽ cho chúng đi luôn một thể."

Cái kiểu nói của ba, kiểu tình thế nước đôi giữa thực và hư làm cho tôi luôn hồ nghi, chẳng biết kết thúc ra sao, chẳng biết ba có ra khỏi được nỗi ám ảnh hay không.

Vậy đó mà ngày nào ông cũng đều đặn ngâm nếp, ngâm đậu, ghé chợ mua thịt ba chỉ, đi khắp các vườn rọc lá chuối, ngồi cần mẫn suốt đêm gói từng chiếc bánh chưng nhỏ nhắn. Ông gói bánh chưng rất nghề. Đôi lúc tôi nghĩ ba tôi làm tất cả những công đoạn ấy, cả cái việc chân chấm chân phẩy dắt chiếc xe đạp toòng teng hai giỏ bánh đi bán dạo khắp làng như một chương trình được cài đặt sẵn, cứ tới giờ đó là làm việc này, tiếp theo là làm việc kia việc nọ. Khi còn lại một mình trong căn buồng chằng đụp ni-lon, ông lại biến thành một con người khác, một trí thức lỡ vận bị ám ảnh bởi giống mọt đẽo khoét gỗ, một công dân ưu tư đến điên dại. Có khi tôi phát hiện ra ba đang ngồi bó gối, co rúm người lại, bộ dạng hớt hãi trong góc buồng như đang trốn một ai đó, ông sợ khi thấy bóng mình. Ông nhiều lần càm ràm: T và P là nỗi sợ lớn nhất đời ông. Ông luôn miệng phản đối những lí luận sơ đẳng của T và P; chúng làm cho rác rến bám rễ vào bước chân ông, vào tâm hồn ông. Ông cho rằng T là sản phẩm của một tai nạn, còn P thì cứ luôn thích ngủ quên trong T.

Tôi ngồi đã nóng ghế mà tiếng rao "cô bấc chưng bơ" vẫn im bặt. Tôi thật mâu thuẫn, nghe tiếng rao ấy thì đau nhói trong người, nhưng đợi mãi không nghe được lòng lại chùng xuống bất an. Tôi uống một ngụm cà phê rồi nhìn lại đồng hồ, cái đồng hồ dây da ba cho tôi ngày đầu đi học xa. Hai cây kim đồng hồ đứng yên. Chiếc đồng hồ đã chết. Một luồng điện lạnh vừa chạy dọc xương sống, tôi tái mặt, chồm người ra khỏi quán. Mọi người đang nhao nhao chạy về phía cái hố giữa đường. Ly cà phê chập chờn trắng bạc trước mặt tôi. Trong khi lao đi, tôi chỉ còn nghe loáng thoáng người ta hỏi nhau: "Ai rớt... xuống đó vậy?" "Cô Bấc Chưng Bơ... Cô Bấc Chưng Bơ... Cô Bấc Chưng... Bơ..., Cô... Bấc... Chưng... Bơ..."

♣♣

Sau này, mỗi lần thắp nhang cho ba tôi, tôi đều cắm thêm hai cây nhang cho T và P. Tôi cứ mãi thắc mắc không hiểu những chiếc bóng, những phụ chú có được siêu thoát cùng với người đã mang nó không?!

Không ai siêu thoát cả. T thường xuyên hiện hồn về nói: "Lỗi tại con đường! Tại con đường tự đánh mất thanh danh của mình. Không phải tôi, tôi chỉ là chiếc bóng." P thành thực hơn: "Tôi chỉ là đoạn cuối quá trình tha hoá của mọt. Thể xác tôi nuôi mọt chứ không phải tôi là mọt. Sau bao nhiêu cực nhọc, mất mát, tôi được quyền làm con mèo mun ngái ngủ. Tôi được cái quyền ấy quá đi chớ. Tôi có thể làm cho xác chết dựng đứng nhưng không sống lại được. Thông cảm đi!" Thường khi nói xong như vậy, P cuộn mình, chìm nhanh vào bóng đêm. Nhiều lần giữa khuya, tôi giật thót nghe tiếng ba tôi rao lanh lảnh: "Cô... Bấc... Chưng... Bơ... ơơ..." Tiếng rao vô nghĩa hết sức nhưng nó làm tôi rưng rưng nhớ, nhớ đến bàng hoàng cả người.

Núi Tà Cú, 8/ 2008

NGUYỄN HIỆP

tiểu luận

CUỘC HỘI NGỘ NGUYỄN DU - KAFKA

BÙI NGỌC MINH

Quản bao nước thẳm non xa
Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng.

***(Li tao* – Khuất Nguyên)**

Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư

Đây có lẽ là một trong những câu thơ ám ảnh nhất trong toàn bộ tác phẩm Nguyễn Du. Không ngẫu nhiên chút nào khi các bản dịch *Độc Tiểu Thanh kí* của các dịch giả khác nhau, tuy có nét tiểu dị nhưng đều gặp gỡ trên đại đồng.

Cụ Bùi Kỉ dịch như sau:

Sự oán hận xưa nay khó mà hỏi trời được
Oan lạ của người phong vận kia tự mình ta buộc lấy mình.

Cụ Đào Duy Anh dịch là:

Mối hận cổ kim khó mà hỏi trời
Oan lạ của người phong vận ta cũng tự thấy có mình ở trong ấy.

Ông Vũ Tam Tập cũng dịch:

Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được
Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong nhã.

Đây là cặp câu luận của *Độc Tiểu Thanh kí*. Từ cuộc đời đau khổ hồng nhan đa truân, sắc tài mệnh yểu của Tiểu Thanh (1594-1612) sống vào triều đại Minh bên Trung Hoa, Nguyễn Du (1765-1820), với sức đồng cảm lạ thường của người có *cặp mắt trông suốt sáu cõi, tấm lòng nghĩ tới ngàn đời* đã khái quát thành một trong những *qui luật của muôn đời.*

157 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Hận, oan vốn là những chữ dùng, những khái niệm thường dùng trong văn chương thời cổ trung đại ở phương Đông. Cổ nhân dùng những chữ này để biểu hiện những cung bậc, những sắc thái khác nhau của nỗi buồn nhân thế, thời thế và thân thế. Đó cũng là những chữ mà người xưa dùng để thể hiện sự tự ý thức về bản ngã. Hận là nỗi đau đớn tột cùng không thể giải tỏa, không thể sẻ chia vì những giá trị, những năng lực, những tài năng, phẩm giá... của con người bị lãng quên, bị phí hoài, bị xỉ nhục và lăng mạ. Oan là sự tự ý thức của cổ nhân về các giá trị người bị chà đạp, bị kết tội một cách thậm vô cớ và vô lí. Trong thơ mình, Nguyễn Du chủ yếu thể hiện nỗi đau đứt ruột, xé lòng của mình trước những đau khổ bất hạnh về tâm và thân của những giai nhân tài tử *tài mà không được gặp gỡ, tình mà không được hả hê (*Mộng Liên Đường chủ nhân): *Ai tri âm đó mặn mà với ai- Nỗi mình thêm tức nỗi nhà-Thân sao bướm chán ong chường bấy thân- Biết thân đến bước lạc loài...(Truyện Kiều)*

Nỗi đau, nỗi oan của con người, niềm uất hận của những bậc kì tài tuyệt sắc trong thiên hạ xưa đã có, nay cũng có và có lẽ không bao giờ hết được. Nỗi đau ấy, niềm uất hận ấy đến trời cũng không có lời giải đáp. Câu thơ là sự tổng kết, sự nghiệm sinh của thi nhân về chính mình và của biết bao kiếp tài hoa, biết bao kiếp người đau khổ trên *cõi nhân gian bé tí* này. Nguyễn Du từng điếu Khuất Nguyên (340-278 tcn) bằng *Phản chiêu hồn* (Bắc hành tạp lục).Thi nhân Việt Nam không muốn tác giả *Li tao* trở về. Về làm gì hỡi hương hồn Khuất Nguyên, bởi mặt đất giờ đây, *đâu đâu cũng là sông Mịch La, người đời ai ai cũng là Thượng Quan, họ ra vào cười cười nói nói như ông Cao, ông Quì không để lộ nanh vuốt, nhưng nhai xé thịt người ngọt xớt như đường*. Hà cớ gì mà Khuất Bình phải nhảy xuống sông Mịch La tự tử? Bởi *cả đời đục riêng một mình* ông *trong*, bởi *cả đời say riêng một mình* ông *tỉnh*. Tố Như cũng từng khóc thánh thi Đỗ Phủ (712-770)- người được ông tôn vinh là *Thiên cổ văn chương-Thiên cổ sự* với day dứt không nguôi: *Phải chăng vì thơ hay mà đời khổ, phải chăng vì đời khổ mà thơ hay*? Ở ta, Nguyễn Trãi chỉ vì *Một niềm trung mấy hiếu- Mài chăng khuyết nhuộm chăng đen- Đêm ngày cuồn cuộn nước triều Đông*, chỉ vì *tiên ưu hậu lạc* mà bị cái án oan thảm khốc tru di tam tộc, khiến người anh hùng phải *di hận kỉ thiên niên*. Trong thơ chữ Hán của mình, Nguyễn Du còn thổn thức nỗi niềm đau khổ của Nhạc Phi, Tỉ Can, Dương Quí Phi, của cô Cầm (*Long thành cầm giả ca*), của mấy mẹ con người đàn bà trong *Sở kiến hành...* Hai lần trong *Truyện Kiều* và trong *Văn tế thập loại chúng sinh* Nguyễn Du đã cất lên *Đoạn trường tân thanh* cùng một lời than:

Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?

Rồi:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Nhà thơ Tố Hữu từng thốt lên: *Hỡi ôi! Thân ấy biết là mấy thân*! Có điều *mấy thân* cũng chỉ có kiếp đàn bà. Còn trong *Độc Tiểu Thanh kí* là *Cổ kim hận sự*, là *Phong vận kì oan*. Đau khổ là của chung mọi kiếp người. Cổ nhân có câu:

Mĩ nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.

Tạm dịch:

Người đẹp xưa nay như danh tướng
Trời xanh chẳng để sống bạc đầu.

Tất nhiên, mệnh đề tài mệnh tương đố không chỉ có ý nghĩa tiền định, mà ở thời Nguyễn Du, mệnh đề này có một nội dung xã hội khá cụ thể. Đây là thời đại xuất hiện hàng loạt tài năng lớn

về nhiều phương diện. Ông vua chuyên chế phong kiến luôn cảnh giác trước tài năng, nhất là cái tài kinh bang tế thế. Người có tài có thể làm lu mờ đấng tối cao, thậm chí có thể bị cướp mất ngôi. Chế độ xã hội ấy chỉ chấp nhận người cúc cung tận tụy, thậm chí cuồng tín, ngu tín trước ông vua. Không phải ngẫu nhiên mà trong các phim cổ trang nước Tàu lúc nào kẻ bề tôi cũng luôn luôn lặp lại câu cửa miệng *Hoàng thượng sáng suốt* kể cả khi hoàng thương rơi vào tình thế bi hài nhất, kể cả khi hoàng thượng ngu tối ban cho kẻ tôi trung chén thuốc đọc hay giải lụa (*Cảm ơn hoàng thượng ban chết*). Thật là cười ra nước mắt. Cái tài nhiều khi bị đem ra mua vui cho thiên hạ. Vì vậy mới cần đề cao tấm lòng biệt nhỡn liên tài.. Chắc chắn Nguyễn Du không thể không biết đến số phận bi thảm của Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, Cống Chỉnh, Ngô Thì Nhậm, Đặng Trần Thường, Lê Văn Duyệt, cha con Nguyễn Văn Thành..., rồi gia cảnh nhà ông khi kiêu binh nổi loạn ở kinh thành Thăng Long, đặc biệt là những nghiệm sinh về thân phận của chính mình *trong mười năm cát bụi.* Quả là*: Có tài mà cậy chi tài-Chữ tài liền với chữ tai một vần*. Thời ấy kẻ có tài năng thường thị tài, cậy tài, khoe tài mà quên mất câu nhắc nhở của cổ nhân: thông minh thánh trí thì giữ mình bằng ngu độn, muốn giữ được đầy thì đổ bớt đi. Ta hiểu vì sao. Tuy là chú vợ vua, làm đến bậc á khanh, quan lộ khá hanh thông mà mỗi khi vào chầu, được vua hỏi tới việc gì ông cũng chỉ vâng dạ cho phải phép. Đã làm quan thì *cái cười cái nói cái đi cái đứng đều phải tính toán*! Câu tổng kết dân gian: *ngu si hưởng thái bình*, ngẫm ra thấy quả có lí. Những kẻ *chỉ luẩn quẩn trong vòng mũ áo, trong cuộc tỉnh say dẫu có gặp cái cảnh thanh nhàn như hoa thơm buổi sáng, trăng tỏ ban đêm cũng trơ trơ như cỏ cây, như cá chim* , lại thường được sống trọn tuổi trời. Lì lạ thay, bất công, ngang trái và oan trái thay! Nhưng đó lại là một sự thực hiển nhiên.

Thế mới thấy tầm khái quát và tình thương Nguyễn Du dành cho thân phận con người mênh mông nhường nào. Con người đặc biệt là người tài, người đẹp chính là sự kết tinh những phẩm giá người cao nhất, lại thường đau khổ. Mang cái tài cái đẹp chính là mang cái mầm mống của khổ đau, mang cái bản án của định mệnh phũ phàng nghiệt ngã... Ngay từ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, Nguyễn Du đã chỉ ra sự bất công của Tạo hoá, sự *đành hanh* của "máy trời". *Thương người như thể thương thân, thương thân như thương người,* phải chăng đó là Nguyễn Du? Ông đã nhìn ra trong nỗi đau của đồng loại nỗi đau của chính mình, và trong nỗi đau của chính mình, ông thấy được nỗi đau của đồng loại. Giọt nước mắt khóc nàng Tiểu Thanh trở thành lời điếu cho mọi kiếp tài hoa bạc mệnh, trở thành giọt nước mắt khóc chính mình. Vì sao sắc tài thường khổ ? Vì sao thân phận con người lắm những nỗi đau? Câu hỏi ấy vẫn treo lơ lửng giữa trời xanh. Biết đến bao giờ và ai là người giải đáp hữu hiệu?

Nguyễn Du đã rất đồng cảm với Nguyễn Gia Thiều (1741-1789) trong *Cung oán ngâm khúc*, khi ông này viết :

Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra.
...
Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

và với Đặng Trần Côn- Đoàn Thị Điểm (?) trong *Chinh phụ ngâm* :

Xanh kia thăm thẳm tầng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

Câu hỏi ấy thực *Thiên hà ngôn tai* (!). Còn nhớ Hê- ghen, nhà triết học Đức thế kỉ XIX từng nhận xét rằng : trong văn học hiện tượng định mệnh là hiện tượng bi kịch của người tốt. Với Nguyễn Du, những bậc tài hoa phong nhã luôn luôn phải chịu cái gọi là *phong vận kì oan* mà ông không tìm thấy lời giải đáp hữu hiệu trong triết lí thiên mệnh của Nho học, duyên nghiệp quả báo của Phật học, tướng số của đạo Lão... Dường như, nhà thơ của chúng ta đã linh cảm được *giải tần mờ* của cuộc đời đầy bí ẩn. Lịch sử có những sự trùng hợp lạ kì.Năm 1965, khi cả thế giới long trọng kỉ niệm 200 năm ngày sinh đại thi hào danh nhân văn hoá Nguyễn Du, cũng chính là

năm nhà toán học người Mĩ Lôtfi Zadeh công bố lí thuyết lôgic mờ trong một bài báo có tên *Các tập mờ*. Nhưng mãi đến đầu thế kỉ XX, F. Kafka (1833-1924)- một nhà văn gốc Do Thái nói tiếng Đức sống ở Tiệp Khắc cũ dưới ách đô hộ Áo - Hung, được Phương Tây suy tôn là một trong ba ông tổ của văn học hiện đại chủ nghĩa, mới phát hiện ra cái điều mà Nguyễn Du đã nói trước đó hơn một trăm năm. Trong các tác phẩm của mình F. Kafka đã thể hiện: "*Cảm giác về sự không có tự do của con người, về sự lệ thuộc của con người vào những thế lực bất hợp lí nào đó ở ngoài con người và chi phối bắt con người phục tùng* "(1).

Trong *Vụ án*, nhà văn này mô tả câu chuyện về một viên chức ngân hàng, mang cái tên Jôzep K. bỗng dưng bị một toà án vô hình kết tội. K. không biết mình có tội gì. Toà án cũng không biết...Cuối cùng K. bị dẫn đi hành quyết đúng vào sinh nhật lần thứ ba mươi của mình. Đao phủ chọc dao vào ngực K. và ngoáy một cái. Kafka kết thúc thiên truyện của mình bằng kết luận*: K. chết như một con chó*

Thân phận K. là thân phận con người bị kết án bởi một toà án vô hình, tựa như tội tổ tông trong Thánh kinh đạo Gia-tô, tựa như tội mà đạo Phật quan niệm trong câu Đức Thích- Ca- Mâu- Ni trả lời con quạ*: Con khổ vì con có cái thân của con*, và dường như có cả sự khúc xạ những ám ảnh của Kafka về thân phận con người trong xã hội tư sản hiện đại, khi bóng đen của chủ nghĩa phát xít đang đến gần, trước thảm hoạ do mặt trái của nền văn minh hậu công nghiệp ngày nay gây ra.

Sự hội ngộ Nguyễn Du - Kafka phải chăng là sự gặp gỡ Đông - Tây? Điều này còn chứng tỏ chủ nghĩa duy lí phương Tây không phải bao giờ cũng hữu hiệu hơn cảm quan trực giác huyền diệu phương Đông khi khám phá hiện thực đời sống. Sự hội ngộ này khiến những bộ óc sùng ngoại nhất cũng phải bừng tỉnh. Không hiểu vì sao viết đến đây tôi bỗng cảm thấy cái câu: *Phương Đông là phương Đông- Phương Tây là phương Tây* của nhà thơ Anh quốc Kiplinh thật vô nghĩa.

Vạn Xuân,10-1995, Vân giang 10-2011

(1) Suxkôp - Truyện ngắn phương Tây thế kỷ XX (tập I)- Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội 1998.

BÙI NGỌC MINH

THỬ TÌM HIỂU THẾ NÀO LÀ MỘT BÀI THƠ HAY

Người ta đã bàn luận nhiều về đề tài:"Thế nào là một bài Thơ hay?". Người thích bài này, kẻ ưa bài kia, thật khó mà định nghĩa thế nào là một bài Thơ hay, nhưng hầu như tất cả mọi người đều đồng ý Thơ là tuyệt đỉnh của Văn chương, Thơ ít chữ nhưng nói nhiều hơn văn xuôi và vì vậy không phải ai cũng làm được một bài thơ hay, dù có nhiều kẻ suốt đời nặng lòng với Thơ.

Người viết bài này hoan nghênh tất cả các bài Thơ do nhiều tác giả khổ công sáng tác, chỉ không hoan nghênh những bài Thơ dùng từ rất kêu nhưng xét giá trị từng câu, toàn bài thấy vô nghĩa.

Vâng, nó vô nghĩa! Có nghĩa là người đọc không hiểu tác giả bài Thơ muốn nói lên cái gì, ám chỉ cái gì, hoặc gởi gấm cái gì trong những hàng chữ kia. Có thể những ông, bà tác giả đó nguỵ biện rằng người đọc không đủ trình độ hiểu Thơ của họ. Nói như thế với một em bé trình độ tiểu học thì có thể chứ với những người đã có trình độ Đại học VN hoặc đã có làm Thơ thì đúng là nguỵ biện và quá cao ngạo, kiêu căng.

Để tôi kể bạn nghe một giai thoại về Thơ. Có một ông nhà thơ ở miền Nam trước 1975, sau đó sang hải ngoại, làm được một số bài thơ và được bè bạn cũng có, tự ông ta cũng có, dùng ống đu đủ thổi lên như hàng Thi vương, Thi bá, độc nhất vô nhị. Có một người quen ông ta, một bữa lấy 4 câu thơ của ông ta ở mấy chỗ khác nhau, cho một cái tựa và đặt liền vào nhau như một bài thơ. Người này , nhân lúc trà dư tửu hậu đem ra , nói là thơ mới làm, nhờ ông ta nhuận sắc dùm. Ông ta đọc xong bài thơ, hét toáng lên rằng:"Thơ gì vô nghĩa thế này ? Tao không biết mày định nói cái gì ? Vứt thùng rác cho rồi !" Người bạn lúc đó mới ôn tồn nói:"Thưa thi hào, chính là thơ của đại gia đấy !"Nhà thơ vẫn không tin và người bạn phải lấy cuốn Thơ của ông ta xuất bản ra chỉ vào những câu ông đã trích. "Đại thi hào" ngồi ngẩn tò te ra, mắc cở . Vậy mà lâu nay có ai nói cho ông ta biết đâu hoặc có nói, ông ta cũng không chịu nhìn nhận một sự thực.

Về định nghĩa thế nào là một bài thơ hay. Nếu trả lời cho đầy đủ kèm theo những dẫn chứng thì có thể phải cả cuốn sách mới đủ. Nhưng tôi chỉ sơ lược mấy điểm chính để các bạn chưa từng làm Thơ hoặc có ý định sẽ vào làng Thơ, nắm được thế nào là một bài thơ hoặc câu thơ hay.

LỜI HAY, Ý ĐẸP, TRUYỀN CẢM

Lời thơ trong sáng, tự nhiên, không cố ý gọt dũa, hoặc có gọt dũa, nhưng người đọc không thấy, ta gọi tắt là lời hay.

Ý thơ hàm súc, dồi dào, gọi tắt là ý đẹp.

Đọc lên thấy xúc động, nao nao, xao xuyến trong tâm hồn, tức là thơ có sức truyền cảm.

Đó là thơ tả tình. Thí dụ: (trích truyện Kiều)

Một mình nàng, ngọn đèn khuya
Áo dầm giọt lệ, tóc se mái sầu

Hoặc:

Cũng liều nhắm mắt đưa chân
Thử xem con tạo xoay vần đến dâu!

Đến như thơ tả cảnh thì đọc câu thơ lên thấy như vẽ trước mắt ta phong cảnh tác giả muốn phô diễn. Thí dụ:

161 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Chim hôm thoi thót về rừng
Đoá trà mi đã ngậm trăng nửa vành

Hoặc:

Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Chỉ có một ngọn đèn khuya , chiếc áo nàng đang mặc đẫm nước mắt và mái tóc bù rối của nàng mà người đọc tưởng tượng ra được một thiếu phụ đang trải qua những đau thương , cay đắng của cuộc đời. Chỉ có 14 chữ mà nói lên được cái tâm sự dằng dặc cả mấy trang nếu phải viết bằng văn xuôi.

Hai câu sau tả cảnh cũng thế. Một buổi chiều hiu hắt, u buồn, chim lặng lẽ về tổ, đoá trà mi cô đơn dưới ánh trăng thượng tuần. Vẫn có hoa và trăng nhưng hoa và trăng nhuốm vẻ tiêu điều như lòng người. Cái buồn của nhân vật như lây sang ta, đó chính là truyền cảm.

Hai câu chót là bức tranh của Claude Monet hoặc của Vincent van Gogh đưa tầm mắt ta ra xa đến tận chân trời, toàn mầu xanh tươi, chỉ điểm vài cánh lê trắng muốt.

Thật tài tình. Và thật thơ.

Không chỉ trong những đọan tả cảnh, tả tình mà còn là những đoạn Mượn Cảnh Tả Tình, có nghĩa người đọc chỉ cần chú ý vào không gian, thời gian, sự vật xung quanh nhân vật mà thấy rõ được tâm sự nhân vật, cái rất khó tả cho đúng. Chúng ta hãy đọc lại đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích" sau đây sẽ nhận ra điều đó:

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm, đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng!
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày mong mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?
Nhớ người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm
Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt nước một mầu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Bình giải sơ lược: Sáu câu đầu tác giả tả nàng Kiều trong hoàn cảnh tồi tệ nhất là ở "thanh lâu" (thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần), Kiều bẽ bàng cho thân phận ngay cả khi ngắm áng mây buổi sớm, nhìn ngọn đèn leo lét ban tối. Cảnh ấy, tình này làm cho lòng nàng đòi đoạn, đứt ruột (như chia tấm lòng).

Bốn câu kế, Kiều nhớ đến Kim Trọng, người yêu đầu đời và trọn đời. Nhớ đến đêm trăng sáng năm xưa cùng chàng thề thốt, nay biệt vô âm tín mà tấm thân nhơ nhuốc này biết bao giờ gột rửa để trở nên trong sạch, xứng đáng với chàng?

Bốn câu kế:"Nhớ người tựa cửa..." Kiều nhớ cha mẹ. Không biết giờ này lấy ai thay mình phụng dưỡng song thân? Như ông Lão Lai ngày xưa, thấy cha mẹ buồn liền ra sân múa hát, làm

trò hề cho cha mẹ vui cười lên mà khuây khoả tuổi già. Quay đi quay lại, ấy vậy mà cha mẹ trăm tuổi lúc nào không hay (có khi gốc tử đã vừa người ôm).

Tám câu sau cùng tả cảnh nhưng là cảnh có tâm hồn người hàm chứa trong đó: cửa bể, con thuyền, ngọn nước, hoa trôi, bèo dạt... trong khi tạo vật vẫn vô tình với nỗi buồn của con người:" Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"

Hoặc như trong "Cung Oán Ngâm khúc":

Cầu Thệ thủy ngồi trơ cổ độ
Quán Thu phong đứng rũ tà huy
Phong trần đến cả sơn khê
Tang thương đến cả hoa kia, cỏ này!
Tuồng huyễn hoá đã bày ra đấy
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì!

Nơi bến đò xưa, cây cầu bắc trên dòng nước chảy không ngừng vẫn "trơ mặt với phong sương", cũng như cạnh đó, quán trống, trong nắng chiều yếu ớt, gió thu lạnh lẽo hun hút thổi làm cảnh trí càng thêm tiêu sơ. Nàng cung nữ, vì nhớ đến thân phận hẩm hiu của mình, nhìn hoa cỏ, núi sông đều thấy một mầu tang thương. Tất cả do "Tạo hóa đành hanh quá ngán" bày ra và rốt cuộc kiếp người trôi nổi chỉ còn lại một nấm cỏ khâu xanh rì!

ÂM ĐIỆU, TIẾT TẤU

Nhiều nhà ngôn ngữ học quốc tế sau khi nghiên cứu về tiếng Việt đã cho rằng tiếng Việt khi nói có âm điệu như hát (singing language).

Sở dĩ có được kết luận đó vì tiếng Việt có các thanh bằng, trắc khác nhau nên khi nói, các từ ngữ lên xuống theo các thanh cho âm điệu và tiết tấu.

Thi sĩ tiếng Việt khi làm thơ lại càng cần phải để ý đến các thanh bằng trắc này để cho bài thơ có âm điệu tiết tấu hay, dễ đọc và quyến rũ. Chính bởi thế thơ có niêm luật, niêm là dính, luật là những chữ phải bằng hay phải trắc hay phải hợp vận.Thí dụ hai câu lục bát:

Bằng bằng trắc trắc bằng bằng (vần)
Bằng bằng trắc trắc bằng bằng (vần) trắc bằng
Thành Tây có cảnh Bích câu
Cỏ hoa họp lại một bầu xinh sao
Đua chen thu cúc, xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông!

Những chữ 1,3,5 (nhất, tam, ngũ) bất luận, luật là bằng nhưng có thể trắc, và ngược lại.(Vì bài này không chủ trương dạy cách làm thơ, quí bạn đọc muốn nghiên cứu tường tận hơn về niêm, luật bằng trắc, vận có thể đọc trong sách Việt Nam Văn học sử yếu của GS Dương quảng Hàm hoặc các sách Văn học sử khác.).

Người làm thơ cần đặc biệt chú ý đến vần vì nếu thơ không có vần (hợp vận), sẽ không được gọi là thơ, sẽ chỉ như văn xuôi được cắt ra những đoạn 6 hoặc 7, 8 chữ v.v.... Có người đã ví một cách ngộ nghĩnh là thơ không vần như mặc quần không áo, nó thiếu phần quan trọng để thành những câu thơ như tác giả của nó mong muốn. Hơn nữa, vần dùng tài tình cho người đọc thơ thấy tài của tác giả mà không phải ai cũng có thể làm được. Những bài thơ nổi tiếng thường là những bài thơ vần được sử dụng chặt chẽ, khít khao và tài tình.

Thí dụ: Bản dịch "Lầu Hòang Hạc" của Tản Đà tiên sinh từ nguyên tác Hòang Hạc lâu của Thôi Hiệu:

Hạc vàng ai cỡi đi đâu
Mà nay Hòang Hạc riêng lầu còn trơ
Hạc vàng đi mất từ xưa
Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay

163 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Hán Dương sông tạnh, cây bày
Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non
Quê hương khuất bóng hòang hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

Thơ tự do không bắt buộc phải có vần nhưng cũng cần vần khi có thể để cho câu thơ nổi nang hơn, có chất thơ hơn. Còn thơ mới, vần chữ cuối câu hay cước vận, bắt buộc phải có vận, hợp vận

Thí dụ:

Nào còn đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan
Đâu những chiều mưa chuyển động bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm cảnh giang sơn ta đổi mới.
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng...
(Hổ nhớ rừng - Thế Lữ)

Hoặc một đọan đầu trong bài "Nắng Quê Hương" của tác giả bài này:

Em sang đây mang giùm anh chút nắng
Nắng Sàigòn - Hànội - Nắng Quê Hương
Nắng ngày xưa em nhặt ở sân trường
Đem hong gió Thu vàng hay ép sách.

TÓM TẮT

Một bài Thơ hay phải hội đủ ba yếu tố: Lời hay, Ý đẹp, và Truyền cảm. Có cả ba yếu tố thiết yếu này, người ta gọi tắt là một bài thơ hay, một bài thơ có hồn. Khi thi sĩ cảm hứng, tứ thơ tuôn tràn, hồn thơ lai láng. Chính kẻ viết bài này, có nhiều lần bút không kịp ghi tứ thơ trên giấy, phải dùng những chữ viết tắt mà chính tác giả mới đọc được, ghi vội ra vì nếu để giây phút đó qua đi, sẽ không thể hoặc khó có thể làm được bài đã định. Sau giây phút "xuất thần" đó, bây giờ mới thong thả coi lại bài thơ từ đầu tới cuối và chỉnh những từ không vừa ý. Thường chỉ chỉnh sơ sài, dăm ba từ bị thay thế cho thích hợp, nhưng cái cốt lõi đầu tiên, cái khung, cái hồn của bài thơ thì không bao giờ thay đổi, bởi nó đã hay hoặc vừa ý (với chính nhà thơ.)

Thi sĩ phải có hứng sáng tác, thơ mới hay. Hứng là cái sáo diều hoặc sợi dây đàn treo trong không gian, một làn gió nhẹ thổi qua đủ làm nó phát ra thanh âm. Tâm hồn thi sĩ cũng ví như cái sáo hoặc sợi dây đàn đó, một ý tưởng mới, một cảm nghĩ mới, một sự việc mới xảy ra trước mắt khiến nhà thơ muốn dùng bút ghi lại sự việc hoặc những cảm nghỉ của mình trong khi người không có tâm hồn thi sĩ, không để ý tới sự việc xảy ra, cũng không có những cảm nghĩ mà nhà thơ có. Đó chính là "Cái sáo hoặc sợi dây đàn" của thi sĩ. Nó vô cùng bén nhạy nên thi sĩ mới có hứng thơ. Với nhà văn, hứng viết văn cũng tương tự thế. Do đó, chúng ta phân biệt hai loại, nếu ghi thường: văn xuôi; nếu ghi có vần điệu tiết tấu: Thơ. Cả hai đều là văn chương, tuy co những nét đặc thù khác hẳn nhau.

Để làm rõ nét cái hứng của thi nhân, chúng tôi xin đưa ra trường hợp Thi sĩ Ôn như hầu Nguyễn gia Thiều.

Tất cả chúng ta nhìn các cung nữ thời xưa, lúc son trẻ được nhà vua vời vào cung làm cung phi đều là chuyện bình thường bởi vua có quyền sinh sát toàn dân. Vua muốn là Trời muốn vì vua là Thiên tử, con Trời. Riêng tác giả "Cung oán ngâm khúc" lại có cái nhìn khác. Thi nhân nghĩ chỉ vì phải phục vụ cho những sắc dục tham lam, bất chính của nhà vua mà các cung nữ này bị giam trong cung cấm, uổng phí cả một đời thanh xuân khi nhà vua chỉ dùng các nàng cho một đêm vui rồi không bao giờ đoái hoài tới nữa làm nhiều cung phi chết già trong cung cấm. Nhà vua, sau khi thoả mãn, ân ái một đêm, lại đi tìm những bông hoa hương sắc khác để tủi hổ, bẽ bàng, đau khổ cho hàng trăm, hàng ngàn cung phi mà họ không biết kêu cứu vào đâu được. (Ngán thay cái én ba nghìn). Từ đó thi nhân viết cuốn "Cung oán ngâm khúc" để thay cho các cung phi nói lên nỗi lòng đòi đoạn nơi cung cấm, may ra tiếng nói có thấu đến cửu trùng, các

nàng được giải thoát khỏi cuộc sống tối tăm, chết dần, chết mòn, được trở về nơi thôn dã sống với gia đình và biết đâu lại có được một tấm chồng để nương tựa suốt cuộc đời còn lại.

Vì đặt mình vào hoàn cảnh các cung phi bị thất sủng, thi nhân đã cực tả được những đau xót của các cung phi:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng
Oán chi những khách tiêu phòng
Mà xui phận bạc nằm trong má đào...

Trở lại ý hướng mượn cảnh tả tình của thi nhân, chúng ta hãy đọc lại hai bài thơ (Đường luật) sau đây, của Bà huyện Thanh Quan và Cụ Nguyễn Khuyến:

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn
Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn chương đài, người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn !

THU ĐIẾU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Hai bài thơ này cùng làm theo thể Đường luật, thơ bảy chữ tám câu, rất phổ thông từ đầu thế kỷ thứ XIX. Nữ sĩ Hồ xuân Hương cũng là một trong những nhà thơ sử dụng thể thơ này nhiều nhất.

Bài "Chiều hôm nhớ nhà" có dăm tiếng Hán -Việt như: hoàng hôn, ngư ông, viễn phố, mục tử, chương đài, lữ thứ nhưng không phải là những chữ quá khó. Sáu câu đầu tả cảnh để làm nền cho hai câu cuối tả tình. Bạn để ý cặp câu:"Gác mái... và Gõ sừng..."; cặp "Ngàn mai... và Dặm liễu...", (động tự đối với động tự, danh tự đối với danh tự) làm theo thể biền ngẫu nghĩa là mỗi chữ đối nhau, nét đặc thù của thơ Đường luật. Đọc xong bài thơ ta thấy tâm hồn ta cũng chìm lắng vào nỗi buồn của "kẻ chốn chương đài, người lữ thứ" một nỗi buồn nhẹ nhàng nhưng thấm thía của hai tâm hồn xa nhau.

Như bài Thu Điếu, hay Mùa Thu câu cá, cặp câu "thực" và "luận": "Sóng biếc..." đối với "Lá vàng..." và "Từng mây..." đối với "Ngõ trúc...".Toàn bài không có một chữ Hán, một điển cố, vẽ ra bức tranh thu êm đềm, tịch mịch trong đó chỉ có một động vật duy nhất là nhà thơ đang thả hồn vào thiên nhiên với lá vàng rơi rụng, với từng mây xanh ngắt, với ngõ trúc quanh co. Tất cả đã toát ra mùi vị Thiền và bức tranh:" Vạn vật đồng nhất thể" vô cùng sâu sắc.

Hai bài thơ trên, cùng một số bài thơ khác của hai tác giả này và nhiều tác giả khác như Nguyễn công Trứ, Cao bá Quát, Hồ xuân Hương v.v...đã được đa số chúng ta học thuộc lòng từ hồi còn ngồi lớp 8, lớp 9 trong phần Cổ văn.

Tuy nhiên, vì thơ Đường luật phải tuân theo niêm, luật, vần và biền ngẫu như thế nên từ thế hệ 1932, các nhà thơ đã than là thể thơ này quá khó so với những thể thơ lục bát, song thất lục bát,

nhất là thơ mới và thơ tự do ra đời trong khỏang thời gian đó. Các cụ nói:" Khó cho thiên hạ đến bao giờ..." để nói về thể thơ Đường luật này. Hơn nữa, khi phải diễn tả một tình cảm phức tạp, dài dòng thơ Đường không đáp ứng nổi như song thất lục bát và lục bát.Và cũng kể từ đó, các thể thơ tự do, thơ mới 8, 9 chữ hay thơ 7 chữ, mỗi đọan bốn câu, gồm nhiều đọan, vần cuối ở các câu 1, 2, và 4 rất được thịnh hành. Thể thơ Đường chỉ còn thấy thưa thớt nơi các cụ đồ nặng lòng với thơ cổ khi xưa và những tác giả không thích thơ mới. Cũng nên lưu ý, thơ mới có âm điệu, tiết tấu và cách diễn tả hùng mạnh mà thơ Đường không thể. Thơ tự do cho người làm thơ diễn đạt ý tưởng không giới hạn nhưng cũng không phải dễ để sáng tác một bài thơ tự do hay.

Để có một cái nhìn xuyên suốt về Thơ, nguyên tắc chung cho hầu hết các môn khoa học là: hợp lý = dễ hiểu = dễ nhớ, dù là toán học hay nhân văn. Từ những bài thơ cổ này, chúng ta cũng suy ra, để hiểu thơ cũng như để sáng tác thơ, chúng ta cần một ít chữ Hán-Việt, hiểu nghĩa và cách sử dụng chúng mới dễ quay trở khi làm thơ.

A-THƠ HAY RẤT DỄ THUỘC DỄ NHỚ

Từ đó ta thấy, thơ hay là thơ có thể học thuộc lòng một cách dễ dàng. Một học sinh có trí nhớ trung bình chỉ cần ngâm nga hai bài thơ của cụ Nguyễn Khuyến và bà huyện Thanh Quan nói ở trên vài lần là thuộc lòng. Thơ đọc trúc trắc, khó hiểu, vô nghĩa, không dễ dàng học thuộc, chắc chắn không phải thơ hay. Cũng nên lưu ý, thơ đọc trúc trắc chính vì tác giả của nó không am tường luật bằng trắc hoặc không sử dụng đúng qui luật bằng, trắc và vần.

Để kiểm chứng điều này, quí bạn đọc thử nhớ tên một nhà thơ, ông A, bà B v.v...cố nhớ lấy một bài thơ hay vài câu thơ của họ mà quí vị đã đọc, xem có thuộc được bài nào không, câu nào không. Không có, ấy là thơ ra sao quí vị đã biết. Nhưng có nhiều tác giả thời nay lại nghĩ cứ làm thơ khó hiểu, tối nghĩa hay vô nghĩa, cao kỳ, dùng những từ cho kêu là được quần chúng ái mộ. Sự thực không phải thế. Thơ kêu nhưng rỗng thì không khác một cái thùng phuy, càng rỗng càng kêu to.

Trước đây, rất nhiều người, ngay cả ở nông thôn Việt nam, đã học thuộc lòng Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai, Cung oán ngâm khúc, Tì bà hành, Trinh thử, Trê cóc, Ngư tiều vấn đáp, Lục súc tranh công, Bích câu kỳ ngô v.v...lúc rảnh rang, đọc vanh vách cho nhau nghe dù có nhiều người không có sách hoặc không biết chữ, chỉ học lóm bạn bè. Sở dĩ họ thích, họ say mê vì lời Thơ gần gũi với họ, tả cái tâm lý chung của họ hay người xung quanh họ như Jacques Prévert, một Thi sĩ Pháp có viết:" Đọc Thơ lại thấy có mình ở trong" cũng là ý nghĩa đó. Người nông dân học thuộc lòng dễ dàng như vậy vì những câu Thơ này giản dị, dễ hiểu, hợp lý, vần vò. Chính bởi thế, người ta còn gọi Thơ là văn vần để phân biệt với văn xuôi.

Trước 4-1975, ở miền Nam Việt Nam, có một số tác giả làm Thơ đăng trên các báo, tạp chí, nguyệt san, cả những nguyệt san được coi là thời thượng, nổi tiếng lúc đó mà người viết không tiện hài tên, bạn bè những tác giả này cũng ca tụng họ hết mình như hàng thi bá (một nhược điểm của giới làm Văn học Nghệ thuật cận và hiện đại, hay dở gì khen bừa); nhưng bây giờ hỏi còn ai nhớ được một bài Thơ của họ hoặc ít nhất là tinh thần những bài thơ đó không ? Chúng nói lên cái gì? Chúng ca tụng hay đả phá cái gì? Đủ biết Thơ phải gần gũi với dân gian mới có thể tồn tại với thời gian. Thơ xa rời thực tế là chỉ để trang điểm nhất thời, dù Thơ bác học (Hán văn), cao xa đi nữa.

B-PHẢI GÂY ĐƯỢC SỰ XÚC ĐỘNG

Thơ là văn xuôi đã gạn lọc, cô đọng lấy phần tinh tuý sâu sắc của văn chương nên Thơ phải súc tích và truyền cảm nghĩa là gây được sự xúc động, xao xuyến từ tác giả sang người đọc.

Người đọc phải có được sự rung động của tác giả , dù cường độ kém hơn, mới được gọi là thơ hay. Thơ đọc lên trơ trơ trích trích, không chuyển động được một "thớ thịt đường gân" nào của người đọc, đó là Thơ kém giá trị. Người ta đọc Chinh phụ ngâm mà tưởng rằng mình là người chinh phụ, có chồng sắp ra ngoài quan ải đánh giặc, giữ nước. Người ta đọc Cung Oán mà cứ ngỡ mình là người cung phi bị thất sủng, nhà vua không đoái hoài tới.

Đó là sự thành công của tác giả.

C-THƠ PHẢI NÓI LÊN MỌI KHÍA CẠNH CỦA ĐỜI SỐNG

Đành rằng Thơ tình ái là loại Thơ nhiều người làm, nhiều người đọc nhất và cũng dễ làm hơn nhiều loại khác, nhưng một tác giả cả đời chỉ viết được những bài thơ tình ái hoặc ca tụng đàn bà như nhà thơ Đinh Hùng là một (Đường vào Tình sử, chính ông thú nhận), thì chưa thể gọi được là đã quán xuyến về Thơ.

Hầu hết những bài Thơ hay của những tác giả như Nguyễn bỉnh Khiêm, Nguyễn công Trứ, Trần tế Xương, Cao bá Quát, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Tản Đà, Nguyễn Trãi v.v...đều là Thơ về Thiền, Thơ yếm thế, luận bàn thế sự, nhân tình thế thái, Thơ đạo lý, triết lý cuộc đời, thơ nhàn v.v... mà rất ít hoặc không có Thơ tình.

Nguyễn Du tả Kiều trong thanh lâu, Kiều tiếp khách, Kiều tắm... vì Kim Vân Kiều là một cuốn tiểu thuyết Nguyễn Du phỏng theo cốt truyện của một tác giả Trung hoa (Thanh Tâm tài nhân) trước tác ra và đặt tên là Đoạn trường Tân Thanh. Là tiểu thuyết, vả lại trung thành với nguyên tác, Đoạn trường Tân Thanh cần phải có đủ tình tiết, hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục, người đọc mới thấy hết được những khiá cạnh của nhân vật chính trong truyện. Chứ không phải ông có ý tả chân để khiêu dâm như một số người đã gán cho ông (Huỳnh thúc Kháng, Ngô đức Kế: ai, dâm, sầu oán, đạo, dục, tăng, bi) hay như Nguyễn công Trứ: "Bán mình trong mấy mươi năm, Đố đem chữ hiếu mà lầm được ai.")

Quan niệm coi Kim Vân Kiều là một cuốn tiểu thuyết dâm ô đã quá lỗi thời. Trái lại người ta có thể tìm trong đó những vần thơ bất hủ được lưu truyền mãi mãi. Chúng ta chỉ nên coi Kiều là một tác phẩm văn chương mà thôi. Càng không nên đưa Kiều ra làm mẫu mực về đạo đức, luân lý (như có tác giả đã làm) mặc dù nhân vật Kiều rất nhân bản, chứa đựng đầy đủ tâm lý của con người bình thường.

Theo thiển ý, chỉ có một điều tiếc: Nguyễn Du không sáng tác mà nhờ vào một cốt truyện Tàu, dĩ nhiên thuộc thời đại vua Tàu, nhân vật Tàu, phong tục, văn hóa Tàu..., tuy cũng tương cận với chúng ta nhưng không thể bằng tất cả đều là Việt Nam.

D-CUỘC ĐỜI: ĐỀ TÀI VÔ TẬN CHO THI NHÂN

Cõi nhân sinh này còn rất nhiều điều cần đến nhà thơ, nhà văn ghé mắt đến. Nào là tôn giáo, gia đình, xã hội, đất nước, quê hương, dân tộc, tự do, dân chủ, bình đẳng, nào là công bằng, bác ái, vị tha, hi sinh cứu giúp kẻ khốn cùng... Ngay như thiên nhiên, cây cỏ, thú vật, chim muông, gia cầm, gia súc cũng là những đề tài vô tận.

Học giả Phạm Quỳnh trong báo Nam Phong xuất bản năm 1921 có viết:*"...Làm một bộ tiểu thuyết, cốt là đặt cho hay, viết cho khéo, cho người đọc có hứng thú, ...có lẽ ở những nước văn minh có thể nghĩ như thế được; nhưng ở những dân còn bán khai như dân ta thời văn chương rất là quan hệ cho đời lắm, nhà làm văn có cái trách nhiệm duy trì cho xã hội, dìu dắt cho quốc dân, nếu làm sai trách nhiệm ấy thời dẫu văn chương hay đến đâu cũng có tội với quốc gia, với danh giáo vậy. Các nhà tiểu thuyết ta há không nên cẩn thận lắm ru?"* (Hết trích)

Tác giả Tô Hoài thời tiền chiến chỉ tả mấy con dế mèn phiêu lưu mà cũng được học sinh đua nhau đọc, nổi tiếng một thời. Vậy không phải chỉ Thơ tình ái mới ăn khách. Yêu đương, nhớ nhung, dang dở, chia phôi ...chỉ bấy nhiêu, không phải lúc nào độc giả cũng "tiêu hoá "được. Viết lắm sẽ nhàm. Cứ một loại Thơ đó chỉ chứng tỏ tác giả không thể viết và nghĩ đa dạng mà thôi. Có nghĩa là tác giả không đủ tài. Mà cuộc đời hiện đại lại quá đa dạng, đa phương. Sự biến hoá của cuộc đời làm ta chóng mặt. Một vị Tổng Thống Mỹ, ông Franklin Roosevelt bảo với mọi người, trước khi ông đọc diên văn trước quốc dân:" Vỗ tay nhiều không có nghĩa là diên văn hay" Ta cũng có thể lấy câu đó áp dụng cho một số tác giả trước đây ở miền Nam và ngày nay ở hải ngoại, thơ, văn rất nghèo nàn nhưng bè bạn, theo cái mốt, dùng ống đu đủ thổi phồng và vỗ tay quá lố. Và đó cũng là lý do làm mất niềm tin của đa số độc giả có trình độ.

Đ-LÀM THƠ PHẢI TUÂN THEO NIÊM LUẬT, BẰNG TRẮC

Ngoại trừ Thơ tự do, không cần vần, không niêm luật bằng trắc, không giới hạn số câu, số chữ trong câu (Xin đọc bài Thương tiếc Columbia của người viết bài này), còn các thể thơ khác như lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn, thất ngôn (Đường luật), Thơ Mới ... đều phải theo luật Thơ

(vần, bằng trắc) Thơ mới hay. Vần dùng gượng ép, mất hay một phần. Chữ đúng ra phải vần mà không vần, không hay.

Ngoài ra, cũng để nhắc lại, cách dùng chữ, gieo vần thật quan trọng. Có nhiều từ kép, cụm từ có thể dùng xuôi ngược sao cũng cùng nghĩa. TD: đớn đau hay đau đớn, trôi nổi hay nổi trôi, phiền muộn hay muộn phiền, nghĩa đều như nhau. Nhưng không thể viết xa xót thay vì xót xa, loài lạc thay vì lạc loài, nhiên tự thay vì tự nhiên v.v... Những chữ bị đảo ngược như vậy hoặc có nghĩa khác hoặc vô nghĩa. Cần nhất là tránh làm Thơ vô nghĩa hoặc tối nghĩa dù đọc lên đầy hán tự có vẻ bác học.

E-Ý QUAN TRỌNG HƠN LỜI

Điều chót, dù còn nhiều điều chưa nói do giới hạn của bài này. Nếu ta không thể thoả mãn được cả hai phương diện hiệp vận (vần) và ý thì nên dùng chữ nào cho rõ ý còn hơn là dùng chữ hiệp được vần mà ý sai lạc hoặc vô nghĩa. TD: Bốn câu của cụ Yên Đổ.

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo
Có khi từng gác cheo leo
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang

Tất cả đều hiệp vận ngoại trừ "leo" và "chiều". Tuy nhiên, "chiều" mới đúng nghĩa. Nếu dùng "chèo" thì hiệp vận nhưng sai nghĩa.

Thí dụ khác: Bốn câu Thơ dịch của người viết bài này:

Xuân sang ngoạn cảnh xem hoa
Hè về hóng mát tà tà ao sen
Vào Thu rượu cúc êm êm
Đông coi tuyết phủ, nối vần Nàng Thơ **(TĐN)**

Tất cả đều hiệp vận, ngoại trừ "êm" và "vần" , nhưng đúng ý nghĩa. Giả sử thay hai chữ "nối vần" bằng hai chữ "êm đềm" cho vần với câu trên thì trước nhất bị điệp ngữ êm, thứ hai "êm đềm Nàng Thơ" lại có nghĩa khác, không nói được cái thú ngâm Thơ, sáng tác Thơ của tác giả. (Đông ngâm bạch tuyết thi). Bài thơ trên dịch từ bài thơ chữ Hán:

Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi

Ý nghĩa của một câu Thơ, một bài Thơ là quan trọng như vậy.

Một bài Thơ hay, một câu Thơ hay rất dễ nhìn ra y như một bông hoa đẹp. Đâu cần phải phân tích cánh hoa làm sao, đài hoa, sắc hoa thế nào, ta mới biết là bông hoa đẹp.

Tiền nhân xưa sáng tác Thơ, vào hội Thơ, ngâm Thơ như một cái thú của đời người, nhất là khi về già. Không gì bằng có bạn Thơ, có giấy bút, có rượu, dù chỉ thanh đạm, cùng làm Thơ, cùng bàn luận về văn chương, về những hào khí của người xưa. Tổ tiên ta dùng Thơ để nói về mình, về người, dạy đời, mỉa mai những thói rởm của đời, tôn vinh những thú vui thanh quí, cao nhã "an bần lạc đạo" mà Thơ chính là một dụng cụ sắc bén và đắc dụng nhất cho các mục tiêu đó. Ta thử đọc lại một bài thơ của cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm:

THƠ NHÀN

Một mai, một cuốc, một cần câu
Thơ thẩn dù ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao!

Bài sau đây của thi hào Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu, làm cho vở chèo Thiên thai. Đây là cảnh hai tiên nữ tiễn Lưu Thần, Nguyễn Triệu về trần:

TỐNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên thai
Suối tiễn, oanh đưa những ngậm ngùi!
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai
Ước cũ, duyên thừa có thế thôi!
Đá mòn, rêu nhạt
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây xa cách mãi
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Ngàn năm thơ thẩn bóng trăng chơi!

Dù là một huyền thoại, người đọc Thơ không khỏi bùi ngùi cho cuộc chia tay giữa người tiên, kẻ tục sau một thời gian ngắn chung sống. Chữ dùng rất thanh thoát thích hợp với cảnh tiên: lá đào, Thiên thai, đá mòn, rêu nhạt... cái hạc, cửa động, đầu non ... và kết thúc bằng ánh trăng mơ hồ huyền ảo muôn đời soi bóng. Một bài Thơ tuyệt đẹp. Từ đó chúng ta suy ra Thơ là thơ thẩn, là mơ hồ, đôi khi xa rời thực tế. Như nhà thơ Xuân Diệu đã viết:

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây...

Thơ là kết tụ của tình yêu, tình yêu nam nữ, vợ chồng, tình yêu thiên nhiên, tình yêu con người. Thơ là tự do, phóng khoáng, là sắc sắc không không của nhà Phật, là Vô vi, Thiền quán như Lão tử thực hành và đôi khi cũng cần phải yếm thế, chán cái đời sống đầy tục lụy này như Cao bá Quát, hay châm biếm những thói rởm, tật xấu của người đời như Trần tế Xương... Thơ thực quá, thô sơ quá, thơ không hay, không thoát. Nhiều bài không thể gọi được là Thơ mà chỉ là những bài vè dân quê truyền tụng ở nông thôn. Thơ lục bát tuy vậy rất khó làm, dễ trở thành bài vè ít giá trị. Làm được Thơ lục bát như truyện Kiều là một tuyệt tác.

Có nhiều bạn đọc viết thư cho người viết hỏi họ có thể sáng tác Thơ, có thể thành nhà thơ được không? Tiện đây, xin trả lời chung như thế này:

Ai cũng có thể sáng tác và trở thành thi sĩ, nếu:

Yêu thơ, đọc nhiều thơ, học thuộc thơ kiểu mẫu, thơ hay, chất Thơ ngấm vào trí óc giống như chất bổ ngấm vào thân thể, chúng giúp cho nhà thơ rất nhiều. Tuy vậy xưa kia đã có những người thuộc lòng cả cuốn truyện Kiều, cả cuốn Nhị độ Mai hay Bích câu kỳ ngộ nhưng vẫn không thể sáng tác Thơ.

Có thiên khiếu về Thơ. Có sự rung cảm, xúc động sâu xa như sợi dây đàn hoặc cái sáo trong không gian như đã nói ở trên.

Có vốn liếng nhiều về từ ngữ để sử dụng khi cần diễn dịch một ý tưởng thành lời nói, chữ viết, nhất là thành Thơ. Thơ tiếng Việt rất cần danh từ Hán - Việt.

Nắm vững các niêm, luật (bằng, trắc, vần) và các thể Thơ. Dùng chúng như những cái chìa khóa dẫn đường vào việc sáng tác Thơ.

Tuân theo các niêm, luật đó ngoại trừ Thơ tự do. Tuy nhiên, dù là Thơ tự do, nó vẫn không phải văn xuôi, vẫn cần một sự sắp xếp ý, lời và vẫn cần vần khi có thể cho câu thơ nhịp nhàng, cân đối.

Để bạn đọc hiểu thêm, xin nói như thế này. Có những nhà văn viết văn khá hay, nổi tiếng

nhưng chính những nhà văn đó nói họ không thể sáng tác Thơ mặc dù chữ nghĩa đầy đầu.

Ngược lại, có những thi sĩ không thể viết truyện, viết bình luận, nghĩa là văn xuôi.

Bởi như đã nói, tuy cùng là văn chương nhưng chúng hoàn toàn khác biệt về phương diện sáng tác. Lại cũng khác biệt về phương diện thưởng thức. Cũng cần nói thêm, khi đã không có trình độ thưởng thức thì bài nào cũng như bài nào, vàng thau lẫn lộn, bị đánh giá như nhau. Trình độ thưởng thức chính là những kiến thức thu thập được trong lãnh vực Thơ, nó chính là những bước căn bản đầu tiên đưa đến sự sáng tác Thơ nếu có hứng sáng tác.

Luận bàn về Thơ, chục pho sách cũng không đủ nói hết. Để kết thúc bài mạn đàm thiếu sót về Thơ này, xin mời quí bạn đọc một bài Thơ lục bát của tác giả bài này, bài "Chiều Ba Mươi", thơ vui Tết và bài "Nói với Bút" cả hai đã đăng trên nhiều báo từ năm 1978 và 1992. Bài sau tác giả mượn cây bút để nói lên nỗi lòng của mình.

CHIỀU BA MƯƠI

Vòng tay nhật nguyệt luân hồi
Đem Xuân trở lại nét môi diễm kiều
Lược gương từ giã cô liêu
Nâng niu mái tóc đây chiều ba mươi
Trẻ thơ tươi tắn nụ cười
Đầu xanh, đầu bạc người người vui lây
Gió ngoài song, lạnh hiên tây
Chiều Xuân thi hứng lúc đầy, lúc vơi
Trong bình đào thắm, mai tươi
Nhìn em muốn hỏi Xuân cười lúc nao?
Giang tay bồng nhẹ Xuân vào
Môi son má phấn: Mai, Đào hay em?

NÓI VỚI BÚT

Bút ơi ! Yêu bút thiết tha
Bút theo ta chạy ta bà khắp nơi
Mùa Xuân rừng núi rong chơi
Miền quê, thành thị khắp nơi ra vào
Hạ về bút lắm xôn xao
Biển giông bão nổi ào ào chớm Thu
Mùa Đông bút có sương mù
Có đôi chim gáy gật gù sớm mai
Đường đời lắm nẻo chông gai
Bút cùng ta luận một vài điều hay
Cường quyền bút chẳng run tay
Bút mong Dân tộc những ngày sáng tươi
Chán đời vẫn hé môi cười
Ta cùng với bút một đời bên nhau
Vì ta bút trải tình sâu
Vì ta nên bút giãi dầu nắng mưa
Lòng ta bút hiểu hay chưa ?

Thơ là tuyệt đỉnh, tuyệt đích của văn chương. Sáng tác Thơ khó khăn hơn chơi Lan, chơi Bonsai, đánh cờ tướng, uống trà v.v... vì nghề Thơ cũng lắm công phu, không phải chỉ thích Thơ rồi nhảy vào làm Thơ mà Thơ hay được. Tuy nhiên, nếu đã có hồn Thơ tức dễ xúc động trước những biến đổi, nghịch cảnh của cuộc đời, rồi trau dồi kĩ năng về Thơ, làm nhiều bài Thơ, nghe ý kiến trung thực của bạn đọc và thân hữu, nhất là những người sành Thơ thì việc sáng tác Thơ cũng tiến bộ vậy.

BÚT XUÂN TRẦN ĐÌNH NGỌC

THIÊN DIỄM TÌNH TRÊN QUÊ HƯƠNG VUA LÝ

Thơ Hoàng Cầm giàu hương vị dân tộc và màu xanh đồng quê, bài nào cũng ngân vang nhạc điệu của tâm hồn. Bên bức tranh Đông Hồ, thi sĩ tâm sự cùng ta đôi điều về thơ ca:

- Riêng với tôi, thơ là thăm thẳm tâm linh chợt bật ra bằng tiếng nói hàng ngày. Những gì cao đẹp, chân thực và tốt lành nhất của đời sống con người hun đúc trong tôi từ lúc còn lên ba, lên bốn, mà hình như hun đúc từ những kiếp trước, từ trong giọt máu li ti của mẹ tôi hay của bà nội, ông ngoại tôi kia. Khi tôi làm thơ, có một trạng thái tâm hồn lạ lắm. Nó ở bên ngoài tôi. Nhớ lại khi tôi viết bài *"Bên kia sông Đuống"*, vào lúc nửa đêm, đầu năm 1948 ở chiến khu 12, sau khi đến Bộ chỉ huy nghe cán bộ vùng phía Nam sông Đuống lên báo cáo về tình hình quê hương mình đã bị giặc Pháp chiếm, tôi về chỗ đóng quân (một túp nhà ven rừng tỉnh Thái Nguyên). Toàn thân tôi thao thức, bồn chồn. Tôi như bị đẩy vào khoảng trống mênh môngngổn ngang kỷ niệm từ nhỏ dại. Những gì trong trẻo nhất, thân yêu nhất, đẹp đẽ nhất cứ như đang lùi xa mãi và tôicứ như cố sức đuổi để bắt lại, níu lại, muốn ôm lấy tất cả để nuốt chửng vào trong cõi lòng chống chếnh của mình. Thế là tôi châm ngọn nến nằm lên giương nứa, đêm lạnh, không một mảnh chăn. Tôi viết đúng như vâng theo những tiếng ai gọi réo rắt bên tai. Viết một mạch, không bố cục, không định tâm diễn tả gì, không nhằm sẵn một mục đích nào, có khi mắt nhắm nghiền lại mà tay cứ viết, đến khi gà gáy tàn canh năm thì tiếng gọi ấy im bặt, và người tôi bỗng nhẹ tênh đi. Đến đó tôi mới đánh thức anh Nguyên Hồng, anh Kim Lân, anh Hoàng Tích Linh (ba anh đã ngủ từ chập tối, sau một ngày làm việc căng thẳng ở toà soạn báo "Quân Việt Bắc") và đọc bài thơ cho các anh nghe. Mới đọc được bốn năm câu thì nghe tiếng anh. Nguyên Hồng khóc nức nở, trước còn khóc se sẽ, sau rồi anh khóc oà cho đến khi tôi đọc xong, mặt anh vẫn đầm đìa nước mắt. Đến sáng, anh Nguyên Hồng, Kim Lân bắt tôi chép ra hai bản để các anh kịp gửi ngay ban giao liên chuyển đến Toà soạn báo Cứu Quốc (trong rừng sâu hơn nữa) do các anh Như Phong, Nam Cao, Tô Hoài biên tập.

Hai tháng sau (4/1948) thì bài thơ ấy ra mắt độc giả trên hai trang báo Cứu Quốc.

Đấy là tâm linh tôi gọi tôi và bắt buộc tôi phải ghi chép thật nhanh những dòng điện báo từ sâu thẳm của hồn quê và hồn người yêu, xót thương và tiếc nhớ, căm giận kẻ thù và tin ở ngày mai.

Bài thơ đã may mắn sống trong lòng người đọc đến bồn chồn. Ngày sau khi ta tiếp quản Hà Nội (1954) giáo sư Phan Ngọc đã nhất quyết đạp xe trên con đê Hữu Ngạn (bờ Nam) sông Đuống, đến Phả Lại - gần năm mươi cây số, cất để xem: *"Sông Đuống trôi đi một dòng lấp lánh"* ấy nó nằm thế nào trong không gian mà lại *"nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ"*. Tâm linh tôi buộc tôi đặt con sông quê hương nằm nghiêng nghiêng, sai lôgíc vật lý, nhưng bạn đọc lại thấy đúng trong cảm nhận thơ. Về sau này, nhất là ở một số bài trong tập thơ Kinh Bắc, tôi cũng đã phải viết dưới sự đốc thúc khẩn trương của tâm linh như giải mật mã do tâm linh truyền xuống ngòi bút.

Ví dụ bài *Lá Diêu Bông*, cả kiến trúc bài thơ, từ bố cục, phân cảnh, nhịp đều đến kết cấu, tôi không có chút nào chủ động. Như từ cõi vô thức, toàn bộ bối cảnh và nhân vật của bài thơ như đã sắp đặt sẵn, trong cơn mê ảo, tôi viết một mạch trong đêm khuya chỉ có một ngọn đèn ngủ sáu Watt, một trang giấy trắng, một ngòi bút chì nằm bên cạnh vợ đã ngủ say, tôi không dám cử động mạnh. Những dòng bút chì có lúc đè lên nhau, nguệch ngoạc... chỉ vì trong khoảng thời gian hai năm ấy (1959 -1960) tôi cứ chìm trong tơi bời, ngổn ngang, bão táp của kỷ niệm thời thơ trẻ, trong cái nôi Kinh Bắc mà trội nhất là kỷ niệm về những mối tình. Hình bóng cô gái Kinh Bắc xưa sống dậy, đôi mắt nhìn thăm thẳm như an ủi, sẻ chia, như nâng tôi bay vào cõi mênh mông với một tâm hồn cao sang, trung hậu, đĩnh đạc, bản lĩnh, với tình yêu trẻ trung, mãnh liệt:

Xưa mẹ dối bà
Con nay dối mẹ
Tình không dối được nhịp cầu...

Tôi ghi tốc ký những lời điện báo chớp nhoáng, trong tiếng gọi xa xưa ấy, bởi nếu không ghi nhanh, chỉ vài phút sau là không thể nào nhớ lại được một câu nào nữa.

Tháng 11/1988, tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh, gặp lại người con gái Kinh Bắc có đôi mắt mê cung thuở tôi mười hai tuổi, nay đã bảy mươi lăm tuổi, hiện ở Thủ Đức. Đó là nàng Thơ của các bài *Lá Diêu Bông, Cây tam cúc.*

Cỗ bài tam cúc mép cong cong
Rút trộm rơm nhà đi trải ổ
Chị gọi đôi cây. . .
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em

Xa cách nhau một đời người, bây giờ gặp lại vẫn tủi mừng xao xuyến mối tình xưa. Những tình cảm dồn nén cả đời người bật ra trong ánh mắt nhoà lệ, trong dáng đi ngập ngừng, giọng nói run run mà thuở xưa chưa kịp thết thành lời Tình yêu thủa ngây thơ đã nâng đỡ con người qua bão táp cuộc đời Thơ tôi đã ghi lại những mối tình có thật ấy.

Lời Hoàng Cầm gợi mở việc cảm nhận thơ ông. Thơ ông có một màu xanh Kinh Bắc, biếc tình sử Việt Nam, cứ đau đáu kiếp người trong thời gian vô tận, những yêu thương, xót xa, những bâng khuâng, nhớ tiếc một điều gì tưởng như quá xa mà lại rất gần, một điều tưởng như mất hút mà vẫn hiển linh ngay trước mặt mà lúc nào ta cũng đeo đuổi, nắm bắt, có khi hẫng vào không gian, nhưng hơi thở ấm nồng, điệu nhạc buồn chơi vơi của nó cứ xao xuyến, vấn vít tâm hồn ta mãi mãi.

Đêm phương Bắc khi sao Hôm nhẹ khóc
Hương tím em về đậu giữa trang thơ

Hồn thơ Hoàng Cầm phải chăng là hồn người con gái đất Việt bảng lảng khắp thế gian. Hồn thơ Hoàng Cầm là hồn quê hương Kinh Bắc, nơi phát tích của triều đại nhà Lý. Kinh Bắc là quê hương vua Lý Công Uẩn, người đã có công dời đô từ Hoa Lư về chốn "Rồng cuộn hổ ngồi" để xây kinh thành Thăng Long - văn hoá Thăng Long gần nghìn năm trước. Nhà thơ Hoàng Cầm của thế kỷ XX đã làm sống đậy thiên diễm tình trên quê hương vua Lý để ngàn đời con cháu hiểu được văn hoá - tâm hồn - trí tuệ - cốt cách - tâm linh của Thăng Long - Hà Nội.

Đọc *Lá Diêu Bông* trong tập *"Mưa Thuận Thành"* của Hoàng Cầm (NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990) chúng ta không hy vọng tìm được một ý nghĩa nào cụ thể. Chỉ biết càng đọc, càng thấy âm vang tiếng vọng của ngàn xưa, thân thương, gần gũi mà xa xôi vời vợi. Một nỗi nhớ niềm thương không cụ thể mà sao da diết quá!

Lá Diêu Bông xôn xao một thế giới riêng hư ảo, như thực, ẩn hiện giữa một không gian mênh mông của đồng quê Việt Nam.

Đồng chiều
Cuống rạ

Ở đó có bóng hình những người phụ nữ Kinh Bắc, mà làn da, dáng điệu, ánh nhìn thăm thẳm... đều toát lên ánh sáng của một nền văn hoá xưa:

"Mắt mê ảo, miệng cười nhẹ rung tơ

172 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...”

Thế giới ấy ngày nay chỉ còn tìm thấy qua những bức tượng người thiếu nữ dâng hoa lên cửa Phật tại Chùa Dâu. Thế giới ấy ngân rung làm chao đảo hồn ta qua những tiếng gọi:

“Diêu Bông hời
Ới! Diêu Bông!...

Tiếng gọi lẫn trong thời gian và không gian ấy bỗng chốc làm bừng sáng cả một vùng làng quê Việt Nam thảng thốt tiếng chuông chùa, những vạt nắng xiên khoai, những giọt mưa ướt dầm nắng quái... Ở đó có những bà mẹ, người vợ người em gái mỉm cười "trông nắng vãn bên sông", dệt nên một tình yêu để suốt đời chúng ta đắm đuối. Đó là tình yêu giống nòi. *Lá Diêu Bông* với những âm vang của nó đã gợi trong chúng ta tình yêu từ trong ẩn ức. Bởi vì *Lá Diêu Bông* chính là ẩn ức của Hoàng Cầm về một tình yêu đã mất. Nhà thơ Hoàng Cầm kể lại:

"Tôi vốn bị thần si tình chắp cánh quá sớm. Lên tám tuổi tôi đã đi trọ học ở trên tỉnh. Còn bố mẹ tôi ngụ trong ngôi nhà ven đường số I, cách thị xã Bắc Giang sáu cây số. Mẹ có gánh hàng xén nhỏ đi các chợ trong huyện. Bố làm ông lang bốc thuốc Bắc, thuốc Nam chữa bệnh. Lên tám tuổi tôi đã ngẩn ngơ đắm đuối bước vào ngưỡng cửa của tình yêu. Một lần từ tỉnh về, tôi thấy một cô gái sang nhà tôi mua phẩm hồng phẩm xanh gì đó, từ tám tuổi cho đến ngày nay mỗi khi nhớ lại tôi vẫn còn ngẩn ngơ. Người con gái đẹp ấy đã thu hết cả hồn vía tôi. Đấy là cô Vinh. Ba mẹ con cô từ dưới huyện lên Tiên Du. Vì cảnh nhà sa sút sau nkhi mất chồng, mất bố nên mới phải đi lên đấy, mở quán bán hàng vặt bên đường. Nghèo, nhưng cô Vinh đẹp, quá đẹp, chỉ mới đôi mắt đen láy, sâu thẳm thôi đã đánh chết đứ đừ thằng bé tám tuổi sớm si ngây. Sau lần gặp gỡ đầu tiên ấy, tôi đã viết ngay một bài thơ lục bát bằng bút chì xanh đỏ, lại còn tô hoa vẽ bướm đầu trang giấy học sinh để ngay chiều thứ bảy, đáp chuyến xe lửa từ ga Bắc Giang về phố nhỏ, tôi run run trao bức thư - thơ tình đầu tiên ấy cho cô Vinh, người con gái năm ấy đã mười sáu tuổi mắt mê ảo, miệng cười ngây ngất, răng đen hạt na, nhức nhối và trái tim cậu bé đã phải lòng...

Tôi cứ lẽo đẽo say mê chị Vinh cho đến năm mười hai tuổi. Chị thừa biết thằng em trai này nó ngoan ngoãn mê theo mình. Thường chị hay trêu đùa để cậu em phải đứng khóc, nhưng cũng có khi chị cho cậu em ngồi cạnh chị xem chị đánh tam cúc.

“Chị gọi đôi cây!
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em ".

Và em dẫu có ghé cây bài thì cũng chỉ là để ngửi hơi tóc ấm và cứ mong rằng giờ phút ấy thành vĩnh cửu. *Em đừng lớn nữa chị đừng đi".* Có một chiều sau vụ gặt tháng Mười, cánh đồng bát ngát cuối phố ấy chỉ còn trơ cuống rạ. Chợt thấy chị mặc áo trắng, yếm cánh sen, váy lụa màu kiểu Đình Bảng, nghĩa là buông chùng uốn lượn xuống mắt cá chân, chị thoăn thoắt đi ra cánh đồng. Em đi theo, vì suốt bốn năm ròng chị đi đâu thì em đi đấy. Chị đã tròn hai mươi tuổi mà em thì cứ phải tìm theo chị qua *"cầu bà Sấm, bến cô Mưa"* bằng cái tuổi mười hai ngây dại. Chị đi ra cánh đồng chiều. Em chỉ cách chị vài ba bước chân. Chị cứ thẩn thơ vạch bụi cây này bới cụm cỏ khác ở các bờ ruộng như tìm kiếm cái gì. Lúc này, chị là thỏi nam châm, em là cái kim nhỏ xíu. Cứ thế, chiều mỗi lúc một sẫm. Trời xanh thăm thẳm tháng Mười. Bỗng chị quay phắt lại mắng em. Tôi nhớ rõ lắm, giọng chị mắng mà không gắt, nó như lời gọi ai hoặc như lời than thở, lời trách móc dịu dàng; "Sao mày cứ lẵng nhẵng theo tao mãi thế ?. Em thấy nhói trong lồng ngực như nghẹn thở. Em không đáp. Chị lại đi tìm. Vẫn có em theo ngập ngừng hỏi: "Chị ơi, chị tìm cái gì thế"". Một lúc lâu nữa, chị ngẩng mặt lên rồi lấy ngón tay trỏ đập nhẹ mấy cái vào trán cậu bé, miệng hơi nhếch một nụ cười giễu cợt:

- Ừ tao tìm cái lá ấy. . . đấy!

Chị nói là cái lá gì bây giờ tôi không còn nhớ, nhưng lúc chị nói tôi hiểu rằng đó là cái lá rất hiếm, rất khó tìm tuy nó có thực trên đồng quê. Ngừng một lát, đôi mắt chị càng sâu thẳm hơn, đen như hai cái vực không đáy. Chị lâng lâng đôi mắt ấy, nhìn vào khoảng không mà trêu cợt em bằng một lời thách đố. Chị bảo: "Đứa nào tìm được lá...từ nay ta gọi là chồng".

Ôi chao, lời thách đố như một luồng điện rạo rực chạy run toàn thân. Và hình bóng lá cứ lơ lửng, lất phất, nghiêng ngả, chao đảo hồn tôi cho đến hết đời... để rồi gần ba mươi năm sau thì nó biến thành bài thơ *Lá Diêu Bông*. Sau cái buổi chiều đông ấy, tôi phải sống trong bồi hồi nhớ tiếc đến phát ốm, đến mất hồn hàng mấy năm nữa. Trước Tết năm ấy chị Vinh đi lấy chồng. Tôi đang ở nhà trọ trên tỉnh. Chị từ cái phố nhỏ lèo tèo mà ra đi. Tôi nào được biết. Đã cưới được một tuần, tôi về thấy vắng chị Vinh ngoài phố.

Tôi thật sự buồn. Cậu bé mười hai tuổi ốm đứng, ốm ngồi như vậy cho đến hết Tết âm lịch, cắp sách đến nhà trọ mà ngao ngán mênh mông như thất thểu một mình trong sa mạc. Vài năm sau tôi thấm thía câu thơ của Lamartine trong tuyển tập Văn học Pháp thế kỷ XIX:"Vắng một mình em mà tất cả thành hoang vu tĩnh mịch".

Chị Vinh đi rồi. Tôi cứ hết ra lại vào nhìn sang phía chếch bên kia đường. Thấy tôi sầu não quá, mẹ tôi biết, hẳn là biết đến đáy ruột gan đứa con trai đầu lòng của mình, bèn kể chuyện mong tôi vui lên: "Trước hôm về nhà chồng, nó sang chào u, nó bảo lấy chồng xa thì nhớ em Việt lắm, khi về nó còn dặn u rằng bao giờ em lấy vợ, u cho nó biết tin, nó sẽ về mừng cưới em đấy". Nghe mẹ kể, tôi khóc nấc lên. Nỗi nhớ cồn cào như xé ruột. Nỗi nhớ ấy cứ dai dẳng, bám theo tôi suốt cả cuộc đời. Bỗng một đêm nó bùng cháy thành bài thơ Lá Diêu bông. Trên giường ngủ , ánh sáng đèn lờ mờ, tôi nghe như có giọng con gái đọc rất nhanh bên tai mình câu thơ thứ nhất và cứ văng vẳng cho đến dòng cuối cùng. Vì vậy ba tiếng "Lá Diêu bông" thì cũng xuất hiện như các tiếng khác. Còn tại sao nó là cái lá Diêu bông thì chính bản thân tôi cũng không biết. Tôi không nghĩ tìm chữ, tìm ý, không hề phải bố cục cầu kỳ khu rắc rối gì cho bài thơ này, nó cứ văng vẳng bên tai như tiếng một con suốt thần nào vang động từ đáy thẳm sâu của kỷ niệm. Tôi chỉ có việc tuân lệnh mà viết ngang, viết dọc, viết rất nhanh, có khi dòng nọ đè dòng kia, sang hôm sau cũng vất vả lắm mới tách được chữ nọ với chữ kia, câu này ra câu khác. Đó là tuân lệnh suối thơ thần trong bóng tối lờ mờ của một đêm sống lại hết mình với tình yêu và kỷ niệm thời thơ trẻ, thì làm sao có thể giải đáp đầy đủ cặn kẽ về cái *Lá Diêu Bông*.

Thời gian và hoàn cảnh, mọi kiếp sống ở đời đã tàn phá hủy hoại biết bao nhiêu chứng tích quý giá của tình yêu và cái đẹp. Nhưng thơ ca và nghệ thuật đã tái tạo lại thế giới xưa đã mất. Lá Diêu Bông chính là sự tái tạo tuyệt vời ấy.

Sau khi được biết mối tình Lá Diêu Bông,người đọc thêm yêu mến thơ Hoàng Cầm, nhất là với tập "Mưa Thuận Thành". Bởi vì mỗi bài thơ tình của ông đều là "sự vang động vô thức" về một tình yêu đã mất.

Chị gọi đôi cây
Trầu cay má đỏ
Kết xe hồng đưa Chị đến quê Em
(Cây tam cúc)

" Đấy cũng là hình ảnh của chị Vinh đó thôi" Hoàng Cầm nói như vậy. Và với một giọng đầm ấm, giàu âm điệu, nhà thơ kể về đoạn kết của mối tình Lá Diêu Bông:

Ngày tháng qua đi. Ngày ngày tôi cắp sách đến trường tỉnh với cái bóng chị Vinh như ảo ảnh, như thiên thần trước mặt . Tôi vẫn mong một ngày nào đó, chị Vinh trở về, nắm tay tôi đi tìm chiếc Lá Diêu Bông trên cánh đồng chiều. Nhưng chị Vinh không lần nào trở về cái phố ga Như Thiết ấy nữa. Vì nửa năm sau khi chị đi lấy chồng , thì mẹ con bà Chư cũng từ biệt cái phố nghèo đi đâu tôi không biết. Chỉ nghe mẹ tôi kể rằng bà Chư về ở với con gái, con rể, vì bà đau

yếu luôn, lại nghèo. Con rể bà đâu như một viên quan trại lính khố xanh mãi tận Phủ Lý. Đấy là hình ảnh:

"Quan đốc đồng áo đen nẹp đỏ
Thả tịnh vàng cưới chị võng mây trôi".

trong bài thơ "Cây tam cúc" viết trước bài "Lá Diêu Bông " một đêm.

Năm năm sau, nghĩa là lúc tôi đã thành "người lớn" , đã bước vào nghề văn bằng một số truyện ngắn và thơ đăng trên *"Tiểu thuyết thứ bảy*", tôi có gặp lại chị Vinh . Vào khoảng năm 1940, tôi mười tám tuổi, làm việc cho *"Tiểu thuyết thứ bảy"* tại Hà Nội. Một hôm, có việc tôi đáp tàu xuống ga Sen Hồ nằm trên trục đường số I. Ở đây phố đông hơn cái phố ga Như Thiết lèo tèo nơi tôi và chị Vinh từng sống ngày xưa. Nhưng cũng có những túp lều bán nước giống như túp lều của mẹ con chị Vinh năm ấy. Tôi đang thơ thẩn dạo phố, bỗng bồn chồn dừng lại căn nhà lá hai gian nằm sát bên đường. Ai như chị Vinh ngồi bán nước trên chõng tre…Tôi bàng hoàng giây lát;

- Có phải chị Vinh không?

Chị nhìn tôi, đôi mắt rơm rớm:

- Em đấy à. Vào đây.

Tôi bước vào nhà, lòng đầy ái ngại trước cái nghèo xơ xác thảm thương. Chị Vinh của tôi bây giờ tàn tạ hẳn đi, đôi mắt đen thăm thẳm buồn, váy lụa cũ, áo nâu bạc màu, làn da xanh xao, khuôn mặt hốc hác, không còn vẻ hồng hào tươi tắn ngày xưa. Bóng chị xiêu diêu bên người mẹ già trong túp lều tranh nghèo trông thương lắm. Chị Vinh kể chuyện, giọng lạc đi:

- Chị lấy chồng vất vả lắm em ạ. Thôi bây giờ mẹ con chị lại về đây kiếm ăn vậy.

Nghe chị nói tôi càng xót xa nhớ tiếc về đời người con gái kiêu sa đã mất. Tình yêu đam mê thuở thơ ấu của tôi với chị giờ đây cũng đã mất. Tôi chỉ thấy thương tiếc, xót xa mà không có cách gì cứu nổi. Tôi ngồi chơi trên chiếc ghế băng. Khoảng mười lăm phút thì có tiếng còi tàu.

- Thôi có lẽ tôi phải đi đây.

Chị Vinh thảng thốt:

- Không, không, cậu đừng đi, cậu ở lại đây chơi với chị đến mai.

Tôi đứng dậy. Chị Vinh cầm tay tôi níu lại như cố lấy lại cái quý giá đẹp đẽ ngày xưa, đang hiển hiện giữa giây phút này, chỉ trong phút chốc thôi, sẽ tan biến. . . Hôm ấy, tôi mặc bộ complet màu xanh lá cây, đi giày Tây, ra dáng một thanh niên đàng hoàng, hiện thân của tuổi trẻ, sắc xuân và tình yêu. Đối với người phụ nữ hai mươi sáu tuổi, bị ruồng bỏ này, đây là phút giây hạnh phúc nhưng đầy bất lực và tuyệt vọng" - "Không, không, cậu đừng đi... Ở lại đây với chị...". Tiếng chị Vinh cứ nhỏ dần, yếu đuối và buồn thảm làm tôi vô cùng ái ngại.

Như thấu hiểu nỗi lòng đứa con gái không được hưởng trọn một phút giây hạnh phúc, bà mẹ từ trong nhà ra lên tiếng:

- Thôi, hôm nay cậu ở lại đây chơi. Hai chị em nấu cơm ăn đi, mẹ có việc phải vào làng đây.

Bà cụ đi ra. Chỉ còn lại chị Vinh và tôi. Chị nói với tôi, giọng xúc động lắm:

- Vào nhà nằm nghỉ tạm đi, mình vo gạo thổi cơm nhé.

Tôi vào nhà trong, im lặng ngồi vào một góc giường. Chị Vinh lúng ta lúng túng, ra ra vào vào, loay hoay, ngập ngừng, bối rối. . . Rồi chị ngồi cạnh tôi, ôm ghì lấy tôi như là níu lấy sự sống sắp mất đi. Chị hôn tôi, chi chít, nước mắt ứa ra. Không lời.

Tôi lúng túng, ngượng ngùng, thương và xót, không biết xử sự thế nào. Im lặng. Đêm tối (8h), không thấy bà mẹ về. Chúng tôi ăn cơm tối. Còn chuyến tàu 9h đêm, tôi kiên quyết đòi ra về. Không? Không thể ở lại đây đêm nay. Tâm trạng tôi rất rành rọt, trước một người phụ nữ, không còn những rung động của tình yêu, chỉ có sự tiếc nuối, xót thương thì không thể xảy ra những cử chỉ yêu đương nồng thắm. Không thể dối nàng. Không thể để nàng dấn thân vào đau khổ. (Mặc dù có thể đối với chị Vinh, đó là những phút giây hạnh phúc cuối cùng của cuộc đời). Nhưng ở chị, cũng không có cử chỉ khêu gợi, mà chỉ là tiếng nấc tuyệt vọng của một trái tim khao khát được yêu.

9h, bà mẹ vẫn chưa về, hình như đêm đó bà có ý dành cho chúng tôi. Thấy không giữ nổi tôi, chị Vinh gục vào tay khóc nức nở "Đừng về". Chị vừa khóc vừa ghì chặt lấy tôi "Ở lại đây. "

Tôi bất lực trước cảnh buồn thảm và tuyệt vọng này, muốn ra đi thật nhanh. Chúng tôi thảng thốt thầm thì trống không với nhau:

- Nếu ở lại, mình cứ thương mãi thế này thì khổ lắm.

- Nhất định về à? Thế bao giờ cưới vợ đấy?

- Chưa có chuyện gì cả.

- Ừ thôi, về đi vậy, hôm nào mình sẽ viết thư.

Tôi gỡ tay chị Vinh, nhào ra đường trong tiếng còi tàu hối hả giục giã... Tôi về Hà Nội, năm hôm sau thì nhận được bức thư tám trang chị Vinh viết bằng bút chì, chữ mờ, chữ tỏ "Vinh bây giờ nhỡ nhàng, cũng tàn tạ nhiều rồi mà Việt thì đang tuổi lớn khôn đẹp đẽ. Mình biết phận mình kém lắm. Nhưng nếu chúng ta cứ làm bạn với nhau như ngày xưa ở phố Như Thiết, những đêm trăng hát quan họ hay những lúc chơi bài tam cúc... Vui thế mà Vinh phải đi lấy chồng. Lúc đi lấy chồng, Vinh nhớ chuyện ngày xưa, nhớ Việt lắm, nhưng có người hỏi, mẹ già yếu, nhà người ta lại giàu . . . "

Tôi thương chị Vinh lắm, nhưng không yêu được nên đành im lặng. Nửa tháng sau, chị lại gửi cho tôi cái thư nữa, đến cái thứ ba thì thôi. Mãi đến cuối năm 1954 Hoà bình lập lại. Tôi đã là sĩ quan quân đội. Một hôm, tôi đạp xe qua phố Lò Đúc, bỗng thấy một người đàn bà có đôi mắt thăm thẳm đi bộ bên kia đường, lòng tôi bỗng thấy xốn xang, tôi dừng xe quay lại đuổi theo người đàn bà ấy.

- Có phải chị Vinh không?

Người đàn bà khoảng bốn mươi tuổi, quê mùa, tàn tạ ngước nhìn tôi. Như có một luồng điện sinh học chạy qua cả hai người, chúng tôi nhận ra nhau:

- Anh là anh Việt à. Nhà tôi ở gần đây thôi. Hôm nào anh lại chơi.

Chị Vinh nhìn tôi, rồi lại cúi xuống ngay, bối rối như muốn chạy trốn:

- Ô chết, tôi phải đi vội. Hôm nào anh đến chơi nhé. Chưa đầy một phút, chị Vinh biến đi. Bóng chị nhanh chóng lẫn vào đám những người đàn bà nông thôn trôi dạt ra thành phố kiếm ăn. Tôi

đứng lặng vì xót thương. Hình ảnh người con gái Thuận Thành "long lanh mắt ướt" vụt về bóp nghẹt trái tim tôi. Nàng ở tuổi đương thì thơm hơi ấm ổ rơm. Nàng kiêu sa trong đám hội Lim với giọng hát quan họ *'Rung suốt dây si, nhịp quá mê".* Nàng đi đến đâu bừng sáng đến đấy. Thế mà giờ đây, nàng tàn tạ nhanh như thế. Cái đẹp đã mất, tình yêu đã mất. Nàng không muốn nhớ lại cái bóng đẹp đẽ ngày xưa của mình. Nàng chạy trốn quá khứ - chạy trốn kỷ niệm... Còn tôi, tôi muốn giữ lại giây phút thần diệu ngày xưa bên người con gái Kinh Bắc quê tôi:

Nghé cây bài tìm hơi tóc ấm
Em đừng lớn nữa, chị đừng đi"
(Cây tam cúc)

Vì vậy trong tập thơ *Mưa Thuận Thành* ta luôn luôn bắt gặp hình ảnh nhiều màu, nhiều vẻ của người phụ nữ miền Trung du Kinh Bắc duyên dáng và ý nhị, đằm thắm và sâu sắc như chuyện tình của *Lá Diêu Bông*.

Những bài thơ tình đặc sắc nhất của Hoàng Cầm ngoài hình ảnh "thiên thần" của chị Vinh, còn vang bóng chị Nghĩa, cũng thơ ngây, trong trắng, thánh thiện như mối tình *Lá Diêu Bông*.

Hoàng Cầm nói:

- Nếu các bạn tưởng tượng rằng tôi là một "hoàng tử" đã sinh ra đứa con đầu lòng giống tôi nhất - những bài thơ tình - Thì vậy tôi là bố, còn mẹ nó, vợ tôi, ngôi chính Phi là chị Vinh, ngôi thứ Phi là chị Nghĩa, cùng với nhiều ngôi khác nữa nhưng không sáng chói bằng. Trong bầu trời xứ quê Kinh Bắc hiển hiện qua tập thơ *"Mưa Thuận Thành"*và nhiều tập thơ khác nữa, tôi chịu vâng theo các vì sao của bản mệnh yêu thương. Cái yêu thương Kinh Bắc rất vương giả, mà dân dã, nồng nàn mà sâu lắng, thắm thiết mà lửng lơ từ hai mối tình thơ trẻ ấy. Nó ngưng đọng rồi tuôn trào đến mức "hoàng tử" cũng không biết mình "đi đâu về đâu chỉ còn là một cậu bé cầm chiếc *Lá Diêu Bông* đi vào vô định, nghe gió Kinh Bắc nghìn xưa đến mai sau cứ gọi mãi cái bóng long lanh, lúng liếng mà chới với của hai mối tình ngây thơ xanh dại . . .Và nhà thơ lại say đắm kể về mối tình với chị Nghĩa bằng phong điệu rất thơ của mình:

- Sau khi "chị Diêu Bông" ấy đi rồi, tôi vẫn đi học. Rồi mười ba tuổi tôi đỗ tiểu học, lại sang thị xã Bắc Ninh học bốn năm nữa. Lại vẫn là đi trọ học. Năm 1943, bố mẹ tôi cũng rời bỏ phố ga Như Thiết lên tỉnh lỵ Bắc Giang, lúc đó gọi là phủ Lạng Thương, vẫn mở hiệu thuốc Bắc. Mẹ tôi cũng vẫn bán hàng xén. Gia đình tôi lúc này có phần khá giả hơn ở phố làng, nhưng tôi đã mất chị Vinh rồi, lại mất luôn cả cánh đồng chiều, mất những đêm trăng quan họ, mất con vành khuyên, con chào mào... nên khi sang trọ học bên tỉnh lỵ Bắc Ninh, tôi như có tâm trạng một kẻ tha hương, lạc xứ. Sang năm thứ ba của bậc cao đẳng tiểu học thì tôi bèn về trọ ở một gia đình nguyên vẹn tính cách đồng quê, nhà bà Cửu làng Đại Tráng, cách trường học của tôi hơn hai cây số. Hôm tôi đem cái hòm đến nhà bà Cửu ở giữa làng, thì một tình cờ (hay sự bố trí của số mệnh, của duyên nợ?) đã khiến tôi run rẩy, tuy cái luồng rung cảm này không đến nỗi là sét đánh như khi gặp chị Vinh năm tôi lên tám . . . Hiện ra trước mắt tôi là một người đẹp lạ thường với mắt bồ câu, môi trầu thắm đỏ, lại cũng hàm răng hạt huyền đen nhánh, thêm đôi má lúm đồng tiền. Lại Chị. Tôi đã sang tuổi mười lăm và chị lại vẫn lớn hơn tôi tám tuổi, y như chị Vinh. Thoáng như tia chớp, trước mắt tôi, đấy là chị Vinh tái hiện. Tên chị gọi thân mật trong nhà là Bống. *"Cái bống là cái bống bang, mẹ bống yêu bống, bống càng làm thơ". . .* Câu hát ru thuở nào mà hiện thành người ở đây, ở đúng cái tên của chị Nghĩa, hai mươi ba tuổi, đã có nhiều quan tham, quan phán trên tỉnh đến thăm hỏi nhưng theo lời bà Cửu "Nó cứ nhìn ai cũng như muốn đuổi người ta đi! Ấy cứ kiêu kỳ thế rồi không khéo ế chồng đấy con ạ". Từ hôm đầu, hình như chị Bống coi tôi cũng như hai em của chị.

- Này cậu Việt, về ăn cơm rồi còn đi học chứ!

Và tôi, cái run rẩy ban đầu đã qua, cũng không thấy xao xuyến gì thêm. Một chiều mùa thu, tôi

đang học, chợt nhớ ra là mình bỏ quên cuốn sách dưới nhà ngang, bèn chạy xuống tìm... Chưa đến cửa, chợt nghe một giọng hát rất nhỏ, nhưng vẫn rõ lời, một điệu quan họ:

Gió giục cái đêm đông trường
Nửa chăn, nửa chiếu, nửa giường để đó chờ ai.

Tôi sững lại - Tiếng hát của chị. Tôi nhẹ nép bên tường, ngó vào qua cái mành tre buông - Hình như chị mới gội đầu, đang soi gương, hong tóc. . . và se sẽ hát. Chị mặc cái áo lụa mỡ gà, dòng tóc chảy như suối xuống gần đến đất đen óng cái huyền diệu, bí ẩn phương Đông. Tôi bồi hồi, nhưng lát sau, tôi mạnh bạo, rất nhẹ tay vén cái mành, rón gót bước vào. Chị Nghĩa đang hát, bỗng dừng lại. Hình như chị đã thấy tôi qua chiếc gương. Chị có vẻ lúng túng, nhưng lại đứng né ra, vẫn soi gương chải tóc. Nhưng cái lược thì hững hờ mà đôi mắt thì sáng ngời trong gương, đôi mắt đăm đăm nhìn mặt em trong gương (vì chị đã né ra nên mặt tôi cũng có chỗ rộng rãi trong gương, một vẻ mặt chắc hẳn là si ngây, vì đã bị đôi mắt chị thôi miên qua lớp kính dày không mảng bụi).

Tôi đứng không nhúc nhích. Rất lâu, rồi chị từ từ quay lại đôi mắt nhìn tôi, không chớp. Rất lâu. Tay chị và cái lược như đứng sững giữa dòng tóc. Im lặng... cứ thế mà cả hai chị em cùng sững sờ đứng lặng.

Có một tiếng gà gáy chiều. Thời gian như ngưng lại.

Tôi lúng búng mấy lời:

- Chị... Em xuống... lấy... sách học?

Chị không nói. Chị đến gần tôi, cầm lược chải mớ tóc rối bù của tôi, miệng mủm mỉm cười, càng mủm mỉm thì hai lúm đồng tiền càng đẹp. Tôi nhút nhát, e thẹn định quay đi, thì chị níu lại:

- Không lấy sách à? Chị đã cất lên bàn học cho em từ trưa cơ mà. Giọng nói của chị cứ như nước suối ngọt, thấm đến ruột gan.

Cũng từ hôm đó, chị đã cuốn em vào cái thế giới tình yêu thứ hai này. Khác với mối tình Diêu Bông, chị là người chủ. Trong mối tình đầu tôi dẫu tám tuổi, tôi đã chủ động: gửi thư, thơ và chị đi đâu em theo đấy. Đến lần này tôi đã mười lăm, ranh giới của hai lứa tuổi. Tôi lại nhút nhát, nên không một lần nào dám nói một lời yêu, mặc dẫu, nhiều lúc trào lên những đợt sóng say mê rất náo nhiệt trong lòng, mà bên ngoài hình như tôi cố lảng tránh. Ở chị Vinh, tôi cứ phải đi tìm. Ở chị Nghĩa, Bống cứ tìm tôi. Tôi chạy thì Bống theo, túm lại bằng đôi mắt không chớp, bằng miệng cười má lúm đồng tiền. Và dĩ nhiên, cậu con trai nhiều đam mê này không thể thoát khỏi cái thế giới Bống bang đầy sức mạnh cuốn hút...

Và đây là một chuyện mà đến bây giờ tôi vẫn nhớ như vừa xem trong một đoạn phim thật xúc động. Cuối năm 1937, ông cụ thân sinh của chị Nghĩa, ông Cửu Đạt vừa mất. Nhà có tang. Nhiều nghi lễ, nhiều khách khứa kéo dài ba ngày liền. Tôi vẫn phải đi học, nhưng ở nhà không có chỗ ngồi làm bài, nên có những trưa, những chiều, tôi phải đem sách, bút giấy ra bờ tre sau nhà. Chị Nghĩa trong y phục đại tang: mũ mấn, vải xô trùm kín đầu, dây chuối thắt ngang lưng, quần xô, vẫn phải trông nom mọi việc: bếp nước, cỗ bàn và phải có mặt ở mọi việc tang lễ. Nhưng hình như chị cố tránh việc, mà tôi đi đâu thì Bống theo đấy. Tôi ra bờ tre ngồi học, Bống đến tận nơi, xem tôi làm bài một lúc, rồi mới kéo tay tôi - về nhà đi cậu, rồi còn ăn cơm chứ! Tôi về nhà, chả biết đứng đâu, ngồi đâu trong cái đám tang tất bật. Nếu tôi cũng phải ngồi ở một chỗ nào đấy trong sân đã dựng rạp thì Bống cũng theo đến. Không nói chuyện gì được thì Bống chỉ đứng nhìn. Vẫn là cái nhìn không chớp qua màn vải xô thưa. Đến mức, một chiều tối, Bống đang đứng gần tôi, cứ đờ người ra mà nhìn cậu em, thì tôi bỗng giật mình nghe một tiếng thét the thé:

- Chú ba đâu! Nọc cái con Bống ra mà đánh cho nó một trận chứ đời thuở nhà ai như nó không? Bố chết nằm sờ sờ ra đấy mà suốt ngày đờ mặt ra nhìn thằng con giai. Tôi hoảng hốt chạy mất. Đâu như chú Ba có gọi Bống gì đấy. Và người thét lên câu đó chính là bà Chánh, cô ruột của Bống. Nhưng khi hai người đã có sức quyện vào nhau đến thế, đâu dễ gì tách được ra. Quả nhiên đến tối, Bống vẫn quanh quẩn bên tôi và vẫn cứ nhìn tôi không chớp mắt.

Sau đám tang, Bống càng quyến luyến tôi hơn. Tháng giêng, rét căm căm, Bống thường biết giờ tôi về học buổi chiều. Vào giờ ấy, Bống ra đầu ngõ, giả vờ cầm cái đòn gánh hoặc cái liềm, đón Em.

- Em ướt hết áo ngoài rồi đây này. Nhanh lên. Vào với chị, vào bếp ấy, đang đun cám, ngồi mà sưởi đi em...

Chị dắt em vào bếp, cho thêm củi hoặc đùn thêm rơm.

- Em đã đói chưa? Này, ăn tạm mấy củ khoai, chị nướng sẵn, còn vùi dưới tro ấy. Cởi áo ra, chị hong cho khô đi nào. Hai má chị càng hồng hào, mắt chị càng sáng, tiếng nói càng ấm, càng thấm. Về khuya. Tôi và các bạn làm bài xong, thấy Bống cầm cỗ bài tam cúc lên - Nào các cậu ơi, chơi mấy ván đã. Chị đã giã xong hai cỗ gạo, bây giờ phải chơi tam cúc với các em. Mà thực ra là cuộc chơi với một Em. Chị thì thích kết xe hồng. Em thì mê xe hồng thành đôi. Lên bài có đôi xe hồng, em sung sướng hơn có đủ cả tướng sĩ. Nếu chỉ có một cây xe hồng lẻ loi thì em cứ gạ đi đêm. Đi đêm mãi, rút phắt cả tướng điều, sĩ đỏ mà đi đêm, chỉ mong sao bắt được cả một cây xe hồng để bài em có đôi.

Em đi đêm tướng điều sĩ đỏ
Đổi xe hồng đưa Chị đến quê Em

Chúng tôi đánh bài không bằng tiền mà bằng đẹt má, đẹt tay. Em cứ thích thua để chị cầm một cây bài đẹt vào má. Có lần em kết bộ ba đen, chị chui, nhưng trước khi chui, chị hé cho em biết là của chị bộ ba điều, chị muốn thua em để em đẹt lại vào hai má lúm đồng tiền của chị.. Chao ôi! Sao trong mỗi đời người, những giờ phút như vậy lại quá ngắn ngủi và chóng tiêu tan vào gió mưa, cát bụi? Gần hai năm sống gần chị, Em không bao giờ vượt quá cái giới hạn, cái khoảng cách mà hình như duyên số đã định. Chị, dĩ nhiên là phận gái, không dám dấn thêm bước nào khác. Em nhút nhát, si ngây, cũng giữ phận Em, không dám bước vào vườn cấm. Nhưng hai năm liền, chị đã tích luỹ cho em tất cả những bâng khuâng, day dứt, những đường nét sắc màu đằm thắm, sâu sắc mà dai dẳng... Những nỗi buồn rất xa mà rất gần gũi, là những nhịp điệu hiện lên trong hầu hết những bài thơ và kịch thơ của tôi. Đặc biệt có bài *Cây tam cúc, Theo đuổi, Cỏ Bồng Thi* và *Mưa Thuận Thành* được bắt nguồn sâu nhất ở cái men rất say và rất xanh từ miệng cười chị Nghĩa.

Sau hai năm sống êm đềm trong cảnh:

Tướng sĩ, đỏ đen chui sấp ngửa
Ổ rơm thơm đọng tuổi đương thì"

ở nhà chị Nghĩa thì tôi phải dọn lên tỉnh trọ, vì làng Đại Tráng cách trường hai cây số.

Trước đây, tôi vẫn đi nhờ xe với cậu Kỷ, em họ chị Nghĩa (tôi không có xe đạp) nhưng không hiểu sao tự nhiên hai đứa giận nhau, tôi bỏ làng ra đi, phần vì tự ái, phần vì phải lo bổn phận học hành. Hôm tôi đùng đùng bỏ đi, chị Nghĩa can không được, ôm vai tôi khóc nức nở:

- Chị đã bảo đừng đi, sao em cứ đi?

Im lặng. Lúc này tôi mới thấm cảm giác nỗi đau chia lìa, tôi như muốn quỵ xuống. Nhưng chí

nam nhi giục bước chân tôi, gỡ tay chị Nghĩa, tôi nói trong nước mắt: - Rồi em sẽ về thăm chị luôn. Nói là về thăm chị nhưng suốt một thời gian dài, không chủ nhật nào tôi về được vì còn phải ôn thi. Tôi kém toán lắm, nếu không học cố thì trượt mất. Sau khi tốt nghiệp, tôi lại phải ôn thi vào trường Bưởi... Mùa hè năm 1938, ông bố Kỷ viết thư mời tôi về dự đám cưới Kỷ. Tôi về dự đám cưới chưa trọn một ngày. Hôm ấy chị Nghĩa bận cỗ bàn tiếp đón khách khắp trong họ ngoài làng nên lúc tôi đi chị Nghĩa vẫn nấu cơm. Tôi vào bếp chào:

- Chị Nghĩa ơi, em về đây.

Chị Nghĩa tay cầm đũa cả, hai má đỏ hồng ra xao xuyến lắm:

- Tưởng em ở lại chơi vài hôm, bận gì nữa. Thi đỗ rồi mà.

Rồi chị oà khóc giữa sân.

Sau đó không lâu, được tin Kỷ tự tử, tôi về làng Đại Tráng dự đám tang. Đôi vợ chồng mười tám đôi mươi này lấy nhau không vì tình yêu. Kỷ đang đi học, ông bố lên gọi về cưới vợ. Không ngờ, sau khi cưới, họ yêu nhau đắm đuối đến mức chết rồi mà còn cuốn lấy nhau. Mọi người kể rằng đang tuần trăng mật thì bố Kỷ bắt cậu phải lên trường đi học (ông ta dữ lắm). Tối hôm ấy, hai vợ chồng nhảy dây trong sân và nói gở với người nhà:

- Chúng tôi sẽ sang thế giới khác yêu nhau thôi. Ở đây người ta không cho chúng tôi yêu nhau.

Rồi hai đứa bình tĩnh dắt nhau ra cái giếng đầu làng như một cuộc dạo chơi dưới trăng. Trước cái giếng làng đường kính hai mét, sâu thẳm, trong vắt, hai đứa xếp dép guốc ngay ngắn đặt bên thành và ôm nhau bước xuống đáy nước. Sáng hôm sau, cả làng đi tìm. Trẻ con phát hiện được guốc dép, mọi người mò lên, hai vợ chồng vẫn đang ôm nhau rất chặt. Tóc của Thuỳ xanh muốt quấn quýt vào tai, vào cổ chồng như dây tơ hồng, không thể nào gỡ ra được. Trong túi áo Kỷ có mẩu giấy, chữ nhoè "Xin cho chúng tôi một mồ".

Thiên diễm tình này gây cho tôi một chấn động kinh hoàng về suy tư và cảm xúc: "Sống là gì? Chết là gì? Tình yêu là gì?"

Ở đám tang, tôi không gặp chị Nghĩa. Lúc tôi chuẩn bị lên tàu, chị Nghĩa bỗng từ đâu tới, nắm tay tôi, vẻ mặt xanh xao, buồn rười rượi, nước mắt rơm rớm:

- Nhiều lần chị giữ em mà không được. Lần này, chị chẳng biết giữ em bằng cách gì. Em đừng để chị sau này cũng giống như em Thuỳ nhé.

Cảm giác yêu thương, đau khổ vì ly biệt như đốt cháy cậu con trai mười sáu tuổi trước lời yêu nồng cháy của thiếu nữ hai mươi bốn tuổi *"Tua khăn buông còn buộc búphoa lan"* Tôi chỉ còn nghe "*ù ù gió thổi*", dám đâu một lời ước hẹn:lo

Chị đưa em đến bên này
Cheo leo mỏm đá. . .
Trước vực
Sau khe
Thòng lọng tơ gì quấn gót"
(Cỏ Bồng Thi)

Nỗi đau sinh ly ở lần chia tay cuối cùng này làm tôi hoá đá:

"Không trôi mà không đi. . .
Em vọng ai đâu mà hoá đá"

Sau đó, chị ra Hà Nội với mẹ, buôn bán hàng tấm ở chợ Hàng Da, lấy chồng rồi theo mẹ, theo chồng vào Nam. Năm 1988 tôi gặp lại chị Nghĩa ở Thủ Đức. Thế là đúng nửa thế kỷ (1938 - 1988), sau khi đã đi "đầu non, cuối bể" tìm lá Diêu Bông... Sau năm mươi năm *qua cầu bà Sấm, bến cô Mưa* ". . . *"Ngó rừng xanh Em hỏi ngọn nguồn"*... giờ đây, Em lại *"nghe hoa tím hát"*.

Năm 1987, có một bà tên là An Thái ở Thủ Đức ra tìm đến nhà tôi hỏi:

- Ông có phải là Hoàng Cầm không?

- Vâng đúng, thưa bà.

- Ông có nhớ cuộc đời ông có một người phụ nữ tên là Nghĩa không?

- Tôi làm sao quên được.

- Tôi là bạn thân của bà Nghĩa, ở cùng phố, cách nhau ba, bốn nhà. Bà Nghĩa tâm sự với tôi về ông, nhiều chuyện lắm, tôi không cần phải nói chắc ông cũng hiểu. Trước khi ra Hà Nội, bà Nghĩa dặn: "Sau năm 1975, tôi có nghe tin Hoàng Cầm mất rồi. Bà hỏi hộ xem ông ấy mất thế nào? mất ở đâu? Nếu nhờ giời ông ấy còn sống thì tìm gặp bằng được và nói với ông ấy rằng tôi là Nghĩa, suốt nhiều năm qua, tôi không bao giờ quên ông ấy. Nếu còn sống, chắc Hoàng Cầm sẽ vào thăm tôi..."
Bà Nghĩa hay đọc cho tôi bài *Lá Diêu Bông* từ những năm 1962 kia, và bảo bài này ông làm là vì bà ấy, có đúng không? Bỗng tôi bàng hoàng nghe tiếng *"gió quê vi vút gọi"*,tiếng vọng của tình yêu đã mất ấy, có ngờ đâu, lại giúp tôi tìm lại được tình yêu. Giây phút này, tất cả bỗng bừng sáng một vùng quê Kinh Bắc:

Lung liêng hồn liệng quỳ khe núi
Van suối trần tâm khép nép về .

Năm 1960, tôi sáng tác *Lá Diêu Bông* và *Cây Tam cúc* trong hai đêm liền chả in ở đâu cả, có một vài anh em chép rồi chuyền tay nhau, nhiều người thuộc.

Chẳng hiểu duyên nợ thế nào mà hồn thơ tôi tìm về với bà Nghĩa. Và trong tay bà Nghĩa *Lá Diêu Bông* được chắp thêm cung bậc, có cánh thần kỳ của tình yêu, bay suốt thời gian, bay suốt không gian. Sáu tháng sau, bà Thái ra Hà Nội lần thứ hai, báo rằng bà Nghĩa mừng rơi nước mắt và đưa cho tôi bức thư của bà Nghĩa. Thư ngắn thôi, nhưng có nhiều câu hay "...

Sau khi Việt đi rồi, đời tôi coi như hết. Đành sống như mọi người vậy thôi. Nhưng tôi không sao quên được những ngày xưa ở làng Đại Tráng. . . lúc ấy sao mà nhát thế. . . sao mà đẹp thế. . . "

Năm 1988, tôi vào thăm chị Nghĩa. Phút gặp lại, tuy hai chúng tôi đã già, nhưng vẫn tủi mừng, xao xuyến một tình yêu. Chúng tôi gọi nhau bằng "ông" và "bà" nhưng sẽ sàng, âu yếm lắm. Đôi má lúm đồng tiền xưa, nay đã dăn deo, nhưng đôi mắt, miệng cười vẫn rạng rỡ nét xưa. Nhưng điều gây lạ lùng trong tôi là khi gặp con gái bà Nghĩa. Cô có hai con mắt lung linh gấp mười lần đôi mắt chị Nghĩa xưa, mà tôi gọi là "mắt mê cung". Cứ ai nhìn vào đôi mắt ấy là lạc, không biết mình đang ở đâu. Đôi mắt loang loáng như nước lúc trong suốt, lúc đục ngầu như phát ra những đợt sóng nhẹ nhàng hay dữ dội. Người xa lạ nhìn vào choáng ngợp đâm sợ. Tôi đã từng được nhìn nhiều đôi mắt đẹp, nhưng không thể tưởng tượng được cô Tế (tên chồng hay tên thật của con gái bà Nghĩa, tôi vô tình không hỏi rõ) bốn mươi lăm tuổi, có năm con rồi mà vẫn đẹp mê hồn đến vậy. Một điều kỳ lạ là Tế bằng tuổi Hải Yến, con gái tôi. Tôi thầm thốt lên: "Ôi! Tiền kiếp".

Cô Tế mặc áo dài, quần trắng, dáng điệu quý tộc, đến chào tôi:

- Thưa bác, con là con gái mẹ con. Con biết bác lâu lắm rồi, do mẹ con nói. Nhất là những bài thơ tình của bác, con đã thuộc từ lâu. Riêng bài *Lá Diêu Bông* con và mẹ con thích lắm, nhưng chắc là không thuộc được đầy đủ. Lần này, con xin bác chép lại cho con. Giọng cô lúc đầu hơi cảm động, sau càng nói, nước mắt càng giàn giụa.

Tôi xúc động, lúng túng không biết nói gì. Tôi có cảm giác hình như Tế với Yến là hai chị em sinh đôi. Mối nhân duyên tiền kiếp giữa hai cái hồn Kinh Bắc (hồn tôi và hồn chị Nghĩa) đã sinh ra cô gái Kinh Bắc đẹp tuyệt trần này. Nàng là hiện thân của đời sống tâm linh giữa chúng tôi.Cuộc hôn phối tâm hồn có sự chuyển giao tinh tế, thiêng liêng đến không ngờ ? Cô Tế quyến luyến, chăm sóc tôi như một người bố đi xa về. Từ động tác xới cơm, gắp thức ăn, đến những lời nói ngọt ngào, những giọt nước mắt. . . Cả đến cái ý định hệ trọng của đời cô:

- Bác ạ, con muốn đi Canađa, không muốn ở đây nữa.

- Sao con lại đi, ở đây đang làm ăn tốt, con đi làm gì cho khổ, mà mẹ con có đi không?

- Không, con đi một mình.

- Thế thì con không nên đi. Con đi để mẹ con một mình à?

Tế khóc, không trả lời.

Ở Thủ Đức từ sáng đến chiều tối thì tôi về Sài Gòn.

Tôi nói với mẹ con bà Nghĩa:

- Tôi đã vào đây, thế nào tôi cũng còn đến nữa. Tế chạy vội vào buồng: - Bác chờ con một tý.

Một lúc sau, Tế chạy ra, đưa cho tôi một phong bì, ngập ngừng, lúng túng:

- Con biếu bác để bác chi tiêu thời gian ở Sài Gòn.

Tôi lúng túng. Bà Nghĩa nắm tay tôi, giọng cảm động nhưng rành rọt:

- Thôi, ông cứ cầm lấy cho con nó mừng.

Tôi nghẹn lời. Tế nước mắt lã chã hai hàng. Tế là con gái tôi, đang thay mẹ chăm sóc tôi. Và cô khóc cho mối tình của mẹ hay là khóc cho cả chính mình. Tôi rưng rưng nhớ lại vòng quay của kiếp người. Vòng luân hồi.

Lần thứ hai tôi trở lại Thủ Đức, tôi chép lại ba bài thơ:

"Lá Diêu Bông', *"Cây Tam cúc* , *"Quả vườn ổi"*, và lời đề tặng cô Tề: *"Con là con gái của bố từ kiếp trước. Bố chép những bài thơ này tặng con.* Đó là hình tượng tình yêu - một tình yêu vĩnh hằng của bố và mẹ con từ những ngày mẹ con hai mươi tuổi ở vùng quê Kinh Bắc..."

Thiên diễm tình trên quê hương Kinh Bắc hay quê hương vua Lý ngàn năm sau, ngàn năm trước vẫn là tình yêu. Yêu chao đảo cả đất trời. Tình yêu đã nâng con người Việt Nam vượt lên bão tố, xích xiềng để lại sống lại yêu. Yêu nhau để vượt lên cái chết.

MAI THỤC

182 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

VÕ SĨ ĐẠO

KIÊM THÊM

"Cuốn Sách về Kiếm Đạo"

Trong những chiến binh Nhật Bản vào thế kỷ XVII, Miyamoto Shinmen Musashi, tác giả "***Cuốn sách về Kiếm Đạo***" nổi tiếng trong ba thế kỷ nay, lại còn là một nhà văn, nhà nghiên cứu kiếm đạo.

Ông là một kiếm sĩ bậc thầy trong suốt cả thế kỷ XVII, điều nầy có nghĩa ông cũng là người lính, một chiến binh trong hàng ngũ Samurai, phục vụ dưới quyền của một Daimio, luôn luôn đối mặt với sự sống và sự chết. Lịch sử kể lại: Suốt 36 năm trên đường chinh chiến, ông ta chưa bao giờ thất bại. Những kinh nghiệm đó đã được trình bày trong "***Cuốn sách về Kiếm đạo***", được truyền tụng cho đến ngày nay.

Cả đến khi giới Samurai đã bị giải thể (1867), sách nầy được hiểu sang ý nghĩa về kinh tế, thương mải, giao dịch hàng hoá, mua bán với nước ngoài.

Trong phần Nhập đề, ông viết:

Một Samurai có nhiều thủ pháp chiến đấu khác nhau để thủ thắng. Đó cũng là một nghệ thuật, nghệ thuật tìm cái sống bên cái chết. Phương pháp Kiếm đạo của Nhật Bản giúp đạt được thành công trong những tình huống hiểm nghèo. Theo nghĩa đen là giữa cái sống và cái chết, bạn không thể để xẩy ra những lỗi lầm.

Ở tình huống căng thẳng mặt đối mặt với kẻ thù, tâm lý thường thấy là lo sợ, băn khoăn, hoang mang, bối rối khi phải làm điều gì đó, hay sử dụng đường kiếm như thế nào để thủ thắng. Biểu hiện tâm lý lo sợ là đổ mồ hôi, run sự, nhu nhược, chưa nói đến tình trạng tê liệt.

Những phản ứng như vậy chỉ rượt cái chết. Bạn chắc chắn lả sẽ bị bổ ra làm đôi. Kiếm đạo sẽ giúp bạn chuẩn bị trước cho bất cứ một cuộc đấu nào đó trong đời của bạn. Đấu về thể xác cũng như đấu về tinh thần. Kiếm đạo sẽ cho bạn công cụ để giúp cho bạn có ưu thế và giành chiến thắng. Đối với những người chấp nhận sống trong thế giới nơi sự chiến thắng và sự thất bại được xét đến đầu tiên; khi đó, Kiếm đạo sẽ chỉ cho con đường chiến thắng"

Thiền và luyện kiếm

Cũng như những sinh hoạt văn hoá khác của Thiền tông như Trà đạo, Hoa đạo, Thư pháp, Thi pháp... có thể thực hiện theo hai cách: "Tĩnh" và "động" để luyện Thiền. Cái "tĩnh" được mô tả là ngồi xuống, tập trung suy nghĩ và thư giãn. Còn về "động" là điều được bàn đến trong Kiếm đạo.

Đây chính là cách rèn luyện bản thân mình. Nhiệm vụ của Thiền, theo Suzuki, một trong những người đề xướng Thiền trên đất Mỹ, đã viết như sau: "*... ngạc nhiên, và để trả lời sự ngạc nhiên đó bằng những biểu hiện sâu thẳm nhất trong bản ngã của chính bạn...*"

Các hình thức thể hiện nghệ thuật Thiền như Sumiye (tranh vẽ bằng cọ), Ikebana (nghệ thuật cắm hoa), Haiku (thơ ca) là những thể hiện cổ điển của Nhật Bản về Thiền. Nổi tiếng hơn và được biết đến bên ngoài đất Nhật là các nghệ thuật chiến đấu như Kendo, Iaido, Judo, Shorinji và Kempo đều dựa trên việc rèn luyện Thiền.

Thoạt mới nghe, có vẻ như võ thuật không thích hợp với những mô tả trước đây về sự thư giãn, yên tĩnh, toạ Thiền, suy tư hay triết lý nhân từ. Nhưng hãy thử suy nghĩ dưới góc độ khi mà một *phản ứng thích hợp và nhanh chóng* là rất cần thiết trong một cuộc đấu quan trọng.

Ở đây, muốn chiến thắng cũng vận dụng sự bình tĩnh, sáng suốt, bén nhạy, mà tất cả những đức tính nầy được huân tập từ trước do những buổi kiên trì trong Thiền định.

"*Thiền là luyện sao cho thân thể và tâm trí hợp nhất với nhau*"... Bước đầu là những kỹ thuật được luyện tập nhiều lần, đến nỗi nó trở nên chủ quan hóa và bị "lãng quên", sau đó thì tùy tiện

sử dụng nó trong cách "vô chiêu thắng hữu chiêu".

Chính việc hoàn thiện kỹ thuật đã làm cho tâm trí hoà quyện với thân thể.

Điều nầy đồng nghĩa với ý thức tự giác, kỷ luật, bền bỉ, kiên trì, khiêm tốn và ngoan cường.

Những đặc trưng của Samurai

Samurai là những hiệp sĩ Nhật Bản, thường được ví như những hiệp sĩ thời Trung Cổ tại châu Âu. Ngày nay, Nhật Bản là một đất nước giàu mạnh, công nghiệp hoá cao cho nên tinh thần Samurai cũng được thực hiện trên một nền tảng khác xưa nhiều.

Vào thời Samurai, đất nước nầy chỉ là một quần đảo ngoài khơi, người dân sống chủ yếu bằng nghề đánh cá và trồng trọt. Samurai xuất hiện từ thế kỷ XII (1192), hưng thịnh từ thế kỷ XII, dưới chế độ Mạc Phủ và tồn tại cho đến thế kỷ XIX (1867).

Cũng giống như các hiệp sĩ thời Trung Cổ châu Âu, những Samurai thường đặt danh dự của mình lên trên hết. Họ gọi danh dự nầy bằng danh từ "Bushido" có nghĩa là "Đường đi của chiến binh" (Võ sĩ đạo) .

Các Samurai tin rằng: Họ phải vâng lời vô điều kiện cấp chỉ huy của mình vốn là những nhân vật anh hùng như huyền thoại. Sự trung thành nầy còn vượt lên trên cả tình bằng hữu hay mối liên hệ gia đình.

Một Samurai phải luôn luôn ở trong tình trạng báo động và sẵn sàng chiến đấu vì chủ nhân của họ. Anh ta sẵn sàng chiến đấu để hy sinh cho chủ.

Một Samurai phải xông ra những trận chiến vô cùng ác liệt và sự rèn luyện hàng ngày về khả năng chiến đấu cũng như tinh thần dũng cảm kiên cường cũng để chiến thắng trong những trận chiến đó. Anh ta không được rút lui nếu chưa có lệnh và không bao giờ tự cho phép bản thân của mình bị bắt làm tù binh.

Muốn vậy, họ dùng cách tự sát mổ bụng để giải quyết sự thất trận. Một Samurai đòi hỏi phải có sự hoàn hảo về danh dự trên chiến trường cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

Người Samurai cũng làm thơ, viết lách, dùng thư pháp và cả những điệu múa cổ truyền. Đôi khi Samurai phải tự biết kết thúc cuộc đời mình, nếu tự anh ta cảm thấy mình đã đánh mất danh dự. Anh ta có thể cắt dạ dày của chính mình theo một nghi lễ ***"Seppuku"***, nghi lễ nầy thường được gọi là ***"Hara-kiri"*** (Mổ bụng tự sát). Khi đã moi xong dạ dày, một người bạn sẽ nhanh chóng cắt đầu anh ta bằng một lưỡi gươm sắc đặc biệt. Một Samurai sẽ tự kết thúc đời mình, nếu anh ta biết rằng mình sắp bị bắt hay người chủ ra lệnh trái ngược với nhận thức của anh ta.

Những thanh gươm "Seppuku" được làm rất đẹp và những người làm ra chúng rất được coi trọng. Thanh gươm "Tachi" được trang trí bằng những đồ trang sức, đồ sơn mài, kim loại quý là một thí dụ khác về những kỳ xảo tuyệt vời của những người thợ.

Tất cả Samurai đều được huấn luyện về môn bắn cung và đấu kiếm. Họ là những kỵ sĩ thiện nghệ và họ cũng chăm sóc ngựa rất chu đáo. Samurai còn là những chuyên gia về môn "vỏ tay không" như loại võ Jujutsu.

Thanh gươm của Samurai là thanh gươm đẹp nhất so với các loại khác được làm ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Samurai thường có 2 thanh gươm: Thanh gươm ngắn được đeo ở thắt lưng gọi là gươm ***"Wakizachi"***. Còn thanh gươm ***"Katana"*** là thanh gươm dài hơn đeo xuyên qua thắt lưng. Ngoài 2 vật trên, Samurai còn đeo một thanh dài có lưỡi răng cưa ở đầu gọi là ***"Naginata"***.

Mổ bụng tự sát

Mổ bụng tự sát là một trong những hành động và ý lực của người dũng sĩ Samurai của Nhật Bản nhất là dưới thời đại Tướng Quân. Danh từ ***Seppuku*** (Thiết phúc = mổ bụng) là một nghi lễ quan trọng khi tự sát của dũng sĩ của Samurai hay theo mệnh lệnh "sắt" của cấp điều hành, hoặc do tinh thần tự nguyện sắt đá của chính mình.

Khi một võ sĩ có tội đáng chết, thay vì đưa ra pháp trường để chịu xử tội, anh ta sẽ được chủ tướng ban cho một đặc ân là mổ bụng tự sát. Điều nầy chẳng những ứng xử đúng quy cách pháp luật mà còn nêu lên niềm kiêu hãnh trong một kiểu chết của người Nhật. Trường hợp tự nguyện, "***Seppuku***" là để bày tỏ lòng trung thành của mình với chủ tướng đã mất hay là để can ngăn chủ tướng đang làm những điều tai hại.

Hoặc cũng để tránh khỏi rơi vào tay quân địch trong trường hợp thế cùng lực tận.

Mổ bụng vì bụng là để phơi bày tâm can của mình, chứng tỏ lòng trung thành của mình,nơi chứa đựng tâm hồn, là cả một tấm lòng. Hình thức tự sát nầy bắt đầu từ thời Hêin (thế kỷ VIII); hiện nay hiện tượng tự sát Seppuku hầu như biến mất hay trở thành một biểu tượng cam đãm, dũng lược của người Nhật trong ứng xử.

Trường hợp nhà văn nổi tiếng ***Mishima*** đã tự sát theo lối ấy vào năm 1970 là một ngoại lệ, làm cho mọi người sửng sốt.

Chính người Nhật cũng xem cái chết Seppuku của ***Mishima*** là trường hợp đáng tiếc. Tuy nhiên, bên trong dường như đã chứa đựng một sức mạnh nội tâm nào đó rất "Nhật".

Năm 1274, nước Nhật bị đe dọa bởi cuộc xâm lăng của đạo quân Mông Cổ đang ở Trung Quốc dưới triều Hoàng đế Kublai Khan. Ông ta đã chiến thắng hầu hết vùng Đông Âu và châu Á. Quân Mông Cổ đã chuẩn bị một hạm đội tàu rất lớn để đánh Nhật. Lúc đầu cứ tưởng là quân Mông Cổ đã thắng vì họ được tổ chức tốt.

Nhưng khi đêm xuống, một cơn bão lớn đã buộc đội quân nầy phải bỏ nước Nhật để trở lại biển. Cuối cùng với 11,000 quân chết đuối, quân Mông Cổ phải quay về Trung Quốc. 8 năm sau, quân Mông Cổ lại chuẩn bị xâm lược Nhật Bản, với số quân đông hơn trước.

Lúc nầy, các Samurai đã chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và họ cũng có hạm đội riêng. Họ đã chiến đấu với quân Mông Cổ tại vịnh Hakata. Sau 2 tháng, lại 1 cơn bão khác đã giúp Nhật đánh bại Mông Cổ.

Người Nhật cho rằng hai lần thắng trận là nhờ sự giúp đỡ của các vị Thần. Họ gọi đó là ***"Kamikazé***" (Những cơn gió thần). Tin Thần linh, những dũng sĩ Samurai theo Thần Đạo (Shinto).

Những tín đồ Shinto tin rằng: Tất cả các vật tự nhiên đều có một linh hồn của Thần. Những tín đồ Shinto xây rất nhiều đền đài vìhọ tin rằng tất cả người chết cần phải có nơi nương tựa. Samurai cũng tin vào một giáo phái Phật Giáo là Thiền Tông.

Ngay cả những phụ nữ Nhật Bản có chồng là người trong giới Samurai hay có liên hệ trong truyền thống đó, cũng đã phải học kiếm để giữ mình.

Trong trường hợp họ bị ức hiếp hay bị một sợ nhục mạ nào đó, đòi hỏi phải bảo toàn danh dự mình, thì thường họ không hề ngần ngại dùng cây kiến ngắn (loại Wakajashi) thường giắt trong mình ra để tự sát.

Đó là chuyện của thời xa xưa, nhưng đến ngày nay phụ nữ Nhật thì vẫn theo truyền thống kiên cường như thế trong ứng xử sao cho thích đáng.

Câu chuyện tự sát tập thể 800 Samurai:

Vào năm 1333, thời đại đầu tiên của chính quyền Kamakura đã kết thúc một cách bi thảm. Khi những kẻ bạo loạn xông vào kinh thành, thì các nhà nổi lửa đùng đùng để nhăn chận kẻ thù lại.

Những người bảo vệ Kamakura rút lui về vùng nghĩa địa ở ngoại thành của ngôi đền Toshyo. Tại đó, để tránh nhục Shiogun, gia đình, họ hàng ông ta cùng 800 thuộc hạ trung thành của mình đã rút đoản kiếm lần luợt từng đợt rạch bụng để tự sát.

Hành động nầy trở thành dấu ấn quan trọng trong tâm tưởng người Samurai sau nầy.

Sử sách Nhật bản ghi lại rằng:

Cuộc tự sát tập thể nầy chứng minh về sự thay đổi sâu sắc diễn biến trong nhân sinh quan Samourai sau nửa thế kỷ thống trị của họ. Trong các phẩm giá truyền thống của Samourai như: lòng trung thành tuyệt đối, đức tính dũng cảm phi thường, đức khiêm tốn, lòng thẳng thắn... ta thấy còn có thêm cả một cái gì đó mới mẻ, ác liệt đó, chính là phủ nhận sự sống và hướng về cái chết, trong những hoàn cảnh mình bị hạ nhục, để chứng tỏ sự bất khuất. Sự lãnh đạm tuyệt đối và lòng tin chắc nịch về cái chết, nhẹ như lông hồng, chính là một biểu hiện cao đạo của Samurai.

Thái độ đối với sự sống và cái chết nầy, xét cho cùng, đã trở thành điều tất yếu được ghi trong kỷ cương của Võ sĩ đạo, mà một trong những nhà tư tưởng của Trường phái Samurai đã đưa lên thành "đạo đức mới", với công thức được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần: "*Võ sĩ đạo có nghĩa là con đường chết. Khi phải lựa chọn giữa 2 con đường, thì hãy chọn con đường nào dẫn đến cái chết*"

185 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Như thế, hành động tự sát để bảo toàn danh dự tối thượng của mình đã biến thành nghĩa vụ danh dự. Trong sự kiện vô cùng bi thảm tại Kamakura cho thấy: Sau khi thất bại mà bị bắt làm tù binh là một mối nhục nhã ghê gớm; do đó, người Samurai trong bất cứ cấp bậc nào cũng phải bảo vệ danh dự cao cả của mình.

Về những trường hợp nầy, vị kiếm sĩ thượng thặng Miyamoto Shinmen Musashi đã viết như sau:

"*Samurai tự sát không phải chỉ để rửa nhục cá nhân, mà lại còn có lý do khác: Họ coi trọng kỷ cương đạo lý của Võ sĩ đạo, coi lòng trung thành tuyệt đối của giới Samurai với Lãnh chúa của mình là phẩm giá cao nhất.*".

Nhiều Samourai, nhất là những ai trung thành với Daimio (Lãnh chúa từng vùng, từng tỉnh) của mình, vẫn cho rằng: Nghĩa vụ quan trọng nhất là chết vì vị chủ súy. Do đó, nhiều khi sau cái chết, của Samurai bề trên, thì những tôi trung cũng tình nguyện chết theo. Điều nầy, trong nhiều thời kỳ lịch sử, đã khiến cho nước Nhật luôn bị chìm trong làn sóng tự sát. Cuộc bại trận năm 1945, chấm dứt Đệ nhị Thế chiến và thảm bại của Quân phiệt Nhật là điển hình cho hình ảnh đó.

Trong nhiều trường hợp trong lịch sử Nhật Bản, hiện tượng nầy cũng giống như "một thứ bệnh dịch lan tràn". Thậm chí, nó đã khiến cho chính phủ Shogun, Bakufu phải ban lệnh cấm tự sát.

Một nguyên nhân khác về trường hợp tự sát gắn với nhận thức về "nghĩa vụ". Có khi, Samurai rơi vào tình trạng tiến thối lưỡng nan về phương diện đạo lý hết sức phức tạp. Một mặt, kỷ cương của Võ sĩ đạo cấm Samourai chống đối công khai chủ súy của mình.

Mặt khác, nếu chủ súty lại thực hiện một điều gì đó không chính đáng, vì tư lợi, thiếu nghĩa hiệp, mà Samourai không thể nào bị mắt làm ngơ được. Để chống đối, họ chỉ còn biết cách tự sát công khai để phản đối.

Bởi lẽ, tự sát là một tín hiệu của phản kháng công khai lên án những hành vi thiếu cao thượng của chủ súy.

Những hành vi nầy khiến người ở cấp bậc điều hành phải xét lại tư cách và hành động của mình.

Tất nhiên, cái chết dưới lưỡi rìu của đao phủ là một sự nhục nhã vô cùng. Do đó, các chiến binh Samourai trước khi bị xử chém, có quyền được "tự sát trong danh dự" trong cuộc lễ hành hình.

Người ta cho rằng: cái chết như vậy - trước mắt những chứng nhân cao cấp – coi như chuộc lỗi lầm.

Sống toàn diện

Những tín đồ Thiền Tông Nhật tin rằng: Ngồi Thiền sẽ giúp họ tìm ra Sự Thật và làm chủ bản thân mình trong mọi ứng xử, kiềm chế bản thân mình.

Samurai không chỉ thuần túy là những chiến binh lão luyện, mà còn phải là người hiểu biết và đánh giá được các loại hình nghệ thuật. Samurai rất thích ngâm thơ và làm thơ. Giữa thế kỷ XVII, nhà thơ ***Matsno Basho*** (Ba Tiêu) đã phát triển thể thơ ***Haiku*** (Hài cú) có 17 âm tiết để ca ngơi thiên nhiên. Các Samurai đã chép lại và đọc cho nhau nghe.

Samurai cũng họ những điệu múa truyền thống dân tộc. Người ta thường kể rằng: Tướng Oda Nobunaga nổi tiếng tàn bạo nhưng múa rất đẹp với một chiếc quạt trước hàng quân trước khi xung trận. Samurai rất thích xem hát. Vào thế kỷ XII, họ đã xem những vở diễn phổ biến, gọi là "Habuki".

Đến cuối thời của Samurai, kịch hát ***"Noh"*** cổ điển của nhật được coi là hợp hơn cả. Trong cả hai loại kịch hát, các vai nữ đều do diễn viên nam đóng. Một câu nói phổ biến của Samurai là "Tay trái để luyện tập các môn nghệ thuật hoà bình; tay phải để luyện tập các võ thuật chiến tranh". Samurai đánh giáo cao môn nghệ thuật viết chữ bằng bút lôn và mực Tàu trên giấy (Môn ***thư pháp***). Mỗi nét chữ phải đưa một cách uyển chuyển mềm mại và chính xác mà không ngập ngừng, đứt đoạn.

Như thế, cuộc sống của một Samurai phải được nhiếp tâm hài hoà với nhiều sắc thái khác nhau.

Tiên chuẩn đạo lý của Samurai

Tầng lớp Samurai bao gồm những người không phân biệt cấp bậc, tài sản và mức sống. Trong cương vị nầo, họ cũng phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn đạo lý chính yếu. Họ đoàn kết cùng như chiếu đấu, không phải vì những quyền lợi vật chất, mà chính là khái niệm về "*một con người dũng cảm lý tưởng*".

Mỗi Samurai đều phấn đấu hướng tới mục đích cao cả nhất là trở thành "*một con người quả cảm*". Con đường lâu dài và đầy gian khổ tiến tới đạt cho được tư tưởng cao cả của Samurai được mệnh danh là "***Bushido***" (Võ sĩ đạo). Võ sĩ đạo là luật tục đạo lý cơ bản của người chiến sĩ phải noi theo trong suốt cuộc đời của họ, dù trong hoàn cảnh nào. Trước hết, họ phải nắm cho được ba phẩm hạnh chủ yếu*: trung thành, chịu trách nhiệm, can trường*.

Họ quyết không bao giờ chịu từ bỏ những đức tính áy, kể cả những khi sa cơ thất thế.

Phẩm hạnh thứ nhất*: *Kỷ cương về lòng trong thành

Võ sĩ đạo được Samurai coi *lòng trung thành* là phẩm giá cao nhất phải tôn trọng triệt để, dù là phải hy sinh thân xác của mình đi chăng nữa.

Trong cuốn "Cẩm nang" của người Samurai, có nhan đề là "***Hagakure*** ", được phổ biến trong hàng ngũ Samourai và thế kỷ XVII, có đoạn viết như sau:

"*Cho dù ta ở đâu, trên đỉnh núi cao hay trong lòng đất sâu, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, nghĩa vụ của ta bắt buộc ta phải bảo vệ chủ soái. Đó là nghĩa vụ của thuộc hạ. Đó là cái cột sống của Đạo ta, không hề đổi thay, phải là vĩnh cửu*".

***Phẩm hạnh thứ hai*: Đây là *kỷ cương về tinh thần trách nhiệm*.**

Nhận thức nầy bao gồm một số giới luận đạo đức cơ bản, mà trên hết, là nghĩa vụ tử giáo dục cho bản thân của mình. Những đòi hỏi cần thiết là: (a) Phải trung thực, không được dối trá, gièm pha, không có những hành vi bất lương. (b) Giản dị, coi thường những thứ xa hoa, tiền bạc và các tiện nghi sinh sống khác. (c) Lịch thiệp, phải tuân theo các quy chế về đạo đức, khiêm tốn và bình tĩnh, phải biết kiềm chế lấy mình.

***Phẩm hạnh thứ ba*: *Đức dũng cảm của Samourai*.**

Lòng quả cảm trong chiến đấu chưa đủ, mà còn phải dũng cảm trong sinh hoạt đời sống hàng ngày của mình nữa. Nguyên tắc nầy rất được coi trọng của người dân Nhật, kể cả trong thương trường như sinh hoạt kinh tế ngày nay.

Người chiến binh Samurai khi làm việc nghĩa thì phải hành động dứt khoát, không chút do dự, cho dù là phải hy sinh táng mạng của mình. Thành thử, kỷ cương của Võ sĩ đạo nhấn mạnh rằng: "*Chính nghĩa là tất cả, cuộc sống không đáng kể*".

Giáo dục Samurai ngay từ thuở nhỏ

Từ thế kỷ XII, việc giáo dục đào tạo những Samourai của các Daimio được tổ chức ngay từ thuở nhỏ. Thay vì những chuyện cổ tích, thần thoại, cha mẹ thường kể cho các con mình nghe về cuộc chiến Gempei và những chuyện tang thương khác mà các chiến binh Samurai từ trải qua.

Trong hầu hết những câu chuyện nầy, vấn đề then chốt là đề cao tinh thần quả cảm, gương hy sinh, bao giờ cũng chiến thắng quân thù. Theo suy nghĩ của phụ huynh, thì khi nghe những chuyện nầy, chúng sẽ kích thích trẻ em sớm hơn, để sau nầy chúng sẽ trở thành những con người, mà chúng hằng bái phục, từng coi là những người anh hùng dân tộc.

Nhưng để trở thành Samurai đích thực mà chỉ muốn thôi còn chưa đủ. Đào tạo chiến binh đó là côntg việc lâu dài và gian khổ, đòi hỏi phải chuyên cần tập luyện.

Trước hết, phải dạy cho trẻ em biết chủ động điều khiển cơ thể và tình cảm của mình trước mọi khó khăn. Cha mẹ không muốn con cái mình kêu ca khi bị đau đớn, thậm chí bị đói rét, khi sống trong những điều kiện khốn khổ.

Ý chí sắt đá, khả năng phục tùng kỷ luật hà khắc được đem dạy, không chỉ bằng những lời

giáo huấn, răn đe, mà còn bằng mọi điều kiện sống của một Samurai trong tương lai. Chẳng hạn: những đứa con trai bị đánh thức dậy khi tờ mờ sáng, để cho chơi trong gian phòng không có sưởi và bỏ đói khá lâu. Những thử thách khốc liệt khác còn chờ đợi chúng lớn lên và đủ tuổi để gửi đi học chữ nghĩa.

Bọn trẻ buộc phải đi và về một đoạn đường rất xa trong bất cứ thời tiết nào. Mưa không cần mang áo choàng. Mùa đông phải đi chân đất. Sau đó, chúng phải học cách thắng sợ hãi: bị bỏ một mình giữa nghĩa địa suốt cả đêm, có khi phải ngồi gác những cái xác bị chặt đầu.

Cùng lúc rèn luyện ý chí theo cách đó, trẻ con được dạy cách sử dụng vũ khí. Việc nầy bắt đầu bằng một nghi thức long trọng: mới 5 tuổi, chúng đã được trao cho một thanh kiếm vừa tầm mình. Ngoài học luyện kiếm, còn phải được dạy bơi lội, phi ngựa, võ tự vệ (Jiu – Jitsu). Sau những tháng học sơ đẳng, chuyển sang học bắn cung, đánh côn và đánh kiếm.

Khi đến tuổi thiếu niên, lại học những thói quen khác như: bơi trong khi bị trói chân, trói tay hay mang binh giáp nặng nề; biết vượt qua sông bằng dây thay vì bằng cầu và không hề lùi bước trước bất cứ trở ngại.

Khi lên 25 tuổi, hết chương trình học, phải tỏ ra là một Samurai thực thụ: biết thản nhiên như cây rừng, đứng vững như bàn thạch, lạnh như băng tuyết, nhanh như gió, quyết tâm tấn công như ngọn lửa. Khi đáp ứng đủ những điều kiện trên, sẽ được gia nhập quân ngũ chính thức.

Khai sinh của Đế chế Nhật

Theo giáo lý của Thần Đạo Nhật Bản thì dân tộc Nhật Bản là con cháu của Nữ thần Mặt Trời Amaterasu, đứng đầu là vị Hoàng đế văn võ song toàn, đấng minh quân Jimmu Tenno. Ông lên ngôi vào năm 660 trước Công nguyên, trong địa phận của Vương quốc Yamato.

Vị Thiên hoàng nầy đã đặt nền tảng chính cho các triều đại Nhật hoàng liên tục kế tiếp nhau sau nầy cho đến khi bị các Tướng Quân nắm quyền dước chế độ Mạc Phủ. Chế độ phong kiến Nhật được khai sinh trong thời kỳ nầy. Theo sử Nhật thì thời điểm phong kiến sơ kỳ được tính vào năm 645 trước Công nguyên.

Trong thời nầy, tại cung điện của Hoàng đế Koguaku đời thứ 35 đã nổi lên những cuộc chiến tranh liên tục. Những người chủ xướng quyết đưa Nhật Bản ra khỏi sự chuyên chế của giới quý tộc đang tranh nhau vơ vét tài sản đất nước, đồng thời xây dựng một quốc gia hùng mạnh hơn.

Trong việc giao lưu với nước ngoài, Nhật Bản vẫn hướng về lối trị nước của Trung Hoa, nơi quyền hành thời đó thuộc về Hoàng đế; tuy nhiên, việc giữ gìn trật tự và an nguy đất nước thì do hệ thống quan lại trông coi.

Chủ trương lật đổ nầy đã mang đến thắng lợi. Lịch sử gọpi là "kỷ nguyên Taika" có nghĩa là cải cách vĩ đại. Sự điều hành đất nước trong chương trình nầy được khởi đầu dưới sự chỉ đạo của vua Kotoku thứ 36.

Theo tín ngưỡng Thần Đạo của người Nhật, những vị Hoàng đế không chỉ đơn thuần là đấng trị vì toàn dân, mà lại còn được xem là vị Chúa Tể do Trời sắp đặt.

Nhà vua tự xưng là "Tenno", có nghĩa là con trời, có nhiều quyền lực, vừa thiêng liêng, vừa thực tiễn trong việc trị nước, mà khôn ai cưỡng lại được.

Vào năm sau, khi cải cách thắng lợi vẽ vang được thực hiện, nhà vua đã ban bố một đạo sắc lệnh, gọi là "Taika" (Chiếu chỉ Thiên Hoàng).

Nội dung bao gồm:

Điều thứ nhất:

Phải hủy bỏ quyền sở hữu cá nhân về đất đai như đã phân định trước kia, quy định theo đường lối mới.

Điều hai:

Đất nước được phân chia thành tỉnh, huyện, hạt, xã theo ranh giới mới.

Điều ba:

Kinh đô được xây dựng lại, theo những yêu cầu về tổ chức, bao gồm cả tổ chức vương quyền và giáo quyền.

Điều tư:

Giới quý tộc hình thành trước đây vẫn được phép tham gia những chức vụ quy định, với mục đích phục vụ quốc gia trong tình hình mới, tuy nhiên, cơ bản là phải dốc lòng trung thành, phục vụ Hoàng Đế vô điều kiện.

Điều năm:

Dân chúng trong nước phải thi hành "chế độ quân dịch mới": chế độ nầy quy định: cứ 3 người (nam giới) thì lấy một người bảo vệ đất nước và biên cương trong 3 năm; sau đó luân phiên với những người kế tiếp.

Những quy định tổng quát nầy được thực hiện tùy theo nhu cầu trong từng giai đoạn. Mỗi địa phương tùy theo tình hình để ứng xử.

Tính chất đế chế

Như vậy, do cuộc chinh biến năm 645 đã tạo điều kiện thích ứng để có thể thúc đẩy nhanh chóng việc thành lập đế chế và đưa ra một kỷ cương để bảo vệ đế chế nầy. Quan trọng nhất là: Giới quý tộc nắm nhiều quyền hành cát cứ trước kia thì nay phải chịu sự thống trị của Thiên Hoàng (Tenno).

Những đặc quyền, đặc lợi đều hủy bỏ.

Tuy nhiên, để tránh những cuộc bạo loạn, triều đình trung ương đã tiến hành từng bước, mà điều đầu tiên là nắm trọng quyền quân sự và hành chánh.

Cũng không tránh được những phản ứng của vài địa phương, nhưng ngay sau đó đã được giẹp tắt từ trong trứng nước.

Thành thử, tránh được những phản ứng mạnh mẽ, trong khi củng cố quyền lực của chính quyền Tenno.

Về phương diện cải cách, Vương triều khởi đầu từ việc quản lý điền địa, được xem là mạch sống của giới quý tộc trước đây. Đất đai thuộc quyền sử hữu chủ của quốc gia, đứng đầu là Hoàng Đế. Các thế tộc phải thi hành triệt để.

Các nông dân tự do được nhận lãnh những phần đất có diện tích bằng nhau, nhưng phải nộp thuế hàng năm đúng tiêu chuẩn và đúng hạn kỳ.

Những người được nhận lãnh những chức vụ quan trọng hay có công lao thì được hưởng một số quyền lợi nhiều hơn Họ không phải nộp thuế và quyền lợi nầy được truyền lại cho con cháu, trong trường hợp tuyệt đối trung thành với Vương triều. Nhưng rồi về sau, số đất đai nầy đã biến thành các "thái ấp" (Shioen) phong kiến, mà sẽ có những phản ứng về sau trong khoảng thời gian sau.

Điều quan trọng nhất chi phối ảnh hưởng nầy là việc quản lý: Trong thời nầy, triều đình chỉ có thể kiểm soát chặt chẽ những thôn ấp gần kinh đô hay đường giao thông được dễ dàng; tuy nhiên, những vùng ở xa, vùng biên giới, mà vấn đề giao dịch khó khăn, thì chính quyền trung ương gặp nhiều trở ngại trong việc điều hành.

Do điều kiện nầy, chính quyền trung ương đã khai phát ồ ạt lãnh thổ quốc gia, để có thể nắm trọn quyền, tránh nạn địa phương cát cứ. Trong khắp nước Nhật thời đó, hệ thống đường xá, cầu cống được xây dựng. Kinh thành mới được kiến thiết lớn lao hơn; chùa chiền được lập nên khắp các địa phương. Nền văn hoá, nghệ thuật cũng nở rộ.

Những tài năng trong nước đua nhau đến kinh thành để được nhận những chức vụ do một ban Quản Lý điều động.

Kinh đô nước Nhật trong khoảng thời gian 710-784 đóng tại Heijo (Nara). Cho tới năm 794 thì lại được dời về Heian (Kyoto). Triều đại Heian đánh dấu một giai đoạn hoà bình và cường thịnh.

Tuy nhiên, lãnh vực cai quản của triều đình chi nằm vùng trung ương của đảo Honshu. Còn 3 vùng khác là Kyushu, Shikoku và Hakaido thì không thể chuyển vận đến một cách mau chóng. Chính điều nầy là một trong những trở ngại của triều đình do sự tự quản của địa phương

KIÊM THÊM

Bức họa Lý Sư Sư

LÝ SƯ SƯ

NGHÌN TRÙNG E LỆ PHỤNG QUÂN VƯƠNG (1)

HUYỀN VIÊM

Lý Sư Sư là danh kỹ tuyệt đẹp sống ở Biện kinh cuối thời Bắc Tống. Nàng có vẻ đẹp thoát tục, vẻ đẹp long lanh như sương khói, mỏng manh mà không hề yếu đuối, lại giỏi cầm kỳ thi họa, thật là tài sắc vẹn toàn. Những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Tần Quán, Chu Bang Ngạn… đối với nàng rất thân thiết, thường hay lui tới, còn làm thơ và từ tặng nàng.

Lý Sư Sư là con gái Vương Di (tức Dần) làm nghề thợ nhuộm ở phường Vĩnh Khánh, Biện kinh. Vợ Vương Di sinh Sư Sư xong thì mất, Di phải dùng sữa đậu nành nuôi con thay sữa mẹ. Mặc dù mồ côi mẹ rất sớm, nhưng Sư Sư rất dễ nuôi, không hề gào khóc.

Theo tục lệ ở Biện kinh, con gái phải gửi vào chùa một thời gian trước khi trở về đời thường để lấy chồng. Sư Sư cũng vậy, được cha gửi vào chùa Bảo Quang. Thấy đứa bé kháu khỉnh, vị sư già liền hỏi:

- Cháu bé từ đâu đến đây?

Sư Sư òa khóc. Vị sư già xoa đầu liền nín. Vương Di mừng lắm, nói rằng:

- Con bé này đúng là đệ tử của nhà Phật.

Lúc vào chùa, Sư Sư chưa được đặt tên. Người tu ở chùa được gọi là sư, dù là sư nam hay sư nữ, nhân đó nhà chùa đặt tên cho con bé là Sư Sư. Năm Sư Sư được bốn tuổi thì Vương Di phạm tội, bị bắt giam rồi chết trong ngục. Sư Sư trở thành mồ côi cả cha lẫn mẹ. Một hôm mụ Lý là chủ một kỹ viện ở phường Trấn An, Biện kinh, lên chùa cúng lễ, thấy Sư Sư xinh đẹp và ngoan ngoãn bèn xin về nuôi và từ đó Sư Sư theo họ Lý của mụ thành tên Lý Sư Sư.

190 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Sư Sư càng lớn càng đẹp, hát hay, đàn giỏi khiến các nhà văn, nhà thơ và các nhà quyền quí ở Biện kinh đều say đắm tài sắc của nàng.

Bấy giờ vua Tống Huy Tông lên ngôi, sửa sang cung thất xong xuôi, có ý tìm một mỹ nhân để cùng vui chơi hôm sớm mặc dù trong cung không thiếu gì phi tần trẻ đẹp nhưng đã quen thuộc quá rồi. Biết ý của đấng quân vương, một cận thần là Trương Địch giới thiệu với vua nàng Sư Sư là người tài sắc vẹn toàn khiến vua ao ước. Nguyên khi chưa vào cung, Trương Địch thường hay la cà ở các kỹ viện nên quen thân với mụ Lý và biết rõ Sư Sư.

Một đêm kia, Trương Địch dẫn đường, nhà vua vi hành đóng vai phú thương Triệu Ất, đem theo rất nhiều nhung, nỉ, ngọc châu và bạch kim đến kỹ viện của mụ Lý. Tới nơi, vua bào đoàn tùy tùng ở ngoài, chỉ vua và Trương Địch vào trong. Thấy khách là người giàu có và hào phóng, mụ Lý ân cần tiếp rước, mang các thứ trái cây ngon quí ra mời khách, nhưng hồi lâu vẫn chưa thấy Sư Sư ra tiếp.

Trương Địch tìm cách rút lui để vua được tự nhiên. Mụ Lý dẫn vua tới một mái hiên, bên ngoài có một hàng trúc xanh mát, mời vua ngồi nghỉ. Một lát sau, mụ lại mời vua vào một phòng khác, bày cỗ thết đãi nhưng vua có thiết gì ăn uống. Sư Sư vẫn chưa ra.

Mụ Lý lại dẫn vua vào nhà sau, trên bàn đã bày sẵn rượu trà hoa quả nhưng vẫn không thấy Sư Sư. Một hồi lâu, mụ Lý mới dẫn vua vào phòng trong, trang trí cực kỳ lộng lẫy, trong phòng đèn nến sáng trưng nhưng không một bóng người. Sự kiêu căng của người đẹp chẳng những không làm vua phật lòng, trái lại ngài lại càng tò mò, háo hức muốn biết người đẹp cỡ nào mà kiêu căng đến thế.

Một lúc lâu sau mụ Lý mới đưa cô gái tới. Nhà vua trông thấy bỗng sững sờ. Nàng không phấn son, mặc áo lụa trắng giản dị nhưng xinh đẹp lạ thường như một đóa hoa chớm nở khiến vua say đắm. Vua hỏi tuổi, nàng không trả lời, lại ngồi ra xa. Mụ Lý ghé tai vua:

- Tính cháu nó ưa tĩnh, mong quan nhân không nên vội vã.

Rồi mụ buông rèm, đi ra ngoài. Bấy giờ Sư Sư mới đứng lên, cởi bỏ áo khoác ngoài, với tay lấy cây đàn trên vách rồi gảy luôn khúc *"Bình sa lạc nhạn"* . Vua cảm thấy nhẹ nhàng lâng lâng như lạc vào tiên cảnh. Sau ba khúc đàn, gà đã gáy sáng, nhà vua trở về cung.

Từ đó cứ năm ba hôm một lần, vua lại ra với Sư Sư. Mối tình giữa hai người ngày càng thắm thiết. Lâu dần rồi việc này cũng lộ ra. Dư luận xầm xì bàn tán. Chuyện đến tai mụ Lý khiến mụ vô cùng sợ hãi, e rằng sẽ bị giết cả họ. Nhưng Sư Sư trấn an:

- Xin mẹ cứ yên tâm. Nếu nhà vua thực lòng yêu con thì sẽ không làm hại chúng ta đâu.

Đầu năm sau, vua Huy Tông sai Trương Địch mang tặng Sư Sư cây đàn Sa Phụ và 50 lạng bạch kim. Tháng ba, vua lại tìm đến. Sư Sư quì trước thềm đón vua. Vua cho đứng dậy và cầm tay nàng dắt vào nhà trong, bảo nàng hãy gảy đàn Sa Phụ. Nàng ôm đàn gảy khúc *"Hoa mai"* khiến nhà vua say sưa ngây ngất và hết lời khen ngợi.

Chuyện nhà vua si mê Sư Sư ngày càng có nhiều người biết nên đồn đãi lung tung. Nhà vua cũng thấy ngại, hỏi ý kiến Trương Địch. Địch tâu:

- Bệ hạ thường ra ngoài ban đêm rất không tiện và có thể nguy hiểm nữa. Nay ly cung Cấn Nhạc có hai ba dặm đất công giáp phường Trấn An là nơi có kỹ viện của mụ Lý, nếu ta đào một đường hầm từ ly cung đến thẳng phường Trấn An thì việc đi lại của Bệ hạ rất kín đáo, không ai biết. Vua phán:

191 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

- Tốt lắm. Nhà ngươi nên xúc tiến việc ấy ngay đi!

Đường hầm đào xong, từ đó nhà vua tha hồ đến với Sư Sư hằng đêm mà không bị lộ tung tích.

Có lần, ngồi chơi vui ở trong cung, một cung phi hỏi vua:

- Sao Bệ hạ quí cô gái họ Lý thế? Vua đáp:

- Bây giờ nếu cho một trăm người trong các khanh trang điểm lộng lẫy, mặc xiêm y thật đẹp đứng chung với cô gái ấy thì cô ấy cũng sẽ nổi bật hẳn thôi (2).

Các văn nhân tài tử cũng như các quan lớn nhỏ trong triều thường hay đến chỗ Sư Sư từ khi biết nàng là tư ái của nhà vua thì không ai dám đến kỹ viện của mụ Lý nữa. Chỉ riêng Chu Bang Ngạn thỉnh thoảng còn lai vãng bởi Sư Sư yêu Chu vì tài mạo song toàn, lại đa tình đa cảm nên nhất thời không sao xa được. Sư Sư thường hay hát những bài từ do Bang Ngạn soạn. Hai người thường kề vai ngoạn cảnh, lúc dưới ánh trăng, khi bên khóm trúc, vô cùng ân ái nồng nàn. Nào ngờ vua Huy Tông xuất hiện, chiếm nàng cho riêng mình khiến Bang Ngạn vô cùng đau khổ.

Một đêm kia, không thấy hoàng thượng đến lâm hạnh, Sư Sư liền sai người tìm Bang Ngạn tới để tình tự. Trong lúc hai người đang kể lể nỗi niềm thì chợt có tin thánh thượng giá lâm. Bang Ngạn kinh hoàng, chui xuống gầm giường mà trốn, còn Sư Sư ra tiếp giá. Một lát sau, vua cầm tay Sư Sư dắt vào phòng. Huy Tông vui đùa với Sư Sư một hồi rồi ngỏ ý muốn hồi cung. Sư Sư vờ cầm nhà vua lại, nhưng vua lấy cớ mệt mỏi muốn về nghỉ. Sư Sư nhớ tới Bang Ngạn đang ở dưới gầm giường nên không nài ép, vui vẻ tiễn vua về. Khi nàng quay vào thì Bang Ngạn chui ra và hú vía. Nghĩ lại tình cảnh của mình lúc đó, Bang Ngạn viết bài *"Thiếu niên du"* .

Mấy hôm sau, Huy Tông lại đến vui thú với Sư Sư rồi bảo nàng hát một bài cho vui tiệc rượu. Sư Sư vô tình hát bài *"Thiếu niên du"* mà nàng rất thích. Huy Tông vốn sành âm luật, lời hát lại giống tình cảnh đêm hôm ấy nên gặng hỏi, Sư Sư buột miệng tâu:

- Đây chính là bài ca của Chu Bang Ngạn.

Nói xong mới biết lỡ lời. Vua Huy Tông rất tức giận nên tìm cớ cách chức Bang Ngạn và đuổi ra khỏi kinh thành.

Hai hôm sau nhà vua đến thì Sư Sư đi vắng nên phải ngồi chờ. Khi trời tối hẳn Sư Sư mới về, nước mắt lã chã. Vua kinh ngạc, hỏi có việc gì thì nàng đáp:

- Bang Ngạn mắc tội với triều đình, bị áp giải ra khỏi kinh thành. Vốn là chỗ cố tri, tiện thiếp có chén rượu đưa tiễn nên về muộn. Xin thánh thượng tha tội.

Huy Tông hỏi:

- Lúc lâm biệt, Bang Ngạn có bài ca từ nào không?

- Thưa có, đó là khúc *"Lan Lăng vương"*

- Khanh có thể ca cho trẫm nghe không?

Sư Sư sai bày tiệc rượu rồi cầm đàn, so dây, nắn phím, buồn rầu cất tiếng ca, khúc ca rất hay mà cũng rất bi thương dễ làm lay động lòng người (3). Huy Tông cảm thấy xót xa vì yêu tài của Bang Ngạn và cảm thông nỗi buồn của Sư Sư nên hôm sau có chỉ triệu Bang Ngạn về kinh nhận

chức Đại thành nhạc chính.

Được vua sủng hạnh rồi, Sư Sư năn nỉ xin vua đưa mình vào cung. Huy Tông rất yêu nàng, cũng muốn nàng luôn luôn ở cạnh mình. Một hôm, vào lúc hoàng hôn, bỗng có nội thị tìm đến kỹ viện của mụ Lý tuyên triệu Sư Sư vào cung. Sư Sư vui mừng khôn xiết, vội vàng trang điểm rồi theo nội thị đi gặp đấng quân vương. Lần đầu vào cung, Sư Sư vô cùng ngạc nhiên trước những lâu đài điện các dãy dọc tòa ngang cực kỳ đồ sộ và hoa lệ. Như đã được dặn trước, nội thị không cần truyền báo mà đưa nàng vào thẳng nội thất, có Huy Tông đang chờ ở đó. Vua dắt Sư Sư vào trướng rồi cùng nhau tâm tình như đôi vợ chồng mới cưới. Hôm sau vua xuống chiếu sắc phong Sư Sư làm Doanh quốc phu nhân Lý Minh phi. Từ đó Sư Sư thường được vua gọi đến hầu. Về sau, quen đường thuộc lối, nàng tự do ra vào nội thất của nhà vua không cần lệnh gọi. Sư Sư rất khéo ăn ở nên phi tần ở hậu cung, kể cả Lưu phi, Kiều quí phi, đều rất thích nàng.

Sử Mộng Lan đời Thanh có bài thơ *"Vi Tống diễm đề từ"* (Đề từ cho bức tranh người đẹp đời Tống) như sau:

Tống sử cao tiêu đạo học danh,
Phong lưu thiên tử khước đa tình.
An An Đường dữ Sư Sư Lý
Tận đắc thừa ân nhập cấm thành.

Châu Hải Đường dịch:

Tống sử nêu cao người học đạo,
Phong lưu thiên tử cũng đa tình.
An An Đường với Sư Sư Lý
Đều được ơn vua đến Cấm thành.

(Đường An An là một danh kỹ ở Hàng Châu được vua Tống Lý Tông rất sủng ái).

Nhưng "ngày vui ngắn chẳng tày gang", sau khi diệt nước Liêu rồi (1125), người Kim kéo quân vào đất Tống với thái độ rất ngạo mạn vì biết Tống đang suy yếu. Chúng vây hãm Yên kinh (Bắc kinh ngày nay). Huy Tông thấy nguy, nhường ngôi cho Thái tử Triệu Hoàn, tức vua Khâm Tông (1126) rồi lui về cung Long Đức, xưng là Đạo quân giáo chủ. Lý Sư Sư mất chỗ dựa, bị phế làm thư dân và bị đuổi ra khỏi kinh thành.

Chiếm Yên kinh rồi, giặc Kim hãm Biện kinh. Khâm Tông muốn chạy trốn nhưng Binh bộ thị lang Lý Cương khóc can, nguyện tử thủ. Khâm Tông phải ở lại.

Quân Kim vây Biện kinh một tháng không phá được thành bèn rút về hết. Ai cũng tưởng hòa nghị đã xong nên yên lòng, không phòng bị. Chẳng ngờ một năm sau, người Kim đem binh hãm kinh thành. Vua Khâm Tông phải tới trại Kim xin cầu hòa. Kim đòi vàng 1000 vạn lạng, bạc 2000 vạn lạng. lụa 1000 vạn tấm, Khâm Tông không sao kham nổi. Quân Kim bèn lập Trương Bang Xương – một hàng thần của nhà Tống – lên làm vua rồi bắt Thượng hoàng Huy Tông, vua Khâm Tông, Thái tử, các hậu phi, hoàng tộc đến 3000 người và cướp sạch con gái, vàng lụa trong kinh thành đem về bắc (1127).

Thắng lợi rồi, chủ soái quân Kim là Thát Lãn nghe danh tiếng của Lý Sư Sư là bậc quốc sắc thiên hương nên sai quân lùng bắt nàng. Nhưng lùng tìm đã nhiều ngày mà không bắt được. Tên phản thần Trương Bang Xương cho người theo dõi và bắt được Sư Sư dâng cho tướng Kim để lập công. Sư Sư mắng bọn Bang Xương:

- Ta là kỹ nữ hèn hạ, được đội ơn vua, quyết lấy cái chết để đền đáp. Các ngươi quan cao lộc hậu, triều đình có phụ bạc gì các ngươi mà nỡ cam tâm làm tôi đòi cho kẻ khác, hủy diệt tông

miếu xã tắc, thờ giặc làm vua, hỏi có còn xứng đáng làm người nữa không?

Nhận được Sư Sư từ bọn Bang Xương, tướng Kim mừng rỡ định đem nàng đi luôn, nhưng Sư Sư nói:

- Thượng hoàng với ta có chút ân tình, hãy cho ta thăm Thượng hoàng đã rồi sẽ theo các ngươi về Bắc.

Người Kim đưa Sư Sư đến gặp Thượng hoàng (Huy Tông). Hai người nhìn nhau khóc lóc rất thảm thiết, nói sao hết nỗi thương tâm. Không muốn hai người ở lâu bên nhau, người Kim kéo Sư Sư ra ngoài. Nàng còn cố quay lại nói thêm *"Thượng hoàng bảo trọng"* rồi rũ xuống khóc như mưa. Thừa lúc quân Kim không để ý, nàng bẻ chiếc trâm vàng nuốt vào bụng mà tự tận. Huy Tông nghe tin Sư Sư mất, khóc than thương tiếc khôn nguôi.

***

Những ngày cuối đời của Sư Sư có nhiều sách chép khác nhau. Sách *"Thanh Nê Liên Hoa ký"* viết : "Trong loạn Tĩnh Khang, Sư Sư chạy xuống vùng Hồ-Tương ở phương Nam, có người thấy nàng đã già nua, tiều tụy, không còn trẻ trung xinh đẹp như trước nữa".

Sách *"Thủy Hử hậu truyện"* của Trần Thẩm và *"Mặc Trang Mạn Lục"* đời Thanh cũng viết như vậy, chỉ khác là sách *"Thủy Hử hậu truyện"* thì cho rằng Sư Sư lưu lạc đến Lâm An (Hàng Châu), còn sách "Mặc Trang Mạn Lục" viết rằng nàng lưu lạc đến Triết Giang. Nhưng dù lưu lạc đến nơi nào ở phương Nam cũng không quan trọng, điều quan trọng là những ngày cuối đời nàng sống như thế nào.

Bài thơ *"Biện kinh ký sự thi"* của Lưu Tử Huy đời Tống cho ta biết phần nào cuộc sống của nàng buổi vãn niên và xác nhận nàng lưu lạc đến Hồ - Tương:

Liễn cốc phồn hoa sự khả thương,
Sư Sư thùy lão quá Hồ - Tương.
Lũ kim đàn bản kim vô sắc,
Nhất khúc đương niên động đế vương.

Châu Hải Đường dịch:

Xe ngựa phồn hoa chuyện khá thương.
Sư Sư già lão đến Hồ - Tương.
Áo vàng đàn phách nay đâu nhỉ?
Một khúc năm xưa động đế vương.

(1) Thơ Đoàn Phú Tứ
(2) 20 nữ nhân Trung Quốc.
(3) Khúc *"Lan Lăng vương"* của Chu Bang Ngạn:

"Liễu rủ cành, xanh rờn như ngọc bích. Trên triền đê, từng thấy mấy người, buồn bã sầu tư đưa tiễn. Vọng nhìn cố quốc, kinh thành hoa lệ làm mệt khách hồng trần. Đường trường đình, tháng đợi năm chờ, bẻ gãy biết bao cành liễu nhỏ.

Về chốn cũ, lại rượu cùng khúc bi ai. Ánh đèn mờ ảo dọi bữa cơm chiều lạnh ngắt. Sâu từng khúc như từng đợt gió, con sào vẫn khuấy nước. Quay đầu lại, đã bỏ xa bao quán dịch, dõi nhìn theo người trời bắc.

Thê thảm quá, hận chất đầy. Xa dần bến đò cũ, người quen xưa. Vầng dương nhạt dần, ngày xuân chưa tới. Nhớ lúc tay trong tay, dưới ánh trăng mờ, bên cầu nghe tiếng sáo. Ngẫm chuyện cũ, tưởng như mơ, lệ trào khóe mắt"
(Tống cung mười tám triều).

HUYỀN VIÊM

194 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

THƠ TẢN ĐÀ

KIỀU VĂN

Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu, 1888 – 1939) là đại biểu xuất sắc nhất của thế hệ các nhà thơ "lớp cũ" sống ở đầu thế kỉ XX. Sinh thời, ông được chứng kiến sự lên ngôi của trào lưu *Thơ Mới* trong những năm 30, và được coi là nhà thơ tiếp nối giữa "thơ cũ" và "thơ mới".

Sau Nguyễn Khuyến và Tú Xương, Tản Đà chính là người tiếp tục phất ngọn cờ thi ca Việt Nam giai đoạn những thập kỉ đầu thế kỉ XX (trước khi Thơ Mới xuất hiện).

Nghiên cứu chân dung của bất kì một nhà thơ đích thực nào của Việt Nam cũng như của nhân loại nói chung, chúng ta đều thấy ở nhà thơ ấy luôn có đủ ba phẩm chất: trí tuệ phong phú sắc bén, tài sáng tạo thơ, và chất "lãng tử" trong tâm hồn. Tản Đà – cũng như Nguyễn Khuyến, Tú Xương... – hội đủ được cả ba phẩm chất đó.

So với Tú Xương, Tản Đà đã thật sự thoát khỏi cái "vòng lẩn quẩn" của thứ "công danh" kiểu phong kiến: lập danh bằng khoa cử (cho dù chỉ để "vang mặt vợ"!) Ở Tản Đà, cái "công danh" của đời ông hoàn toàn đặt vào sự nghiệp văn chương, vào chức phận thiêng liêng: kế tục và chấn hưng nền văn học nước nhà. Ông ý thức điều đó rất rõ ràng:

Trời có sai tôi một việc nặng
Đến nay tôi vẫn làm chưa xong...
Văn chương quẩn mãi cùng nhân thế
Sự nghiệp mong gì với núi sông...
Hai chữ "thiên lương" thằng Hiếu nhớ
Dám xin không phụ trời trông mong.

(Tiễn ông Công lên trời)

Trọn một cuộc đời, Tản Đà long đong lận đận, sống chết với nghiệp văn, nghiệp thơ, nghiệp báo (ông là chủ bút *Hữu Thanh tạp chí*, là người sáng lập *An Nam tạp chí*). Con tằm Tản Đà đã nhả tới sợi tơ cuối cùng cho văn chương, cho đến tận lúc "thân anh đã xác như vờ"...

Cũng như Tú Xương, Tản Đà là một hiện tượng hết sức thú vị trong làng văn làng thơ Việt Nam. Cái làm nên sự bất tử của Tản Đà không chỉ do khối lượng tác phẩm khá lớn ông để lại cho đời (gồm thơ, tiểu thuyết, luận văn, kịch, dịch thuật...) mà còn do phong cách sống rất mực độc đáo của ông giữa cái cuộc đời đang mỗi lúc trở nên sôi động bởi ảnh hưởng của nền văn minh tư bản Phương Tây.

Điều nổi bật ở hình tượng "thi sĩ Tản Đà" là ý chí *dám sống hết mức bằng bản ngã riêng biệt của mình*. *Cái tôi* – trong cuộc sống và trong văn học – vừa thực sự bước lên vũ đài lịch sử

195 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

với Tú Xương, giờ đây tiếp tục vượt lên đỉnh cao mới với Tản Đà. *Cái tôi* ấy là sự đối lập tương đối giữa một cá nhân với xã hội, với thời cuộc.

Nhưng tại sao CÁI TÔI – sự đối lập tương đối giữa một *cá nhân* (hết sức đơn lẻ) với *thời cuộc* (trào lưu chung của cả một cộng đồng, cả một thời đại) – lại là vấn đề đặc biệt có ý nghĩa về phương diện tư tưởng, tình cảm, đạo lí và nhất là phương diện *nhân văn* khiến chúng tôi phải nhấn mạnh nhiều lần khi "tìm chân tướng" của các thi nhân như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, và bây giờ đến lượt Tản Đà?

Chúng ta hãy suy ngẫm về những câu nói sau đây của những nhân vật lỗi lạc trong lịch sử nhân loại:

- Triết gia Nietzsche (Đức): "*Chứng điên ở mỗi cá nhân thì hiếm, nhưng ở đoàn thể, đảng phái, quốc gia và thời đại, lại chính là một nguyên tắc.*";

- Khuất Nguyên (Trung Hoa cổ đại): "*Khắp đời đều đục, chỉ mình ta trong; Mọi người đều say, chỉ mình ta tỉnh*" (Cử thế giai trọc, ngã độc thanh; Chúng nhân giai tuý, ngã độc tỉnh);

- Triết gia kiêm văn hào Nga Tchernychevsky: "*...Có họ, cuộc sống của nhân loại mới cao quí lên được; không có họ, cuộc sống nhân loại sẽ điêu tàn thối tha. Số người trong bọn họ tuy ít, nhưng có họ thì người ta sẽ thấy dễ thở, không có họ thì người ta sẽ ngột ngạt mà chết mất! Người hiền từ ngay thẳng thì nhiều, chứ những người này, trái lại, rất hiếm. Đó là tinh hoa của những nhân vật ưu tú, là nguyên động lực của động lực, là muối trong muối của trần gian...*" (tiểu thuyết "Làm gì?");

- Phan Bội Châu (Việt Nam): "*Sinh vi nam tử yếu hi kì*" (Sinh ra làm trai cần phải hiếm, phải lạ.".

Những câu nói ấy đều nhằm khẳng định chân giá trị của những "con người đơn lẻ", những "cái tôi" vô cùng quí giá trong một đám đông, một cộng đồng, một dân tộc còn có những khiếm khuyết, những bất cập so với chân lí. Chẳng hạn những tư duy phản khoa học, tình trạng ngu muội về nhận thức, những hủ tục, những mê tín v.v... Những bất cập đó chỉ được khắc phục khi cộng đồng ấy vươn tới một trình độ sống cao hơn. Bản thân nhân loại đã từng phải chìm đắm trong "Đêm trường Trung cổ" với sự thống trị của vô số cái phi lí, ngu muội, dã man, để rồi sau đó vươn tới những thời đại tốt đẹp Phục Hưng và Ánh sáng v.v...và sau này với sự xuất hiện của những con người *đơn lẻ – khổng lồ* như Dante, Shakespeare, Cervantex, Rabelais, L. de Vinci, Michel - Ange, Diderot, Montesquieu, Descartes, Goethe, Mozart, Beethoven, V. Hugo, Baudelaire, Pushkin, L. Tolstoy Dostojevski v.v...

Họ hoàn toàn thuộc về một cộng đồng, một thời đại, nhưng họ là giọt nước làm tràn li nước, là con chim đầu đàn xác định đường đi cho cả một bầy chim lớn, là tiếng gà gáy đầu tiên báo hiệu đêm tàn, là tiếng súng đầu tiên phát lệnh cho một cuộc tấn công. Họ tạo ra những "cú hích" đẩy lịch sử tiến lên phía trước.

Tóm lại, những *cái tôi* "tỉnh, trong, hiếm, lạ, tinh hoa, ưu tú, nguyên động lực..." ấy chính là khuôn vàng thước ngọc không thể thiếu của cuộc đời. Chúng lãnh sứ mạng của những ngọn hải đăng trên mặt biển, xác định "toạ độ" của chân lí, cảnh tỉnh những sai lầm của cuộc sống, của cả một cộng đồng, của cả một thời đại.

Cái tôi của Tản Đà đã gặp thời. Đó là thời đại mà nền văn minh phương Tây đang dần thâm nhập vào xã hội Việt Nam, làm chuyển biến Việt Nam như một qui luật tất yếu, không gì cưỡng lại được. *Cái tôi ngông* đã xuất hiện từ rất lâu trên vũ đài lịch sử do cốt cách "khinh thế ngạo vật" của những nhân vật có bản lĩnh rất mạnh (như Khuất Nguyên, Lí Bạch, Trúc lâm thất hiền, Bát tiên, hay Nguyễn Công Trứ, Tú Xương...). Nhưng *cái tôi nhân bản hiện đại* gắn liền với bản chất của một chế độ xã hội thì chính là sản phẩm văn hoá tinh thần đặc thù, ra đời và tồn tại trên những nguyên lí *tự do, bình đẳng, bác ái,* "*quyền tư hữu tài sản là quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm*" của chủ nghĩa tư bản. *Cái tôi* ấy là niềm khao khát của tất cả mọi con người Việt

Nam thời đại mới. Chính vì vậy *cái tôi* của Tản Đà – tổng hợp của *cái tôi ngông phong kiến* và *cái tôi nhân bản hiện đại* – xuất hiện trên văn đàn Việt Nam đầu thế kỉ XX đã được đông đảo quần chúng nhân dân đương thời hoan nghênh, cổ vũ. Nó chính là cú "xì hơi" khoái chá của *nhân bản Việt Nam* bị bóp nghẹt hằng bao nhiêu thế kỉ! Tản Đà ra tuyên ngôn như sau:

Vùng đất Sơn Tây nảy một ông
Tuổi chửa bao nhiêu, văn rất hùng.
Sông Đà núi Tản ai hun đúc?
Bút thánh câu thần sớm vãi vung…
Bởi ông hay quá ông không đỗ,
Không đỗ ông càng tốt bộ ngông!
(Tự trào)

Tản Đà "tự thuật" cho mọi người thấy chân tướng *cái tôi* "không giống ai" của mình:

Người ta hơn tớ cái phong lưu,
Tớ cũng hơn ai cái sự nghèo.
Cảnh có núi sông cùng xóm ngõ,
Nhà không gạch ngói chẳng gianh pheo…
(Sự nghèo)

Năm nay tuổi đã ba mươi hai,
Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai.
Khắp bốn phương trời không thước đất,
Địa cầu những muốn ghé hai vai!
(Khai bút năm Canh thân)

Thực tiễn văn học nhân loại đã làm nổi rõ một nguyên lí: một tác phẩm văn học càng khắc hoạ được *chiều sâu nhân bản* của những *con người cụ thể, cá biệt* bao nhiêu (trong tiểu thuyết, đó là những *tính cách nhân vật*) thì càng đạt được tính chân thực và tính thẩm mĩ bấy nhiêu. Đó chính là cái mà người đọc đòi hỏi ở người cầm bút. Trái lại, một tác phẩm mà nhân vật hiện lên một cách "mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm" hoặc "đại loại cũng như chán vạn người khác" thì thử hỏi còn có giá trị thẩm mĩ đặc biệt gì và còn sức hấp dẫn gì với người đọc? Cái "bí mật" khiến thơ văn của Tản Đà được tất cả mọi người đón nhận một cách nồng nhiệt và thích thú chính là ông đã biết cách thoả đáp được yêu cầu đó.

Như trên đã nói, ở những nhân vật có khí chất "anh hùng hào kiệt", có cá tính mạnh, *cái tôi* của họ khi "leo" đến đỉnh cao nhiều khi đã biến thành cái "ngông". Đó là cái *ngông* của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tú Xương và của Tản Đà. Cái *ngông* trong thơ Tản Đà tựa như một luồng gió mạnh thổi vào lòng một nhân gian đang trong thời buổi khó khăn, đang phải vật lộn với cuộc mưu sinh, đang đau khổ chán chường trong cảnh nô dịch, phong hoá suy đồi:

Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi trời.
Xem thơ trời cũng bật cười,
Cười cho hạ giới có người oái oăm…
Người đâu kiếp trước Đông Phương Sóc,
Ăn trộm đào quen học thói ngày xưa,
Trần gian đày mãi không chừa…

197 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

(Trời mắng)

Cái "ngạo cốt" của Tản Đà đã tạc nên một *hình tượng thi nhân* thật là kì vĩ khiến thơ ông mang được tính năng "thi khả dĩ hứng" (thơ có thể làm phấn chấn người) mà Không Tử đã xác nhận:

Con đường vô hạn khách đông tây,

Ta nhớ ai mà đứng mãi đây?

Nước dợn sông Đà con cá nhảy,

Mây trùm non Tản cái diều bay…

Trời đất cá chim đều tự đắc,

Ở đời ai dễ chẳng vung tay?

(Quê nhà chơi mát cảm hứng)

Cũng nhờ *cái tôi* "ngạo cốt" ấy mà thơ Tản Đà nhiều khi đạt tới tính lãng mạn cao độ:

Gió hỡi gió, phong trần ta đã chán,

Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong!

Nên chăng gió cũng chiều lòng…

(Hỏi gió)

Với nhân vật nữ lưu nổi tiếng Chiêu Quân trong lịch sử Trung Hoa, có vô số nhà thơ của nhiều thời đại đã bắt chước nhau làm cái việc "thương vay khóc mướn" nàng, thì Tản Đà, bằng tâm hồn thi sĩ đích thực, đã vượt xa những kẻ khác, an ủi nàng bằng một cách chân thành và táo bạo: sẵn sàng mang trái tim mình "đền" cho nàng!

Ới hồng nhan, hỡi hồng nhan,

Khôn thiêng cũng chẳng ai van ai mời.

Trời Nam thằng kiết là tôi,

Chùa Tiên đất khách khóc người bên Ngô.

Cô với tôi, tôi với cô,

Trước sân lễ bạc có mồ nào đây.

Hồn cô ví có ở đây

Đem nhau đi với lên mây cũng đành!

(Tế Chiêu Quân) – Nguyễn Thiện Kế *dịch từ chữ Hán*

(Sau này thi sĩ Bích Khê, có lẽ đã bắt chước Tản Đà, nhận Hồ Xuân Hương là người tình, là… vợ để "đền bù" cho nỗi đau khổ về tình yêu của nàng!)

Tuy nhiên… "*Cái tôi* kia cũng có ba bảy đường"! Một *cái tôi* muốn chường ra trước mắt bàn dân thiên hạ, nhất thiết nó phải được "bảo đảm bằng vàng": đó là một *cốt cách đích thực*. Những *cái tôi* của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà có sự bảo đảm ấy (Trong khi đó, đôi khi trên đời cũng xuất hiện những *cái tôi*… rởm của những kẻ chẳng hề có cốt cách gì).

Điều vô cùng đáng quý và đáng kính trọng ở Tản Đà được khẳng định bởi *chất lượng cái tôi* của ông. Đó hoàn toàn không phải sự "ngông nghênh" vô lối mà là *sự kiêu hãnh của một con người chân chính, đại diện cho một nhân loại chân chính.*

Tản Đà đã tự hoạ chân dung mình:

Sông Đà núi Tản đúc nên ai,

Trần thế xưa nay được mấy người.

Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc,

Văn chương phô trắng một cành mai…

Một con người như ông sinh ra đời không phải để hư sinh (sống thừa) mà là để đảm đương những trách vụ lớn lao, nặng nề nhưng vinh quang mà tổ quốc và nhân quần giao phó. Ông đã bao phen lăn lộn trong trường đời, tự nguyện nhận lãnh một sự hi sinh vô điều kiện và triệt để cho sự nghiệp văn hoá của đất nước, cho cộng đồng:

Trời sinh ra bác Tản Đà,

Quê hương thời có, cửa nhà thời không.

Nửa đời nam bắc tây đông,

Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt li.

(Thú ăn chơi)

Thân tớ ví to bằng quả đất

Cũng cho thiên hạ có đêm ngày.

(Kiếp con quay)

Cái tôi của Tản Đà không chỉ là *ngông*, là "phởn" mà nhiều phen còn là… *cay cực* nữa:

Văn chơi in bán để chơi chung,

Dẫu được lời riêng, có mấy đồng!

… Bao nhiêu củi nước mới thành văn,

Được bán văn ra chết mấy lần!…

Nghèo chỉ có văn, văn lại ế,

Ế văn cho tớ hết tiền tiêu…

(Lo văn ế)

Nhưng ở Tản Đà tàng trữ một bản lĩnh cao cường giúp ông chiến đấu vô cùng bền bỉ trên trận tuyến văn chương của mình, và *cái tôi* của ông đã thực sự chiến thắng, tìm tới sự hoan lạc, say sưa như một kẻ hạnh phúc nhất trần đời. Cũng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà sống theo châm ngôn "cống hiến hết mình cho xứ sở, dân tộc, nhưng cũng biết tận hưởng lạc thú của cuộc sống trần gian". Ông đã trở thành nhân vật nổi tiếng không những trong làng thơ mà còn trong "làng say" nữa:

Trời đất sinh ra rượu với thơ,

Không thơ không rượu sống như thừa…

và:

Trăm năm thơ túi rượu vò,

Ngàn năm thi sĩ tửu đồ là ai?

Tóm lại, giữa một xã hội đang chịu sự nô dịch của ngoại bang, đầy rẫy những kẻ tay sai, những kẻ bon chen vụ lợi, những kẻ "bán linh hồn cho quỷ", những kẻ ươn hèn và những kẻ sống nhảm nhí vô nghĩa, sự hiện diện của *cái tôi*, cái *cốt cách thi nhân sừng sững* của Tản Đà, đã góp phần cứu vãn và làm khởi sắc nhân cách Việt Nam, tạo nên một niềm tự hào đáng kể cho con người Việt Nam thời đại ấy. Chúng ta hãy thử tưởng tượng, trong thời buổi thực dân phong kiến đầu thế kỉ XX ấy, nếu thiếu mất cái cốt cách, *cái tôi* của Tản Đà, thì cuộc sống và xã

hội Việt Nam sẽ buồn tẻ, nhạt nhẽo đi biết bao nhiêu!

Thơ Tản Đà, ngoài *cái tôi văn học* phản ánh *cái tôi* thật ở ngoài đời của ông nói trên, còn hàm chứa nhiều nội dung phong phú và sâu sắc khác.

Bên cạnh dòng thơ yêu nước và cách mạng do các sĩ phu và chí sĩ yêu nước sáng tác (như Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế...), thơ Tản Đà mang đậm nét của trường phái *thơ xã hội* trong đó *tinh thần công dân* đóng vai trò chủ đạo. Vì vậy, tuy là nhà thơ hiện thực và lãng mạn nhưng Tản Đà đồng thời là *nhà thơ yêu nước* có tầm vóc đáng kính nể.

Lòng tự hào là một người dân nước Việt Nam được ông diễn tả một cách hết sức ý vị:

"Dạ bẩm lạy trời, con xin thưa:
Con tên Khắc Hiếu, họ là Nguyễn
Quê ở Á châu, về Địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Nam Việt".
(Hầu trời)

Lòng ưu thời mẫn thế của ông không hề thua kém những chí sĩ đang xả thân cho sự nghiệp cứu nước:

Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười!
Biết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi?...
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi!
(Vịnh bức địa đồ rách)

Ứa bốn bể đôi hàng luỵ ngọc,
Gầy ba đông một vóc xương mai!
Ơn nhà nợ nước hai vai,
Nước nhà ai để riêng ai nặng nề!
Trông mây nước bốn bề lạnh ngắt,
Ngắm non sông tám mặt sầu treo,
Đường xa gánh nặng bóng chiều,
Cơn giông biển lớn, mái chèo thuyền nan.
Nghĩ thân thế mềm gan lắm lúc,
Nhìn giang sơn bạc tóc như chơi...
(Thư lại trách người tình không quen biết)

Cũng như Nguyễn Khuyến và Tú Xương, Tản Đà chọn cho mình một trận tuyến cụ thể, xác định: *trận tuyến văn học*. Ông đã tỏ ra vô cùng mẫn tuệ nhìn nhận ra được cái "vận hội mới" của nền văn học nước nhà: sự chuyển biến mang tính cách mạng từ văn học cổ điển sang văn học hiện đại. Và, như một lãnh tụ (đồng thời cũng là một chiến sĩ) của trào lưu văn học tiên tiến nhất của thời đại, ông đã "chiến đấu đến hơi thở cuối cùng", đã cống hiến tất cả sức lực cho công cuộc canh tân văn hoá ấy của đất nước, của dân tộc. Những câu thơ tuy là bỡn cợt sau đây vẫn

chứng tỏ lập trường, thái độ dứt khoát nhập cuộc với trào lưu văn học mới của ông:

Mười mấy năm xưa ngọn bút lông
Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng.
Bây giờ anh đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhọn không?

(Thuật bút)

Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như trăng mới mọc, tớ còn chơi.

(Còn chơi)

Từ nhận thức sáng suốt đó, chính ông chứ không phải ai khác đã đảm lãnh vai trò làm gạch nối giữa hai nền văn học "cổ điển" và "hiện đại". (Đương thời, các nhà thơ khác như Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Dương Bá Trạc... thậm chí nhiều nhà thơ thuộc thế hệ sau như Quách Tấn, Ngân Giang... vẫn giữ lập trường thủ cựu, sáng tác theo phong cách thơ cổ điển). Cuộc vật lộn của Tản Đà trên mặt trận văn chương giữa một thời buổi khó khăn về kinh tế, trong tình trạng bấp bênh của các hoạt động văn hoá, thật vô cùng gay go, gian khổ, nhiều phen đã dồn ông tới chân tường và vắt cạn sức lực của ông:

Một mối tơ tình buộc chết ai,
Bán văn buôn chữ kiếp nào thôi?
Ruột tằm rút mãi chưa thành kén,
Có lẽ lôi thôi suốt cả đời!

(Đề *Khối tình con* thứ hai)

Tiền tiêu không có, những băn khoăn,
Vay ngược vay xuôi thật khó khăn.
Công nợ nhà in còn chất đống,
Còn đâu gan ruột nghĩ ra văn?

(Lo văn ế)

Không còn nghi ngờ gì nữa: với tấm lòng yêu nước nồng cháy, với ý thức công dân sâu sắc, Tản Đà đã tỏ rõ là một người có ý chí sắt đá, quyết mang hết gan óc đóng góp những thành quả xứng đáng trong lĩnh vực văn học cho đất nước ở "vận hội mới", khi xã hội và nền văn hoá cổ truyền của Việt Nam bắt đầu giao tiếp và nhận ảnh hưởng của xã hội và nền văn hoá phương Tây.

Trong thơ Tản Đà, cái nghĩa "đồng bào", cái "duyên nợ với đời" (nghĩa là với toàn thể cộng đồng) tỏ ra rất nặng:

Đời đương dan díu chửa cho thôi,
Tớ dám xa xôi để phụ đời?
Vắng tớ bấy lâu, đời nhớ tớ,
Nhớ đời nên tớ vội ra chơi...
Trăm năm, tớ độ thế mà thôi,
Ức triệu nghìn năm chửa hết đời.

201 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Chắc có một phen đời khóc tớ,

Đời chưa khóc tớ, tớ còn chơi.

(Còn chơi)

Dưới đáy sâu của cái "duyên nợ" ấy chính là tấm lòng yêu thương vô hạn của Tản Đà với con người, với dân tộc mình:

Lo vì tin nước đã lưng sông,

Đâu đó đê điều có vững không?

Con cháu Rồng Tiên đang đói dở,

Không hay Hà Bá có thương cùng?

Lo vì xã hội thiếu tiền tiêu,

Một kẻ phong lưu chín kẻ nghèo…

(Hủ nho lo việc đời)

Lòng thương yêu con người chính là nguồn cội khiến Tản Đà trở thành *nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa đích thực* chẳng khác gì Nguyễn Du xưa kia. Dường như có một nghịch lí tuyệt diệu ở Tản Đà: chính con người có *cái tôi* đặc sắc đến thế lại cũng là con người dành tất cả tâm hồn và nhiệt huyết cho *cái ta*, cho "thập loại chúng sinh" một cách vô cùng chân thực và cảm động:

- Ngoài xa trơ một đống đất đỏ,

Hang hốc đùn lên đám cỏ gà.

Người nằm dưới mả ai ai đó,

Biết có quê đây hay vùng xa?

Hay là thuở trước kẻ cung đao

Hám đạn liều tên quyết mũi dao.

Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,

Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao?…

Hay là thuở trước khách hồng nhan

Sắc sảo khôn ngoan trời đất ghen,

Phong trần xui gặp bước lưu lạc,

Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn?…

(Thăm mả cũ bên đường)

- Anh thương em má lúm đồng tiền,

Phấn son em chẳng biết, con thuyền lênh đênh…

- Những người khố rách áo ôm,

Mồ hôi đổi lấy bát cơm no lòng…

- Đã sinh ra ở nhân hoàn,

Lao tâm lao lực một đoàn khác chi?

Tản Đà có những bài thơ "phóng sự" mô tả cảnh sống thực của tầng lớp dân nghèo với

giọng văn giản dị mà cảm động:

Trong trần thế cảnh nghèo là khổ
Nỗi sinh nhai khốn khó qua ngày
Quanh năm gạo chịu tiền vay
Vợ chồng lo tính hôm rày hôm mai.
Áo lành rách vá may đắp điếm
Nhà ở thuê chật hẹp quanh co
Tạm yên đủ ấm vừa no
Cái buồn khôn xiết, cái lo khôn cùng.
Con đi học con bồng con dắt
Lớn chưa khôn lắt nhắt thơ ngây…
Con nhà khó nhiều khi vất vả,
Ngoài học đường thư thả được đâu?
Khi thì quẩy nước tưới rau
Chợ tan đón gánh theo sau mẹ già…
(Cảnh vui của nhà nghèo)

Ngoài ra, thơ Tản Đà còn có một nội dung không thể không nhắc tới. Đó là những đòn bút của ông, sắc nhọn và dũng cảm không kém Tú Xương. Ở ngoài đời cũng như trong văn chương, Tản Đà là một đối thủ đáng gờm của bọn quan lại tham nhũng và những kẻ phản dân hại nước.

Đục nước năm nay cò lại béo,
Bao nhiêu đê vỡ bấy nhiêu tiền!
(Nhớ cảnh nước lụt ở Bắc)

Từ Đạm, tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp đã bị Tản Đà dùng một đòn bút hiểm "xoá sổ" hắn nhân việc hắn muốn "lưu danh thiên cổ", hết cho "đục thơ" lại cho "đục hình bàn chân" hắn lên đá ở núi Dục Thuý (ninh Bình):

Năm ngoái năm xưa đục mấy vần,
Năm nay quan lại đục hai chân.
Khen cho đá cũng bền gan thật,
Đứng mãi cho quan đục mấy lần!
(Nhắn Từ Đạm)

Ngay cả tên tay sai số một của Pháp là Hoàng Cao Khải, Tản Đà cũng không kiêng. Ông để lại một bài thơ bất hủ vạch trần bản chất nô lệ của hắn:

Hoạ mi ai vẽ nên mi?
Trông mi mi đẹp, hót thì mi hay.
Ai đưa mi đến chốn này?
Nước trong gạo trắng mi ngày ăn chơi.
Lồng son cửa đỏ thảnh thơi,
Mi bay mi nhảy sướng đời nhà mi!

203 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Nghĩ cho mi cũng gặp thì,

Rừng xanh mi có nhớ gì nữa không?

Trước hết, bài thơ tài tình ở chỗ Tản Đà chơi chữ rất độc: ông đã "lập lờ đánh lận con đen" giữa chữ "mi" trong "hoạ mi" với chữ "mi" nghĩa là "mày" (gọi Hoàng Cao Khải một cách cực kì khinh miệt). Sau nữa, bài thơ đọc lên nghe... ngọt xớt nhưng chắc chắn đã làm cho họ Hoàng đau hơn... hoạn! Đủ thấy Tản Đà không những đã có gan dám "vuốt râu hùm" mà còn có một nghệ thuật châm biếm vô cùng sâu cay, thấm thía!

Là một nhà thơ tài năng bậc nhất của thời đại nhưng Tản Đà lại thực sự là nhà thơ của quần chúng, được đông đảo quần chúng yêu mến nồng nhiệt như một người bạn lòng thân thiết của mình. Những tác phẩm giàu lòng yêu nước thương nòi cũng như những tác phẩm lãng mạn, phóng túng của ông đều đã đi sâu vào lòng người, trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu đối với họ suốt cả một thời đại. Đó là phần thưởng cao quý, là vinh quang xứng đáng của Tản Đà mà ít có nhà thơ nào đương thời sánh được.

Ở Tản Đà còn một khía cạnh khác rất nổi trội và đặc sắc: ông không phải chỉ là một *nhà thơ thuần tuý* như rất nhiều nhà thơ khác, mà còn là một con người có khối óc mang tư chất của một nhà tư tưởng, một triết gia. Thật vậy, ở thời đại Tản Đà, và kể cả những thời đại sau ông, những nhà văn nhà thơ thật sự có tư tưởng như ông rất hiếm. Chúng tôi đã nghiên cứu những tư tưởng độc đáo của ông được trình bày trong mục *Nhàn tưởng*. Đó thực sự là những câu danh ngôn xứng đáng đặt bên cạnh những câu danh ngôn của các nhà văn hoá, các tư tưởng gia, các nhà hoạt động xã hội trên thế giới. Chúng tôi xin trích chọn lọc một số câu sau đây để bạn đọc chiêm nghiệm:

Những nhận định mang tầm vĩ mô về thế giới, nhân loại:

"*Trong thế giới chỉ có giống dân hèn, không có nước nào nhỏ*".

"*Giống người hèn mà phải chịu khổ, thực là luật thiên nhiên. Sự khổ đó tức là bắt phạt về tội hèn*".

"*Tội ác xã hội ngày nay không gì lớn hơn lợi dụng sự ái quốc*".

"*Thương dân yêu nước là câu dạy về hạng người thứ hai. Nếu ai ai đều muốn làm nên hào kiệt, vĩ nhân thì xã hội nhân quần tự có nhiều hạnh phúc*".

Những nhận định về xã hội:

"*Thiên hạ thường xấu hổ cái không đáng xấu hổ, mà không xấu hổ cái sự đáng xấu hổ*".

"*Luân lí như một cái rào rất đơn sơ, chỉ ngăn chắn được những kẻ không muốn vượt*".

"*Kẻ có tiền không có tài. Kẻ có tài không có tiền. Cho nên việc đời khó làm*".

"*Thiên hạ khổ tâm nhất là cái việc tất muốn làm mà liệu không làm nổi*".

"*Không nhân chúng tình* (dựa vào thực trạng của quần chúng) *thời khó làm nên công nghiệp to. Sợ dư luận cũng không thể làm nên công nghiệp to*".

"*Lấy cảm tình mà nghĩ thời cân cả thế giới với một người, chưa hẳn bên nào nặng hơn*".

"*Ở đời lắm lúc cũng muốn làm việc dễ, nhưng khổ vì việc khó không ai làm cho*".

"*Sự đời đáng buồn nhất là con cháu không bằng ông cha*".

"Chưa chắc những kẻ thù của mình mà không phải là ân nhân".

"Cái vật ở đời đê tiện nhất là cái công danh nhỏ con".

"Muốn có danh dự giá trị với một cái xã hội nhỏ con thời cái danh dự ấy tất cũng nhỏ con".

"Những kẻ chí hư ác, thường ở chỗ hơn người".

"Ai có tài gì, trời cứ bắt phải làm việc ấy".

"Việc lớn trong đời không làm nổi, việc nhỏ không muốn làm, cho nên dễ lười".

Những nhận định về con người:

"Ở đời mà không có sự nghiệp như suốt đời đi ở trọ mà không có nhà".

"Thế gian đáng quý nhất mà đáng thương nhất là người đàn bà còn trẻ tuổi mà ở goá suốt đời".

"Tài hoa, đạo đức, anh hùng: người đàn ông nên có đủ ba cái tính chất ấy".

"Chim lồng, cá chậu, núi non bộ, những sự chơi đó có thể làm hại cái tư tưởng vĩ đại của con người ta".

"Người đàn ông cũng nên hơi có một chút cái tính chất tàn nhẫn".

"Bạn hữu mà không có chỗ thân hơn vợ chồng thời chưa đủ kể là bạn".

"Ở đời đáng quý là người bạn chưa biết mặt mà tình thân".

"Người không có thực tài mà học thói ngang tàng thời cũng như con ngựa không chạy giỏi mà lại bất kham".

"Tài đức chưa hơn ai mà ra người đứng đắn vậy thì giống như cây tre cằn".

"Thế gian những sự rất bất bình thường do ở những người rất thân ái".

"Người đời thường thích tiếng quân tử mà cái việc làm thời tiểu nhân".

"Vợ chồng lấy nhau nếu giàu sang từ mới đến già, thời tình nghĩa không biết thế nào là thật".

*

* *

Về nghệ thuật, Tản Đà nói rất đúng về mình: "*Văn chương thời nôm na*". Câu nói đó chứa đựng ý tưởng sâu sắc của ông: ông hiểu thấu và khẳng định chân giá trị của tiếng nói dân tộc. Chính vì vậy, mặc dù là một nhà Hán học cự phách, ông hầu như chỉ sáng tác thơ nôm, hơn nữa, thơ nôm *bình dân* chứ không phải thơ nôm *bác học* như *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều* hay thơ của bà huyện Thanh Quan. Tóm lại, Tản Đà quyết định chọn xu hướng thơ như Tú Xương: dùng ngôn ngữ và phong cách thơ bình dân mộc mạc, chân thật như bản thân cuộc sống. Đó là sự thể nghiệm táo bạo, đầy sáng tạo và thành công của ông. Nó xác minh một chân lí: có thứ văn chương mang hình thức bình dị, "nôm na" nhưng vì chứa đựng nội dung sống động, tư tưởng sâu sắc, tình cảm chân thật, giàu ý nghĩa nhân văn nên vẫn có giá trị cao. Ngược lại, có thứ văn chương nặng về hình thức nhưng nội dung nghèo nàn, tư tưởng nông cạn, tình cảm giả tạo, không thể tạo nên một giá trị văn học nào.

Về thi pháp, Tản Đà đã đi xa hơn Nguyễn Khuyến và Tú Xương ở một điểm trọng yếu. Thơ Nguyễn Khuyến và Tú Xương chủ yếu vẫn là kiểu thơ tức cảnh, tức sự, bên cạnh đó là những

bài thơ tả tình (giãi bày tình cảm). Họ chưa thật sự có "thơ tả chân" về sự vật và tình cảm, do đó mọi sự miêu tả nói chung vẫn còn mang tính cách gián tiếp. Ví dụ trong bài thơ "Thương vợ", Tú Xương vẫn chủ yếu dùng những yếu tố ở bên ngoài, bao bọc xung quanh nhân vật *người vợ* để nói về người vợ (nghề nghiệp: buôn bán; địa điểm không gian: mom sông, quãng vắng, đò đông; bổn phận, trách nhiệm: nuôi chồng nuôi con; số phận: duyên, nợ, công, thói đời, sự hờ hững của chồng), hoàn toàn không có một chi tiết cụ thể nào *trực tiếp miêu tả bản thân người vợ* cả.

Tản Đà thì khác, ông đã chú tâm khai thác, *mô tả theo chiều sâu* (nói cách khác: *đặc tả*) về những đối tượng thật cũng như những tâm tư thật. Vì vậy thơ ông tựa như những bức tranh vẽ cận cảnh, cụ thể hơn, gần với Thơ Mới hơn:

Ngồi buồn đâm nhớ chị hàng cau
Khoảng mấy năm trời ở những đâu?
Khăn vải chùm hum lâu vắng mặt,
Chiếu buồm che giữ có tươi màu?
Ai đương độ ấy lăm răm mắt,
Tớ đã ngày nay lún phún râu…
(Nhớ chị hàng cau)
Đầu ai sao tóc rối lung tung?
Chắc hẳn vì chưng nỗi tưởng chồng?…
Chẳng về xếp nếp trong buồng cửi
Mà đứng bơ phờ ngọn gió đông?
(Ghẹo người vu vơ)

Chiều sâu tâm tư được ông khai thác, đặc tả một cách triệt để nên đã gây được một hiệu quả viên mãn:

Người đâu cũng giống đa tình?
Ngỡ là ai, lại là mình với ta.
Mình với ta dẫu hai như một,
Ta với mình tuy một mà hai.
Năm nay mình mới ra đời
Mà ta ra trước đã ngoài đôi mươi…
Đôi ta vốn cùng nhau một tướng,
Lạ cho mình sung sướng như tiên,
Phong tư tài mạo thiên nhiên,
Không thương không sợ không phiền không lo.
Xuân bất tận trời cho có mãi,
Mảnh gương trong đứng lại với tình.
Trăm năm ta lánh cõi trần,
Nghìn năm mình giữ tinh thần không phai.
(Nói chuyện với ảnh)

Tản Đà đã vứt bỏ tất cả mọi thứ ước lệ của văn chương cổ điển và triệt để sử dụng bút

pháp *đặc tả*. Những bức tranh sinh hoạt trong thơ ông bao giờ cũng đầy rẫy chi tiết thật của cuộc sống nên hết sức sinh động như những hình ảnh trên màn ảnh của nghệ thuật điện ảnh:

Dưới đèn mờ vẽ bức tranh ba người:

Con thời quấy, mẹ thời miệng dỗ,

Chồng lui cui đan giỏ đựng than.

Đêm khuya con ngủ, đèn tàn…

(Vợ chồng người bán than)

Tan buổi học mẹ ngồi tựa cửa

Mắt trông con đứa đứa về dần.

Xa xa con đã tới gần,

Các con về đủ quây quần bữa ăn.

Cơm dưa muối khó khăn mới có,

Của không ngon, nhà khó cũng ngon.

Khi vui câu chuyện thêm giòn,

Chồng chồng vợ vợ con con một nhà.

(Cảnh vui của nhà nghèo)

Đủng đỉnh ghe nan dòng Hát thủy,

Phất phơ tà áo ngọn đông phong.

Thầy đồ bến nọ khoèo chân ngó,

Bác xã nhà đâu sốt ruột mong.

Cô cất lưới lên bồng bỗng tếch,

Lấy chi nuôi nấng cái con chồng?

(Xem cô chài đánh cá)

Những bài thơ "hiện thực" ở cấp độ như thế chưa có trong thơ Nguyễn Khuyến và Tú Xương.

Thơ tả cảnh của Tản Đà cũng thực như bản thân cảnh nên có sức gợi cảm rất mạnh bởi nó cung cấp cho người đọc những thông tin hoàn toàn mới mà nhà thơ vừa phát hiện được bằng trực giác:

Non Tượng trời cho bao tuổi lẻ,

Sông Đà ai vặn một dòng xanh?

Lơ thơ hàng phố mươi nhà đỏ

Phấp phới cô nàng chiếc váy xanh.

Mỗi tháng chợ đêm ba buổi họp,

Ngọn đèn nha phiến đốt linh tinh.

(Chơi Hoà Bình)

Bài thơ này hoàn toàn có thể lẫn với Thơ Mới, gần như thơ Nguyễn Bính hay Hồ Dzếnh sau này. Xin dẫn một bài thơ đặc sắc khác:

Ước sao sông cứ còn sâu,

Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh,

Khung cầu còn cứ như tranh,

Hoả xa cứ chạy, bộ hành cứ đi,

Xuân sang cỏ cứ xanh rì,

Thuyền ai chài lưới con chì cứ tung!

Sơn Tinh, Hà Bá hay cùng

Giữ nguyên phong cảnh Hàm Rồng đợi ta!

Có ngày xe lửa đi qua,

Trong xe lại có Tản Đà đứng trông…

(Nhớ cảnh Hàm Rồng)

Tả cảnh lẫn tả tình được kĩ càng sâu sắc, sống động và dào dạt xúc cảm đến mức ấy, phi một thi tài bậc thầy không thể làm nổi!

Với bản lĩnh vững vàng trong lối thơ bình dân, được toàn thể dân tộc chấp nhận, Tản Đà không ngần ngại khai thác sâu vào cái vốn *văn học dân gian* đã có thâm căn cố đế từ ngàn đời. Trong lịch sử văn học Việt Nam, những nhà thơ nhờ vào sự khai thác đó mà đạt tới đỉnh cao tót vời gồm những gương mặt tiêu biểu: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà và Nguyễn Bính sau này. Có thể nói "thật nôm na, thật dân dã mà thật hay": đó là nghịch lí tuyệt diệu của một dòng văn học Việt Nam được nối tiếp từ thời Nguyễn Trãi đến nay.

Tản Đà đã sáng tác khá nhiều ca dao, "ca trù" và soạn lời cho những điệu hát dân gian như "đò đưa", "giậm đò", "xẩm chợ", "xẩm nhà trò"… chứng tỏ ông là một "nhà văn hoá dân gian" đích thực. Thật hiếm có những nhà thơ vừa đứng trên đỉnh cao của thơ ca thời đại vừa lặn sâu xuống đáy của nền thơ ca bình dân như Tản Đà.

Có những câu ca dao của ông dường như đã hoà hẳn vào dòng sông ca dao của dân tộc:

Con cò lặn lội bờ ao

Phất phơ đôi dải yếm đào gió bay.

Em về giục mẹ cùng thầy

Cắm sào đợi nước biết ngày nào trong?

Con cò lặn lội bờ sông

Ngày xuân mòn mỏi, má hồng phôi pha.

Em về giục mẹ cùng cha

Chợ trưa dưa héo nghĩ mà buồn tênh!

Ngay lúc sinh thời, ca trù của ông đã được các "đào nương" (ả đào) hát ở nhiều nơi trong toàn quốc, còn những bài hát xẩm của ông thì đều được "cánh hát xẩm" vớ lấy làm của quý và dùng để hát kiếm tiền ở khắp chốn kẻ chợ người quê. Ví dụ:

Chúng anh xưa chẳng biết ở nơi nào,

Ông trời xô đẩy anh mới phải sinh vào cái chốn nhân gian.

Thẹn vì tình mà ngơ mắt với giang san

Công danh chẳng có cũng xẩm xoan cho nó hào.

Bấy lâu nay anh nghe tiếng má đào

208 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Mà thề có thấy một cô nào, anh cũng đui!

Nói đây cho chúng chị em cười

Anh đây nào phải cái con người thong manh!

Yêu nhau ta chẳng liếc cũng tình!

(Xẩm chợ)

Rõ ràng tính cách phóng khoáng và vui đời của Tản Đà đã khiến ông có những "pha văn học" hết sức ngoạn mục mà nhiều nhà thơ khác, nhất là những nhà thơ "tháp ngà" không bao giờ có được!

Điều cuối cùng chúng ta cần phải ghi nhận: ngoài sự nghiệp sáng tác thơ văn, Tản Đà còn là bậc thầy dịch thuật thơ chữ Hán. Những bài thơ dịch của ông vừa lột tả được rất đúng cái "hồn" của nguyên tác, vừa mang đầy đủ sắc thái tự nhiên, uyển chuyển của tiếng Việt. Vì vậy đọc những bản dịch ấy người đọc có cảm tưởng như đọc một bài thơ được sáng tác bằng tiếng Việt. Xin lấy ví dụ một bài thơ Tản Đà dịch Kinh Thi:

Núi nam mà có cây cao,

Cây cao cao vót khó chiều nghỉ ngơi.

Trên bờ sông Hán ai ơi

Có cô con gái khó ai mơ màng!

Mênh mông sông Hán sông Giang

Lặn sang chẳng được, bè sang khó lòng!

Cành sở mà ở bụi gai

Cắt về làm củi, để dài làm chi!

Bao giờ cô gái vu quy

Cho ta chăn ngựa xin đi với nàng.

Mênh mông sông Hán sông Giang

Lặn sang chẳng được, bè sang khó lòng!…

(Hán quảng)

* *

Trong buổi đầu, khi xã hội Việt Nam tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản, nhưng sự giao thoa của văn học Việt Nam với văn học phương Tây chưa thực sự diễn ra, Tản Đà, bằng sự nhạy cảm đặc biệt, đã chọn xu hướng thơ mang đậm bản sắc dân tộc. Nhưng trong khi tiếp tục phát huy những tinh hoa của thơ Việt Nam các thời đại trước, ông đã nâng thơ Việt Nam lên một tầm cao mới, gần với thơ hiện đại hơn. Chúng tôi cho rằng một nhà thơ xuất thân "cựu học" mà đạt được một thành tựu như vậy, là một kì tích. Chính vì tài năng lớn và tâm huyết của ông với nền thơ dân tộc, và vì những cách tân của ông trong thơ, ông được coi là người bắc cầu từ nền "thơ cũ" sang nền thơ hiện đại Việt Nam thế kỉ XX.

Tuy nhiên nền thơ hiện đại của Việt Nam chỉ thực sự mở màn với phong trào Thơ Mới xuất hiện vào những năm 30, khi cuộc gặp gỡ của thơ Việt Nam với thơ phương Tây chính thức diễn ra.

KIỀU VĂN

209 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

AI ĐÃ VIẾT
" PHÚC ÂM THEO JUDAS " ???

TỪ VŨ

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2001, Rodolphe Kasser , người giữ chức giáo sư danh dự về bộ môn cooptologie - nghiên cứu về Cốp* tại Đại học Genève Thụy Sĩ (* Copte là tên của những người cư trú tại Ethiopie hoặc Ai Cập -hiện nay vẫn hiện diện- theo Ki-Tô giáo từ những thế kỷ đầu tiên sau dương lịch) , một chuyên gia lớn của thế giới về ngôn ngữ Copte - Hy Lạp, Ai Cập Kitô giáo - đẩy cửa một quán cà phê lớn tại thành phố Zurich Thụy Sĩ. Vị giáo sư gìa - bảy mươi tuổi - thời gian gần đây bệnh parkinson đã tấn công ông, bàn tay phải của ông run run với bước chân khập khiễng bước vào quán. Ngay khi nhìn thấy ông già lê chân vào, nữ thương gia buôn bán nghệ thuật Frieda Tchacos lập tức đã nghĩ rằng: "Ông già này khó có thể sống sót được cho tới khi khôi phục lại toàn bộ tài liệu mà mình sẽ ủy thác cho ông ta !". Rodolphe Kasser lắng nghe Frieda Tchacos nói, và ông hiểu rằng nghiên cứu mới của lịch sử Coptic sẽ lại làm cho ông ta tái ngộ với lịch sử của một thời đại nào xa xưa . Người nữ thương gia buôn bán nghệ thuật hỏi ông rằng ông có quan tâm đến việc chuyển dịch một "Codex" Cốp - nói một cách khác thì đó là một cuốn sách bằng giấy cói - đã rất cũ từ hơn mười tám thế kỷ nay với tựa đề là một "Phúc Âm Theo Judas", Phúc Âm của kẻ đã bán Chúa Jésus .

"Phúc Âm Theo Judas. Tựa đề của tập sách qủa thật là phạm thượng!. Nhưng chắc chắn đây là một trong những bản Phúc Âm (Evangile) thuộc về Duy Trì chủ nghĩa - Ngộ đạo (gnostique theo định nghĩa của tiếng Hy Lạp "γνώσις" là những người hiểu biết, nhận thức được những bí mật về tôn giáo)- trong Ki-Tô giáo ... Giáo sư Rodolphe Kasser tự nhủ . Lập tức, ông yêu cầu được xem bản tài liệu. Frieda Tchacos dẫn vị giáo sư già đi vào phố, tới một địa điểm được bà giữ kín. Tại đây, vô cùng cẩn trọng, người nữ thương gia đưa tập sách đựng trong một hộp bằng carton cho ông xem. Ngày hôm nay , Rodolphe Kasser thuật lại chuyện trong ngôi nhà riêng của ông tại Yverdon-les-Bains (Thụy Sĩ) chung quanh ông chất đầy hàng trăm cuốn sách viết về đạo cốp (copte), tự điển hy lạp, những quyển sách liên quan tới đức tin của những người theo Duy Trì

chủ nghĩa Ki-Tô giáo - Ngộ đạo -, tôn giáo của rất nhiều người đầu tiên theo thiên chúa giáo). Ông Rodolphe Kasser nói tiếp : Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một bản thảo viết tay lại ở trong một tình trạng thảm hại tới như vậy. Tả tơi làm nhiều mảnh, các trang sách rời ra từng phần, chạm nhẹ vào là vỡ vụn ra... Tuy vậy, ngay ở trang đầu tiên, rất rõ ràng, tôi có thể đọc bằng tiếng cốp: "Phúc Âm Theo Judas".

Tôi giật nẩy mình vì tập văn bản biểu tượng cho một sự đa dạng trong lãnh vực tư tưởng đầu tiên của Ki-Tô giáo, tập văn tái xuất hiện sau hơn mười sáu thế kỷ. Nhất là, tôi tự cảm thấy thật hãnh diện khi được chọn lựa một cách ngẫu nhiên để khám phá, chuyển dịch kho báu vật của nhân loại này.

"Rodolphe Kasser chẳng phải tình cờ được chọn lựa. Vị giáo sư già đã nghiên cứ về Cốp - ngữ văn cổ đại hy-lạp được làm cho phong phú hơn với 7 chữ viết giản lược cổ Ai Cập - từ năm 1950, năm mà ông gia nhập École des Hautes Etudes ở Paris (Pháp) dưới sự chỉ đạo của một trong số chuyên gia tài năng hiếm hoi trên thế giới, Jean Doresse. Năm 1963, Rodolphe Kasser trở thành giáo sư thực thụ về bộ môn nghiên cứ về Cốp, những người Ki-Tô giáo đầu tiên sống ở Ai Cập , ông nghiên cứ và giảng dạy cho tới năm 1998. Năm 1964, ông cộng tác với viện khảo cổ Đông Phương của Pháp tại Le Caire, thủ đô nước Ai Cập, với hy vọng sẽ tái phát hiện ra được vị trí lừng danh "Kellia", nơi ước đoán đã có những tu viện đầu tiên của Ki-Tô giáo trong vùng châu thổ Ai Cập. Mặc dù chính quyền nước Ai-Cập ra lệnh cấm không cho bất kỳ một người nào được xâm nhập địa phận này nhưng mặc kệ, Rodolphe Kasser và một nhà khảo cổ người Pháp Jean Doresse cũng tìm ra được một chiếc xe jeep Land-Rover để lái vượt qua những vùng mà xe ủi đất đang làm việc. Hai người tới kịp thời để ngăn chận việc hủy hoại toàn bộ vùng này với kết quả là 28 Phúc Âm mà nhiều người biết đã được tồn tại, tái xuất hiện.

MỘT SỐ NGÀY THÁNG TRONG SUỐT 20 NĂM LƯU LẠC CỦA MỘT BẢN THẢO QUAN TRỌNG TRONG LỊCH SỬ KI-TÔ GIÁO...

- Năm 1978 khám phá tại El Mineh trong một cuộc đào bới kho tàng bất hợp pháp. Chuyển nhượng cho Hanna, một người buôn bán đồ cổ tại Le Caire (Thủ đô nước Ai-Cập). Ông này đòi bán lại với giá 3 triệu dollars Mỹ.

- Năm 1982, người buôn bán đồ cổ Ai Cập Hanna liên lạc được với giáo sư đại học Université Michigan Hoa Kỳ Ludwig Koenen . Ông chụp hình và gởi cho giáo sư S. Kent Brown của viện đại học Université Brigham Young . Ông S.K.Brown nhìn nhận được ra rằng đây là một tài liệu của những người Duy Trì chủ nghĩa - Ngộ đạo Ki-Tô giáo viết giống hệt như những chữ viết trong các tài liệu tìm thấy ở Nag Hammadi. Giáo sư Ludwig Koenen muốn mua lại tập bản thảo này nhưng không đủ tiền .

- Năm 1983 James Robinson và Stephen Emmel thương lượng mua nhưng cũng thất bại.

- Năm 1984 , ngày 23 tháng 3 - Hanna, người buôn bán đồ cổ Ai Cập, mướn một cái cóp tại ngân hàng City Bank ở Hicksville New York . Bản thảo nằm trong đó cho tới năm 2000 chịu đựng sự huỷ hoại .

- Năm 2000, ngày 3 tháng 4 - Frieda Nussberger Tchacos là sở hữu chủ của bản codex và giao lại cho Beinecke Library của viện đại học Yale - Hoa Kỳ vì nơi đây có ý định muốn mua lại nhưng không thành công tuy nhiên kể từ khi đó các chuyên gia có thể tiếp cận được với tập tài liệu .

- Năm 2000, ngày 9 tháng 9 - Frieda Nussberger Tchacos bán lại bản thảo cho một thương gia buôn bán đồ cổ , Bruce Ferrini. Ông này nghĩ rằng để lưu trữ được lâu dài tập bản thảo nên đã cất giữ trong tủ lạnh vì thế đã làm thiệt hại nặng nề hơn sau khi tập tài liệu đã bị lưu hãm 16 năm trong cóp ngân hàng. Vì không thể trả được tiền mua sách , sáu tháng sau những mưu đồ để khai thác, nên Frerini phải hoàn lại cho bà Frieda Nussberger Tchacos .

- Năm 2001, ngày 19 tháng 2 - bà Frieda Nussberger Tchacos trao tập bản thảo "Phúc Âm Theo Judas" cho Fondation Macecenas (Thuỵ Sĩ) một tổ chức mạnh thường quân và với sự hợp

tác tài chánh của The National Geographic Society . Trước khi bản thảo được ủy thác cho bà Florence Darbre để phục chế lại "Phúc Âm Theo Judas " đã được thử nghiệm bằng chất carbonne 14 tại Đại học Arizona Tucson để xác định sự thực của bản thảo và sau 5 năm tận lực phục chế tập sách gồm có 66 trang được trao phó cho các ông Rodolphe Kasser et Gregor Wurst chuyển ngữ .

- Năm 2009 : Bản thảo "Phúc Âm Theo Judas được trả về để lưu giữ tại viện bảo tàng Copte ở Le Caire - Ai Cập.

Tập sách đã phục chế gồm 4 tài liệu :

1- Lá thư của Pierre gởi Philippe, một dịch bản khác cũng đã tìm thấy ở Nag Hammadi (phần dưới) - từ trang 1 tới trang 9.

2- Khải huyền thứ nhất của Jacques, một bạn khác cũng tìm được ở Nag Hammadi, ở đây được gọi là "Jacques" - từ trang 10 tới 30 ? .

3- Phúc Âm Theo Judas - từ trang 33 tới 58 : .

4. Những đoạn văn mà những người xuất bản gọi tạm là "Sách của Allogène" - từ trang 59 tới 66.

Toàn bộ tập bản thảo được đặt tên là : Codex Tchacos - tên của bà Frieda Nussberger Tchacos.

MỘT TẬP SÁCH CỐ Ý BÁNG BỔ ???

Khi đọc tập "Phúc Âm Theo Judas" viết trên giấy cói, sau khi những xúc cảm đã đi qua, Giáo sư Rodolphe Kasser chẳng ngạc nhiên chút nào về tựa đề quả thực là "cố ý báng bổ" đối với Ki-Tô giáo Chính Thống . Những thế kỷ đầu tiên sau Jésus-Christ, chỉ duy nhất những người theo theo Duy Trì chủ nghĩa của Ki-Tô giáo mới dám viết lại như thế, khác biệt với những bản phúc âm đầu tiên, những hình thái đam mê của Chúa. Họ khẳng định bằng cách đưa ra "sự ngộ đạo", "nhận thức được điều bí mật". Chẳng phải chính họ, vào thế kỷ thứ II, đã cho người ta được biết tới một "Phúc Âm Theo Marie-Madeleine", đại diện cho một sự am hiểu đối lập với tông đồ Pierre (một trong số mười hai thánh tông đồ của Chúa Giêsu), một sự giảng dạy rất gần Chuá Jésus, đề ra những "cuộc hôn nhân tinh thần" với Người (có lẽ vì thế mà tình tiết kỳ quặc về tình yêu của cuốn tiểu thuyết Da Vinci Code đã làm cho sách bán chạy)?. Những tín hữu Duy Trì chủ nghĩa của Ki-Tô giáo này là ai ? Một đồng nghiệp của giáo sư Rodolphe Kasser, giáo sư Marvin Meyer, chuyên gia nổi tiếng về thời khai sinh Ki-Tô giáo , cũng đã nghiên cứ thật rộng rãi . Trong bản giới thiệu về "Phúc Âm Theo Judas, ông ta thuật lại rằng làm thế nào trong năm mươi năm sau khi Jésus bị đóng đinh, hàng chục nhóm Ki-Tô giáo, những người truyền bá phúc âm như Simon - vị ngộ đạo đầu tiên, đối thủ của thánh (tông đồ) Pierre - , những trào lưu triết lý, những môn phái gần gũi và đôi khi cạnh tranh nhau, đã xuất hiện ở Judée (một vùng núi non về hướng nam nước Do Thái hiện nay) , sau đó lan tràn khắp vùng Trung Đông, bị đàn áp dữ dội bởi giới cầm quyền La Mã. Những người Ki-Tô giáo đầu tiên,trong đó có thánh Paul, chuyển biến thành 46 nhóm trên lộ trình tới Damas, đã được nghe rất nhiều chuyện thuật lại của các vị tông đồ, anh em của Jésus, những chứng nhân trong gia đình, những chuyện thần thoại liên quan tới sự phục sinh của Jésus. Những người này tập hợp lại những câu chuyện đó, sao chép lại, viết lại, không ngừng tường thuật lại những lời của Chúa, khai triển, làm phong phú thêm...rồi giải thích theo như họ hiểu . Họ tranh cãi với nhau để tìm biết về những câu hỏi như : *Jésus là một người-khách tới trái đất này, hay là con của Thượng Đế? Phải chăng Jésus duy trì truyền thống của những người Do Thái hay Jésus mang lại một thông điệp mới? Phải chăng Thượng đế đã từ bỏ Jésus trên thập giá ? .....*

TỰ DO TƯ TƯỞNG

Vào năm 66 (Dương Lịch), một biến cố lớn trong lịch sử tôn giáo đột ngột sảy ra . La Mã đàn áp và tiêu diệt một cuộc vùng dạy đòi độc lập của những người Do Thái tại Judée.

Một số những người Do Thái theo Ki-Tô giáo và "dễ thương" đã giải thích về sự hủy diệt của

Jérusalem như một trừng phạt của đấng tạo hoá, đây cũng đúng là thời điểm để truyền bá một tôn giáo mới : đạo Ki-Tô . Đó là thời kỳ đặc biệt sôi động về trí tuệ và tinh thần, phong phú trong lãnh vực tư tưởng hy-lạp của học thuyết Pla-ton, của học thuật bí hiểm, đạo Oóc-phê (cổ Hy Lạp), của truyền thống tôn giáo Do Thái, một thời kỳ khai hoa nở nhụy của những văn bản, thư tín, phúc âm, thần thoại, vũ trụ luận. Đó là những thư tín của Paul, hoặc lời giảng của Simon ... những ngọn lửa của một đức tin mới.

Giữa những năm 70 và 90, những tập phúc âm đầu tiên được xuất hiện như phúc âm của Jean, Mathieu, Luc, Marc , những bản tường thuật khá chi tiết có khuynh hướng về cuộc đời của Jésus : Những văn bản tương lai được cho là *"hợp quy tắc tôn giáo"* của giáo hội Ki-Tô từ ngày khai sinh kéo dài cho tới ngày nay. Những bản phúc âm này khó quả quyết được là "hợp quy tắc tôn giáo", "chính xác", "không chính xác" hay "kém chính xác", "giả tạo" hoặc "viết lại" hơn những bản kế tiếp được người ta biết tới về sau này. Giữa năm 100 và 200, mười một bản phúc âm mới ra đời. Tất cả đã diễn tả những tường thuật khác biệt , những thị lực, những giải thích lời của Chúa và của các vị tông đồ hoặc các vị khác: Đó là những bản phúc âm của Marcion, Philippe, Pierre, Thomas, Jacques, Basilide, Ebionites, của những người Ai-Cập, của những người Hébreux, của những người xứ Nazaret, và Ascension d'Isaïe. Thêm vào 5 biên bản của các tông đồ - Jacques, Jean, Paul và Thècle, Pierre, André -, 5 bức thư - trong đó có một của Ponce Pilate - và 5 khải huyền của Jacques, Jean, Pierre, Paul, và Apocryphon của Jean ".

Suốt hai thế kỷ đầu tiên sau Jésus, giáo sư Rodolphe Kasser giải thích , đạo Ki-Tô đã bị truy hại, chia xẻ ra thành nhiều nhóm bí mật lén lút sinh hoạt . Không một *"chính giáo"* nào có khả năng áp chế được những nhóm khác, một tự do tư tưởng nào đó đã được thịnh hành, rất nhiều giáo hội Ki-Tô chung sống với nhau. Ngay giáo hội theo Duy Trì chủ nghĩa cũng phân chia làm nhiều đoàn thể và các nhóm nhỏ, khai triển qua nhiều triết lý rất khác biệt nhau, nhưng lại gắn bó thực chặt chẽ, khác hẳn với dòng gọi là *"chính giáo"* - giáo hội tại Vatican hiện nay.

Phải chờ cho tới khi vị hoàng đế ngoan đạo Constantine triệu tập hội đồng giám mục Nicée - tại Isbik Thổ Nhĩ Kỳ - vào năm 325, để đặt định ra quy tắc Ki-Tô giáo *"Chính Thống"* , *"Phổ Thông"*. Một tập hợp bằng các văn bản giới hạn vào *4 phúc âm (các Phúc Âm Theo Jean, Mathieu, Luc và Marc), 7 điệp thư , những "chứng thư của các tông đồ", 14 điệp thư của Paul* - tất cả những tài liệu khác còn lại , khởi đầu là những thuyết Duy Trì chủ nghĩa , đều được đánh giá như là *những tài liệu không thể chấp nhận được*. Cấm không được đọc trong các nhà thờ, cấm chỉ các tu sĩ không được sao chép lại. Hoàng đế Constantin đã chơi một con bài tháu káy, giáo sư Rodolphe Kasser phân tích. Vị hoàng đế này đã dựa trên một giáo hội ngầm , có thế lực ở các nơi trong vùng Trung Đông, Nam Âu châu cho tới thành phố Lyon (Pháp) để thống nhất lãnh thổ đang bị đe dọa của ông ta. Chính bản thân ông đã trực tiếp theo dõi vào việc thiết lập thể chế của một *"quy luật giáo hội", một giáo điều Ki-Tô giáo "chính thống"*. Kể từ đó, một văn kiện được xem như có tính cách khiêu khích như "Phúc Âm của Judas" trở thành một *tà thuyết*...

A - PHÚC ÂM ƯỚP TRONG TỦ LẠNH

Như vậy là "Phúc Âm Theo Judas" đã phải chờ đợi chúng ta tới 16 thế kỷ; ông Rodolphe Kasser nói tiếp. Bản văn như đã nói ở trên, đang trong một tình trạng nát rách thê thảm bởi lẽ nó đã bị gãy vụn thêm một phần nữa bởi vì đã bị vất bỏ nằm trong cóp 16 năm trời, hao hụt rất nhiều trang và sau đó lại còn bị ướp lạnh lưu trữ ở nhà băng.
Chúng ta cần nên biết rằng cây cói mọc dọc theo sông Nil ở Ai-Cập, trong vùng ẩm thấp. Cây cói có những thân khoảng từ 3 tới 4 centimètre đường kính, người ta chặt cây rồi tách ra làm nhiều lá mỏng, sau đó xếp chồng lên nhau để cho nhựa cói trong khi chờ khô sẽ kết hợp lại được. Vì thế nên khi làm đông lạnh những tờ giấy cói sẽ bị tách rời nhau ra. Bản thảo qua tới tay bà Frieda Tchacos, rồi vào ngày 9 tháng 9 năm 2000 bà nhượng lại cho một thương nhân người Hoa Kỳ ở Akron - tiểu bang Ohio tên là Bruce Ferrini, với giá 1.250.000 dollars . Bà Frieda Tchacos nghĩ rằng đã bán được với giá rất hời nào ngờ rằng trong khi đó Bruce Ferrini thương lượng với chủ nhân cơ sở Microsoft, Bille Gates, vì nghĩ rằng chỉ có Bill Gates mới có đủ tiền bạc để vừa đưa cho anh ta để trả tiền mua tập sách lại vừa chịu các phí tổn cho việc phục hồi bản chép, chuyển dịch, lồng kính và triển lãm trước công chúng, trong lúc đó, Bruce Ferrini lại đông lạnh và bỏ bản thảo tập sách vào cóp nhà băng mà không biết được là ông ta đã làm một

điều tai hại khi làm đông lạnh tập sách.
Phần Frieda Tchacos sau khi nhận được những tấm ngân phiếu không tiền bảo chứng của Bruce Ferrini bà hiểu ngay được rằng mình bị lừa và quyết định lấy lại quyền sách. Bà thuật lại cảm nghĩ về chuyện đã diễn ra trong lúc đó : "Judas đã khước từ không cho tôi đi. Nhất định ông ấy níu tôi và hành hạ tôi. Tôi đã nghĩ là tương lai trước mặt tôi thật là đen tối... Judas đã chọn lựa tôi để tôi phục hồi lại sách. Judas đã lôi kéo tôi, điều động tôi để tôi đi đúng con đường cần phải đi..."
Bà Frieda Tchacos đã phải mất nửa năm trời mới lấy lại được tập bản thảo đã bán, trước khi lại bán cho tổ chức Maecenas - "mạnh thường quân" - và National Geographic Society đứng ra thực hiện việc phụ hồi lại bản thảo và công bố những bản dược điển (codex)được chuyển dịch.
Điều đầu tiên mà tôi nói với bà Frieda Tchaos, ông Radolphe Kasser nói tiếp, là phải cứu vớt những gì còn lại. Sau đó, tôi tình nguyện nhận việc chuyển ngữ mà không nhận thù lao. Qúy vị phải biết rằng những người làm việc trên những tài liệu loại này càng ngày càng hiếm hoi đi. Tôi đã phải bỏ ra ba năm trời để chuyển dịch lại 26 trang sách mà chúng tôi tưởng rằng đã biến mất vĩnh viễn .

TÀ GIÁO ???

Cũng như rất nhiều sử gia biết thì quyển sách "Phúc Âm Theo Judas" có từ lâu nay. Tập sách này đã được giám mục Lyon tên là Irénée, một trong những vị thần học đầu tiên của giáo hội khai sinh chính thống, đề cập tới vào năm 180 khi biên tập , soạn thảo *Phúc Âm Chính Thức, Hợp Quy Tắc của Giáo hội* .
Irénée - Thánh Irénée - người gốc Hy Lạp , sinh ra vào khoảng năm 130 tại Smyrna ở Tiểu Á, bây giờ là Izmir Thổ Nhĩ Kỳ. Là đệ tử của Saint Polycarpe người học trò của Jean một trong số 12 vị tông đồ của Jésus . Năm 177 ông được Polycarpe gửi đến đất Gaule (Pháp hiện nay) để thay thế giám mục Lyon, Pothin tử đạo vì bị Marc Aurèle bức hại (khoảng năm 200). Ông qua đời tại Lyon, theo Grégoire de Tours thì ông tử đạo tuy nhiên không có gì là chắc chắn về sự kiện này.

Đối với Irénée, duy nhất chỉ có *1 Kinh Thánh (do ông biên tập, soạn thảo) là sách tham khảo các kiến thức về Thượng đế (Thiên Chúa)*. Ông quyết liệt bảo vệ *truyền thống Giáo Hội , truyền thống này được truyền lại cho các tông đồ và sau đó cho các giám mục . Chân lý tồn tại trong đức tin nơi Thượng đế (Thiên Chúa) và con trai Thượng đế : Chúa Giêsu Kitô* . Bên ngoài Thánh Kinh mà ông là soạn thảo không thể có được sự cứu rỗi , đấy là phương châm của ông. Irénée ấn định các tiêu chí giải thích việc đọc Kinh Thánh. Chỉ có truyền thống của các tông đồ, tức là việc truyền giao hợp pháp quyền lực của đức tin. Irénée là người bênh vực vô điều kiện *bốn phúc âm hợp quy tắc của Matthieu, Marc, Luc et Jean* , ông công kích cực lực dòng Duy Trì chủ nghĩa trong một bản chuyên luận được gọi là "bác bỏ một sự kiện khoa học sai lầm","Adversus hœreses" - đối kháng lại những dị giáo :

" Về mặt khác, không thể có một số lớn hay nhỏ nào ngoài 4 Phúc Âm được. Thực vậy, vì chỉ có 4 (!) khu vực trên thế giới - kể từ năm 1492 khi Chrsistophe Colombe khám phá ra Mỹ Châu thì thế giới hiện nay gồm có 5 Châu : 5 Khu Vực - *trong đó chúng ta đang hiện diện và 4 hướng gió chủ yếu, bởi vì lẽ rằng, về một phương diện khác, Giáo Hội được lan truyền khắp mặt đất , Giáo hội là cột xương sống chống đỡ Phúc Âm và Trí Tuệ của cuộc sống, thì lẽ tự nhiên chỉ có 4 cột trụ (tứ trụ), 4 hướng gió để thổi sự liêm chính và mang đến sự sống cho con người.....*
— trong Adversus hœreses 3.11.8.

Nói một cách khác thì Irénée là văn sĩ Ki-Tô giáo đầu tiên của *Giáo hội Ki-Tô Chính Thức* đã định để *4 Phúc Âm Chính Thức Hợp Quy Tắc* .

Theo "Phúc Âm Theo Judas" thì chỉ có duy nhất một mình Judas mới hiểu được một Jésus thực sự mà thôi. "Phúc Âm Theo Judas" nhận định rằng Jésus không phải *"Messie" - Chúa Cứu Thế "* trong đức tin của người Do Thái, nhưng là người rao truyền lời của một *Thượng Đế thực sự*,

Thượng đế của Ki-Tô giáo mà không là của *Yahvé - Thượng đế của Do Thái* - mà những tín hữu Duy Trì chủ nghĩa Ki-Tô giáo xem như là Thượng đế của sự Thù Hận và Giận Dữ, một vị thần trung gian. Vì vậy Judas đã nói với Jésus : *"Tôi biết thầy là ai, và thầy từ đâu tới. Thầy xuất thân từ Vương quốc Bất Tử của Barbèlô* (http://en.wikipedia.org/wiki/Barbelo) . *Và tên tuổi của người đã ủy nhiệm cho thầy tới, đệ tử tôi không xứng đáng để được nói lên* . Judas, ngộ đạo hay "nhận biết", phân biệt tôn giáo Đền Miếu và Phúc Âm của đấng Cứu Thế . Judas biết rằng một Thượng đế của tri thức và của tinh thần - được đặt tên là "El" hay "Barbélô" - đến trước Cựu Ước. Đó chính là điểm tại sao trong bản phúc âm này *Jésus là một người hay cười* và *Jésus đã tách rời Judas ra khỏi nhóm tông đồ để khai tâm cho Judas . Jésus nói với Judas : "Lại đây, ta sẽ truyền dạy cho anh những bí mật mà không một ai biết tới". Chính Jésus đã yêu cầu Judas giao mình cho đám thầy cả Do Thái, với mục tiêu theo như lời Jésus nói với Judas :" hy sinh con người mà ta xử dụng làm cái bọc ngoài che xác thịt " - để Jésus trở lại vương quốc thiên đàng tìm lại được thể chất thần thánh của Người .*

Giáo sư Rodolphe Kasser nhận xét : Sự đảo ngược vai trò của Judas, phô diễn qua sự khai tâm bởi chính Jésus hay đọc được ý nghĩa "che dấu" của cuộc đời Chúa Cứu Thế, những nhận định về Yahvé như một Thượng đế giả mạo ... cho thấy rằng bản Phúc Âm này nằm trong truyền thống Ngộ giáo, cùng một lúc khác biệt thật xa Do Thái giáo và Ki-Tô giáo "Chính Thống"...". Chúng ta không bao giờ biết được sự giải thích này và biết bao nhiêu giải thích khác nữa đã truyền lại từ thời kỳ khai sinh của đạo Ki-Tô nếu nó đã không được viết bằng Cốp, và cất dấu từ thế kỷ thứ IV bởi những người Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa ở Alexandrie, như trường hợp những phúc âm đáng ngờ vực của Nag Hammadi, những phúc âm này cũng vậy, đã mất tung tích từ nhiều thế kỷ nay.

TỦ SÁCH TẠI NAG HAMMADI

Trong những năm 360, sau cuộc hội nghị của các giám mục ở Nicée và thiết lập kỹ lưỡng thể chế cho một Ki-Tô giáo Chính Thống thông qua giáo hội Roma duy nhất , với một lực lượng mạnh mẽ , có đẳng cấp : Giáo hội bảo vệ cho *"đức tin thực sự"* và cho sự thống nhất của đế quốc La Mã thì tất cả các trào lưu và các nhóm Duy Trì chủ nghĩa đều phải trở thành thiểu số và bị liệt kê vào bảng danh sách "TÀ GIÁO". E ngại vì những bản Phúc Âm của họ sẽ bị tố giác, những nhà tư tưởng Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa quyết định phải cứu vớt những bản thảo bị cấm đoán bởi giai cấp thứ bậc mới. Tại Ai-Cập dưới ảnh hưởng thế lực của giáo hội Duy Trì chủ nghĩa Alexandrie, họ đã để những bản Phúc âm này trong những chum đất nung đóng thật kín lại và đem chôn trong sa mạc. Nhờ thế mà 16 thế kỷ sau, những bản Phúc Âm như "Phúc Âm Theo Judas" hoặc những Phúc Âm khác bị chôn dấu này lại được tái xuất hiện. Vì vậy , vào năm 1945, tại Nag Hammadi, về hướng bắc Louxor, một nông dân tên là Mohammad Ali Sammam đã đào được một chiếc chum cao khoảng một thước. Anh ta mở chum ra, khám phá thấy trong sự vô cùng thất vọng, 13 bản codex được gói rất chặt chẽ trong những chiếc bao da và nhiều tài liệu khác . Chàng nông dân vất bỏ tất cả trên đống rơm, vợ anh ta xé vài trang để mồi lửa. Vì sợ sẽ có chuyện không tốt xảy ra với cảnh sát nên anh nông dân này mang những bản thảo tìm được ủy thác cho một thầy tu ở trong làng. Thầy tu sững sờ khi trông thấy những bản thảo, cấp tốc gởi cho một sử gia Ai-Cập, ông Raghib. Ông này ngay khi nhận được vội vã đem tới đưa lại cho chính quyền tại Le Caire. Những người hữu trách Ai-Cập hiểu được ra ngay rằng họ đang nắm trong tay một kho tàng vô giá, và đã trao trách nhiệm cho Viện Bảo Tàng Cốp tại Le Caire . Nhờ thế mà những bản Phúc Âm này đã được sống sót .

" Tủ sách Nag Hammadi "ngay sau đã được nhà Ai-Cập học lừng danh của Pháp, Jean Doresse và giáo sư về bộ môn Cốp Rodolphe Kasser tới thăm viếng. Rất nhiều kho báu, nẩy lửa, nằm trong chum : 52 bản thảo trong đó có thêm 5 Phúc Âm mới, 4 cuốn khải huyền, rất nhiều "sách bí mật" của Jacques, Jean và "Thomas l'Athlète (Livre de Thomas) , những tập biên bản của Pierre và của 12 Tông đồ ", một "Lời Chú Giải của linh hồn ", và một giải thích rất dài về chế độ Cộng Hoà của Platon".

Khám phá và sự giải thích của những tập sách này, sau đó, đã biểu lộ một giá trị lịch sử, tôn giáo và triết lý cực kỳ quý giá. Một mảnh, vạt hoàn toàn về tư tưởng Ki-Tô giáo đầu tiên vừa từ bóng tối tái xuất hiện, trình bầy với chúng ta *một Jésus khác hẳn con trai của Thượng đế mà giáo hội*

chính thống của những "Vị Cha Nhà Thờ " đã và vẫn tôn dương.

Cũng tại Nag Hammadi, một bản phúc âm khác, quan trọng không kém, được tìm thấy đó là bản "Phúc Âm Theo Marie-Madeleine" Marie-Madeleine hay Myriam de Magdala, một trong số rất hiếm hoi trong giới phụ nữ vào thời kỳ đó được đạt mức độ "tri thức", người đàn bà theo tông đồ Jean là người nữ sáng lập viên của thiên chúa giáo và nhân chứng đầu tiên trong sự phục sinh của Chúa Kitô. "Phúc Âm Theo Marie-Madeleine" đề cập , truyền tải tới chúng ta những những lời dạy của Chúa Giêsu và làm sáng tỏ nhiều điểm cũng như vén lên bức màn phủ rất kín về các quy định cấm đoán quyền phát biểu của giới phụ nữ , đặc biệt về quan hệ tình cảm riêng tư mật thiết giữa Chúa Giêsu và Marie - Madeleine . Sự việc này cũng được nói tới trong hai bản phúc âm khác : "Phúc Âm Theo Jean" và "Phúc Âm Theo Philippe" . Qúy vị độc giả có thể tìm đọc : « Tout est pur pour celui qui est pur» của Jean-Yves Leloup , Albin Michel xuất bản 9. 2005 - Jean-Yves Leloup là một giáo sĩ dòng Dominicain và Chính Thống giáo, tiến sĩ triết học, thần học và tâm lý học, giáo sư tại rất nhiều đại học ở Hoa Kỳ, Âu châu, Sri-Lanka ...)

PHÚC ÂM THEO THOMAS

"Phúc Âm Theo Thomas" hay còn được gọi là "Phúc Âm Theo Jésus" , phát hiện vào năm 1945 , đưa ra 114 câu nói mới lạ của Jésus , luôn luôn mở đầu bằng : *Jésus đã nói* được trình bầy như những câu châm ngôn triết lý , những giới luật về sự khôn ngoan và đức tin, một số rất khó hiểu, được viết sau đó mà không một chi tiết dẫn chứng . Trong bản phúc âm này Chúa Cứu Thế nói như một người hiền triết mà không như một người con trai của Thượng đế. Chúa như muốn để người ta hiểu rằng sự thần khải thần thánh của con người phải đi qua một sự quan hệ cá nhân với Thượng đế, việc làm nội tâm về tư tưởng của chính người đó, hoàn toàn độc lập với một giáo lý , một lễ thánh hay một giáo hội nào đó. Bản phúc âm cũng hoàn toàn không một chút gì đề cập tới chuyện về cái chết và sự phục sinh của Jésus . Jésus xuất hiện như một Người Thầy , cùng lúc mang lại Sự Giải Phóng và Tri Thức. Một số chuyên gia như nữ giáo sư đại học Hoa Kỳ Elaine Pagels đã phát hiện những thông tin đến trước cả những Phúc Âm "chính thức - không tà giáo" . Một số chuyên gia khác lại đặt câu hỏi tự hỏi rằng phải chăng sách của Thomas, thường thường được giới thiệu như "anh em song sinh về tinh thần" của Jésus, đã không phải được xử dụng như "nguồn Q", làm căn bản tài liệu cho những tác giả tường thuật và viết lại các Phúc Âm Jean, Mathieu, Luc và Marc. Ông Philip Jenkins, sử gia lừng danh về tôn giáo của Hoa Kỳ, nhận thấy rằng trong tập "Phúc Âm Theo Thomas " một sự gần gũi với Phật Giáo, và triết lý về một "Giác Ngộ" không cần Thượng đế : *"Người ta thấy trong sách đề cập với một giọng rất cá nhân chủ nghĩa, một chân dung Jésus như một người thầy hiền triết hơn là một vị Cứu Thế hay Giải Nạn tử thiên đường gởi xuống...*Đọc Phúc Âm của Thomas , chẳng một chút ngờ vực nào, phải hiểu ngầm rằng để nhập định và nhìn vào nội tâm (...) . Jésus của những phúc âm đáng ngờ vực đó có rất nhiều điểm chung với truyền thống tinh thần ở Châu Á. Khái niệm này tạo dễ dàng rất nhiều cho sự đối thoại với nhiều tôn giáo lớn khác, và làm suy yếu tất cả mưu đồ của *Ki-Tô giáo "Chính Thống" về việc độc quyền nắm giữ sự Thần Khải* " .

Một bản "codex" khác nữa cũng tìm thấy tại Nag Hammadi, *"Phúc Âm Theo Sự Thực"* . Bản phúc âm này được cho là của Valentinius hay là Valentin, một tín đồ Duy Trì chủ nghĩa Ki-Tô (Ngộ đạo) được đào luyện tại Alexendrie, tới rao giảng tại Rome nơi đây ông trở thành một vị giám mục vào năm 143. Valentin mô tả vũ trụ được tạo ra bởi Yahvé trong Cựu Ước, thế giới của chúng ta, là những sự Lo Âu, Lầm Lạc và Quên Lãng. Ông nhìn thấy trong đó "một thế giới của sự Bại Nhược", đầy dãy thú tính tự xâu xé nhau, những thiên tai hạn hán, con người vật chất và hung bạo, tự giết nhau, ám ảnh bởi xác thịt, khổ đau và đói khát, kinh hoàng khiếp sợ cái chết, tinh thần bị quật ngã vì giấc ngủ - một số những tín hữu Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa ngủ rất ít để lưu giữ tinh thần họ trong thiên chất. Một thế giới tạo ra bởi một Thượng đế mài miệt trong việc xua đuổi ra khỏi Thiên đàng và tước đi sự hiểu biết của loài người, dược sinh ra bởi một "Sai Lầm Nguyên Thủy", vụn vặt - rất gần với cách nhìn của học thuyết Đác-Uyn mới, theo lời nhà văn Pháp Jacques Lacarrière, tác giả "một quyển sách đáng quan tâm về những người theo Duy Trì chủ nghĩa Ki-Tô giáo .

CÁC TÍN HỮU DUY TRÌ CHỦ NGHĨA (NGỘ ĐẠO) NÓI VỀ " ĐẠO "

Những chuyên gia lớn trên thế giới về tư tưởng Ki-Tô thời kỳ đầu tiên như các ông Marvin Meyer, Bart D. Erham, Elaine Pagels và G.R.S Mead, vào thế kỷ thứ XIX đều cùng chỉ định làm cách nào mà những trường phái và những nhóm Ngộ đạo Ki-Tô giáo đã đạt được ảnh hưởng tại Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Antioche , Rome, và ngay cả tại Lyon (Pháp) - và những thành phố lớn. "Một số tín hưũ Duy Trì chủ nghĩa , Elaine Pagels giải thích, đã đặt vấn đề rằng sự đau đớn, lao động và cái chết là do từ "tội lỗi nguyên thủy" mà đến. Một số người khác chiếu theo nhận định nữ tính của sự thần thánh, định nghĩa Thượng đế như Cha và Mẹ.". Đối với giáo sư Bart D. Ertman, tác giả tập tiểu luận "L'Evangile de Judas ; le christianisme mis sens dessus dessous" (Flammarion) , những tín hữu Duy Trì chủ nghĩa đầu tiên đã cắt nghĩa lại Cựu Ước để dễ dàng chỉ trích hơn sự khe khắt của những tín hữu Ki-Tô Chính Giáo : *"Đối với họ, Quy Luật phát huy những giới luật khe khắt, lỗi lầm, sự phán xét, sự thù hận, hình phạt và cái chết(...) Phúc Âm phát huy tình yêu, lòng trắc ẩn, sự gia ơn, sự cưú rỗi và sự sống"*. Trong Duy Trì chủ nghĩa Ngộ đạo , chỉ có Tinh Thần của con người sẽ được cứu vớt để trở về vương quốc thiên đàng còn cơ thể sẽ bị hủy hoại và sự sống lại của một người chết là một " bất ngờ " của tất cả mọi khía cạnh vật chất, trái với những gì mà các vị tông đồ đã truyền dạy (cf. 1 Corinthiens 15). Chúa Jésus hiện ra chỉ như là một người đàn ông, vì vậy ông cần phải cởi bỏ hình hài bao bọc mình để trở về nước Trời, điều này hoàn toàn ngược lại với Tân Ước theo đó thì Jésus cùng lúc vừa là Thiên Chúa và vừa là con người. " Những tín hữu Duy Trì chủ nghĩa Ngộ đạo coi sự sống lại như môt tượng trưng hơn là sự thực, Jésus cười và nhảy múa, họ xem bà Marie-Madeleine như một nữ đệ tử cao cấp - trong tập thể những tín hữu Ngộ đạo (Duy Trì chủ nghĩa) những người đàn bà đóng một vai trò lớn . đề cập tới sự quan hệ mật thiết giữa Chúa Giêsu và Marie - Madeleine Họ cũng triển khai một triết lý trong đó linh hồn không bất tử tự căn bản của nó mà nó phải được hướng dẫn ngay từ bước đầu. Đối với họ, sự cứu rỗi diễn ra ngay tại thế gian này, "kinh nghiệm sống" được kể tới. Người này gọi là "Đạo = Đường", khuyên bảo là nên thực hiện lời nguyện giữ yên lặng trong 5 năm để tự thoát những điều kiện tinh thần lẫn vật chất trói buộc mình , như Basilide d'Alexandrie đã gọi Thượng đế là một " Cái gì không ". Những nhân vật khác như Valentin hoặc Carpocrate thì nghĩ rằng ngược lại phải đốt trọn tất cả đời sống hiện hữu, thiêu rụi tất cả những sự ham muốn của nó để chúng được giải thể , vượt thoát những áp lực đang ám ảnh chúng. Những ngươì này bênh vực những cặp trai gái tự do, những vui sướng về xác thịt, phá thai, những ăn chơi trác táng kiểu người La Mã, bị ảnh hưởng bởi Triết gia Epicurus và những phái ham chuộng khoái lạc Hy Lạp như Michel Onfray đã vạch ra trong nghiên cưú của ông về những "người Ki-Tô giáo theo chủ nghĩa khoái lạc". Đối với đa số những người Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa , duy nhất chí có *Cứu Rỗi được bằng Tình Yêu và Đức Tin* ngoài ra tất cả chỉ nằm trong cái gọi là đạo đức.

CẬN KỀ VỚI MỘT JÉSUS CỦA LỊCH SỬ

Theo Elaine Pagels, nữ giáo sư về Tôn giáo của Barnard College và viện đại học Princeton University (Hoa Kỳ) và là tác giả một nghiện cưú nổi tiếng về "Những Phúc Âm Duy Trì chủ nghĩa - Phúc Âm Ngộ Đạo" , những người đầu tiên theo Ki-Tô giáo đã phác thảo một sự tiến hoá có thể hướng tới một Cơ Đốc giáo bớt độc đóan hơn, niềm nở hơn và nhất là kém cứng ngắc hơn. Lịch sử gia về tôn giáo, ông Philip Jenkins đã viết về họ :" Đó là một phong trào sùng tín tự do vượt lên mọi sự độc đoán, họ tin theo Jésus với sự gạt bỏ những cơ chế và đẳng cấp thứ bậc của Người . Những tín hữu Ngộ đạo - Duy Trì chủ nghĩa - thực hành việc công bằng về quyền tiếp xúc, tham gia và mở rộng tầm kiến thức ... tới mức độ họ đã không ngần ngại phân phối những địa vị tăng lữ cho rất nhiều người trong những nghi lễ tôn giáo". Những người Duy Trì chủ nghĩa coi trọng sự phát minh và sáng tạo như một biểu tượng phân biệt của một người nào đó đã "Đạt", như lời Elaine Pagels nói, *"Thánh thiện ngay khi còn sống". Một cách ngầm , người ta hiểu được rằng Jésus của lịch sử cảm nhận được một sự rất thoải mái với Duy Trì chủ nghĩa Ki-Tô giáo hơn là với một Giáo hội nặng nề và chức tước quyền bính chức nhân danh Người. Ngày, tháng, năm rất cũ kỹ của những bản thảo đã bị lạc mất này đã cho phép Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa tự đặt mình như một hình thức đích thực Cơ Đốc giáo nguyên thủy, và biết đâu rằng, có thể chính đó lại không là con đường THỰC SỰ duy nhất*".

Khi được hỏi giáo sư Rodolphe Kasser, một người đã có rất nhiều năm trong cương vị là một vị

mục sư Tin Lành , nghĩ gì về sự thất bại của những tín hữu Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa ?

- Các giáo lý của Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa bao gồm vũ trụ học của họ, với "El" * , vị Thượng đế tối cao, tạo hoá của những thứ đó đã tạo ra một thế giới (xấu) không được hoàn hảo (mauvais), hằng hà "Eons" **, những kiếp hóa thân khác nhau của Thượng đế, va chạm với ánh sáng thánh thần, đã làm cho người ta vô cùng không tài nào có thể hiểu nổi . Những việc đó đã chỉ để dành cho các bậc thức giả , những người đã thức tỉnh (ngộ đạo). Bằng sự phát triển về một kiến thức bí mật nhưu thế họ đã tỏ ra qúa ưu tú, vả lại tôi không chắc chắn rằng họ có ý định thiết lập một giáo hội...

Phần ông Jorge Luis Borgnes, một văn sĩ lớn của nước Argentine, người đã nghiên cưú rất nhiều về những tín hữu Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa và đã viết tác phẩm "Trois versions de Judas" - 3 phiên bản của Judas , lại nghĩ những người Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa quan niệm rằng thế giới bị vất bỏ cho cái Xấu, thế giới đã bị tạo ta bởi một "con tạo" thiếu sự hiện diện của một Thượng đế Thực sự và loài người tự cứu rỗi lấy bởi chính Đức Tin, Tình Thương Yêu và Tri Thức, đối với chúng ta dường như bớt ngoại lai và hợp lý hơn nếu như những người Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa đã trở thành những "Kitô hữu Chính thống".

TU BỔ, SỬA ĐỔI ... KINH THÁNH ?

Vì lẽ gì mà chúng ta cần phải từ bỏ chuyện khăng khăng bảo vệ ý nghĩ về một kẻ phản bội nguyên mẫu ? Để trả lời câu hỏi này, theo nữ giáo sư đại học Iowa Hoa Kỳ, bà Susan Gubar thì Judas trong kinh thánh ban đầu, rất có thể đã có một ảnh hưởng chính trị quan trọng nhưng không được tốt , tuy nhiên ông ta lại nói lên rõ rệt sự thực về đời sống của chúng ta. Ông ta là chứng nhân, bà Susan Gubar nói, "bản chất tình trạng đau lòng của con người" , "khả năng thất bại và tội lỗi của chúng ta" , về tư cách của chúng ta, cuối cùng là sự tuyệt vọng và ghét bỏ chính bản thân mình - năng lực đã ngăn trở chúng ta không vấp ngã và phạm tội lỗi một lần nữa. Nhiều người trong chúng ta, rất nhiều lần, đã chối bỏ việc thương yêu tha nhân . Nếu sự kiện này được công nhận là hiện thân của một nhân vật trong Tân Ước thì tại sao lại phải từ chối việc sửa đổi Thánh Kinh ?

Một giải pháp khác là sửa đổi Thánh Kinh ! Nhiều chuyên gia nghĩ rằng đó là một ý kiến cần đặt ra. Bà Regina M. Schwartz, giám đốc Viện Tôn giáo, Đạo đức và Bạo lực Chicago và là giáo sư Anh ngữ và Tôn giáo tại Đại học Northwestern , trong cuốn "The Curse of Cain: The Violent Legacy of Monotheism" (1997) đã lập luận rằng sự phê chuẩn sự hung bạo bởi Cựu Ước - thành qủa, lời bà nói, của độc thần giáo (monothéisme), cùng với sự cố chấp của nó - đã làm bộc lộ ra sự phá hoại mà chúng ta cần phải xóa bỏ văn bản và "đưa ra một Kinh Thánh khác để thay thế [...] tán dương cho sự đa thần hơn là chỉ duy nhất một vị thần (độc thần)".

"Bản Thánh Kinh Mới Sửa Đổi Lại"-The Restored New Testament: A New Translation with Commentary, Including the Gnostic Gospels, Thomas, Mary, and Judas - xuất hiện vào tháng 10 năm 2009 do Norton xuất bản dưới trách nhiệm của giáo sư đại học Willis Barnstone không chỉ có 4 Phúc Âm "Chính Thức"- "Hợp Quy Tắc" - mà còn bao gồm thêm 3 Phúc Âm Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa : Phúc Âm Theo Thomas và Theo Marie-Madeleine từ tủ sách Nag Hammadi và Phúc Âm Theo Judas.

Nhưng nếu chúng ta cứ phải viết đi viết lại Kinh Thánh thì cho tới khi nào chúng ta mới có thể ngưng được ? . Rất có thể đây là một trong những lý do mà Giáo hội Chính Thức khước từ việc soạn thảo, sửa đổi lại Thánh Kinh Tân Ước .

PHẢN ỨNG CỦA GIÁO HỘI THIÊN CHÚA GIÁO VATICAN

Ngay sau khi Phúc Âm của Judas vừa được tờ National Geographic công bố, người ta chờ một phản ứng chính thức của Benoît XVI về bản Phúc Âm mới này, và người ta không bị thất vọng khi Đức Giáo Hoàng Benoît XVI lên án một cách mạnh mẽ về Judas (18.10.2006) hiển nhiên ám chỉ tới văn bản Phúc Âm của Judas được công bố bởi National Geographic tại Hoa Kỳ và sau đó tại Pháp.

Nói chung thì các nhà lãnh đạo Giáo hội Thiên Chuá đã nhắc nhở với các tín hữu rằng bản văn

là một "sự giả mạo" không làm nguy hại gì tới giáo lý của thiên chúa giáo. Vào dịp này, các nhà lãnh đạo giáo hội cũng lên án vai trò của một số cơ quan truyền thông đã tạo nên tình trạng lộn xộn trong những tranh luận thần học. Cha Raniero Cantalamessa , người thuyết giáo tại Nhà Giáo Hoàng, đã tung ra như "một qủa bom" :"Mọi người nói về sự phản bội của Judas mà không nhận ra rằng chúng tôi đang cố gắng để làm mới nó . Chuá Jésus bị bán thêm một lần nữa, không phải với những người cầm đầu của toà án Do Thái đổi lấy 30 đồng bạc, nhưng với những nhà xuất bản và các nhà sách để lấy hàng triệu đồng bạc..." Cha Cantelamessa cũng đề cập tới bản Phúc Âm của Thomas, một quyển sách bán chạy nhất ở Hoa Kỳ. Và cuốn Da Vinci code cũng được "chỉ điểm" với những lời kín kín hở hở. Theo lời Cha Cantelamessa thì "Những văn bản này xử dụng để làm sai lạc thông điệp của Giáo hội". Cha Cantelamessa kết luận : "Chúng ta đang ở trong một thời đại của truyền thông và các phương tiện truyền thông chú tâm nhiều đến sự mới lạ hơn là với sự thật."

Một phản ứng khác của giám mục chính thống giáo Ierissos ở Mont Athos và Ardameriou (Chalcidique, Nord) ngày 14.04.2006 trong một chương trình phát thanh của đài phát thanh chính thức của giáo hội chính thống giáo đã phát biểu : "văn bản này được các nhà thần học coi như là giả mạo, tôi nghĩ rằng đây là một âm mưu của bọn Do Thái để gây scandal ..." .

Giáo hội phản ứng như vậy cũng không phải là một sự ngạc nhiên tuy nhiên vào những thế kỷ trước thì kẻ thù của Giáo hội Vatican là những người Ki-Tô Duy Trì chủ nghĩa và ngày nay là những nhà báo hoặc là ... âm mưu của đám Do Thái giáo (!)...

Vào thời kỳ mà chúng ta đang sống này, thời kỳ mà con người luôn liên tục tìm kiếm những lý lẽ mới vì đã không còn tin tưởng vào phúc âm như đã nêu trong Tân Ước, vì thế người ta không ngạc nhiên khi nhiều cơ quan truyền thông đồng loạt đổ xô thông tin về việc tái xuất hiện Phúc Âm Theo Judas. Trong một tờ báo hàng ngày tại Anh có ấn bản lớn, tờ The Daily Mail, đăng vào ngày 2006/07/04 một bài có tựa đề là ***"Thánh Judas?*** . Bài báo đã viết : *"Qủa thực rất đặc biệt trong tập bản thảo này , đó là Judas đã được phục hồi danh vị và trở lại hàng ngũ những vị tông đồ thực sự của Jésus Christ.* Bài báo cũng giải thích thêm là lần đầu tiên về những hành động của kẻ phản bội và đặt lại câu hỏi về sự Phục sinh , nền tảng của đức tin Ki-Tô giáo.

Qua tựa đề của tờ Le Monde ngày 07.4.2006 : ***"Et si Judas n'avait pas trahi Jésus ?"*** - Và nếu như Judas đã không phản bội Jésus ? , kẻ thực hiện bài viết này cũng luẩn quẩn nghĩ :

Nếu như Judas không phản bội Jésus thì nhân loại có một Chúa Cứu Thế hay không nhỉ ?.

Câu hỏi luẩn quẩn này hình như, rất có thể, từ lâu có nhiều người cũng đã nghĩ tới !.

Tại La Sérénité-Troyes (Pháp) ngày 16 - 21 .03.2011.

Theo các tài liệu của Infologisme - Chemins-cathares.eu - Nouvel Observateur - Biblique - Frédéric Joignot - Patrice Rolin - Libération 7.4. 2006 - Coptica.ch/EvJudas-tra - Wikipedia : Évangile de Judas (http://fr.wikipedia.org/wiki/%C3%89vangile_de_Judas) - Rodolphe Kasser, Marvin Meyer, Gregor Wurst, The Gospel of Judas, National Geographic Society, avril 2006 - National Geographic số 80 tháng 5. 2006 - Phúc Âm của Juda do National Geographic Society xuất bản năm 5. 4. 2006 và chính bản sau khi đã phục hồi lại được triển lãm tại Washington Truyền hình trên National Geographic Channel 8.4.2006 , France 5 (Pháp)16.4.2006 - 3.2011 - ...- Le Monde 07.04.2006 - Joan Acocella « New Yorker » 3 . 8 . 2009 - .....

TỪ VŨ

219 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

SÔNG TIÊU TƯƠNG

NGUYỄN KHÔI

Đó là dòng sông cổ tích, dòng sông huyền thoại của :

Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thậm xấu, hát thì thậm hay
Cô Mỵ Nương ở Lầu Tây
Con quan Thừa Tướng ngày ngày cấm cung
Trương Chi chở đò ngoài sông
Cất lên tiếng hát động lòng Mỵ Nương...

Lầu Tây ở trên đồi Hồng Vân (Lim). Để tưởng nhớ mối tình "tiếng hát trái tim" này, hàng năm cứ đến ngày 13 tháng giêng trai gái trong vùng trẩy hội về đây hát giao duyên Quan họ. Với cảm hứng "ai về Kinh Bắc" - nhạc sỹ Văn Cao đã sáng tác bài "Trương Chi" réo rắt bổng trầm bất hủ.Thông Đạt thì cất cao tiếng hát *"ai có về bên bến sông Tương, nhắn người em gái tôi thương..."*.

Với năm tháng thời gian cứ kéo dài như không bao giờ hết...Đến nay còn xao xuyến bao lòng người con Kinh Bắc. Làng Cổ Pháp xưa nằm ngay bên bờ sông Tiêu Tương. Vua Lý từ Thăng Long về bằng thuyền rồng qua nẻo cửa sông Đuống(chỗ Gia Quất - Gia Lâm) rồi vào các con ngòi nhỏ qua vùng Cói, Yên Thường tới Cổ Pháp... Sông Đuống xưa còn nhỏ cỡ con ngòi (sau này được Nguyễn Công Trứ một lần và Nguyễn Tư Giản một lần- là Doanh Điền Sứ đã cho đào to, mở rộng như ngày nay) theo ý một vài vị cố lão thì địa lý cổ sông Đuống là Minh Đường của một tổ nhà Lý" bát diệp liên hoa" (tám cánh hoa sen) ở trong rừng Báng. Tương truyền xưa vua Lý Thánh Tông thường đi thuyền rồng từ quê theo sông Tiêu Tương lên chùa trên núi Phật Tích (Tiên Du) nghỉ mát và đọc kinh vào mùa hè. Những địa danh núi Tiêu, xã Vân Tương, những khúc sông ở Đình Bảng, Nuốn, Phù Lưu sang tới Yên Phong, Quế Dương đổ vào sông Cầu (Nguyệt Đức) là dấu vết của sông Tiêu Tương thơ mộng ngàn xưa. Ngày nay, với ý định khơi lại sông Tiêu Tương từ đầm Phù Lưu qua Đền Đô (Đình Bảng) ra tới Trịnh Xá đổ vào sông Ngũ Huyện Khê... nếu thành hiện thực là ta đã khơi dậy sự trở lại với cội nguồn: lối xưa Vua Lý đi về... để câu Quan họ xanh dòng Tiêu Tương. Từ hồi còn đi học, tôi rất thích chùm thơ"Tiêu Tương bát cảnh" truyền đời của Tiến sỹ Nguyễn Xung Ý người làng Kim Đôi (Quế Võ) một trong nhị thập bát tú "Hội tao đàn" của Vua Lê Thánh Tông (1442-1497) tuy là mượn thể thơ Tàu,

nhưng đó là thơ Quốc Âm, rất Việt Nam:

...Pha khói chim về cây điểm phấn
Quáng dòng cá hớp nước tuôn la
Có người đợi nguyệt trèo khoang gác
Nước Thương Lang một tiếng ca
(Bóng chiều rọi thôn chài)

lại nhớ câu Kiều:

Mành Tương phân phất gió đàn
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình

thì lại thấy: thời xưa ấy Nguyễn Du đã bao lần lội qua sông Tiêu Tương về thăm quê mẹ ở làng Hoa Thiều (Từ Sơn).

Với chàng Phạm Thái (thời Lê mạt) thì Tiêu Sơn cổ tự soi bóng xuống dòng Tiêu Tương đã cho thi sỹ cất cánh hồn thơ viết những cẩu thơ tình đầu tiên của Việt Nam:

Trăng soi vằng vặc vóc non mờ
Lan thoảng hương đưa
Cúc thoảng hương đưa
Trời in một sắc nước xanh lơ
Oanh nói u ơ
Yến nói u ơ
Cánh buồn chở nguyệt gió lay sơ
Lốm đốm sau thưa
Phấp phới sương thưa
Chinh nhân thổi địch (sáo) ơ hờ
Thiều nhạc không xa
Hoan hội không xa
... Thấp thoáng oanh thoi dệt liễu
Thung thăng phấn bướm dồi mai
...Mai ủ hình thơ
Trúc ủ hình thơ...

Với tôi, sông Tiêu Tương ở ngoài cổng sông Vớt (xóm Bà La- Đình Bảng) vớt xác Trương Chi hay vớt hồn ai là cả tuổi thơ đầy chất quê mơ mộng, diệu huyền. Đó là những chiều hè, tôi cùng lũ bạn nhỏ chăn trâu bơi lội trên sông. Đó là những đêm Trung thu ngồi trên thành cống cổng sông Vớt lắng nghe tiếng sáo diều vi vu lưng trời thả hồn người tới dặm cao xanh. Đó là những đêm chống hạn, tát nước cùng người bạn gái "múc ánh trăng vàng đổ đi..."

Nơi ấy có những con cò lặn lội, những cánh cò bồng bế nhau đi, những đàn chim ngói chở heo may về, những đám lục bình trôi nổi với những chùm hoa tím ngát. Sông là lòng quê, tình quê chở đầy ắp hồn làng... Để ai đó có xa nhau thì có lúc bất chợt nảy trong đầu cái câu:

Sông Tương một dải nông sờ
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia
Như một lời hẹn ước xa mờ...

Trong Cổ Pháp Ký Sự

NGUYỄN KHÔI

221 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

tiểu luận

TRƯỜNG PHÁI SIÊU THỰC

VÕ CÔNG LIÊM

'I is another/Je est un autre'
Rimbaud

Surrealism / Trường phái Siêu Thực: xuất hiện ở thế kỷ 20, mở đầu giai đọan văn học nghệ thuật, một bày tỏ dưới dạng tiềm thức qua hình ảnh không diễn đạt hoặc không dính dáng vào nhau mà tợ như mơ. Thông thường gọi Siêu-thực là đầy đủ ý nghĩa cho một tư duy văn chương, đặc biệt là thi ca và hội họa; nhưng ngày nay nó trở thành một tư tưởng vượt thoát ngoài tầm nhìn của văn học nghệ thuật. Có người gọi là chủ thuyết siêu thực, khuynh hướng siêu thực hay chủ nghĩa siêu thực; dù dưới danh từ nào được đặc ra, siêu thực vẫn được xem như có một vị trí cách riêng. Tựu chung vẫn là cứu cánh chính cho nguồn gốc văn chương của siêu thực / Literary Origins of Surrealism. Thực ra siêu thực rút ra từ ngọn nguồn giữa các thể loại thi ca ở giữa thế kỷ thứ 19 Pháp. Ngày nay siêu thực đi thẳng vào quần chúng không còn xa lạ hay nghi ngờ gì hơn nữa đối với lịch sử văn học, nó như sóng nước đẩy đưa thông điệp nầy đến mọi nơi 'la bouteille à la mer' có thể đây là một trường phái vượt qua mọi biên cương kể cả những nơi xa xôi và xâm nhập vào những ngôn ngữ khác nhau trên toàn cầu. Tuy nhiên ở đây là một tình huống khó khăn cho giòng tư tưởng thi ca; lấy đâu để đả thông nguồn tư tưởng nầy, ít ra giúp chúng ta giải thích cái 'nguồn sống' cho chất liệu đó –commentary on the original materials một cách thấu đáo và trong suốt? Siêu-thực hay Đa-đa là trường phái đáng chú ý, một tư liệu để học tập dành cho mọi trường lớp, được coi là phong trào hàng đầu vào thời đó và khai mở khắp nơi trên thế giới. Điều đáng chú ý là đưa ra một số văn nhân tiêu biểu chủ xướng trường phái siêu thực như: Baudelair, Rimbaud, Lautréamont và Mallarmé, đó là những nhà thơ đương đại. Bên cạnh đó có những lời nhận định rõ nét của André Breton về những thể loại thơ hiện đại, kể luôn cả thi khúc, trái với những gì mới bắt đầu đã làm lệch lạc đường thơ hiện sinh do từ chủ nghĩa tượng trưng mà ra. Trong số thi nhân thời ấy; Baudelaire xuất hiện như ngọn đuốc thắp sáng chủ thuyết thơ hiện đại trong một ý niệm đầy đủ màu sắc thiên nhiên và những gì bí ẩn của cuộc đời, một chất liệu chứa đựng tính siêu thực trong đó mà người ta tìm thấy qua thi họa.

Có điều gì liên can đến siêu thực; gần như đụng đến bề mặt xã hội và những gì thuộc về tâm lý học, do từ nguyên nhân dấy động sau thời kỳ hậu chiến, đồng thời là dấu hiệu kỳ thị giữa xã hội thượng lưu và giới hạ lưu. Điều nầy chứng tỏ một sự cớ dính tới giòng lịch sử thi ca, gây ảnh hưởng đến thời văn học bảy mươi lăm năm trước của Pháp. Siêu thực được coi như hình thức 'cách mạng văn hóa', như một chứng tâm thần bệnh lý (neuropathology), như hậu quả của một cảm giác bất ổn 'dérèglement des sens' gợi cho ta về một tâm thức của Rimbaud cách đây hơn thế kỷ. Những bậc tiền nhân của trường phái siêu thực xác nhận rằng nó không dính dáng gì ở lịch sử văn học cả nhưng siêu thực tự nó mà hình thành (André Breton trong 'Manifeste du surréalism' Và Tristan Tzara trong 'Essai sur la situation de la poésie') Quá trình đó như một mắt xích đối với những người cầm bút, họ tránh né phong trào siêu thực đã vượt quá giới hạn, bởi vì họ không nhận đó là thể loại thuộc văn học nghệ thuật, mà bản chất của siêu hình có một vóc

dáng ngang tàng, phiêu lưu xẩy ra trong cái thế giới kỳ diệu nầy 'merveilleux' và chẳng một ai biết tới cái trường phái lạ đời đó. Không chừng đây là thái độ phản đối ngầm chống lại con đường siêu thực đang ở thời kỳ bộc phát đầy khí thế?

Khám phá cái lý do nầy thêm một lần nữa; khởi từ chủ nghĩa lãng mạn đưa đến Baudelaire và từ Baudelaire đưa đến Lautréamont, Rimbaud và Mallarmé đụng tới cả Hư-vô chủ nghĩa. Ở đây là một cố gắng bày tỏ những gì có liên quan đến siêu thực với người cầm bút để có một góp sức, không đòi hỏi quá nhiều mà chỉ cần coi đây là một cuộc cách mạng toàn bộ, một trào lưu mới cho thi ca thêm phần linh động và huyền bí hơn bao giờ. Đó là những gì được thay đổi để tìm thấy một lối diễn tả trong sáng hòa nhập vào thi ca., không những chỉ ảnh hưởng đến thể thức nghệ thuật, ngoài ra tạo được một triết học mới thực tiễn để có những thể thức sắc bén quanh một chất liệu mới với khuynh hướng đáng kể cho bộ môn nghệ thuật ở kỷ nguyên nầy.

Có một cái gì huyền bí khủng khiếp như thúc đẩy ở đáy tâm hồn của những người theo phái siêu thực, đó là một kết cấu có chứng cớ và đó cũng là điều khao khát cho những ai chưa biết đến. Nhưng điều gì tạo ra sự khác biệt giữa vô hình của trường phái lãng mạn và hiện thực của trường phái siêu hình? - Có nhiều cảm xúc nhạy bén bởi hình thức đó có tính cách khoa học hiện đại được khám phá bằng một lý lẽ trong sáng và bên cạnh đó còn có những huyền bí khác trong thi ca ở giữa thời đại mới ngày nay. Hơn thế nữa sự huyền bí bất thường đã mang lại cho chúng ta những kỷ thuật tạo hình như làm nên cái lạ đời của trường phái lãng mạn của siêu thực.

Trong tiến trình văn học nghệ thuật được thay thế bằng một ngôn ngữ mới lạ, một thứ ngôn ngữ siêu thực nhất là ngôn ngữ thi ca; cả hai lãnh vực nầy như muốn đánh hạ sự tiến trình của các thể thơ có từ trước, để xây lên một hoạch định mới mẻ hơn: - đánh hạ để liên kết với nghệ nhân và thay đổi ý niệm của bản chất xưa cũ, trong khi đó xây lên một đỉnh cao của trí tuệ mới, kêu gọi tất cả trở về để hợp thông trong mọi trạng huống của 'ý thức', 'ẩn thức', 'vô thức' và bước lên tột đỉnh trong một cơ bản luân lý mới, buộc vào nhau và cùng chấp nhận những gì tương phản với thực thể tồn lưu. Ấy là cơ bản đưa tới sáng tạo, một hình ảnh rập khuôn dựa vào thiên nhiên trong lãnh vực văn chương và hội họa, tất cả rút từ nguồn gốc vượt thoát của trường phái lãng mạn, một hình thức chống lại chủ nghĩa tự nhiên (anti-naturalism) để làm nên một yếu tố vững chắc cho những biến động tinh thần xẩy ra vào năm 1870; những sự cớ như thế là đâm thẳng vào mắt của nghệ nhân, hướng tới một khám phá về cái gì mới lạ chưa ai biết tới 'inconnu-nouveau'. Cuối cùng rồi những gì chưa thỏa mãn với nửa dăm đường đi tới đều dính vào một kỹ thuật lỗi thời để nói lên một viễn cảnh mới, đánh đổ học thuyết hiện sinh cũng như siêu thực và những gì xây dựng ra chủ nghĩa Đa-đa (Dadaism) những dữ kiện đó là nền móng cho quan niệm chủ quan hoặc là hiện tượng có thể tiếp tục tồn lưu; trong khi đó mọi thứ khác lại buông thả. Biến động tinh thần xẩy ra là lúc khai sinh ra chủ thuyết Đa-đa; là một bày tỏ khuynh hướng chủ trương thi ca tư tưởng cổ điển, một thời kỳ tạm thời trong khoa văn chương , thành hình giữa lúc chưa xác định cụ thể cho một đường lối thi ca –thơ là giấc mơ của tri giác được coi là siêu lý và mỗi một khi biến chuyển tâm tư là tạo nên một hình ảnh, một ảo giác sống thực, chính lúc đó mới thực sự cảm thức với thi ca; một trường phái siêu thực kề cận với chủ nghĩa tượng trưng. Với đôi mắt, trí tuệ phi thường của Rimbaud. Để thấy Rimbaud như một thi nhân tượng trưng, pha lẫn một ít chủ nghĩa lãng mạn trong đó. Lý do nầy sắp xếp vào thể loại thích hợp với hoàn cảnh của siêu thực: Le mots symbolism avait pris dès lors(1886-1889) sa carrure et son sens. Ce n'était pas qu'il fut très prècis, mais il est bien difficile de trouver un mot qui caractérise bien des efforts différents, et symbolism valait à tout prendre romantisme (L'Esprit contre la Raison (T. Tzara 'Essai')

Trong cùng thời gian đó, tuyển tập thơ của Marcel Raymond cho ra đời ; khởi từ Baudelaire cho tới nhóm siêu thực Rimbaud, Mallarmé, Lautréamont, Jarry, Saint-Pol-Roux và Maeterlinck là những đỉnh cao trí tuệ trong thi đàn siêu thực Pháp thời đó và trội hơn hẳn nhóm biểu tượng, về sau một số nhà thơ biểu tượng chịu ảnh hưởng siêu thực vào trong thơ của họ. Một thay đổi lớn lao ! Vô số những lời dẫn chứng, biện minh cho siêu thực tạo được chiều hướng cũng như phát hiện những sự căm tức của nhà thơ về thực chất và lòng đam mê là những gì mà

Raymond muốn nói và mong thoát ra khỏi những bế tắc tồn tại. Trong 'Initiation à la litérature d'aujourd'hui (1928) Emile Bouvier gọi đây là nàng thơ nguyền rủa 'poètes maudits'. M. Raymond tìm thấy trong Rimbaud không còn là thi sĩ mộng mơ nhưng là một con người đầy sáng tạo của hiện thực mà ông gọi là nhất trên đời 'supraterrestre'. Siêu thực đến như một định mức rõ ràng, gần như sáng chế ra thêm hư cấu, cái đó sẽ là những gì cần thiết cho bước đầu khởi sự một diện mạo của siêu thực ngày nay. Bước đầu của sự xuất hiện siêu thực thì đây là việc thẩm định đường lối, khuynh hướng của một lý thuyết gây ảnh hưởng không ít cho thi nhân và giới văn chương, một cái thoáng nhìn đầu tiên đó là cái nhìn kết thúc toàn bộ bức tranh đã vẽ ra không một thời gian ngưng nghĩ và giới hạn của những năm 1870-1920. Tuy nhiên trước dấu hiệu thay đổi trong chủ nghĩa huyền bí của thi nhân Pháp là một sáng chói cho trào lưu siêu thực. Trái lại, điều chắc chắn nhận rõ là ảnh hưởng tính hiện hữu của Trường phái Lãng mạn Đức và những thi nhân Pháp ở cuối thế kỳ 19 đã tìm thấy trong đó có một hướng dẫn sai lầm qua những bày tỏ có dấu hiệu nghi vấn. Sự thật là như thế, mà một số trường phái đi trước có đôi phần làm lệch hướng thi ca. Siêu thực ra đời đúng thời điểm yêu cầu, một phong cách mới được đón nhận rông rãi. Ấy là siêu thực. Khởi từ bước đầu, siêu thực là nhập thể và biểu hiện một chức năng có nhiều đặc điểm và mở mang một khuynh hướng trong những năm sau đó ; nhưng điều đó dường như thích nghi với một phân tích của vai trò nổi bật qua những bản tuyên ngôn trước đây và rồi bày tỏ được sự phát triển không ngừng với những gì có tính siêu thực.

Siêu thực nhìn thấy như một sự thể đơn thuần của quan niệm lịch sử nhưng trong vóc dáng đó nó cầm giữ được một ít nhân tính 'petit réalité exploitable'bung phá ; cho nên chi sứ mạng nhà thơ là kẻ kế thừa cái hiếm qúy, kỳ lạ đó 'bric-à-brac / the curious-case-of' đã bùng lên trên tất cả bởi một thái độ hiện thực mà chắc chắn điều đó như nguyên cớ bình thường. Từ 'tự nhiên' cũng như cụm từ 'tự nhiên như người Hànội' là bày tỏ một cái gì đồng nghĩa với hiện thực ; giờ đây người ta xử dụng ngôn từ như tỏ rõ sự đơn thuần của nó với thế giới ngoại tại. Trong bài thuyết trình Louis Aragon viết :'Je m'avouai ne pas trouver l'ombre de raison à ce sens partitif du mot nature. Je ne l'employai plus que pour signifier d'un coup le monde extérieur'. Aragon cũng đặc vấn đề về 'hội họa và hiện thực' chứng minh thế nào sự đối nghịch của hình ảnh (photography), trong cái đối nghịch đó có thể giới thiệu cho chúng ta thấy cái gọi là tự nhiên/nature cũng đủ nhận ra được nhiều dấu hiệu đúng đắn hơn nghệ thuật ; đó là nguyên nhân đưa tới cho nghệ nhân không mấy hài lòng với cái a-dzua, bắt chước để rồi lái vào con đường cạnh tranh, ganh đua với thiên nhiên cái thiên nhiên đó là tự nhiên mà hai bên xử dụng hoàn toàn khác biệt, một bên tỏ bày hiện thực 'reality', một bên tỏ bày tính siêu thực 'surreality', một cái 'intuition' thuộc dạng trực giác về hình ảnh. Đó là kết quả của những lần đấu tranh hình ảnh nghệ thuật với thi ca. Trong một bài báo, cộng tác viên Maxime Alexandre đã trình bày siêu thực là phục vụ cho cách mạng/surréalisme au service de la révolution, nhấn mạnh rõ ràng một quan điểm chung :'L'esprit religieux, c'est-à-dire, cet ensemble de sentiments et d'idées qui tendent à maintenir l'homme prisonnier de lui-même et des autres homme…'(Athéisme et Révolution)

Thẩm định chủ thể của kỹ thuật thi tứ là một nổ lực trí tuệ, giải thể toàn bộ chính nó, (tức nguồn thơ) như chúng ta đã nhận ra từ tiến trình thuộc luân lý,một sự suy xét đúng đắn phù hợp với siêu thực,không thể chiếm cứ mà cũng chẳng phải bày tỏ để dự đoán bừa bãi.The subject of this poetico-scientific investigation is the effort of the mind to liberate itself, as we have seen, from the process of the logical thought which, accoding to the surrealist, cannot grasp nor express the divine disorder. Một lý do tiết lộ trí tuệ; giờ đây trí tuệ phải tìm một lối về để thoát ra cái lý do tự chính nó –reason has betrayed the mind; now the mind must find ways of freeing itself of reason. Một con đường gần như độc đáo của siêu hình, do đó 'trí tuệ' là một dự phần giữa chủ thể và khách thể, một nguồn cơn tự sự để giải phóng tư tưởng bế tắc tức vượt thoát, buông xả (freeing). Tuy nhiên hiện sinh phải là chủ động đường lối, một thẩm tra tối hậu dành cho chỗ chứa của trí tuệ. Tristan Tzara đã đưa ra trong bài tiểu luận : 'Le Surréalisme au Service de la Révolution' như một kết thúc và cho đó là sự trở về của chủ nghĩa lãng mạn và những gì xẩy ra chỉ là tìm thấy tạm thời qua thi ca ở thế kỷ 19; một cái say mê ảo tưởng kỳ quái, ma trơi, phù phép, tánh hư tật xấu (the cult of the phantom, magic,vice) gần như giải phóng tính dục để làm mới hơn. Mơ mộng, điên loạn, cuồng dâm, một tập quán quái lạ; tất cả nằm trong một tư tưởng của những người làm thơ siêu thực, một cái gì hỗn mang (disorder) Sự thật đó chỉ là một

cuộc hành trình đi vào phi-thực và đã được giảo nghiệm qua thi ca , qua những thi văn phẩm ở cuối thế kỷ 19. Đó là nguyên cớ và kết quả của siêu thực, một thứ bung phá rối bời thần thánh hóa (exploring the divinity disorder).

Năm 1928 phái siêu thực kỷ niệm chu niên 50 năm cái gọi là 'chứng rối loạn tâm thần'(Fiftieth Anniversary of Hysteria) sau đó; coi những tác phẩm siêu thực là 'Charcot' một từ ngữ gợi ra cho một giòng thi ca vĩ đại ở cuối thế kỷ 19. Dĩ nhiên 'Charcol' không hiện hữu nhưng là bày tỏ một chấn động nội tại gây nên một tâm thức rối loạn. Ở đây tỏ dấu hiệu thánh hóa, một vấn đề chủ thể của cái gọi là sùng bái quá đáng.

Có một sự kiện quan trọng cần lưu tâm hơn là hướng tới lịch sử của phong trào siêu thực. Bước chuyển động tích cực của siêu thực là khởi từ Pháp và hầu như nổi bật đối với những lý thuyết gia. Trong đó có André Breton (cựu sinh viên trường thuốc), việc đầu tiên ông tiếp cận và mổ xẻ cái bất cân bằng của trí tuệ, một bên thuốc và một bên thơ ông say mê việc bình phẩm đi từ kinh nghiệm kiến thức; trong phút giây nào đó hồn thơ trong ông như căn bệnh truyền nhiễm bộc phát, chính ông cũng không còn nghi ngờ điều nầy. Breton cảm thức một cách nhạy bén những gì không thích hợp trong thi ca và hình như xẩy ra theo mẫu thức thời tiền chiến (prewar) đi từ chủ nghĩa Tượng-trưng Pháp mà ra. Qua kinh nghiệm uyên thâm của Breton, ông tỏ ra không vừa ý những phương cách thi ca khác mà đồng tình chủ nghĩa Tượng trưng và đồng ý với danh nghĩa đó. Giới trẻ thời ấy tán thành quan điểm của Breton vì ông đã để lại những dấu hiệu sáng tỏ để xây dựng một xã hội mới sau thời chiến. Cứu cánh là đem lại tự do cho chính họ, mà họ đã chịu đựng một thời gian lâu dài qua những gì của thi ca. Sau khi chủ nghĩa Đa-đa sụp đổ họ vẫn tiếp tục hành động; cao trào hiện sinh như hợp thức hóa, mở đường cho một chủ nghĩa siêu thực minh bạch rõ ràng 'manifeste du surréalism' và được thừa nhận vào năm 1924.Đây là bước khởi thủy, không phải là tựa vào cái lòng ham muốn, ưa thích của tác giả để lôi cuốn độc giả, chủ yếu là giới thiệu những gì mới mẻ hơn và những gì đã xẩy ra trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa siêu thực. Phản ứng của siêu thực là gì? - chống lại những gì xưa cũ nửa vời, phát tiết một nguồn thơ như một cuộc cách mạng siêu thực 'a révolution surréaliste' một tư duy thi ca chuẩn mực và thừa hưởng từ thế kỷ 19 (Pháp) phong trào nầy được chú ý rộng rãi, một nổ lực để cống hiến đó là những gì mà siêu thực cảm thức một cách nhạy bén qua: Baudelaire, Lautréamont, Nerval và Rimbaud là những thi nhân đáng kể và được sắp xếp như thi ca thời thượng ở thế kỷ 19; về sau có Apollinaire và Vaché ở thế kỷ 20 -họ có một vóc dáng đơn sơ trong thi tứ nhưng lại là một địa vị thi ca quan trọng và cần thiết; có nghĩa rằng mô tả được lãnh vực và chức năng của siêu thực, chỉ định một phương hướng qua những bài thơ của siêu thực. Mục đích của những nhà thơ siêu thực là nói lên dữ kiện có thực, đồng thời như dự báo một chiều hướng hiện sinh mà trong quá trình cũng như hiện nay đã thực hiện.

Nhưng nhớ cho rằng; thơ siêu thực đã xuất hiện trước đây hoặc đã phát họa qua đường lối phân tích nét đặc thù của nó, thực ra thể thơ nầy bắt nguồn từ trạng thái và điều kiện tâm trí không ổn hoặc có thể phát sinh từ những cảm thức xa vời thực tế để biến dạng vào ảo hóa mà thành thơ. Cho nên thâm nhập vào luồng thơ siêu thực tuồng như nhập hồn vào 'cõi mê' của tình trạng vô giác (insanity) của kẻ điên, để rồi nghệ thuật thi ca không còn một đòi hỏi nào khác hơn dù cho thiết tha để được hưởng ứng mà diện mạo, phong cách của thơ siêu thực là một bày tỏ cởi mở với ngôn ngữ cách riêng, phản ảnh được cái ngông cuồng, phóng đảng, một tâm trí bại hoại hoặc cảm xúc bất ổn. Vị chi siêu thực hình thành từ chỗ điên loạn (insanity) với thi ca (poetry). Trong tuyển tập dưới tựa đề: 'Il y aura une fois' cho rằng sẽ có một ngày nào ký ức sẽ hướng đến tương lai -le souvenir du futur- dành cho một nền giáo dục được bồi bổ từ những ý thức mới trong văn học hiện đại. Breton gọi là :'si...cet homme se risquait à arracher sa proie de mystère au passé ?... S'il était, lui, vraiment résolu à n'ouvrir la bouche que pour dire : Ily aura une fois...' (Le Surréalisme au Service de la Révolution).

Sự thật là thế. Thi ca bung phá là thay mặt như một chứng từ của hiện sinh ; dẫn đường vào lý thuyết của thơ tứ, không bao che những gì thuộc về hỗn loạn tâm thần trong thơ hiện sinh, một sức chịu đựng lâu dài cho mối quan tâm về cái tính tò mò, tọc mạch của người điên(nhà thơ). Sự lý đó vẫn còn phát hiện và khám phá cho một ánh sáng tỏa chiếu ở những khi trầm ngâm

vào những bài thơ đầy cảm hứng của siêu hình, nó ẩn tàng một thứ mơ hồ ma quái, pha trộn một ảo giác thần thánh, cái đó là gốc ngọn và một thể thức truyền thông, một dung hòa cùng với hội họa mỗi khi thành tác phẩm. Thơ siêu hình có cái siêu lý riêng của nó, nếu chúng ta lãnh hội được nó một cách tự nhiên/nature. Nhớ rằng ; trong cái chất siêu hình thường nuôi dưỡng chất cuồng tính như căn bệnh tâm thần. Một điều đáng chú ý như đánh dấu ở đây sự nẩy mầm giữa vườn cây hoa trái xanh tươi, đó là nguồn cơn đưa tới những cảm thức sáng tạo trong thơ siêu thực. Từ đấy những nhà thơ siêu thực được chú ý qua những thi phẩm của họ, được phê nhận như một kiểu thức điên rồ là một thứ nghệ thuật thơ phóng túng có thể cho họ một lối nhìn cách riêng, chắc chắn sẽ đem lại một thành quả lâu dài và bền vững, sự kiện đó chỉ còn lưu lại một cách biệt lập của vai trò siêu thực và tồn tại ở Pháp mà thôi.Tuy nhiên siêu thực vẫn lan tỏa khắp nơi và mãi mãi là khám phá mới cho nguồn thơ bất luận là thời gian, không gian nào, ở đâu !.

Sắp xếp một cách chuẩn mực (criteria(Gr.) những vần thơ trong sáng, một ý niệm đúng đắn cho thi ca siêu thực và đánh giá thực sự ; vì chính nguồn thơ đó là một phát tiết hạn hữu và được phục vụ trọn vẹn, hoàn hảo và đầy đủ ý nghĩa. Đó là quan niệm của thi ca siêu thực phải trong sáng, trong khi chúng ta đã suy xét lý do cho nguồn cơn, tự sự và đặc siêu thực vào một vị trí cơ bản mà đã được nuôi dưỡng từ lâu, thi ca siêu thực nằm trong một lãnh vực sáng tạo nghệ thuật và chúng ta tìm thấy một cuộc giải phóng xuyên qua những chứng điên loạn nhưng thật ra không điên loạn mà đó là đường lối ngược dòngđời.Trong thơ siêu thực không phải ít hình ảnh siêu thoát 'enlightening', thơ sìêu thực đã phổ quát rộng rãi và đó là sự cớ để điều hành cho một thái độ đối xử của siêu thực với lòng tôn trọng cái điên nghệ thuật (insane-art). Thông thường người ta chán ghét cái lối thi họa như thế trong siêu thực, một lối bày tỏ tư duy xa vời, xa thực tế ngoài tầm nhìn để đạt tới mục đích, điều đó đã được người 'tỉnh táo' chối từ vì thể loại đó chỉ dành cho người 'không tỉnh táo' làm ra mà thôi.

Thơ siêu thực hay hội họa siêu thực không phải thứ nghệ thuật điên rồ. Không những thế ; nó còn kéo dài ra như những gì chúng ta muốn được nghe và được thấy, những gì là sự thật của tinh thần nghệ thuật. Thẩm định đó ở nơi ta. Có một cái gì sâu lắng nhưng chứng tỏ được một thứ siêu hình ma quái trong thơ siêu thực ; ấy là kết quả đạt được. Thi ca siêu thực tùy thuộc vào sự thật đúng đắn, ngay thẳng của những gì sản sinh ra từ điên rồ. Cứu cánh qua kinh nghiệm của những nhà thơ siêu thực là ở cái nhìn không bình thường, chính vì vậy mà phô diễn được cái bản chất, để hướng tới thi ca siêu thực và ấn định được phẩm cách siêu thực. Vì lẽ gì ? -bởi nó bắt đầu bằng một tập hợp : vào sự bấn loạn tâm thần (hysteria) vào một ảo giác hỗn độn (hallucination) như giới thiệu cho ta thấy được bằng chứng của sự điên rồ (proof of insanity) thay vì một thứ thơ giả vờ 'điên'. Tuy nhiên ở đây là một cố gắng để đả thông đôi chút với nhà thơ siêu thực cho một quan niệm, ý thức trong thi ca ; đặc biệt thi ca siêu thực. Đây là một diễn trình từ lòng đam mê, ham muốn gợi lại những gì mà nhà thơ đã bung phá đó là sức chứa tiềm tàng của con người, điều nầy như dẫn chứng một kinh nghiệm về thi ca siêu thực và thông đạt đến với với mọi người, một thể thơ chứa đựng đầy đủ ý tứ, một diễn đạt sâu lắng, dù xử dụng một ngôn từ ngông cuồng, phá thể nhưng trong sáng dị thường qua những thể thơ phẳng, trống (poetic-plane) vẫn nằm trong thơ một phong thái đặc thù và khác biệt ; kể cả thơ hôm nay qua nhiều thể khác nhau. Cũng nhờ sự thành hình của siêu thực là một chuyển hướng cho giòng thi ca đương đại. Có lẽ những bốc đồng cảm hứng, cuồng si đó đôi lần xẩy ra trong tâm hồn thi nhân và xuất thần để thành những áng thơ hay một cách bất ngờ ; thiết tưởng những khi bình thường sẽ không có những phát tiết 'chất điên' trong thơ. Cho nên chi thơ siêu thực phải nói đến cái điên 'bình thường' mới gọi là siêu-thực. Không cần phải nói chủ nghĩa mà vốn đã có chủ nghĩa trong ta.Từ đây không còn là 'người khách lạ' trong tứ thơ 'insanity' mà là một hiện hữu của thi ca siêu thực.

Qua nhận định và đánh giá trường phái siêu thực một vài nét sơ bộ đã cho chúng ta nắm được yếu tố đích thực của thi ca, một thứ thơ bao gồm những chất liệu làm nên thơ-siêu-thực, dưới dạng thức ngông cuồng và một tâm trí hỗn loạn. Ghi lại đây một vài bài thơ thơ tiêu biểu của thời kỳ phát động phong trào siêu thực ở thế kỷ 19 và 20.

Siêu-Thực, Điên Cuồng và Thi Ca / Surrealism, Insanity and Poetry.

Arthur Rimbaud: là một hiện tượng lạ và được coi như là biểu hiện nhập thể, một lối đi lệch hướng trong thi ca, một xác quyết vị trí riêng mình, thêm vào đó như nhắc đến kinh nghiệm đầy xúc cảm của tuổi ấu thời với nhiều giấc mơ khác lạ. Bởi tất cả là cứu cánh, là vai trò để đạt tới. Rimbaud nói trong thơ:'...l'Homme a fini, l'Homme a joué tous les roles'(Trong : Mùa Địa Ngục/Une Saison en Enfer).Vậy thì địa ngục trong Rimbaud là gì ? -Ông cho đó là một thứ luân lý làm băng hoại trí tuệ của não bộ 'la morale est la faiblesse de la cervelle',đó là lý do vượt ra khỏi ký ức sầu mộng của tuổi thơ :

Si je désire une eau d'Europe, c'est la flache
Noire et froide où vers le crépuscule embaumé
Un enfant accroupi, plein de tritesse, lâche
Un bateau frêle comme un papillon de mai.

(Œuvres)

Nếu ước gì ngụm một chén nước trời Âu, cho đã
Đêm đen băng giá nơi đâu chợp chờn hương ngát
Đứa bé ngồi chồm hỗm, buồn khóc, thẹn thùng
Con tàu vỡ toang như cánh bướm hè sang.

(Hoàn Tất)*

Thi ca thuộc nhóm siêu thực như Rimbaud, Lautréamont, Mallarmé, Saint-Pol-Roux, Maeterlinck và Apollinaire là những nhà thơ cân nhắc, đắn đo để hướng tới lời thơ có tính sáng tạo, xuyên qua một ý thức bung phá, nhìn vào hư vô để nhìn thấy cá tính riêng mình.

Một bất động nội tại là một đối nghịch của Saint-Pol-Roux, ông cho đó là chuyện nhỏ của những người khám phá về thực chất của ngoại quan. Đọc bài thơ xuôi 'prose-poem' của Saint-Pol-Roux cho ta một cảm nghĩ xa lạ :

'Ainsi, moyennant la transcription de la substance par le miroir du monde, telinfini à se définir en du fini, l'abstraction daignant se formuler par des linéaments, se préciser par un squelette, se presque idéoplasticiser : linéaments, squelette, argil dont l'hypothèse est dans mes senset la réalité dans ma foi'.(Le mystère du vant)

Thế thì, nghĩa gì cho việc biên chép của cái bản chất đó bởi tấm gương thế giới, một cõi vô cùng từ cái sáng tỏ để đi vào tận cùng, hạ cố trừu tượng tự bày tỏ bởi một chi tiết đặc biệt, tự nó chính xác cho một bộ xương sườn, tự nó gần như một thứ dẻo quẹo : chi tiết, nắm xương khô, đất sét mà ai đưa ra giả thuyết vào trong trí tuệ tôi, hiện thực trong niềm tin tôi.

Qua thể thơ xuôi của Saint-Pol-Roux chúng ta cũng có thể bắt gặp giọng điệu gần gũi của Maeterlinck và Apollinaire có cùng một tâm hồn của chiều hướng bung phá và siêu hình, có một ít tượng trưng và lãng mạn trong thơ (Symbolists and Romantic poetry) :

Les chiens jaunes de mes péchés,
Les hyènes louches de mes haines,
Et sur l'ennui pâle des plaines
Les lions de l'amour couchés !

Maurice Maeterlinck

(Serres chaudes)

227 - nguyệt san việt văn mới số 11 – ngày 15 tháng 5 năm 2014 .

Những con chó vàng tội lỗi tôi
Loài chó ăn thịt tanh hôi ghét bỏ tôi
Và nỗi buồn tái mặt xanh xao trống vắng
Sư tử hà đông nằm trong tay tình ái !

(Nanh Vuốt Nóng)

Hầu như là việc khó để làm sáng một thể thơ huyền bí : đó là cái mà người ta phải mường tượng, hình dung sự liên hệ giữa sống và chết. Apollinaire thành công ở thể nầy ; qua bài thơ 'La Maison des mort/Căn nhà chết' nhà thơ giới thiệu cái điều không thể bỏ qua tình trạng của cái chết sau đó :

Je vous attendrai
Dix ans vingt ans s'il le faut
Votre volonté sera la mienne

Je vous attendrai
Toute votre vie
Répondait la morte.

Guillaume Apollinaire

(Alcools)

Tôi cùng em đợi
Mười tuổi hai mươi tuổi nó đến thôi
Ước mong em sẽ là của hai ta

Tôi cùng em đợi
Tất cả đời em
Cái chết sẽ trả lời em.

(Rượu)

(ca.ab.trăng lu. 11/2012)

SÁCH ĐỌC:

-'Surrealism A New Mysticism in French Poetry' by Anna Balakian (1915-1965). New York University Press 1947 USA.

- Breton,André: 'Limites, non frontières du Surréalisme' par NRF 1937/1954. F.
- Bouvier, Emile : 'Initiation à la Littérature d'Aujourd'hui. par Livre 1929/1945.F.
**Thơ Pháp ngữ vcl phỏng dịch. * Muốn đọc thêm, xin tìm đọc bài của vcl: Baudelaire và Rimbaud đã gởi trước đây qua mạng báo và giấy hoặc emai: lvocong@hotmail.com*
TRANH VẼ:'Thi sĩ và Thiếu nữ / Poet and the Young-girl' Khổ:12'X16' trên giấy cứng. Acrylics+Mixed media. 2012 của Võ Công Liêm.

VÕ CÔNG LIÊM

MỤC LỤC

. đôi mắt trong veo - truyện ngắn – hồ thủy - trang 05.
. chia tay – truyện ngắn - lê văn thiện – trang 11.
. con mắt phú vân – thơ - nguyễn tam phù sa - trang 14.
. phút chót – truyện ngắn - mang viên long – trang 15.
. hình như sim tím – thơ - dung thị vân – trang 17.
. lỡ thì – truyện ngắn - đàm lan – trang 18.
. chọi kiến – truyện ngắn – qúy thể – trang 28.
. chiều bến đò đá bạc – thơ – nguyên thường – trang 33.
. ám ảnh – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 34.
. chờ – thơ – hoàng yên linh – trang 36.
. người đi như nắng qua đèo – truyện ngắn – văn thành lê – trang 37.
. cảm súc thơ bên sông hồng – thơ – bàng ái thơ – trang 39.
. dị hồn – truyện ngắn – hòa văn – trang 40.
. đổi nghề – truyện ngắn – võ công liêm – trang 43.
. hình ảnh mang theo – thơ – nguyễn mai – trang 44.
. hát giữa trần gian – truyện ngắn – phan trang hy – trang 45.
. đường đời – thơ – đinh hương – trang 47.
. dậm dài lau lách – truyện lịch sử – tiến thảo – trang 48.
. ly hương – thơ – trần thanh chương – trang 58.
. người đàn bà bay trên mây – truyện ngắn – nguyễn lệ uyên – trang 59.
. khúc chiêu thơ – như hoài – trang 67.
. cảnh thiền cổ thạch tự – bút ký – phan chính – trang 68.
. dư vị đắng cay – truyện ngắn – hoàng gia cương – trang 69.
. một thời để nhớ, một thời để quên – thơ – từ kế tường – trang 72.

. mối tình đầu – truyện ngắn – nguyễn văn thơ – trang 73.
. bức tranh – truyện ngắn – trần hữu hội – trang 76.
. hội tiễn mùa đông maslenisha ... - bút ký – lương văn hồng – trang 80.
. năng tháng ba – thơ – lê phương châu – trang 82.
. đòn gió – truyện ngắn – nguyễn thăng – trang 83;
. sầu riêng – thơ – bùi đức long – trang 85.
. nhật ký đàn bà – truyện ngắn – vũ thảo ngọc – trang 86.
. tạ tội cánh đồng – truyện ngắn – dương phương toại – trang 89.
. không đề – truyện ngắn – khải nguyên – trang 95.
. nhặt một chút đất rơi vương trên nền gạch – tản mạn – hoàng bích nga – trang 99.
. khi con tim cô đơn – truyện ngắn – hạ giao – trang 101.
. chuyện đêm mưa – truyện ngắn – phong linh – trang 103.
. chút trầm hương xưa – thơ – kiêm thêm – trang 107.
. ao làng trong vắt – truyện ngắn – vũ đảm – trang 109.
. đến với mai châu – but& ký – vũ kiêm ninh – trang 114.
. chiếc xuồng – truyện ngắn – lê thị thanh tuyền – trang 117.
. chạm vào xuân – thơ – phan thành minh – trang 118.
. ngôi nhà trong mơ – truyện ngắn – lê thu thùy – trang 119.
. nơi ấy có hai người – truyện ngắn – bùi thu thủy – trang 123.
. ngủ giữa trùng sơn – truyện ngắn – lê vũ trường giang – trang 125.
. lên chùa – thơ – lý viễn giao – trang 130.
. nạn nhân – truyện ngắn – lê xuân quang – trang 131.
. bán khoán – truyện ngắn – phùng thành chủng – trang 141.
. mẫu tử am – truyện ngắn – quân tấn – trang 145.
. buồn tay vẽ một bài thơ – thơ – trần vấn lệ – trang 150.
. t & p – truyện ngắn – nguyễn hiệp – trang 151.
. cuộc hội ngộ nguyễn du - kafka – tiểu luận – bùi ngọc minh – trang 157.
. thử tìm hiểu thế nào là một bài thơ hay – tiểu luận – bút xuân trần đình ngọc – trang 161.
. thiên diễm tình trên quê hương vua lý – tìm hiểu – mai thục – trang 171.
. võ sĩ đạo – tìm hiểu – kiêm thêm – trang 183.
. lý sư sư , nghìn trùng e lệ phụng quân vương – tiểu luận – huyền viêm – trang 190.
. thơ tản đàn – tiểu luận – kiều văn – trang 195.
. ai đã viết "phúc âm theo judas" ? - tìm hiểu – từ vũ – trang 210.
. sông tiêu tương – tìm hiểu – nguyễn khôi – trang 220.
. trường phái siêu thực – tiểu luận – võ công liêm – trang 222.
. mục lục – trang 230.

nguyệt san việt văn mới số 11

phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : tranh của cố hoạ sĩ Nghiêu Đề

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyện đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 11

15 tháng 5 năm 2014

tủ sách việt văn mới
2014